Ngày kí

***Tiết 1 - 2***

***Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nhận biết khái niệm về ngôn ngữ, lời nói cá nhân

2/ Thông hiểu:Hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể

3/Vận dụng thấp:Nhận diện được biểu hiện của ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân trong văn bản

4/Vận dụng cao:- Vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc trong lời nói cá nhân

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu liên quan đến tiếng Việt

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt trong lĩnh hội và tạo lập văn bản

**III .VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về ngôn ngữ tiếng Việt

3/Hình thành nhân cách: Có ý thức bảo vệ và phát huy những giá trị trong sáng của Tiếng Việt

-Biết phê phán những người làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS lý giải được hiện tượng sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay, thể hiện được quan điểm của cá nhân đối với hiện tượng "sáng tạo" ngôn ngữ ở lứa tuổi học sinh.

-Năng lực sáng tạo: HS bộc lộ được thái độ đúng đắn với việc sử dụng TV, sáng tạo ra vốn từ cá nhân nhằm làm giàu cho TV.

-Năng lực giao tiếp TV: HS hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể; hs cũng được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV văn hóa.

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Sử dụng đúng TV trong 2 lĩnh vực bút ngữ và khẩu ngữ, làm quen với các lời nói cá nhân được sáng tạo mới hiện nay.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Có 2 em bé:  Em bé A: Con muốn ăn cơm  Em bé B bị khiếm thanh nên có cử chỉ: đưa tay và cơm vào miệng.  GV: Như vậy em bé A đã dùng phương tiện gì để mẹ hiểu được ý em ? (ngôn ngữ)  GV: Vây ngôn ngữ là gì ?  GV: Có phải cá nhân nào cũng sử dung ngôn ngữ giống nhau không ?  GV: Không phải cá nhân nào cũng sử dung ngôn ngữ giống nhau. Người Việt ngôn ngữ của họ là tiếng Việt “ thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quí báu của dân tộc” nhưng với người Anh là tiếng Anh... Vậy ngôn ngữ là gì ? Ngôn ngữ là của chung hay của riêng mỗi cá nhân?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Cha ông ta khi dạy con cách nói năng, cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày thường sử dụng câu ca dao:  “Lời nói chẳng mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”  Để hiểu được điều này, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học : “Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân” | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu *Ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Tại sao ngôn ngữ là tài sản chung của XH ?  ( GV phát vấn HS trả lời)  Tính chung trong ngôn ngữ của cộng đồng được biểu hiện qua những phương diện nào ?  ( GV chia HS theo nhóm nhỏ trả lời câu hói trình bày trước lớp)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **- Những nét chung của ngôn ngữ xã hội trong lời nói cá nhân: âm, tiếng, từ, ngữ cố định, quy tắc và phương tiện ngữ pháp chung,…** | | **I*. Ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội.***  **+** Là phương tiện để giao tiếp.  **+** Ngôn ngữ có những yếu tố, quy tắc chung, thể hiện:  **1/ Các yếu tố chung của ngôn ngữ.**  + Các âm và các thanh.  + Các tiếng.  + Các từ.  + Các ngữ cố định ( Thành ngữ, quán ngữ).  **2/ Các quy tắc, phương thức chung.**  + Quy tắc cấu tạo các kiểu câu.  + Phương thức chuyển nghĩa của từ. |
| **\* Thao tác 2 :**  ***GV hướng dẫn HS nắm được những biểu hiện của lời nói cá nhân.***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **+** Theo em, thế nào là lời nói cá nhân?  + GV nêu VD và yêu cầu HS phân tích.  1/Tại sao dù không nhìn mặt nhưng mình vẫn nhận ra ca sĩ nào đang hát?  2/ Vốn từ ngữ của mỗi cá nhân giống nhau không? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời**  - Lời nói cá nhân là sản phẩm vừa được tạo ra nhờ các yếu tố và quy tắc, phương thức chung, vừa có sắc thái riêng và phần đóng góp của cá nhân.  **- Những nét riêng, sự sáng tạo của cá nhân khi dùng ngôn ngữ chung: giọng nói, vốn từ, sự chuyển đổi nghĩa cho từ, việc tạo ra từ mới,…** | | **II/ Lời nói- sản phẩm riêng của cá nhân.**  **1/ Khái niệm:**  **2/ Biểu hiện.**  + Giọng nói cá nhân.  + Vốn từ ngữ cá nhân.  + Sự chuyển đổi, sáng tạo khi sử dụng từ ngữ chung quen thuộc.  + Việc sáng tạo từ mới.  + Việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc, phương thức chung.  => Biểu hiện cụ thể nhất của lời nói cá nhân là phong cách ngôn ngữ của nhà văn. |
| **\* Thao tác 3 :**  ***GV hướng dẫn HS luyện tập bằng hình thức hoạt động nhóm***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhóm 1: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 3+4: Bài tập 3**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Từng nhóm lần lượt trả lời  Bài tập 1. :Từ *thôi* đã được dùng  với nghĩa: sự mất mát, sự đau đớn. *Thôi* là hư từ được nhà thơ dùng như động từ nhằm diễn đạt nỗi đau của mình khi nghe tin bạn mất, đồng thời cũng là cách nói giảm, nói tránh để làm vơi đi nỗi đau mất mát người ở lại.  Bài tập 2. Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương được sắp xếp theo lối đối lập: *xiên ngang – đâm toạc; mặt đất – chân mây; rêu từng đám – đá mấy hòn*, kết hợp với hình thức đảo ngữ. Thiên nhiên trong hai câu thơ như cũng mang theo nỗi niềm phẫn uất của con người. Nhà thơ sử dụng biện pháp đảo ngữ để làm nội tâm trạng phẫn uất của thiên nhiên mà cũng là sự phẫn uất của nhà thơ. Các động từ mạnh như *xiên, đâm* kết hợp với các bổ ngữ như *ngang, toạc* thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh của thi sĩ.  Bài tập 3.  - Sức gợi, sự liên tưởng của từ ngữ đã khẳng định được sức sáng tạo của Bác, đặc biệt là từ lồng.  - Cấu trúc so sánh mới lạ ở hai câu đầu (theo cấu trúc so sánh thông thường thì câu thơ đầu là Tiếng hát như như tiếng suối).  - Điệp ngữ cuối câu 3 và đầu câu 4 (chưa ngủ) như chờ một kết thuc bất ngờ, độc đáo: vì lo nỗi nước nhà. Bài thơ Cảnh khuya của Bác là sản phẩm mang đậm dấu ấn phong cách sáng tạo, thể hiện được vẻ đẹp rất cổ điển nhưng cũng rất hiện đại của một thi sĩ – chiến sĩ.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | | **III/ Luyện tập**  1. Bài tập 1  Từ “ Thôi” in đậm được dùng với nghĩa: sự mất mát, sự đau đớn. “ Thôi” là hư từ được nhà thơ dùng trong câu thơ nhằm diễn đạt nỗi đau của mình khi nghe tin bạn mất, đồng thời cũng là cách nói giảm để nhẹ đi nỗi mất mát quá lớn không gì bù đắp nổi.  2. Bài tập 2  - Tác giả sắp xếp từ ngữ theo lối đối lập kết hợp với hình thức đảo ngữ -> làm nổi bật sự phẫn uất của thiên nhiên mà cũng là sự phẫn uất của con người -> Tạo nên ấn tượng mạnh mẽ làm nên cả tính sáng tạo của HXH  Bài tập 3. Có thể khẳng định ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội, lời nói là sản phẩm của từng cá nhân. Có thể nhận thấy mối quan hệ này qua bài thơ Cảnh khuya của Hồ Chí Minh.:  - Sức gợi, sự liên tưởng của từ ngữ đã khẳng định được sức sáng tạo của Bác, đặc biệt là từ lồng.  +Từ lồng gợi nhớ đến Chinh phụ ngâm: Hoa dái nguyệt, nguyệt in một tấm / Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông /  Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng / Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xót đau. Từ lồng cũng gợi nhớ đến Truyện Kiều: Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.  - Cấu trúc so sánh mới lạ ở hai câu đầu (theo cấu trúc so sánh thông thường thì câu thơ đầu là Tiếng hát như như tiếng suối).  - Điệp ngữ cuối câu 3 và đầu câu 4 (chưa ngủ) như chờ một kết thúc bất ngờ, độc đáo: vì lo nỗi nước nhà. |
| **\* Thao tác 4 :**  **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV giúp Hs nắm được mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân.  GV đưa ví dụ:  “ *Khôn mà hiểm độc là khôn dại,*  *Dại vốn hiền lành ấy dại khôn*”  ( Nguyễn Bỉnh Khiêm).  *Hói:* Từ “ Khôn, dại” là từ quen thuộc, phổ biến nhưng lại được tác giả sử dụng có sáng tạo như thế nào?  VD/ SGK 35.  ***-*** Từ VD trên, chốt ý: Quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời**  *-* Từ “ khôn, dại” xuất phát từ triết lí dân gian “ ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác” → ý thức chủ động, biết trước tình thế xã hội để chọn cách ứng xử đúng đắn.   * Ngôn ngữ chung là cơ sở sản sinh ra lời nói   Lời nói cá nhân là kết quả hiện thực hóa của ngôn ngữ.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | | **III/ Quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân**  ***1/ Tìm ví dụ:***  ( Tìm thêm ví dụ).  ***2/ Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói cá nhân***: **đó là quan hệ giữa phương tiện và sản phẩm, giữa cái chung và cái riêng. Ngôn ngữ là cơ sở để tạo ra lời nói, ngôn ngữ cung cấp vật liệu và các quy tắc để tạo ra lời nói. Còn lời nói hiện thực hóa ngôn ngữ, tạo sự biến đổi và phát triển cho ngôn ngữ.** |
| **VI/ Luyện tập**  1. Bài tập 1  2. Bài tập 2  3.Bài tập 3. | **\* Thao tác 5 :**  ***GV hướng dẫn HS luyện tập bằng hình thức hoạt động nhóm***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhóm 3: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 1: Bài tập 3**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Từng nhóm lần lượt trả lời  **Bài tập 1/ 35.**  *Nách:*  + Nghĩa gốc:Mặt dưới chỗ nách tay nối với ngực.  + Nghĩa mới: Chỉ góc tường, vị trí giao nhau giữa hai bức tường tạo nên một góc( Nghĩa chuyển theo phép ẩn dụ).  **Bài tập 2/ 36.**  \* Từ “ *Xuân*”( Hồ Xuân Hương): vừa chỉ mùa xuân, vừa chỉ sức sống nhu cầu tình cảm của tuổi trẻ.  \* Từ “ *Xuân*” ( Nguyễn Du): vẻ đẹp người con gái trẻ tuổi.  \* Từ “ *Xuân*” ( Nguyễn Khuyến):  + Chất men say nồng cảu rượu ngon.  + Nghĩa bóng: Chỉ sức sống dạt dào của cuộc sống, tình cảm thắm thiết của bạn bè.  \* Từ “ Xuân” ( Hồ Chí Minh):  + Nghĩa gốc: chỉ mùa đầu tiên trong năm.  + Nghĩa chuyển: Chỉ sức sống mới, tươi đẹp.  **Bài 3/36.**  \* “ *Mặt trời*” ( Huy Cận):  + Nghĩa gốc: một thiên thể trong vũ trụ.  + Dùng theo phép nhân hoá: chỉ hoạt động như ngư*ời* ( xuống biển).  *\* “ Mặt trời*” ( Tố Hữu): chỉ lí tưởng Cách mạng.  \* “ *Mặt trời*” ( Ng. Khoa Điềm):  + MT 1: Chỉ một thiên thể trong vũ trụ.  +MT 2: Chỉ đứa con của người mẹ, con là niềm tin, niềm hạnh phúc, mang lại ánh sáng cho cuộc đời người mẹ.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ** 1. Người ta học tiếng mẹ đẻ chủ yếu qua:  A- Các phương tiện truyền thông đại chúng  B- Sách vở ở nhà trường  C -Các bài ca dao, dân ca, những câu thành ngữ, tục ngữ,...  D- Giao tiếp hàng ngày trong gia đình và xã hội.  2. Nhà văn Nguyễn Tuân là người thích đi đây đi đó và đã có nhiều tùy bút kể về những chuyến đi của mình. Trong một tùy bút, tác giả dùng kết hợp *ga bay* thay cho *sân bay*. Điều đó chứng tỏ:  A-Tác giả cho rằng kết hợp sân bay là kết hợp không chuẩn.  B- Tác giả muốn mọi người dùng ga bay thay cho sân bay  C- Tác giả là một nhà văn lớn, một bậc thầy của ngôn ngữ tiếng Việt  D- Tác giả đã có một sáng tạo ngôn ngữ cá nhân dựa trên ngôn ngữ chung.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | **Chọn phương án đúng.** |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ Tại sao các từ sau đây được gọi là từ mới:**  a. Từ *mọn mằn*  b. Từ *giỏi giắng*  c. Từ *nội soi*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | a. Từ *mọn mằn* là từ mới được tạo ra nhờ phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt:  - Dựa vào các từ có phụ âm đầu là m (chẳng hạn: muộn màng).  - Dựa vào thanh điệu (thanh huyền).  - Từ mọn mằn dùng để chỉ một vật nào đó nhỏ bé, ra đời muộn.  b. Từ *giỏi giắng* cũng là từ mới được tạo ra nhờ phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt.  - Dựa vào các từ chỉ sự đảm đang, tháo vát của một người nào đó: giỏi giang, nhanh nhẹn.  - Dựa vào những từ chỉ hình dáng: nhỏ nhắn.  c. Từ *nội soi* là thuật ngữ dùng trong y học mới được tạo ra trong thời gian gần đây nhờ vào phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt:  - Từ nội dùng để chỉ những gì thuộc về bên trong: nội tâm, nội thất…  - Từ soi dùng để chỉ hoạt động dùng ánh sáng chiếu vào.  - Nội soi chính là dùng phương pháp đưa một ống nhỏ vào bên trong cơ thể, qua đó có thể quan sát và phát hiện ra bệnh lí của con người. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:** Sáng tác một bài thơ lục bát với chủ đề về Mẹ. Chỉ ra ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân trong bài thơ đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Bài thơ đúng chủ đề: Mẹ, thể lục bát** * **Chỉ ra ngôn ngữ chung và ngôn ngữ cá nhân.** |

……………………………………..

Ngày kí

***Tiết 3***

**VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH**

( Trích Kí Thượng kinh kí sự - Lê Hữu Trác)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

2/ Thông hiểu:HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về kí trung đại

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về kí trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kí trung đại

3/Hình thành nhân cách: có đạo đức trong sáng.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo: HS trình bày suy nghĩ và cảm xúc của bản thân trước vẻ đẹp nhân cách Lê Hữu Trác.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  \* GV:  + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  + Chuẩn bị bảng lắp ghép  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả  +Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới**  *Lê Hữu Trác không chỉ là một thầy thuốc nổi tiếng mà còn được xem là một trong những tác giả văn học có những đóng góp lớn cho sự ra đời và phát triển của thể loại kí sự. Ông đã ghi chép một cách trung thực và sắc sảo hiện thực của cuộc sống trong phủ chúa Trịnh qua “Thượng kinh kí sự” (Kí sự lên kinh). Để hiểu rõ tài năng, nhân cách của Lê Hữu Trác cũng như hiện thực xã hội Việt Nam thế kỉ XVIII, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh (Trích Thượng kinh kí sự)* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi: Nội dung chính của Tiểu dẫn gồm những ý gì? Tóm tắt từng ý.  Định hướng (GV nhấn mạnh một vài nét nổi bật):  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc nhanh Tiểu dẫn, SGK, tr. 3. * HS lần lượt trả lời từng câu.   **Bước 3: HS trình bày sản phẩm thảo luận**  **1. Tác giả:**  Tác giả ( 1724 – 1791). Hiệu là Hải Thượng Lãn Ông ( Ông già lười ở đất Thượng Hồng )  - Quê quán: Làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, thị trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên)  - Về gia đình: Có truyền thống học hành thi cử, đỗ đạt làm quan  - Phần lớn cuộc đời hoạt động y học và trước tác của ông gắn với quê ngoại ( Hương Sơn – Hà Tĩnh)  **2. Tác phẩm:** Đoạn “Vào phủ chúa Trịnh” nói về việc Lê Hữu Trác lên tới Kinh đô được dẫn vào phủ chúa đề bắt mạch, kê đơn cho Trịnh Cán.  **Bước 4: GV nhận xét, bổ xung, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả**  Lê Hữu Trác (1724 – 1791) hiệu là Hải Thượng Lãn Ông; là một danh y, nhà văn, nhà thơ lớn nửa cuối thế kỉ XVIII. Ông là tác giả của bộ sách y học nổi tiếng *Hải thượng y tông tâm lĩnh.*  **2. Tác phẩm ( SGK)**  Đoạn trích được rút ra từ *Thượng kinh kí sự -* tập kí sự bằng chữ Hán hoàn thành năm 1783, xếp ở cuối bộ *Hải thượng y tông tâm lĩnh*- ghi lại việc tác giả được triệu vào phủ cúa để khám bệnh kê đơn cho thế tử. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  GV hướng dẫn cách đọc: giọng chậm rãi, từ tốn, chú ý đọc một số câu thoại, lời của quan chánh đường, lời thế tử, lời người thầy thuốc trong phủ, lời tác giả,...  GV đọc trước một đoạn.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**  **Nhóm 1:** Quang cảnh và cuộc sống đầy uy quyền của chúa Trịnh được tác giả miêu tả như thế nào?  **Nhóm 2:** *Thái độ của tác giả bộc lộ như thế nào trước quang cảnh ở phủ chúa? em có nhận xét gì về thái độ ấy?*  **Nhóm 3:** Nhân vật Thế tử Cán hiện ra như thế nào?  **Nhóm 4:** *Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang được thể hiện như thế nào khi khám bệnh cho Thế tử?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS trình bày sản phẩm**  các nhóm lần lượt trình bày  \* **Nhóm 1** - Sự cao sang, quyền quý cùng cuộc sống hưởng thụ cực điểm của nhà chúa:  + Quang cảnh tráng lệ, tôn nghiêm, lộng lẫy (đường vào phủ, khuôn viên vườn hoa, bên trong phủ và nội cung của thế tử,…).  + Cung cách sinh hoạt, nghi lễ, khuôn phép (cách đưa đón thầy thuốc, cách xưng hô, kẻ hầu, người hạ, cảnh khám bệnh,…)  \* **Nhóm 2** : - Tỏ ra dửng dưng, sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa “ Khác gì ngư phủ đào nguyên thủa nào”  - không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do  \* **Nhóm 3**  - Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ “ Đi trong tối om...”  - Nơi thế tử ngự: không khí trở lân lạnh lẽo, thiếu sinh khí  - Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán:  + Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng  + Biết khen người giữa phép tắc “Ông này lạy khéo”  + Đứng dậy cởi áo thì “Tinh khí khô hết, mặt khô, rốn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại -> một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí  \* **Nhóm 4**  - Thái độ, tâm trạng và những suy nghĩ của nhân vật “tôi”  + Dửng dưng trước những quyến rũ vật chất, không đồng tình trước cuộc sống quá no đủ, tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do;  + Lúc đầu, có ý định chữa bệnh cầm chừng để tránh bị công danh trói buộc. Nhưng sau đó, ông thẳng thắn đưa ra cách chữa bệnh, kiên trì giải thích, dù khác ý với các quan thái y;  **Bước 4: GV nhận xét, bổ xung, chốt kiến thức**  GV Vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác?  HS trả lời cá nhân: **một thầy thuốc giỏi, bản lĩnh, giàu kinh nghiệm, y đức cao; xem thường danh lợi, quyền quý, yêu tự do và nếp sống thanh đạm.**  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**  GV nêu câu hỏi:  -Giá trị nổi bật của đoạn trích là gì? Giá trị ấy thể hiện ở những khía canh nào?  - Nhận xét nghệ thuật viết kí của tác giả?  GV nêu câu hỏi:  Qua đoạn trích, bày tỏ suy nghĩ về vẻ đạp tâm hồn của tác giả?  Nêu ý nghĩa văn bản?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  **Bước 3: Trình bày sản phẩm**  HS trả lời cá nhân: Giá trị hiện thực của đoạn trích:  -Vẽ lại được bức tranh chân thực và sinh động về quang cảnh và cảnh sống trong phủ chúa Trịnh: xa hoa, quyền quý, hưởng lạc...  -Con người và phẩm chất của tác giả: tài năng y lí, đức độ khiêm nhường, trung thực cứng cỏi, lẽ sống trong sạch, thanh cao, giản dị, không màng công danh phú quý.  **Bước 4: GV chốt ý** | **II. Đọc–hiểu:**  1. Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh và thái độ của tác giả  \* Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh  + Vào phủ chúa phải qua nhiều lần cửa và “ Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp”. “ Đâu đâu cũng là cây cối um tùm chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương”  + trong khuôn viên phủ chúa “ Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi.  (phân tích bài thơ mà tác giả ngâm)  + Nội cung được miêu tả gồm những chiếu gấm, màn là, sập vàng, ghế rồng, đèn sáng lấp lánh, hương hoa ngào ngạt, cung nhân xúm xít, mặt phần áo đỏ...  + ăn uống thì “ Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn của ngon vật lạ”  + Về nghi thức: Nhiều thủ tục... Nghiêm đến nỗi tác giả phải “ Nín thở đứng chờ ở xa)  => Phủ chúa Trịnh lộng lẫy sang trọng uy nghiêm được tác giả miêu tả bặng tài quan sát tỷ mỷ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động giữa con người với cảnh vật. Ngôn ngữ giản dị mộc mạc...  \* Thái độ của tác giả  - Tỏ ra dửng dưng trước những quyến rũ của vật chất. Ông sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa “ Khác gì ngư phủ đào nguyên thủa nào”  - Mặc dù khen cái đẹp cái sang nơi phủ chúa xong tác giả tỏ ra không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do  2. Thế tử Cán và thái độ, con người Lê Hữu Trác  \* Nhân vật Thế tử Cán:  - Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ “ Đi trong tối om...”  - Nơi thế tử ngự: Vây quanh bao nhiêu là vật dụng gấm vóc lụa là vàng ngọc. Người thì đông nhưng đều im lặng  - Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán:  + Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng  + Biết khen người giữa phép tắc “Ông này lạy khéo”  + Đứng dậy cởi áo thì “Tinh khí khô hết, mặt khô, rốn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại -> một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí  => Tác giả vừa tả vừa nhận xét khách quan Thế tử Cán được tái hiện lại thật đáng sợ. Tác giả ghi trong đơn thuốc “ 6 mạch tế sác và vô lực...trong thì trống”. Phải chăng cuộc sống vật chất quá đầy đủ, quá giàu sang phú quý nhưng tất cả nội lực bên trong là tinh thần ý chí, nghị lực, phẩm chất thì trống rỗng?  \* Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang khi khám bệnh cho Thế tử  - Một mặt tác giả chỉ ra căn bệnh cụ thể, nguyên nhân của nó, một mặt ngầm phê phán “Vì Thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi”  + Ông rất hiểu căn bệnh của Trịnh Cán, đưa ra cách chữa thuyết phục nhưng lại sợ chữa có hiệu quả ngay, chúa sẽ tin dùng, công danh trói buộc. Đề tránh được việc ấy chỉ có thể chữa cầm chừng, dùng thuốc vô thưởng vô phạt. Song, làm thế lại trái với y đức. Cuối cùng phẩm chất, lương tâm trung thực của người thày thuốc đã thắng. Khi đã quyết tác giả thẳng thắn đưa ra lý lẽ để giải thích -> Tác giả là một thày thuốc giỏi có kiến thức sâu rộng, có y đức  **3. Vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác:** một thầy thuốc giỏi, bản lĩnh, giàu kinh nghiệm, y đức cao; xem thường danh lợi, quyền quý, yêu tự do và nếp sống thanh đạm.  **4. Nghệ thuật:**  Bút pháp ký sự đặc sắc của tác giả  - Quan sát tỉ mỉ. ghi chép trung thực, miêu tả cụ thể, sống động, chọn lựa được những chi tiết “đắt”, gây ấn tượng mạnh.  - Lối kể hấp dẫn, chân thực, hài hước.  - Kết hợp văn xuôi và thơ làm tăng chất trữ tình cho tác phẩm, góp phần thể hiện một cách kín đáo thái độ của người viết.  **III. Ý nghĩa văn bản:**  **Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* phản ánh quyền lực to lớn của Trịnh Sâm, cuộc sống xa hoa, hưởng lạc trong phủ chúa đồng thời bày tỏ thái độ coi thường danh lợi, quyền quý của tác giả.** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** 1. Sắp xếp sự việc diễn ra sau đây đúng theo trình tự:  1.Thánh chỉ 2.Qua mấy lần trướng gấm 3. Vườn cây ,hành lang 4. Bắt mạch kê dơn 5.Vào cung 6. Nhiều lần cửa 7. Hậu mã quân túc trực 8. gác tía, phòng trà 9. Cửa lớn, đại đường, quyền bổng 10.Hậu mã quân túc trực 11. về nơi trọ 12. Hậu cung .  Trả lời: ………………………..  2. Qua đoạn trích anh (chị) thấy Lê Hữu Trác là người như thế nào?  - Là người thầy thuốc ……  - Là nhà văn………………  - Là một ông quan….  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **Căn cứ vào văn bản để thực hiện.** |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *“Bệnh thế này không bổ thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hòa hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ: Cha ông mình đời đợi chịu ơn chịu nước, ta phải dốc hết lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được”.*  *( Trích* Vào phủ chúa Trịnh, Tr8, SGK Ngữ văn 11 NC,Tập I, NXBGD 2007)  1/ Văn bản trên có nội dung gì?  2/ Xác định hình thức loại câu trong câu văn*“Bệnh thế này không bổ thì không được”.* Câu này có nội dung khẳng định, đúng hay sai ?  3/ Trình bày những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS cử đại diện nhóm trình bày các nhóm còn lại láng nghe và nhận xét  **Bước 4: GV chốt ý** | 1/ Văn bản trên có nội dung: thể hiện suy nghĩ, những băn khoăn của người thầy thuốc. Băn khoăn ấy thể hiện thái độ của ông đối với danh lợi và lương tâm nghề nghiệp, y đức của người thầy thuốc. Không đồng tình ủng hộ sự xa hoa nơi phủ chúa, không màng danh lợi nhưng ông không thể làm trái lương tâm.  2/ Câu văn*“Bệnh thế này không bổ thì không được”* thuộc loại câu phủ định nhưng lại có nội dung khẳng định.  3/ Những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn :  - Có sự mâu thuẫn, giằng co:  + Hiểu căn bệnh, biết cách chữa trị nhưng sợ chữa có hiệu quả ngay sẽ được chúa tin dùng, bị công danh trói buộc.  + Muốn chữa cầm chừng nhưng lại sợ trái với lương tâm, y đức, sợ phụ lòng cha ông.  - Cuối cùng phẩm chất, lương tâm của người thầy thuốc đã thắng. Ông gạt sang một bên sở thích cá nhân để làm tròn trách nhiệm.  - Là một thầy thuốc có lương tâm và đức độ;  **-** Khinh thường lợi danh, quyền quý, yêu thích tự do và nếp sống thanh đạm, giản dị nơi quê nhà |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Khái quát phẩm chất hình tượng Lê Hữu Trác trong đoạn trích. Ông có phải là Ông Lười như bút hiệu tự đặt? Vì sao? Viết đoạn văn 5 đến 7 dòng để trả lời câu hỏi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt ý** | **(** Lê Hữu Trác: nhà thơ ; danh y lỗi lạc, từ tâm; bậc túc nho thâm trầm,  Ông Lười - Lãn Ông chỉ là một cách đặt bút hiệu theo kiểu hài hước, dân dã. Nhưng cũng rất đúng khi nói ông lười trong thái độ thờ ơ với công danh phú quý, trong lối sống tự do thanh cao nơi rừng núi quê nhà.) |

Ngày kí:

**Tiết 4 - 5**

**Bài viết số 1**

**A/ XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG**

- Biết cách xác định nội dung chính, câu chủ đề, thao tác lập luận trong văn bản. Biết làm bài văn nghị luận xã hội với bố cục sáng rõ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương.

**B/ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
|  |  |  | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |  |
| **I. Đọc hiểu** | Chỉ ra câu chủ đề trong văn bản. | Xác định được nội dung cơ bản, thao tác lập luận trong văn bản. |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  1  10 % | 2  2  20 % |  |  | 3  3,0  30% |
| **II. Làm văn** |  |  |  | Vận dụng kiến thức đọc hiểu và kỹ năng tạo lập văn bản, kỹ năng kết hợp các thao tác nghị luận để tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  |  | 1  7,0  70% | 7  7,0  70% |
| Tổng số câu Tổng số điểm  Tỉ lệ | 1  1  10 % | 2  2  20 % |  | 1  7,0  70% | 4  10,0  100% |

**C/ ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU *(3,0 điểm)***

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*(1)Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), quê cha ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế, nhưng sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).*

*Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều trắc gian truân: bị mù, công danh dang dở, sống trong những ngày tăm tối của quê hương đất nước...*

*(2) Nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông là bài học lớn về nghị lực sống, sống để cống hiến cho đời. Bị mù đôi mắt, nhưng Nguyễn Đình Chiểu không chịu đầu hàng số phận, vẫn sống và làm nhiều việc có ích: dạy học, làm thuốc, sáng tác thơ văn. Là một thầy giáo, ông đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ, được nhiều thế hệ học trò kính yêu. Là thầy thuốc, ông xem trọng y đức, lấy việc cứu người làm trọng. Là nhà thơ, Cụ Đồ Chiểu quan tâm đến việc dùng văn chương để hướng con người đến cái thiện, đến một lối sống cao đẹp, đúng đạo lí làm người. Khi quê hương bị thực dân Pháp xâm lược, Đồ Chiểu dùng thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.*

*(3)Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm. Ngay từ những ngày đầu giặc Pháp xâm lược Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao lập trường kháng chiến, cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc chống giặc và sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của các nghĩa sĩ. Khi triều đình nhà Nguyễn nhu nhược, bất lực đến phải dâng cả Nam Kì lục tỉnh cho giặc Pháp, Đồ Chiểu đã nêu cao khí tiết, giữ gìn lối sống trong sạch, cao cả, từ chối mọi cám dỗ của thực dân, không chịu hợp tác với kẻ thù.*

( Theo Đỗ Kim Hảo)

**Câu 1 *(1,0 điểm):*** Văn bản trên có mấy ý chính? Đó là những ý nào?

**Câu 2 *(1,0 điểm****)****:***Tìm câu chủ đề trong đoạn văn (2),(3).

**Câu 3 *(1,0 điểm****)****:***Xác định thao tác lập luận trong đoạn văn (2),(3).

**PHẦN II: LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

Nhân xem chương trình trên VTV1 với chủ đề: “Cảm ơn cuộc đời” bàn về người tử tế, hầu hết các ý kiến cho rằng: *người tử tế là những người tốt và là những người có lối sống đẹp, có thể coi là những con người hoàn hảo trong mọi thời đại và nhất là trong cuộc sống hôm nay*. Nhưng có ý kiến cho rằng: *đó chỉ là sự giả tạo, hình thức và nghi ngờ lòng tốt của người tử tế.*

Viết bài văn ngắn (khoảng 600 từ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về *người tử tế* qua các ý kiến trên.

**...............................Hết..............................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU *(3,0 điểm)***

**Câu 1 (1,0 điểm):**

Văn bản trên có 2 ý chính: khái quát về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu và những bài học sâu sắc rút ra từ cuộc đời đó.

**Câu 2 (1,0 điểm)**

*:* HS chỉ ra được Câu chủ đề trong đoạn văn (2),(3) :

- Đoạn (2) : *Nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông là bài học lớn về nghị lực sống, sống để cống hiến cho đời.*

-Đoạn (3) *Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.*

**Câu 3 (1,0 điểm)**

HS nêu Thao tác lập luận trong đoạn văn (2),(3) : chứng minh

**PHẦN II: LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | LÀM VĂN |  |
| 1 | Viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về 2 ý kiến bàn về người tử tế | **7,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận | 0,5 |
| Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0,5 |
| Hai ý kiến bàn về người tử tế trong cuộc sống hiện nay. |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra biện pháp khắc phục hiện tượng. | 5,0 |
| c.1. Giải thích hai ý kiến:  - Ý kiến thứ nhất: Nêu ra chuẩn mực của một con người tử tế trong cuộc sống, đó là những con người có lối sống đẹp, chân thành với mọi người, biết giúp đỡ người khác bằng khả năng của mình, khiến cuộc đời, quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn. Những người ấy chính là những con người hoàn hảo trong mọi thời đại và trong cuộc sống hôm nay.  - Ý kiến thứ hai: Phủ nhận lòng tốt của những người tử tế, cho rằng lòng tốt chỉ là sự giả tạo, hình thức, không xuất phát từ lòng chân thành của con người. Họ nghi ngờ lòng tốt không phải lúc nào cũng tốt đẹp, cao cả trong cuộc đời.  Hai ý kiến trên bộc lộ quan niệm sống trái ngược nhau về cách nhìn đối với con người tử tế trong cuộc sống hôm nay.  c.2. Bàn luận:  -Ý kiến thứ nhất:  + Xuất phát từ cái nhìn lạc quan đầy niềm tin vào con người.  + Lòng tốt là một tiêu chuẩn để đánh giá nhân phẩm của con người, và người tử tế thực sự là chuẩn mực mỗi con người đều hướng tới trên con đường tự hoàn thiện mình.  + Cuộc sống sẽ thật có ý nghĩa nếu như con người đối xử tử tế với nhau bằng lòng tốt chân thành: người nhận lòng tốt “cảm ơn cuộc đời” đã mang lại những người tử tế giúp đỡ cuộc sống của mình. Và người dùng lòng tốt giúp đỡ cũng “cảm ơn cuộc đời” vì khi cho, họ sẽ nhận lại niềm tin yêu của người khác.  -.Ý kiến thứ hai:  + Xuất phát từ suy nghĩ bi quan, mất niềm tin vào cuộc sống và con người, nghi ngờ lòng tốt chỉ đến từ mục đích cá nhân.  + Trong cuộc sống vẫn có những con người sống với lòng tốt giả tạo, giúp đỡ người khác vì muốn trang trí bộ mặt, phục vụ lợi ích gì đó cho cá nhân. Điều đó đáng lên án…  c.3. Phê phán những con người có lòng tốt giả tạọ, không nhằm mục đích mang lại hạnh phúc cho người khác và những con người thiếu lòng tin nghi ngờ, hoài nghi lòng tốt của con người, dẫn đến sống trong bi quan, cô độc.  Lòng tốt phải đến từ sự chân thành, tấm lòng yêu thương con người và đem đến niềm hạnh phúc, sự yêu thương cho người khảc. Người có lòng tốt thực sự là người tử tế. | *1,0*  *1,5*  *1,5* |
| -Bài học cho bản thân:  + Cần có cái nhìn toàn diện, phân biệt đúng tốt xấu, không quá bi quan nhưng cũng không nên ảo tưởng rằng cuộc sống chỉ toàn màu hồng.  + Biết đề phòng cảnh giác với nguy cơ tha hóa trong chính con người mình, luôn luôn tự đấu tranh để cho sự tốt đẹp chiến thắng cái xấu xa, giả tạo. | *1,0* |
| d. Sáng tạo | 0,5 |
| Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. |  |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu | 0,5 |
| Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |

Ngày soạn:

Ngày kí:

***Tiết 6*** *- Làm văn*

***Thao tác lập luận phân tích***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, phân tích, so sánh

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận: phân tích, so sánh;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp các thao tác lập luận: phân tích, so sánh

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận phân tích

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác phân tích

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

-Biết nhận thức được ý nghĩa của của các thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác địnhvà làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV cho HS tìm hiểu ngữ liệu sau:  *Trơ/cái hồng nhan/ với nước non /*  *Trong phép đảo ngữ, nữ sĩ đã đặt từ “trơ” lên đầu câu thơ gây một ấn tượng mạnh mẽ. Từ “trơ” đứng riêng ra, ăn hẳn một nhịp vừa nói được thế lẻ loi, trơ trọi lại vừa nói đến sự vô duyên (trơ ra). Từ “trơ” còn hàm chứa nhiều ngữ nghĩa hơn thế : “trơ” có nghĩa là tủi hổ : “Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ” (Nguyễn Du, Truyện Kiều) ; “trơ” cùng hàm ý mỉa mai cay đắng, xót xa khi đi với tổ hợp từ “cái hồng nhan”, thì ra “hồng nhan” đi với “bạc phận”, “hồng nhan” bị bỏ rơi, chẳng ai đoái hoài đến, đang “trơ” ra với “nước non” (không gian), với thời gian vô thuỷ vô chung !*  *( Trích Kĩ năng đọc-hiểu Ngữ văn 11, Đỗ Kim Phong)*  Chỉ ra câu văn phân tích từ “*trơ*”trong câu thơ của Hồ Xuân Hương*?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Trong bài văn nghị luận, thao tác lập luận phân tích giữ vai trò quan trọng, quyết định phần lớn đến sự hình thành công của bài văn. Thao tác lập luận phân tích nhằm mục đích gì, cách thức tiến hành như thế nào, bài học hôm nay sẽ làm rõ những vấn đề ấy.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ngữ liệu.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Yêu cầu học sinhđọc đoạn trích trong SGK và trả lời các câu hỏi.  **+ GV:** Xác định nội dung ý kiến đánh giá của tác giả đối với nhân vật Sở Khanh?  **+ GV:** Để thuyết phục người đọc, tác giả đã phân tích ý kiến của mình như thế nào?  **+ GV:** Chỉ ra sự kết hợp chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn trích?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh rút ra Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Từ việc tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là phân tích trong văn nghị luận? Mục đích, yêu cầu của thao tác này là gì?  **+ GV:** Kể thêm một số đối tượng phân tích trong các bài văn nghị luận (xã hội và văn học)?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Luận điểm (ý kiến, quan niệm): Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện của sự đồi bại trong xã hội truyện Kiều  - Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm  + Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính  + Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại, bất chính đó: Giả làm người tử tế để đánh lừa một cô gái ngây thơ, hiếu thảo; trở mặt một cách trơ tráo; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.  ***HS trả lời cá nhân:***  - Mục đích của phân tích: làm rõ đặc điểm về nội dung, hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng ( sự vật, hiện tượng ).  - Khi phântích cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (qhệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, qhệ giữa các đối tượng với các đối tượng liên quan, qhệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...); đồng thời đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất  **-**Phân tích cụ thể bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp và khái quát  - Khi phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích**  1. Ví dụ: (SGK)  - Luận điểm (ý kiến, quan niệm): - Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm:  - Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp  ⇒ Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố để xem xét một cách kỹ càng nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng  Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp.  2. Mục đích của phân tích **là làm rõ đặc điểm về nội dung và hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của sự vật, hiện tượng, từ đó thấy được giá trị của chúng.**  3. **Yêu cầu của phân tích:**  - Yêu cầu: Phân tích nên gắn với tổng hợp để khái quát lại luận điểm đã nêu. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS tìm hiểu cách lập luận phân tích trong các đoạn trích ở mục II, SGK tr26, từ đó xác định cách phân tích ở từng đoạn văn:  \* Ví dụ 1; 2 (SGK)  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng: Đồng tiền vừa có tác dụng tốt, vừa có tác dụng xấu  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Phân tích sức mạnh tác quái của đồng tiền → thái độ phê phán và khinh bỉ của Nguyễn Du khi nói đến đồng tiền  - Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân: Tác hại của đồng tiền ( Kết quả) vì một loạt hành động gian ác, bất chính đều do đồng tiền chi phối (nguyên nhân )  - Trong quá trình lập luận phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp  Ví dụ 2:  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng: Các ảnh hưởng xấu của việc bùng nổ dân số đến con người: Thiếu lương thực, thực phẩm; suy dinh dưỡng, suy thoái nòi giống; thiếu việc làm, thất nghiệp  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Bùng nổ dân số (nguyên nhân) ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống con người (Kết quả)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh rút ra cách phân tích.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Cách phân tích**  \* Ví dụ 1; 2 (SGK)  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng:  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả:  - Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân:  - Trong quá trình lập luận phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp  Ví dụ 2:  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng:  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả:  ⇒ Cách phân tích: Chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định |
| **\* Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh cách luyện tập**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **GV:** Chia lớp thành 2 nhóm làm 2 ngữ liệu với 2 yêu cầu:  + Phân tích cách phân chia đối tượng trong đoạn trích nêu trên?  + Chỉ ra mối quan hệ giữa phân tích và tổng hợp được thể hiện trong mỗi đoạn trích?  **- GV:** Lưu ý: việc phân tích thường dựa trên các mối quan hệ:  + Các yếu tố, các phương diện nội bộ tạo nên đối tượng và quan hệ giữa chúng với nhau  + Quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan (quan hệ nhân – quả, quan hệ kết quả - nguyên nhân)  + Thái độ, sự đánh giá của người phân tích đối với các đối tượng được phân tích  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Các quan hệ làm cơ sở để phân tích**:**  I. Quan hệ nội bộ của đối tượng (diễn biến, các cung bậc tâm trạng của Thúy Kiều): đau xót, quẩn quanh và hoàn toàn bế tắc  II. Quan hệ giữa đối tượng này với các đối tượng khác có liên quan: Bài thơ *Lời kĩ nữ* của Xuân Diệu với bài *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  **Phân tích vẻ đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật trong *Tự tình II***  - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúa. Chú ý phân tích các từ ngữ: *văng vẳng, trơ, cái hồng nhan, xiên ngang, đâm toạc, tí con con*  - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trái nghĩa*: say – tỉnh, khuyết – tròn, đi – lại*  - Nghệ thuật sử dụng phép lặp từ ngữ (xuân), phép tăng tiến (*san sẻ - tí – con con)* Chú ý: Thoạt nhìn sự thay đổi *san sẻ - tí – con con* là sự giảm dần (*tiệm thoái)* nhưng ở đây xét về mức độ cô đơn, sự thiệt thòi về tình cảm của tác giả thì lại là tăng tiến  - Phép đảo trật tự cú pháp trong câu 5 và 6.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **III. LUYỆN TẬP:**  **1. Bài tập 1**    **2. Bài tập 2** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Câu hỏi 1: Mục đích cuối cùng của phân tích là gì?  a. Để thấy được giá trị, ý nghĩa của các sự vật, hiện tượng. b. Để suy ra một nhận thức (hay kết luận) mới. c. Để thể hiện rõ chủ kiến của người viết. d. Để tìm hiểu nguồn gốc của sự vật, hiện tượng.    Câu hỏi 2: Đọc đoạn văn sau được viết theo cách phân tích nào?  *Đạo đức gồm cả luân lí mà luân lí chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, nghĩa , lí , trí, tín, cần, kiệm. Nhân là có lòng thương người; Nghĩa là làm việc phải; Lễ là ăn ở cho có lễ độ; Trí để làm việc cho đúng; Tín là nói với ai cũng giữ lời cho người ta tin mình mới làm được việc; Cần là làm việc phải siêng năng; Kiệm là ăn ở dành dụm trong lúc no để phòng lúc đói, lúc có đề phòng lúc không…Người đạo đức là người đã ở trong đạo làm người vậy. Đạo đức dã như thế thì không có mới, có cũ, có đông, có tây nào nữa nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức, ấy mới là người trọn vẹn. Dầu nhà bác học đề ra học thuyết nào khác nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lí của đạo đức, nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được.*  *(Phan Châu Trinh, Bài diễn thuyết về đạo đức luân lí ĐôngTây, Giảng văn 9, Nhà sách Khai Trí)*   a. Liên hệ, đối chiếu. b. Chỉ ra nguyên nhân – kết quả. c. Phân loại đối tượng.   d. Cắt nghĩa, bình giá.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Trả lời: 1a,2d |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Phân tích tác dụng của biện pháp đảo ngữ và các động từ được sử dụng trong hai câu thơ sau của nhà thơ Hồ Xuân Hương-bài Tự tình II:     Xiên ngang mặt đất rêu từng đám  Đâm toạc chân mây đá mấy hòn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **Gợi ý:**  Tác dụng của biện pháp đảo ngữ và các động từ được sử dụng :  – Miêu tả hình ảnh thiên nhiên như muốn vùng lên, phá ngang, phẫn uất với đất trời ;  – Đó là hình ảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương . |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Sưu tầm trên báo, mạnh inter net những đoạn văn có sử dụng thao tác phân tích về những vấn đề liên quan đến đời sống xã hội  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **- Biết chọn lực những bài viết mang tính thời sự.** |

*Ngày kí*

***Tiết 7*** *Đọc văn*

***Tự Tình ( Bài II)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua các văn bản thơ trung đại.

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản thơ trung đại.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1 Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Yêu nước (yêu thiên nhiên, …)

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại

-Năng lực trình bày suy  nghĩ, cảm nhận  của cá nhân về ý  nghĩa văn bản

-Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của các nhà thơ được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: học sinh nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm; hiểu được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu tác phẩm; hình thành và nâng cao những xúc cảm thẩm mỹ...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  - Chuẩn bị bảng lắp ghép  - Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới:**  *Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nổi tiếng của VHTĐ Việt Nam. Bà được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm. Thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, là niềm khao khát sống mãnh liệt. Đặc biệt những bài thơ Nôm của bà là cảm thức về thời gian tinh tế, tạo nền cho tâm trạng. “Tự tình” (Bài II) là một trong những bài thơ tiêu biểu cho điều đó, đồng thời thể hiện được những đặc sắc về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần tiểu dẫn  - GV gọi một HS đọc phần tiểu dẫn SGK sau đó tóm tắt ý chính.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Tác giả Hồ Xuân Hương**  - Chưa xác định được năm sinh năm mất.  - Sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.  - Quê quán: Làng Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.  - Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho nghèo, cha làm nghề dạy học.  - Là người đa tài đa tình phóng túng, giao thiệp với nhiều văn nhân tài tử, đi rất nhiều nơi và thân thiết với nhiều danh sĩ. Cuộc đời, tình duyên của Hồ Xuân Hương nhiều éo le ngang trái,  -> Hồ Xuân Hương là một thên tài kì nữ, là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam. Được mệnh danh là “ bà chúa thơ Nôm”.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tiểu dẫn**  **1. Tác giả:**  **- Hồ Xuân Hương là một *thiên tài kĩ nữ* nhưng cuộc đời lại gặp nhiều bất hạnh.**  **- Thơ Hồ Xuân Hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.**  **2. Sáng tác**:  -Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.  -Tác phẩm nhan đề tự tình là tự bộc lộ tâm tình .  **3.Thể thơ:** Thất ngôn bát cú Đường luật |
| **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  ***Thao tác 1:*** Đọc văn bản:  - GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó, cho hs nêu bố cục.  - HS: đọc văn bản, nhận xét bạn đọc văn bản như thế nào  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1:**  - GV: Đặt câu hỏi em hãy cho biết trong 2 câu đầu tác giả đưa ra thời gian không gian để nhấn mạnh tâm trạng gì của tác giả?  *Gv liên hệ thực hành yếu tố môi trường có tác động đến tâm lý của nhân vật*  **Nhóm 2:** Phân tích từ ngữ, hình ảnh thể hiện tâm trạng người phụ nữ qua 2 câu thực?  **Nhóm 3: Hai câu luận tả trực tiếp 2 hình ảnh thiên nhên độc đáo như thế nào? Phân tích từ ngữ, hình ảnh thể hiện thái độ của nhà thơ trước cuộc sống?**  **Nhóm 4:** Nhà thơ thể hiện tâm trạng gì? Mạch logic diễn biến tâm trạng như thế nào? Các điệp từ có tác dụng gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  Câu 1 - Thời gian: Đêm khuya (quá nửa đêm) -> Yên tĩnh, con người đối diện với chính mình, sống thật với mình  - Không gian: Yên tĩnh vắng lặng (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)  - Âm thanh; Tiếng trống cầm canh -> nhắc nhở con người về bước đi của thời gian  + “Văng vẳng” -> từ láy miêu tả âm thanh từ xa vọng lại (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)  + “ Trống canh dồn” -> tiếng trống dồn dập, liên hồi, vội vã  - Chủ thể trữ tình là người phụ nữ một mình trơ trọi, đơn độc trước không gian rộng lớn:  Câu 2: nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.  + “Trơ”: Trơ trọi, lẻ loi, cô đơn. Trơ lỳ: Tủi hổ bẽ bàng, thách thức bền gan  + Kết hợp từ “ Cái + hồng nhan”: vẻ đẹp của người phụ nữ bị rẻ rúng...  + Nghệ thuật đảo ngữ -> nhấn mạnh vào sự trơ trọi nhưng đầy bản lĩnh của Xuân Hương => xót xa, chua chát  + Hình ảnh tương phản:  Cái hồng nhan > < nước non  -> Nỗi cô đơn khủng khiếp của con người  \* **Nhóm 2**  **- Hai câu thực:**  Câu 3 gợi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa- Mượn rượu để giải sầu: Say rồi lại tỉnh -> vòng luẩn quẩn không lối thoát  Câu 4: Nỗi chán chường, đau đớn e chề - Ngắm vầng trăng: Thì trăng xế bóng – Khuyết – chưa tròn -> sự muộn màng dở dang của cuộc đời nhà thơ: Tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc chưa trọn vẹn  - Nghệ thuật đối -> tô đậm thêm nỗi sầu đơn lẻ của người muộn màng lỡ dở  => Niềm mong mỏi thoát khỏi hoàn cảnh thực tại nhưng không tìm được lối thoát. Đó cũng chính là thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  \* **Nhóm 3**  **- Hai câu luận:**  Cảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phẫn uất và bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của HXH.  - Tác giả dùng cách diễn đạt: + Nghệ thuật đối  + Nghệ thuật đảo ngữ -> Mạnh mẽ dữ dội, quyết liệt  + Động từ mạnh “xiên” “đâm” kết hợp các bổ ngữ ngang dọc -> cách dùng từ độc đáo -> sự phản kháng của thiên nhiên  => dường như có một sức sống đang bị nén xuống đã bắt đầu bật lên mạnh mẽ vô cùng.  \* **Nhóm 4**  **- Hai câu kết:**  - Cách dùng từ:  + Xuân: Mùa xuân, tuổi xuân  + Ngán: Chán ngán, ngán ngẩm  -> Mùa xuân đến mùa xuân đi rồi mùa xuân lại lại theo nhịp tuần hoàn vô tình của trời đất còn tuổi xuân của con người cứ qua đi mà không bao giờ trở lại => chua chát, chán ngán  - Ngoảnh lại tuổi xuân không được cuộc tình, khối tình mà chỉ mảnh tình thôi. Mảnh tình đem ra san sẻ cũng chỉ được đáp ứng chút xíu Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xh phong kiến xưa.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: Đặt câu hỏi Em hãy cho biết trong bài thơ tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Qua đó hãy nêu ý nghĩa của văn bản.  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Nội dung**    **a. Hai câu thơ đầu:**  **+ Câu 1: bối cảnh không gian, thời gian.**  **+ Câu 2: nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.**  **b. Hai câu tiếp (Câu 3 + 4)**  **+ Câu 3: gợi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng.**  **+ Câu 4: nỗi chán chường, đau đớn, ê chề (chú ý mối tương quan giữa vầng trăng và thân phận nữ sĩ).**  **c. Hai câu tiếp ( Câu 5 + 6)**  C**ảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.**  **d. Hai câu kết**  **Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.**  **2. Nghệ thuật:**  Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh sinh động; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.  **3. Ý nghĩa văn bản.**  Bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi, phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được sống hạnh phúc. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:** Hồ Xuân Hương đã để lại tác phẩm nào? a. Thanh Hiên thi tập. b. Lưu hương kí. c. Quốc âm thi tập. d. Bạch Vân quốc ngữ thi tập.  **Câu hỏi 2:** Từ ***dồn*** trong câu thơ mang nét nghĩa nào? a. Làm cho tất cả cùng một lúc tập trung về một chỗ. b. Làm cho ngày càng bị thu hẹp phạm vi và khả năng hoạt động đến mức có thể lâm vào chỗ khó khăn,bế tắc. c. Hoạt động được tiếp diễn liên tục với nhịp độ ngày càng nhanh hơn. d. Liên tiếp rất nhiều lần trong thời gian tương đối ngắn.  **Câu hỏi 3:** Từ ***trơ*** trong câu thơ “Trơ cái hồng nhan với nước non” không chứa đựng nét nghĩa nào? a. Tỏ ra không biết hổ thẹn, không biết gượng trước sự chê bai, phê phán của người khác. b. Ở trạng thái phơi bày ra, lộ trần do không còn hoặc không có sự che phủ,bao bọc thường thấy. c. Ở vào tình trạng chỉ còn lẻ loi, trơ trọi một thân một mình. d. Sượng mặt ở vào tình trạng lẻ loi khác biệt quá so với xung quanh, không có sự gần gũi,hòa hợp.  **Câu hỏi 4:** Ý nào không được gợi ra từ câu “Trơ cái hồng nhan với nước non”? a. Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả khi rơi vào tình trạng lẻ loi. b. Thể hiện sự tủi hổ,xót xa xủa tác giả khi nhận ra hoàn cảnh của mình. c. Thể hiện sự thách thức, sự bền gan cảu tác giả trước cuộc đời. d. Thể hiện sự rẻ rúng của tác giả với nhan sắc của mình.  **Câu hỏi 5:**  Cụm từ ***say*** lại tỉnh trong câu “Chén rượu hương đưa say lại tỉnh”gợi lên điều gì? a. Sự vượt thoát khỏi hoàn cảnh của nhân vật trữ tình. b. Những tâm trạng thường trực của nhân vật trữ tình. c. Sự luẩn quẩn,bế tắc của nhân trữ tình. d. Bản lĩnh của nhân vật trữ tình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='b'  [2]='c'  [3]='a'  [4]='d'  [5]='c' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Đọc bài thơ Tự tình II:**  1/ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ?  2/ Em hiểu từ *hồng nhan* là gì ? Ghi lại 2 thành ngữ có từ *hồng nhan.*  3/Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Mạch cảm xúc của bài thơ : Cô đơn- buồn chán- thách thức duyên phận-phẫn uất. Phản kháng- chán ngán, chấp nhận.  2/ *Hồng nhan* là nhan sắc người phụ nữ đẹp thường đi với đa truân hay bạc mệnh.  Hai thành ngữ có từ *hồng nhan :* hồng nhan đa truân ; hồng nhan bạc mệnh.  3/ Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : Nhà thơ đã Việt hóa thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật: cách dùng từ giản dị, dân dã, ý thức sử dụng sáng tạo các thành ngữ, tục ngữ, lối đảo từ, điệp từ, dùng từ mạnh. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Tìm đọc thêm 2 bài Tự tình I và III  + Ngâm bài thơ Tự tình  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Sưu tầm 2 bài thơ** * **Tập ngâm thơ.** |

*Ngày kí*

***Tiết 8*** *- Đọc văn*

**Câu cá mùa thu**

*(Thu điếu)*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua bài thơ

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Yêu nước (yêu thiên nhiên, …)

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại

-Năng lực trình bày suy  nghĩ, cảm nhận  của cá nhân về ý  nghĩa văn bản

-Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của nhà thơ được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: học sinh nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm; hiểu được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu tác phẩm; hình thành và nâng cao những xúc cảm thẩm mỹ...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Thu là thơ của đất trời, thơ là thu của lòng người và mùa thu là đề tài quen thuộc của thi nhân từ xưa đên nay. Và nhiều tác giả có những vần thơ nổi tiếng về mùa thu như “ Tiếng thu” (Lưu trọng Lư), cảm thu, tiễn thu của (Tản Đà), Đây mùa thu tới( Xuân Diệu),… Và hôm nay ta sẽ đến với cảnh thu điển hình của làng cảnh Việt Nam: mùa thu ở Bắc Bộ qua bài “ Thu điếu” Nguyễn Khuyến.****)*** | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV hỏi: Trình bày ngắn gọn về : quê hương,gia đình,bút hiệu,cuộc đời,sự nghiệp nhà thơ Nguyễn Khuyến.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Tác giả:**  (1835- 1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Thắng sau đổi thành Nguyễn Khuyến  - Quê quán: Làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam  - Hoàn cảnh xuất thân: Trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống khoa bảng -> ảnh hưởng đến Nguyễn Khuyến  - Bản thân: Thông minh, chăm chỉ, đỗ đạt cao (Đỗ đầu cả 3 kì thi Hương, Hội, Đình -> Tam nguyên Yên Đổ)  - Cuộc đời làm quan hơn 10 năm không màng danh lợi, không hơp tác với kẻ thù sau đó về ở ẩn tại quê nhà  -> NK là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, kiên quyết không hợp tác với kẻ thù.  **2. Tác phẩm:**  - Bố cục:   * HS quan sát SGK trả lời.   **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** ( 1835- 1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Thắng sau đổi thành Nguyễn Khuyến  - Quê quán:  - Hoàn cảnh xuất thân:  - Bản thân:  - Cuộc đời làm quan hơn 10 năm không màng danh lợi, không hơp tác với kẻ thù sau đó về ở ẩn tại quê nhà  -> NK là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, kiên quyết không hợp tác với kẻ thù.  **2. Tác phẩm:**  **- Sáng tác** của Nguyễn Khuyến cả chữ Hán và chữ Nôm với số lượng lớn , còn 800 bài thơ văn  - Nội dung thơ NK thể hiện tình yêu đất nước bạn bè , phản ánh cs thuần hậu chất phác.  - Đóng góp lớn nhất của ông là mảng đề tài viết về làng quê, đặc biệt là mùa thu, tiêu biểu là chùm thơ thu.  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  ***Thao tác 1:*** Đọc văn bản:  - GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó.  - HS: đọc văn bản, nhận xét bạn đọc văn bản như thế nào  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  ***Thao tác 2:*** Tìm hiểu văn bản  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Phân tích cảnh thu qua bài thơ? ( qua điểm nhìn, màu sắc,âm thanh, không khí, cảnh vật, nhận xét chung?)**  **Nhóm 3+4:** Phân tích Tình thu qua bài thơ? Bài thơ "Câu cá mùa thu " nói chuyện câu cá mà thực ra có phải là câu cá hay không? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**+**2**:  ***-Trong bài thơ "Câu cá mùa thu",*** cảnh thu được cảm nhận từ gần đến cao xa, rồi từ cao xa trở lại gần: từ chiếc thuyền câu nhìn ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu.      -***Từ điểm nhìn ấy, cảnh thu*** mở ra nhiều hướng thật sinh động.  - Các từ ngữ tả màu sắc: nước *trong veo,* sóng *biếc,* trời *xanh ngắt ;* tả đường nét: sóng *hơi gợn tí*, lá vàng *khẽ đưa vèo*, tầng mây *lơ lửng.* Hiệu quả nghệ thuật của những từ ngữ đó là : tạo không khí mùa thu dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật làng quê Bắc Bộ nói riêng, nông thôn Việt Nam nói chung.  \* **Nhóm 3**+4:  ***- Bài thơ* *"Câu cá mùa thu " nói chuyện câu cá*** mà thực ra người đi câu cá không chú ý gì vào việc câu cá. Nói câu cá nhưng thực ra là đón nhận trời thu, cảnh thu vào lòng. Cái dáng *vèo* của lá vàng dường như xuất hiện lạc lõng nhưng nó lại rất hợp với cái tâm sự thời thế của nhà thơ- một sự đau buồn trước sự thay đổi quá nhanh chóng của thời thế. Cái thế ngồi bó gối ôm cần đầy tâm trạng của nhà thơ ở hai câu thơ cuối cũng góp phần thể hiện nổi bật tâm sự ấy.  - Cảnh thu trong bài thơ "Câu cá mùa thu " là cảnh đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn vì Không gian trong bài thơ là một không gian tĩnh, vắng người, vắng tiếng: *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.* Các chuyển động rất nhẹ, rất khẽ không đủ tạo âm thanh: sóng *hơi gợn*, mây *lơ lửng*, lá *khẽ đưa*. Cuối bài thơ có một tiếng động âm thanh duy nhất nhưng lại mơ hồ, khiến cảnh vật càng thêm tĩnh lặng. Không gian đó đã đem đến sự cảm nhận về một nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: Đặt câu hỏi Em hãy cho biết, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản? Gv cho hs đọc ghi nhớ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Nội dung:**  **a/ Hai câu đề:**  Giới thiệu mùa thu với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối hài hoà *ao thu, chiếc thuyền câu* bé tẻo teo; bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu. và của tiết trời mùa thu, gợi cảm giác lạnh lẽo, yên tĩnh lạ thường  +Hình ảnh: Chiếc thuyền câu bé tẻo teo -> rất nhỏ( chú ý cách sử dụng từ láy và cách gieo vần “eo” của tác giả)  +Từ ngữ: lẽo, veo, teo...có độ gợi cao  - Cũng từ ao thu ấy tác giả nhìn ra mặt ao và không gian quanh ao-> đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ.  **b/ Hai câu thực:**  Tiếp tục nét vẽ về mùa thu với hình ảnh sóng biếc gợn thành hình, lá vàng rơi thành tiếng, gợi vẻ tĩnh lặng của mùa thu.  +Mặt ao – sóng biếc->nước mặt ao phản chiếu màu cây màu trời trong xanh một màu  - hơi gợn tí -> chuyển động rất nhẹ =>sự chăm chú quan sát của tác giả  +Hình ảnh “ Lá vàng......”-> đặc trưng tiêu biểu của mùa thu. “ khẽ đưa vèo” -> chuyển động rất nhẹ rất khẽ => Sự cảm nhận sâu sắc và tinh tế.  **c/ Hai câu luận:**  Không gian của bức tranh thu được mở rộng cả về chiều cao và sâu với nét đặc trưng của cảnh thu đồng bằng Bắc Bộ thanh , cao, trong, nhẹ...  - Không gian mùa thu được mở rộng:  +Trời xanh ngắt -> xanh thuần một màu trên diện rộng => đặc trưng của mùa thu.  +Tầng mây lơ lửng trên bầu trời -> quen thuộc gần gũi, yên bình, tĩnh lặng.  - Khung cảnh làng quê quen thuộc:ngõ xóm quanh co, hàng cây tre, trúc....->yên ả tĩnh lặng.  **d/ Hai câu kết:**  Hình ảnh của ông câu cá trong không gian thu tĩnh lặng và tâm trạng u buồn trước thời thế. - Trong cái không khí se lạnh của thôn quê bỗng xuất hiện hình ảnh một người câu cá:  -Tựa gối ôm cần....Cá đâu đớp động.+ “ Buông”: Thả ra( thả lỏng) đi câu để giải trí,để ngắm cảnh MT+ Tiếng cá “đớp động dưới chân bèo”-> sự chăm chú quan sát của nhà thơ trong không gian yên tĩnh của mùa thu.  **2. Nghệ thuật:**  - Bút pháp thuỷ mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu hoạ của bức tranh phong cảnh;  - Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.  **3. Ý nghĩa văn bản.**  Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác gả. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:** Nội dung của sáu câu đầu trong bài thơ [***"Câu cá mùa thu"***](file:///I:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\17-VB%20thu%20dieu.htm)là gì? a. Giới thiệu quang cảnh thiên nhiên nơi tác giả sống. b. Nêu lên sự đánh giá của tác giả về sự vật, hiện tượng xung quanh mình. c. Miêu tả thần thái mùa thu ở một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ. d.Miêu tả một kiểu câu cá của nhà thơ.  **Câu hỏi 2:** Nét nghĩa nào sau đây phù hợp với từ ***lơ lửng***? a. Nổi lên thành những vệt,những nếp nhăn nhỏ thoáng thấy qua trên bề mặt phẳng. b. Di chuyển hoặc biến đổi trạng thái một cách rất nhanh,chỉ trong khoảnh khắc,đến mức như có muốn làm gì cũng không thể kịp. c. Ở trạng thái di động nhẹ ở khoảng giữa, lưng chừng,không dính vào đâu, không bám vào đâu. d. Cách đánh mức hoặc mức độ hoạt động không gây ra tiếng ồn hoặc một chuyển động có thể làm ảnh hưởng không khí yên tĩnh chung.  **Câu hỏi 3:** ***Vắng teo*** nghĩa là gì? a. Vắng vẻ và lặng lẽ. b. Rất vắng, không có hoạt động của con người. c. Vắng vẻ và thưa thớt. d. Không có mặt ở nơi lẽ ra phải có mặt.  **Câu hỏi 4:** Cảnh vật mùa thu được nhắc đến trong sáu câu thơ đầu có đặc điểm gì? a. Vừa sinh động vừa giàu sức sống. b. Vừa trong vừa tĩnh lặng. c. Vừa lạnh lẽo vừa hiu hắt. d. Vừa tươi tắn vừa mát mẻ.  **Câu hỏi 5:** Câu thơ thứ sáu trong bài thơ có sử dụng mô típ ***ngõ trúc vắng teo*** trong thơ cổ. Mô típ này dùng để nói về điều gì? a. Cảnh thiên nhiên tĩnh lặng. b. Nhà (ai đó ) vắng người. c. (Ai đó) không làm quan. d. Nhà (ai đó ) rất nghèo.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='c'  [2]='c'  [3]='b'  [4]='b'  [5]='b' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ Đọc bài thơ Câu cá mùa thu:**  1/ Xác định các từ láy trong bài thơ ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của các từ láy đó?  2/ Từ *đâu* trong câu *Cá đâu đớp động dưới chân bèo* là đại từ phiếm chỉ hay hư từ phủ định? Nêu ý nghĩa nghệ thuật của từ này ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/Các từ láy trong bài thơ :  *-lạnh lẽo :* không hẳn nói về cái lạnh của nước mà nói về không khí đượm vẻ hiu hắt của cảnh vật cũng như tâm trạng u uẩn của nhà thơ.  *-tẻo teo:* có thể được giải thích là rất nhỏ (chiếc thuyền câu nhỏ), âm *eo* được lặp lại gợi liên tưởng về một chiếc thuền câu đang mỗi lúc một thu hẹp, phù hợp với cái nhìn của nhà thơ muốn mọi vật thu lại vừa trong tầm mắt, không mở ra quá rộng làm cho không khí suy tư bị loãng đi.  *- lơ lửng :*vừa gợi hình ảnh đám mây đọng lại lưng chừng giữa tầng không, vừa gợi trạng thái mơ màng của nhà thơ.  Hiệu quả nghệ thuật : tạo ra vẻ thuần Nôm cho tác phẩm mà còn có tác dụng làm tăng nhạc tính. Từ láy vừa mô phỏng dáng dấp, động thái của sự vật, làm cho sự vật hiện lên sống động, vừa thể hiện được biến đổi tinh vi trong cảm xúc chủ quan của người sáng tạo  2/ Từ *đâu* trong câu *Cá đâu đớp động dưới chân bèo* là đại từ phiếm chỉ . Ý nghĩa nghệ thuật: Một tiếng động duy nhất - tiếng cá đớp mồi càng làm tăng thêm sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật. Cái tĩnh bao trùm được gợi lên từ một cái "động" rất nhỏ. Đây là nghệ thuật lấy"động" nói "tĩnh", một thủ pháp nghệ thuật gợi tả quen thuộc của thơ cổ điển. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Vẽ bản đồ tư duy bài thơ  + Tìm đọc thêm 2 bài : Thu vịnh và thu ẩm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Ghi lại 2 bài thơ theo yêu cầu** |

Ngày kí

***Tiết 9*** *– Làm văn*

***Luyện tập thao tác lập luận phân tích***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm về thao tác, phân tích;

2/ Thông hiểu: Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận: phân tích;

4/Vận dụng cao:- Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp các thao tác lập luận: phân tích.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài phân tích một vấn đề xã hội hoặc văn học

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về xã hội,văn học

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: phân tích, đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi sử dụng thao tác phân tích

3/Hình thành nhân cách: có ý thức sử dụng thao tác lập luận phân tích.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác địnhvà làm rõ thơng tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát thành các luận điểm.

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung. HS biết cách lắng nghe người khác, giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Mục đích cuối cùng của phân tích là gì?  a. Để thấy được giá trị, ý nghĩa của các sự vật, hiện tượng. b. Để suy ra một nhận thức (hay kết luận) mới. c. Để thể hiện rõ chủ kiến của người viết. d.Để tìm hiểu nguồn gốc của sự vật, hiện tượng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Tiết trước chúng ta đã nắm lí thuyết về thao tác lập luận phân tích. Tiết này chúng ta tiếp tục làm bài luyện tập để củng cố kiến thức bài học.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 : Hướng dẫn học sinh thực hành bài tập 1**  **Bước 1: Gv giao nhiệm vụ**  -Gọi HS đọc BT 1/SGK trang 43  Tự ti và tự phụ là hai thái độ trái ngược nhau nhưng đều ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập và công tác . Anh (Chị) hãy phân tích hai căn bệnh trên.  **\*Gợi ý:**  -Phân tích những biểu hiện của thái độ Tự ti và tự phụ  -Phân tích tác hại của tự ti và tự phụ  -Khẳng định một thái độ sống hợp lí.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trình bày.  **a. Những biểu hiện của thái độ tự ti và tự phụ**  **- Biểu hiện của thái độ tự ti :**  +Luôn tự coi mình là kém cỏi, không bằng mọi người  +Mặc cảm e dè, không dám phấn đấu, không dám vươn lên  **-Biểu hiện của thái độ tự phụ:**  +Luôn tự coi mình là hơn người, giỏi giang, không ai bằng mình.  +Kiêu ngạo, coi thường mọi người, chỉ nghĩ đến bản thân.  **b. Tác hại của tự ti và tự phụ :**  -Tự ti: Dễ xa lánh mọi người, ít có điều kiện học tập để tiến bộ, tự mình làm mất đi ý chí tiến thủ, sống không hòa hợp với tập thể và cộng đồng.  -Tự phụ: Khó gần mọi người, dễ nảy sinh chủ quan, không ọc hỏi được tập thể để tiến bộ, dễ bị cô lập do lối sống ích kỉ, không hòa hợp với cộng đồng.  **c. Khẳng định một thái độ sống hợp lí:**  Sống phải hòa hợp với mọi người trong một quan hệ bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ với nhau, học hỏi nhau để cùng tiến bộ.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **1.Bài tập 1/SGK trang 43**  **a. Những biểu hiện của thái độ tự ti và tự phụ**  - Biểu hiện của thái độ tự ti :  -Biểu hiện của thái độ tự phụ:  **b. Tác hại của tự ti và tự phụ :**  **c. Khẳng định một thái độ sống hợp lí:** |
| **\* Thao tác 2 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  -GV hướng dẫn HS đọc BT 2/SGK trang 43  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh trao đổi, thảo luận và đại diện trình bày:  -Học sinh viết đoạn văn (có vận dụng thao tác lập luận phân tích)  a. Xác định các ý chính cần có:  + Lôi thôi -> từ láy tượng hình chỉ sự lôi thôi, luộm thuộm  + ậm oẹ -> từ láy tượng thanh chỉ âm thanh to vướng trong cổ họng nên nghe không rõ tiếng  - Phân tích nghệ thuật đảo trật tự cú pháp  + Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ / Sĩ tử vai đeo lọ lôi thôi  + ậm oẹ quan trường miệng thét loa / Quan trường miệng thét loa ậm oẹ  - Phân tích sự đối lập giữa 2 hình ảnh sĩ tử và quan trường  - Suy nghĩ về cách thi cử ngày xưa  b. Xác định cách lập luận: Tổng- phân- hợp  - Phân tích cụ thể nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cú pháp, hình ảnh  - Nêu cảm nghĩ về cách thi cử ngày xưa và liên hệ cách thi cử ngày nay.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **2. Bài tập 2:** Phân tích nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình tượng và cảm xúc qua các từ: *Lôi thôi, ậm oẹ*  a. Xác định các ý chính cần có:    - Phân tích nghệ thuật đảo trật tự cú pháp  - Phân tích sự đối lập giữa 2 hình ảnh sĩ tử và quan trường  - Suy nghĩ về cách thi cử ngày xưa  b. Xác định cách lập luận: Tổng- phân- hợp |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đoạn văn sau viết theo cấu trúc nào?  *Chúng ta thừa nhận rằng trong thời đại bùng nổ thông tin, sách và ấn phẩm báo chí thì nhiều, nhưng quyền hưởng thụ văn hoá của nhân dân thì vẫn còn khoảng cách khá xa nông thôn và thành thị, đặc biệt là với vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Trước tình hình đó, nhiều tờ báo đã tìm cách hạ giá bán để báo có thể đến tay bà con nghèo. Nhưng đối với sách thì còn khó hơn vì giá giấy, công in tăng mà sách lại in ít bản nên giá sách không thể hạ. Từ đó dẫn đến hệ quả dễ thấy là thị trường mà bị sách thu hẹp chưa từng có.*       (Theo Nguyễn Hữu Giới, Tlđd)  a. Diễn dịch. b. Móc xích c. Quy nạp d. Song hành.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Quy nạp |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đoạn văn sau được viết theo cách phân tích nào?  *Đạo đức gồm cả luân lí mà luân lí chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, nghĩa , lí , trí, tín, cần, kiệm. Nhân là có lòng thương người; Nghĩa là làm việc phải; Lễ là ăn ở cho có lễ độ; Trí để làm việc cho đúng; Tín là nói với ai cũng giữ lời cho người ta tin mình mới làm được việc; Cần là làm việc phải siêng năng; Kiệm là ăn ở dành dụm trong lúc no để phòng lúc đói, lúc có đề phòng lúc không…Người đạo đức là người đã ở trong đạo làm người vậy. Đạo đức dã như thế thì không có mới, có cũ, có đông, có tây nào nữa nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức, ấy mới là người trọn vẹn. Dầu nhà bác học đề ra học thuyết nào khác nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lí của đạo đức, nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được.*                 (Phan Châu Trinh, Bài diễn thuyết về đạo đức luân lí Đông Tây,Giảng văn 9, Nhà sách Khai Trí)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Cắt nghĩa, bình giá. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Chọn 1 vài đoạn văn nghị luận trong SGK Văn 11, chỉ ra thao tác lập luận phân tích  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **Xác định đúng đoạn văn có sử dụng thao tác lập luận phân tích** |

Ngày kí

***Tiết 10 - 11*** *- Đọc văn*

***Thương vợ***

*( Trần Tế Xương)*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua bài thơ

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của TTX được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhĩm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  - Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  - Nhìn hình đoán tác giả Trần Tế Xương  - Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - Đọc, ngâm thơ liên quan đến bài thơ Thương vợ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Trong XH phong kiến, thân phận những người phụ nữ bao giờ cũng gắn liền với những vất vả, khó khăn, thậm chí còn gắn liền với những bi kịch. Sự cảm thông của XH với họ là cần thiết nhưng cần thiết nhất có lẽ là tình cảm của chính những thành viên trong gia đình với cuộc sống của những người vợ, người mẹ, là động lực để họ vươn lên, hoàn thành tốt trách nhiệm của mình. Tú Xương là một người chồng đã thấu hiểu những khókhăn, vất vả của bà Tú. Bài thơ “Thương vợ” giúp chúng ta hiểu hơn tấm lòng của ông với người vợ của mình.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: Gọi 1-2 HS đọc tiểu dẫn. GV nhận xét và nêu câu hỏi em hãy nêu vài nét về tác giả Trần Tế Xương  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS: đọc suy nghĩ trả lời.  ***HS Tái hiện kiến thức và trình bày.***  **1. Tác giả:** (1870 – 1907)  - Quê quán: Làng Vị Xuyên, huyện mỹ Lộc, Nam Định.  - Tên khai sinh: Trần Duy Uyên, tự Mộng Trai, hiệu Mộng tích.  - Con người:  + Đi học sớm nổi tiếng thông minh, giỏi thơ phú  + Cá tính sắc sảo, sống phóng túng, không gò mình vào khuôn phép trường thi. Tám lần thi hỏng chỉ đậu Tú tài.  → Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử.  **2. Sự nghiệp.**  \* Để lại hơn 100 bài thơ gồm nhiều thể loại: Thơ, phú, câu đối...  \* Nội dung:  - Thơ trào phúng:  + Có sức châm biếm mạnh mẽ sâu sắc.  + Tiếng cười tropng thơ Tú Xương có nhiều cung bậc: Châm biếm sâu cay, đả kích quyết liệt, tự trào mang sắc thái ân hận ngậm ngùi...  - Trữ tình  + Nỗi u hoài trước sự đổi thay của làng quê.  + Tâm sự bất mãn với đời. Bộc lộ lòng yêu nước xót xa trước vận mệnh dân tộc.  → Thơ trào phúng và trữ tình của ông đều xuất phát từ tấm lòng gắn bó sâu nặng với dân tộc, đất nước; có cống hiến quan trọng về phương diện nghệ thuật cho thơ ca dân tộc.  **3. Tác phẩm:**  - Là bài thơ hay nhất, cảm động nhất của Tú xương viết về bà Tú; vừa ân tình, hóm hỉnh.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả.**  - Trần Tế Xương (1870- 1907).  - Quê làng Vị Xuyên - Mĩ Lộc - Nam Định.  - Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử.  - Sáng tác gồm hai mảng: trữ tình và trào phúng.  **2. Tác phẩm**  -Đề tài: Viết về bà Tú, đề tài thường thấy trong thơ văn Tế Xương.  - Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật.  - *Thương vợ* là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV mời một HS đọc văn bản, sau đó GV nhận xét cách đọc (Lưu ý cách đọc, giọng đọc phù hợp với nội dung cảm xúc).  Câu 1: Nêu nội dung chính ở 2 câu đề? Em có nhận xét gì về thời gian, địa điểm làm ăn của bà Tú ? Thời gian, địa điểm đó có gì đặc biệt ?  Câu 2: Em hiểu *Nuôi đủ* là thế nào? Phân tích cách dùng từ *với*, số từ, nhịp thơ và ý nghĩa của câu thơ?  Câu 3: Qua những chi tiết trên cho thấy bà Tú là người như thế nào?  Câu 4: Nêu nội dung chính ở 2 câu thực?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời cá nhân:**  -Thời gian *quanh năm,* làm việc liên tục, không trừ ngày nào.  - Địa điểm: *mom sông,* rất cheo leo, nguy hiểm, không ổn định.  => Công việc và hoàn cảnh làm ăn vất vả, ngược xuôi.  - *nuôi đủ* cả gia đình, không thiếu cũng không dư. Cách dùng số đếm độc đáo *một chồng* bằng cả *năm con,* ông Tú nhận mình cũng là đứa con đặc biệt. Kết hợp với cách ngắt nhịp 4/3 thể hiện nỗi cực nhọc của vợ.  🡪 Bà Tú là người đảm đang, chu đáo với chồng con.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 2 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm. GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi.  ? **(nhóm 1):** ? Hình ảnh nào đọng lại sâu sắc khi đọc hai câu thơ trên? Tìm ít nhất hai câu ca dao nói về hình ảnh con cò?  ? **(nhóm 2):** Dùng từ *thân cò* gợi cho em điều gì khi liên hệ với hình ảnh bà Tú?  ? **(nhóm 3):** Tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ? Tác dụng của biện pháp NT đó trong việc thể hiện nội dung?  ? **(nhóm 4):** Làm rõ ý nghĩa của những từ láy *lặn lội, eo sèo*? Nhận xét gì về cảnh buôn bán của bà Tú (không gian, thời gian)?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Đại diện từng nhóm trả lời:**  - Hình ảnh *thân cò* gợi nỗi vất vả, đơn chiếc khi làm ăn.  **-** *Lặn lội ... khi quãng vắng*: nỗi gian truân, lo lắng, lam lũ, cực nhọc.  - *Eo sèo… buổi đò đông*: sự chen lấn, xô đẩy, giành giật ẩn chứa sự bất trắc “đò đông”.  - Nghệ thuật đảo ngữ, phép đối, hoán dụ, ẩn dụ, sáng tạo từ hình ảnh dân gian nhấn mạnh sự lao động khổ cực của bà Tú.  🡪 Thực cảnh mưu sinh của bà Tú : Không gian, thời gian rợn ngợp, nguy hiểm đồng thời thể hiện lòng xót thương da diết của ông Tú.  **HS trả lời cá nhân:**  -Cách dùng từ tăng tiến *một; hai; năm; mười*, phép đối, vận dụng sáng tạo thành ngữ dân gian đã gợi sự gian khổ, lao nhọc cũng tăng lên gấp bội.  - *Âu đành phận, dám quản công*: Đức hy sinh thầm lặng cao quý vì chồng con, ở bà hội tụ cả sự tần tảo, đảm đang, nhẫn nại.  **HS trả lời cá nhân:**  **-** Tú Xương tự trách mình, nhận mình có khuyết điểm, vô tích sự. Sự *hờ hững,* biểu hiện của *thói đời* bạc bẽo.  - Nhận mình có khiếm khuyết, phải ăn bám vợ, để vợ phải nuôi con và chồng.  🡪 Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội, Tú Xương cũng chửi cả thói đời đen bạc.  **HS trả lời cá nhân:**  GV tích hợp kiến thức lịch sử thời đại Tú Xương đang sống để hướng dẫn học sinh cắt nghĩa nguyên nhân nhà thơ rơi vào cảnh sống dở, chết dở, *có như không.*  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 3 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV giúp HS nắm được nghệ thuật của toàn bài thơ.  Câu 1: Các biện pháp nghệ thuật đã được sử dụng trong bài thơ là gì?  Câu 2: Theo em tác giả đã thành công khi vận dụng các biện pháp nghệ thuật đó ở mức độ nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa văn bản.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Câu 1: Nội dung bài thơ nói lên điều gì?  Câu 2: Bài thơ thể hiện tình cảm và cách nhìn nhận như thế nào về thân phận người phụ nữ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc – Hiểu văn bản.**  **1. Hai câu đề:** Lời kể về công việc làm ăn và gánh nặng gia đình mà bà Tú phải đảm đương.  **2. Hai câu thực :** Đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú  **3. Hai câu luận :** Cảnh đời oái oăm mà bà Tú gánh chịu  🡪 Cảnh đời lận đận mà bà Tú phải gánh chịu, bà Tú hiện thân của một cuộc đời vất vả qua đó thấy được nỗi cảm thông sâu sắc, tấm lòng yêu thương vợ của tác giả.  **4. Hai câu kết:** Nhà thơ tự chửi mình và chửi thói đời đen bạc.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật**  + Từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm.  + Vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ của văn học dân gian.  + Hình tượng nghệ thuật độc đáo.  + Việt hóa thơ Đường  **2. Ý nghĩa văn bản**  Bài thơ phác họa chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào, và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:** Con người Tú Xương có đặc điểm gì?  a. Là con người thông minh, cần cù, chăm chỉ, đạt đỉnh vinh quang trong học tập, khoa cử. b. Là người con có hiếu,người thầy mẫu mực, nhà nho tiết tháo,sống theo đạo nghĩa của nhân dân. c. Là con người giàu năng lực, có cốt cách tài tử phong lưu, biết sống và dám sống, không ngần ngại khẳng định cá tính của mình. d. Là người có cá tính đầy góc cạnh, phóng túng, không chịu gò mình vào khuôn sáo trường quy.    **Câu hỏi 2:** Hình ảnh bà Tú được gợi lên như thế nào trong hai câu thơ đầu bài thơ [***Thương vợ***](file:///I:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\18-VB%20thuong%20vo.htm)?  a. Nhỏ bé, tội nghiệp. b. Vất vả, cô đơn. c. Thông minh, sắc sảo. d.  Tần tảo, đảm đang.    **Câu hỏi 3:** Tiếng cười nào được cất lên trong câu thứ hai của bài thơ ***Thương vợ***?  a. Châm biếm bọn đàn ông vô tích sự một cách sâu cay. b. Đả kích bọn đàn ông vô tích sự một cách quyết liệt. c. Mỉa mai, tự trào về cái vô tích sự của mình. d. Chế nhạo, giễu cợt.    **Câu hỏi 4:** Dòng nào nói không đúng về hình ảnh bà Tú được gợi lên trong câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng”?  a. Cô đơn. b. Vất vả. c. Tội nghiệp. d. Yếu đuối.    **Câu hỏi 5:** Tú Xương gửi gắm tâm sự qua hai câu luận của bài thơ ***Thương vợ***?  a. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú. b.Sự trân trọng của ông đối với  tình yêu thủy chung của bà Tú. c.Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình. d.Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='d'  [3]='c'  [4]='d'  [5]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Đọc bài thơ *Thương vợ*:**  1/ Xác định thể thơ của bài thơ?  2/ Giải thích và nêu ý nghĩa hai từ *quanh năm* và *mom sông ?*  3/ Cách đếm *Nuôi đủ năm con với một chồng*  khác với cách đếm thông thường ở điểm nào ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách đếm đó?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  2/ - *quanh năm* là từ chỉ thời gian, nghĩa là trọn cả năm, cả tháng, không trừ một ngày nào, hơn thế lại dằng dặc hết năm này qua năm khác, triên miên không dứt.  *-mom sông :* là từ chỉ không gian, nơi có thế đất hiểm trở, là doi đất nhô ra, ba bề là nước , khá chênh vênh nguy hiểm .  Hiệu quả nghệ thuật: Không chỉ là lời giới thiệu mà còn gợi ra nét tần tảo, tất bật ngược xuôi trong công việc lam lũ của bà Tú.  3/ Cách đếm *Nuôi đủ năm con với một chồng*  khác với cách đếm thông thường ở điểm đáng lẽ ra người ta sẽ đếm tứ 1 đến 5 và ông chồng nữa là 6 đơn vị. Ở đây, câu thơ đã gom thành 2 đơn vị. Nói đúng hơn, cái tập hợp 5 đứa con với việc lo cho chúng ăn mặc, thuốc thang, quản lý dạy dỗ chúng đã là quá lớn đối với người buôn thúng mán mẹt như bà Tú. Vậy mà, đầu gánh bên kia là ông Tú, cân bằng với đầu gánh bên này là năm con. Vị chi, bà Tú nuôi đến mười cái miệng ăn trong nhà, mà là *nuôi đủ* .  Hiệu quả nghệ thuật của cách đếm đó : Câu thơ thầm kín ca ngợi vẻ đẹp đức hạnh của người vợ, đồng thời gợi sự xót xa, cay đắng của nhà thơ khi ông tự nhận mình là gánh nặng của gia đình. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Thương vợ  + Sưu tầm và ghi lại bài *Văn tế sống vợ* của Tú Xương  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Ghi lại chính xác bài văn tế** |

*Ngày kí*

***Tiết 12*** *- Đọc thêm 2 bài*

# *Khóc Dương Khuê*

***(Nguyễn Khuyến)***

***Vịnh khoa thi Hương***

***- Trần Tế Xương –***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua bài thơ

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng của các tác giả được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi bài thơ.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhĩm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong mỗi tác phẩm

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  - Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  - Nhìn hình đoán tác giả Nguyễn Khuyến, Tú Xương  - Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - Đọc, ngâm thơ liên quan đến bài thơ Khóc Dương Khuê  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:**  - *Bên cạnh những vần thơ viết về làng cảnh Bắc Bộ thì Nguyễn Khuyến còn là nhà thơ chuyên viết về tình bạn thân thiết như “ Bạn đến chơi nhà “, “ khóc Dương Khuê”,…Bài thơ “ khóc Dương Khuê “ được viết khi nhà thơ hay tin Dương Khuê – bạn đồng khoa với ông qua đời.Bài thơ thể hiện tình bạn thủy chung chân thành của Nguyễn Khuyến.*  -*Tú Xương đã từng viết:*  *“ Nào có ra gì cái chữ nho.*  *Ông nghè ông cống cũng nằm co.*  *Chi bằng đi học làm ông phán.*  *Tối rượu sâm, banh sáng sữa bò.”*  *Đúng vậy, cuối thế kỉ XIX khi thực dân sang xâm lược nước ta cùng với sự mục ruỗng thối nát của XHPK cuộc sống của các nhà nho vô cung khổ cực, đặc biệt là những nhà nho thất cơ lỡ vận nhưng khoa thi Hán học vẫn được tổ chức. Vậy thực trạnh của các khoa thi đó như thế nào, điều này được Tú Xương phản ánh trong bài thơ “ Vịnh khoa thi Hương “.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :** Đọc diễn cảm  Chú ý nhịp thơ song thất lục bát (2 câu 7: 3 - 4 hoặc 3 - 2 - 2; 2 câu lục bát: nhịp 2 - 2 - 2; 4 - 4, hoặc các nhịp biến đổi 3 - 5, 2 - 4...); giọng đọc cần thể hiện sự xót xa, tiếc nuối, đau đán cố kìm nén mà vẫn lộ ra, có gì như oán trách, có gì như cam chịu.  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Nguyễn Khuyến: 1835, quê Hà Nam. Dương Khuê: 1839, quê Hà Sơn Bình.  - Hai người kết bạn từ thuở thi đậu, Nguyễn Khuyến bỏ quan về quê, Dương Khuê vẫn làm quan. Nhưng cả hai vẫn giữ tình bạn gắn bó.  - Nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến làm bài thơ này khóc bạn.  - Bài thơ viết bằng chữ Hán có nhan đề là : *Vãn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư.* Có bản dịch là *Khóc bạn*. Lâu nay quen gọi là *Khóc Dương Khuê.*  - Sau này tự tác giả dịch ra chữ Nôm.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: Gv giao nhiệm vụ**  Nhóm 1  Nhận xét sơ bộ về tình bạn sau khi tiếp cận bài thơ? Giá trị nghệ thuật qua cách dùng từ ở 2 câu thơ đầu?  Nhóm 2.  Tình bạn thắm thiết, thủy chung giữa hai người được thể hiện như thế nào?  Nhóm 3.  Hãy phân tích những biện pháp nghệ thuật tu từ thể hiện nỗi trống vắng của nhà thơ khi bạn qua đời? Em hiểu câu thơ này như thế nào?  *Rượu ngon không có bạn hiền*  *Không mua, không phải không tiền không mua?*  Nhóm 4.  Đọc lại bài thơ. Phân tích diễn biến tâm trạng của tác giả trong bài thơ? Rút ra ý nghĩa?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS nối nhau đọc diễn cảm từ 1 - 2 lần toàn bài. Nhận xét kết quả đọc.  **Nhóm 1 trình bày:**  Câu thơ như tiếng thở dài  - Hư từ : *Thôi* 🡪 Tiếng than nhẹ nhàng, gợi cảm, đau đột ngột khi vừa nghe tin bạn mất.  - Cách xưng hô : *Bác*: Sự trân trọng tình bạn người cao tuổi.  - Hình ảnh : *Man mác, ngậm ngùi*: → nỗi mát mát như chia sẻ với đất trời. Nhịp điệu câu thơ cũng tạo nên sự nghẹn ngào chua xót.  🡪 Nghệ thuật nói giảm, cách dùng hư từ và những hình ảnh mang tính tượng trưng, làm nhẹ nỗi đau đớn khi nghe tin bạn mất.  **Nhóm 2 trình bày:**  -Tiếng khóc như giãi bày, làm sông lại những kỉ niệm của tình bạn thắm thiết:, hay tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.  - Cùng thi đậu, cùng vui chơi, cùng nhau uống rượu, cùng gặp nhau một lần, cả hai cùng sống trong cảnh hoạn nạn và cùng đang trong tuổi già.  🡪 Tình bạn keo sơn, thắm thiết. Bộc lộ nỗi niềm trong tâm trạng thầm kín với nỗi đau thời thế.  **Nhóm 3 trình bày:**Mất bạn Nguyễn Khuyến như mất đi một phần cơ thể.  - Muốn gặp bạn nhưng tuổi già không cho phép. Nay bạn mất, đau đớn vô cùng.  - Mất bạn trở nên cô đơn : Rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy, giường treo lên.  - Ngôn ngữ thơ đạt đến mức trong sáng tuyệt vời: Lặp 5 từ *không* trong tổng số 14 từ để diễn tả một cái không trống rỗng đến ghê gớm khi mất bạn.  🡪 Tình bạn già mà vẫn keo sơn, gắn bó.  **Nhóm 4 trình bày:**  Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **Bài Khóc Dương Khuê**  **A. Tiểu dẫn:**  - Giới thiệu:Dương Khuê (1839-1902) người làng Vân Đình tỉnh Hà Đông  - Bài thơ lúc đầu có tên (Vãn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng Thư)  **B. Đọc hiểu văn bản:**  **I. Đọc văn bản, bố cục**  - Bố cục: 4 phần  + 2 câu thơ đầu: nỗi đau ban đầu  + 20 câu tiếp: Hồi tưởng lại những kỷ niệm về tình bạn  + 12 câu tiếp; Tâm trạng day dứt khi bạn dứt áo ra đi.  + 4 câu thơ cuối: Trở lại nỗi đau mất bạn  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Nội dung:**  - Hai câu đầu: Nỗi xót xa khi nghe tin bạn mất. Câu thơ như một tiếng thở dài. nỗi mất mát ngậm ngùi như chia sẻ với trời đất. Nhịp điệu câu thơ cũng tạo nên sự nghẹn ngào, xót xa.  - Từ câu 3 đến câu 22: Tình bạn chân thành, thuỷ chung gắn bó, tiếng khóc như giãi bày, làm sống lại những kỉ niệm của tình bạn thắm thiết: tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.  - Những câu thơ còn lại: Nỗi hẫng hụt mất mát. Mất bạn, Nguyễn Khuyến hẫng hụt, như mất đi một phần cơ thể. Những hình ảnh, điển tích càng tăng thêm nỗi trống vắng khi bạn không còn.  **2. Nghệ thuật:** Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Bài thơ giúp ta hiểu về tình bạn thuỷ chung, gắn bó, hiểu thêm một khía cạnh khác của nhân cách Nguyễn Khuyến. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  -Đọc diễn cảm  Chú ý cách ngắt nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, giọng điệu trào phúng cay độc, manh mẽ của Tú Xương để đọc cho phù hợp những câu thơ có phép đối, những động từ, từ láy độc đáo.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS phát biểu cá nhân:  **Bước 1; GV giao nhiệm vụ**  ***1. Hai câu đề***  Cho biết cảnh trường thi được tác giả miêu tả như thế nào?  ***2. Hai câu thực và hai câu luận***  GV hỏi: Nét đặc sắc của trong cặp đối như thế nào và thể hiện điều gì? Các từ láy lôi thôi, ậm oẹ thuộc loại từ láy gì? Ý nghĩa biểu vật và biểu cảm của chúng.  ***3. Hai câu kết***  Phân tích tâm trạng, thái độ của tác giả trước hiện thực trường thi? Nêu ý nghĩa nhắn nhủ ở hai câu cuối?  GV: Qua bài thơ em hãy nêu nghệ thuật và văn bản trên có ý nghĩa như thế nào? Liên hệ đến việc thi cử hiện nay?  HS đọc từ 3 - 4 lần toàn bài thơ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  ***1.Hai câu đề***  HS đọc lại, phát hiện từ đáng chú ý.  Chủ yếu mang tính tự sự: kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu. Theo thông lệ do nhà nước mở, cứ 3 năm 1 lần.  Nét đặc biệt: thí sinh Hà Nội và Nam Định thi chung ở Nam Định (theo chủ trương giảm bớt kì thi để đến năm 1915, 1918 bỏ hẳn kì thi chữ Hán). Từ *lẫn* chỉ sự lẫn lộn, báo trước sự thiếu nghiêm túc, ô hợp, láo nháo trong thi cử.  ***2.Hai câu thực và hai câu luận***  HS đọc diễn cảm.  HS thảo luận ngắn, phát biểu.  Tác giả sử dụng nghệ thuật đảo trật tự cúa pháp, kết hợp với những từ giàu hình ảnh, âm thanh nhấn mạnh vào sự nhốn nháo ô hợp của trường thi. Sĩ tử thì nhếch nhác,lôi thôi. Trường thi đầy những cảnh chướng tai gai mắt(sĩ tử nhếch nhác, mụ đầm thì váy lê,..)  ***3. Hai câu kết***  Chủ yếu chuyển giọng trữ tình, lay gọi ai đó, thực chất là sĩ tử - những trí thức, những nhân tài đất nước trong hiện tại cần thấy sự nhục nhã của hoàn cảnh, thân phận, của đất nước mà căm ghét bọn ngoại bang, bọn sứ đầm, đừng quên nhục mất nước.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | A.**Tiểu dẫn**  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài vịnh khao thi Hương (có bản ghi là Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu) là bài thơ thuộc đề tài thi cử, thể hiện thái độ mỉa mai phẫn uất của nhà thơ đối với chế độ thi cử đương thời và con đường khoa cử của riêng ông.  **B. Đọc hiểu văn bản**  **I. Đọc văn bản, thể thơ, bố cục**  + Thể thơ: Thất ngôn bát cú,  + bố cục: Đề thực luận kết  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Nội dung:**  - Hai câu đầu: Sự xáo trộn của trường thi…  - Bốn câu tiếp: Cảnh trường thi nhốn nháo ô hợp.  - Hai câu cuối: Thức tỉnh các sĩ tử và nỗi xót xa của nhà thơ trước cảnh mất nước.  **2. Nghệ thuật:**  - Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, am thanh đảo trật tự cú pháp;  - Nhân vật trữ tình tự nhận thức, bộc lộ sự hài hước châm biếm;  **3. Ý nghĩa văn bản**  Bài thơ cho người đọc thấy được thái độ trọng danh dự và tâm sự lo nước thương đời của tác giả trước tình trạng thi cử trong buổi đầu chế độ thuộc địa nửa phong kiến. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  **Câu hỏi 1:** Nét nghĩa nào phù hợp với từ nhớ trong câu: [***“Nhớ từ thưở từ đăng khoa ngày trước”***](file:///I:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\19-VB%20Khoc%20Duong%20Khue.htm)?  a. Giữ lại trong trí óc điều đã cảm biết, nhận biết để rồi sau đó có thể tái hiện được. b. Tái hiện ra trong trí óc những điều trước đó đã từng nhận biết,cảm biết. c. Nghĩ đến với tình cảm tha thiết,muốn được gặp,được thấy người hay cảnh thân thiết nào đó hiện đang ớ cách xa. d.Nghĩ đến với nỗi buồn tiếc người vào hay những gì đó đáng quý mà vĩng viễn mất đi ,qua đi.    **Câu hỏi 2:**  Từ ***thôi*** được lặp ba lần trong câu: ***“Biết thôi,thì thôi thì thôi mới là!”***góp phần thể hiện nội dung gì?  a. Tác giả muốn Dương Khuê không nhắc đến chuyện tuổi già. b. Tác giả như muốn quên đi thật nhanh những điều bất đắc dĩ. c. Tác giả ngậm ngùi về tuổi già cuả mình và bạn. d. Tác giả dự cảm về sự ra đi của mình và bạn.  ***Câu hỏi 3:*** Hình ảnh *quan sứ* và *mụ đầm* được nói đến trong hai câu luận cho thấy điều gì?  a. Tầm quan trọng của khoa thi năm Đinh Dậu. b. Sự khoa trương của khoa thi năm Đinh Dậu. c. Quy mô  rộng rãi và to lớn của khoa thi năm Đinh Dậu. d. Sự thiếu tôn nghiêm và có phần lố bịch của khoa thi năm Đinh Dậu.    ***Câu hỏi 4:*** Ý nào không đúng có trong nội dung của hai câu kết?  a. Là lời kêu gọi các sĩ tử hãy đem tài năng ra phục vụ đất nước. b. Là sự nhận ra hiện trạng đất nước của Tú Xương. c. Là sự đánh thức cuả tác giả đối với lương tri, lương tâm của những trí thức lúc bấy giờ.     d. Bộc lộ thái độ trọng danh dự và tâm sự lo nước thương đời của tác giả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | [1]='b'  [2]='b'  [3]='d'  [4]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc hai thơ sau và trả lời câu hỏi:  *Bác Dương thôi đã thôi rồi,  Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*  *( Trích Khóc Dương Khuê, Nguyễn Khuyến)*  1/ Xác định thể thơ của hai câu thơ? Cách ngắt nhịp như thế nào? Hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp đó là gì?  2/ Cụm từ *thôi đã thôi rồi* sử dụng biện pháp tu từ gì*?*Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì?  3/ Từ láy *man mác, ngậm ngùi* có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả tâm trạng của nhà thơ khi nghe tin bạn mất?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | *Trả lời:*  1/ Thể thơ lục bát. Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 thể hiện đúng trường độ đứt đoạn của tiếng nấc nghẹn ngào trong nỗi đau đến quá bất ngờ. Câu bát nhịp 4/4 chậm lại, dàn trải đều đặn làm nỗi đau lan tỏa ra không gian, trời đất.  2/ Cụm từ *thôi đã thôi rồi* sử dụng biện pháp tu từ nói giảm.  Hiệu quả nghệ thuật: dùng để giảm nhẹ nỗi đau nhưng thực chất đầy đau đớn, mất mát của nhà thơ khi nghe tin bạn mất.  3/ Từ láy *man mác, ngậm ngùi* có ý nghĩa diễn tả tâm trạng đau đớn, xót xa của nhà thơ khi nghe tin bạn mất. Nỗi đau ấy nhuốm cả trời đất, lan tỏa trong không gian và thấm vào chiều sâu tâm hồn. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Khóc Dương Khuê, Vịnh khoa Thi Hương  + Tìm đọc các bài viết về Dương Khuê, Lịch sử khoa cử Việt Nam dưới thời phong kiến và Pháp thuộc.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  nhiệm vụ: | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Ngày kí*

***Tiết 13*** *-Làm văn*

**Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm tìm hiểu đề, lập dàn ý, văn nghị luận

2/ Thông hiểu:Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, thao tác lập luận, phạm vị tư liệu trong quá trình phân tích đề

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý; một hiện tượng đời sống, nghị luận văn học

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận từ dàn ý đã được lập

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài NLXH, NLVH

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận XH,VH

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn nghị luận;

-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong quá trình làm văn .

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn giáo viên đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành dàn ý. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm khi làm dàn ý.

- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bât đông và giải quyêt vân đê theo hướng dân chủ.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV đưa ra tình huống: Có một đề văn như sau: Phân tích chất dân gian trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương  Một bạn học sinh làm bài bằng cách lần lượt phân tích bài thơ theo bố cục Đề-Thực-Luận-Kết.  Theo em , cách làm đó đúng hay sai? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Cách làm đó không đúng, do bạn đó không phân tích đề nên không xác định đúng vấn đề cần nghị luận, bài không đủ ý vì thiếu chuẩn bị dàn ý …  **Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới**  *Trong chương trình ngữ văn THCS, chúng ta đã làm quen với văn nghị luận, đặc biệt là đã rèn luyện được một số kĩ năng như: cách lập luận, cách xây dựng luận điểm, luận cứ…Trong tiết học này, chúng ta sẽ rèn luyện thêm một kĩ năng nữa nhằm tránh trường hợp lạc đề, xa đề khi làm bài: kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  ***Hướng dẫn HS phân tích đề ( Nhắc lại kiến thức cũ đã học ở lớp 10).***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Cho HS đọc đề 1, đề 2 ở SGK.  + Trong 2 đề trên, đề nào có định hướng cụ thể, đề nào đòi hỏi người viết phải tự xác định hướng triển khai?  + Vấn đề cần nghị luận ở mỗi đề: yêu cầu về nội dung, các luận điểm…  + Giới hạn dẫn chứng, các thao tác cần nghị luận ở cả hai đề?  + Từ những cách tìm hiểu trên, hãy trình bày thế nào là cách phân tích đề văn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS chia thành 4 nhóm:  + Nhóm 1; 2: Trả lời câu hỏi yêu cầu ở đề 1  + Nhóm 3; 4: Trả lời câu hỏi yêu cầu ở đề 2  - HS cử người trình bày trước lớp  GV yêu cầu HS căn cứ vào kết quả phân tích đề để lập dàn ý cho bài viết.  HS đọc đề 1, đề 2 ở SGK.  - Đề 1 thuộc dạng có định hướng, nêu rõ yêu cầu về nội dung, giới hạn dẫn chứng.  -Đề 2 là đề “ mở”: người viết phải tự tìm xem tâm sự, diễn biến, biểu hiện nỗi niềm của HXH).  **Nhóm 1; 2: Trả lời**  + Vấn đề cần nghị luận: “việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”  + Yêu cầu về nội dung: thấy được các ý.   * Người Việt Nam có nhiều điểm mạnh: thông minh, nhạy bén… * Người Việt Nam cũng không ít điểm yếu:hỏng kiến thức, khả năng thực hành,… * Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu.   + Yêu cầu về phương pháp: sử dụng thao tác lập luận bình luận, giải thích, chứng minh; dùng dẫn chứng thực tế xã hôi là chủ yếu.  **Nhóm 3; 4:** Trả lời câu hỏi yêu cầu ở đề 2  + Vấn đề cần nghị luận: Tâm sự của HXH trong “Tự tình” II.  + Yêu cầu về nội dung: Nêu cảm nghĩ của mình về tâm sự và diễn biến tâm trạng của HXH: nỗi cô đơn, chán chường, khát khao được sống hạnh phúc …  + Yêu cầu về phương pháp: sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ HXH là chủ yếu.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I/ PHÂN TÍCH ĐỀ.**  **\* Đề 1:**  **a.Phân tích đề:**  + Vấn đề cần nghị luận:  + Yêu cầu về nội dung:  + Yêu cầu về phương pháp:  **b.Lập dàn ý:**  **\* Đề 2:**  **a.Phân tích đề:**  + Vấn đề cần nghị luận:  + Yêu cầu về nội dung:  + Yêu cầu về phương pháp:  **b.Lập dàn ý:** GV yêu cầu HS căn cứ vào kết quả phân tích đề để lập dàn ý cho bài viết.  => Là chỉ ra những yêu cầu về nội dung, thao tác chính và phạm vi dẫn chứng của đề …  **- Trước khi phân tích đề phải:**  + Đọc kĩ đề.  + Chú ý các từ then chốt.  + Xác định quan hệ ngữ pháp giữa các vế ở đề ra.  - Phải xác định được đây là đề có định hướng cụ thể hay mở rộng.  *+ Vấn đề cần nghị luận:*  *+ Yêu cầu về nội dung:*  *+ Yêu cầu về phương pháp:* |
| **\* Thao tác 2 :**  **Hướng dẫn Hs lập dàn ý.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV nhắc HS nhớ lại bố cục bài nghị luận, nội dung và nhiệm vụ mỗi phần.  + Thế nào là luận điểm? ở đề 1, có thể xác định được bao nhiêu luận điểm, bao nhiêu luận cứ? là những luận điểm, luận cứ nào?  + Nhắc lại khái niệm luận cứ?  + Vai trò mỗi phần trong lập dàn ý?  Phần đặt vấn đề có nhiệm vụ gì? Nhiệm vụ của giải quyết vấn đề là gì? Phần kết thúc vấn đề có nhiệm vụ gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời cá nhân  **Mở bài**: Nhìn chung phần mở bài thường có nhiệm vụ giới thiệu và định hướng triển khai vấn đề  **Thân bài**: Sắp xếp các luận điểm, luận cứ trong luận điểm theo một trình tự logic (quan hệ chỉnh thể - bộ phận, quan hệ nhân - quả , diễn biến tâm trạng…)  **Kết bài**: Tóm lược nội dung đã trình bày hoặc nêu những nhân định, bình luận, nhằm khơi gợi suy nghĩ cho người đọc.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II/ LẬP DÀN Ý.**  + Là sắp xếp các ý theo trình tự logic.  **1/ Xác lập luận điểm.**  **2/ Xác lập luận cứ.**  **3/ Sắp xếp luận điểm, luận cứ ( lập luận).**  ***a/ Mở bài:*** Giới thiệu định hướng triển khai vấn đề.  **b/ Thân bài:** Triển khai lần lượt các luận điểm, luận cứ theo trình tự logic.  ***c/ Kết bài:*** Tóm lược, nhấn mạnh, mở rộng… |
| **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 1**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Tổ chức hoạt động nhóm:  **Nhóm 1+2: bài tập 1**  **Nhóm 3+4: bài tập 2**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **1. Bài tập 1:**  ***a. Phân tích đề:***  - Vấn đề cần nghị luận: Giá trị hiện thực sâu sắc của đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh*  - Nội dung:   + Bức tranh cụ thể sinh động về cuộc sống xa hoa nhưng thiếu sinh khí của những người trong phủ chúa Trịnh, tiêu biểu là thế tử Trịnh Cán   + Thái độ phê phán nhẹ nhàng mà thấm thía cũng như dự cảm về sự suy tàn đang tới gần của triều Lê – Trịnh thế kỷ XVIII  - Phương pháp: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ  - Phạm vi dẫn chứng: văn bản *Vào phủ chúa Trịnh*là chủ yếu  ***b.  Lập dàn ý:***  \* Mở bài:    - Cuộc sống giàu sang, xa hoa, phù phiếm đầy giả tạo của chúa Trịnh    - Khắc họa rõ nét chân dung ốm yếu đầy bệnh hoạn của Trịnh Cán, điển hình sự suy đồi của tập đoàn phong kiến Đàng Ngoài  \* Thân bài:  - Cuộc sống giàu sang, xa hoa, phù phiếm của chúa Trịnh    + Cảnh giàu sang của vua chúa khác hẳn người thường    + Đồ đạc nhân gian chưa từng thấy    + Lầu son gác tía, rèm châu, hiên ngọc, sập vàng    + Đồ ăn toàn của ngon vật lạ    + Bức chân dung Trịnh Cán     o Vây quanh cậu bé bao nhiêu là vật dụng (gấm vóc lụa là, vàng, ngọc, sập, nến, đèn, hương hoa, màn trướng,…)     o Người hầu hạ, cung tần, mĩ nữ đứng gần hoặc chực ở xa. Tất cả chỉ là cái bóng vật vờ, mờ ảo, thiếu sinh khí      + Thái độ và dự cảm của tác giả     o Phê phán cuộc sống ích kỷ, giàu sang, phè phỡn của nà chúa. Đặt cuộc sống xa hoa ấy vào thảm cảnh của người dân thường  \* Kết bài:  - Nhìn lại một cách khái quát  - Nêu nhận xét.  **2. Bài tập 2:** Phân tích đề:  - Vấn đề cần nghị luận: Tài năng sử dụng ngôn ngữ dân tộc của Hồ Xuân Hương  - Nội dung:   + Dùng văn tự Nôm   + Sử dụng các từ ngữ thuần Việt đắc dụng   + Sử dụng hình thức đảo trật tự từ trong câu  - Phương pháp: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với bình luận  - Phạm vi dẫn chứng: thơ Hồ Xuân Hương là chủ yếu.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **III/ LUYỆN TẬP**  **1/ Bài tập 1**  **2/ Bài tập 2** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Xác định 3 yêu cầu:** *Yêu cầu về nội dung; Yêu cầu về phương pháp;Yêu cầu phạm vi tư liệu* **cho đề bài sau:**  Đề: Suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến sau đây:“Trí tuệ phải động viên hành động. Không có trí tuệ thì hành động là vô bổ. Nhưng không có hành động thì trí tuệ là cằn cỗi”. (R.M Du Gard)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Trả lời:  *-Yêu cầu về nội dung:*Mối quan hệ giữa trí tuệ và hành động  *-Yêu cầu về phương pháp:* sử dụng các thao tác nghị luận: giải thích, phân tích, bình luận  -*Yêu cầu phạm vi dẫn chứng:* liên quan đến xã hội. |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ Lập dàn ý cho đề bài sau:**  "*Cần phải học thật nhiều để nhận thức được rằng mình biết còn rất ít”. (M. Mongtetxkio - Pháp, 1000 danh ngôn nổi tiếng, NXBT Văn hoá - Thông tin, năm 2009)*  Anh/chị suy nghĩ gì về câu nói trên?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I/ Mở bài:**  **-** Dẫn ý liên quan  - Trích nhận định.  II/ Thân bài:  ***1. Giải thích ý kịến:***  Câu nói trên khẳng định vai trò quan trọng của học vấn. Càng học nhiều, càng có nhiều kiến thức, con người càng nhận thức được những hiểu biết của minh là ít ỏi, hạn chế.  ***2. Bàn luận ý kiến***  a. Khẳng định cầu nói trên là đúng, bởi vì:  - Càng học nhiều, con người càng hiểu được kiến thức của nhân loại là vô cùng vô tận, đa dạng, phong phú ở nhiều lĩnh vực khác nhau...  - Càng học nhiều, con người càng hiểu được tốc độ phát triển về khoa học, kĩ thuật, tri thức... của thế giới rất nhanh, nếu không học tập sẽ lạc hậu...  - Càng học nhiều, con người còn tự nhận thức, khám phá chính minh, hiểu biết những hạn chế và giói hạn của mình.  b. Bàn luận mở rộng:  - Học tập là công việc suốt đời của con người, đặc biệt là tự học.  - Học để có kiến thức, học để hiểu chính mình mà khắc phục những hạn chế, thiếu sót.  - Học phải gắn với hành. Phê phán những người coi thường việc học.. .(Cần có dẫn chứng từ đời sống, sách vở để chứng minh).  ***3. Bài học nhận thức và hành động:***  -Nhận thức được câu nói trên là lời khuyên bổ ích. Học vấn có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với mỗi con người.  -Vượt khó khăn để nỗ lực học suốt đời, biết khiêm tốn để tiến bộ...  III/ Kết bài:  -Tóm lại tư tưởng  - Liên hệ bản thân |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Phân tích đề, lập dàn ý cho các đề bài sau:**  1.Trong cuộc sống, không ít những người *nghèo nhưng không hèn, tàn nhưng không phế.* Anh ( chị) bày tỏ suy nghĩ về những con người đó.   1. 2.Từ bài thơ *Câu cá mùa thu,* viết một bài văn ngắn về chủ đề *Mùa thu.*   3.Cảm hứng nhân văn qua những bài thơ trung đại Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ Văn 11.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Thực hiện đúng 2 bước:   * Phân tích đề * Lập dàn ý. |

*Ngày kí*

***Tiết 14****-Đọc văn*

***Bài ca ngất ngưởng***

*( Nguyễn Công Trứ)*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:-Nắm được những tri thức về thể hát nói là thể thơ dân tộc bắt đầu phổ biến rộng rãi từ TK XIX.

2/ Thông hiểu:-Hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tính cách một nhà nho và hiểu được vì sao có thể coi đó là sự thể hiện bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực

-Hiểu đúng nghĩa của khái niệm “ngất ngưởng” để không nhầm lẫn với lối sống lập dị của một số người hiện đại

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn trình bày ý nghĩa của những lần xuất hiện từ *ngất ngưởng.*

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn bản hát nói

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về một bài thơ, đoạn thơ

3/Hình thành nhân cách: sống có bản lĩnh,sống là chính mình

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: Tiếp nhận một thể loại văn học mới: hát nĩi, lý giải được "hiện tượng NCT" được thể hiện trong văn bản, thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá cái tơi NCT.

-Năng lực sáng tạo: Xác định được lối sống, phong cách sống NCT từ những gĩc nhìn khác nhau; HS trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình trước "hiện tượng NCT", nên cĩ những suy nghĩ sáng tạo.

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhĩm để giải quyết vđ GV đặt ra.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ:cảm nhận được vẻ đẹp của ngơn ngữ văn học; nhận ra được những giá trị thẩm mý như cái đẹp/cái xấu; cái cao cả/cái thấp hèn...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Công Trứ*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới**: Trong lịch sử văn học Việt Nam, người ta thường nói đến chữ ‘ngông”: ngông như Tản Đà, ngông như Nguyễn Tuân và ngông như Nguyễn Công Trứ. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu được chữ ngông ấy của nhà thơ Nguyễn Công Trứ | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Giới thiệu bài mới,  + PP giới thiệu: thuyết trình...  GV gọi hs đọc phần tiểu dẫn sgk, gv đưa ra câu hỏi hs trả lời.  1. Phần tiểu dẫn sgk trình bày những nội dung nào?  2. Nêu những nét cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Công Trứ?  3. Hãy xác định hoàn cảnh sáng tác, thể loại và đề tài của bài thơ ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Tác giả:** Nguyễn Công Trứ (1778- 1858)  -Quê: Hà Tĩnh , xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo.  -Có tài, có cá tính, đỗ đạt làm quan nhưng con đường làm quan gặp nhiều thăng trầm.  - Là người có công đầu với thể loại ca trù.  **2. Bài thơ :**  - Hoàn cảnh sáng tác:Bài thơ sáng tác trong thời gian ông cáo quan về ở ẩn tại quê nhà.(1848)  - Thể loại : hát nói là thể tổng hợp giữa ca nhạc và thơ, có tính chất tự do thích hợp với việc thể hiện con người cá nhân.  - Đề tài: thái độ sống của bản thân theo lối tự thuật.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Nguyễn Công Trứ (1778- 1858)  **-** Nguyễn Công Trứ là nhà nho tài tử, trung thành với lí tưởng trí quân trạch dân; cuộc đời phong phú, đầy thăng trầm; sống bản lĩnh, phóng khoáng và tự tin, có nhiều đóng góp cho dân nước;  - Góp phần quan trọng vào việc phát triển thể hát nói trong văn học Việt Nam.  **2. Bài thơ :**  - Hoàn cảnh sáng tác:  - Thể loại:  - Đề tài:  **3. Bố cục :** 3 phần  -6 câu đầu: Ngất ngưởng trong chốn quan trường.  -10 câu tiếp: Ngất ngưởng khi đã về hưu.  -3 câu cuối: Tuyên ngôn khẳng định cá tính, bản lĩnh. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: Gv giao nhiệm vụ**  GV gọi hs đọc và hướng dẫn hs giải thích từ khó.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  - Câu 1: Mọi việc trong trời đất chẳng có việc nào không phải là phận sự của ta.  - Câu 7: *Đô môn*: Kinh đô, *Giải tổ chi niên*: Năm cởi áo mũ. Năm cáo quan về hưu.  - Điển tích: *Người Tái thượng* – Chú thích 12.  1. Hãy giải thích nội dung ý nghĩa từ “ngất ngưỡng”? Từ nghĩa ấy em hãy xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ?  (hs trả lời cá nhân, gv nhận xét chốt ý)  2. Em hãy cho biết ý nghĩa câu mở đầu của bài thơ? Nhận xét cách biểu đạt của nhà thơ?  3.Trong thời gian làm quan, NCT đã thể hiện thái độ “ngất ngưởng” của mình như thế nào?  4. Vậy tại sao ông coi việc làm quan là mất tự do vậy mà vẫn ra làm quan?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời cá nhân**  **- Câu 1:**  *“Vũ trụ nội mạc phi phận sự”*  🡪 Mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta: Thái độ tự tin, ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và tài năng của bản thân.  **- Câu 2:**  *“Ông Hi văn tài bộ đã vào lồng”*  🡪 Ông coi việc nhập thế làm quan như một trói buộc, nhưng đó là điều kiện, phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình.   * **Câu 3, 4, 5, 6:** Liệt kê tài năng hơn người:   + Giỏi văn chương (khi thủ khoa)  + Tài dùng binh (thao lược)  🡪 Tài năng lỗi lạc xuất chúng: văn võ song toàn  - Khoe danh vị, xã hội hơn người:  + Tham tán  + Tổng đốc  + Đại tướng (bình định Trấn Tây)  + Phủ doãn Thừa Thiên  🡪 Thay đổi chức vụ liên tục, không chịu ở yên hoặc làm việc gì quá lâu  🢣 Hệ thống từ Hán Việt uy nghiêm trang trọng, âm điệu nhịp nhàng, nhiều điệp ngữ: khẳng định tài năng lỗi lạc, địa vị xã hội vẻ vang, xứng đáng một con người xuất chúng.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV cho học sinh thảo luận nhóm 4’ đại diện nhóm trả lời, gv nhận xét chốt ý.  Nhóm 1+2:  1. Quảng đời về hưu, nhà thơ đã có cách sống và quan niệm sống như thế nào? nhận xét về cách sống và quan niệm sống của tác giả?  Nhóm 3.  Em nhận xét gì về cá tính và bản lĩnh của tác giả ở 3 câu thơ cuối?  Nhóm 4:  4. Từ “ ngất ngưởng “ được tác giả làm cảm hứng chủ đạo trong bài khẳng định điều gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Nhóm 1+2: trả lời**  \* Cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân: 6 câu đầu  + Cưỡi bò đeo đạc ngựa.  + Đi chùa có gót tiên theo sau.  Chứng kiến cảnh ấy bụt cũng nực cười-> Là những hành động khác thường, ngược đời, đối nghịch thậm chí lập dị với quan điểm của các nhà nho phong kiến. Đó là một cá tính nghệ sĩ, sống phóng túng, tự do, thích gì làm nấy, sống theo cách riêng của mình.  - Quan niệm sống:  + “ Được mất ... ngọn đông phong”  ->NCT không màng đến chuyện khen chê được mất của thế gian, sánh mình với bậc danh tướng, khẳng định lòng trung với vua, nhấn mạnh thái độ sống ngất ngưởng. Sống ung dung yêu đời vượt thế tục nhưng một lòng trung quân.  + “Khi ca… khi tùng” “khi” lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ triền miên .  + “ Không …tục”: không phải là Phật, không phải là tiên, không vướng tục , sống thoát tục, sống không giống ai, sống ngất ngưởng.  \* **Nhóm 3**  - Câu cuối: vừa hỏi vừa khẳng định: mình là một đại thần trong triều, không có ai sống ngất ngưởng như ông cả.  - Nêu bật sự khác biệt của mình so với đám quan lại khác: cống hiến, nhiệt huyết.  - Ý thức muốn vượt ra khỏi quan niệm “đạo đức” của nhà nho.  - Thể hiện tấm lòng sắt son, trước sau như một đối với dân, với nước.  🡪 Ngất ngưởng nhưng phải có thực tài, thực danh  \* **Nhóm 4** : sự khác biệt của NCT với đám quan lại pk, là sự tự ý thức về tài năng, phẩm chất và quan niệm sống thoát tục của NCT. Qua đó ta thấy rõ một nhân cách cứng cỏi, 1 tài năng, 1 phẩm giá của một danh sĩ nửa đầu TK XIX.  GV: Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**    **1. Cảm hứng chủ đạo :**  -Từ “ ngất ngưởng” : → thế cao chênh vênh, không vững, nghiêng ngã.  → tư thế, thái độ cách sống ngang tàng, vượt thế tục của con người.  *- Ngất ngưởng*: Là phong cách sống nhất quán của Nguyễn Công Trứ: Kể cả khi làm quan, ra vào nơi triều đình, và khi đã nghỉ hưu. Tác giả có ý thức rất rõ về tài năng và bản lĩnh của mình.  **2**/ **6 câu đầu: Ngất ngưởng trong chốn quan trường:**  “ Vũ trụ nội mạc phi phận sự”  → mọi việc trong tời đất đều là phận sư của ông.  => Tuyên ngôn về chí làm trai của nhà thơ. Quan niệm sống là hành động.  - Nêu những việc mình đã làm ở chốn quan trường và tài năng của mình:  + Tài học (thủ khoa).  + Tài chính trị (tham tan, tổng đốc)  + Tài quân sự (thao lược) đã làm ông thành “một tay” (con người nổi tiếng) về tài trí.  → Tự hào mình là một người tài năng lỗi lạc, danh vị vẻ vang văn vẻ toàn tài.  => 6 câu thơ đầu là lời từ thuật chân thành của nhà thơ lúc làm quan khẳng định tài năng và lí tưởng trung quân, lòng tự hào về phẩm chất, năng lực và thái độ sống tài tử, phóng khoáng khác đời ngạo nghễ của một người có khả năng xuất chúng. Hay thái độ sống của người quân tử bản lĩnh, đầy tự tin, kiên trì lí tưởng.  **3. 10 câu tiếp: Ngất ngưởng khi đã về hưu**  - Cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân: 6 câu đầu    - Quan niệm sống:  + “ Được mất ... ngọn đông phong”  + “Khi ca… khi tùng” “khi” lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ triền miên .  + “ Không …tục”: không phải là Phật, không phải là tiên, không vướng tục , sống thoát tục, sống không giống ai, sống ngất ngưởng.  **4. 3 câu thơ cuối: Tuyên ngôn khẳng định cá tính, bản lĩnh:**  + “ Chẳng trái Nhạc.. Nghĩa vua tôi cho trọn đạo sơ chung”  → khẳng định bản lĩnh, khẳng định tài năng sánh ngang bậc danh tướng. Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành.  +Câu thơ cuối:“ Trong triều ai ngất ngưởng như ông”  **4. Đặc sắc nghệ thuật:**  Vận dụng thành công thể hát nói để bộc lộ tài năng, nhân cách cũng như quan niệm sống của tác giả. Giai điệu thơ hóm hỉnh, trào phúng.  **III. Ý nghĩa văn bản:**  **Con người Nguyễn Công Trứ thể hiện trong hình ảnh “ông ngất ngưởng”: từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn tự do phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh mẽ, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến.** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  ***Câu hỏi 1:*** Ý nào nói không đúng đặc điểm của thể hát nói?  a. Có sự chuyển hóa linh hoạt giữa các câu thơ dài ngắn khác nhau trong bài.  b. Số câu trong bài không cố định,dao động từ 7 câu đến 23 câu.  c. Gồm cả nhạc, cả thơ và lời nói. d. Dùng hình thức biền văn, câu văn 4 chữ,6 chữ, 8 chữ sóng đôi với nhau.    ***Câu hỏi 2:*** Thể hát nói phù hợp với việc diễn tả tâm trạng của các nghệ sĩ nào?  a. Tài hoa ,tài tử. b. Khuôn mẫu, mực thước. c. Thâm trầm, kín đáo. d. Bồng bột, nông nổi.    *Câu hỏi 3:* Nghĩa gốc của từ [***ngất ngưởng***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\21-%20Bai%20ca%20ngat%20nguong.htm) là gì?  a. Dùng để chỉ một tư thế nghiêng ngả, không vững đến mức chực ngã. b. Dùng để chỉ một  dáng điệu, cử chỉ khônng nghiêm chỉ, không đứng đắn. c. Dùng để chỉ tư thế nằm không  ngay ngắn, không nghiên chỉnh, lộn xộn. d. Dùng cho một ai đó tự nghĩ mình hơn người, luôn coi thường người khác.    ***Câu hỏi 4:*** Thực chất thái độ sống ***ngất ngưởng*** ở Nguyễn Công Trứ là gì? a.  Coi thường tất cả, chỉ coi trọng bản thân. b.  Vươn lên trên thế tục, sống khác đời, khác người. c.  Sống lệ thuộc vào người khác, và những thói quen cố hữu, nhàm chán. d. Không dám sống hết mình cho mình và cho người, lo sợ dư luận xã hội.    ***Câu hỏi 5:*** Câu **“*Vũ trụ nội mạc phi vận sự*”** cho thấy Nguyễn Công Trứ là con người như thế nào?         a. Có trách nhiệm cao với cuộc đời. b.Có tài năng xuất chúng, hơn người. c. Có niềm tin sắt đá vào bản thân.  d.Có lòng yêu nước tha thiết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='a'  [3]='a'  [4]='b'  [5]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:  *Vũ trụ nội mạc phi phận sự,*  Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.  Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,  Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng.  Lúc bình Tây, cầm cờ Đại tướng,  Có khi về, Phủ doãn Thừa Thiên  **( Trích Bài ca ngất ngưởng- Nguyễn Công Trứ)**  1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên ?  2/ Câu thơ *Vũ trụ nội mạc phi phận sự* được hiểu như thế nào ? Ý nghĩa của câu thơ là gì ?  3/ Xác định phép liệt kê trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê đó.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Nội dung chính của đoạn thơ : Nguyễn công Trứ với lối sống ngất ngưởng khi đương chức, đương quyền.  2/ Câu thơ *Vũ trụ nội mạc phi phận sự* được hiểu : Trong trời đất, không có việc gì không phải là phận sự của ta. Ý nghĩa của câu thơ là thể hiện quan niệm của nhà nho đầy tự tin, tự hào vào tài trí và lí tưởng của mình.  3/ Phép liệt kê trong đoạn thơ : Nguyễn Công Trứ liệt kê các vị trí, chức quan ông đã trải qua. Đó là những vị trí cao nhất trong phạm vi của nó: Thủ khoa (đứng đầu khoa thi Hương, tức Giải nguyên), Tham tán (đứng đầu đội quan văn tham chiến: Tham tán quân vụ, Tham tán đại thần), Tổng đốc (Đứng đầu một tỉnh hoặc vài ba tỉnh), Đại tướng (cầm đầu đội quân bình Trấn Tây), Phủ doãn (Đứng đầu ở kinh đô).  Hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê : khẳng định niềm tự hào về một tài năng lỗi lạc, xuất chúng mà bất cứ kẻ sĩ nào thời trung đại cũng mơ ước và nể trọng. Qua đó, tác giả cũng tự cho rằng mình hơn người ở tài năng, một trong những biểu hiện đầu tiên về *ngất ngưởng* trong bài thơ. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Bài ca ngất ngưởng  + Tìm nghe bài ca trù Bài ca ngất ngưởng. Viết đoạn văn cảm nhận  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tìm nghe trên Yutube. Cảm nhận chân tực, cảm xúc.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Ngày kí

***Tiết 15 + 16****- Đọc văn*

***Bài ca ngắn đi trên bãi cát***

*(Sa hành đoản ca)*

*- Cao Bá Quát-*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua bài thơ

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: Tiếp nhận một thể loại văn học mới: thể hành, lý giải được hiện tượng đời sống trong XHPK được thể hiện trong văn bản (học hành, thi cử, đỗ đạt, làm quan), thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá thái độ tác giả.

-Năng lực sáng tạo: Xác định được tâm trạng và suy nghĩ CBQ từ những góc nhìn khác nhau; HS trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với vấn đề đề, nên có những suy nghĩ sáng tạo.

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhĩm để giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ:cảm nhận được vẻ đẹp của ngơn ngữ văn học; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ như cái đẹp/cái xấu; cái cao cả/cái thấp hèn...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả Cao Bá Quát  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Sống trong một xã hội mục nát của triều Nguyễn, không ít những nhà nho đã chán ghét cuộc sống mưu cầu danh lợi tầm thường để khao khát có một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Cao Bá Quát là một trong những nhà nho ấy. Để hiểu rõ hơn tâm hồn và nhân cách của ông, chúng ta sẽ tìm hiểu Bài ca ngắn đi trên bãi cát của ông.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc phần Tiểu dẫn.  **+ GV:** Từ phần *Tiểu dẫn* trên, hãy cho biết những nét chính về tác giả?  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác phẩm.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**    **+ GV:** Từ phần *Tiểu dẫn* trên, em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời tác phẩm và đặc điểm của thể loại hành?  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **+ HS:** Đọc *Tiểu dẫn.*  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Tác giả:**  **2. Tác phẩm:**  3. Bố cục:  4. Thể thơ:   * HS quan sát SGK trả lời.   **+ HS:** Đọc bài thơ, thảo luận, phát biểu.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | **A. Tìm hiểu chung**  1. Tác giả:  - Cao Bá Quát là người có tài cao, nổi tiếng văn hay chữ tốt và có uy tín lớn trong giới trí thưc đương thời (*thần Siêu thánh Quát*).  - Tác giả là người có khí phách hiên ngang, có tư tưởng tự do, ôm ấp hoài bão lớn, mong muốn sống có ích cho đời.  2. Tác phẩm:  - Hoàn cảnh ra đời: viết trong khi đi thi Hội.Trên đường vào kinh đô Huế, qua các tỉnh miềnTrung đầy cát trắng( Quảng Bình, Quảng Trị ).  - Thể loại: thơ cổ thể, không bò bó về luật, không hạn chế về số câu, gieo vần linh hoạt. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Gọi HS đọc bài thơ, chú thích, thảo luận tìm bố cục bài thơ.  **+ GV:** Lưu ý về giọng điệu, nhịp.  **+ GV:**  đọc lại.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức**  ***Thao tác 2:*** Tìm hiểu văn bản  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Hoàn cảnh ra đời của bài thơ ảnh hưởng thế nào đến nội dung của nó?  **+ GV:** Hình ảnh bãi cát được miêu tả như thế nào qua 4 câu thơ đầu? Hình ảnh bãi cát là hình ảnh thực hay đó là hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng? Giải thích?  **+ GV:** Giải thích thêm.  Là người tài năng nhưng thi hội đậu hạng hai lại bị đanh xuống hạng bét. Cả ba lần vào Huế thi đình đều bị đánh hỏng  **+ GV:** Diễn biến tâm trạng của người khách đi trên cát được thể hiện như thế nào ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **a. Hình tượng bãi cát:**  - Mang ý nghĩa tả thực:  *+ “Bãi cát dài lại bãi cát dài”*  🡪 Điệp từ: gợi lên hình ảnh những bãi cát nối tiếp nhau đến vô tận.  *+ “Đi một bước lùi một bước”*  🡪 Đi trên cát nhọc nhằn, khó khăn, vất vả hơn con đường bình thường. Điều mà Cao Bá Quát đã trải nghiệm nhiều lần trên con đường đi tìm công danh.  - Nghĩa ẩn dụ, tượng trưng: con đường đời đầy chông gai mà kẻ sĩ như Cao Bá Quát phải dấn thân để mưu cầu công danh.  **b. Hình tượng lữ khách:**  *- “Đi một bước như lùi một bước*  *Lữ khách trên đường nước mắt rơi”*  🡪 Cảnh tượng một người đi trong không gian mù mịt, mênh mông, khó xác định được phương hướng.  *- “Lữ khách trên đường nước mắt rơi”*  🡪 Lúc mặt trời đã lặn, con người đều tìm chốn nghỉ ngơi, người lữ khách vẫn mải miết trên con đường vất vả đến nỗi phải tuôn rơi nuớc mắt.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **\*Nhóm 1:** Đang từ xúc động, đau khổ (nước mắt rơi), dòng tâm trạng và suy nghĩ của nhà thơ chuyển biến như thế nào?  Phân tích 6 câu tiếp theo để lí giải tâm trạng của họ Cao. Vì sao ông lại có suy nghĩ và tâm trạng ấy?  Em hiểu cụm từ *đường danh lợi* như thế nào trong hoàn cảnh chế độ phong kiến?  **Nhóm 2:** Người đang đi bỗng dừng lại gọi hỏi bãi cát. Những câu hỏi liên tiếp thể hiện tâm trạng gì của ông?  Hình ảnh thiên nhiên lại được miêu tả có dụng ý gì? Em hiểu khúc đường cùng (cùng đồ) là thế nào?  **Nhóm 3:** Nhận xét cách xưng hô và dụng ý nghệ thuật của nó trong bài thơ.  **Nhóm 4:** Mâu thuẫn trong tâm trạng của người đi trên cát có ý nghĩa gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện** \* **Nhóm 1**  -Hai câu: *Không học …lội suối, giận khôn vơi* dẫn từ tích cổ.Ở đây, tác giả tự cảm thấy giận mình vì không có khả năng như người xưa, mà phải tự mình hành hạ thân xác mình, chán nản, mệt mỏi vì công danh - danh lợi.  Hai câu tiếp: *Xưa nay… đường đời* nói về sự cám dỗ của cái bả công danh đối với người đời. Vì công danh - danh lợi (danh vọng đi với quyền lợi) mà con người phải bôn tẩu - tất tả xuôi ngược, khó nhọc mà vẫn đổ xô vào. Hai câu thơ đã thể hiên sự chán ghét, khinh bỉ của Cao Bá Quát đối với phường danh lợi. Ông muốn đứng cao hơn bọn ấy, không muốn đi theo con đường đau khổ ấy, nhưng chưa biết tìm lối rẽ nào và đi về đâu, theo hướng nào.  Hai câu tiếp: *Đầu gió … tỉnh bao người* tiếp tục thể hiện tâm trạng chán ghét danh lợi và phường danh lợi như kẻ say sưa trong quán rượu, thấy quán rượu ngon, rượu thơm thì đua tìm đến và say sưa thưởng thức một cách tầm thường. Danh lợi cũng là một thứ rượu ngon dễ cám dỗ, làm say người. Câu hỏi của nhà thơ như trách móc, như giận dữ, như lay tình người khác nhưng cũng chính là tự hỏi bản thân. Ông đã nhận ra tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, con đường công danh đương thời là vô nghĩa, tầm thường.  \* **Nhóm 2**  -Câu cảm và những câu hỏi tu từ tiếp theo chứng tỏ tâm trạng băn khoăn, day dứt và có phần bế tắc .  - Khúc đường cùng (cùng đồ) ờ đây hoàn toàn chỉ có nghĩa biểu tượng. Nỗi tuyệt vọng trùm lên cả bãi cát dài, cả người đi. Ông chỉ còn có thể hát lên bài ca về con đường cùng của mình, về sự bế tắc, tuyệt vọng của mình trước cuộc đời.  -Tư thế dừng lại nhìn bốn phía mà hỏi vọng lên trời cao, lại hỏi chính lòng mình thể hiện khối mâu thuẫn lớn đang đè nặng trong tâm trí nhà thơ.  \* **Nhóm 3**  Ba đại từ nhân xưng khác nhau: khách - lữ khách, anh ấy: đại từ nhân xưng ngôi thứ 3 số ít; quân: anh, ông: đại từ nhân xưng ngôi thứ 2, số ít; ngã - tôi, ta: đại từ nhân xưng ngôi thứ 1, số ít. Tác giả muốn đặt mình vào các vị trí khác nhau, các điểm nhìn khác nhau để có những cách nói khác nhau bộc lộ tâm trạng của chính mình, đối thoại với chính mình, thể hiện mâu thuẫn hiện tồn trong tâm trí mình.  \* **Nhóm 4**  Đó là mâu thuẫn giữa khát vọng sống cao đẹp với hiện thực đen tối, mù mịt, giữa tinh thần xông pha vì lí tưởng của kẻ sĩ với thói cầu danh lợi của người đời và những khó khăn gian khổ trên con đường đi tìm chân lí  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **B. Đọc hiểu văn bản**  **I. Đọc- bố cục**  - Giải nghĩa từ khó  - Thể thơ: cổ thể- hành ca -> Một thể loại thơ cổ Trung Quốc có phần tự do về số tiếng, số câu, vần, nhịp điệu.  - Bố cục: 3phần  **+ Bốn câu đầu: tiếng khóc cho cuộc đời bể dâu.**  **+ Tám câu tiếp: tiếng thở dài, oán trách bởi ý thức sâu sắc về mâu thuẫn giữa khát vọng, hoài bão của mình và thực tế cuộc đời trớ trêu, ngang trái.**  **+Ba câu cuối: tiếng kêu bi phẫn, tuyệt vọng**  **II. Tìm hiểu văn bản**  *1. Nội dung:*  - Bốn câu đầu: Tiếng khóc cho cuộc đời dâu bể: Hình ảnh bãi cát dài mênh mông, nối tiếp nhau, hình ảnh con đường như bất tận, mờ mịt, tình cảnh của người đi đường.  + Đi một bước như lùi một bước, vừa là cảnh thực vừa là tượng trưng cho con đường công danh gập ghềnh của tác giả.  - Hình ảnh bãi cát: Tượng trưng cho môi trường xã hội, con đường đời đầy chông gai, gian khổ, nhọc nhằn  - Hình ảnh người đi trên cát: Tượng trưng cho con người buộc phải dấn thân trong cuộc đời để mưu cầu sự nghiệp, công danh cho bản thân, cho gia đình, dòng họ  + Mặt trời lặn mà vẫn còn đi, nước mắt rơi lã chã, tâm trạng đau khổ.  => Nhà thơ nhìn thấy con đường danh lợi đáng chán đáng buồn, đầy chông gai.  - Tám câu tiếp: Tiếng thở than, oán trách bởi ý thức sâu sắc về mâu thuẫn giữa khát vọng, hoài bão của mình và thực tế cuộc đời trớ trêu ngang trái.  + Nỗi chán nản vì tự mình hành hạ thân xác, theo đuổi công danh và ước muốn trở thành ông Tiên có phép ngủ kĩ.  + Sự cám dỗ của cái bả công danh đối với người đời.  + Nỗi băn khoăn, trăn trở: đi tiếp hay từ bỏ con đường công danh ?  - Ba câu cuối: tiếng kêu bi phẫn, bế tắc, tuyệt vọng. Hình ảnh thiên nhiên trở lại: Phía Bắc, phía Nam đều đẹp hùng vĩ nhưng cũng đầy khó khăn hiểm trở. Đi mà thấy phía trước là đường cùng, là núi là biển khó xác định phương hướng  => Tư thế dừng lại nhìn bốn phía mà hỏi vọng lên trời cao, lại hỏi chính lòng mình thể hiện khối mâu thuẫn lớn đang đè nặng trong tâm trí nhà thơ.  **2. Nghệ thuật:**  - Sử dụng thơ cổ thể, hình ảnh có tính biểu tượng.  - Thủ pháp đối lập, sáng tạo trong dùng điển tích.  **3. Ý nghĩa văn bản:**  Khúc bi ca mang đậm tính nhân văn của một con người cô đơn, tuyệt vọng trên đường đời thể hiện qua hình ảnh bãi cát dài, con đường cùng và hình ảnh người đi cùng. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  ***Câu hỏi 1:*** Ý nào sau đây không nói về đặc điểm nổi bật của con người Cao Bá Quát?  a. Có tài cao, nổi tiếng hay chữ, viết chữ đẹp. b. Có uy tín lớn trong giới trí thức,được tôn vinh như bậc “thánh”. c. Có khí phách hiên ngang,tư tưởng tự do, phóng khoáng, d.Có thái độ sống ngất ngưởng, ngông ngạo, khinh bạc.    ***Câu hỏi 2:******Bãi cát* và *con đường*** trong bài thơ [Sa hành đoản ca](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\22-%20Sa%20hanh%20doan%20ca.htm) của Cao Bá Quát tượng trưng cho cái gì?  a. Những thử thách trong cuộc sống đối với tác giả và nhiều trí thức đương thời. b. Con đường đời, con đường công danh nhọc nhằn của tác giả và của nhiều trí thức đương thời. c. Những hiểm nguy rình rập táa giả và những trí thức đương thời có cùng tư tưởng với ông. d. Những cái đích mà tác giả và biết bao trí thức đương thời đang mơ ước vươn tới.    ***Câu hỏi 3:***Hình ảnh người đi đường – nhân vật trữ tình – nhà thơ được tác giả khắc họa như thế nào trong bài?  a. Thật khốn khổ. b. Có nhiều nghị lực. c. Hay gặp khó khăn. d. Gặp nhiều may mắn.    ***Câu hỏi 4:*** Khi nói về “hạng người danh lợi”, trong lòng tác giả có nhiều mâu thuẫn. Ý nào sau đây không phải là một trong những mâu thuẫn:  a. Tác giả cho rằng con đường mình đang đi là cao cả nhưng hầu như chỉ có mình đi trên con đường ấy. b. Con đường mà “hạng người danh lợi” đang đi là thấp hèn nhưng lại có vô số người theo. c. Tác giả khinh bỉ những phường danh lợi tầm thường kia nhưng lại chua xót nhận ra sự cô độc của mình. d. Tác giả vừa muốn đi tiếp con đường mà mình đã chọn, vừa muốn đi chung con đường với “hạng người danh lợi” .  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='c'  [3]='a'  [4]='b' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:  *Đô môn giải tổ chi niên,*  ...........................................  Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.  Trong triều ai ngất ngưởng như ông.  **( Trích Bài ca ngất ngưởng- Nguyễn Công Trứ)**  1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên ?  2/ Sau khi cởi mũ, cáo quan ra khỏi cuộc sống bó buộc chốn quan trường bon chen, Nguyễn Công Trứ có những hành vi kỳ quặc, lập dị đến ngất ngưởng. Đó là những việc gì? Ý nghĩa của hành động đó?  3/ Xác định thủ pháp đối lập trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của thủ pháp đó.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | *Trả lời:*  1/ Nội dung chính của đoạn thơ   * Nguyễn Công Trứ với lối sống ngất ngưởng khi từ quan. * Nhà thơ tổng kết lại toàn bộ cuộc đời “ngất ngưởng”.   2/    -Sau khi cởi mũ, cáo quan ra khỏi cuộc sống bó buộc chốn quan trường bon chen, Nguyễn Công Trứ có những hành vi kỳ quặc, lập dị đến ngất ngưởng. Người ta cưỡi ngựa đi giao du thiên hạ thì ông cưỡi bò, lại còn đeo cho một cái đạc ngựa khiến cả chủ lẫn tớ đều ngất ngưởng. Đi thăm thú cảnh chùa mà vẫn đeo kiếm cung bên người và mang theo “một đôi dì". Rõ ràng trong bộ dạng từ bi Nguyễn Công Trứ vẫn vương đầy nợ trần, vẫn đèo bòng đằng sau mấy bóng giai nhân. Cốt cách của một khách tài tử, văn nhân chính là ở đó...      - Đó là lối sống phá cách của một con người thích làm những chuyện trái khoáy ngược đời để ngạo đời, thể hiện thái độ và khát vọng  sống tự do tự tại.  3/ Thủ pháp đối lập trong đoạn thơ :  - Ông là người vừa giỏi văn (Thủ khoa, Tổng đốc, Phủ doãn) , vừa giỏi võ (Tham tán, Đại tướng).  - Ông là một tay kiếm cung (dữ dội) - dáng từ bi (hiền lành); gót tiên (thoát tục, già lão) - một đôi dì (đầy trần tục, trẻ trung); Bụt (Phật với triết lí khổ hạnh, nghiêm trang) - nực cười (con người lạc quan, hài hước, bao dung); được - mất; khen- chê; ca, tửu, cắc tùng (hành lạc, phóng lãng) - Phật Tiên (thoát tục, tiết dục); ca, tửu, cắc tùng (hành lạc, tao nhã) - tục (đời thường); Phật Tiên (thoát tục) -tục (đời thường); Hàn, Nhạc (quan võ, nhập thế) - Mai Phúc (quan văn, ẩn sĩ xuất thế); vua - tôi; sơ - chung.  Hiệu quả nghệ thuật : Ngất ngưởng đối với Nguyễn Công Trứ không phải là lệch chuẩn, là phá bỏ mà chính là sự đa tài, đa nghệ và bản lĩnh cao cả của mình; là sự xuất chúng, quảng bác của bản thân. Điều đó lí giải những mâu thuẫn trong cuộc đời Nguyễn Công Trứ mà người ta đã từng đặt ra đối với ông. Ông đã tự hào vì dám sống cho mình, bỏ qua sự gò bó của lễ và danh giáo. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1 : GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Sa hành đoản ca  + Tìm đọc các bài viết nói về giai thoại Cao bá Quát  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*Ngày kí*

***Tiết 17 - Tiếng Việt***

**Thực hành về thành ngữ, điển cố**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Biết nhận diên thành ngữ, điển cố trong văn bản văn học

2/ Thông hiểu:Ý nghĩa của thành ngữ, điển cố trong văn bản văn học.

3/Vận dụng thấp: Lý giải ý nghĩa của thành ngữ, điển cố trong văn bản

4/Vận dụng cao: Viết bài văn nghị luận có sử dụng thành ngữ, điển cố phù hợp

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thành ngữ, điển cố khi tạo lập văn bản;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức hiểu biết về thành ngữ, điển cố;

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần tự hào về sáng tạo thành ngữ của cha ông và tiếp thu điển cố của người xưa.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thành ngữ và điển cố

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản có sử dụng thành ngữ, điển cố

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của thành ngữ, điển cố

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các sử dụng thành ngữ, điển cố hợp lí trong tiếng Việt

- Năng lực phân tích, so sánh sự khác nhau khi dùng thành ngữ, điển cố .

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Điền vào chỗ trống các câu sau:  + Thắt...buộc...  + Mèo...gà....  + .......biết mấy nắng mưa  Có khi....đã vừa người ôm ( Trích Truyện Kiều-Nguyễn Du)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Thành ngữ gắn với cụm từ cố định còn tục ngữ gắn với câu, thường được cấu tạo dài hơn và có logic nội tại. Cả thành ngữ và điển cố đều là cụm từ cố định nhưng cấu tọ của điển cố không cấu tạo chặt chẽ như thành ngữ. Nhìn chung thành ngữ và điển cố đều có sức biểu cảm và khái quát. Ngoài ra điển cố còn giúp ta hiểu biết về xã hội, về lịch sử văn học . Vậy cụ thể thế nào, ta tìm hiểu bài học.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS ôn lại khái niệm thành ngữ, điển cố.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV: Cho học sinh tìm hiểu lại kiến thức về thành ngữ, điển cố  GV cho ví dụ: Tiêu biểu ở tiếng Việt là các thành ngữ so sánh (ví dụ: “nhanh như sóc”, thành ngữ đối (ví dụ “chân ướt chân ráo) thành ngữ thường (ví dụ” nói vã bọt mép.)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Khái niệm:**  - Thành ngữ: là những cụm từ cố định, được hình thành trong lịch sử và tồn tại dưới dạng sẵn có, được sử dụng nguyên khối, có ý nghĩa biểu đạt và chức năng sử dụng tương tương với từ nhưng có giá trị hình tượng và biểu cảm rõ rệt, mang lại cho lời nói những sắc thái thú vị.  - Điển cổ: Là những sự vật, sự việc trong sách vở đời trước, hoặc trong đời sống văn hoá dân gian, được dẫn gợi trong văn chương, sách vở đời sau nhằm thể hiện những nội dung tương ứng. Về hình thức, điển cố không có hình thức cố định mà có thể được biểu hiện bằng từ ngữ, hoặc câu, nhưng về ý nghĩa thì điển cố có đặc điểm hàm súc, ý vị, có giá trị tạo hình tượng và biểu cảm. |
| **\* Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Nhóm 1: Bài tập 1,2**  **Nhóm 2: Bài tập 3,4**  **Nhóm 3: Bài tập 5,6**  **Nhóm 4: Bài tập 7**  **- GV:** Yêu cầu học sinh tìm các thành ngữ trong đoạn thơ, đồng thời giải nghĩa các thành ngữ đó?  **- GV:** Yêu cầu học sinh so sánh các thành ngữ trên với các cụm từ thông thường về cấu tạo và ý nghĩa?  **Hướng dẫn học sinh làm bài tập 2**  **- GV:** Yêu cầu học sinh phân tích giá trị nghệ thuật của các TN in đậm ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  1. Bài tập1  + “ Một duyên hai nợ” -> Một mình phải đảm đang công việc gia đình để nuôi cả chồng và con  + “ Năm nắng mười mưa” -> Vất vả cực nhọc, chịu đựng dãi dầu nắng mưa  => Các thành ngữ ngắn gọn, cô đọng, cấu tạo ổn định, đồng thời qua hình ảnh cụ thể, sinh động thể hiện nội dung khái quát và có tính biểu cảm.  2.Bài tập 2  + “ Đầu trâu mặt ngựa” -> biểu hiện được tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan quân đến nhà Thuý Kiều khi gia đình nàng bị vu oan  + “ cá chậu chim lồng” -> biểu hiện được cảnh sống tù túng, chật hẹp, mất tự do  + “Đội trời đạp đất” -> biểu hiện được lối sống và hành động tự do, ngang tàng, không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền nào. Nó dùng để nói về khí phách hảo hán, ngang tàng của Từ Hải  => Các thành ngữ trên đều dùng hình ảnh cụ thể và đều có tính biểu cảm: Thể hiện sự đánh giá đối với điều được nói đến.  \* **Nhóm 2**  + “Giường kia”: Gợi lại chuyện về Trần Phồn thời Hậu Hán dành riêng cho bạn là Từ Trĩ một cái giường khi bạn đến chơi, khi bạn về lại treo giường lên  + “đàn kia” gợi lại chuyện Chung Tử Kì nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được ỹ nghĩ của bạn. Do đó sau khi bạn chết, Bá Nha treo đàn không gẩy nữa vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình  -> Đặc điểm của điển cố: Chữ dùng ngắn gọn mà biểu hiện được tình ý sâu xa, hàm súc  -> Điển cố chính là những sự việc trước đây hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn ra và sử dụng lồng ghép vào bài văn, vào lời nói để nói về những điều tương tự  4. Bài tập 4  + “Ba thu”: Kinh thi có câu: “Nhất nhật bất kiến như tam thu hề” ( Một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu) -> câu thơ trong “Truyện Kiều” muốn nói khi KT đã tương tư TK thì một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba năm  + “ Chín chữ”  + “Liễu Chương Đài”  + “ Mắt xanh  **- GV:** Yêu cầu học sinh phân tích tính hàm súc, thâm thuý của các điển cố.  **\* Hướng dẫn học sinh làm bài tập 5.**  **- GV:** Tìm các cụm từ tương đương về nghĩa để thay thế các thành ngữ?  **- HS:** Tìm các cụm từ tương đương về nghĩa để thay thế  **- GV:** Rút ra nhận xét về hiệu quả của mỗi cách diễn đạt.  **- HS:** Rút ra nhận xét.  **Hướng dẫn học sinh làm bài tập 6.**  **- GV:** Gọi lần lượt các học sinh đặt câu với các thành ngữ.  **- HS:** Thảo luận chung và lần lượt trả lời.  \* **Nhóm 3**  - “ Ma cũ bắt nạt ma mới” -> ỷ thế thông thuộc địa bàn, quan hệ rộng...bắt nạt người mới đến lần đầu  Thay thế : bắt nạt người mới đến  - “ Chân ướt chân ráo” -> vừa mới đến còn lạ lẫm  - “ Cưỡi ngựa xem hoa” -> làm việc qua loa, không đi sâu đi sát, không tìm hiểu thấu đáo, kĩ lưỡng  Thay thế: Qua loa  => Khi thay thế có thể biểu hiện được phần nghĩa cơ bản nhưng mất đi phần sắc thái biểu cảm, mất đi tính hình tượng và dài dòng hơn  **Đặt câu với thành ngữ:**  - Chị ấy sinh rồi, *mẹ tròn con vuông.*  - Mày đừng có *trứng khôn hơn vịt* nhé!  - Được chưa, *nấu sử sôi kinh* vậy mà thi cử liệu có đậu không?  - Bọn này *lòng lang dạ thú* lắm, đừng có tin.  - Trời, bày đặt *phú quý sinh lễ nghĩa!*  - Tao *đi guốc trong bụng* mày rồi, có gì cứ nói thẳng ra.  - Chỉ bảo bao nhiêu lần rồi mà làm không được, đúng là *nước đổ đầu vịt*!  - Thôi, hai đứa lui ra đi, *dĩ hòa vi quý* mà!  - Mày đừng bày đặt xài sang, *con nhà lính, tính nhà quan* thì sau này đói ráng chịu nhé!  - Không nên hỏi làm gì, mất công người ta nói mình *thấy người sang bắt quàng làm họ*.  **Hướng dẫn học sinh làm bài tập 7.**  **- GV:** Gọi lần lượt các học sinh đặt câu với các điển cố.  **- HS:** Thảo luận chung và lần lượt trả lời.  \* **Nhóm 4** **Bài tập 7:**  **Đặt câu với mỗi điển cố.**  - Lần này thì lòi *gót chân A- sin* ra rồi.  - Nó cứ chi tiêu hoang đàng, nên giờ *nợ như chúa Chổm.*  - Anh phải quyết đoán, chứ không là thành kẻ *đẽo cày giữa đường* đấy!  - Nó là *gã Sở Khanh*, nên bây giờ cô ấy khổ.  - Với *sức trai Phù Đổng* , thanh niên đang đóng góp nhiều công sức cho công cuộc xây dựng đất nước.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | II.LUYỆN TẬP:  1. Bài tập1  + “ Một duyên hai nợ”  + “ Năm nắng mười mưa”  2.Bài tập 2  + “ Đầu trâu mặt ngựa”  + “ cá chậu chim lồng”  + “Đội trời đạp đất”  3. Bài tập 3:  + “Giường kia”:  + “đàn kia”  4. Bài tập 4  + “Ba thu”:  5. Bài tập 5  - “ Ma cũ bắt nạt ma mới”  - “ Chân ướt chân ráo” -> vừa mới đến còn lạ lẫm  - “ Cưỡi ngựa xem hoa”  6.Bài tập 6  VD : Nói với nó như nước đổ đầu vịt, chẳng ăn thua gì  VD : Mọi người đã đi guốc trong bụng anh rồi  7. Bài tập7  VD : Thời buổi bấy giờ thiếu gì những gã sở khanh chuyên lừa gạt những phụ nữ thật thà ngay thẳng |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng của các thành ngữ sau:  -Nhân vô thập toàn'  -Vô danh tiểu tốt:  -Hữu danh vô thực:  -Hữu dũng vô mưu:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | -Nhân vô thập toàn': con người không thể không có lỗi lầm/NB: nhìn nhận và đánh giá con người một cách độ lượng, bao dung.  -Vô danh tiểu tốt: tên lính nhỏ không có tên tuổi gì/NB: thân phận thấp hèn.  -Hữu danh vô thực: có cái danh (hão) nhưng không có thực tài hoặc thực quyền/NB: háo danh một cách mù quáng, tự biến mình thành một thằng hề làm trò cười cho thiên hạ.  -Hữu dũng vô mưu: có sức khoẻ mà không có mưu kế/NB: hành động một cách mù quáng, mê muội; thường phải trả giá đắt. |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Xác định thành ngữ và giải thích thành ngữ được dùng trong bài thơ sau:  Cảm ơn bà biếu gói cam, Nhận thì không đúng, từ làm sao đây! Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai Tháng 1 năm 1946 **Hồ Chí Minh**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Thành ngữ: Khổ tận cam lai** * **Giải thích:** * Đây là câu thành ngữ Hán Việt. Khổ: nghĩa là đắng, khốn khổ (như từ "thống khổ" tức đau khổ) Tận: nghĩa là hết, đến tận cùng Cam: nghĩa là ngọt (như từ "cam thảo" tức cỏ ngọt) Lai: nghĩa là đến, tới (như từ "tương lai" tức sắp đến, sắp tới) Khổ tận cam lai nghĩa là Đắng hết ngọt đến, khổ cực hết thì vui tươi đến. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Sưu tầm 4 dẫn chứng thơ, văn xuôi có sử dụng thành ngữ, điển số. Giải thích ý nghĩa của các thành ngữ, điển cố đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **-HS tìm kiến kiến thức trên mạng, sách giáo khoa Ngữ văn**  **-Giải thích đúng ý nghĩa thành ngữ, điển cố đã tìm** |

*Ngày kí*

***Tiết 18 + 19****- Đọc thêm 2 bài*

***Chạy giặc***

*(Nguyễn Đình Chiểu)*

***Bài ca phong cảnh Hương Sơn***

*(Chu Mạnh Trinh)*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);

- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua bài thơ

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng của các tác giả được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi bài thơ.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong mỗi tác phẩm

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Chu Mạnh Trinh  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Thơ trung đại Việt Nam ngoài các tác giả các em đã học, chúng ta còn có hai nhà thơ tiêu biểu như Nguyễn Đình Chiểu với bài Chạy giặc, Chu Mạnh Trinh với bài Hương sơn phong cảnh ca. Hôm nay chúng ta tập trung đọc thêm 2 bài thơ này. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  - GV: cho học sinh đọc phần tiểu dẫn và nêu hoàn cảnh sáng tác và bố cục.  - HS: đọc và trả lời.  ***Thao tác 2:*** Đọc hiểu  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản Chạy giặc.  +Câu 1:Phân tích đặc sắc ngòi bút hiện thực của tác giả khi tả cảnh đất nước và nhân dân miền Nam khi giặc Pháp đến xâm lược?  +Câu 2: Tâm tình, tâm trạng tác giả?  Đọc diễn cảm: 2 - 3 lần bằng giọng đọc phù hợp.  Trao đổi về chủ đề, giá trị tư tưởng - thẩm mĩ của bài thơ qua việc trả lời 2 câu hỏi trong SGK.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ và trả lời Câu 1 : Cảnh tan nát, tan tác, đổ vỡ thê thảm của người dân chạy loạn, đặc biệt là trẻ em, cảnh nhà cửa làng xóm bị đốt phá, cướp bóc tan hoang, điêu tàn. Thời cuộc đã vỡ như bàn cờ thế mà người cầm quân phút sa tay, lỡ bước, không thể cứu vãn.  - HS: Suy ghĩ và trả lời Câu 2: Tâm tình, tâm trạng tác giả: đau xót, buồn thương, mong mỏi và thất vọng. Qua đó nổi bật nội dung yêu dân, thương dân, yêu nước sâu nặng của tác giả.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Bài I. **Chạy giặc** (Nguyễn Đình Chiểu ).  **I. Tiểu dẫn.**  - SGK.  **II. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Định hướng nội dung và nghệ thuật.**  **a. Nội dung:**  - Cảnh đau thương của đất nước được hiện lên qua những hình ảnh:  + Lũ trẻ lơ xơ chạy  + Đàn chim dáo dác bay.  + Bến Ghé tan bọt nước.  + Đồng Nai nhuốm màu mây.  🡪 Hình ảnh chân thực dựng lên khung cảnh hoảng loạn của nhân dân, sự chết chóc, tang thương của đất nước trong buổi đầu có thực dân Pháp xâm lược.  - Tâm trạng của tác giả: Đau buồn, xót thương trước cảnh nước mất nhà tan.  - Thái độ của tác giả: Căm thù giặc xâm lược. Mong mỏi có người hiền tài đứng lên đánh đuổi thực dân,  cứu đất nước thoát khỏi nạn này.  🡪 Lòng yêu nước, lòng căm thù giặc của Nguyễn Đình Chiểu.  **b. Nghệ thuật:**  - Tả thực kết hợp với khái quát, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh.  - Biện pháp đối lập, câu hỏi tu từ.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Bài thơ gợi lại một thời đau thương của dân tộc, gợi lòng căm thù kẻ thù xâm lược. |
| ***Thao tác 1:***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: cho học sinh đọc phần tiểu dẫn và nêu vài nét về Chu Mạnh Trinh và Chùa Hương Sơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS: đọc và trả lời.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  GV:  - Chu Mạnh Trinh (1862- 1905 )  - Quê quán: làng Phú Thị- Đông Yên phủ Khoái Châu nay thuộc huyện Văn Giang Hưng Yên.  - Không chỉ giỏi về thơ mà còn là một nhà kiến trúc nổi tiếng.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  ***Thao tác 2:*** Đọc hiểu  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản Bài ca phong cảnh Hương Sơn.  - HS: Suy ghĩ và trả lời.  **GVtổ chức thảo luận nhóm**  ***Nhóm 1:***  Nội dung của 4 câu thơ đầu? Cảnh Hương Sơn được giới thiệu thông qua những hình thức giá trị nghệ thuật nào?  **Nhóm 2:**  Tâm trạng và cảm xúc của tác giả khi đến với Hương Sơn như thế nào?  **Nhóm 3.**  Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Đại diện từng nhóm trả lời:  ***Nhóm 1:***  - Câu hỏi tu từ: Vừa giới thiệu, vừa khẳng định.  - Phép lặp: Giới thiệu khái quát cảnh chùa Hương.  + Thế giới cảnh bụt - cảnh tôn giáo.  + Danh lam thắng cảnh số 1 của nước Nam.  ***Nhóm 2:***  - Sự hoà quyện giữa tấm lòng thành kính với tình yêu quê hương đất nước: Tác giả khoác lên cảnh vật linh hồn con người (chim cúng trái, cá nghe kinh) làm cho nó trở lên có hồn, phảng phất không khí của thần tiên, xa lánh cõi trần. Đây là giá trị nhân bản cao đẹp trong tâm hồn nhà thơ, là sự khẳng định nhu cầu tinh thần của con người hướng thiện.  **Nhóm 3.**  Nghệ thuật tả cảnh qua sự phối hợp khéo âm thanh, màu sắc, không gian từ bao quát đến điểm tên đến theo bước chân du khách vừa đi vừa nhìn, vừa nghe vừa cảm nhận, tưởng tượng và nguỵên cầu, lòng lâng lâng và thành kính.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tiểu dẫn.**  **1.Tác giả.**  - Chu Mạnh Trinh (1862- 1905 )  - Quê quán:  - Không chỉ giỏi về thơ mà còn là một nhà kiến trúc nổi tiếng.  **2. Bài thơ.**  - Đây là một trong ba bài thơ ông viết về Hương Sơn vào dịp ông đứng trông coi trùng tu, tôn tạo quần thể danh thắng nơi đây.  - Bài thơ làm theo thể hát nói, có biến thể.  **II. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Đọc**  **2. Định hướng nội dung và nghệ thuật.**  **a. Cái thú ban đầu đến với Hương Sơn.**  - Câu hỏi tu từ: Vừa giới thiệu, vừa khẳng định.  - Phép lặp: Giới thiệu khái quát cảnh chùa Hương.  + Thế giới cảnh bụt - cảnh tôn giáo.  + Danh lam thắng cảnh số 1 của nước Nam.  - Cảnh vật cụ thể của Hương Sơn:  + Phép nhân hoá: Chim *thỏ thẻ*; cá *lững lờ.*  + Hình ảnh ẩn dụ, biện pháp tu từ đối: Tạo sắc thái huyền diệu.  🡪 Cảnh như có hồn, nhuốm màu Phật giáo. phảng phất sự biến hóa thần tiên.  + Điệp từ *này*; cách ngắt nhịp 4/3, nghệ thuật so sánh, dùng từ láy, từ tượng hình gợi cảm.  🡪Sự hăm hở, niềm yêu thích và khả năng tạo hình sinh động, biến hoá của tác giả. Câu thơ giàu chất hội họa, cảm hứng thấm mĩ, gây sự ngỡ ngàng, thể hiện lòng yêu thiên nhiên và lòng tự hào về Nam thiên đệ nhất động của tác giả.  **b. Nỗi lòng của du khách.**  - Xúc động thành kính. Cảm hứng tôn giáo đầy trang nghiêm đối với đạo Phật.  - Cảm hứng thiên nhiên chan hoà với cảm hứng tôn giáo và lòng tín ngưỡng Phật giáo. Càng xa càng lưu luyến mê say.  **c. Nghệ thuật:**  Sử dụng từ tạo hình, giọng thơ nhẹ nhàng, sử dụng nhiều kiểu câu khác nhau, ngữ điệu tự do, phù hợp với tư tưởng phóng khoáng.  *3.* ***Ý nghĩa văn bản:***  Tình yêu quê hương, đất nước hoà quyện với tâm linh, hướng con người tới niềm tự hào về đất nước. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Câu hỏi 1: Con người Chu Mạnh Trinh có đặc điểm gì nổi bật?  a. Là nột ông quan thanh liêm và rất yêu thương dân chúng.. b. Là người tài hoa, sành nghệ thuật, đặc biệt là kiến trúc. c. Là người giàu năng lực, có cốt cách tài tử phong lưu.. d.Không chịu gò mình vào khuôn sáo trường quy    Câu hỏi 2: [Cảnh Hương Sơn](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\25-%20Huong%20son%20phong%20canh.htm) **không** được giới thiệu từ góc độ nào?  a. Từ ao ước chủ quan của tác giả.             . b. Từ hình ảnh thực đang bày ra trước mắt tác giả. c. Từ ý kiến đánh giá xếp hạng cảu người xưa. d. Từ tình cảm, cảm xúc của người dân địa phương.    Câu hỏi 3: Cụm từ *cảnh Bụt* cho thấy cảnh Hương Sơn có đặc điểm gì?  a. Đẹp như chốn bồng lai tiên cảnh.              b. Vẻ đẹp thoát tục, thanh cao, pha màu tôn giáo thiêng liêng. c.  Mọi vật đều yên tĩnh, trầm lắng, u buồn. d. Cảnh ẩn chứa nhiều điều huyền bí, linh thiêng.    Câu hỏi 4: Câu: “*Kìa non non, nước nước, mây mây”*cho thấy cái địa thế riêng của cảnh Hương Sơn như thế nào?  a. Là một thắng cảnh tự nhiên, không có dấu vết nhân tạo. b. Là nơi có cả cảnh núi non và biển cả bao la. c. Là nơi có không gian vô cùng rộng lớn.  d. Là một quần thể không gian nhiều tầng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='b'-[2]='d'-[3]='b'-[4]='d' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  ***Đọc bài thơ Chạy giặc ( Nguyễn Đình Chiểu)***  1/ Nêu cảm hứng bao trùm bài thơ ?  2/ Ý nghĩa của các yếu tố thời gian, không gian trong câu thơ mở đầu với hiện thực được nói tới là gì?  3/ Xác định biện pháp tu từ trong 2 câu 3-4 và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó.   4/ Qua bài thơ, viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ giá trị cuộc sống hòa bình hôm nay.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Cảm hứng bao trùm bài thơ là nỗi xót xa, đau đớn của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trước cảnh mất nước  2/ Ý nghĩa của các yếu tố thời gian, không gian trong câu thơ mở đầu với hiện thực được nói tới : Câu thơ mở đầu gợi ra không gian của một phiên chợ, thời gian lúc tan chợ- khi mọi người mua bán xong xuôi và trở về nhà. Lựa chọn không gian, thời gian đó, nhà thơ muốn diễn tả sự đổ vỡ bất ngờ của một nhịp sống bình thường khi tiếng súng vừa đột ngột vang lên.  3/ Biện pháp tu từ trong 2 câu 3-4 là đảo trật tự cú pháp và đảo ngữ cuối dòng thơ.  Hiệu quả nghệ thuật : nhấn mạnh vẻ bàng hoàng, bơ vơ, tan tác của cả con người và thiên nhiên.  4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung : từ nỗi đau nước mất nhà tan trong bài thơ, thí sinh suy nghĩ về giá trị của cuộc sống hòa bình hôm nay. Từ đó, thể hiện ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Chạy giặc, H. Sơn phong cảnh ca  + Tìm đọc các bài viết về cuộc sống của nhân dân Nam Bộ thế kỉ XIX, cảnh Hương Sơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

Ngày kí

*Tiết 20*

**Trả bài Làm văn số 1;**

**Viết bài Làm văn số 2 nghị luận văn học (bài làm ở nhà).**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

Giúp HS biết phát hiện những sai sót trong bài làm văn của mình để làm tốt hơn các bài tiếp theo

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

- Có ý thức phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài , biết khắc phục nhược điểm trong quá trình làm văn.

- Giao tiếp, tư duy sáng tạo.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo; Năng lực giải quyết vến đề.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhĩm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình (thảo luận đáp án)

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1**  - Yêu cầu HS nhắc lại đề bài và phân tích đề.  - HS nêu dàn ý bài viết của mình  - GV đối chiếu với đáp án và kết luận  **Hoạt động 2**  - GV nhận xét những ưu điểm, nhược điểm bài viết. Đánh giá kết quả.  **Hoạt động 3**  - Hướng dẫn bài viết số 2 ở nhà.  - Định hướng nội dung.  - Đọc lại văn bản bài thơ.Phân tích để thấy được tâm sự của Hồ Xuân Hương ? | **1. Phân tích đề ( Phần làm văn)**  - Yêu cầu nội dung:  + Hai quan niệm về người tử tế  - Yêu cầu dẫn chứng: từ thực tế cuộc sống  - Yêu cầu thao tác nghị luận: Sử dụng thao tác lập luận phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận.  **2. Nhận xét chung**  a) Ưu điểm  - Nhìn chung các em hiểu đề, biết cách triển khai ý. Nắm được nội dung và ý nghĩa câu nói.  - Lấy được một số dẫn chứng để minh họa cho luận đề.  - Giải thích được nghĩa của từng từ, câu quan trọng và tiêu biểu trong đề bài để làm tiền đề cho sự phân tích và nêu cảm nhận cá nhân.  b) Nhược điểm  - Bài viết chưa mở rộng, chưa bày tỏ được ý kiến của mình một cách cụ thể và rõ ràng.  - Diễn đạt đôi chỗ còn chung chung, mờ nhạt.  - Chưa biết triển khai ý, nên bài viết hầu như chỉ mới dừng lại ở cách cắt nghĩa câu nói.  - Phần liên hệ bản thân còn yếu.  **3. Ra đề bài viết số 2 ( Nghị luận văn học )**  **Đề bài**  Phân tích để thấy được tâm sự của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua bài thơ *Tự tình (bài II):*  . |

*Ngày kí*

***Tiết 21 – 22 – 23 - 24***

*Đọc văn*

***Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc***

(Nguyễn Đình Chiểu)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

2/ Thông hiểu:HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về hình tượng người nông dân nghĩa sĩ

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của vài văn tế

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn tế trung đại

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn tế trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn tế

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn tế

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo:HS đọc sáng tạo đúng yêu cầu thể loại văn tế.

-Năng lực hợp tác thơng qua thảo luận nhĩm.

-Năng lực giao tiếp tiếng Việt: từ việc khai thác văn bản, HS được giao tiếp cùng tác giả, được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV văn ha. Vận dụng những kiến thức tiếng Việt của tác giả để hiểu hơn về văn bản và có thể thực hành trong những bối cảnh phù hợp.

-Năng lực thưởng thức văn học: Cảm nhận được vẻ đẹp ngơn ngữ văn học, biết rung động trước vẻ đẹp hiên ngang, bi tráng mà giản dị của người nghĩa sĩ Cần Giuộc; thái độ cảm phục, xót thương của tác giả đối với các nghĩa sĩ nông dân...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc bài thơ Chạy giặc. Từ đó, suy nghĩ gì về tình cảm của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân dân, đất nước?  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét** **và dẫn vào bài mới**: Nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong một bài nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu đã nhận định: *Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu có ánh sáng khác thường…cáng nhìn càng thấy sáng.* Vậy ánh sáng khác thường ở cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của NĐC là gì? Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về tác giả và tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của ôn. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả .**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV: Em hãy nêu những điểm chính về cuộc đời nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS: trả lời cá nhân.  HS dựa vào SGK, tr. 66 - 67, nói tóm tắt cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu.  - NĐC ( 1822- 1888), tự là Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai  - Sinh ra ở quê mẹ: làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định( nay thuộc thành phố HCM)  - Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho, Cha làm thư lại trong dinh tổng trấn Lê Văn Dutệt  - Năm 1833 được cha đưa ra Huế để ăn học  - Năm 1843 vào Gia Định thi đỗ tú tài. 1846 lại ra huế để chuẩn bị thi tiếp  - Năm 1849 sắp thi thì được tin mẹ mất, ông bỏ thi về nam chịu tang mẹ. Dọc đường vất vả lại thương mẹ khóc nhiều, ông bị đau nặng và mù cả hai mắt;  - Ông học nghề thuốc sau đó về quê vừa dạy học vừa bốc thuốc vừa làm thơ, sống giữa tình thương và lòng hâm mộ của bà con cô bác  - Khi TDP xâm lược, NĐC vẫn cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu định kế giết giặc. Thực dân Pháp tìm mọi cách mua chuộc Ông nhưng không được  - Năm1888 Ông từ trần, cánh đồng Ba Tri rợp khăn tang khóc thương Đồ Chiểu  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  ***Thao tác 2:*** Tìm hiểu sự nghiệp thơ văn  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS tìm hiếu sự nghiệp thơ văn  GV phát vấn HS trả lời  Hãy kể tên những tác phẩm chính của NĐC?  **HS kể tên các tác phẩm chính của Nguyễn Đình Chiểu.**  - Truyện Lục Vân Tiên  - Dương Từ- Hà Mậu  *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, văn tế Trương Định…*  **Nhóm 1+2:**  Những nội dung chính trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu  HS chia nhóm nhỏ (theo bàn) trao đổi thảo luận, cử người trình bày trước lớp  **Nhóm 3:** Nêu những nét chính về nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu  **Nhóm 4:** Bài học rút ra từ cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Nhóm 1+2 trả lời:**Nội dung thơ văn  Quan niệm nghệ thuật: *Học theo ngòi bút chí công - Trong thơ, cho ngụ tấm lòng Xuân Thu; Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm - Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà!*  -Thơ văn đề cao đạo đức, lí tưởng nhân nghĩa:Những bài học về đạo làm người mang tinh thần nhân nghĩa của đạo nho nhưng lại rất đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc  -Thơ văn yêu nước chống Pháp: +Ghi lại chân thực một giai đoạn lịch sử khổ nhục, đau thương của đất nước.  +Khích lệ lòng yêu nước, căm thù giặc và ý chí cứu nước của nhân dân ta.  +Nhiệt liệt biểu dương, ca ngợi những anh hùng đã chiến đấu hi sinh vì độc lập, tự do của TỔ quốc.  **Nhóm 3 trả lời:-**Toàn bộ viết bằng chữ Nôm.  -Không phát lộ bên ngoài mà tiềm ẩn ở tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm.  -Bút pháp trữ tình rung động mãnh liệt và bỏi cái tâm trong sáng, chan chứa tình yêu nhân dân và nồng nàn tình yêu cuộc sống.  -Rất đậm sắc thái Nam Bộ độc đáo: xây dựng tính cách nhân vật, tả cảnh thiên nhiên, lời ăn tiếng nói: mộc mạc, giản dị, chắc, khoẻ, bộc trực, từ ngữ địa phương, lối thơ thiên về kể (tự sự).  -Hạn chế: Đôi khi chưa thật trau chuốt, còn thô mộc, dễ dãi.  **Nhóm 4 trả lời :** bài học về nghị lực, bản lĩnh sống vượt lên bi kịch cá nhân, tinh thần bất khuất trước kẻ thù; tấm lòng yêu nước thương dân sâu nặng.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **A : PHẦN 1: TÁC GIẢ:**  I. CUỘC ĐỜI:  - NĐC(1822-1888), sinh tại quê mẹ ở tỉnh Gia Định xưa trong một gia đình nhà nho.  - 1843, đỗ tú tài.  - 1846, ông ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì hay tin mẹ mất ⭢ bỏ thi, về quê ⭢ bị mù.  - Về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân và làm thơ.  - Giặc Pháp dụ dỗ, mua chuộc nhưng ông vẫn giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với đất nước và nhân dân.  **II.SỰ NGHIỆP THƠ VĂN:**  **1.Những tác phẩm chính**  a/Trước khi TDP xâm lược:    b/Sau khi TDP xâm lược:  **2.Nội dung thơ văn**  -Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa:  - Lòng yêu nước, thương dân: ( Phân tích ví dụ)  **3. Nghệ thuật thơ văn**  - Văn chương trữ tình đạo đức: vẻ đẹp thơ văn tiềm ẩn trong tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm.  - Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành...  - Đậm đà sắc thái Nam bộ: Lời ăn tiếng nói mộc mạc.....  - Lối thơ thiên về kể mang màu sắc diễn xướng rất phổ biến trong VHDG Nam Bộ.  **III /Tổng kết**  Nguyễn Đình Chiểu sống mãi bởi nhân cách cao đẹp. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vang mãi trong lòng dân tộc, là ngôi sao càng nhìn càng toả sáng |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  1. Hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ?  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **- Hoàn cảnh ra đời: bài văn tế được viết theo yêu cầu của tuần phủ Đỗ Quang để đọc tại lễ truy điệu các nghĩa sĩ Cần Giuộc; nhưng cũng là tiếng khóc tự đáy lòng tác giả và là tiếng khóc lớn của nhân dân trước sự hi sinh của những người anh hùng.**  **- Bố cục theo cấu trúc chung: lung khởi, thích thực, ai vãn, kết.**  2. Vị trí bài văn tế trong sáng tác NĐC và trong lịch sử văn học Việt Nam ?    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời cá nhân:**  -Bài văn tế nằm trong giai đoạn thứ 2 thuộc bộ phận văn thơ yêu nước của NĐC. Là tác phẩm có giá trị đặc biệt và độc đáo trong văn học dân tộc.  - Lần đầu tiên trong lịch sử văn học tác giả đã dựng một tượng đài nghệ thuật về hình ảnh những người nông dân chống thực dân Pháp tương xứng với phẩm chất vốn có của họ ở ngoài đời.  3. Em hiểu như thế nào về thể loại văn tế ? (mục đích, nội dung, hình thức).  **HS trả lời cá nhân:**  - Văn tế là một thể văn dùng để tế người chết (đôi khi cũng để tế người sống)  - Nội dung : kể về tính tình công đức của người mất và tỏ lòng kính trọng thương tiếc của mình.  - Bố cục: 4 phần.  + Lung khởi: khái quát bối cảnh của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của ng­ười nông dân.  + Thích thực: Hồi tưởng lại hình ảnh và công đức người nông dân - nghĩa sĩ.  + Ai vãn: Bày tỏ lòng th­ương tiếc, sự cảm phục của tác giả đối với người nghĩa sĩ.  + Khốc tận ( Kết ): Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **B :TÁC PHẨM**  **I. Tìm hiểu chung :**  **1. Hoàn cảnh sáng tác :**  - Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An. Trận Cần Giuộc là một trận đánh lớn của quân ta diễn ra đêm 14/ 12/ 1861, hơn 20 nghĩa quân đã hi sinh anh dũng).  -Theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, NĐC viết bài văn tế này đọc trong lễ truy điệu các nghĩa sĩ. Bài văn là tiếng khóc từ đáy lòng của tác giả và là tiếng khóc lớn của nhân dân trước sự hi sinh của những người anh hùng.  **2. Vị trí :**  **3. Thể loại và bố cục :** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV đọc mẫu vài ba câu, lần lượt gọi HS đọc cả bài từ 1 đến 2 lần; nhận xét cách đọc.  Gv gọi hs đọc văn bản lưu ý hs đọc với giọng : trang trọng kết hợp với trầm lắng, hào hùng sảng khoái thành kính.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  Đoạn 1: giọng trang trọng;  Đoạn 2: từ trầm lắng khi hồi tưởng chuyển sang hào hứng, sảng khoái khi kể lại chiến công.  Đoạn 3: trầm buồn, sâu lắng, xót xa,đau đớn.  Đoạn 4: thành kính, trang nghiêm.  1. Câu “ súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ” đã khái quát đầy đủ hai mặt biến cố chính trị lớn lao của thế kỉ XIX như thế nào ?Câu đầu tiên tạo ra sự đối lập nào? Phân tích ý nghĩa khái quát của các đối lập ấy.  (hs suy nghĩ trả lời)  -Đối lập bằng - trắc: TTTB-BBBT  -Đối lập từ loại:DDDĐ-DDDĐ.  -Đối lập ý nghĩa: súng - lòng; giặc - dân - trời; rền - tỏ.  Từ những đối lập, gay gắt, quyết liệt ấy, tác giả muốn biểu hiện: Khung cảnh bão táp của thời đại, xã hội Việt Nam đầu những năm 60 thế kỉ XIX. Biến cố chính lớn lao, trọng đại chi phối toàn bộ thời cuộc là cuộc đụng độ giữa thế lực xâm lược của thực dân Pháp (súng giặc) và ý chí bất khuất bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (lòng dân).  2. Câu 2 tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nhằm mục đích gì?  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm.  + Nhóm lớn: 3 nhóm  - GV giao nhiệm vụ:  **+ Nhóm 1:** Người nghĩa sĩ có nguồn gốc xuất thân như thế nào?  **+ Nhóm 2:** Khi quân giặc xâm phạm bờ cõi, thái độ, hành động của họ ra sao?    **+ Nhóm 3:** Tìm những chi tiết, hình ảnh khắc hoạ vẻ đẹp hào hùng khi xông trận của người nghĩa sĩ nông dân?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1** **trình bày:**  Trước khi thành nghĩa quân đánh giặc, họ là những người nông dân nghèo khổ, những dân ấp, dân lân bỏ quê đi khai khẩn những vùng đất mới để kiếm sống.  Từ cui cút: mồ côi mồ cút không chỉ thể hiện hoàn cảnh sống cô đơn, thiếu người tựa nương, dựa dẫm mà còn thể hiện biết bao yêu thương của tác giả.  Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh việc quen (đồng ruộng) và chưa quen (chiến trận, quân sự) của những người nông dân Nam Bộ để tạo sự đối lập tầm vóc anh hùng trong đoạn sau.  \* **Nhóm 2** **trình bày:**  + Thái độ đối với giặc:  Căm ghét, căm thù.  🡪 Thái độ đó được diễn tả bằng những hình ảnh cường điệu mạnh mẽ mà chân thực (*như nhà nông ghét cỏ muốn tới ăn gan, muốn ra cắn cổ*)  - Nhận thức về tổ quốc:  + Không dung tha những kẻ thù lừa dối, bịp bợm.  + Do vậy, họ chiến đấu một cách tự nguyện  ( *mến nghĩa… nào đợi ai đòi ai bắt….)*  🡪 Đây là sự chuyển hoá phi thường.  \* **Nhóm 3** **trình bày:**  - Điều kiện và khí thế chiến đấu:  + Điều kiện: thiếu thốn:  *Ngoài cật= Một manh áo vải;*  *Trong tay= Một ngọn tầm vông, một luỡi dao phay, nồi rơm con cúi*  + Khí thế: mạnh mẽ như vũ bão làm giặc kinh hoàng: *đốt, đâm chém., đạp, lướt*..  🡪 Hàng loạt các động từ mạnh được sử dụng: gợi ra khí thế tấn công như thác đổ.  - Hiệu quả: đốt nhà thờ, chém rớt đầu quan hai.  🡪 Nghệ thuật tả thực kết hợp với trữ tình, phép tượng phản, giàu nhịp điệu, tác giả đã dựng nên tượng đài nghệ thuật về người nông dân - nghĩa sĩ: bình dị mà phi thường.  GV: Tiếng khóc của tác giả xuất phát từ nhiều nguồn cảm xúc? Theo em đó là nguồn cảm xúc gì?  Gv giảng : Tiếng khóc Đồ Chiểu hợp thành bởi 3 yếu tố : Nước, Dân, Trời. Đồ Chiểu nhân danh vận nước, nhân danh lich sử mà khóc cho những người anh hùng xả thân cho Tổ Quốc. Tiếng khóc ấy có tầm vóc sử thi, tầm vóc thời đại mà còn khích lệ lòng căn thù ý chí tiếp nối sự dở dang của người anh hùng nghĩa sĩ.  GV: Nhận xét nhịp văn, giọng điệu trong phần ai vãn?  GV: Tác giả đề cao một quan niệm sống cao đẹp là gì?  HS trả lời cá nhân:  a. **Tiếng khóc cho người nghĩa sĩ:**  - Tiếng khóc xót thương ở đây là của tác giả, của gia đình thân quyến, của nhân dân Nam bộ, và của cả nước.  🡪 Do vậy , đó là tiếng khóc có tầm sử thi.  - Cộng hưởng với tình yêu thiên nhiên và con người : *cỏ cây, sông, chợ, ngọn đèn, vợ, mẹ…*  - Lòng căm hờn quân giặc và triều đình gây nghịch cảnh éo le.  => Tiếng khóc đau thương mà không bi lụy vì nó tràn đầy niềm tự hào, kính phục và ngợi ca những người đã chiến đấu và hi sinh cho Tổ quốc. Họ chết, nhưng tinh thần và việc làm của họ sống mãi trong lòng người.  b. **Tiếng khóc cho thời đại đau thương:**  - Trở lại hiện thực, khóc thương, chia sẻ với gia đình nỗi mất mát: mẹ mất con, vợ mất chồng.  - Ngợi ca tấm lòng vì dân của nghĩa sĩ theo hướng vĩnh viễn hóa: danh thơm đồn sáu tỉnh..  - Đông viên, tin tưởng, quyết tâm đánh giặc.  - Cảm thương nhân dân đang phải khổ đau; thắp nén nhang tưởng nhớ người đã khuất lại chạnh lòng nghĩ đế nước non.  **HS trả lời:**  Tác giả đưa ra một quan niệm - như một chân lí mà có thể tóm tắt bằng câu: thà chết vinh còn hơn là sống nhục.  Thác (chết) như những nghĩa quân Cần Giuộc là cái chết trả nợ nước non, là cái chết vẻ vang danh thơm đồn khắp lục tỉnh, là cái chết được tôn vinh, bất tử đời đời.  Đối lập với cái sống bán nước cầu vinh, cam tâm làm nô lệ cho ngoại bang, chà đạp lên bàn thờ, tổ tiên,... đó là cái lối sống tầm thường, hèn mạt, đáng xấu hổ, nhục nhã.  Với tác giả, sông đánh giặc, thác cũng đánh giặc. Linh hồn của những nghĩa quân Cần Giuộc vẫn cùng cháu con đánh giặc, cái chết của họ góp phần khích lệ tinh thần chiến đấu cho những người đang sống. Đó là quan niệm rất tiến bộ, phát huy từ truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.  Hạn chế thời đại của Nguyễn Đình Chiểu: nhà nho yêu nước trung quân: *sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ấm đủ đền công đó.* Đó cũng là lẽ tất nhiên. Có điều Nguyễn Đình Chiểu thờ vua mà không ngu trung, thờ vua mà vẫn cùng nhân dân đánh giặc cứu nước.  - Giá tri nghệ thuật: thành tựu xuất sắc về xây dựng nhân vật (hình tượng tập thể nghĩa quân nông dân anh hùng lần đầu tiên xuất hiện trong văn học Việt Nam); kết hợp nhuần nhuyễn bút pháp trữ tình và bút pháp hiện thực; ngôn ngữ bình dị, trong sáng, đậm sắc thái Nam Bộ; bài văn tế hay nhất, một trong những kiệt tác của văn học Việt Nam  -Giá trị nội dung tư tưởng: tiếng khóc bi tráng một thời khổ đau nhưng vĩ đại của dân tộc; bức tượng đài bất tử về những nghĩa sĩ - nông dân Cần Giuộc đã anh dũng chiến đấu và hi sinh vì Tổ quốc.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Giới thiệu khái quát về thời cuộc và nhân vật người nông dân nghĩa sĩ :**  - Với hình thức ngắn gọn, câu văn đã dựng nên khung cảnh bão táp của thời đại:  + “ Súng giặc đất rền “ → giặc xâm lược bằng vũ khí tối tân  + “ Lòng dân trời tỏ” → ta đánh giặc bằng tấm lòng yêu quê hương đất nước.  - NT đối lập nhằm thể hiện khung cảnh bão táp của thời đại, những biến cố chính trị lớn lao.  Tuy thất bại những người nghĩa sĩ hi sinh nhưng tiếng thơm còn lưu truyền mãi.  **2. Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc :**  **a. Nguồn gốc xuất thân :**  - Từ nông dân nghèo cần cù lao động “ cui cút làm ăn ”  - NT tương phản “ chưa quen ⬄ chỉ biết, vốn quen ⬄ chưa biết.  => tác giả nhấn mạnh việc quen và chưa quen của người nông dân để tạo ra sự đối lập về tầm vóc của người anh hùng.  **b. Lòng yêu nước nồng nàn :**  - Khi TD Pháp xâm lược người nông dân cảm thấy lo sợ → trông chờ → ghét → căm thù → đứng lên chống lại.  → Diễn biến tâm trạng người nông dân.  **c. Tinh thần chiến đấu hi sinh của người nông dân :**  - Quân trang, quân bi rất thô sơ chỉ có : một manh áo vải, ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, rơm con cúi đã đi vào lịch sử.  - Lập được những chiến công ấy:  “ đốt xong nhà dạy đạo “  “ chém rớt đầu quan hai nọ”  - Tác giả sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh mẽ với mật độ cao nhịp độ khẩn trương sôi nổi : “ đạp rào, lướt, xông vào” đặc biệt là những động từ chỉ hành động dứt khoát “ đốt xong, chém rớt đầu”  Sử dụng các động từ chéo “ đâm ngang, chém ngược” → làm tăng thêm sự quyết liệt của trận đánh.  => NĐC đã tạt một tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân nghĩa sĩ đánh giặc cứu nước.  **3. Ai vãn: sự tiếc thương và cảm phục của tác giả trươc sự hi sinh của người nghĩa sĩ:**  - Hình ảnh gia đình tang tóc, cô đơn, chia lìa, gợi không khí đau thương, buồn bã sau cuộc chiến.  - Tiếng khóc giọt lệ xót thương đau đớn của tác giả, gia đình thân quyến người anh hùng, nhân dân Nam Bộ, nhân dân cả nước khóc thương những người ra đi, khóc thương cho thân phận những người nô lệ.  => Tiếng khóc lớn, tiếng khóc mang tầm vóc lịch sử  - Bút pháp trữ tình thắm thiết.  - Giọng điệu đa thanh giàu cung bậc *tạo nên những câu văn thật vật vã, đớn đau.*  - Nhịp câu trầm lắng, gợi không khí lạnh lẽo, hiu hắt sau cái chết của nghĩa quân.  **4. Phần kết : ca ngợi linh hồn bất tử của người nghĩa sĩ**  - Tác giả đề cao quan niệm : *Chết vinh còn hơn sống nhục*. Nêu cao tinh thần chiến đấu, xả thân vì nghĩa lớn của nghĩa quân. Họ ra trận không cần công danh bổng lộc mà chỉ vì một điều rất giản đơn là yêu nước.  - Đây là cái tang chung của mọi người, của cả thời đại, là khúc bi tráng về người anh hùng thất thế.  => khẳng định sự bất tử của những người nghĩa sĩ.  **5. Nghệ thuật:**  - Chất trữ tình.  - Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu.  - Ngô ngữ vừa trân trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ.  **6. Ý nghĩa văn bản:**  **- Vẻ đẹp bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ.**  **- Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** |  |

**+ Bài tập ứng dụng: Hoàn thành bảng phụ sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống* | *Thái độ, hành động khi quân giặc tới* | *Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận* | *Nghệ thuật* |
|  |  |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống* | *Thái độ, hành động khi quân giặc tới* | *Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận* | *Nghệ thuật* |
| *Là những người nông dân sống cuộc đời lao động lam lũ, vất vả, hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao (Câu 3, 4, 5)* | *- Khi quân giặc xâm*  *phạm đất đai bờ cõi cha ông, họ đã có những chuyển biến lớn:*  *+ Về tình cảm: Căm thù giặc sâu sắc (Câu 6, 7)*  *( Kiểu căm thù mang tâm lí nông dân.*  *+ Về nhận thức: ý thức được trách nhiệm đối với sự nghiệp cứu nước (Câu 8; 9)*  *+ Hành động: Tự nguyện chiến đấu (Câu 10; 11)* | *- Vào trận với những thứ vẫn dùng trong sinh hoạt hàng ngày (Câu 12, 13)*  *( Vẻ đẹp mộc mạc, chân chất nhưng độc đáo.*  *- Khí thế chiến đấu: Tiến công như vũ bão, đạp lên đầu thù xốc tới, không quản ngại bất kì sự hi sinh gian khổ nào, rất tự tin và đầy ý chí quyết thắng (Câu 14, 15)* | *- Động từ mạnh, dứt khoát: Đánh, đốt, chém, đạp, xô.*  *- Từ đan chéo tăng sự mãnh liệt: đâm ngang, chém ngược, lướt tới, xông vào.*  *- Cách ngắt nhịp ngắn gọn.*  *- Hàng loạt hình ảnh đối lập Ta - địch; Sự thô sơ - hiện đại; Chiến thắng của ta – thất bại của giặc.*  *- Chi tiết chân thực được chọn lọc, cô đúc từ đời sống thực tế nhưng có tầm khái quát cao.* |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:    Hỡi ôi!  Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ.  Mười năm công vỡ ruộng, chưa chắc còn danh nổi tợ phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.  ( Trích *Văn tế  nghĩa sĩ Cần Giuộc-* Nguyễn Đình Chiểu)  1/ Văn bản trên thuộc thể loại gì? Giới thiệu đôi nét về thể loại đó.  2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Văn bản trên thuộc thể loại văn tế.  Văn tế là loại văn gắn với phong tục tang lễ, nhằm bày tỏ lòng tiếc thương đối với người đã mất. Bài văn tế thường có 2 nội dung cơ bản : kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất và bày tỏ nỗi đau thương của người còn sống trong giờ phút vĩnh biệt. Âm hưởng chung của bài văn tế là bi thương, nhưng sắc thái ở mỗi bài có thể khác nhau.  Văn tế có thể viết theo nhiều thể : văn xuôi, thơ lục bát, song thất lục bát, phú...Bố cục bài văn tế thường gồm 4 đoạn với các tên gọi : lung khởi, thích thực, ai vãn và kết. Giọng điệu chung của bài văn tế là lâm li, bi thiết, sử dụng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh.  2/Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật đối lập.  Hiệu quả nghệ thuật: khái quát khung cảnh bão táp của thời đại-phản ánh biến cố chính trị lớn lao chi phối toàn bộ thời cuộc. Đó là cuộc đụng độ giữa thế lực xâm lăng tàn bạo của thực dân Pháp và ý chí chiến đấu kiên cường để bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Hiện lên trên cái nền ấy là hình ảnh của đội quân áo vải được khắc họa bằng bút pháp hiện thực, không theo ước lệ của văn học trung đại. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc  + Sư tầm thêm 1 bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Ngày kí*

*Tiết 25- Tiếng Việt*

**Thực hành nghĩa của từ trong sử dụng**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Xác định nghĩa của từ trong trường hợp từ chuyển nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ đồng nghĩa

2/ Thông hiểu: nghĩa của từ trong việc lĩnh hội và tạo lập văn bản

3/Vận dụng thấp: Phân tích hiệu quả nghĩa của từ trong sử dụng

4/Vận dụng cao:Vận dụng kiến thức về nghĩa của từ để làm bài văn nghị luận về một bài thơ, một đoạn trích văn xuôi.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu tìm hiểu nghĩa của từ trong văn bản

2/ Thông thạo: sử dụng từ chuyển nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ đồng nghĩa

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quendùng từ đúng nghĩa

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi dùng từ tiếng Việt

3/Hình thành nhân cách: giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến nghĩa của từ tiếng Việt

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản, hiểu được nghĩa của từ trong các văn bản đó;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân khi dùng từ tiếng Việt;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nghĩa của từ;

- Năng lực phân tích, so sánh nghĩa của từ trong văn bản

- Năng lực tạo lập văn bản

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Xác định nghĩa từ *Sốt* trong các câu sau:  +Cháu **sốt** cao quá, phải cho đi viện ngay!  +Cơn **sốt** giá vẫn chưa thuyên giảm!  +Chưa vào hè mà đã **sốt** tủ lạnh, máy điều hoà nhiệt độ!  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Cháu sốt cao quá, phải cho đi viện ngay! (một dạng ốm, thân nhiệt tăng không bình thường)  Cơn sốt giá vẫn chưa thuyên giảm! (giá cả các mặt hàng tăng liên tục, chưa dừng lại)  Chưa vào hè mà đã sốt tủ lạnh, máy điều hoà nhiệt độ! (hiện tượng khan hiếm hàng hoá)  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Từ trong tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng, cùng một từ có thể có nhiều nghĩa tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng.Tính nhiều nghĩa của từ là kết hợp của quá trình chuyển nghĩa. Quá trình chuyển nghĩa thường được thực hiện theo hai phương thức cơ bản là ẩn dụ và hoán dụ. Đồng thời chuyển nghĩa còn gắn với quá trình chuyển tên gọi từ đối tượng này sang đối tượng khác. Để hiểu được điều này ta tìm hiểu bài mới.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về Nghĩa của từ  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV: Nghĩa của từ là gì? Nêu các thành phần nghĩa của từ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Nghĩa của từ:** Là khả năng biểu hiện về nghĩa của từ đó trong thực tế sử dụng.  **2.** Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây:  +*Nghĩa biểu vật*  ***+*** *Nghĩa biểu niệm*  ***+***Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, khi xác định nghĩa của từ, người ta còn phân biệt hai thành phần nghĩa nữa. Đó là nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Nghĩa của từ:**  **2.** Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây:  +*Nghĩa biểu vật*  ***+*** *Nghĩa biểu niệm*  ***+***Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, còn có nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc. |
| **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV tổng kết, thống nhất lời giải chung, nhấn mạnh kiến thức và kỹ năng chủ yếu.  Yêu cầu đại diện nhóm trình bày lời giải bằng giấy  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Nhóm 1**  Bài tập 1.  **Nhóm1. Bài tập 1:**  - Trong câu thơ này, từ “lá” được dùng với nghĩa gốc: bộ phận của cây, ở ngọn, cành; màu xanh, mỏng, có bề mặt.  - Các trường hợp chuyển nghĩa của từ:  *+ lá* chỉ bộ phận cơ thể người.  + l*á* dùng với các từ chỉ vật bằng giấy.  *+ lá* dùng với các từ chỉ vật bằng vải.  *+ lá* dùng với các từ chỉ vật bằng tre, nứa, cỏ.  *+ lá* dùng với các từ chỉ vật bằng kim loại.  - Từ lá dùng ở các trường nghĩa khác nhau nhưng có điểm chung: Các vật này có điểm giống nhau: hình dang mỏng , dẹt, có bề mặt hoặc có cuống (như lá cây).  **Nhóm 2.**  Bài tập 2.  **Nhóm 2. Bài tập 2:**  **Đặt câu với các từ lấy bộ phận cơ thể chỉ con người:**  -Trinh sát của ta đã tóm được một cái lưỡi, (tóm được một tên tù binh để khai thác tin tức)  -Ông ấy có chân trong BCH Hội Cựu chiến binh của tỉnh, (chỉ vị trí của con người)  -Anh ấy có trái tim thật nhân hậu. (người nhân hậu)  -Những vị tai mắt trong làng xã (những người có chức vụ, có quyền hành nhất định)  **Nhóm 3.**  Bài tập 3.  **3. Bài tập 3:**  **Đặt từ diễn tả cảm giác đã có sự chuyển nghĩa**.  - “ Nói ngọt lọt đến xương.”  - “Giọng hỏi mới chua chát làm sao.”  - “Những đắng cay trong cuộc sống đã làm chị không còn biết khóc than khi hữu sự.”........  **Nhóm 4.**  Bài tập 4.  **4. Bài tập 4:**  **Giải thích, nhận xét cách dùng từ của Nguyễn Du.**  \* Từ *cậy:*  - Có từ *nhờ* là từ đồng nghĩa.  - Nghĩa chung: bằng lời nói tác động đến người khác mong họ giúp mình làm một việc gì đó.  - Nghĩa riêng:  + *cậy* thể hiện niềm tin vào sự sẵn sàng giúp đỡ và hiệu quả chắc chắn của sự giúp đỡ ấy.  \* Từ *chịu:*  - *chịu* có các từ đồng nghĩa như nhận, nghe, vâng lời.  - Nghĩa chung: chỉ sự đồng ý, chấp thuận.  - Nghĩa riêng:  + *nhận*: tiếp nhận đồng ý một cách bình thường; nghe,  + *vâng*: đồng ý , chấp thuận của kẻ dưới đới với người trên với thái độ ngoan ngoãn, kính trọng;  + *chịu* : chấp nhận theo một lẽ nào đó mà không thể từ chối dù có thể không hài lòng.  🡪 Trong hoàn cảnh của Th.Kiều, dùng các từ cậy, chịu là thích hợp hơn.  **5. Bài tập 5:**  **Chọn từ phù hợp**.  **- Câu a**:  + Từ “ *Canh cánh*”: vừa chỉ việc thường xuyên xuất hiện trong NKTT, vừa chỉ tâm tư day dứt triền miên của Bác Hồ  🡪 Nhấn mạnh lòng yêu nước của Người.  + Các từ khác: chỉ có giá trị nói đến tấm lòng nhớ nước như là một đặc điểm nội dung của NKTT.  **- Câu b:**  **+** Có thể dùng từ *dính dáng* hoặc *liên can*  **+** Các từ khác không hợp về nghĩa.  **- Câu c:**  **+**Dùng từ *bạn* có tính chung và hợp với việc ngoại giao.  **+** Các từ *bầu bạn, bạn bè, bạn hữu* có nghĩa khái quát và chỉ số nhiều. không phù hợp hoặc quá suồng sã.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. THỰC HÀNH:** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đặt câu với từ Hội chứng ( có sử dụng chuyển nghĩa)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | -Hội chứng miễn dịch mắc phải (SIDA).  -Hội chứng chiến tranh Việt Nam (nỗi ám ảnh, sợ hãi của các cựu binh và nhân dân Mĩ sau khi chiến tranh Việt Nam đã kết thúc).  -Hội chứng "kính thưa" (hình thức dài dòng, rườm rà, vô nghĩa, vô cảm).  -Hội chứng "phong bì" (một biến tướng của nạn hối lộ).  -Hội chứng "bằng rởm" (một hiện tượng tiêu cực: mua bán bằng cấp),... |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Giải thích nghĩa các từ sau đây:  -Bàn tay vàng:  -Cầu truyền hình:  -Cơm bụi:  -Công nghệ cao:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | -Bàn tay vàng: bàn tay tài giỏi, khéo léo trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc một thao tác lã thuật nhất định.  -Cầu truyền hình: hình thức truyền hình tại chỗ các lễ hội, giao lưu... trực tiếp thông qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau về cự li địa lí.  -Cơm bụi: cơm giá rẻ, thường bán trong các hàng, quán nhỏ, tạm bợ.  -Công nghệ cao: công nghệ dựa trên cơ sở của các thành tựu khoa học - lã thuật hiện đại, có độ chính xác và hiệu quả kinh tế cao. |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  *Tìm đọc một số văn bản mang tính thông tin thời sự hằng ngày. Phân tích cách sùng từ trong văn bản đó.*  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Ghi lại chính xác những thông tin đã tìm hiểu** * **Vận dụng kiến thức nghĩa của từ để giải nghĩa từ sử dụng trong thông tin đó.** |

*Ngày kí*

***Tiết 26:*** *Đọc văn*

***Chiếu cầu hiền****.*

(Ngô Thì Nhậm)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được kiến thức về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể loại Chiếu

2/ Thông hiểu: Hiểu được chủ trương chiến lược của vua Quang Trung trong việc tập hợp người hiền tài

3/Vận dụng thấp: Nhận thức đúng đắn vai trò và trách nhiệm của người tri thức đối với công cuộc xây dựng đất nước.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của bài Chiếu

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thể loại Chiếu

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận xã hội

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản Chiếu

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về thể Chiếu trung đại

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo:HS đọc sáng tạo đúng yêu cầu thể loại chiếu.

-Năng lực hợp tác thơng qua thảo luận nhĩm.

-Năng lực giao tiếp tiếng Việt: từ việc khai thác văn bản, HS được giao tiếp cùng tác giả, được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV .

-Năng lực thưởng thức văn học: Cảm nhận được vẻ đẹp ngơn ngữ văn học, biết rung động,trân trọng những đóng góp của Ngô Thì Nhậm., trân trọng tài đức của vua Quang Trung, tự hào với quá khứ dân tộc.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***KIến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT): ảnh Quang Trung, Ngô Thì Nhậm  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả Ngô Thì Nhậm  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Thiên đô chiếu (Chiếu dời đô) của Thái tổ Lí Công Uẩn mở đầu triều đại nhà Lí ở thế kỉ X. Tám thế kỉ sau – cuối thế kỉ XVIII, sau khi đại thắng quân xâm lược Mãn Thanh, vua Quang Trung Nguyễn Huệ đã bắt đầu kế hoạch xây dựng đất nước, củng cố triều đại mới. Nhà vua sai quan Tả Thị lang Ngô Thị Nhậm – một danh sĩ Bắc Hà – thảo tờ chiếu cầu hiền với mục đích thuyết phục, mời gọi những người hiền tài ở khắp nơi, đặc biệt là giới nho sĩ – sĩ phu miền Bắc cởi bỏ mặc cảm, tị hiềm, đem hết tài sức cộng tác cùng triều đình va nhà vua chấn hưng đất nước.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu về tác giả Ngô Thì Nhậm.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc Tiểu dẫn và yêu cầu nêu những nét cơ bản về tác giả Ngô Thì Nhậm  o Hoàn cảnh ra đời của bài chiếu  o Thể loại và bố cục của bài chiếu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Tác giả:**  - Ngô Thì Nhậm (1764 – 1803), hiệu Hi Doãn.  - Ng­ười làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay: Thanh Trì - Hà Nội)  - Là người học giỏi đỗ đạt, từng làm quan đại thần dưới thời chúa Trịnh  - Khi Lê – Trịnh sụp đổ, ông theo phong trào Tây Sơn và được vua Quang Trung tín nhiệm giao nhiều trọng trách.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu về Tác phẩm.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Nêu những nét cơ bản hoàn cảnh ra đời của bài chiếu, thể loại và bố cục của bài chiếu?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **2. Tác phẩm :**  **a. Hoàn cảnh sáng tác :**  “Chiếu cầu hiền” được viết vào khoản năm 1788- 1789 khi tập đoàn Lê – Trịnh hoàn toàn tan rã.  **b. Mục đích :**  “Chiếu cầu hiền” nhằm thuyết phục trí thức Bắc Hà hiểu đúng nhiệm vụ xây dựng đất nước mà Tây Sơn đang tiến hành để cộng tác phục vụ triều đại mới.  **c. Thể loại :**  - Chiếu là một thể văn nghi luận chính trị xã hội thời trung đại thường do nhà vua ban hành.  -Xuống chiếu cầu hiền tài là một truyền thống văn hóa chính trị của triều đại phong kiến phương đông.  Văn thể chiếu trang trọng, lời lẽ rõ ràng, tao nhã.  **d. Bố cục:**  - Ba phần.  +Phần I: “Từng nghe.....ng­ười hiền vậy”.  Quy luật xử thế của người hiền  +Phần II:“Tr­ước đây thời thế....của trẫm hay sao?”  Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà và nhu cầu của đất nước :  +Phần III:“Chiếu này ban xuống….Mọi ng­ười đều biết."  Con đường cầu hiền của vua Quang Trung.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung :**  **1. Tác giả:**  **2. Tác phẩm :**  **a. Hoàn cảnh sáng tác :**  **b. Mục đích :**  “Chiếu cầu hiền” nhằm thuyết phục trí thức Bắc Hà hiểu đúng nhiệm vụ xây dựng đất nước mà Tây Sơn đang tiến hành để cộng tác phục vụ triều đại mới.  **c. Thể loại :**  -Chiếu là một thể văn nghi luận chính trị xã hội thời trung đại thường do nhà vua ban hành.  -  **d. Bố cục:**  - Ba phần.  +Phần I: “Từng nghe.....ng­ười hiền vậy”.  +Phần II:“Tr­ước đây thời thế....của trẫm hay sao?”  +Phần III:“Chiếu này ban xuống….Mọi ng­ười đều biết." |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản:  - GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó.  - HS: đọc văn bản, nhận xét bạn đọc văn bản như thế nào  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  Gv cho hs thảo luận nhóm 5’, đại diện nhóm trả lời gv nhận xét chốt ý  **Nhóm 1.**  Quan điểm của nhà vua về người hiền tài nh­ư thế nào?  Tác giả so sánh người hiền và thiên tử với những hình ảnh nào ?  Cách so sánh như vậy có tác dụng gì ?  **Nhóm 2.**  Tr­ước việc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc diệt Trịnh, nho sỹ Bắc Hà có thái độ nh­ư thế nào? Nhận xét cách sử dụng hình ảnh và hiệu quả đạt đ­ược ?  **Nhóm 3.**  Tâm trạng của nhà vua ra sao qua 2 câu hỏi: *Hay trẫm ít đức…? Hay đang thời đổ nát*…?  Triều đình buổi đầu của nền đại định gặp phải những khó khăn nào?  Trước tình hình khó khăn ấy, vua Quang Trung đã làm gì ?  Em có nhận xét như thế nào về cách nói ấy ?  **Nhóm 4.**  Đường lối cầu hiền của vua Quang Trung là gì?Gồm những đối tượng nào ? Có bao nhiêu cách tiến cử?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  ***Đại diện nhóm trình bày***  \* **Nhóm 1** **trình bày:**  - Đoạn 1: Quy luật xử thế của người hiền:  Mở đầu một hình ảnh so sánh: người hiền - ngôi sao sáng, thiên tử – sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu).  + Từ quy luật tự nhiên (sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần) khẳng định người hiền phụng sự cho thiên tử là một cách xử thế đúng, là lẽ tất yếu, hợp với ý trời.  + Nêu lên một phản đề: Người hiền có tài mà đi ẩn dật, lánh đời như ánh sáng bị che lấp, như vẻ đẹp bị giấu đi.  + Viện dẫn Luận ngữ của Khổng tử: vừa tạo nên tính chính danh cho *Chiếu cầu hiền* (vì đối với nhà nho xưa, lời đức Khổng Tử là chân lý) vùa đánh trúng vào tâm lý sĩ phu Bắc Hà, cho thấy vua Quang Trung là người có học, biết lễ nghĩa.  Cách lập luận chặt chẽ , thuyết phục tạo tiền đề cho toàn bộ hệ thống lập luận ở phần sau.  \* **Nhóm 2** **trình bày:**  - Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà :  + Mai danh ẩn tích bỏ phí tài năng "*Trốn tránh việc đời".*  + Ra làm quan: sợ hãi, im lặng như­ bù nhìn “*không dám lên tiếng",* hoặc làm việc cầm chừng *“đánh mõ, giữ cửa”.*  + Một số đi tự tử *“ra biển vào sông*”.  🡪 Vừa châm biếm nhẹ nhàng vừa tỏ ra người viết bài Chiếu có kiến thức sâu rộng, có tài năng văn chương.  \* **Nhóm 3** **trình bày:**  - Hai câu hỏi:“*Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng?”.Hay đang thời đổ nát chưa thể ra phụng sự V­ương hầu chăng?”*  🡪Vừa thể hiện sự thành tâm, khiêm nhường, vừa thể hiện sự đòi hỏi và cả chút thách thách của vua Quang Trung.Khiến ng­ười nghe không thể không thay đổi cách sống. Phải ra phục vụ và phục vụ hết lòng cho triều đại mới.  - Tính chất của thời đại và nhu cầu của đất nước :  Thẳng thắn tự nhận những bất cập của triều đại mới, khóe léo nêu lên những nhu cầu của đất nước :  +*Trời còn tối tăm*  *+Buổi đầu đại định*  *+Triều chính còn nhiều khiếm khuyết.*  🡪 Gặp nhiều khó khăn -> đòi hỏi sự trợ giúp của nhiều bậc hiền tài.  - Kết thúc đoạn 2: Hỏi mà khẳng định.  🡪 Nhân tài không những có mà còn có nhiều. Vậy tại sao “*không có lấy một ng­ười tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?”*  => Cách nói vừa khiêm nhường tha thiêt, vừa khiên quyết khiến người hiền tài không thể không ra giúp triều đại mới làm cho nho sĩ Bắc Hà không thể khong thay đổi cách ứng xử.  \* **Nhóm 4** **trình bày:**  **- Cách tiến cử những người hiền tài:**  + Mọi tầng lớp đều được dâng thư bày tỏ việc nước  + Các quan được phép tiến cử người có tài nghệ.  + Những người ở ẩn được phép dâng sớ tự tiến cử.  🡪 Biện pháp cầu hiền: đúng đắn, rộng mở, thiết thực và dễ thực hiện  - Bài chiếu kết thúc bằng lời kêu gọi, động viên mọi người tài đức ra giúp nước:  *“Những ai … tôn vinh”*  ⇨ Quang Trung là vị vua có tư tưởng tiến bộ  Qua đường lối cầu hiền, em có nhận xét như thế nào về vua Quang Trung ?  GV: Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản ?  Qua bài học, em hãy nêu ý nghĩa của văn bản ?  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử**    - Mượn lời Khổng Tử:  + “Người hiền như sao sáng trên trời” sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần” (thiên tử)  🡪Mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử:người hiền phải do thiên tử sử dụng, phải quy thuận về với nhà vua  - Khẳng định:*“Nếu như che mất … người hiền vậy”*  🡪 Nếu hiền tài không do thiên tử sử dụng là trái quy luật, trái đạo trời.  ⇨Cách đặt vấn đề: có sức thuyết phục đối với sĩ phu Bắc Hà.  **2. Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà và nhu cầu của đất nước:**  **a. Cách ứng xử của nho sĩ Bắc Hà:**  - Thái độ của sĩ phu Bắc Hà:  Bỏ đi ở ẩn, mai danh ẩn tích, uổng phí tài năng  - Những người ra làm quan cho Tây Sơn thì sợ hãi, im lặng, làm việc cầm chừng  - Không phục vụ cho triều đại mới  => Sử dụng hình ảnh lấy từ kinh điển Nho gia hoặc mang ý nghĩa tượng trưng: Tạo cách nói tế nhị, châm biếm nhẹ nhàng; thể hiện kiến thức sâu rộng của người cầu hiền  - Tâm trạng của vua Quang Trung:  *+ “Nay trẫm đang … tìm đến”*  🡪 Thành tâm, khắc khoải mong chờ người hiền ra giúp nước  + Hai câu hỏi tu từ:  *“Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng?”*  *“Hay đang thời đổ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?”*  🡪 Cách nói khiêm tốn nhưng thuyết phục, tác động vào nhận thức của các hiền tài buộc người nghe phải thay đổi cách ứng xử.  **b. Thực trạng và nhu cầu của thời đại:**  **- Thực trạng đất nước:**  + Buổi đầu dựng nghiệp nên triều chính chưa ổn định  + Biên ải chưa yên  + Dân chưa hồi sức sau chiến tranh  + Đức của vua chưa nhuần thấm khắp nơi  🡪 Cái nhìn toàn diện sâu sắc: triều đại mới tạo lập, mọi việc đang bắt đầu nên còn nhiều khó khăn  **- Nhu cầu thời đại: hiền tài phải ra trợ giúp nhà vua**  + Dùng hình ảnh cụ thể:  *“Một cái cột … trị bình”*  🡪 Khẳng định vai trò to lớn của người hiền tài  + Dẫn lời Khổng Tử:  *“Suy đi … hay sao?”*  🡪 Khẳng định đất nước có nhiều nhân tài để đi đến kết luận: người hiền tài phải ra phục vụ hết mình cho triều đại mới  ⇨ Vua Quang Trung: Vị vua yêu nước thương dân, có tấm lòng chiêu hiền đãi sĩ. Lời lẽ: khiêm nhường, chân thành, tha thiết nhưng cũng kiên quyết, có sức thuyết phục cao  **3. Con đường để hiền tài cống hiến cho đất nước:**  **- Cách tiến cử những người hiền tài**  - Bài chiếu kết thúc bằng lời kêu gọi, động viên mọi người tài đức ra giúp nước:  *“Những ai … tôn vinh”*  ⇨ Quang Trung là vị vua có tư tưởng tiến bộ  *4. Nghệ thuật:*- Cách nói sùng cổ - Lời văn ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ, lập luân chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình.  *III..* ***Ý nghĩa văn bản:*** Thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc cầu hiền tài phục vụ cho sự nghiệp dựng nước. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.* ( Trích *Chiếu cầu hiền-* Ngô Thì Nhậm)  1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.  2/ Câu văn *Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao.Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử* sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác giả quan niệm như thế nào về người hiền?  3/ Việc xác định vai trò và nhiệm vụ của người hiền tài có tác dụng gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Nội dung chính của văn bản trên: Vai trò và sứ mệnh của người hiền đối với nhà vua và đất nước.  2/ Hai câu trên sử dụng biện pháp tu từ so sánh : người hiền- ngôi sao sáng ; thiên tử- sao Bắc Thần ( tức Bắc Đẩu)  Tác giả quan niệm về người hiền : tác giả ví người hiền như ngôi sao sáng. Quy luật vận động của các vì sao sáng là chầu về Bắc Thần, mà Thiên tử là Bắc Thần. Như vậy, tác giả không chỉ đưa ra quan niệm về người hiền mà còn nêu rõ quy luật xử thế của người hiền : người hiền phải do Thiên tử sử dụng, nếu không làm như vậy là trái với đạo trời.  3/Việc xác định vai trò và nhiệm vụ của người hiền tài có tác dụng khẳng định việc chiêu hiền, cầu hiền của nhà vua là có cơ sở, có căn cừ, là hợp lòng trời, lòng người. |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ vai trò của *người hiền*  trong cuộc sống hôm nay.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Từ vai trò người hiền trong bài Chiếu, thí sinh hiểu được người hiền là người như thế nào ? Làm thế nào để có được người hiền để phục vụ cho đất nước hôm nay ? Từ đó, bản thân rút ra bài học nhận thức và hành động. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài Chiếu cầu hiền  + Tìm đọc các bài Thiên đô chiếu ( Lí Công Uẩn), Hiền tài là nguyên khí của quốc gia( Thân Nhân Trung)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách Ngữ văn 8,10 đã học..** |

*Ngày kí*

***Tiết: 27****-Đọc văn*

***Đọc thêm: Xin lập khoa luật***

(Nguyễn Trường Tộ)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được kiến thức về tác giả, hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa ra đời bản điều trần

2/ Thông hiểu: Nghệ thuật lập luận trong bản điều trần

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn bàn về những vấn đề liên quan đến pháp luật

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của bản điều trần

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thể loại điều trần trong văn học trung đại.

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về vấn đề xã hội

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản điều trần

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về pháp luật;

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo:HS đọc sáng tạo đúng yêu cầu thể loại văn bản điều trần.

-Năng lực hợp tác thông qua thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp tiếng Việt: từ việc khai thác văn bản, HS được giao tiếp cùng tác giả, được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV .

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Trường Tộ*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Nguyễn Trường Tộ là một người có tài, thông thạo cả Hán học và Tây học. Ông cũng là người có tầm nhìn xa trông rộng, có chủ trương canh tân đất nước thông qua luật pháp. Điều này đã thể hiện rất rõ qua bài “Xin lập khoa luật” trích “tế cấp bát điều”.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Phần tiểu dẫn SGK trình bày những nội dung chính nào?  -Trình bày vài nét về tác giả Nguyễn Trường Tộ ?  -Trình bày xuất xứ và mục đích của bài ‘‘xin lập khoa luật’’ ?  - Theo em văn bản được chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **1. Tác giả**:  - 1830 – 1871, quê ở Nghệ An. Là người có học, tầm nhìn xa trông rộng.  - Sinh thời ông có nhiều bản điều trần gửi nhà Nguyễn đề nghị thực thi việc cải cách , chấn hưng đất nước. Nhưng nhà Nguyễn hầu như không thực hiện.  - Các bản điều trần thể hiện một tấm lòng yêu nước tha thiết, lập luận chặt chẽ.  **2. Bài “Xin lập khoa luật”:**  - Trích từ bản điều trần 27, có nội dung bàn về sự cần thiết của luật pháp đối với xã hội, mục đích là thuyết phục triều đình cho lập khoa luật.  - Điều trần: văn nghị luận chính trị xã hội, trình bày vấn đề theo từng điều từng mục.  - Bố cục:  + (1) Vai trò và tác dụng của luật pháp đối với xã hội.  + (2) Mối quan hệ giữa pháp luật với đạo Nho, văn chương và nghệ thuật.  + (3) Mối quan hệ giữa luật pháp và đạo đức.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  Vài nét về Nguyễn Trường Tộ và xuất xứ của bản điều trần (SGK). |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc:Giọng khúc chiết, rõ ràng, rành mạch; chú ý các câu hỏi tu từ.  Ba HS đọc 2 lần toàn bài. Nhận xét cách đọc.  \* HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  Thảo luận nhóm.  GV định hướng nội dung nghệ thuật qua hệ thống câu hỏi  **Nhóm1:** Theo Nguyễn Trường Tộ, luật bao gồm những lĩnh vực nào? Ông đã giới thiệu việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây ra sao?  **Nhóm 2**:Luật có vai trò như thế nào đối với đời sống con người ? Em có nhận xét như thế nào về cách lập luận của tác giả ?  **Nhóm 3**:Tác giả quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp?  **Nhóm 4** :Theo Nguyễn Tường Tộ, Nho học truyền thống có tôn trọng pháp luật không?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  - Luật bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau: Kỉ cương, uy quyền, chính lệnh, tam cương ngũ thường...  - Việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây rất công bằng, nghiêm minh. Không có ai (kể cả vua chúa) được đứng ngoài, đứng trên luật pháp. Nhà nước xã hội vận hành và phát triển bằng luật pháp. mọi sự thưởng phạt đều dựa trên luật pháp. Đó là những *nhà nước pháp quyền*.  \* **Nhóm 2**  + Luật có tác dụng cai trị xã hội, duy trì sự tồn tại của đất nước, quan dùng luật để trị dân, dân theo luật mà giữ gìn. Bất cứ hình phạt nào trong nước đều không vượt khỏi luật. Làm trái luật và không nghiêm sẽ dẫn đến việc người dân coi thường pháp luật. Luật phải đề cao tinh thần dân chủ, gắn đời sống con người.  + Luật còn là đạo đức, đạo đức làm người “trái luật là có tội, giữ đúng luật là đức” và “có cái đạo đức nào lớn hơn chí công vô tư”.  \* **Nhóm 3**  - Quan hệ giữa đạo đức và luật pháp là ở chỗ thống nhất giữa đúng luật và đạo đức. Công bằng, luật pháp là đạo đức. Đạo đức lớn nhất là chí công vô tư.  Trái luật cũng đồng nghĩa với trái đạo đức.  \* **Nhóm 4**  - Việc nhắc đến Khổng Tử và các khái niệm đạo đức, văn chương có tác dụng làm cho nghệ thuật biện luận tác động đến tư duy và tâm lí các nhà nho – vốn là những người giương cao ngọn cờ đạo đức của Thánh Khổng – và chính Khổng Tử đã nhận ra cái hạn chế, chủ quan và không tưởng của giáo lí, đạo đức, nghệ thuật nếu không có luật pháp làm nền tảng; để họ nhận thức rõ vấn đề quan trọng của luật pháp.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**  *1. Nội dung:*  **a. Theo tác giả, luật pháp bao gồm**:  - kỷ cương, uy quyền, chính lệnh, tam cương ngũ thường..  - Việc thực thi luật pháp ở các nước phương Tây rất nghiêm minh công bằng. Không ai đứng trên luật pháp, mọi sự thưởng phạt đều dựa trên luật pháp. Đó là nhà nước pháp quyền.  **b. Tác giả chủ trương:**  **-** Mọi người phải có thái độ tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp.  **-** Chủ trương vậy để bảo đảm công bằng XH.  **c. Nho học:**  **-** Không có truyền thống tôn trọng luật pháp, chỉ nói suông, làm tốt không ai khen, làm dở không ai phạt.  **-** Khổng Tử cũng công nhận điều này.  **d. Đạo đức và luật pháp:**  **-** Có quan hệ thống nhất, đúng luật, đúng đạo đức.  **-** Đạo đức lớn nhất là chí công vô tư. Trái luật là trái đạo đức.  **e. Việc nhắc đến Khổng Tử** **và các khái niệm đạo đức, văn chương:**  **-** Có tác dụng làm cho nghệ thuật biện luận tác động đến tâm lí, tư duy các nhà Nho vốn theo đạo Khổng  **-** Để họ nhận ra vai trò quan trọng của luật pháp.  2. *Nghệ thuật:*  Lập luận chặt, dẫn chứng sát thực, lời lẽ mềm dẻo, có sức thuyết phục.  3*. Ý nghĩa văn bản:*  Bản điều trần thể hiện tư tưởng cấp tiến của Nguyễn Trường Tộ đến nay vẫn còn nguyên giá trị. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:**   Nội dung của các văn bản điều trần là gì?  a. Nói về đạo làm thầy. b. Nói về đạo làm vợ chồng. c. Trình bày kế sách để trị nước. d.Nói về đạo làm con.    **Câu hỏi 2:** Câu văn: “*Vì luật bao gồm cả kỉ cương. Uy quyền, chính lệng của quốc gia, trong đó tam cương ngũ thường cho đến việc hành chính của sáu bộ đều đầy đủ”*nói về cái gì?  a. Vai trò của luật b. Nội dung của luật. c. Cách thi hành luật. d. Người sử dụng luật    **Câu hỏi 3:** Câu văn nào nêu lên mối quan hệ cuả luật với quan và dân?  a. *Bất luận hay quan dân, mọi người đều phải học luật nước và những luật mới bổ sung thêm từ thời Gia Long đến nay.*   b. *Ai giỏi luật sẽ được làm quan* c. *Quan dùng luật để trị dân, dân theo luật mà giữ gìn.* d. *Dù vua, triều đình cũng không giáng chức họ được một bậc.*    **Câu hỏi 4:** Câu nào sau đây trực tiếp nêu lên vai trò của luật đối với con người và đời sống xã hội?  a. Nếu luật chỉ tốt cho việc cai trị chứ không có đạo đức tinh vi, thế là không biết rằng trái luật là tội, giữ đúng luật là đức.  b. Nếu tận dụng cái lẽ công bằng ở trong luật mà xử sự thì mọi quyền, pháp luật đều là đức. c. Trong luật cái gì cũng công bằng hợp đức với trời, như vậy mà không đáng gọi là đạo đức tinh vi sao? d. Nếu tận dụng cũng đủ trọn vẹn đạo đức làm  người rồi, bất tất phải đi tìm cái gì khác.    **Câu hỏi 5:** *Điều trần* thường do ai viết? Viết cho ai? a. Bề tôi viết để dâng lên vua b. Vua viết gửi cho bề tôi c. Quan viết gửi cho các quan d. Quan cấp trên gửi quan cấp dưới  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='c'  [2]='c'  [3]='d'  [4]='b'  [5]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  So sánh điểm giống và khác trong nghệ thuật lập luận giữa Chiếu dời đô và Chiếu cầu hiền.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | - Giống: Lí - tình kết hợp, không chỉ đơn thuần là mệnh lệnh quan phương, thuyết phục và xúc động lòng người; những vẫn đề trọng đại với non sông đất nước, triều đại; thể hiện tầm nhìn xa rộng và tấm lòng vì nước vì dân của bậc minh vương thánh đế.  Khác: ở Chiếu dời đô là việc thuyết phục chủ trương di dời thủ đô. Ở Chiếu cầu hiền là việc động viên, kêu gọi và sử dụng người hiền tài.) |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài Xin lập khoa luật**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** |

Ngày kí

**Tiết 28+29**

**Ôn tập văn học Trung đại Việt Nam**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

2/ Thông hiểu:Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của văn học trung đại Việt Nam. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

3/Vận dụng thấp: Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu tổng kết về văn học sử

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các giai đoạn của văn học trung đại Việt Nam

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học trung đại Việt Nam

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm giữa các giai đoạn của văn học trung đại Việt Nam

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *văn học trung đại đã học*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** Như vậy, trong chương trình Ngữ văn 10 và 11 vừa qua, chúng ta đã tìm hiểu kiến thức về văn học sử, về tác gia, về tác phẩm văn học tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Hôm nay, chúng ta thực hiện giờ ôn tập để có cái nhìn toàn diện về văn học trung đại của nước nhà. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn HS hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.  **I. Hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên tác giả | Tên tác phẩm | Thể loại | | 1 | Lê Hữu Trác | Vào phủ chúa Trịnh( Trích *Thượng kinh kí sự*) | -Kí sự | | 2 | Hồ Xuân Hương | Tự tình (bài 2) | -Thơ TNBCĐL | | 3 | Nguyễn Khuyến | Câu cá mùa thu  Đọc thêm: Khóc Dương Khuê. | -Thơ TNBCĐL  -Thơ lục bát | | 4 | Trần Tế Xương | Thương vợ  Đọc thêm: Vịnh khoa thi Hương | Thơ  TNBCĐL. | | 5 | Nguyễn Công Trứ | Bài ca ngất ngưởng | Hát nói | | 6 | Cao Bá Quát | Bài ca ngắn đi trên bãi cát | Ca hành | | 7 | Nguyễn Đình Chiểu | Lẽ ghét thương  ( Trích Lục Vân Tiên)  Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.  Đọc thêm;  Chạy giặc. | -Thơ lục bát.  -Văn tế.  -TNBCĐL | | 8 | Chu Mạnh Trinh | Đọc thêm:Bài ca phong cảnh Hương Sơn | Ca trù | | 9 | Ngô Thì Nhậm | Chiếu cầu hiền | Thể chiếu | | 10 | Nguyễn Trường Tộ | Đọc thêm: Xin lập khoa luật  ( Trích *Tế cấp bát điều)* | Điều trần. | | Tống số: | 10 tác giả | 05: Đọc thêm | 09 thể loại | | 09: Đọc văn | | 14 tác phẩm. | | **I. Hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.** |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Thảo luận nhóm theo câu hỏi SGK.  Nhóm 1.  Những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX ?  Phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước qua các tác phẩm, đoạn trích đã học ?  Nhóm 2.  Vì sao có thể nói văn học ở thế kỉ XVIII nữa đầu thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo ?  Biểu hiện phong phú của nội dung nhân đạo trong giai đoạn này?  Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ?  **Nhóm 3**  - Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* mang giá trị phản ánh và phê phán hiện thực như thế nào?  **Nhóm 4**  - Giá trị nội dung và nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu?  - Vẻ đẹp bi tráng và bất tử về người nông dân nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc?*  \* Từng nhóm cử đại diện trả lời, nhóm còn lại theo dõi, bổ sung  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  - Nội dung yêu nước trong văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX: là tư tưởng trung quân ái quốc với cảm hứng : ý thức độc lập tự chủ, lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược, lòng tự hào đất nước con người...  - Những biểu hiện mới :  + Ý thức về vai trò củ trí thức đối với đất nước (chiếu cầu hiền)  + Tư tưởng canh tân đất nước (Xin lập khoa luật)  + Mang âm hưởng bi tráng (tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu)  + Tìm hướng đi mới cho cuộc đời trong hoàn cảnh xã hội bế tắc (Bài ca ngắn đi trên bãi cát- Cao Bá Quát)  - Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước qua các tác phâm và đoạn trích :  + Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu : lòng căm thù giặc, nỗi xót xa trước cảnh đất nước bị giặc tàn phá.  + Văn tế nghĩa sĩ cần giuộc (Nguyễn Đình Chiểu) : sự biết ơn với những người đã hi sinh vì Tổ quốc.  + Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh) : ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên đất nước.  + Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương) : lòng căm thù giặc.  + Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ) : canh tân đất nước.  + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) : ngợi ca vẻ đẹp của quê hương đất nước, đồng thời thể hiện tình yêu nước thầm kín của tác giả.  \* **Nhóm 2**  vì : tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, liên tiếp tập trung vào vấn đề con người.  Biểu hiện của nội dung nhân đạo:  + Sự thương cảm trước bi kịch và đồng cảm trước khát vọng của con người  + Khẳng định, đề cao nhân phẩm, tài năng, lên án thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người.  + Đề cao truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc.  - Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu :  + Truyện Kiều (Nguyễn Du) : đề cao vai trò của tình yêu. Đó là biểu hiện cao nhất của sự đề cao con người cá nhân.  Tình yêu không chỉ đem lại cho con người vẻ đẹp cuộc sống, qua tác phẩm, nhà thơ muốn đặt ra và chống lại định mệnh.  + Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn) : con người cá nhân được gắn liền với nỗi lo sợ tuổi trẻ, hạnh phúc chóng phai tàndo chiến tranh.  + Thơ Hồ Xuân Hương : đó là con người cá nhân bản năng khao khát sống, khao khát hạnh phúc, tình yêu đích thực, dám nói lên một cánh thẳng thắn những ước mơ của người phụ nữ bằng cách nói ngang với một cá tính mạnh mẽ.  + Truyện Lục Vân Tiên(Nguyễn Đình Chiểu) : con người cá nhân nghĩa hiệp và hành động theo nho giáo.  + Bài ca ngất ngưởng (Nguyễn Công Trứ) : con người cá nhân công danh, hưởng lạc ngoài khuôn khổ.  + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) : con người cá nhân trống rỗng mất ý nghĩa.  + Thơ Tú Xương : nụ cười giải thoát cá nhân và sự khẳng định mình.  \* **Nhóm 3**  - Đoạn trích là bức tranh chân thực về cuộc sống nơi phủ chúa, được khắc họa ở hai phương diện:  + Cuộc sống thâm nghiêm xa hoa, giàu sang.  + Cuộc sống thiếu sinh khí, yếu ớt.  🡪 Một thế giới riêng đầy quyền uy: Những tiếng quát tháo, truyền lệnh, những tiếng dạ ran, những con người oai vệ, những con người khúm núm, sợ sệt...có nhiều cửa gác, mọi việc đều có quan truyền lệnh, chỉ dẫn. Thầy thuốc vào khám bệnh phải chờ, nín thở, khúm núm, lạy tạ.  🡪Phủ chúa là nơi xa hoa, giàu sang vô cùng: từ nơi ở đến tiện nghi, từ vật dụng đến đồ ăn thức uống...nhưng thiếu sinh khí, âm u. Thiếu sự sống, sức sống.  🡪 Ngòi bút tả thực điềm đạm, kín đáo nhưng lạnh lùng, thờ ơ, thậm chí coi thường của tác giả🡪 sự phê phán sâu sắc của Hải Thượng Lãn Ông.  \* **Nhóm 4**  - Giá trị nội dung thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: Đề cao đạo lí nhân nghĩa, yêu nước chống giặc ngoại xâm.  - Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức - trữ tình. Màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật.  - Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của hình tượng người nông dân - nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:*  + Bi: Gợi lên qua cuộc sống vất vả, lam lũ. Nỗi đau buồn, thương tiếc trước sự mất mát, hi sinh và tiếng khóc đau thương của người còn sống.  + Tráng: Lòng căm thù giặc, lòng yêu nước, hành động quả cảm, anh hùng của nghĩa sĩ. 🡪 Tạo nên tiếng khóc lớn lao,cao cả.  HS điền vào bảng hệ thống theo định hướng của GV.   |  |  | | --- | --- | | Đặc điểm  thi pháp | Nội dung biểu hiện. | | Tư duy  nghệ thuật | Theo kiểu mẫu, công thức, hình ảnh ước lệ, tượng trưng, | | Quan niệm thẩm mĩ | Hướng về cái đẹp trong quá khứ, thiên về cái tao nhã, cao cả, ưa sử dụng điển tích, điển cố, thi liệu, thi liệu Hán học. | | Bút pháp | Thiên về ước lệ, tượng trưng, gợi nhiều hơn tả. | | Thể loại | Ký sự, thơ TNBCĐL, lục bát, hát nói, ca trù, văn tế, ca hành, chiếu, điều trần. |   **HS trả lời cá nhân :**  2. Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.  - Thơ Nguyễn Khuyến, thơ Hồ Xuân Hương.  + Hình thức: Thơ Nôm đường luật TNBC.  + Sáng tạo: Thi đề, hình ảnh, từ ngữ, tính ước lệ.  - Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc: Đảm bảo nghiêm ngặt thể loại văn tế, nhưng mang tinh thần thời đại, mang tính hiện đại, vượt hơn hẳn những bài văn tế thông thường.  - Thượng kinh kí sự. Bài ca ngất ngưởng. Văn té nghĩa sĩ Cần Giuộc. Sa hành đoản ca. Chiếu cầu hiền. Tế cấp bát điều.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 3 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS điền vào bảng hệ thống theo định hướng của GV.  GV: Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.  GV: hướng dẫn HS làm bài tập trắc nghiệm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Ôn tập về nội dung VHTĐ.**  Câu 1.  - Nội dung yêu nước trong văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX:  - Những biểu hiện mới :  - Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước qua các tác phâm và đoạn trích :  + Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu :  +Văn tế nghĩa sĩ cần giuộc (Nguyễn Đình Chiểu) :  + Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh)  + Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương) :  + Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ) :  + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) :  Câu 2 :  - Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thế kỉ XXVIII đến nữa đầu thế kỉ XIX, xuất hiện thành trào lưu nhân đạo vì : tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, liên tiếp tập trung vào vấn đề con người.  -Biểu hiện của nội dung nhân đạo:    => Vấn đề cơ bản của nội dung nhân đạo, hướng vào quyền sống con người(con người trần thế) qua Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương, ý thức về cá nhân đậm nét( ý thức về quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân), khẳng định con người cá nhân qua các tác phẩm như : Đọc tiểu Thanh kí của Nguyễn Du ; Tự tình của Hồ Xuân Hương ; Bài ca ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ.  - Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu :  + Truyện Kiều (Nguyễn Du) :  + Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn) :  + Thơ Hồ Xuân Hương  + Truyện Lục Vân Tiên(Nguyễn Đình Chiểu) :  + Bài ca ngất ngưởng (Nguyễn Công Trứ) :  + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) :  + Thơ Tú Xương :  Câu 3.  Giá trị phản ánh và phê phán hiện thực của đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh*( Trích: *Thượng kinh kí sự* - Lê Hữu Trác).  Câu 4.  - Giá trị nội dung thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:  - Giá trị nghệ thuật:  - Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của hình tượng người nông dân - nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:*  + Bi:  + Tráng:  🡪 Trước Nguyễn Đình Chiểu, VHVN chưa có hình tượng nghệ thuật hoàn chỉnh về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ. Sau Nguyễn Đình Chiểu rất lâu cũng chưa có một hình tượng nghệ thuật nào như thế. Vì vậy lần đầu tiên trong VHDT có một tượng đài bi tráng và bất tử về người nông dân nghĩa sĩ.  **III. Ôn tập về phương pháp.**  1. Một số đặc điểm quan trọng và cơ bản về thi pháp ( đặc điểm nghệ thuật) của VHTĐ VN.   |  |  | | --- | --- | | Đặc điểm  thi pháp | Nội dung biểu hiện. | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   2. Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.  - Thơ Nguyễn Khuyến, thơ Hồ Xuân Hương.  - Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:  - Thượng kinh kí sự. Bài ca ngất ngưởng. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Sa hành đoản ca. Chiếu cầu hiền. Tế cấp bát điều.  3. Luyện tập.  - Bài tập trắc nghiệm |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:**    Nhận xét nào trong các nhận xét sau nói đúng về thể thơ hát nói?  a. Hát nói trong văn học trung đại Việt Nam chính là hát ca trù. b. Hát nói là một trong những điệu chủ đạo của hát ca trù. c. Hát nói trong văn học trung đại Việt Nam chính là hát xẩm. d.Hát nói là một trong những điệu chủ đạo của hát đối đáp.    **Câu hỏi 2:** Dòng nào nêu đúng các nhà thơ trung đại “*công khai khẳng định cá tính độc đáo của mình. Thơ văn của họ thể hiện sự bức bối của lịch sử muốm tung phá cái khuôn khổ trật hẹp, tù túng và giả dối của chế độ phong kiến trong thời suy thoái”?*  a.Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu. b. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát. c. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến. d. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu.    **Câu hỏi 3:** Dòng nêu đúng những biểu hiện của sự phân hoá trong văn học Việt Nam 1900 – 1945 ?  a. Thể loại phong phú và đội ngũ tác giả đông đảo. b. Nhiều thành tựu nổi bật và nhiều thể loại mới xuất hiện. c. Nhiều bộ phận văn học và nhiều khuynh hướng thẩm mĩ. d. Nhiều tác giả có cá tính và cái tôi thể hiện đậm nét.    **Câu hỏi 4:** Yếu tố nào cho thấy rõ nhất dấu vết của tiểu thuyết trung đại?  a. Sử dụng nhiều từ Hán Việt. b. Nhiều điển tích, điển cố. c. Nhiều hình ảnh ước lệ, tượng trưng. d. Kết cấu chương hồi và kết thúc có hậu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='b'  [2]='b'  [3]='c'  [4]='d' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc bài thơ Tự tình II, Hồ Xuân Hương và trả lời câu hỏi  1/ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ?  2/ Em hiểu từ *hồng nhan* là gì ? Ghi lại 2 thành ngữ có từ *hồng nhan.*  3/Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì ?   4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) trình bày ý nghĩa nhân văn của bài thơ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Mạch cảm xúc của bài thơ : Cô đơn- buồn chán- thách thức duyên phận-phẫn uất. Phản kháng- chán ngán, chấp nhận.  2/ *Hồng nhan* là nhan sắc người phụ nữ đẹp thường đi với đa truân hay bạc mệnh.  Hai thành ngữ có từ *hồng nhan :* hồng nhan đa truân ; hồng nhan bạc mệnh.  3/ Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : Nhà thơ đã Việt hóa thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật: cách dùng từ giản dị, dân dã, ý thức sử dụng sáng tạo các thành ngữ, tục ngữ, lối đảo từ, điệp từ, dùng từ mạnh.  4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Bài thơ là tiếng nói đau buồn, phẫn uất của nhà thơ trước duyên phận bất hạnh, gắng gượng vươn lên đầy bản lĩnh nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Đồng thờ, bài thơ còn thể hiện khát vọng tự do, khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc cháy bỏng của nữ sĩ, của người phụ nữ tài hoa bạc mệnh, đa truân trong xã hội phong kiến . |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy Phần ôn tập văn học trung đại Việt Nam  + Tìm đọc thêm một số bài thơ của các tác giả lớn: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Ngày kí*

*Tiết 30*

**Trả Bài Viết Số II**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

Giúp HS biết phát hiện những sai sót trong bài làm văn của mình để làm tốt hơn các bài tiếp theo

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

- Có ý thức phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài , biết khắc phục nhược điểm trong quá trình làm văn

- Giao tiếp, tư duy sáng tạo.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo; Năng lực giải quyết vến đề.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhĩm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình (thảo luận đáp án)

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, ......

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG | PHẦN NỘI DUNG |
| **HĐ1: Hướng dẫn HS phân tích đề**  Việc 1: GV yêu cầu hs ghi lại đề trên bảng  ***Việc 2: HS phân tích đề: Trả lời 3 câu hỏi sgk***  **HĐ2: GV nhận xét ưu, khuyết điểm của HS**  **HĐ3: Tiến hành cho HS phát bài, sửa bài và lập dàn ý**  Việc 1: HS phát bài  Việc 2: Yêu cầu HS đọc từng phần trong bài làm của mình-> HS khác nhận xét và tiến hành lập dàn ý  Việc 3: Cho HS ghi lên bảng những câu sai (hoặc GV chuẩn bị bảng phụ trước)-> HS lên sửa lỗi-> GV nhận xét  **HĐ4: Rút kinh nghiệm và chuẩn bị bài viết số 2** | Đề: Phân tích để thấy được tâm sự của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua bài thơ *Tự tình (bài II):*  I. Phân tích đề:  1. Kiểu đề: mở  2. Vấn đề nghị luận: tâm sự của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua bài thơ *Tự tình (bài II):*  3. Phạm vi tư liệu: bài thơ *Tự tình* và các tác phẩm khác có liên quan.  II. Nhận xét chung:  1. Ưu điểm: Hiểu đề, vận dụng các thao tác thích hợp trong bài viết  2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài , chỉ lập luận suông, chưa giải thích , chưa đánh giá .  -Hành văn lủng củng, thiếu những dẫn chứng cụ thể.  -Chưa hiểu yêu cầu của đề nên phân tích dàn trải, không tập trung vào một phân tích tâm sự của nhà thơ qua bài thơ.  III. Tiến hành phát-sửa-lập dàn ý  1. Phát bài  2. Sửa- lập dàn ý (Ở PHẦN BỔ SUNG)  3. Sửa lỗi sai về chính tả, câu, diễn đạt của một số bài để hs rút kinh nghiệm  IV. Đọc bài hay để rút kinh nghiệm cho bài viết số 2 |

4. Củng cố:Trước khi viết cần đọc kĩ đề, phân tích đề và lập dàn ý

5. Dặn dò: chuẩn bị viết bài số 3 nghị luận văn học, làm 2 tiết trên lớp.

\* Bổ sung – Rút kinh nghiệm:

**BÀI VIẾT SỐ 2 (NGHỊ LUẬN VĂN HỌC) –LỚP 11**

**Thời gian làm bài: ở nhà**

**ĐỀ:**

***Phân tích để thấy được tâm sự của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua bài thơ Tự tình (bài II):***

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM

Tìm hiểu giá trị nội dung trữ tình của tác phấm Tự rình (bài II) là đích đến của bài nghị luận này. Thao tác nghị luận chính yếu đã được chỉ ra trong đề bài : phân tích tác phẩm thơ trử tình trung đại. Từ kết quả của việc đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình trung đại, người viết trình bày kiến thức của mình về tác phẩm qua một bài văn nghị luận . Trong đó thể hiện người viết đã biết vận dụng các kĩ năng làm văn đế lạo lập một văn bản có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, hành văn mạch lạc, biết cách lựa chọn từ ngữ diễn đạt chính xác,biết cách liên kết các câu văn, đoạn văn. Về cơ bản, bài viết trình bày được các nội dung sau :

-Giới thiệu chung về tác giả Hồ Xuân Hương (vị trí của tác giả trong nền văn học nước nhà, đặc điểm các sáng lác,...) và bài thư Tự tình (bài II) (nhận xét khái quát về cảm hứng trữ tình trong chùm thơ, đặc biệt là trong bài thơ này).(1,5 điếm)

-Nội dung cảm xúc trong các tác phấm thơ trừ tình - yếu tố đặc trung cho thể loại và nhan đề bài thơ Tự tình (bài II) của Hồ Xuân Hương.(1,5 điếm)

-Phân tích các yếu tố ngôn ngữ thể hiện tình huống trữ tình trong bài thơ (thời gian : "đêm khuya", "trống canh dồn"; một mình cả đêm không ngủ).(1 điểm)

-Những tâm sự của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua yếu tố ngôn ngữ thuần Việt (từ ghép, từ láy), lựa chọn các từ có giá trị miêu tả, biểu đạt cảm xúc, các yếu tô ngôn ngữ dân gian ; sự sáng tạo trong việc sử dụng các yếu tố thể loại (thi luật thơ cổ điển với kết cấu đề-thực-luận-kết, cách xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm trữ tình,...):

+ Thân phận cô đơn, dầu dãi trong cuộc đời, cảm giác bẽ bàng, chua xót "Trơ cái hồng nhan với nước non".(1,5 điểm)

+ Nỗi buồn vì bất hạnh bám riết lấy cuộc đời, không thế quên lãng "Chén rượu hương đưa say lại tỉnh - vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn".(1,5 điểm)

+ Nỗi bất bình trước sự trớ trêu của cuộc đời, trong đó tiềm làng một sức mạnh phản kháng "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám - Đâm toạc chân mây đá mấy hòn", không chấp nhận hiện thực phũ phàng "Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con".(1,5 điểm)

-Tự tình (Bài II) là một tác phẩm thể hiện cảm xúc chân thành của một người phụ nữ có khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt trước cuộc đòi.(1,5 điểm)

*Ngày kí*

***Tiết 31*** *–Làm văn*

**Thao tác lập luận so sánh**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, so sánh

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận so sánh trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận so sánh;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp thao tác lập luận so sánh

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận so sánh

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác so sánh

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác so sánh

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *"Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi. Hai bài văn: hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Bài ca của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang: "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia...".*  ( Trích trong bài "Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc" của tác giả Phạm Văn Đồng.)  Người viết đã so sánh *Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* với tác phẩm nào? Câu văn nào nói lên điều đó?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức và dẫn vào bài mới:** Trong bài văn nghị luận, để thuyết phục người đọc, người nghe tin và làm theo những gì mình định gởi gắm, cần sử dụng nhiều thao tác lập luận. Bên cạnh thao tác lập luận phân tích, lập luận so sánh được sử dụng khá nhiều và có những mục đích, hiệu quả riêng. Bài học hôm nay làm rõ những vấn đề trên. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Nhắc lại kiến thức cũ.  - Thế nào là so sánh? Trong cuộc sống chúng ta hay dùng so sánh không? So sánh để làm gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS Tái hiện kiến thức và trình bày**.  - So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy.  - Có 2 kiểu so sánh: Tương đồng ( chỉ ra những nét giống nhau) và tương phản (chỉ ra những nét khác nhau).  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 2 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn HS làm bài tập và trả lời câu hỏi SGK bằng trao đổi thảo luận nhóm.  **Nhóm 1:**  Đọc đoạn trích và trả lời: Đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh là gì?  **Nhóm 2.**  Điểm giống và khác nhau giữa đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh.  **Nhóm 3.**  Phân tích mục đích so sánh trong đoạn trích?  **Nhóm 4.**  Mục đích và yêu cầu của thao tác so sánh?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Nhóm 1 trình bày:**  Đối tượng được so sánh: Bài văn *Chiêu hồn.* Đối tượng so sánh: *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều.*  **Nhóm 2 trình bày:**  + Giống: Đều bàn về con người.  + Khác: *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều* đều bàn về con người ở cõi sống, văn *Chiêu hồn* bàn về con người ở cõi chết.  **Nhóm 3 trình bày:**  - Nhằm làm sáng tỏ, vững chắc hơn lập luận của mình. Qua so sánh người đọc thấy cụ thể hơn, sinh động hơn ý của tác giả.  **Nhóm 4 trình bày:**  - Mục đích của so sánh là làm sáng rõ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác.  - Yêu cầu của so sánh: Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến của người viết.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu bài:**  **1. Khái niệm so sánh.**    **2. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận so sánh.**  **a. Tìm hiểu ngữ liệu:**  Câu1. Đối tượng được so sánh:  Câu 2. Điểm giống và khác nhau.  Câu 3. Mục đích so sánh trong đoạn trích.  **b. Kết luận.**  - Mục đích của so sánh :  - Yêu cầu của so sánh: |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Nguyễn Tuân so sánh quan niệm "soi đường" của Ngô Tất Tố với những quan niệm nào?  - Căn cứ để so sánh là gì?  - Mục đích của so sánh là gì?  **GV:** Có những cách so sánh nào?  HS đọc mục II trong SGK và trả lời câu hỏi theo cặp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời cá nhân:**  Nguyễn Tuân so sánh quan niệm "soi đường" của Ngô Tất Tố với những quan niệm sau:  + Quan niệm của những người chủ trương" cải lương hương ẩm" cho rằng chỉ cần bài trừ hủ tục là đời sống nông dân sẽ được nâng cao.  + Quan niệm của những người hoài cổ cho rằngchỉ cần trở về với đời sống thuần phác, trong sạch như ngày xưa là đời sống của những người nông dân sẽ được cải thiện.  Dựa vào sự phát triển tính cách của các nhân vật trong "Tắt đèn", với các nhân vật khác trong một số tác phẩm cùng viết về đề tài nông thôn thời kì ấy- nhưng viết theo chủ trương *cải lương hương ẩm hoặc ngư ngư tiều tiều canh canh mục mục.*  Chỉ ra ảo tưởng của hai quan niệm trên để làm nổi bật cái đúng của Ngô Tất Tố: Người nông dân phải đứng lên chống lại kẻ bóc lột mình, áp bức mình.  - Có 2 cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **3. Cách so sánh.**  **a. Tìm hiểu ngữ liệu:**  - Câu 1.  - Câu 2. Căn cứ so sánh:  - Câu 3. Mục đích của so sánh: .    **b. Kết luận:**  - Có 2 cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.  - Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến quan điểm của người nói (người viết)  **4. Ghi nhớ:** SGK |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS luyện tập**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Câu 1**  **Nhóm 2: Câu 2**  **Nhóm 3: Câu 3**    Từng nhóm lên bản trình bày kết quả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  Câu 1: Tác giả so sánh Bắc và Nam.  Giống: cả hai đều có lãnh thổ, văn hóa, phong tục, chính quyền, hào kiệt…  Khác:  + Văn hóa: vốn xưng nền văn hiến đã lâu.  + Lãnh thổ: núi sông bờ cõi đã chia.  + Phong tục: bắc nam cũng khác.  + Chính quyền riêng: từ Triệu, Đinh….một phương.  + Hào kiệt: song hào kiệt đời nào cũng có.  \* **Nhóm 2**  Từ sự so sánh đó khẳng định Đại Việt là một nước độc lập, tự chủ, ý đồ xâm lược của phương Bắc là trái đạo lí, đạo trời  **Nhóm 3**  Đây là đoạn văn so sánh mẫu mực có sức thuyết phục cao.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Luyên tập:**  Đoạn trích Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.  1) Tác giả đã ss “ Bắc” với “Nam” về những mặt:  - Văn hiến ( vốn xưng… đã lâu )  - Lãnh thổ ( núi sông… đã chia)  - Phong tục ( phong tục.. khác )  - Chính quyền riêng ( từ Triệu… một phương )  - Hào kiệt ( song hào kiệt… có )  2) Về mọi mặt, nước Đại Việt ta đều có từ trước, đủ tư cách là một nước có độc lập, chủ quyền, ngang hàng và không hề thua kém các triều đại Trung Hoa  3) Đoạn văn có sức thuyết phục mạnh mẽ, đem đến cho người đọc niềm tin và niềm tự hào dân tộc. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Câu nói sau thuộc dạng thao tác lập luận so sánh gì? Vì sao?  Đọc cuốn sách hay đối với trí tuệ giống như thể dục đối với cơ thể.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Gợi ý: Thuộc thao tác lập luận so sánh tương đồng. Bởi vì:  - Thể dục đối với cơ thể giúp cơ thể được vận động, tránh được sức ỳ, tạo ra sự lành mạnh về thể chất.  - Cuốn sách hay chưa đựng nhiều vấn đề, buộc con người phải suy nghĩ, động não, tìm tòi.  - Vậy giống như thể dục đối với cơ thể, đọc cuốn sách hay giúp con người rèn luyện trí nhớ, tăng sức sáng tạo.  - Thể dục đối với cơ thể giúp khỏe mạnh về thể chất, đọc sách hay giúp con người phát triển về trí tuệ. |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.* ( Trích *Chiếu cầu hiền-* Ngô Thì Nhậm)  Câu văn *Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao.Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử* sử dụng thao tác lập luận gì? Hiệu quả nghệ thuật của thao tác đó?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Thao tác lập luận so sánh**   **-Hiệu quả:** tác giả không chỉ đưa ra quan niệm về người hiền mà còn nêu rõ quy luật xử thế của người hiền : người hiền phải do Thiên tử sử dụng, nếu không làm như vậy là trái với đạo trời. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “Vinh và nhục“.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | - “Vinh” là vinh quang, vinh danh được mọi người ca ngợi, kính phục >< Nhục là nhục nhã, bị coi thường, sỉ vả.  - Vinh quang chỉ dành cho những gì cao cả, chân chính >< Nhục chỉ dành cho kẻ hèn hạ, xấu xa.  - Vinh quang giúp con người thấy tự tin, hạnh phúc, động viên con người tiếp tục hướng thiện >< Nhục nhã làm con người xấu hổ, đôi khi dẫn đến tự ti, mặc cảm.  - Con người phải biết làm điều thiện để nhận được vinh quang, tránh điều nhục nhã.  - Biết vượt qua sự mặc cảm tạm thời để hướng thiện |

*Ngày kí*

**Tiết 32+33**

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

2/ Thông hiểu:Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học từ đầu XX đến 8-1945. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

3/Vận dụng thấp: Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn học sử

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh về các tác giả, tác phẩm VH đầu XX đấn 1945(CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Có thể nói VHVN là một nền văn học thống nhất, luôn vận động và phát triển theo những quy luật riêng. Các nhà nghiên cứu VH đã thống nhất trong việc phân kì văn học Việt Nam thành các thời kì, giai đoạn khác nhau. Mỗi thời kì, mỗi giai đoạn vận động và phát triển khác nhau, chịu sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử, xã hội. Vậy thời kì VHVN thừ đầu thế kỉ XX đến CM8/1945 đã ra đời và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử, xã hội như thế nào? Đặc điểm và những thành tựu của nó ra sao? Tại sao nó được gọi là nền VH hiện đại ? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ điều đó.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:**  Đọc trang 82, 83 và trả lời câu hỏi:  Hoàn cảnh lịch sử văn hóa VN trong thời kì gần nửa TK ấy có những nét chính gì?  **+ GV:**  Ảnh hưởng của những đặc điểm ấy đối với việc hình thành và phát triển nền VH nước ta?  **+ GV:** Hiện đại hóa là gì? Nội dung và tiến trình hiện đaị hóa VHVN diễn ra như thế nào?  **+ GV:**  Dựa vào SGK trang 83, 84, trình bày tóm tắt quá trình HĐH của VHVN. Các giai đoạn trên khác nhau ở những điểm nào? Nêu tên ở mỗi giai đoạn một vài tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **+ HS:** Đọc SGK trang 83,84, trả lời.  - Cơ sở xã hôi:  + Đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp xâm lược và đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, làm cho xã hội nước ta có nhiều thay đổi: xuất hiện nhiều đô thị và nhiều tầng lớp mới, nhu cầu thẫm mĩ cũng thay đổi.  + Nền văn học dần thoát khỏi sự ảnh hưởng của văn học Trung Hoa và dần hội nhật với nền văn học phương tây mà cụ thể là nền văn học nước Pháp.  + Chữ quốc ngữ ra đời thay cho chữ Hán và chữ Nôm.  + Nghề báo in xuất bản ra đời và phát triển khiến cho đời sống văn hóa trở nên sôi nổi.  **HS:** Đọc SGK trang 83,84, trả lời.  **+ HS:** Trình bày dựa vào SGK.  **a/ Giai đoạn 1**: Từ đầu thế kỉ XX đến khoảng năm 1920.  - Chữ quốc ngữ được truyền bá rộng rãi, tác động đến việc ra đời của văn xuôi.  - Báo chí và phong trào dịch thuật phát triển giúp cho câu văn xuôi và nghệ thuật tiếng Việt trưởng thành và phát triển.  - Những thành tựu đạt được là sự xuất hiện của văn xuôi và truyện kí ở miền Nam.  - Thành tựu chính của văn học trong giai đoạn này vẫn thuộc về bộ phận văn học yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế….  → Nhìn chung văn học chưa thoát khỏi hệ thống văn học trung đại.  **b/ Giai đoạn 2:** Từ 1920 đến 1930.  Quá trình hiện đại hóa đạt được nhiều thành tích với sự xuất hiện của các thể loại văn học hiện đại và hiện đại hóa của các thể loại truyền thống: tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách…, truyện ngắn: Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn…, thơ: Tản Đà, Trần Tuấn Khải,.., kí: Phạm Quỳnh, Tương Phổ, Đông Hồ…đều phát triển.  **c/ Giai đoạn 3**: Từ 1930 đến 1945.  Có sự cách tân sâu sắc ở nhiều thể loại, đặc biệt là tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phóng sự, phê bình ra đời và đạt được nhiều thành tựu.  Về thơ có phong trào thơ mới.  Tiểu thuyết có nhóm Tự Lực văn đoàn.  Truyện ngắn có: Nguyễn Công Hoan, Nam Cao,…  Phóng sự có Tam Lang, Vũ Trọng Phụng,..  Bút kí, tùy bút: Xuân Diệu, Nguyễn Tuân,…  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **- Thao tác 2: Tìm hiểu Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** VHVN chia làm mấy bộ phận? Vì sao có sự phân chia ấy? Căn cứ để phân chia?  **+ GV:** Những biểu hiện của việc phát triển mau lẹ, nhanh chóng là gì? Nguyên nhân?  **+ GV:** Trình bày những bộ phận của VH giai đoạn này?  **+ GV : Bộ phận VH công khai** chia thành mấy xu hướng? Kể tên, nêu đặc điểm ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **+ HS:** Thảo luận phát biểu.  **2.1. Bộ phận VH công khai** là văn học hợp pháp tồn tại trong vòng luật pháp của của chính quyền thực dân phong kiến. Những tác phẩm này có tính dan tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân. Phân hóa thành nhiều xu hướng:  + Xu hướng văn học lãng mạn.  \*Nội dung: Thể hiện cái tôi trữ tình đầy cảm xúc, những khát vọng và ước mơ.  \*Đề tài: Thiên nhiên, tình yêu và tôn giáo  \*Thể loại: Thơ và văn xuôi trữ tình.  + Xu hướng văn học hiện thực.  \*Nội dung: Phản ánh hiện thực thông qua những hình tượng điển hình.  \*Đề tài: Những vấn đề xã hội  \*Thể loại: Tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự.  **2.2. Bộ phận VH không công khai** là văn học cách mạng, phải lưu hành bí mật.Đây là bộ phận của văn học cách mạng và nó trở thành dòng chủ của văn học sau này.  - Nội dung:  \*Đấu tranh chống thực dân và tay sai  \*Thể hiện nguyện vọng của dân tộc là độc lập tự do.  \*Biểu lộ nhiệt tình vì đất nước.  - Nghệ thuật:  \*Hình tượng trung tâm là người chiến sĩ  \*Chủ yếu là văn vần.  🡪 Hai bộ phận văn học trên có sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ.  **+ GV:** Những biểu hiện của tốc độ phát triển VH là gì? Vì sao VHVN phát triển vượt bậc như vậy?  **+ GV:**  Giảng thêm.  **HS trả lời cá nhân :**  - VH phát triển mau lẹ cả về số lượng và chất lượng  - Nguyên nhân:  + Sức sống văn hoá mãnh liệt mà hạt nhân là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, biện hiện rõ nhất là sự trưởng thành và phát triển của tiếng Việt và văn chương Việt.  + Ngoài ra phải kể đến sự thức tỉnh ý thức cá nhân của tầng lớp trí thức Tây học.  + Còn một lí do rất thiết thực: sự thúc bách của thời đại (Lúc này văn chương trở thành một thứ hàng hoá và viết văn là một nghề có thể kiếm sống).  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945.**  **1. Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa.**  - Khái niệm *hiện đại hoá:* *hiện đại hoá:* được hiểu là quá trình làm cho văn học thoát ra khỏi hệ thống thi pháp VHTĐ và đổi mới theo hình thức của văn học phương Tây, có thể hội nhập với nền văn học trên thế giới.  - Cơ sở xã hội:  - Quá trình hiện đại hóa diễn ra qua 3 giai đoạn.  **a/ Giai đoạn 1**: Từ đầu thế kỉ XX đến khoảng năm 1920.  → Nhìn chung văn học chưa thoát khỏi hệ thống văn học trung đại.  **b/ Giai đoạn 2:** Từ 1920 đến 1930.  **c/ Giai đoạn 3**: Từ 1930 đến 1945.  **2. Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển.**  **2.1. Bộ phận VH công khai** là văn học hợp pháp tồn tại trong vòng luật pháp của của chính quyền thực dân phong kiến. Những tác phẩm này có tính dan tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân. Phân hóa thành nhiều xu hướng:  + Xu hướng văn học lãng mạn.  \*Nội dung:  \*Đề tài:  \*Thể loại:  + Xu hướng văn học hiện thực.  \*Nội dung:  \*Đề tài:  \*Thể loại:  **2.2. Bộ phận VH không công khai** là văn học cách mạng, phải lưu hành bí mật.Đây là bộ phận của văn học cách mạng và nó trở thành dòng chủ của văn học sau này.  - Nội dung:    - Nghệ thuật:  🡪 Hai bộ phận văn học trên có sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ.  **3. Văn học phát triển với tốc độ hết sức nhanh chóng**.  - VH phát triển mau lẹ cả về số lượng và chất lượng  - Nguyên nhân: |
| **Thao tác 1:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  -GV: Những truyền thống tư tưởng lớn của lịch sử VH VN là gì? VH thời kì này có đóng góp gì mới về tư tưởng?    - GV hướng dẫn HS tìm và phân tích một số dẫn chứng trong các tác phẩm đã học.  **Thao tác 2:**  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm.  + Nhóm lớn: 3 nhóm  + Thời gian: 5 phút  - GV phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ:  + Nhóm 1:Các thể loại VH mới xuất hiện ở thời kì này là gì?  + Nhóm 2: Tiểu thuyết hiện đại khác truyện thơ Nôm thời trung đại như thế nào? Nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng cụ thể  + Nhóm 3: Thơ hiện đại khác thơ thời trung đại như thế nào? Nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng cụ thể  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  - Các thể loại văn xuôi phát triển đặc biệt là tiểu thuyết và truyện ngắn.  + Tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ ra đời. đến những năm 30 được đẩy lên một bước mới.  + Truyện ngắn đạt được thành tựu phong phú và vững chắc.  + Phóng sự ra đời đầu những năm 30 và phát triển mạnh.  + Bút kí, tuỳ bút, kịch, phê bình VH phát triển.  - Thơ ca: Là một trong những thành tựu VH lớn nhất thời kì này.  \* **Nhóm 2**   |  |  | | --- | --- | | Tiểu thuyết cổ điển | Tiểu thuyết hiện đại | | - Đề tài, cốt truyện: vay mượn.  - Kể theo trật tự thời gian  - Nhân vật: phân tuyến rạch ròi, thể hiện tâm lí theo hành vi bên ngoài  - Chú trọng cốt truyện li kì.  - Tả cảnh, tả người theo lối ước lệ.  - Kết cấu tác phẩm: chương hồ.i  - Kết thúc tác phẩm: Có hậu.  - Lời văn biền ngẫu. | Xoá bỏ những đặc điểm của tiểu thuyết trung đại |   \* **Nhóm 3**   |  |  | | --- | --- | | Thơ trung đại | Thơ hiện đại | | Mang đầy đủ những đặc điểm thi pháp VH trung đại. | - Phá bỏ các quy phạm chặt chẽ.  - Thoát khỏi hệ thống ước lệ mang tính phi ngã. |   **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  - GV hướng dẫn các nhóm thống nhất ý kiến.  \* Thao tác 4.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn tổng kết và luyện tập.  HS đọc ghi nhớ SGK.  -HS đọc thầm từ trang 88-90.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -HS trả lời cá nhân:  +Truyền thống yêu nước mang nội dung dân chủ: Đất nước phải gắn với nhân dân  +Truyền thống nhân đạo mang nội dung mới: Đối tượng của VH là những con người bình thường trong xã hội; nhân đạo còn gắn với ý thức cá nhân của tác giả  +Chủ nghĩa anh hùng với quan niệm nhân dân là anh hùng gắn với lí tưởng cộng sản và chủ nghĩa quốc tế XHCN  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II.Thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến CM/8.1945**.  **1. Về nội dung, tư tưởng:**  - VHVN vẫn tiếp tục phát huy 2 truyền thống lớn của văn học dân tộc: Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo.  → Nhân tố mới: Phát huy trên tinh thần dân chủ.  - Lòng yêu nước gắn liền với quê hương đất nước, trân trọng truyền thống văn hóa dân tộc, ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước, lòng yêu nước gắn kiền với tinh thần quốc tế vô sản. Chủ nghĩa nhân đạo gắn với sự thức tỉnh ý thức cá nhân của người cầm bút.  **2. Về hình thức thể loại và ngôn ngữ văn học:**  - Các thể loại văn xuôi phát triển đặc biệt là tiểu thuyết và truyện ngắn.    - Thơ ca: Là một trong những thành tựu VH lớn nhất thời kì này.  \* Bảng so sánh:   |  |  | | --- | --- | | Tiểu thuyết cổ điển | Tiểu thuyết hiện đại | |  |  |  |  |  | | --- | --- | | Thơ trung đại | Thơ hiện đại | |  |  |   - Lí luận phê bình.  - Ngôn ngữ, cách thể hiện, diễn đạt, trình bày.  + Dần thoát li chữ Hán, chữ Nôm, lối diễn đạt công thức, ước lệ, tượng trưng, điển cố, qui phạm nghiêm ngặt của VHTĐ.  🡪 Kế thừa tinh hoa của truyền thống văn học trước đó.  - Mở ra một thời kì VH mới: Thời kì VH hiện đại.  **III. Tổng kết:**  **Ghi nhớ.** SGK |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:** Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất danh mục thể loại có thành tựu xuất sắc trong giai đoạn thứ ba (khoảng 1930 – 1945) của qua trình hiện đại hóa văn học?  a. Tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, phê bình văn học, tùy bút. b. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phê bình văn học, tùy bút. c. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phê bình văn học, kịch. d. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ , phê bình văn học, văn chính luận.  **Câu hỏi 2:** Sự khác biệt chủ yếu và quan trọng nhất giữa hai bộ phận văn học phát triển hợp pháp và văn học phát triển bất hợp pháp là gì?  a. Có hoặc không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp chế độ thực dân. b. Được hoặc không được đăng tải công khai. c. Có hoặc không có điều kiện đầu tư công sức vào nghệ thuật.  d. Có hoặc chưa có những đóng góp mang ý nghĩa quyết định đối với quá trình hiện đại hóa văn học thời kì này.  **Câu hỏi 3:** Đặc điểm nào sau đây gắn liền với quan điểm nghệ thuật của các nhà văn thuộc bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp? a. Là nhà văn của những nhà văn chiến sĩ.       b. Xem văn chương là vũ khí chiến đấu, vận động cách mạng. c. Hình tượng trung tâm là người chiến sĩ cách mạng.  d. Không có điều kiện gọt giũa về nghệ thuật.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='b'  [2]='a'  [3]='b' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Hoàn thành bảng sau  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **Điền các kiến thức cơ bản vào bảng cho phù hợp;** |

Bảng cần hoàn thành

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Xu hướng | Xu hướng lãng mạn | Xu hướng hiện thực | Xu hướng cách mạng |
| *Nội dung* |  |  |  |
| *Đề tài:* |  |  |  |
| *Thể loại:* |  |  |  |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Tìm đọc một số tác phâm tiêu biểu có nêu tên trong bài học nhưng chưa có văn bản cụ thể.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

Ngày kí

Tiết 34+35

**Bài viết số 3**

(Nghị luận văn học )

**A. Mục tiêu đề kiểm tra**

- Kiểm tra kiến thức, kĩ năng phần đọc hiểu về tác phẩm văn học trong chương trình ngữ văn 11 tập I

- Kiểm tra đánh giá kĩ năng vận dụng những kiến thức cơ bản để viết một bài văn nghị luận văn học

**B. Hình thức kiểm tra.**

* Tự luận
* Cách tổ chức kiểm tra: Tự luận trong vòng 90 phút.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **1. Văn học**  **- Thương vợ - Trần Tế Xương** | - Nhận biết nội dung của văn bản văn học | - Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản văn học | - Vận dụng những kiến thức về xã hội để viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề cho trước |  |
| *Số câu: 1*  *Số điểm: 3*  *Tỉ lệ: 100%* | *1*  *1*  *33,3%* | *1*  *1*  *33,3%* | *1*  *1*  *33,3%* | *30%= 3,0 điểm* |
| **2. Nghị luận văn học**  **- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc – Nguyễn Đình Chiểu** |  |  | Tích hợp kiến thức kĩ năng đã học để viết bài văn nghị luận văn học |  |
| *Số câu: 1*  *Số điểm: 7*  *Tỉ lệ: 100%* |  |  | *1*  *7*  *100%* | *70% = 7,0 điểm* |
| *Tổng: 2 câu*  *Số điểm:10*  *Tỉ lệ: 100%* |  |  |  | *100% = 10 điểm* |

**C. Biên soạn đề kiểm tra**

**I.ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông*

*Nuôi đủ năm con với một chồng*

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông*

*Một duyên hai nợ âu đành phận phận*

*Năm nắng mười mưa dám quản công*

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc*

*Có chồng hờ hững cũng như không*

(Thương vợ - Trần Tế Xương)

1. Xác định nội dung chính của bài thơ trên?

2. Tìm các thành ngữ trong bài thơ và giải thích nghĩa của các thành ngữ đó?

3. Từ nội dung của bài thơ, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn cảm nhận về vai trò của người mẹ trong mái ấm gia đình.

**II. LÀM VĂN (7,0điểm)**

Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu.

……Hết……

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **ĐỌC HIỂU**
2. **Yêu cầu về kĩ năng**

* Học sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
* Diễn đạt rõ, ràng không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

1. Yêu cầu về kiến thức

**Câu 1 (1 điểm)**

* **Nôi dung :** Bài thơ ngợi ca hình ảnh người vợ tần tảo, đảm đang, giàu đức hi sinh và tình cảm yêu thương, quý trọng của Trần Tế Xương dành cho vợ.

**Câu 2** **(1 điểm)**

**Các thành ngữ:**

* *Một duyên hai nợ:* Một mình phải đảm đang công việc gia đình để nuôi cả chồng và con.
* *Năm nắng mười mưa*: Nhiều nỗi vất vả cực nhọc phải chịu đựng trong một hoàn cảnh sống khắc nghiệt.

**Câu 3 (1 điểm)**

* Về kĩ năng: HS phải viết đoạn văn có đầy đủ 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Tránh mắc những lỗi về chính tả, lỗi diễn đạt.
* Về kiến thức

+ Mở đoạn: Giới thiệu khái quát về hình ảnh người mẹ

+Thân đoạn: Nêu những vai trò của người mẹ trong việc chăm lo cho con cái và duy trì hạnh phúc gia đình.

+Kết đoạn: Bài học liên hệ cho bản thân.

**II. LÀM VĂN**

1. **Yêu cầu về kĩ năng:**

* Học sinh biết làm bài văn nghị luận văn học.
* Vận dụng tốt các thao tác và kiểu bài nghị luận
* Diễn đạt rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

1. **Yêu cầu về kiến thức:**
2. Nội dung:

* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và nhận xét chung về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân.
* Phân tích hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân:

+ Hoàn cảnh xuất thân và việc tự nguyện ra trận đánh giặc của người nghĩa sĩ: Họ là những nông dân chân lấm tay bùn, quen việc đống áng, xa lạ với việc binh đao; họ có thái độ lo lắng khi giặc đến xâm lăng; họ trông chờ vào sự can thiệp của triều đình; họ bày tỏ sự căm ghét quân giặc tột độ; họ xác định hành động của mình là phải tự đứng lên chiến đấu…(nêu dẫn chứng cụ thể)

+Tinh thân xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại: Điều kiện chiến đấu thiếu thốn về trang phục , vũ khí; tinh thần chiến đấu dũng mãnh lấn át kẻ thù; kết quả đạt được… (nêu dẫn chứng cụ thể)

1. Nghệ thuật:

* Chất trữ tình.
* Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu; sử dụng nhiều động từ mạnh.
* Ngôn ngữ vừa trang trọng vừa dân dã mang đậm sắc thái Nam Bộ.

1. Đánh giá: Qua bài văn tế cho thấy vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân. Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất vả vẻ đẹp vốn có của họ.
2. **Cách cho điểm**

* Điểm 6 – 7 : Phân tích đầy đủ về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân về hoàn cảnh xuất thân và việc tự nguyện ra trận đánh giặc của người nghĩa sĩ; Tinh thân xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc và sáng tạo; không sai sót về chính tả dùng từ.
* Điểm 4 – 5 : Cơ bản trình bày được về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân về hoàn cảnh xuất thân và việc tự nguyện ra trận đánh giặc của người nghĩa sĩ; Tinh thân xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc và sáng tạo;mắc một số sai sót về chính tả dùng từ.
* Điểm 2 – 3: Chỉ phân tích được một khía cạch về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân. Còn mắc nhiều lỗi về lập luận, dùng từ, chính tả.
* Điểm 1: Chưa hiểu đề, sai kiến thức, mắc nhiều lỗi về diễn đạt.
* Điểm 0: Không làm bài, lạc đề.

Ngày kí

***Tiết 36+37****- Đọc văn*

***Hai đứa trẻ***

*- Thạch Lam-*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được tiểu sử tác gỉa, hoàn cảnh sáng tác, phong cách nghệ thuật của nhà văn…

2/ Thông hiểu: - Hiểu được sự cảm thông sâu sắc của Thạch Lam đối với cuộc sống quẩn quanh, buồn tẻ của những người nghèo phố huyện và sự trân trọng của nhà văn trước những mong ước của họ về cuộc sống tươi sáng hơn.

3/Vận dụng thấp: Thấy được một vài nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Thạch Lam.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội để lí giải nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về truyện ngắn của Thạch Lam

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về truyện ngắn của Thạch Lam

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần nhân ái, cảm thông với những mảnh đời trẻ thơ bất hạnh, trân trọng với khát vọng của con người.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: lí giải hiện tượng đời sống được thể hiện qua tác phẩm: hiện tượng sống mịn mỏi, bế tắc; học sinh thể hiện được quan điểm cá nhân khi đánh giá hiện tượng đĩ.

-Năng lực sáng tạo:Hs xác định và hiểu được những ý tưởng mà Thạch Lam muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hoạt động thảo luận nhĩm.

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt:HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học-tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Thạch Lam; biết rung động trước đời sống nghèo nàn nơi phố huyện; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ của tác phẩm...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh về nhà văn Thạch Lam, phố Cẩm Giàng(CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Thạch Lam*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** *Văn học giai đoạn thứ 3, từ năm 1930 đến khoảng năm 1945, đã xuất hiện trào lưu lãng mạn chủ nghĩa với những thành tựu nổi bật ở Thơ Mới; tiểu thuyết Tự lực văn đoàn.Có thể nói, trong sôù các nhà văn Tự lực văn đoàn, Thạch Lam là cây bút tuy đương thời không được chú ý nhiều, nhưng những truyện ngắn của anh có chất lượng nghệ thuật cao, đặt biệt là ở Thạch Lam có nghệ thuật viết truyện nhưng không có cốt truyện, tác phẩm của anh như một bài thơ dài của cảm xúc, tâm trạng. Truyện ngắn “ Hai đứa trẻ” là một trong những tác phẩm như vậy.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn đọc hiểu khái quát về tác giả**    **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + **GV:** Giới thiệu những nét khái quát về tác giả?  + **GV:** Qua phần tiểu dẫn kết hợp với việc tìm hiểu về tác giả, em có nhận xét gì về văn chương Thạch Lam?  GV: Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **1.Tác giả:** SGK  - Tên khai sinh: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), 1910 – 1942.  - Là em ruột của Nhất Linh và Hoàng Đạo. Cả ba người là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn.  - Thuở nhỏ, sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương (sau này trở thành không gian nghệ thuật trong các tác phẩm của nhà văn).  - Là con người điềm đạm, nồng hậu và rất đỗi tinh tế.  - Có biệt tài về truyện ngắn.  - Truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác nội tâm nhân vật.  - Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm, chứa đựng tình cảm chân thành và sự nhạy cảm tinh tế của nhà văn.  - Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.  **2. Truyện “Hai đứa trẻ”:**  - Trích trong tập “Nắng trong vườn” (1938).  **-** Tiêu biểu cho truyện ngắn của Thạch Lam, kết hợp giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn.  - Bối cảnh truyện: quê ngoại của tác giả - phố huyện, ga xép Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  ***GV Tích hợp kiến thức địa lí, lịch sử để hiểu thêm quê ngoại của Thạch Lam-nơi để lại dấu ấn trong truyện Hai đứa trẻ:***  ++Thị trấn Cẩm Giàng có lịch sử gần bốn trăm năm, trong thư tịch cổ thì gọi là *Cẩm Giang* (*sông Gấm*), về sau vì tránh tên huý của chúa Trịnh Giang  nên đổi thành *Cẩm Giàng*.  ++Thị trấn Cẩm Giàng có một địa thế là phía Bắc và phía Tây được bao bọc bởi một nhánh của sông Thái Bình (tên sau này) cùng với con đê uốn quanh, tiếp giáp với nền văn hoá quan họ Kinh Bắc đồng thời cũng là điểm giao thoa hai vùng văn hoá hào hiệp, khoa cử xứ Đông. Phía Đông và phía Nam tiếp giáp với những vùng đất màu mỡ. Cẩm Giàng có chiều dài gần một nghìn mét, nằm dọc tuyến đường sắt Hà Nội- Hải Phòng. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1.Tác giả:** SGK  - Tên khai sinh: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), 1910 – 1942.  - Là em ruột của Nhất Linh và Hoàng Đạo. Cả ba người là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn.  - Thuở nhỏ, sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương (sau này trở thành không gian nghệ thuật trong các tác phẩm của nhà văn).  - Là con người điềm đạm, nồng hậu và rất đỗi tinh tế.  - Có biệt tài về truyện ngắn.  - Truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác nội tâm nhân vật.  - Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm, chứa đựng tình cảm chân thành và sự nhạy cảm tinh tế của nhà văn.  - Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.  **2. Truyện “Hai đứa trẻ”:**  - Trích trong tập “Nắng trong vườn” (1938).  **-** Tiêu biểu cho truyện ngắn của Thạch Lam, kết hợp giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn.  - Bối cảnh truyện: quê ngoại của tác giả - phố huyện, ga xép Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. |
| **GV hướng dẫn học sinh đọc một số đoạn tiêu biểu**  -Đọc với giọng nhẹ nhàng êm ái phù hợp với văn phong của Thạch Lam, phù hợp với chất trữ tình của truyện;  **-** Khi đọc, cần chú ý đến diễn biến tâm trạng buồn thương, day dứt của Liên, nhân vật mang chủ đề của truyện, theo thời gian: chiều buông, đêm xuống, khi đoàn tàu đêm đi qua…  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật nào? Cách lựa chọn điểm nhìn miêu tả ấy có tác dụng nghệ thuật gì?    **+ GV:** Tìm những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện lúc chiều tàn (âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đường nét)? Cảnh này gợi cho em những suy nghĩ, xúc cảm gì?  ***GV Tích hợp kiến thức âm nhạc, hội hoạ để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về âm thanh, màu sắc được miêu tả qua văn bản.***  **+ GV:** Theo dõi, giảng giải thêm.  ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt để hướng dẫn học sinh khai thác biện pháp tu từ về từ, biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong văn bản sau:***  - Câu *Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn* sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy xác định và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?  - Nêu ý nghĩa nghệ thuật việc tạo nhịp điệu trong các câu văn *Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào.*  - **GV**: Tìm những chi tiết miêu tả cảnh chợ tan ?  - GV: Cùng với cảnh chiều tàn, chợ tan, cảnh những kiếp người nghèo khổ nơi phố huyện được tả ra sao? Em nhận xét gì về cuộc sống của họ?  ***GV Tích hợp*** *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2014, trong đó có các quyền dành cho trẻ em như:*  **Điều 16. Quyền được học tập**  **Điều 17. Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch**  So sánh với cảnh *Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ* trong truyện, em thấy mấy đứa trẻ ( kể cả chị em Liên và An) có được quyền đó không? Vì sao?  + **GV**: Trước cảnh chiều tàn, chứng kiến cảnh sống của những con người nghèo khổ, tâm trạng Liên ra sao? Qua việc thể hiện nội tâm của Liên, em hiểu thêm gì về tấm lòng của nhà văn Thạch Lam?  ***GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10( bài CÔNG DÂN VỚI CỘNG ĐỒNG) để hướng dẫn học sinh tìm hiểu lòng thương người của Liên***  + **GV**: giải thích, bình luận.  **Tích hợp GDCD: Từ tình thương của Liên đối với những con người nghèo khổ nơi phố huyện, bản thân thấy được trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng…**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + **GV**: Cảnh phố huyện về khuya có đặc điểm gì nổi bật? Hãy thống kê các chi tiết để làm rõ điều đó?  ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt phần biện pháp tu từ cú pháp (liệt kê) và biện pháp nghệ thuật tương phản được sử dụng trong văn bản.***  **GV**: Trong bóng tối bao trùm, cuộc sống ở phố huyện vẫn thấp thoáng hiện ra qua những ánh sáng nào? Gắn liền với cuộc sống của những ai?  + **GV**: Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng bóng tối và ánh sáng là gí?  + **GV**: Trong bóng tối mênh mông như thế, cuộc đời những con người nơi phố huyện hiện lên như thế nào? Họ có ước mơ, mong đợi điều gì?  + **GV**: Qua việc miêu tả cuộc đời, mơ ước của họ, ta hiểu thêm gì về tấm lòng của Thạch Lam đối với những con người nơi phố huyện nghèo?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trả lời :**  **HS:** Toàn bộ cảnh vật, cuộc sống được cảm nhận qua cái nhìn của nhân vật Liên.  Ngôi kể thứ ba giúp câu chuyện trở nên khách quan.  **HS:** Tìm hiểu, phát biểu, lí giải.  **Kiến thức âm nhạc:**  - Âm thanh:  + Tiếng trống thu không gọi chiều về.  + Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng.  + Tiếng muỗi vo ve.  **Kiến thức hội hoạ:**  - Hình ảnh, màu sắc:  + “*Phương tây đỏ rực như lửa cháy*”,  + “*Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*”.  **Kiến thức Tiếng Việt:**  -sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá ( qua từ *gọi);* so sánh ( *như lửa cháy…như hòn than)*  Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó:  - Nhân hoá: Dưới ngòi bút nhà văn, tiếng trống không còn là một âm thanh bình thường mà nó còn vang lên tha thiết, tiếng *gọi* con người trở về mái ấm gia đình, gọi chiều buông vội, thức dậy trong vạn vật những nỗi niềm riêng.  - So sánh: gợi những màu sắc vụt sáng lên trước khi sắp tắt. Sự vật đang chuyển dần trạng thái, đang tự nó mất dần đi ánh sáng, sức sống, đang tàn tạ dần trong chiều muộn. Nhà văn đã vẽ nên những hình ảnh vừa tinh tế vừa thân thuộc, gần gũi với những tâm hồn quê.  -Ý nghĩa nghệ thuật việc tạo nhịp điệu trong các câu văn  + Nhịp điệu câu văn nhẹ nhàng, êm ái nhờ sự phối hợp câu ngắn với câu dài hợp lí. Hai câu văn có nhiều thanh bằng. Thanh bằng được đặt ở cuối nhịp câu văn ( *chiều…rồi…ru…vào).*  +Hiệu quả: tạo chất thơ trong văn Thạch Lam, gợi bước chân nhẹ nhàng của thời gian buổi chiều buồn đang dần chuyển về đêm ở phố huyện nghèo. Qua đó, nhà văn thể hiện sự cảm nhận tinh tế và sự gắn bó sâu nặng với quê hương, với ruộng đồng.  -**HS**: Phát hiện các chi tiết.  + Chợ đã vãn từ lâu, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất.  + Chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía.  -**HS**: Phát hiện các chi tiết.  + Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ.  *(Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ... sót lại”).* Chúng rất đáng thương, không được hưởng quyền được học tập, vui chơi như trẻ em ngày nay…  + Mẹ con chị Tí: với cái hàng nước đơn sơ, vắng khách.  *(“Mẹ con chị Tí ... hàng nước nhỏ”)*  + Bà cụ Thi: hơi điên đến mua rượu lúc đêm tối rồi đi lần vào bóng tối.  *(“Bà cụ Thi ... cuối làng”)*  + Bác Siêu với gánh hàng phở - một thứ quà xa xỉ.  + Gia đình bác xẩm mù  **HS**: phát hiện các chi tiết, nêu cảm nhận.  +Cảm nhận rất rõ: *“mùi riêng của đất, của quê hương này”.*  + gợi cho Liên nỗi buồn thấm thía: “*Liên ngồi lặng yên* ... *lòng man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn*”.  + Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.  + Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.  - Liên là nhân vật Thạch Lam sáng tạo để kín đáo bày tỏ tình cảm của mình:  + Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.  + Xót thương đối với những kiếp người nghèo khổ.  **HS**: phát hiện các chi tiết, nêu cảm nhận.  - Phố huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối:  + “*Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối*”.  + “*Tối hết con đường thẳm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng càng sẫm đen hơn**nữ*a”.  **HS**: phát hiện các chi tiết, nêu cảm nhận.  - Ánh sáng của sự sống hiếm hoi, bé nhỏ:  + Một khe sáng ở một vài cửa hàng.  + *Quầng sáng thân mật quanh ngọn đèn chị Tí.*  + Một chấm lửa nhỏ trong bếp lửa bác Siêu.  + Ngọn đèn của Liên “*thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa*”.   * Ánh sáng và bóng tối tương phản nhau: Bóng tối bao trùm, dày đặc >< ánh sáng mỏng manh, nhỏ bé.   + **HS**: Mỗi người mỗi cảnh, nhưng họ đều có chung cái nghèo túng, buồn chán, mỏi mòn của những kiếp người nhỏ bé.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập.  ***Nhóm 1****:* Hình ảnh đoàn tàu được tác giả miêu tả như thế nào?  *? So sánh với âm thanh và ánh sáng của phố huyện lúc chiều tàn và đêm khuya khi tàu chưa đến?*  ***Nhóm 2****:* So sánh để thấy được nghệ thuật tương phản về âm thanh và ánh sáng của đoàn tàu với âm thanh và ánh sáng nơi phố huyện bằng cách hoàn thành bảng sau:  **Bảng 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Âm thanh** | | | **Đoàn tàu** | **Phố huyện** | | ………………. | …………………… | |  |  |   **Bảng 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Ánh sáng** | | | **Đoàn tàu** | **Phố huyện** | | ………………… | ………………….. | |  |  |   ***Nhóm 3****: Tâm trạng của hai đứa trẻ - trước khi tàu chưa đến, trong khi tàu đến và khi đoàn tàu đã đi qua?*  ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt phần biện pháp tu từ ngữ âm (điệp thanh) được sử dụng trong văn bản.***  Xác định sự phối âm bằng trắc và nêu hiệu quả nghệ thuật trong đoạn văn sau:*“[1]Liên lặng theo****mơ tưởng****. [2] Hà Nội****xa xăm****, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. [3] Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. [4] Một thế giới****khác hẳn****đối với Liên,****khác hẳn****cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. [5]****Đêm*** *tối vẫn bao bọc chung quanh,****đêm*** *của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.*”  ***Nhóm 4****: Phân tích ý nghĩa nghệ thuật của chuyến tàu đêm ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS**: thảo luận nhóm, cử đại diện phát biểu ý chung của toàn nhóm.  **Đại diện nhóm 1 trả lời:**  Đoàn tàu đã dược nhà văn miêu tả rất tỉ mỉ, chi tiết từ dấu hiệu đầu tiên cho đến khi tàu đến và khi tàu qua:   * -Dấu hiệu đầu tiên:   ***+ Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc.***  ***+ Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi.***   * -Khi tàu đến:   + ***Các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường***.  ***+ Những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng.***   * -Khi tàu đi vào đêm tối:   ***+ Để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt.***  ***+ Chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.***  **Đại diện nhóm 2 trả lời:**  **Bảng 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Âm thanh** | | | **Đoàn tàu** | **Phố huyện** | | Còi xe lửa kéo dài | Tiếng trống thu không từng tiếng một | | Tiếng dồn dập | Tiếng ếch nhái | | Tiếng rít mạnh vào ghi | Tiếng muỗi bay vo ve | | Còi rít lên | Tiếng đàn bầu bật trong yên lặng | | Tàu rầm rộ đi tới |  | | **-> Âm thanh huyên náo, sôi động.** | **-> Âm thanh đơn điệu, buồn bã.** |   **Bảng 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Ánh sáng** | | | **Đoàn tàu** | **Phố huyện** | | Ngọn lửa xanh biếc | Khe sáng | | Khói bừng sáng trắng | Quầng sáng | | Đèn sáng trưng | Chấm nhỏ và vàng lơ lửng | | Đồng và kền lấp lánh | Thưa thớt từng hột sáng | | Các cửa kính sáng |  | | **-> Ánh sáng mạnh mẽ, rực rỡ.** | **-> Ánh sáng yếu ớt, tù mù.** |   **Đại diện nhóm 3 trả lời:**  + Trước khi tàu đến: hồi hộp, náo nức.  + Khi tàu đến: vui sướng, hạnh phúc, mơ mộng.  + Khi tàu qua: bâng khuâng, luyến tiếc.  - Nghệ thuật:Câu [1] nhiều thanh trắc, đối với câu [2] nhiều thanh bằng, nhạc điệu như thơ. Câu [2] kết nhịp bằng thanh trắc(sáng rực/ vui vẻ/ huyên náo) đối với câu [3] kết nhịp bằng thanh bằng (đi qua). Câu [4]dùng điệp cấu trúc tạo ra độ nhấn về nghĩa và về nhạc (***khác hẳn*** *đối với Liên/****khác hẳn****cái vầng sáng*).  Câu [5] phép trùng điệp và phối thanh bằng trắc tạo ra giọng hồn hậu nhẹ nhàng.  - Hiệu quả nghệ thuật: Sự phối âm bằng trắc hài hoà tạo ra câu văn giàu chất thơ. Qua đó, nhà văn miêu tả đẹp thiên nhiên, con người trong tăm tối và khát vọng ánh sáng về một sự đổi đời.  **Đại diện nhóm 4 trả lời:**  -Con tàu mang đến một thế giới khác:  + Nó như con thoi ánh sáng xuyên thủng màn đêm phố huyện, đem lại ánh sáng xa lạ, rực rỡ chốn thị thành, át đi ánh sáng mờ ảo, yếu ớt của phố huyện.  + Âm thanh của còi tàu, bánh xe rít trên đường ray và tiếng ồn ào của hành khách át đi buồn tẻ, đơn điệu phố huyện.  + Nó là thói quen, là niềm vui, là sự chờ đợi -> trở thành nhu cầu thiết yếu như cơm ơn, nước uống hàng ngày cho đời sống tinh thần người dân phố huyện  GV: Nêu đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm ?  ***GV Tích hợp kiến thức Lí luận văn học để hướng dẫn học sinh tìm hiểu phong cách Thạch Lam qua truyện ( cốt truyện, chất thơ lãng mạn)***  *- "Chất thơ": Tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn.*  *- Chất thơ trong truyện ngắn: Được tạo nên khi nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế cái mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.*  *- Một truyện ngắn (hoặc tác phẩm văn xuôi) được coi là giàu chất thơ khi mối bận tâm của người viết không đặt vào việc kể lại một biến cố, sự việc, hành động mà là việc làm bật lên một trạng thái của đời sống hoặc của tâm hồn con người.*  GV: Ý nghĩa văn bản Hai đứa trẻ là gì?  - Cốt truyện đơn giản, nổi bật những dòng tâm trạng  - Bút pháp tương phản đối lập.  - Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.  - Giọng điệu thủ thỉ thấm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.  - Niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ  - Sự trân trọng của nhà văn với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. ĐỌC –HIỂU :**    **1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn:**    ***a. Bức tranh thiên nhiên nơi phố huyện lúc chiều tàn:***  - Âm thanh:  + Tiếng trống thu không gọi chiều về.  + Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng.  + Tiếng muỗi vo ve.  *(“Tiếng trống thu không ... trên nền trời”)*  - Hình ảnh, màu sắc:  + “*Phương tây đỏ rực như lửa cháy*”,  + “*Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*”.  - Đường nét: dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời.  🡪 Bức hoạ đồng quê quen thuộc, bình dị, thơ mộng, gợi cảm, mang cốt cách Việt Nam.  - Câu văn: dịu êm, nhịp điệu chậm, giàu hình ảnh và nhạc điệu, uyển chuyển, tinh tế  🡪 Người đọc nhìn, nghe, xúc cảm trước một bức tranh quê rất Việt Nam.  ***b. Cảnh chợ tan và những kiếp người nơi phố huyện:***  - Cảnh chợ tàn:  + Chợ đã vãn từ lâu, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất.  + Chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía.  - Con người:  + Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ.  + Mẹ con chị Tí: với cái hàng nước đơn sơ, vắng khách.  + Bà cụ Thi: hơi điên đến mua rượu lúc đêm tối rồi đi lần vào bóng tối.  + Bác Siêu với gánh hàng phở - một thứ quà xa xỉ.  + Gia đình bác xẩm mù sống bằng lời ca tiếng đàn và lòng hảo tâm của khách qua đường.  🡪 Cảnh chợ tàn và những kiếp người tàn tạ: sự tàn lụi, sự nghèo đói, tiêu điều của phố huyện nghèo.  ***d. Tâm trạng của Liên:***  - Cảm nhận rất rõ: *“mùi riêng của đất, của quê hương này”.*  - Cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn tạ: gợi cho Liên nỗi buồn thậm thía  - Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.  - Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.  🡪 Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, có lòng trắc ẩn, yêu thương con người.  - Liên là nhân vật Thạch Lam sáng tạo để kín đáo bày tỏ tình cảm của mình:  + Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.  + Xót thương đối với những kiếp người nghèo khổ.  **2. Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya:**    ***a. Hình ảnh của “bóng tối” và “ánh sáng”:*** - Phố huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối:   + “*Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối*”.  + “*Tối hết con đường thẳm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng càng sẫm đen hơn**nữ*a”.  🡪 Bóng tối xâm nhập, bám sát mọi sinh hoạt của những con người nơi phố huyện.  - Ánh sáng của sự sống hiếm hoi, bé nhỏ.    🡪 Đó là thứ ánh sáng yếu ớt, le lói như những kiếp người nghèo khổ nơi phố huyện.  - Ánh sáng và bóng tối tương phản nhau    🡪 Biểu trưng cho những kiếp người nhỏ bé sống leo lét, tàn lụi trong đêm tối mênh mông của xã hội cũ.  ***b. Đời sống của những kiếp người nghèo khổ trong bóng tối:***  - Vẫn những động tác quen thuộc:  + Chị Tí dọn hàng nước  + Bác Siêu hàng phở thổi lửa.  + Gia đình Xẩm “*ngồi trên manh chiếu rách, cái thau sắt để trước mặt*”, “*Góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu bật trong im lặng*”  + Liên, An trông coi cửa hàng tạp hoá nhỏ xíu.  🡪 Sống quẩn quanh, đơn điệu không lối thoát.  - Vẫn suy nghĩ và mong đợi như mọi ngày: Mong những người phu gạo, phu xe, mấy chú lính lệ vào hàng uống bát che tươi và hút điếu thuốc lào.  - Vẫn mơ ước: “*chừng ấy người trong bóng tối dang mong đợi một cái gì tươi sáng cho cuộc sống nghèo khổ hàng ngày của họ*”  🡪 Ước mơ mơ hồ: tình cảnh tội nghiệp của những người sống mà không biết số phận mình sẽ ra sao.  🢡 Giọng văn: chậm buồn, tha thiết thể hiện niềm cảm thương của Thạch Lam với những người nghèo khổ.  ***3. Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An:***  - Lí do:  + Để bán hàng (theo lời mẹ dặn).  + Để được nhìn chuyến tàu đêm đi qua – hoạt động cuối cùng của đêm khuya.  - Hình ảnh đoàn tàu:  + Âm thanh : sôi động  + Ánh sáng : rực rỡ  -> ***Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua.***  - Tâm trạng:  + Trước khi tàu đến: hồi hộp, náo nức.  + Khi tàu đến: vui sướng, hạnh phúc, mơ mộng.  + Khi tàu qua: bâng khuâng, luyến tiếc.      **\* Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con tàu:**  - Biểu tượng của một thế giới đáng sống: sự giàu sang và rực rỡ ánh sáng, nó đối lập với cuộc sống mỏi mòn, nghèo khổ, tối tăm của người dân phố huyện.  - Hình ảnh của Hà Nội, của hạnh phúc, của những kí ức tuổi thơ êm đềm.  - Là khát vọng vươn ra ánh sáng, vượt qua cuộc sống tù túng, quẩn quanh, không cam chịu cuộc sống tầm thường, nhạt nhẽo đang vây quanh.  **\* Thông điệp nhà văn muốn gửi gắm:**  - Đừng để cuộc sống chìm trong cái “ao đời phẳng lặng” (Xuân Diệu). Con người phải sống cho ra sống, phải không ngừng khao khát và xây dựng cuộc sống có ý nghĩa.  - Những ai phải sống trong một cuộc sống tối tăm, mòn mỏi, tù túng, hãy cố vươn ra ánh sáng, hướng tới một cuộc sống tươi sáng.  🢡 Giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.  **III. Tổng kết:**  **1. *Nghệ thuật***  - Cốt truyện đơn giản, nổi bật những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.  - Bút pháp tương phản đối lập.  - Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.  - Giọng điệu thủ thỉ thấm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.  **2. Ý nghĩa văn bản**  Truyện ngắn *Hai đứa trẻ* thể hiện niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mỏi mòn, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước Cách mạng và sự trân trọng với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:** Sức hấp dẫn của truyện Thạch Lam chủ yếu toát ra từ đâu? a. Tình huống, sự kiện. b. Tính cách, số phận nhân vật. c. Các xung đột. d.Thế giới nội tâm của nhân vật.  **Câu hỏi 2:**  Âm thanh nào trong các âm thanh sau được miêu tả ở truyện [***Hai đứa trẻ***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\28-%20Hai%20dua%20tre.htm)có sức vang ngân, xao xuyến và náo nức nhất đối với những tâm hồn trẻ thơ nơi phố huyện?  a. Tiếng trống. b. Tiếng đàn bầu. c. Tiếng ếch nhái. d. Tiếng còi tàu.    **Câu hỏi 3:** Trong truyện *Hai đứa trẻ* có nhiều hình ảnh tương phản. Sự tương phản nào gây ấn tượng rõ nhất về tình trạng sống mòn mỏi, le lói của con người nơi phố huyện?  a. Ánh sáng của đoàn tàu và ánh sáng đèn con của chị Tí. b. Thế giới phố huyện và “một chút thế giới khác”. c. Ánh sáng và bóng tối thuộc về đêm nơi phố huyện. d. Hình ảnh vũ trụ bao la và hình ảnh những con người bé nhỏ.  **Câu hỏi 4:** Đoạn văn mở đầu *Hai đức trẻ*: “*Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhò; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn.dãy tre làng trước mặt đem lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.”*đã tạo hiệu quả gì rõ nhất trong việc mở ra bức tranh tâm trạng của nhân vật?  a. Nhịp điệu chiều hôm vang ngân trong tâm hồn nhân vật Liên. b. Ánh sáng, màu sắc chiều hôm lấp lánh trong tâm hồn Liên. c. Đường nét, hình khối chiều hôm chập chờn trong tâm hồn Liên. d. Hình ảnh, không gian chiều hôm ám ảnh trong tâm hồn Liên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='d'  [3]='a'  [4]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Nêu biểu hiện của bút pháp tương phản và tác dụng của nó trong truyện Hai đứa trẻ:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | 1/ Biểu hiện tương phản:  a. Tương phản giữa ánh sáng và bóng tối:  b. Tương phản giữa hình ảnh đoàn tàu và phố huyện (nhất là khi đoàn tàu đi qua và sau khi đoàn tàu đã đi qua).  c. Tương phản giữa cuộc sống thực tại và mơ ước xa xôi  2/Nêu tác dụng của bút pháp tương phản trong truyện Hai đứa trẻ.  + Làm nổi bật bức tranh phố huyện êm đềm, bình lặng nhưng nghèo khó, tù túng, đơn điệu trong bóng tối mênh mông và hiu quạnh.  + Thể hiện sinh động cuộc sống của con người lao động bé nhỏ, vô danh nơi đây. Họ không chỉ thiếu thốn về vật chất mà còn phải sống cuộc sống tẻ nhạt, đơn điệu, không ánh sáng và niềm vui, chỉ có chút hi vọng bé nhỏ và mong manh, xa xôi và leo lét như chính những ngọn đèn nơi phố huyện.  + Góp phần thể hiện và lí giải những biểu hiện tinh tế trong tâm hồn nhân vật, nhất là Liên. |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học: Truyện Hai đứa trẻ  + Tìm đọc thêm các truyện ngắn của Thạch Lam  + Tìm đọc bài thơ Vọng chiều Thạch Lam  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Tuần 10*

*Ngày soạn: 3/10*

*Ngày kí :*

***Tiết 38 + 39****- Tiếng Việt*

**NGỮ CẢNH**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm ngữ cảnh, các yếu tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2/ Thông hiểu: nói và viết phù hợp với ngữ cảnh giáo tiếp, đồng thời có kĩ năng lĩnh hội, phân tích nội dung và hình thức ngôn ngữ của ngôn ngữ trong quan hệ với ngữ cảnh.

3/Vận dụng thấp: Xác định ý nghĩa văn bản trong ngữ cảnh nhất định

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về ngữ cảnh để tạo lập và lĩnh hội văn bản.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu khi hỏi ngữ cảnh

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày văn bản trong một ngữ cảnh nhất định;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: nói và viết cho phù hợp với ngữ cảnh;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày văn bản trong ngữ cảnh nhất định;

3/Hình thành nhân cách: giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đế ngữ cảnh trong giao tiếp

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản, xác định ngữ cảnh của văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ngữ cảnh của văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về ngữ cảnh của văn bản.

- Năng lực tạo lập văn bản trong ngữ cảnh phù hợp tạo hiệu quả giao tiếp ca nhất.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Khi nói và viết, chúng ta cần phải lưu ý đến các vấn đề: ai nói ( viết ),nói, viết cho ai nghe, ai đọc, nói, viết ở đâu, lúc nào. Tất cả những vấn đề đó cho thấy: khi nói hay khi viết không phải chỉ cần câu chữ cụ thể trong văn bản mà còn phải qun tâm đến ngữ cảnh. Để hiểu được ngữ cảnh và vận dụng tri thức về ngữ cảnh vào thực tế giao tiếp, hôm nay chúng ta sẽ cùng nghiên cứu bài “ ngữ cảnh”.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS đọc mục I SGK và trả lời câu hỏi.  - Câu nói in đậm trong đoạn trích trên là của ai nói với ai ?(nhân vật giao tiếp)  - Câu nói đó vào lúc nào ở đâu ?(hoàn cảnh giao tiếp hẹp)  - Câu nói đó diễn ra trong hoàn cảnh xã hội nào ?(hoàn cảnh giao tiếp rộng)  - Theo em hiểu một cách đơn giản thì ngữ cảnh là gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trình bày.**  - Câu*“Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?”*: nếu đột nhiên nghe câu này thì ta không thể hiểu được.  - Đặt trong bối cảnh phát sinh ra câu nói, ta có thể hiểu.  + Câu nói đó là của chị Tí bán hàng nước.  + Chị nói câu này với những người bán hàng xung quanh mình (chị em Liên, bác Siêu bán phở, gia đình bác xẩm)  + Chị nói câu này vào một buổi chiều tối, tại một phố huyện nhỏ trong lúc mọi người đều chờ khách hàng.  + Họ là những “người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào.”  + Rộng hơn, câu nói trên diễn ta trong bối cảnh XH VN trước CM tháng Tám.  🡪 Nhờ bối cảnh trên ta mới hiểu ý nghĩa câu nói của chị Tí.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. KHÁI NIỆM:**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu:**  **2. Khái niệm:***Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo lời nói.* |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS đọc mục II SGK và trả lời câu hỏi.  - Theo em để thực hiện được giao tiếp chúng ta cần phải có những yếu tố nào?  -Thế nào là nhân vật giao tiếp ?  -Bối cảnh ngoài ngôn ngữ bao gồm những yếu tố nào ? Thế nào là bối cảnh giao tiếp hẹp, bối cảnh giao tiếp rộng và hiện thực được nói đến ? Cho ví dụ minh họa ?  -Thế nào là văn cảnh ?  - Các yếu tố của ngữ cảnh có mối quan hệ với nhau như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **\* Thao tác 2 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS đọc mục III SGK và trả lời câu hỏi.  - Ngữ cảnh có vai trò như thế nào đối với việc sản sinh và lĩnh hội văn bản?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **\* Thao tác 3 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS đọc ghi nhớ SGk .  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trình bày cá nhân**  1. Nhân vật giao tiếp.  - Gồm tất cả các nhân vật tham gia giao tiếp: người nói (viết ), người nghe ( đọc).  + Một người nói - một người nghe: Song thoại.  + Nhiều người nói luân phiên vai nhau: Hội thoại  + Người nói và nghe đều có một "vai" nhất định, đều có đặc điểm khác nhau về lứa tuổi, nghề nghiệp, cá tính, địa vị xã hội, ...-> chi phối việc lĩnh hội lời nói.  b. Bối cảnh ngoài ngôn ngữ.  - Bối cảnh giao tiếp rộng ( còn gọi là bối cảnh văn hóa): Bối cảnh xã hội, lịch sử, địa lý, phong tục tập quán, chính trị...ở bên ngoài ngôn ngữ.  - Bối cảnh giao tiếp hẹp ( còn gọi là bối cảnh tình huống): Đó là thời gian, địa điểm cụ thể, tình huống cụ thể.  - Hiện thực được nói tới( gồm hiện thực bên ngoài và hiện thực bên trong của các nhân vật giao tiếp): Gồm các sự kiện, biến cố, sự việc, hoạt động...diễn ra trong thực tế và các trạng thái, tâm trạng, tình cảm của con người.  c. Văn cảnh.  - Bao gốm tất cả các yếu tố ngôn ngữ cùng có mặt trong văn bản, đi trước hoặc sau một yếu tố ngôn ngữ nào đó. Văn cảnh có ở dạng ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. CÁC NHÂN TỐ CỦA NGỮ CẢNH:**  **1. Nhân vật giao tiếp:**  Người tạo lập, người lĩnh hội.  **2. Bối cảnh ngôn ngữ:**  - Bối cảnh giao tiếp rộng:  - Bối cảnh giao tiếp hẹp:  - Hiện thực được nói tới:  **3. Văn cảnh:**  Lời đối thoại hoặc lời đơn thoại, dạng nói hay dạng viết, nằm trước hay sau một đơn vị ngôn ngữ khác.  **III. VAI TRÒ CỦA NGỮ CẢNH**:  **1. Đối với người nói (viết) và quá trình sản sinh lời nói, câu văn:**  Ảnh hưởng, chi phối nội dung lời nói, câu văn.  **2. Đối với người nghe (đọc) và quá trình lĩnh hội lời nói, câu văn:**  Là căn cứ để lĩnh hội đúng lời nói, câu văn. |
| **Thao tác 1:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Trao đổi, thảo luận nhóm: 5 phút.  Đại diện nhóm trình bày.  GV chuẩn xác kiến thức.  - Nhóm 1: bài tập 1  - Nhóm 2: Bài tập 2.  - Nhóm 3: Bài tập 4.  - Nhóm 4: Bài tập 5.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1** **cử đại diện trình bày:**  - Các chi tiết trong 2 câu văn đều bắt nguồn từ hiện thực  - Câu văn xuất phát từ bối cảnh: Tin tức về kẻ địch đến đã phong thanh mười tháng nay mà lệnh quan ( đánh giặc) thì vẫn còn chờ đợi. Người nông dân đã thấy rõ hình ảnh dơ bẩn của kẻ thù và căm ghét chúng mỗi khi thấy bóng dáng tàu xe của chúng  \* **Nhóm 2**  - Hai câu thơ của HXH gắn liền với tình huống giao tiếp cụ thể: đêm khuya, tiếng trống canh dồn dập mà người phụ nữ vẫn cô đơn, trơ trọi..  - Câu thơ là sự diễn tả tình huống, còn tình huống là nội dung đề tài của câu thơ  - Ngoài sự diễn tả tình huống, câu thơ còn bộc lộ tâm sự của nhân vật trữ tình- của chính tác giả, một người phụ nữ lận đận, trắc trở trong tình duyên  \* **Nhóm 3**  - Những chi tiết trong hoàn cảnh sống của gia đình Tú Xương chính là bối cảnh tình huống cho nội dung của 6 câu thơ đầu  - VD: việc dùng thành ngữ “ Một duyên hai nợ” không phải chỉ để nói nỗi vất vả của bà Tú mà xuất phát từ chính ngữ cảnh sáng tác: bà Tú phải làm để nuôi cả con và chồng  \* **Nhóm 4**  - Hoàn cảnh sáng tác chính là ngữ cảnh: Sự kiện vào năm Đinh Dậu ( 1897) chính quyền mới do TDP lập nên ( nhà nước) đã tổ chức cho các sĩ tử ở HN xuống thi chung ở trường Nam Định. Trong kì thi đó toàn quyền Pháp đã đến dự  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **III. LUYỆN TẬP:** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Các yếu tố của ngữ cảnh có mối quan hệ với nhau như thế nào? Cho ví dụ  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | Hệ thống lại kiến thức đã học. Chọn 1 đoạn thơ đã học để phân tích các yếu tố của ngữ cảnh. |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Chỉ ra văn cảnh của câu thơ thứ 3 trong đoạn thơ sau:  (1) Quanh năm buôn bán ở mom sông  (2) Nuôi đủ năm con với một chồng  (3) Lặn lội thân cò khi quãng vắng  (4) Eo sèo mặt n­ớc buổi đò đông  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | Văn cảnh của câu 3 là câu 1, 2, 4. |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ: Sắp xếp và rút ra mô hình ở 3 văn bản sau, tìm yếu tố nào đi trước**  -, tôi đã không cư­ỡng lại đư­ợc sự cám dỗ và vô tình bư­ớc qua giới hạn  -(2)(a) Bởi đôi khi, trong những giây phút đầy hư­ng phấn của niềm vui sáng tạo mà thơ ông đã truyền lại cho tôi,(b) tôi đã không c­ỡng lại đư­ợc sự cám dỗ và vô tình bư­ớc qua giới hạn  -(1) Tôi cũng xin thú thật một điều, không phải bao giờ tôi cũng theo đúng Tagore. (2)(a) Bởi đôi khi, trong những giây phút đầy h­ng phấn của niềm vui sáng tạo mà thơ ông đã truyền lại cho tôi, (b)tôi đã không cư­ỡng lại đ­ợc sự cám dỗ và vô tình bư­ớc qua giới hạn. (3)Kết quả là, trên giấy trắng mực đen, có một đôi dòng chẳng còn gì là của Tagore.  (Nguyễn Linh Quang-"Tagore như­ tôi hiểu")  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | - Mô hình:  1-----2a, 2b-------3  => 1, 2a, 3 là yếu tố đi tr­ước, đi sau 2b |

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... .............................................................................................................................................................

*Tuần 10*

*Ngày soạn : 3/10*

*Ngày kí*

***Tiết 40+41****- Đọc văn*

**CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ**

*- Nguyễn Tuân-*

**A A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được tiểu sử tác gỉa, hoàn cảnh sáng tác, phong cách nghệ thuật của nhà văn…

2/ Thông hiểu: - Hiểu được quan niệm về cái Đẹp của Nguyễn Tuân

3/Vận dụng thấp: Thấy được một vài nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội để lí giải nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về truyện ngắn của Nguyễn Tuân

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về truyện ngắn của Nguyễn Tuân

3/Hình thành nhân cách: có tâm hồn nghệ sĩ, biết yêu cái đẹp, lên án cái ác, cái xấu.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: lí giải vấn đề đời sống được thể hiện qua tác phẩm sự đề cao cái đẹp, đề cao *thiên lương* của con người;

-Năng lực sáng tạo: học sinh xác định và hiểu được những ý tưởng mà tác giả muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hoạt động thảo luận nhĩm.

- Năng lực giao tiếp TV: HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học-tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân; biết rung động trước cái đẹp nhân cách và tài năng của nhân vật.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Tuân*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Dựa vào những câu chuyện do người cha Nguyễn An Lan kể lại về nhà nho, nhà thơ Chu Thần Cao Bá Quát, Nguyễn Tuân sáng tạo nên hình tượng nhân vật Huấn Cao, thổi linh hồn truyện ngắn cho “ Chữ người tử tù”. Cho đến bây giờ và có lẽ còn lâu nữa, người ta vẫn không biết dòng chữ cuối cùng ông Huấn để lại cho quản ngục nhà lao tỉnh Sơn là chữ gì. Nhưng điều đó không mấy quan trọng. Chỉ biết rằng nhân cách, khí phách và tâm hồn nhân vật và tác giả thì vẫn sáng mãi.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Phần tiểu dẫn SGK trình bày những nội dung chính nào?  - Nêu vài nét về tác giả Nguyễn Tuân?  Xuất xứ của truyện “ Chữ người tử tù” ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS đọc tiểu dẫn SGK và tóm tắt ý chính.**  Nhiều bút danh:  +Thanh Hà (Thanh hoá- Hà Nội) nơi khởi nghiệp sự nghiệp văn chương của ông.  + Ngột lôi quật: Ngột ngạt quá muốn làm Thiên lôi quật phá lung tung  + Ân Ngũ Tuyên: Nguyễn Tuân  + Nhất Lang: Chàng trai số 1  + Tuấn thừa sắc: Tuân.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Vang bóng một thời*  + Được in lần đầu 1940 gồm 11 truyện ngắn viết về một thời đã xa nay chỉ còn *vang bóng*.  + Nhân vật chính: Phần lớn là nho sĩ cuối mùa - những con người tài hoa, bất đắc chí, dùng cái tôi *tài hoa ngông nghênh* và sự thiên lương để đối lập với xã hội phàm tục.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả.**  - Nguyễn Tuân: 1910 - 1987 - Người Hà nội.  - Sinh ra trong một gia đình nhà nho.  - Ông là một nghệ sĩ tài hoa,uyên bác, phong cách nghệ thuật độc đáo: Luôn tiếp cận cuộc sống từ góc độ tài hoa uyên bác ở phương diện văn hoá, nghệ thuật.  - Ngòi bút phóng túng và có ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân.  - Sở trường là tuỳ bút.  **2. Những tác phẩm chính.**  - SGK  **3. Truyện ngắn: *Chữ người tử tù.***  - Lúc đầu có tên là: *Dòng chữ cuối cùng*, in 1938 trên tạp chí *Tao đàn*, sau đó đổi tên thành: *Chữ người tử tù* và được in trong tập truyện :*Vang bóng một thời.*  Là ‘‘ một văn phẩm đạt tới sự toàn thiện, toàn mĩ’’(Vũ Ngọc Phan) |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc - kể tóm tắt, phân tích bố cục  -Yêu cầu giọng đọc: GV đọc hoặc đoạn đầu, hoặc đoạn cho chữ; gọi 3 - 4 HS đọc tiếp một số đoạn khác; nhận xét cách đọc;  -Kể tóm tắt:  - GV hỏi: Hiểu khái niệm tình huống và vai trò của tình huống trong truyện? Trong Chữ người tử tù, tác giả đã xây dựng tình huống truyện như thế nào?  + **GV**: Nhận xét về bút pháp xây dựng nhân vật của tác giả?  + **GV**: Nhận xét và chốt lại các ý.  + **GV**: Bút pháp miêu tả cảnh vật của tác giả như thế nào?  + **GV**: Nhận xét và chốt lại các ý.  **+GV:** Qua phân tích, hãy cho biết ý nghĩa của văn bản ?  HS đọc chậm, trang trọng, cổ kính; chú ý những câu thoại ngắn của các nhân vật, cần đọc với giọng phù hợp. Ví dụ câu ông Huấn trả lời quản ngục, những câu trao đổi giữa quản ngục và thầy thơ lại, câu Huấn Cao khuyên quản ngục trong đêm cho chữ và câu trả lời của quản ngục...  HS có thể kể một vài đoạn không đọc vì văn bản khá dài, sau đó có thể kể tóm tắt toàn truyện. Nhưng nhất thiết đoạn cho chữ phải được đọc diễn cảm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trả lời cá nhân**  **-** Cuộc gặp gỡ giữa Huấn Cao và viên quản ngục trong tình thế đối nghịch, éo le:  **+** Xét trên bình diện xã hội:  o Quản ngục là người địa diện cho trật tự xã hội, có quyền giam cầm, tra tấn.  o Huấn Cao là người nổi loạn, đang chờ chịu tội.  **+** Xét trên bình diện nghệ thuật:  o Họ đều có tâm hồn nghệ sĩ.  o Huấn Cao là người tài hoa: coi thường, khinh bỉ những kẻ ở chốn nhơ nhuốc.  o Quản ngục: biết quý trọng, tôn thờ cái đẹp, yêu nghệ thuật thư pháp, xin chữ Huấn Cao.  - Kịch tính lên đến đỉnh điểm khi viên quản ngục nhận lệnh chuyển các tử tù ra pháp trường.  *GV chốt lại:* Tình huống truyện là tình thế xảy ra truyện; khoảng khắc sự sống hiện ra rất đậm đặc, khoảng khắc có khi chứa đựng cả một đời người, thể hiện mâu thuẫn hoặc quan hệ giữa nhân vật này với nhân vật khác hoặc mâu thuẫn trong lòng một nhân vật, quan hệ giữa nhân vật và xã hội, môi trường... góp phần thể hiện chủ đề.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1.**  - Tại sao Huấn Cao bị bắt? Vẻ đẹp của hình tượng Huấn cao được thể hiện ở những phương diện nào?  GV:Chữ Huấn Cao không chỉ đẹp vuông mà còn nói lên hoài bão tung hoành của một đời người.  Huấn Cao gợi người đọc nghĩ đến Cao Bá Quát - một danh sĩ đời Nguyễn- cầm đầu cuộc khởi nghĩa Mĩ Lương chống triều đình Tự Đức bị thất bại: *Nhất sinh đê thủ bái hoa mai.*  **Nhóm 2.**  Theo em, quản ngục có phải người xấu, kẻ ác không? Vì sao? Vì sao quản ngục lại biệt đãi Huấn Cao như vậy? Có phải chỉ vì ông tìm mọi cách xin chữ của ông Huấn? Em hiểu nghĩa cụm từ biệt nhỡn liên tài là thế nào? Câu nói cuối cùng của quản ngục (Kẻ mê muội này xin bái lĩnh) có ý nghĩa gì?  **Nhóm 3.**  Cảnh cho chữ diễn ra vào lúc nào? ở đâu? Tại sao nói đây là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có?  **Nhóm 4.**  Nêu ý nghĩa cảnh cho chữ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1 trình bày:**  - Kẻ cầm đầu cuộc đại nghịch chống triều đình bị bắt giam với án tử hình đang chờ ngày ra pháp trường.  - Phẩm chất:  +Tài hoa, nghệ sĩ: *Có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp...* *Có được chữ Huấn Cao mà treo là có một vật báu trên đời...Thế ra y văn võ đều có tài cả.*  + Nhân cách trong sáng, trọng nghĩa khinh lợi, có tài có tâm, coi khinh tiền bạc và quyền thế. Huấn Cao không chỉ là một nghệ sỹ tài hoa, mà còn là hiện thân của cái tâm kẻ sỹ. Có tấm lòng *biệt nhỡn liên tài*, một *thiên lương* cao cả.  + Khí phách hiên ngang: Coi thường cái chết, Mặc dù đang chờ ngày ra chặt đầu, vẫn nguyên vẹn tư thế ung dung, đàng hoàng, không biết cúi đầu trước quyền lực và đồng tiền. *Ta nhất sinh không vì tiền bạc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối ...đời ta mới viết... cho ba người bạn thân…*  - Hiểu tấm lòng và sở thích cao quí của thầy Quản, ông vô cùng xúc động và ân hận: *Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ*  \* **Nhóm 2** **trình bày:**  - Làm nghề coi ngục ( Cái xấu và cái ác) nhưng lại là người có tâm hồn nghệ sĩ, coi trọng cái đẹp, có tấm lòng “Biệt nhỡn liên tài”  - Say mê kính trọng tài hoa và nhân cách anh hùng của Huấn Cao  - Dám bất chấp luật pháp, làm đảo lộn trật tự trong nhà tù, biến một kẻ tử tù thành thần tượng để tôn thờ  -> Ngục quan có những phẩm chất khiến HC cảm kích coi là “ một tấm lòng trong thiên hạ” và tác giả coi đó là “ một thanh âm trong trẻo…”.Qua nhân vật này, nhà văn muốn nói, trong mỗi con người đều ẩn chứa tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. Cái đẹp chân chính, trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được “phẩm chất”, nhân cách”.  **Nhóm 3 trình bày:**  - Việc cho chữ vốn là một việc thanh cao, một sáng tạo nghệ thuật lại diễn ra trong một căn buồng tối tăm, chật hẹp.....  -> cái đẹp lại được sáng tạo giữa chốn hôi hám, như bẩn; thiên lương cao cả lại toả sáng ở chính nơi bóng tối và cái ác đang ngự trị  - Người nghệ sĩ tài hoa say mê tô từng nét chữ không phải là người được tự do mà “ cổ đeo gông, chân vướng xiềng..”  - Trật tự, kỉ cương trong nhà tù bị đảo ngược hoàn toàn: tù nhân trở thành người ban phát cái đẹp, răn dạy ngục quan; còn ngục quan thì khúm núm, vái lạy tù nhân  -> Trong chốn ngục tù tăm tối đó, không phải cái xấu cái ác đang làm chủ mà chính là cái đẹp, cái thiện cái cao cả đã chiến thắng và toả sáng  **\* Nhóm 4 trình bày:**  - Trong chốn ngục tù ấy cái đẹp, cái thiện, cái cao cả đã chiến thắng và toả sáng. Đây là việc làm của kẻ chi âm dành cho người tri kỷ, của một tấm lòng đền đáp một tấm lòng. Cái tâm đang điều khiểm cái tài, cái tâm cái tài đang hoà vào nhau để sáng tạo cái đẹp.  -Tư tưởng tác phẩm: Dù thực tại có tối tăm tàn bạo đến đâu cũng không thể tiêu diệt được cái đẹp. Cái đẹp bất khả chiến bại. Niềm tin mãnh liệt thuộc về chủ nghĩa nhân văn sáng giá của nghệ thuật Nguyễn Tuân, đó là một lối sống, một nhân cách, một mẫu người.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Tình huống truyện :**  - Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường :  + Viên quản ngục- kẻ đại diện cho quyền lực tăm tối nhưng lại khao khát ánh sáng và chữ nghĩa.  + Huấn Cao – người tử tù có tài viết chữ đẹp, chống lại triều đình phong kiến.  → Cuộc hội ngộ diễn ra giữa chốn ngục tù căng thẳng, kịch tính, có ý nghĩa đối đầu giữ cái đẹp cái thiên lương>< quyền lực tội ác. → cái đẹp, cái thiên lương đã thắng thế.  **2. Nhân vật Huấn Cao.**  ***a. Một người nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật thư pháp:***  - Người khắp vùng tỉnh Sơn khen Huấn Cao là người có tài viết chữ *“rất nhanh và rất đẹp”.*  🡪 Tài viết chữ Hán - nghệ thuật thư pháp  *- “ Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm … có được chữ ông Huấn mà treo là có một báu vật ở trên đời”.*  - Ca ngợi tài của Huấn Cao, nhà văn thể hiện quan niệm và tư tưởng nghệ thuật của mình:  +Kính trọng, ngưỡng mộ người tài,  + Trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc.  ***b. Một con người có khí phách hiên ngang bất khuất:***  - Là thủ lĩnh của phong trào khởi nghĩa chống lại triều đình.  - Ngay khi đặt chân vào nhà ngục:  + Trước câu nói của tên lính áp giải: không thèm để ý, không thèm chấp.  + Thản nhiên rũ rệp trên thang gông:  *“Huấn Cao lạnh lùng … nâu đen”*  🡪 Đó là khí phách, tiết tháo của nhà Nho uy vũ bất nắng khuất.  - Khi được viên quản ngục biệt đãi: “*Thản nhiên nhận rượu thịt*” như “*việc vẫn làm trong cái hứng bình sinh*”  🡪 phong thái tự do, ung dung, xem nhẹ cái chết.  - Trả lời quản ngục bằng thái độ khinh miệt đến điều *“Ngươi hỏi ta muốn gì ...vào đây”.*  🡪 Không quy luỵ trước cường quyền.  => Đó là khí phách của một người anh hùng.  ***c. Một nhân cách, một thiên lương cao cả:***  - Tâm hồn trong sáng, cao đẹp:  *“Không vì vàng ngọc hay quyền thê mà ép mình viết câu đối bao giờ”*, và chỉ mới cho chữ “*ba người bạn thân*”  🡪 trọng nghĩa, khinh lợi, chỉ cho chữ những người tri kỉ.  - Khi chưa biết tấm lòng của quản ngục: xem y là kẻ tiểu nhân  🡪 đối xử coi thường, cao ngạo.  - Khi biết tấm lòng của quản ngục:  + Cảm nhận được “*Tấm lòng* *biệt nhỡn liên tài”* và hiểu ra *“Sở thích cao quý”* của quản ngục  + Huấn Cao nhận lời cho chữ  🡪 Chỉ cho chữ những người biết trân trọng cái tài và quý cái đẹp.  - Câu nói của Huấn Cao:  *“ Thiếu chút nữa ... trong thiên hạ”*  🡪 Sự trân trọng đối với những người có sở thích thanh cao, có nhân cách cao đẹp.  => Huấn Cao là một anh hùng - nghệ sĩ, một thiên lương trong sáng.  - Quan điểm của Nguyễn Tuân: Cái tài phải đi đôi với cái tâm, cái đẹp và cáci thiện không thể tác rời nhau.  🡪 Quan niệm thẩm mỹ tiến bộ.  **3. Nhân vật Quản ngục.**  - Kẻ say mê chơi chữ đến kỳ lạ.  - Kiên trì nhẫn nhại, công phu, quyết xin chữ cho bằng được.  - Suốt đời chỉ có một ao ước: *Có được chữ Huấn Cao mà treo trong nhà* ...  - Có sở thích cao quí đến coi thường cả tính mạng sống của mình:  + Muốn chơi chữ Huấn Cao.  + Dám nhờ Thơ lại xin chữ.  + Đối đãi đặc biệt với tử tù.  🡪 Đó là cuộc chạy đua nguy hiểm, nếu lộ chuyện quản ngục chắc chắn không giữ được mạng sống.  - Lần đầu: Bí mật sai thầy Thơ dâng rượu thịt đều đều.  - Lần hai: Nhẹ nhàng, khiêm tốn nhưng bị Huấn Cao miệt thị, xua đuổi, mà vẫn ôn tồn, nhã nhặn.  🡪Muốn xin chữ của Huấn Cao.  - Chọn nhầm nghề. Giữa bọn người tàn nhẫn, lừa lọc, thì hắn lại có *tính cách dịu dàng...biết trọng người ngay.*  - Một tâm hồn nghệ sỹ tài hoa đã lạc vào chốn nhơ bẩn. Tuy làm nghề thất đức nhưng có một tâm hồn.  🡪 Trong XHPK suy tàn, chốn quan trường đầy rẫy bất lương vô đạo, Quản ngục đúng là một con người *Vang bóng.*  - *Một tấm lòng trong thiên hạ….một âm thanh trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luận đều hỗn loạn xô bồ.*  🡪 Biết phục khí tiết, biết qúi trọng người tài và yêu quí cái đẹp - một tấm lòng *Biệt nhỡn liên tài.*  \*  **Cảnh Huấn Cao cho chữ viên Quản ngục**  - Trong không gian chật hẹp, ẩm ướt, tối tăm, bẩn thỉu, khói bốc nghi ngút, dưới ánh sáng của ngọn đuốc tẩm dầu là hình ảnh 3 cái đầu chụm lại. Một người tù cổ mang gông chân vướng xiềng đang tô đậm những nét chữ trên vuông lụa trắng tinh, cạnh viên quản ngục khúm núm, thầy thơ lại run run.  - Đó là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có:  + Bởi việc cho chữ diễn ra trong nhà ngục bẩn thỉu, tối tăm, chật hẹp.  + Bởi người nghệ sỹ sáng tạo trong lúc cổ mang gông, chân vướng xiềng ...  + Bởi người tử tù lại ở trong tư thế bề trên, uy nghi, lồng lộng. Còn kẻ quyền uy lại khúm núm run run, kính cẩn, vái lạy.  🡪 Tác giả dựng lên thật đẹp nhóm tượng đài thiên lương với bút pháp tài năng bậc thầy về ngôn ngữ.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Tạo tình huống truyện độc đáo, đặc sắc.  - Sử dụng thành công thủ pháp đối lập tương phản.  - Xây dựng thành công nhân vật Huấn Cao – người hội tụ nhiều vẻ đẹp.  - Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  “ Chữ người tử tù” khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng đối với cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn.  **III. Tổng kết:**  Ghi nhớ: SGK. |

**🕮 3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:** Dòng nào sau đây nêu đúng và rõ nhất đóng góp riêng của Nguyễn Tuân về khả năng tạo dựng không khí truyện phù hợp trong *Chữ người tử tù*?  a. Tác phẩm mang đậm không khí một thời vang bóng. b. Tác phẩm mang đậm không khí buổi giao thừa. c. Tác phẩm mang đậm không khí một thời đại. d.Tác phẩm mang đậm không khí một cổ xưa.  **Câu hỏi 2:** Dòng nào sau đây nêu đúng và rõ nhất những đóng góp giá trị của Nguyễn Tuân về nghệ thuật viết truyện trong [***Chữ người tử tù***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\29-%20Chu%20nguoi%20tu%20tu.htm)?  a. Đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều; ngôn ngữ giàu chất tạo hình b. Tình huống truyện độc đáo; đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều; ngôn ngữ giàu chất tạo hình. c. Tình huống truyện độc đáo; đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều. d. Tình huống truyện độc đáo; đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều; ngôn ngữ giàu chất hội họa.  **Câu hỏi 3:** Lời tóm tắt nào sau đây nêu bật được tình huống truyện của *Chữ người tử tù?*  a. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa hai người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau. b. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ oái ăm giữa những người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau. c. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ kì dị giữa hai người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau. d. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ thú vị giữa hai người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='b'  [3]='b' |

**🕮 4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  *“Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.*  *Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.”*  *( Trích* Chữ người tử tù, Tr110, SGK Ngữ văn 11, Tập I)  ***Đọc văn bản trên và thực hiện những yêu cầu sau từ câu 1 đến câu 4:***  1/ Văn bản trên viết về nhân vật nào? Nhà văn tỏ thái độ như thế nào khi viết về nhân vật đó?  2/ Câu văn …*viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ* được sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  3/ Xác định thủ pháp tương phản qua văn bản trên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | 1/ Văn bản trên viết về nhân vật viên quản ngục. Nhà văn tỏ thái độ trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp nhân cách biết quý trọng cái đẹp và người tạo ra cái đẹp của nhân vật viên quản ngục-nghệ sĩ.  2/ Câu văn …*viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ* được sử dụng biện pháp tu từ so sánh.  Hiệu quả: - Là hình ảnh súc tích tạo ra sự đối lập sắc nét giữa trong với đục, thuần khiết với ô trọc, cao quý với thấp hèn; giữa cá thể nhỏ bé, mong manh với thế giới hỗn tạp, xô bồ.  -Là hình ảnh so sánh hoa mĩ, đắt giá, gây ấn tượng mạnh, thể hiện một sự khái quát nghệ thuật sắc sảo, tinh tế giúp tác giả làm nổi bật và đề cao vẻ đẹp của tâm hồn nhân vật. Là chi tiết nghệ thuật mang đậm dấu ấn phong cách tài hoa của Nguyễn Tuân.  **3/** Thủ pháp tương phản qua văn bản:   * *tàn nhẫn, bằng lừa lọc- tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay* * *thanh âm trong trẻo- xô bồ* * *thuần khiết-cặn bã* * *tâm điền tốt và thẳng thắn- lũ quay quắt* |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy truyện Chữ người tử tù  + Tìm đọc tập truyện Vang bong một thời;  + Dựng kịch ngắn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm** **vụ:**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** * **Chọn đoạn cảnh cho chữ để sân khấu hoá** |

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... .............................................................................................................................................................

*Tuần 11*

*Ngày soạn: 15/10*

*Ngày kí :*

*Tiết 42 – Làm văn*

***Luyện tập thao tác lập luận so sánh***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, so sánh

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận so sánh trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận so sánh;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp thao tác lập luận so sánh

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận so sánh

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác so sánh

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác so sánh

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Hãy so sánh hình ảnh trẻ thơ trong các câu thơ sau:  Hai bức tranh về đời sống trẻ thơ:                               Miền Bắc thiên đường của các con tôi                                                 (Tố Hữu – Bài ca xuân 61)                               Tôi đã gặp những đứa em còm cõi  Lên  năm  lên sáu tuổi đầu                               Cơm thòm thèm độn cám và rau                               Mới tháng ba đã  ngóng mong đến tết                               Để được ăn cơm no có thịt    (Phùng Quán – Chống tham ô lãng phí)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Tố Hữu nhìn cuộc sống bằng đôi mắt lạc quan của một người làm công tác chính trị, luôn hướng về tương lai tươi sáng và chỉ miêu tả những gì gợi sự phấn chấn, tin tưởng. Trái lại, Phùng Quán quan sát và miêu tả cuộc sống từ những hình ảnh thực đang diễn ra hằng ngày, trước mắt.* Nhận xét này có được nhờ có sự so sánh hình ảnh trẻ thơ trong 2 văn bản.Chúng ta đã học xong phần lí thuyết thao tác lập luận so sánh. Hôm nay, chúng ta tiếp tục làm phần thực hành. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS Ôn tập về lập luận so sánh.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Thế nào là so sánh? Có mấy cách so sánh?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy.  - So sánh tương đồng: So sánh để thấy được sự giống nhau giữa các đối tượng.  - So sánh tương phản: So sánh để thấy được sự khác nhau giữa các đối tượng.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Ôn tập về lập luận so sánh.**  - So sánh là :  - So sánh tương đồng:  - So sánh tương phản: |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS LUYỆN TẬP**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Bài tập 1.**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 3: Bài tập 3**  **Nhóm 4: Bài tập 4**  Mỗi nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1**  - Tình cảm khi về thăm quê của hai tác giả Hạ Tri Chương và Chế Lan Viên trong hai bài thơ:  + Điểm giống nhau: Đều rời quê hương đi xa từ lúc trẻ và trở về khi tuổi đã cao. Khi trở về đều trở thành người xa lạ trên quê hương mình.  + Hai nhà thơ sống ở hai thời đại cách xa nhau hơn một nghìn năm, có tâm sự giống nhau: Khoảnh khắc giật mình với những tiếc nuối, bâng khuâng.  \* **Nhóm 2**  - Mùa xuân, mùa thu chỉ các giai đoạn khác nhau: ban đầu thu hoạch được ít, càng về sau thu hoạch được nhiều hơn. Học thì lúc đầu khó khăn. về sau hiểu dần, khôn lớn trưởng thành - có học vấn.  🡪 Trồng cây thì tăng thu nhập kinh tế. Học tập thì trưởng thành về trí tuệ.  \* **Nhóm 3**  + Giống nhau: Cùng là thơ thất ngôn bát cú, đều tuân thủ cách gieo vần, luật đối chặt chẽ.  + Khác nhau: Thơ Hồ Xuân Hương dùng nhiều từ ngữ gần gũi lời ăn tiếng nói hằng ngày như từ : tiếng gà, trên bom, mõ thảm,…và cả những từ có vần hiểm hóc như: *cớ sao om; già tom; mõm mòm…*Có một câu dùng nhiều từ Hán Việt “ Tài tử văn nhân ai đó tá?”  => Phong cách thơ Hồ Xuân Hương rất gần gũi, bình dị tuy có phần chua xót nhưng vẫn tinh nghịch.  Thơ Bà Huyện Thanh Quan dùng nhiều từ ngữ Hán Việt trang trọng như : hoàng hôn; mục tử; cô thôn;…và những thi liệu Hán học: ngàn mai; dặm liêu và sử dụng điển cố, điển tích như Chương Đài.  => Phong cách thơ Bà Huyện Thanh Quan trang trọng đài các.  \* **Nhóm 4**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Luyện tập.**  Bài tập1.  - Tình cảm khi về thăm quê của hai tác giả Hạ Tri Chương và Chế Lan Viên trong hai bài thơ:  + Điểm giống nhau:  + Điểm khác nhau:  => Hạ Tri Chương sống trước Chế Lan Viên hơn một nghìn năm nhưng tâm trạng khi xa quê trở về đều có những nét tương đồng  Bài tập 2.  *Học cũng như trồng cây, mùa xuân được hoa, mùa thu được quả.*  Bài tập 3.  So sánh ngôn ngữ trong hai bài thơ của bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương:  + Giống nhau:  + Khác nhau:  => Phong cách thơ Hồ Xuân Hương rất gần gũi, bình dị tuy có phần chua xót nhưng vẫn tinh nghịch.  Thơ Bà Huyện Thanh Quan dùng nhiều từ ngữ Hán Việt trang trọng như : hoàng hôn; mục tử; cô thôn;…và những thi liệu Hán học: ngàn mai; dặm liêu và sử dụng điển cố, điển tích như Chương Đài.  => Phong cách thơ Bà Huyện Thanh Quan trang trọng đài các.  Bài tập 4.  - Tham khảo đoạn văn so sánh tương phản:  *Các cụ ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt...các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng ngọ. Nhìn một cô gái ngây thơ, xinh xắn, các cụ coi như đã làm một việc tội lỗi; ta thì cho mát mẻ như đứng trước một cánh đỗng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoảng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi...,cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu...( Lưu Trọng Lư ).* |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  So với người lính thú thời xưa trong ca dao *Bước chân xuống thuyền nước mắt như* mưa, người nông dân nghĩa sĩ trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu có điểm gì khác nhau ?Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) làm rõ sự khác nhau đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Thấy được sự khác nhau : hình ảnh người lính xưa trong ca dao chỉ chiến đấu cho vua chúa, vì quyền lợi của vua chúa và giai cấp thống trị, bị bắt buộc đi tham gia chiến trận nên mang trong lòng nỗi đau đớn qua tiếng khóc xót xa. Còn người nông dân khoác áo lính trong bài Văn tế chiến đấu với tinh thần tự nguyện, sẵn sàng hi sinh xương máu để đem lại độc lập tự do cho Tổ quốc. |

**🕮 4.VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Xác định câu văn thể hiện lập luận so sánh trong đoạn trích sau :  *Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã từng ca ngợi Nguyễn Trãi như sau : “Gió thanh hây hẩy gác vàng, người như một ông tiên ở trong toà ngọc. Cái tài làm hay, làm đẹp cho nước, từ xưa chưa có bao giờ... Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuỵ cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tỉnh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý ưọng của chúng ta. Ca ngợi người anh hùng của dân tộc, chúng ta đã rửa mối “hận nghìn năm” của Nguyễn Trãi!*  (Phạm Văn Đồng, Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, dẫn theo Nguyễn Trãi - thơ và đòi, Sđd)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | *Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuỵ cho một lí tưởng cao quý.* |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  +Sưu tầm những bài tiểu luận, phê bình các tác phẩm văn học có sử dụng thao tác lập luận so sánh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **Xác định đúng các câu văn** có sử dụng thao tác lập luận so sánh |

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày kí:*

***Tiết 43 –*** *Làm văn* ***Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác***

***lập luận phân tích và so sánh***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, so sánh

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận phân tích, so sánh;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích, so sánh

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận phân tích, so sánh

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác phân tích, so sánh

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác phân tích, so sánh

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Tìm câu văn sử dụng thao tác lập luận phân tích và so sánh trong văn bản sau:  *“Tiếng suối trong như tiếng hát xa”… Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền (suối ngọc). Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải ngẫu nhiên. Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc. Tiếng hát của một danh ca Pháp từng thích nghe thời trẻ, đến tuổi bảy mươi Bác còn nhờ chị Mađơlen Rípphô tìm lại hộ. Tiếng suối ngàn của đất nước hay đó là tiếng hát của trái tim người nghệ sĩ yêu đời.*  *(Lê Trí Viễn)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Trong các tiết học trước các em đã được tìm hiểu hai thao tác lập luận rất phổ biến trong làm văn nghị luận đó là thao tác lập luận phân tích và so sánh. Tuy nhiên trong thực tế nói và viết không phải bao giờ chúng ta cũng chỉ sử dụng một thao tác lập luận riêng lẻ, mà phải biết vân dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận thì nói, viết mới đạt hiệu quả giao tiếp cao. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ luyện tập vận dụng kết hợp hai thao tác thường được sử dụng trong văn nghị luận là phân tích và so sánh.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS ôn lại kiến thức.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Thế nào là thao tác lập luận phân tích ?  - Cách thực hiện thao tác lập luận phân tích ?  - Thế nào là thao tác lập luận so sánh ?  - Cách thực hiện một thao tác lập luận so sánh ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Ôn lại thao tác lập luận phân tích và lập luận phân tích  + Cách phân tích: Chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định  + Yêu cầu của phân tích:  ++Khi phântích cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (qhệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, qhệ giữa các đối tượng với các đối tượng liên quan, qhệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...); đồng thời đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất  **++** Phân tích cụ thể bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp và khái quát  ++ Khi phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức.  - Ôn lại thao tác lập luận phân tích và lập luận so sánh  + Có hai cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.  + So sánh phải dựa trên cùng một tiêu chí, chung một bình diện, so sánh phải đi đôi với nhận xét, đánh giá thì sự so sánh mới trở nên sâu sắc.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Ôn tập lí thuyết :**    **1. Lập luận phân tích:**  Chia nhỏ vấn đề ra theo một tiêu chí nào đó để làm sáng tỏ vấn đề đang bàn luận.  **2. Lập luận so sánh:**  Đặt đối tượng đang bàn luận trong tương quan với đối tượng khác để làm sáng tỏ đối tượng. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi theo thảo luận nhóm.  **Nhóm 1+2.** **Bài tập 1/tr 20:**  -Đoạn trích sử dụng những thao tác lập luận nào? minh họa?  -Mục đích, tác dụng kết hợp các thao tác lập luận đó?  - Rút ra kết luận về việc vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận trong một đoạn văn?  **Nhóm 3+4.** **Bài tập 2/tr 20:**  HS vận dụng kết hợp phân tích và so sánh, viết đoạn văn trình bày vẻ đẹp của một bài thơ( bài văn ) mà mình yêu thích.  Đề: Trong *Hai Đứa Trẻ*, Thạch Lam đã làm người đọc xúc động trước tâm trạng của hai chị em Liên và An, đêm đêm chờ đợi chuyến tàu đi qua phố huyện. Hãy phân tích tâm trạng đó và cho biết qua đây ta có thể hiểu gì về tấm lòng của tác giả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  GV hướng dẫn HS bài tập ở nhà.  - Có thể đọc các đoạn văn tham khảo trong SGK, sách hướng dẫn học bài ngữ văn 11.  1.Bài tập1  \* Gợi ý  - Đoạn văn sử dụng thao tác phân tích và thao tác so sánh:  + Phân tích “ Tự kiêu tự đại là khờ dại. Vì mình hay còn nhiều người hay hơn mình. Mình giỏi, còn nhiều người giỏi hơn mình. Tự kiêu tự đại tức là thoái bộ”  + So sánh: Người mà tự kiêu tự mãn thì cũng như cái chén, cái đĩa cạn ( để thấy sự nhỏ bé, vô nghĩa và đáng thương của thói tự kiêu tự mãn đối với mỗi cá nhân trong tập thể hoặc cộng đồng)  -> Thao tác phân tích đóng vai trò chủ đạo, thao tác so sánh có vai trò bổ trợ. Phân tích giúp con người nhận thức bằng tư duy trừu tượng, so sánh giúp con người nhận thức bằng tư duy cụ thể  2.Bài tập 2: Gợi ý  **Phân tích tâm trạng của nhân vật Liên :**  **a. Hoàn cảnh cuả nhân vật**( hoàn cảnh chi phối tâm trạng )  Gia đình đang trong cảnh cha thất nghiệp, mẹ tần tảo. Liên phải phụ mẹ coi quán hàng xén .. phải xa Hà Nội. Cảnh ngày tàn, chiều xuống và đêm đen bao trùm tác động đến tâm trạng Liên . Nhưng ở tuổi cuả Liên, chưa có tâm trạng ( như là dòng chảy cảm xúc suy nghĩ ). Tâm trạng Liên thể hiện qua mắt nhìn cuả Liên trên cảnh vật.  **b. Liên buồn trước thực tại:**  -Cảnh ngày tàn “ Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc cuả ngày tàn ”;  - Buồn nuối tiếc quá khứ, buổi tối khi còn ở Hà Nội, Liên được đi chơi, được uống  những cốc nuớc lạnh xanh đỏ. Buồn trước cuộc sống lam lũ, tù đọng, nghèo đói, tăm tối.  +“ Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm Tòi . Chúng nhặt nhạnh thanh nưá thanh tre..Liên trông thấy động long thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó “  +“Tất cả phố xá trong huyện bây giờ thu nhỏ lại nơi hàng nước cuả chị Tý ”  +Mẹ con chị Tý dọn hàng chẳng bán được gì. Hôm nay chợ phiên mà Liên bán hàng “ chẳng ăn thua gì ‘. Gia đình bác xẩm lê la ở dưới đấ , tiếng đàn bầu bần bật trong yên lặng. “Đêm ở trong phố tịch mịch và đầy bóng tối ”.  **c. Liên mơ ước một thế giới khác:**  -Liên thức để chờ tàu là để được nhìn thấy một **thế giới khác**: thế giới đầy ánh sáng , chuyển động , vui vẻ khác với thế giới tăm tối tù đọng hiện tại;  “Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm. Hà Nội sáng rực vui vẻ huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái quầng sáng ngọn đèn chị Tý và ánh sáng lửa của bác Siêu. Đêm tối bao bọc xung quanh, đêm của đất quê và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng” .  - Thạch Lam tập trung miêu tả **tâm trạng chờ tàu** và cái nhìn cuả Liên lúc đoàn tàu đi qua. Đoàn tàu đến là một “ làn khói bừng sang tắng lên từ xa ”. Khi tàu qua : “các toa đèn sáng trưng.., đồng và kền lấp lánh và các cưả kính sáng”. Khi tàu đi khỏi , “ những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt ” . Màu trắng , đỏ, vàng lấp lánh là màu cuả rực rở niềm vui. Những âm thanh nhanh, mạnh , dồn dập : tiếng còi rít lên , tàu rầm rộ đi tới .. tất cả tương phản với thực tại tăm tối cuả Liên.  - HS dựa vào phân thân bài đã xây dựng, lựa chọn viết một luận điểm trong đó sử dụng thao tác lập luận phân tích và so sánh.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | II. LUYỆN TẬP    1. Bài tập 1/tr 120:  2. Bài tập 2/tr 120:  - Xác định chủ đề bài văn cần viết.  - Xác định những ý chính nào để làm sáng tỏ chủ đề của bài văn và sắp xếp chúng thành một dàn ý hợp lí, khoa học.  - Luận điểm nào được chọn để làm sáng tỏ? Nó nằm ở vị trí nào trong bài dàn ý?  - Xác định câu chuyển ý cho phù hợp giữa các ý trong bài văn.  - Để làm sáng tỏ luận điểm trên cần phải có những luận cứ nào. Đây là lúc cần sử dụng các thao tác lập luận. Xác định rõ ràng nên sử dụng thao tác phân tích hay so sánh; thao tác nào là chủ đạo.    3. Bài tập 3/tr 121: |

**🕮 3.LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh, viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh con cò trong văn bản sau:  - Con cò lặn lội bờ sông ( Ca dao)  - Lặn lội thân cò khi quãng vắng ( Thương vợ-Trần tế Xương)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | -Xây dựng đoạn văn Vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh.  - làm rõ sự khác nhau giữa hình ảnh con cò trong 2 văn bản |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Lập dàn ý cho đề bài sau:**  Phân tích để thấy được sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của người nông dân trong hoàn cảnh đất nước có giặc xâm lược được thể hiện qua Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | -Hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được khắc hoạ với những chuyến biến trong nhận thức, hành động và trở thành người anh hùng cứu nước. Sử dụng thao tác lập luận phân tích, so sánh là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của đề bài.  - Bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, biết cách lựa chọn từ ngữ, câu văn diễn đạt mạch lạc ý vân nghị luận.  - Tìm ý và lập dàn ý. |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Sưu tầm thêm một số bài phê bình tiểu luận của các nhà nghiên cứu phê bình văn học, tập trung vào những tác phẩm đã học trong chương trình ngữ văn 11  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **- Tìm đọc các bài viết trong sách đọc thêm, tư liệu trên mạng Internet** |

*Ngày kí*

***Tiết 44 + 45****- Đọc văn*

***Hạnh phúc của một tang gia***

*( Trích “Số đỏ” - Vũ Trọng Phụng )*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội , chủ đề, phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng qua tác phẩm;

2/ Thông hiểu: Hiểu được những đặc sắc nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng.

3/Vận dụng thấp: Thấy được bản chất lố lăng, đồi bại của xã hội thượng lưu thành thị trước Cách mạng.

4/Vận dụng cao:lí giải thành công nội dung,nghệ thuật của đoạn trích

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về tác phẩm văn xuôi

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một đoạn trích, một tác phẩm văn xuôi.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về một đoạn trích, một tác phẩm văn xuôi.

3/Hình thành nhân cách: có thái độ căm ghét cái xấu, cái ác.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: lí giải vấn đề đời sống được thể hiện qua tác phẩm sự lên án những nghịch lí, lố lăng của xã hội giao thời;

-Năng lực sáng tạo: học sinh xác định và hiểu được những ý tưởng mà tác giả muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hoạt động thảo luận nhóm.

- Năng lực giao tiếp TV: HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học-tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng; biết lên án cái xấu, biết hướng thiện..

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Vũ Trọng Phụng*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Xã hội tư sản thành thị Việt Nam nhữngnăm 30 thế kỉ XX thực chất là một XH thực dân nửa phong kiến thuộc địa đầy bất công, giả đối, nhố nhăng với những phong trào Âu hóa, vui vẻ trẻ trung do bọn thực dân Pháp khở xướng, một XH chó đểu, khốn nạn đáng khinh bỉ, lên án và tố cao. Vũ Trọng Phụng đã làm việc đó bằng vũ khí sở trường của mình, tiếng cười tự trào phúng qua tiểu thuyết trào phúng lừng danh Số đỏ* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tác giả.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Tóm tắt ý chính trong Tiểu dẫn, trình bày hiểu biết về nhà văn?  **+ GV:**  Nhấn mạnh những điểm chính.  *GV tích hợp kiến thức Lịch sử để làm sáng tỏ bối cảnh lịch sử Việt Nam 30 đầu thế kỉ XX, đó là xã hội giao thời thực dân nửa phong kiến mà nhà văn đã sống và căm phẫn vô cùng.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Tác phẩm Số đỏ, vị trí đoạn trích.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Tóm tắt tác phẩm theo đoạn cuối mục Tiểu dẫn?  **+ GV:**  Nhấn mạnh lại những giá trị chính về nội dung và nghệ thuật.  **+ GV:** Nêu vị trí đoạn trích?  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc vài đoạn tiêu biểu, kết hợp với việc kể lại tác phẩm.  **+ GV:** Yêu cầu đọc đúng giọng: hóm hỉnh, cười cợt, khách quan.  **+ GV:** Định hướng:  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **+ HS:** Đọc xong vài đoạn tiêu biểu, kể lại và nêu bố cục.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả.**  - Vũ Trọng Phụng (1912 – 1939), quê Hưng Yên, sống chủ yếu ở Hà Nội.  - Nổi tiếng ở hai lĩnh vực phóng sự và tiểu thuyết.  - Các tác phẩm tiêu biểu: *Số đỏ, Giông tố, Vỡ đê, Cạm bẫy người….*  **2. Tác phẩm *Số đỏ:***  - Tóm tắt: SGK  - Giá trị: phản ánh hiện thực, phê phán xã hội thượng lưu thành thị ở VN trước 1945, đặc biệt là những trào lưu Âu hóa, văn minh rởm đời lố lăng.  **- Bố cục:**  + Đoạn 1: Từ đầu đến *“cho Tuyết vậy”:* niềm vui và hạnh phúc của các thành viên gia đình và mọi người khi cụ tổ qua đời.  + Đoạn 2: Tiếp theo đến “*Đám cứ đi”:* Cảnh đám ma gương mẫu.  + Đoạn 3: Còn lại: Cảnh hạ huyệt. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Em có suy nghĩ gì về nhan đề đoạn trích*: Hạnh phúc của một tang gia?*  - Hạnh phúc: Niềm vui, sự sung sướng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trả lời cá nhân:**  - Nhà có tang mà lại vui vẻ, sung sướng, hạnh phúc  → Hạnh phúc của một gia đình vô phúc, niềm vui của lũ con cháu đại bất hiếu.  - Phản ánh một sự thật mỉa mai, hài hước và tàn nhẫn:  Con cháu của đại gia đình này thật sung sướng khi cụ cố tổ chết  → Tình huống trào phúng chủ yếu của toàn bộ chương truyện.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Nhóm 1: Niềm vui chung cho cả gia đình cụ cố Tổ thể hiện như thế nào?  Nhóm 2: Thái độ của từng thành viên trong gia đình cụ cố Hồng khi cụ Tổ chết(Cô Tuyết, cậu Tú Tân, ông Phán, Xuân tóc đỏ)?  Nhóm 3: Cái chết của cụ Tổ còn đem lại niềm vui và hạnh phúc cho những ai nữa ? Tại sao họ lại *hạnh phúc* khi cụ Tổ chết?  Nhóm 4: Tác giả muốn nói gì với bạn đọc thông qua cách miêu tả thái độ của các thành viên trong và ngoài gia đình cụ cố Hồng?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1** **trình bày:**  “cụ cố tổ chết- cái chúc thư kia sẽ đi vào thời kì thực hành chứ không còn lí thuyết viễn vông nữa”  => Một gia đình đại bất hiếu.  \* **Nhóm 2**  a/ Cụ cố Hồng: *“ mơ màng đến cái lúc lão mặc đồ xô gai, chống gậy ho khạc...”* để được thiên hạ khen.  🡪 đứa con bất hiếu, háo danh.  b/ Vợ chồng Văn Minh**:** mừng vì di chúc sẽ được thực hiện, những mođen đám tang sẽ được tung ra.  🡪 hám của, hám lợi.  c/ Tuyết: được dịp ăn mặc thời trang, khoe khoang.  🡪 Cơ hội để chưng diện, khoe khoang sự hư hỏng  d/ Cậu tú Tân: sướng vì được dùng máy ảnh mới, khoe tài chụp hình.  🡪 là dịp để giải trí, khoe tài chụp ảnh.  e/ Ông Phán mọc sừng: vui vì được chia món tiền to, tính chuyện làm ăn với Xuân.  🡪 Được chia một phần tiền vì “đôi sừng” của mình  - Xuân Tóc Đỏ:*“Ông già ... thêm to ... dám nhận”*  🡪 Danh giá và uy tính của Xuân càng cao thêm  *=> Cả nhà đều sung sướng đến bất hiếu mà quên đi đạo lí thông thường của dân tộc*.  \* **Nhóm 3**  - Hai vị cảnh sát Min Đơ và Min Toa “ sung sướng cực điểm” vì đang thất nghiệp được thuê dẹp trật tự cho đám đông.  - Bạn bè cụ cố Hồng: Có dịp phô trương đủ thứ huân, huy chương, các kiểu quần áo, đầu tóc, râu ria...  - Đám phụ nữ quý phái, đám trai thanh gái lịch: Có dịp tụ tập để khoe khoang, hẹ hò nhau, chim chuột nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau...  → Mọi người dù chủ hay khách đều vui vẻ, hạnh phúc trước cái chết của cụ cố Tổ.  \* **Nhóm 4** : Đó chính là sự suy đồi về đạo lý, sự tha hoá về nhân cách con người.  🡪Tác giả khai thác những yếu tố mâu thuẫn để gây cười, cái cười phê phán đây mỉa mai châm biếm về một xã hội thực dân thu nhỏ với tất cả sự đồi bại, xuống dốc của đạo lý và nhân cách con người, đó là lời tố cáo của tác giả đối với xã hội âu hoá rởm.  Cái chết của cụ Tổ là sự mong đợi của tất cả đám con cháu đại bất hiếu. Hạnh phúc của mỗi người trong tang gia không ai giống ai, mỗi niềm vui thể hiện một tính cách và bản chất của từng người một.  - Đám tang cụ Tổ được miêu tả như thế nào?  - Nhận xét thái độ của mọi người trong đám tang?  - Suy nghĩ của em về những chi tiết cuối cùng trong đoạn trích (*Ông phán mọc sừng khóc muốn lặng đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã…Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra thì chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư…)?*  Nhận xét tiếng khóc của ông Phán mọc sừng? về hình ảnh: *Đám cứ đi?*  và chi tiết miêu tả : *người chết nằm trong ......mỉm cười sung sướng..?*  **HS trình bày cá nhân:**  - Bề ngoài thật long trọng, “ gương mẫu” nhưng thực chất chẳng khác gi đám rước nhố nhăng : đám ma to tát, đi đến đâu làm huyên náo đến đấy. Có sự phối hợp cả Ta -Tàu -Tây, mọi người thi nhau chụp ảnh như hội chợ, tràn ngập vọng hoa, câu đối, đầy đủ các loại mốt quần áo, râu ria...  - Mọi người không ai đi đưa tang mà đang mải trò chuyện về nhà cửa, vợ chồng, con cái, tất cả đang mải bình phẩm, chê bai lẫn nhau, tình tự, chim chuột, hẹn hò nhau bằng cái vẻ mặt buồn buồn lãng mạn rất đúng mốt.  🡪 Sự giả tạo, đóng kịch của giới tri thức rởm, đạo đức suy đồi của nền văn minh Âu hoá rởm.  \* Cảnh hạ huyệt:  - Cậu Tú Tân yêu cầu mọi người tạo dáng để chụp ảnh, con cháu tự nguyện trở thành những diễn viên đại tài:  Cụ Cố Hồng ho khạc, mếu máo và ngất đi.  Đặc biệt là “màn kịch siêu hạng” của ông Phán mọc sừng cứ oặt người đi khóc to bằng những âm thanh lạ: Hứt!...Hứt!...Hứt!...  🡪 Đám tang diễn ra như một tấn đại hài kịch. Nó nói lên tất cả sự lố lăng vô đạo đức của cái xã hội thượng lưu ngày trước. Cái xã hội mà tác giả gọi là *Chó đểu, khốn nạn.*  ذ→ Kết thúc là chi tiết chua chát: *Phán mọc sừng cứ oặt người đi khóc trong tay xuân, bên cạnh bố vợ ho, khạc, mếu máo đúng qui cách..*.nhưng thực chất là lén lút thanh toán tiền trả công cho xuân.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  *( GV tích hợp kiến thức GDCD, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh để hướng dẫn HS liên hệ bản thân về bài học đạo đức của con người trong xã hội hiện đại: lên án sự xuống dốc đạo đức, thái độ bất nhân, bất nghĩa, bất hiếu)* | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Nội dung:**  **a. Ý nghĩa nhan đề:** nhan đề chứa đựng mâu thuẫn trào phúng hàm chứa tiếng cười chua chát, kích thích trí tò mò của người đọc:  **b. Những niềm vui khác nhau của các thành viên trong gia đình và ngoài gia đình khi cụ cố Tổ mất:**  \* Niềm vui chung cho cả gia đình: “cụ cố tổ chết- cái chúc thư kia sẽ đi vào thời kì thực hành chứ không còn lí thuyết viễn vông nữa”  => Một gia đình đại bất hiếu.  \* Niềm vui của những thành viên trong gia đình:  - Cố Hồng (con trai cả): sướng điên lên vì lần đầu tiên được diễn trò già yếu trước mọi người cụ mơ màng nghĩ mình được mặc áo xô gai, lụ khụ ho khạc mếu máo “ úi kìa con giai nhớn đã già thế kia kìa”  → điển hình cho loại người háo danh.  - Ông Văn Minh (cháu nội ):thích thú vì cái chúc thư kia đã đi vào thời kì thực hành chứ không còn trên lý thuyết viễn vông nữa  → Bất hiếu, đầy dã tâm.  - Bà Văn Minh (cháu dâu): mừng rỡ vì được lăng xê những mốt y phục táo tạo nhất.  → Thực dụng, thiếu tình người.  - Cô Tuyết: Được dịp mặc y phục *ngây thơ* để chứng tỏ mình hãy còn trinh tiết nhưng đau khổ như kim châm vào lòng “ không thấy bạn giai đâu cả”  → Hư hỏng, lẳng lơ.  - Cậu Tú Tân: sướng điên người lên vì được dịp sử dụng cái máy ảnh đã lâu không có dịp dùng đến  → Niềm vui của con trẻ kém hiểu biết.  - Ông Phán: Sung sướng vì không ngờ rằng *cái sừng* trên đầu mình lại có giá trị.  → Là người không có nhân cách, vô liêm sĩ.  - Xuân tóc đỏ: Hạnh phúc đặc biệt vì nhờ hắn mà cụ Tổ chết, danh giá uy tín lại càng to hơn.  \* Niềm vui của những người ngoài gia đình:  + Cảnh sát Min Đơ và Min Toa:  *“đã được ... vỡ nợ”*  🡪 đang lúc thất nghiệp lại có được tiền.  + Bè bạn cụ cố Hồng:  *“ngực đầy ... loăn qoăn”*  🡪 cơ hội để khoe khoang.  + Hàng phố:  *“Đám ma đưa đến ... cố Hồng”*  🡪 được xem một đám ma to tát.  => *Bức tranh trào phúng chân thực mang đậm tính hài hước*    **c. Cảnh đám ma gương mẫu.**  - Tả bao quát: Khi đi trên đường:  + Chậm chạp, nhốn nháo như hội rước.  + Kết hợp ta, Tàu Tây để khoe giàu một cách hợm hĩnh.  🡪 Đám ma to như đám rước.  - Tả cận cảnh: Người đi dự: giả dối, bàn đủ thứ chuyện.  **-** Cảnh hạ huyệt:  - Mở đầu: cậu tú Tân thì dàn dựng việc chụp hình một cách giả dối và vô văn hóa.  - Tiếp theo: Ông Phán thì diễn việc làm ăn với Xuân: “Xuân Tóc Đỏ … gấp tư”  => *Đó là một màn hài kịch thể hiện sự lố lăng , đồi bại, bất hiếu, bât nghĩa của XH TS thượng lưu trước 1945.*  **2. Đặc sắc nghệ thuật.**  **-** Nghệ thuật tạo tình huống cơ bản rồi mở ra những tình huống khác.  - Phát hiện những chi tiết đối lập gây gắt cùng tồn tại trong một con người, sự vật, sự việc.  - Thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa,… được sử dụng một cách linh hoạt.  - Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật.  **3. Ý nghĩa văn bản:**  Đoạn trích “ Hạnh phúc của một tang gia” là mọt bi hài kịch, phơi bày bản chất nhố nhăng, đồi bại của một gia đình đồng thời phản ánh bộ mạt thật của xã hội thượng lưu thành thị trước Cách mạng tháng Tám.  **III. Tổng kết:**  Ghi nhớ.  - SGK. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **hỏi 1:**  Dòng nào dưới đây nêu đúng mối quan hệ giữa từ ***đỏ*** trong nhan đề tác phẩm(Số đỏ) và đỏ trong tên nhân vật chính(Xuân Tóc Đỏ)?  a. Chỉ hai từ đồng âm khác nghĩa, không có liên hệ gì với nhau. b. Cùng gợi liên tưởng đến một vái gì đặc biệt, hiếm có. c. Cùng gợi lên ý niệm về sự may mắn. d.Cùng tô đậm ấn tượng về loại tình huống, số phận kì lạ, khôi hài.    **Câu hỏi 2:** Chương [*Hạnh phúc của một tang gia*](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\30-%20Hanh%20phuc%20cua%20mot%20tang%20gia.htm) có ý nghĩa gì trong sự phát triển, khơi sâu chủ đề “số đỏ”?  a. Thêm một lần Xuân gặp vận may(“số đỏ”). b. Làm cho vai trò của Xuân Tóc Đỏ càng thêm nổi bật trong xã hội hượng lưu. c. Ngầm giải thích cái “số đỏ” kì lạ của Xuân và chuẩn bị cho một bước thẳng tiến mới nhân vật này. d. Chương này có một ý nghĩa độc lập.    **Câu hỏi 3:** Dòng nào khái quát đủ và đung nhất những điều kì quặc, khác thường mà tác giả phát hiện, miêu tả trong đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia?*  a. Tang gia thường bất hạnh, tang gia này ai ai cũng “hạnh phúc”. b. Tang gia thường buồn đau, tang gia này vui như mở cờ, mở hội. c. Đám tang thườn trang nghiêm, đám tang này thật ồn ào, bát nháo. d. Người đưa đám thường chân thành đến chia buồn, người ở đây phần nhiều vờ vịt, giả dối.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='c'  [3]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Đọc đoạn trích:**  “Đến huyệt, lúc hạ quan tài,…  Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy…”  (Trích “Hạnh phúc của một tang gia”, Vũ Trọng Phụng)  ***Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 3:***  1. Nội dung chủ yếu của đoạn văn là gì ?  2. Trong đoạn văn trên, Vũ Trọng Phụng sử dụng các biện pháp tu từ như liệt kê, điệp từ . Xác định biểu hiện các phép tu từ đó và nêu tác dụng của hình thức nghệ thuật này là gì ?  3. Có thể nói đoạn văn trên là một màn hài kịch nhỏ. Hãy chỉ ra màn hài kịch đó và nêu hiệu quả nghệ thuật của nó ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | 1. Nội dung chủ yếu của đoạn văn là : kể về cảnh hạ huyệt trong đám tang cụ cố tổ khi ông đã *chết thật.* Cậu Tú Tân say sưa chụp ảnh. Cụ cố Hồng cố tỏ vẻ đau khổ, ông Phán vừa khóc than thảm thiết vừa lén trả tiền công cho Xuân vì Xuân đã gây ra cái chết của ông cụ.  2. a/Biểu hiện các phép tu từ trong đoạn văn đó là :  - Liệt kê : hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau mắt  - Điệp từ: Hứt!...Hứt!...Hứt...  b/Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là :  -Biện pháp liệt kê nhằm đưa ra những động tác mà cậu Tú Tân chỉ cho mọi người khi chụp hình lúc hạ huyệt, đồng thời vạch trần bộ mặt *hạnh phúc* của đứa cháu bất hiếu này.  -Biện pháp tu từ điệp từ để nhấn mạnh tiếng khóc thu hút sự chú ý của mọi người, không phải xuất phát từ trái tim, cất lên từ đáy lòng của các nhân vật là con cháu cụ cố Tổ. Cụ Hồng khóc là cốt để người ta phải chú ý đến và khen cái gậy trong tay cụ và trầm trồ khen rằng “con giai nhớn đã già đến thế kia”. Ông Phán mọc sừng khóc “oặt cả người đi” là cốt để người ta phải tưởng rằng, ông là một chàng cháu rể “quý hóa”.  3. a/Cảnh hạ huyệt: một màn hài kịch nhỏ.  + Cậu tú Tân: bắt bẻ mọi người tạo dáng chụp ảnh  + Cụ cố Hồng: gần như ngất đi.  + Chi tiết bất ngờ*:* ông Phán khóc đến oặt cả người nhưng vẫn tỉnh táo dúi tờ bạc vào tay Xuân, chuẩn bị cho một cuộc doanh thương mới.  b/ Hiệu quả nghệ thuật của màn hài kịch này:  - Tô đậm mâu thuẫn giữa bề ngoài đau đớn, tiếc thương và thực chất bên trong lạnh lùng, tính toán của ông Phán mọc sừng. Chính ông Phán đã thuê Xuân tóc đỏ làm cho cụ cố tổ uất mà chết nên phải trả tiền để giữ chữ tín ngay trong đám tang.  - Vạch trần sự bịp bợm, đểu cáng của xã hội tư sản thành thị trước ma lực của đồng tiền; thể hiện tài phác thảo chân dung biếm họa và cảm quan hiện thực sắc nhọn của Vũ Trọng Phụng. |

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy đoạn trích  + Tìm đọc toàn bộ tiểu thuyết Số đỏ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Ngày kí*

***Tiết 46*** *-Tiếng Việt*

***Phong cách ngôn ngữ báo chí***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ báo chí; các đặc trưng cơ bản của PCNN báo chí, phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác;

2/ Thông hiểu:Bước đầu làm quen với một số loại văn bản báo chí ở mức đơn giản: tin ngắn, phỏng vấn, quảng cáo,…

3/Vận dụng thấp: Có kĩ năng lĩnh hội và phân tích văn bản thông dụng thuộc PCNN báo chí;

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết phong cách ngôn ngữ báo chí để tạo lập văn bản báo chí trong cuộc sống.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: một mẫu tin ngắn theo phong cách ngôn ngữ báo chí;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài báo, tin tức, tiểu phẩm với đề tài gần gũi thiết thực trong cuộc sống;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ báo chí;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức phong cách ngôn ngữ báo chí;

3/Hình thành nhân cách: trung thực, có lập trường vững vàng khi làm báo.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS biết viết báo với các thể loại: phóng sự, bản tin, tiểu phẩm.

-Năng lực sáng tạo:qua thực hành, HS biết đặt các câu hỏi khác nhau về một vấn đề, xác định và làm rõ thông tin…

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp:vận dụng những kiến thức tiếng Việt cũng như tri thức về bài học vào thực hành.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**   * Đọc văn bản sau và em có nhận xét gì về nội dung, ngôn ngữ sử dụng?   *Chủ đề cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 45 là “Hãy viết một bức thư cho chính mình năm 45 tuổi”, hướng tới sự kích thích trí tưởng tượng và sự sáng tạo của các em học sinh.*  *Vượt qua hàng trăm bài viết của các thí sinh đến từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, bức thư  viết về cậu bé Syria của Nguyễn Thị Thu Trang đã xuất sắc giành giải nhất Quốc tế trong cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU lần thứ 45.*  *Với việc hóa thân vào cậu bé Aylan Kurdi- đứa trẻ đã chết trên bờ biển Bodrum, Thổ Nhĩ Kỳ trong một cuộc chạy trốn bạo lực cùng gia đình, vào tháng 5/2016  Nguyễn Thị Thu Trang cũng đã nhận giải nhất UPU Việt Nam.*  *(Nguồn http://vov.vn/xa-hoi/giao-duc/nu-sinh-viet-nam-dat-giai-nhat-viet-thu-quoc-te-upu-553172.vov)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới**: Lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân vốn là nguyên liệu vô tận của ngôn ngữ văn bản. Nhưng mỗi loại VB lại sử dụng ngôn ngữ theo một phong cách riêng. Để hiểu thêm điều đó, hôm nay chúng ta hãy tìm hiểu thêm phong cách ngôn ngữ của một loại VB mới: Phong cách ngôn ngữ Báo chí | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV cho hs đọc các vd ở sách giáo khoa và tìm hiểu :  H: Bản tin cung cấp cho ta những thông tin gì? H: Nhận xét về ngôn ngữ.  Cho H/S Đọc vd 2 ở sgk.  H: So sánh điểm giống và khác nhau giữa vd1 và vd2. Từ đó nhận xét bản tin và phóng sự có gì giống và khác nhau?  H: Ngôn ngữ phóng sự có đặc điểm ntn?  H: Đọc tiểu phẩm ở sgk và nhận xét nội dung, ngôn ngữ của tiểu phẩm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trình bày:**  - Bản tin: Thời gian, địa điểm, sự kiện chính xác nhằm cung cấp tin tức cho người đọc.  🡪Thường theo một khuôn mẫu:*Nguồn tin – thời gian - địa điểm – sự kiện – diễn biến – kết quả.*  - Phóng sự: Cung cấp tin tức nhưng mở rộng phần tường thuật chi tiết sự kiện, miêu tả bằng hình ảnh, giúp người đọc có một cái nhìn đầy đủ, sinh động, hấp dẫn.  - Tiểu phẩm: Giọng văn thân mật, dân dã, thường mang sắc thái mỉa mai, châm biếm nhưng hàm chứa một chính kiến về thời cuộc.  🡪 Ngoài ra còn một số thể loại khác như: *Phỏng vấn, bình luận, thời sự, trao đổi ý kiến, thư bạn đọc...*  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Tìm hiểu bài :**  **1. Ngôn ngữ báo chí.**  **a. Một số thể loại văn bản báo chí.**  - Bản tin:  - Phóng sự:  - Tiểu phẩm:  🡪 Ngoài ra còn một số thể loại khác như: *Phỏng vấn, bình luận, thời sự, trao đổi ý kiến, thư bạn đọc...*  + Phân loại báo chí theo phương tiện: *báo viết, báo nói, báo điện tử.*  + Phân loại theo định kỳ xuất bản: *báo hàng ngày (nhật báo), báo hàng tuần (tuần báo), báo hàng tháng ( nguyệt báo, nguyệt san).*  + Phân loại theo lĩnh vực hoạt động xã hội: *Báo Văn nghệ, báo Khoa học, báo Pháp luật, báo Thương mại, báo Giáo dục Thời đại...*  + Phân loại theo đối tượng độc giả: *báo Nhi đồng, báo Tiền phong, báo Thanh niên, báo Phụ nữ, báo Lao động...* |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu ngôn ngữ báo chí.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  -Thế nào là ngôn ngữ báo chí ?  - Mặc dù có nhiều thể loại khác nhau nhưng ngôn ngữ báo chí chung một mục đích và nhiệm vụ gì?  **- Văn bản báo chí và ngôn ngữ báo chí có những điểm chung gì?**  GV: Nhấn mạnh. Và chốt kiến thức chung về VB báo chí và phong cách ngôn ngữ báo chí.  GV: Cho h/s đọc ghi nhớ SGK  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trình bày cá nhân:**  - Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.  - Chức năng chung: cung cấp tin tức thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng. Đồng thời nêu lên quan điểm chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **b. Ngôn ngữ báo chí.**  - Tồn tại ở 2 dạng chính: Báo viết và báo nói.  - Ngoài ra còn: Báo hình, báo điện tử.  🡪 Ngôn ngữ báo chí có một chức năng chung là cung cấp tin tức thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng. Đồng thời nêu lên quan điểm chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  GV chuẩn xác kiến thức. Chấm điểm.  - Nhóm 1:Viết bản tin về đề tài trật tự an toàn giao thông.  - Nhóm 2: Viết bản tin về vấn đề học đường.  - Nhóm 3:Viết bản tin phản ánh tình hình học tập của lớp mình.  - Nhóm 4: Viết bản tin về vấn đề an ninh khu dân cư.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  Đại diện nhóm trình bày.  \* **Nhóm 1**  \* **Nhóm 2**  \* **Nhóm 3**  \* **Nhóm 4**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Luyện tập.**  Bài 2: Phân biệt:  a/Bản tin :  - Thông tin ngắn gọn  - Thông tin kịp thời, cập nhật  b/Phóng sự :  - Vừa đủ thông tin sự việc, vừa miêu tả cụ thể  - Yêu cầu gợi cảm, gây được hứng thú. |

Ngày kí

***Tiết 47***

**Trả bài Làm văn số 3**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

Giúp HS biết phát hiện những sai sót trong bài làm văn của mình để làm tốt hơn các bài tiếp theo

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

- Có ý thức phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài , biết khắc phục nhược điểm trong quá trình làm văn.

- Giao tiếp, tư duy sáng tạo.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo; Năng lực giải quyết vến đề.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhĩm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình (thảo luận đáp án)

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, bài làm của hs

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài viết.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1**  - Yêu cầu HS nhắc lại đề bài và phân tích đề.  - HS nêu dàn ý bài viết của mình  - GV đối chiếu với đáp án và kết luận  **Hoạt động 2**  - GV nhận xét những ưu điểm, nhược điểm bài viết. Đánh giá kết quả. | **A. Phân tích đề ( Phần làm văn)**  **I. ĐỌC HIỂU**  **1.Yêu cầu về kĩ năng**   * Học sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản. * Diễn đạt rõ, ràng không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.   **2. Yêu cầu về kiến thức**  **Câu 1 (1 điểm)**   * **Nôi dung :** Bài thơ ngợi ca hình ảnh người vợ tần tảo, đảm đang, giàu đức hi sinh và tình cảm yêu thương, quý trọng của Trần Tế Xương dành cho vợ.   **Câu 2** **(1 điểm)**  **Các thành ngữ:**   * *Một duyên hai nợ:* Một mình phải đảm đang công việc gia đình để nuôi cả chồng và con. * *Năm nắng mười mưa*: Nhiều nỗi vất vả cực nhọc phải chịu đựng trong một hoàn cảnh sống khắc nghiệt.   **Câu 3 (1 điểm)**   * Về kĩ năng: HS phải viết đoạn văn có đầy đủ 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Tránh mắc những lỗi về chính tả, lỗi diễn đạt. * Về kiến thức   + Mở đoạn: Giới thiệu khái quát về hình ảnh người mẹ  +Thân đoạn: Nêu những vai trò của người mẹ trong việc chăm lo cho con cái và duy trì hạnh phúc gia đình.  +Kết đoạn: Bài học liên hệ cho bản thân.  **II. LÀM VĂN**  **1. Yêu cầu về kĩ năng:**   * Học sinh biết làm bài văn nghị luận văn học. * Vận dụng tốt các thao tác và kiểu bài nghị luận * Diễn đạt rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.   **2. Yêu cầu về kiến thức:**   1. Nội dung:  * Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và nhận xét chung về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân. * Phân tích hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân:   + Hoàn cảnh xuất thân và việc tự nguyện ra trận đánh giặc của người nghĩa sĩ: Họ là những nông dân chân lấm tay bùn, quen việc đống áng, xa lạ với việc binh đao; họ có thái độ lo lắng khi giặc đến xâm lăng; họ trông chờ vào sự can thiệp của triều đình; họ bày tỏ sự căm ghét quân giặc tột độ; họ xác định hành động của mình là phải tự đứng lên chiến đấu…(nêu dẫn chứng cụ thể)  +Tinh thân xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại: Điều kiện chiến đấu thiếu thốn về trang phục , vũ khí; tinh thần chiến đấu dũng mãnh lấn át kẻ thù; kết quả đạt được… (nêu dẫn chứng cụ thể)   1. Nghệ thuật:  * Chất trữ tình. * Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu; sử dụng nhiều động từ mạnh. * Ngôn ngữ vừa trang trọng vừa dân dã mang đậm sắc thái Nam Bộ.  1. Đánh giá: Qua bài văn tế cho thấy vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân. Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất vả vẻ đẹp vốn có của họ.   **3.Cách cho điểm**   * Điểm 6 – 7 : Phân tích đầy đủ về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân về hoàn cảnh xuất thân và việc tự nguyện ra trận đánh giặc của người nghĩa sĩ; Tinh thân xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc và sáng tạo; không sai sót về chính tả dùng từ. * Điểm 4 – 5 : Cơ bản trình bày được về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân về hoàn cảnh xuất thân và việc tự nguyện ra trận đánh giặc của người nghĩa sĩ; Tinh thân xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc và sáng tạo;mắc một số sai sót về chính tả dùng từ. * Điểm 2 – 3: Chỉ phân tích được một khía cạch về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân. Còn mắc nhiều lỗi về lập luận, dùng từ, chính tả. * Điểm 1: Chưa hiểu đề, sai kiến thức, mắc nhiều lỗi về diễn đạt. * Điểm 0: Không làm bài, lạc đề.   **2. Nhận xét chung**  a) Ưu điểm  - Nhìn chung các em hiểu đề, biết cách triển khai ý. Nắm được nội dung và ý nghĩa câu nói.  - Lấy được một số dẫn chứng để minh họa cho luận đề.  - Giải thích được nghĩa của từng từ, câu quan trọng và tiêu biểu trong đề bài để làm tiền đề cho sự phân tích và nêu cảm nhận cá nhân.  b) Nhược điểm  - Bài viết chưa mở rộng, chưa bày tỏ được ý kiến của mình một cách cụ thể và rõ ràng.  - Diễn đạt đôi chỗ còn chung chung, mờ nhạt.  - Chưa biết triển khai ý, nên bài viết hầu như chỉ mới dừng lại ở cách cắt nghĩa câu nói.  - Phần liên hệ bản thân còn yếu. |

*Ngày kí*

***Tiết 48 - Lý luận văn học***

***Một số thể loại văn học: Thơ, truyện***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được khái niệm về thơ, truyện

2/ Thông hiểu: Hiểu được một số thể loại văn học thơ, truyện.

3/Vận dụng thấp: Cảm nhận được văn bản thơ, truyện căn cứ vào những hiểu biết về đặc điểm thể loại.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về thơ, truyện để viết bài văn nghị luận văn học theo đặc trưng thể loại;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về lí luận văn học;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một vấn đề mang tính chất lí luận văn học;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản lí luận văn học;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về lí luận văn học;

3/Hình thành nhân cách: có tình yêu văn học, hiểu biết về đặc trưng thể loại;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thể loại thơ, truyện

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại thơ, truyện

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thể loại thơ, truyện

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về về thể loại thơ, truyện

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm sự khác nhau giữa thể loại thơ, truyện

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Kể tên những bài thơ, những truyện ngắn mà em đã được học từ đầu năm học đến nay.?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** *Mỗi tác phẩm văn học bao giờ cũng được xếp vào một thể loại nhất định. Tìm hiểu thể loại sẽ giúp ta hiểu rõ hơn đặc điểm hình thức tổ chức của tác phẩm. Hôm nay, chúng ta hãy tìm hiểu hai thể loại thông dụng nhất: đó là Truyện và Thơ.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Thao tác 1:***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: cho học sinh đọc kiến thức trong sgk và nêu yêu cầu của loại thể?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Quan niệm chung về thể loại văn học:**  ***1. Khái niệm loại thể***  - Loại: phương thức tồn tại chung  - Thể: sự hiện thực hoá của loại  ***2. Sự phân loại của tác phẩm văn học***  - Tác phẩm văn học:  + Trữ tình: thơ, khúc ngâm  + Tự sự: truyện, kí  + Kịch: chính kịch, bi kịch, hài kịch |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: cho học sinh phần I và nêu khái lược về thơ?  *-Thơ bắt nguồn từ đâu? Thơ có từ bao giờ? Cốt lõi của thơ là gì?Phân biệt Thơ với văn xuôi tự sự, kịch nghị luận ở những đặc diểm nào ?*  - GV: cho học sinh nêu phân loại thơ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* HS trả lời cá nhân:  -Thơ xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử loài người từ Đông sang Tây, từ những bài hát lao động thời cổ đại, từ Kinh thi thời Khổng Tử, từ ca dao cổ  -Thơ khởi phát từ lòng người (Lê Quý Đôn). Cốt lõi của thơ là tình cảm, cảm xúc tâm trạng là cảm hứng dạt dào của người viết, là tiếng nói của tâm hồn chở nặng suy tư của con người  DC: Lượm – Tố Hữu…  -Ngôn ngữ thể hiện cảm xúc, cô đọng giàu nhịp điệu, hình ảnh được tổ chức một cách đặc biệt theo các thể thơ, theo cảm xúc…là đặc trưng để phân biệt thơ và văn xuôi.  - GV: cho học sinh nêu yêu cầu về đọc thơ?  HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - Cần biết rõ xuất xứ: tên tập thơ, tên bài thơ, tác giả, năm xuất bản, hoàn cảnh sáng tác.  - Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua câu chữ, hình ảnh, nhịp điệu. Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng phân tích khả năng biểu hiện của từ ngữ, hình ảnh.  - Từ câu thơ, lời thơ, ý thơ cái tôi của nhân vật trữ tình ta đánh giá, lí giải bài thơ ở hai phương diện nội dung và nghệ thuật.  - Học thuộc lòng thơ  HS trình bày cá nhân:  - Nghệ thuật tả cảnh:  + Chọn điểm nhìn từ “ao thu” đến “tầng mây” – mở rộng không gian với chiều cao vô tận  + Từ “tầng mây” điểm nhìn lại trở về với “ngõ trúc”, “ao thu”  + Tác giả tả những gì quan sát được trên mặt ao và làm nổi bật mùa thu nơi làng quê  - Dùng cái động để tả cái tĩnh, êm ả của làng quê  - Nghệ thuật tả tình:  + Tả cảnh để ngụ tình. Đó là tình yêu quê hương đất nước được diễn tả một cách kín đáo, tế nhị  + Sử dụng ngôn ngữ: giàu hình tượng, cách hiệp vần “eo” gợi sự vắng vẻ, tĩnh lặng đồng thời gợi cảm giác êm ả nhẹ nhàng nơi làng quê.  GV hướng dẫn HS luyện tập bài 1.  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  HS nêu ví dụ:  +Thơ trữ tình: DC: Bài thơ “Tự tình” của Hồ Xuân Hương  +Thơ trữ tình: Vịnh khoa thi Hương – Trần Tế Xương  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Thơ**  ***1. Khái lược về thơ***  *a. Đặc trưng của thơ:*  - Nguồn gốc:  - Cốt lõi của thơ :  - Đặc điểm của ngôn ngữ thơ:  *b. Phân loại thơ:*  - Theo nội dung biểu hiện: thơ trữ tình, thơ tự sự, thơ trào phúng  - Theo cách tổ chức bài thơ: thơ cách luật, thơ tự do, thơ văn  -> Nhận xét: sự phân loại chỉ có tính chất tương đối, không nên quá rạch ròi, phân biệt sẽ gặp khó khăn khi đọc thơ; trong mọi thể loại trên lại có thể phân chia nhỏ hơn nữa, cụ thể hơn nữa  ***2. Yêu cầu về đọc thơ***  - Cần biết rõ xuất xứ:  - Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ …  - Từ câu thơ, lời thơ, ý thơ cái tôi của nhân vật trữ tình, ta đánh giá, lí giải bài thơ ở hai phương diện nội dung và nghệ thuật.  - Học thuộc lòng thơ.  ***3. Luyện tập***  Bài 1 trang 136: Vài nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ Thu điếu |
| **\* Thao tác 1 :**  - GV: cho học sinh phần II và nêu khái lược về truyện  HS trả lời khái niệm:  **\* Thao tác 2 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  -Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Truyện khác thơ, tự sự khác trữ tình ở những điểm nào? Nêu 1 vd tiêu biểu.  **Nhóm 2:** Người ta phân loại truyện ra sao?  **Nhóm 3:** Ngoài những yêu cầu như đọc thơ như tìm hiểu xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, tác giả…Đọc truyện cần đạt những yểu cầu riêng nào? Nêu và phân tích một ví dụ.  **Nhóm 4: Làm bài tập 2 trang 136**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS thảo luận nhóm và cử đại diện trình bày:  \* **Nhóm 1**  - Thường có cốt truyện: chuỗi sự việc, nhân vật, chi tiết được sắp xêp theo một cấu trúc nào đó.  - Nhân vật, tình huống truyện đóng vai trò kết nối các chi tiết , làm nên cốt truyện  - Dùng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau.  - Không bị hạn chế bởi không gian và thời gian.  Ví dụ: Truyện Chữ người tử tù  \* **Nhóm 2**  Truyện dân gian, ruyện trung đại, truyện hiện đại, truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa,….  \* **Nhóm 3**  - Tìm hiểu bối cảnh XH, hoàn cảnh sáng tác để có cơ sở cảm nhận các tầng lớp nội dung và ý nghĩa của truyện.  - Đọc kĩ truyện, nắm vững cốt truyện và có thể tóm tắt nội dung truyện.Phân tích diễn biến của cốt truyện thông qua kết cấu, bố cục, cách kể, ngôi kể.  - Phân tích nhân vật, phân tích tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống đối với việc khắc họa chủ đề của truyện. Khái quát chủ đề tư tưởng của truyện.  - Tìm hiểu và phân tích giá trị nghệ thuật của truyện. Đánh giá toàn bộ tp.  \* **Nhóm 4**  *a. Cốt truyện*: không có cốt truyện  *b. Nhân vật:* lần lượt xuất hiện theo thời gian  *c. Lời kể*: tâm tình, thủ thỉ như lời tâm sự  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **III. Truyện**  ***1. Khái lược về truyện***  *a. Khái niệm*  - Là phương thức phản ánh hiện thực đời sống qua câu chuyện, sự việc, sự kiện bởi người kể chuyện một cách khách quan, đem lại một ý nghĩa tư tưởng nào đó.  *b. Đặc trưng của truyện*  - Thường có cốt truyện:  - Nhân vật, tình huống truyện  - Dùng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau.  - Không bị hạn chế bởi không gian và thời gian.  *c. Phân loại truyện*  - Rất phong phú và đa dạng, dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau, có cách phân loại khác nhau: truyện dân gian, ruyện trung đại, truyện hiện đại, truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa,….  ***2. Yêu cầu đọc truyện***  - Tìm hiểu bối cảnh XH, hoàn cảnh sáng tác …  - Đọc kĩ truyện, nắm vững cốt truyện …  - Phân tích nhân vật, phân tích tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống đối với việc khắc họa chủ đề của truyện. Khái quát chủ đề tư tưởng của truyện.  - Tìm hiểu và phân tích giá trị nghệ thuật của truyện. Đánh giá toàn bộ tp.  ***3. Luyện tập***  *\* Bài tập 2* |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  ***Câu hỏi 1:*** Ý nào nói không đúng đặc điểm của thể hát nói?  a. Có sự chuyển hóa linh hoạt giữa các câu thơ dài ngắn khác nhau trong bài.  b. Số câu trong bài không cố định,dao động từ 7 câu đến 23 câu.  c. Gồm cả nhạc, cả thơ và lời nói. d. Dùng hình thức biền văn, câu văn 4 chữ,6 chữ, 8 chữ sóng đôi với nhau.    ***Câu hỏi 2:*** Thể hát nói phù hợp với việc diễn tả tâm trạng của các nghệ sĩ nào?  a. Tài hoa ,tài tử. b. Khuôn mẫu, mực thước. c. Thâm trầm, kín đáo. d. Bồng bột, nông nổi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='a' |

**🕮 4.VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Phân loại các bài thơ đã học trong chương trình Ngữ văn 11  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | - Theo nội dung biểu hiện: thơ trữ tình, thơ tự sự, thơ trào phúng  - Theo cách tổ chức bài thơ: thơ cách luật, thơ tự do, thơ văn |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Lập bảng hệ thống các bài thơ, các truyện đã học trong HKI phần Ngữ văn 11  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Thống kê đầy đủ.** |

*Ngày kí*

***Tiết 49 + 50***

***CHÍ PHÈO***

(Nam cao)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được những nét cơ bản về tiểu sử, quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính, tư tưởng chủ đạo và phong cách nghệ thuật của Nam Cao.

2/ Thông hiểu: Ảnh hưởng của quê hương, gia đình, hoàn cảnh xã hội làm nên tài năng Nam Cao

3/Vận dụng thấp:Tìm được những dẫn chứng để làm sáng tỏ qua điểm nghệ thuật của Nam Cao qua truyện ngắn của ông.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về tác giả, sự nghiệp sáng tác để lí giải những quan điểm sáng tác mới mẻ, sáng tạo của nhà văn;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về tác gia văn học

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi thuyết minh về một tác gia văn học;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về tác gia văn học

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi thuyết minh về một tác gia văn học;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo: HS xác định và hiểu được ý đồ nghệ thuật của nhà văn Nam Cao thông qua nội dung tác phẩm; định hướng được thái độ của mình trước hiện tượng xã hội đương thời; đọc văn bản dưới sự hướng dẫn của GV và trở thành người đồng sáng tạo với tác phẩm.

-Năng lực hợp tác: thể hiện qua thảo luận nhóm.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ được thể hiện trong tp: cái đẹp, cái xấu, cái bi, cái hài…từ đó cảm nhận được giá trị tư tưởng và cảm hứng nghệ thuật của nhà văn.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu một đạon Phim Làng Vũ Đại ngày ấy, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nam Cao và truyện Chí Phèo.*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức vào bài mới** | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Thao tác 1:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu tiểu sử và con người nhà văn Nam Cao  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc phần tiểu dẫn/SGK  **+ GV:** Em có nhận xét gì về cuộc đời Nam Cao? Có thể gọi Nam Cao là nhà văn chiế sĩ, nhà văn liệt sĩ được không?Vì sao?  **+ GV:** *Đặc điểm nổi bật về con người Nam Cao ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **+ HS:** đọc nhanh đọan viết trong SGK, tr 137 – 138, tự tóm tắt những ý chính.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  -Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri, quê làng Đại Hoàng, thuộc tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo. Nam Cao là người con duy nhất trong một gia đình đông con được ăn học tử tế .Học xong bậc thành chung (Cấp THCS), năm 1935 Nam Cao vào Sài Gòn và có ý định ra nước ngoài học tập.Sau khoảng hơn ba năm, do đau ốm, ông phải trở về quê. Từ đó NC phải sống một cách chật vật, làm đủ nghề: viết văn, làm báo, làm gia sư, viết quảng cáo…  -NC sớm giác ngộ CM: Tháng 4 năm 1943 NC tham, gia vào Hội văn hóa cứu quốc do Đảng cộng sản tổ chức và lãnh đạo.Kháng chiến toàn quốc bùng nổ tháng 12/1946 NC về làm công tác tuyên truyền ở tỉnh Hà Nam. Mùa thu 1947, NC lên Việt Bắc làm phóng viên, thư kí tòa soạn báo Cứu quốc. Năm 1950 tham gia chiến dịch Biên giới. Tháng 11/1951 trên đường đi công tác vào vùng địch hậu thuộc Liên khu 3, NC đã hi sinh khi tuổi đời còn quá trẻ, tài năng đang độ sung mãn và đầy hứa hẹn.  **+ HS:** trả lời  -Nam Cao là con người có bề ngoài lạnh lùng, ít nói nhưng có đời sống nội tâm phong phú. Ông luôn nghiêm khắc đấu tranh với bản thân để thoát khỏi lối sống tầm thường nhỏ hẹp, vươn tới một cuộc sống cao đẹp xứng đáng với danh hiệu con người. Nam Cao thường hổ thẹn về những gì mà ông cảm thấy tầm thường, thấp kém của mình  -Có tấm lòng đôn hậu, chan chứa tình thương, đặc biệt có sự gắn bó sâu nặng với quê hương và những người nông dân nghèo khổ, bị áp bức và khinh miệt trong XH cũ, vì thế không ít tác phẩm của Nam Cao viết về kiếp người lầm than là những thiên trữ tình đầy sự đồng cảm, xót thương. Ông hay suy nghĩ về nhiều vấn đề trong đời sống để rút những nhận xét có tầm triết lí sâu sắc và mới mẻ.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **PHẦN MỘT: TÁC GIẢ.**  **I. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ VÀ CON NGƯỜI.**  **1. Con người**  - Trần Hữu Tri ( 1917- 1951), quê Hà Nam => vùng chiêm trũng, nông dân xưa nghèo đói, bị ức hiếp, đục khoét.  - Sau khi học xong bậc thành chung, ông vào Sài Gòn làm báo, thất nghiệp, đi dạy học ở Hà Nội,về quê.  - 1943 tham gia Hội văn hóa cứu quốc, làm chủ tịch xã (1945), kháng chiến chống Pháp.Hy sinh 1951.  **2. Con người**  - Thường mang tâm trạng u uất, bất hòa với XHTDPK. Thừơng luôn tự đấu tranh nội tâm để hướng tới những điều tốt đẹp.  - Có tấm lòng đôn hậu, yêu thương con người, nhất là những người bé nhỏ, nghèo khổ; gắn bó sâu nặng với bà con ruột thịt ở quê hương. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Hướng dẫn HS thảo luận nhóm:**  ***Nhóm 1:****Trình bày quan điểm nghệ thuật của nhà văn Nam Cao ?*  GV : Sự nghiệp sáng tác VH của Nam Cao khởi đầu từ năm 1936 nhưng thực sự trở thành một bản lĩnh, một phong cách sáng tạo độc đáo từ truyện ngắn Chí Phèo (1941).  ***Nhóm 2:***-Những đề tài chính của NC trước và sau CM8 ?Tác phẩm , nội dung ?  ND:  +Phản ánh chân thật cuộc sống tăm tối, cực nhục của người nông dân sau lũy tre.Nhà văn thường quan tâm đến số phận khốn khổ của những con người thấp cổ bé họng, thường xuyên bị đè nén, áp bức nặng nề nhất.  ***Nhóm 3:***-Những đề tài chính của NC sau CM8 ?Tác phẩm , nội dung ?  ***Nhóm 4:*** Phong cách nghệ thuật của Nam Cao có gì độc đáo?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1** trình bày:  -Nhà thơ không chạy theo cái đẹp cái thơ mộng mà quay lưng với hiện thực để rồi viết ra những điều giả dối, phù phiếm. Mà trái lại phải nói lên những nỗi khổ đó của họ mà lên tiếng (Lên án VH lãng mạn thoát li cũng có nghĩa là Nam Cao lên án quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, khẳng định nghệ thuật vị nhân sinh. Nam Cao yêu cầu nghệ thuật phải gắn bó với đời sống của nhân dân lao động “Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than” nhà văn cần phải “đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời…” (Giăng sáng) )  -Văn chương chân chính là văn chương chương thấm đượm lí tưởng nhân đạo, vừa mang nỗi đâu nhân tình (Trong Đời thừa dẫu nuôi nhiều hoài bão về nghệ thuật, nhưng Hộ vẫn có thể hi sinh nghệ thuật cho cuộc sống, dù trong hoàn cảnh nào nhân vật này cũng không thể bỏ người vợ gầy yếu và những đứa con thơ dại của mình. Bài học có thể rút ra từ nhân vật Hộ là nhà văn muốn viết cho nhân đạo thì phải sống cho nhân đạo.)  -Nhà văn phải biết “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho, VC chỉ dung nạp …Khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa ai có” (Đời thừa).  -“Văn chương không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối…”  \* **Nhóm 2**  Trước CM 8/1945:Tập trung 2 đề tài chính:  *\*Đề tài người trí thức nghèo:*  TP: Trăng sáng, Sống mòn, Đời thừa  ND:  +Tình cảnh nghèo khổ, sống dở chết dở của những nhà văn nghèo, những ông giáo khổ trường tư …  +Phát hiện và miêu tả tấn bi kịch tinh thần của họ (Mâu thuẫn giữa khát vọng chân chính, ý thức sâu sắc về giá trị cuộc sống vànhân phẩm – Với hoàn cảnh XH, với gánh nặng cơm áo gạo tiền Để rồi họ phải sống “cuộc đời thừa”, “chết mòn về tinh thần”  +Qua đó nhà văn phê phán, lên án tố cáo XH phi nhân đạo đã cướp đi sự sống và tâm hồn của những tri thức  *\*Đề tài người nông dân nghèo:*  TP: Chí Phèo, Trẻ con không được ăn thịt chó, Mua danh, Tư cách mõ, Một bữa no, Lão Hạc, Lang Rận  ND:  +Quan tâm tới những kẻ bần cùng, thấp cổ bé họng, hiền lành bị lăng nhục, bị đối xử bất công, bị xô đẩy vào con ường lưu manh.  +Nhà văn phát hiện ở họ những khát vọng hướng thiện, những phẩm chất cao quý.  +Phê phán XH thối nát, bất công đã chà đạp lên quyền sống và quyền hạnh phúc của con người  ***Nhóm 3:***-Sau CM8/1945:  Nam Cao lao mình vào mọi công tác CM và kháng chiến . Ông tự nguyện làm cán bộ tuyên truyền, ý thức rèn luyện và cải tạo mình.  TP: Đôi mắt (1948)  Nhật kí ở rừng (1948)  Chuyện Biên Giới (1950)  \* **Nhóm 4**  + Đặc biệt quan tâm đến đời sống tinh thần của con người.  + Biệt tài phát hiện, miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật.  + Rất thành công trong ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm.  + Kết cấu truyện thường theo mạch tâm lí linh hoạt, nhất quán và chặt chẽ.  + Cốt truyện đơn giản, đời thường nhưng lại đặt ra vấn đề quan trọng sâu xa, có ý nghĩa triết lí về cuộc sống và con người xã hội.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC.**  **1. Quan điểm nghệ thuật**.  Ông trình bày quan điểm của mình qua những nhân vật. Có các điểm chính:  - *Văn chương phải vì con người*, phải trung thực, không nên viết những điều giả dối, phù phiếm.  - *Tác phẩm VH phải có ý nghĩa* XH rộng lớn sâu sắc, phải có nội dung nhân đạo sâu sắc.  - *Người viết văn* phải không ngừng sáng tạo, tìm tòi.  - *Nhà văn phải có vốn sống* phong phú thì mới viết được tp có giá trị.  **2. Các đề tài chính**.  ***a. Đề tài người trí thức.***  - Nội dung :miêu tả sâu sắc tấn bi kich tinh thần của những người trí thức nghèo trong XH cũ.Họ có hoài bão, lí tưởng, tài năng nhưng bị gánh nặng cơm áo và hoàn cảnh XH bóp nghẹt, trở thành những người thừa, sống mòn.  - Các tp tiêu biểu: *“ Trăng sáng”, “Đời thừa”, “Mua nhà” …*  **b. Đề tài người nông dân.**  - Nội dung chín**h**  **+** Một bức tranh chân thực về nông thôn VN nghèo đói, thê thảm những năm trước 1945.  + Nhà văn đặc biệt chú ý hai đối tượng : những người thấp cổ bé họng bị chà đạp nhẫn nhục và những người bị đẩy vào tình trạng bần cùng hóa bị tha hóa, lưu manh hóa.  + Nhà văn đi sâu miêu tả tâm lí để khẳng định bản chất lương thiên của họ.  - Các tp tiêu biểu: *“ Lão Hạc”,” Chí Phèo”, Dì Hảo”*  ***III. Sau cách mạng tháng Tám***, ông có các tp: “ *Nhật kí “Ở rừng”, truyện ngắn “ Đôi mắt”, kí sự “ Chuyện biên giới”.*  **3. Phong cách nghệ thuật.**  - Đặc biệt quan tâm đến đời sống tinh thần – con người bên trong của nhân vật.  - Có biệt tài phát hiện, miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật. Đặc biệt thành công trong việc phân tích những diễn biến tâm lí phức tạp,lưỡng tính.  - Lời văn đối thoại và độc thoại tinh tế, đặc sắc, đa thanh.Kết cấu tp linh hoạt mà nhất quán.  - Cốt truyện đơn giản đề tài gần gũi nhưng đặt ra những vấn đề sâu xa, có ý nghĩa nhân sinh hoặc triết học.  - Giọng điệu lời văn: buồn thương, chua chát dửng dưng, lạnh lùng mà thương cảm, đằm thắm. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  1/ Tác phẩm nào của Nam Cao trực tiếp cho thấy Nam Cao xem *lòng thương như một tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá nhân cách con người?*  a. Lão Hạc  b. Đời thừa  c. Giăng sáng  d. Sống mòn  2/ Ở Nam Cao, cũng như nhân vật trí thức nghèo trong sáng tác của ông, không thấy diễn ra cuộc đấu tranh giữa 2 mặt nào sau đây?  a. Nhân đạo, vị tha- tàn nhẫn, ích kỉ  b. Dũng cảm-Hèn nhát  c. Chân thực-Giả dối  d. Cái đẹp-cái thiện  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **1b,2d** |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Nêu những đóng góp riêng của Nam Cao khi viết về đề tài đời sống trí thức nghèo và đề tài đời sống nông dân nghèo? Chứng minh qua tác phẩm của ông: Đời thừa, Chí Phèo  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * Khi viết về đề tài đời sống trí thức nghèo: Nhà văn phản ánh chân thực, sinh động tình trạng mòn mỏi về tinh thần, bị huỷ hoại dần những phẩm chất tốt đẹp của người trí thức nghèo; * Khi viết đề tài đời sống nông dân nghèo: Tác giả thể hiện bi kịch bị tha hoá, bị từ chối quyền làm người. * Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong 2 truyện đề phân tích, chứng minh. |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+** Vẽ sơ đồ tư duy bài Nam Cao  + Tìm đọc các bài viết về nhà văn Nam Cao  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Ngày kí*

***Tiết 51*** *-Tiếng Việt*

***Phong cách ngôn ngữ báo chí(tiếp)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ báo chí; các đặc trưng cơ bản của PCNN báo chí, phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác;

2/ Thông hiểu:Bước đầu làm quen với một số loại văn bản báo chí ở mức đơn giản: tin ngắn, phỏng vấn, quảng cáo,…

3/Vận dụng thấp: Có kĩ năng lĩnh hội và phân tích văn bản thông dụng thuộc PCNN báo chí;

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết phong cách ngôn ngữ báo chí để tạo lập văn bản báo chí trong cuộc sống.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: một mẫu tin ngắn theo phong cách ngôn ngữ báo chí;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài báo, tin tức, tiểu phẩm với đề tài gần gũi thiết thực trong cuộc sống;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ báo chí;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức phong cách ngôn ngữ báo chí;

3/Hình thành nhân cách: trung thực, có lập trường vững vàng khi làm báo.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS biết viết báo với các thể loại: phóng sự, bản tin, tiểu phẩm.

-Năng lực sáng tạo:qua thực hành, HS biết đặt các câu hỏi khác nhau về một vấn đề, xác định và làm rõ thông tin…

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp:vận dụng những kiến thức tiếng Việt cũng như tri thức về bài học vào thực hành.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Kiểm tra bài cũ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới**: | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1.**  GV chuẩn xác kiến thức.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **- Nhóm 1.** Ngôn ngữ báo chí có đặc điểm gì về từ vựng?  **Nhóm 2:** Ngôn ngữ báo chí có đặc điểm gì về ngữ pháp   * **Nhóm 3:** Ngôn ngữ báo chí có đặc điểm gì khi sử dụng các biện pháp tu từ?   Trao đổi nhóm. Đại diện nhóm trình bày.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Nhóm 1 cử đại diện trình bày:**  - Phong phú và đa dạng. Mỗi thể loại báo chí thường có một mảng từ vựng chuyên dùng.  + Tin tức: Thường dùng các danh từ chỉ tên riêng, địa danh, thời gian, sự kiện...  + Phóng sự: Thường dùng các động từ, tính từ, miêu tả hoạt động, trạng thái, tính chất của sự vật, sự việc...  + Bình luận: Thường sử dụng các thuật ngữ chuyên môn, chính trị, kinh tế...  + Tiểu phẩm: Thường sử dụng các từ ngữ dân dã, hóm hỉnh, đa nghĩa...các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa để so sánh, đối chiếu...  **Nhóm 2 cử đại diện trình bày:**  - Câu văn ngắn gọn, súc tích, chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác của thông tin.  **Nhóm 3 cử đại diện trình bày:**  - Sử dụng các biện pháp tu từ linh hoạt và rất hiệu quả như so sánh,ẩn dụ, ngoa dụ, đảo ngữ…  **HS trao đổi cặp:**  Tính thông tin thời sự.  Tính ngắn gọn.  Tính sinh động, hấp dẫn.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS đọc mục 2 SGK.  Trao đổi cặp.  GV định hướng nội dung.  - Ngôn ngữ báo chí có mấy đặc trưng? Đó là những đặc trưng nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí.**  **1. Các phương tiện diễn đạt.**  a/ Về từ vựng.  b/ Về ngữ pháp.  c/ Về các biện pháp tu từ.  **2. Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí.**  a/ Tính thông tin thời sự.  - Luôn cung cấp thông tin mới nhất hàng ngày trên mọi lĩnh vực hoạt động xã hội.  - Các thông tin phải đảm bảo tính chính xác, và độ tin cậy.  b/ Tính ngắn gọn.  - Đặc trưng hàng đầu của ngôn ngữ báo chí. Ngắn gọn nhưng phải đảm bảo lương thông tin cao và có tính hàm súc.  c/ Tính sinh động, hấp dẫn.  - Thể hiện ở nội dung thông tin mới mẻ, cách diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu, và khả năng kích thích sự suy nghĩ tìm tòi của bạn đọc.  - Thể hiện ở cách đặt tiêu đề cho bài báo.  **3. Ghi nhớ.**  - SGK. |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Nhóm 1: Bài tập 1**  Chỉ 1 bản tin ngắn An Giang đón nhận danh hiệu di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia Ô Tà Sóc cũng thể hiện được đặc trưng của PCNN Báo chí  - Tính thời sự : thời gian, địa điểm, ý kiến (những vấn đềthông tinđảm bảo tính chính xác, cập nhật)  - Tính ngắn gọn : Mỗi câu là 1 thông tin cần thiết  **Nhóm 2: Bài tập 2**  Muốn viết được bài phóng sự báo chí trước hết cần xác định xem vấn đề gì? hiện tượng nào đang được dư luận quan tâm: VD vấn đề ATGT  - Tiếp theo là ghi chép về người thực việc thực có địa điểm, thời giancụ thể và tiến hành chọn lọc 1 số chi tiết tiêu biểu để miêu tả.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **Bài tập 1:** phân tích đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí.  - Bài tập : 2  -Bài tập 3 Về nhà  Em hãy viết bài phóng sự về môi trường sống ở địa phương em đang sinh sống  Gợi ý - Nêu hiện trạng  - Việc đã làm ở địa phương  - Biện pháp ở địa phương  - Liên hệ bản thân |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  1. Tin tức, phóng sự, bình luận và tiểu phẩm thuộc phong cách ngôn ngữ cụ thể nào? A. Phong cách ngôn ngữ văn chương B. Phong cách ngôn ngữ báo – công luận C. Phong cách ngôn ngữ gọt giũa D. Phong cách ngôn ngữ chính luận  2. Ngôn ngữ báo chí có được sử dụng những cách diễn đạt biểu cảm và những biện pháp tu từ hay không? A. Có B. Không  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **1B, 2A** |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Viết những tin vắn về hoạt động của lớp trong tháng 9 và tháng 10. Phân tích ngôn ngữ báo chí thể hiện qua văn bản  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * **Thông tin đưa ra phải chính xác, kịp thời, có chọn lựa;** * **Chỉ ra những từ ngữ, câu văn được dùng thể hiện phong cách ngôn ngữ báo chí.** |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Sưu tầm những tờ báo chính thống để tìm hiểu cách viết văn bản theo phong cách ngôn ngữ báo chí;  - Tập viết tin ngắn, tiểu phẩm theo phong cách ngôn ngữ báo chí.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | * **Tìm kiếm báo chí trên thư viện, báo mạng**   **- Viết văn bản theo phong cách ngôn ngữ báo chí;** |

Ngày kí

***Tiết 52+53****- Đọc văn*

***CHÍ PHÈO***

*( Nam Cao)*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được kiến thức về tác giả, khái quát tác phẩm, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của truyện ngắn.

2/ Thông hiểu: - Hiểu được sự cảm thông sâu sắc của Nam Cao đối với bi kịch bị tha hoá của Chí Phèo và sự trân trọng của nhà văn trước khát vọng hoàn lương của người nông dân.

3/Vận dụng thấp: Thấy được một vài nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Nam Cao.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội để lí giải nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về truyện ngắn của Nam Cao.

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

3/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn xuôi

4/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về truyện ngắn của Nam Cao.

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần nhân ái, cảm thông với cuộc đời người nôn dân, trân trọng với khát vọng của con người

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Nam Cao

- Năng lực đọc – hiểu truyện ngắn Chí Phèo.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả, tác phẩm;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công, hạn chế, những đóng góp nổi bật của nhà văn

- Năng lực phân tích, so sánh các đề tài trong sáng tác của Nam Cao

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  +Trình chiếu một đoạn phim Làng Vũ đại ngày ấy, tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nam Cao*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:** Mặc dù có những sáng tác đăng báo từ 1936 nhưng phải đến ***Chí* *Phèo*** Nam Cao mới thực sự nổi tiếng trên văn đàn. Trước Nam Cao đã có những nhà văn thành công khi viết về đề tài nông dân như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng và cũng có những tác phẩm hấp dẫn viết về đề tài lưu manh hóa như ***Bỉ vỏ***của Nguyên Hồng, đây thực sự là thử thách lớn với những cây bút đến sau, trong đó có Nam Cao. Bằng ý thức “*khơi những nguồn chưa ai khơi, sáng tạo những gì chưa có*” và bằng tài năng nghệ thật độc đáo của mình của mình, Nam Cao đã vượt qua thử thách và khiến cho Chí Phèo trở thành kiệt tác trong văn xuôi việt Nam hiện đại. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Thể loại?  - HS đọc phần tiểu dẫn trong SGK.  - GV cho HS hoạt động cá nhân và trình bày trước lớp.  + Nêu xuất xứ?  + Đề tài và ý nghĩa nhan đề?  *Theo em, tại sao tác giả không giữ tên tác phẩm là* *“Cái lò gạch cũ” hay* *“Đôi lứa xứng đôi*” *mà lại đổi thành* *“Chí Phèo”?*  \* GV diễn giảng về các tên gọi của TP.  - Đầu tiên tác phẩm được đặt tên là *Cái lò gạch cũ* → sự quẩn quanh bế tắc.  *-*  Lúc in nhà xuất bản tự ý đổi tên là *Đôi lứa xứng đôi.* →nhấn mạnh mối tình Chí Phèo- Thị Nở.  - Sau cách mạng tác phẩm được tái bản và được đổi tên một lần nữa *Chí Phèo.*→ nhấn mạnh nhân vật Chí Phèo.  GV yêu cầu HS tóm tắt tác phẩm Chí Phèo.  - GV nhận xét và chốt lại bằng bảng phụ.  + Chí Phèo được sinh ra trong hoàn cảnh nào?  + Chí lớn lên bằng cách nào?  + Năm 20 tuổi Chí làm gì? Ở đâu?  + Tại sao Chí vào tù? Sau khi ở tù ra Chí đã thay đổi như thế nào?  + Trong lúc say khước Chí gặp ai? Sau cuộc gặp ở đó Chí đã thay đổi ntn?  + Ai đã ngăn cản tình cảm của Chí và Thị Nở? Khi bị năn cản Chí làm gì?  + Tác phẩm có thể chia thành mầy phần? Nội dung chính từng phần?  + Em có nhận xét gì về ý cơ bản của mỗi đoạn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  Đề tài và nhan đề:  - Số phận người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám.  - Chí Phèo lúc đầu có tên là “Cái lò gạch cũ”, sau đó nhà xuất bản Đời Mới đổi lại thành “Đôi lứa xứng đôi” (1941), sau này tác giả tự sửa lại là “Chí Phèo”. Được in trong tập Luống Cày (1946).  Tóm tắt tác phẩm:  - Chí Phèo nguyên là một đứa con hoang bị bỏ rơi trong cái lò gạch cũ.  - Lớn lên như một cây cỏ dại, hết đi ở cho nhà người này đến đi ở cho nhà khác. Đến năm 20 tuổi Chí làm tá điền cho nhà Lí Kiến. Bị Lí Kiến ghen và hảm hại Chí phải vào tù. Khi ra tù, Chí trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, là tay sai đắc lực cho bá Kiến.  - Một đêm trăng, CP sai khước thì gặp TN. Được sự săn sóc tận tình của TN, CP khao khát muốn làm người lương thiện. Bị bà cô TN ngăn cản. CP rơi vào tuyệt vọng, uất ức Chí đến nhà bá Kiến đòi quyền làm người. CP đâm chết bá Kiến rồi tự sát.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | | Phần hai: TÁC PHẨM CHÍ PHÈO.  **I. Tìm hiểu chung:**  1. Thể loại: Truyện ngắn.  2. Xuất xứ:  - “Chí Phèo” do NC sáng tác 1941. In trong NC – Tác phẩm, tập I (1977)  3. Đề tài và nhan đề:  4. Tóm tắt tác phẩm:  5. Bố cục: 3 phần  - Phần 1: Từ đầu…không ai biết: Nhân vật Chí Phèo xuất hiện cùng với tiếng chửi.  - Phần 2: Tiếp theo… “mau lên”: Chí bị cướp mất tính người.  - Phần 3: Còn lại: Sự thức tỉnh về ý thức và bi kịch của cuộc đời Chí Phèo. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1:** *Nam Cao đã đưa vào tác phẩm những loại người nào để hình thành diện mạo của làng Vũ Đại?*  **Nhóm 2: E**m có nhận xét gì về làng Vũ Đại nói riêng và bổi cảnh xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám nói chung?  **Nhóm 3:** *Đọc và tìm những chi tiết miêu tả chân dung bá Kiến: Về ngoại hình, tính cách bản chất…? ( Chú ý cái cười, giọng nói…)*  **Nhóm 4:** *Nét điển hình trong tính cách của Bá là gì? Bá Kiến là con người như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  Đại diên nhóm trả lời:  \* **Nhóm 1**  -Loại có vai vế, có quyền lực trong làng: Bá Kiến, Đội Tảo, Tư Đạm, Bát Tùng  -Loại cùng đinh bị tha hóa: Chí Phèo, Binh Chức, Năm Thọ...  - Dân làng Vũ Đại: là “bọn dân hiền lành, chỉ è cổ làm nuôi bọn lí hào”.  \* **Nhóm 2**  Nơi đó không phải là môi trường thuận lợi cho nhân cách, cái thiện, cái tốt hình thành và phát triển. Trái lại, nó chỉ có thể bào mòn, thủ tiêu nhân cách con người.  \* **Nhóm 3**  - Bốn đời làm tổng lí “ Uy thế nghiêng trời”  - Giọng nói, cái cười mang tính điển hình cao: tiếng quát “rất sang”, “cái cười Tào Tháo”  - Thao túng mọi người bằng cách đối nhân xử thế và thủ đoạn *mềm nắn rắn buông.*  - *Khôn róc đời*, biết dìm người ta xuống sông, nhưng rồi lại biết dắt người ta lên để phải đền ơn. Biết đập bàn đòi lại 5 đồng nhưng rồi cũng biết trả lại 5 hào vì *thương anh túng quá.*  - Bá dựng lên quanh mình một thế lực vững trãi để cai trị và bóc lột, giẫm lên vai người khác một cách thật tinh vi.  \* **Nhóm 4**  - Bá có đủ thói xấu xa: Háo sắc, ghen tuông, sợ vợ, hám quyền lực. Lão làm tha hoá và làm tan nát bao nhiêu cuộc đời con người lương thiện.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | | **II. Đọc- hiểu:**  **1. Làng Vũ Đại - hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạnh tháng Tám.**  - Toàn bộ truyện Chí Phèo diễn ra ở làng Vũ Đại. Đây chính là không gian nghệ thuật của truyện.  - Làng này dân “không quá hai nghìn người, xa phủ, xa tỉnh” nằm trong thế “quần ngư tranh thực”  - Có tôn ti trật tự nghiêm ngặt  - Mâu thuẫn giai cấp gây gắt, âm thầm mà quyết liệt, không khí tối tăm , ngột ngạt.  - Đời sống của người nông dân vô cùng khổ cực bị đẩy vào đường cùng không lối thoát, bị tha hóa.  **2. Nhân vật Bá Kiến**  -Điển hình cho loại địa chủ cường hào ở nông thôn VN trước CM : xảo quyệt, gian hùng, thủ đoạn – Với tiếng cười Tào Tháo, mềm nắn rắn buông, dùng đầu bò trị đầu bò…  -Nhân cách ti tiện bỉ ổi, dâm đãng, ghen tuông và độc ác  => Bá Kiến tiêu biểu cho giai cấp thống trị: có quyền lực, gian hùng, nham hiểm. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản về nhân vật CHí Phèo**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1:** *Em có nhận xét gì về cuộc đời và tỉnh cách của Chỉ Phèo giai đoạn trước khỉ anh ta vào tù?*  **Nhóm 2:** *Nguyên nhân nào đẩy Chỉ Phèo vào con đường lưu manh, tội lỗi không lối thoát?Tại sao Chí Phèo lại thay đổi nhân hình và nhân tính? Tại sao Chí Phèo càng ngày càng lún sâu vào con đường lưu manh tội lỗi?Từ hai nguyên nhân trên, em hãy cho biết Nam Cao muốn đề cập đến nguyên nhân sâu xa nào?*  GV Định hướng trả lời: Cả hai nguyên nhân trên đều xuất phát từ mâu thuẫn giữa Chí Phèo và Bá Kiến- một thuộc loại cùng đinh bị tha hóa , một thuộc loại có vai vế, quyền lực trong làng. Điều này cho thấy Nam Cao đã chỉ ra nguyên nhân sâu xa biến Chí Phèo từ một nông dân lương thiện trở thành con quỷ dữ của làng Yũ Đại là mâu thuẫn giai cấp.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1:**  -Chí Phèo không cha, không mẹ, không họ hàng thân thích, được nhiều người cưu mang. Mặc dù vậy, lớn lên Chí Phèo vẫn ngay thẳng, chân thật, hiền từ. Sống bằng việc đi ở mướn cho hết nhà này đến nhà khác. 20 tuổi làm canh điền cho Bá Kiến, chính Bá Kiến cũng công nhận Chí Phèo “hiền như cục đất”.  -Chí Phèo là người có lòng tự trọng: Khi bị mụ vợ ba của Bá Kiến bắt làm những việc nhằm thoả mãn nhục dục của mụ, Chí cảm thấy xấu hổ và nhục nhã.  -Chí Phèo ước mơ có cuộc sống bình thường, lương thiện, với “một gia đình nho nhỏ... mua dăm ba sào ruộng làm”.  -Nhận xét chung: Chí Phèo hiền lành, lương thiện. Cuộc sống tối tăm nhưng vẫn không làm hắn đánh mất bản chất tốt đẹp của mình.  \* **Nhóm 2:**  Có hai nguyên nhân chính:  -Chí Phèo vô cớ bị Bá Kiến bỏ tù. Thời gian ở tù 7- 8 năm. Chí bị môi trường nhà tù nhào nặn thành con người khác hẳn: Dị dạng nhân hình, thay đổi hoàn toàn nhân tính và mất hết ý thức về phẩm giá.  -Sau hai lần đầu đến nhà Bá Kiến, Chí bị rơi vào cạm bẫy nham hiểm của hắn.  + Lần thứ nhất: Chí Phèo đến để trả thù nhưng thực chất là ăn vạ. Hắn bị Bá Kiến lừa phỉnh (ân cần ngọt ngào, sai người giết gà đãi Chí Phèo, tiễn Chí Phèo về sau khi đã biếu thêm đồng bạc để về uống thuốc). Chí Phèo tưởng mình thắng nhưng thực chất đã thua rất đau. Chính từ những đồng tiền đó, Chí Phèo bị biến thành quỷ dữ mà không hay.  + Lần thứ hai: Chí Phèo đến đòi đi tù nhưng thực chất là đòi đất, đòi nhà. Bá Kiến ranh ma đã đẩy Chí Phèo vào cuộc trao đổi: Đòi được tiền của Đội Tảo thì có nhà, có đất! Chí Phèo làm được điều đó nhưng trở thành công cụ đắc lực của Bá Kiến mà không hay biết.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 3:**Những gì diễn ra trong tâm hồn Chí sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở?  **Nhóm 4:** - Hình ảnh bát cháo hành có ý nghĩa như thế nào?  + Đối với Chí Phèo?  + Tình cảm của tác giả?  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1**  Chính Thị Nở và tình yêu của hai nguời đã thức tỉnh Chí Phèo, làm cho hắn khao khát cuộc đời lương thiện. Và diễn biến tâm lý của nhân vật này được Nam Cao miêu tả rất tinh tế:  Sau cái đêm uống rượu say và gặp Thị Nở, sáng hôm sau tỉnh dậy, nét độc ác hung hãn của Chí Phèo hoàn toàn biến mất, cái bản chất lương thiện của hắn đã trở về:  + Hắn cảm thấy buồn  + Lần đầu tiên hắn nghe nhịp sống của đời thường.  + Hắn nhớ lại những mơ ước xa xưa  + Hắn nhận ra và lo sợ tuổi già, sợ đói rét, ốm đau, và nhất là sợ cô độc.  **Nhóm 4:** Khi nhận được bát cháo hành từ tay Thị Nở, Chí Phèo thèm khát một cuộc đời lương thiện:  + Chí Phèo rất ngạc nhiên và mắt “hình như ươn ướt”  + Hắn nhớ lại cuộc đời đã qua và xót xa, đau đớn.  + Nhìn lại bát cháo hành, hắn rút ra một điều là hắn có thể kết bạn.  + Hắn kỳ vọng Thị Nở sẽ là cầu nối đưa hắn trở về với làng Vũ Đại .  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **\* Thao tác 3 :**  **Hướng dẫn HS đọc** văn bản phần bi kịch bị cự tuyệt của Chí Phèo  **Thao tác 4:** Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi nêu vấn đề:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  -Nguyên nhân nào Chí bị cự tuyệt?  - Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo sau khi bị Thị Nở từ chối? Vì sao Chí Phèo lại có hành động như vậy?  - Ý nghĩa hành động đâm chết Bá Kiến và tự xác của Chí Phèo?  -Hãy nêu ý nghĩa 3 câu nói của Chí phèo khi đứng trước Bá Kiến?  *+ Tao muốn làm người lương thiện!*  *+Ai cho tao lương thiện*?  + *Tao không thể là người lương thiện nữa.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  \* **HS trả lời cá nhân:**  -Thị Nở từ chối Chí Phèo là vì nghe theo lời bà cô. Và nguyên nhân bà cô không cho Thị lấy Chí Phèo chỉ bởi vì hắn là “cải thằng không cha”, là “kẻ chuyên rạch mặt ăn vạ”. Như vậy, chính cái định kiến khắt khe của làng Vũ Đại đã thiêu rụi niềm hy vọng cuối cùng và dồn đuổi Chí Phèo vào bước đường cùng.  - Diễn biến tâm lý của Chí Phèo khi bị Thị Nở từ chối:  +Không tin, cười và lắc lư cái đầu.  +Ngẩn người, ngẩn mặt, sửng sốt, níu Thị Nở lại.  +Uất ức, tuyệt vọng, uống rượu cho say nhưng càng uống càng tỉnh.  +Ôm mặt khóc rưng rức  +Cầm dao đi trả thù.  + Lúc cầm đao đi trả thù, đầu tiên Chí Phèo trỏ vào cô cháu Thị Nở, nhưng bước chân xệch xạc lại đưa hắn đến nhà Bá Kiến. Có lẽ, hắn lờ mờ nhận ra kẻ thù của hắn là Bá Kiến, kẻ đã bám riết, đeo đuổi, can thiệp vào đời hắn hàng chục năm và biến hắn thành một kẻ lưu manh, gây tội ác đến nỗi “không thể làm người lương thiện được nữa”.  + Tiếng kêu của Chí Phèo trước khi giết Bá Kiến và tự sát là tiếng kêu đau đớn của sự thức tỉnh, của khát vọng chân chính, đưa Chí Phèo về đến ngưỡng cửa cuộc đời.  + Chí Phèo giải thoát bằng cách trả thù và tự sát. Điều này không mang tính bi quan, bởi Nam Cao không phải là nhà văn Cách mạng mà là một nhà văn hiện thực. Cái chết của Chí Phèo mang yếu tố tiêu cực, nhưng đó chính là bản án tố cáo xã hội thực dân nửa phong kiến.  *+ Tao muốn làm người lương thiện!*Tiếng kêu tuyệt vọng của người cùng đường, đó cũng là lời cầu cứu của con người bị cự tuyệt quyền làm người.  *+Ai cho tao lương thiện*?Một sự thật phũ phàng và vô cùng đớn đau của một Con Người mà lại không được làm người.  *+ Tao không thể là người lương thiện nữa.*Lời xác nhận sự thật.  **\Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | | **3. Hình tượng nhân vật Chí.**  **a. Trước khi ở tù.**  - Hoàn cảnh xuất thân: không cha, không mẹ, không nhà, không cửa, không một tấc đất cắm dúi cũng không có, đi ở hết nhà này đến nhà khác. Cày thuê cuốc mướn để kiếm sống.  - Từng mơ ước: có một ngôi nhà nho nhỏ, chồn cày thuê cuốc mướn…→ Chí Phèo là một người lương thiện.  - Năm 20 tuổi: đi ở cho nhà cụ Bá Kiến. Bị bà ba Bá Kiến gọi lên dấm lưng, bóp chân…Chí cảm thấy nhục chứ yêu đương gì→ biết phân biệt tình yêu chân chính và thói dâm dục xấu xa. Là người có ý thức về nhân phẩm.  => Chí Phèo có đủ điều kiện để sống cuộc sống yên bình như bao người khác.  **b Sau khi ở tù.**  - Nguyên nhân: vì Bá Kiến ghen với vợ hắn.  - Chế độ nhà tù thực dân đã biến Chí trở thành lưu manh, có tính cách méo mó và quái dị. Chí trở thành *con quỉ dữ của làng Vũ Đại.*  - Hậu quả của những ngày ở tù:  + Hình dạng: biến đổi thành con quỷ dữ “*Cái đầu trọc lốc, hàm răng cạo trắng hớn, cái mặt thì câng câng đầy những vết sứt sẹo, hai con mắt gườm gườm..”*  → Chí Phèo đã đánh mất nhân hình.  + Nhân tính: du côn, du đãng, triền miên trong cơn say, đập đầu, chửi bới, phá phách và làm công cụ cho Bá Kiến.  → Chí Phèo đã đánh mất nhân tính.  => Chí đã bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính. Bị biến chất từ một người lương thiện thành con quỉ dữ. Chí điển hình cho hình ảnh người nông dân lao động bị đè nén đến cùng cực, và cũng là một nhân chứng tố cáo chế độ thực dân phong kiến đã cướp đi quyền làm người của Chí.  **c. Cuộc gặp gỡ giữa Chí Phèo và Thị Nở:**  - Tình yêu thương mộc mạc, chân thành của Thị Nở- người đàn bà xấu như ma chê quỷ hờn, lại dở hơi ấy đã đánh thức bản chất lương thiện của Chí Phèo.  - Chí Phèo đã thức tỉnh.  + Về nhận thức: Nhận biết được mọi âm thanh trong cuộc sống.  + Nhận ra bi kịch trong cuộc đời của mình và sợ cô đơn, cô độc đối với Chí Phèo “ cô độc còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau”.  + Về ý thức: Chí Phèo thèm lương thiện và muốn làm hòa với mọi người.  - Hình ảnh bát cháo hành là hình ảnh độc đáo, chân thật và giàu ý nghĩa:  + Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng Chí được ăn trong tình yêu thương và hạnh phúc.  *=>* Chí Phèo đã hoàn toàn thức tỉnh, Chí đang đứng trước tình huống có lối thoát là con đường trở về với cuộc sống của một con người. Cái nhìn đầy chiều sâu nhân đạo của nhà văn.  **d. Bi kịch bị cự tuyệt:**  - Nguyên nhân: do bà cô Thị Nở không cho Thị lấy Chí Phèo → định kiến của xã hội .  - Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo:  + Lúc đầu: Chí ngạc nhiên trước thái độ của Thị Nở  + Sau Chí hiểu ra mọi việc: ngẩn người, nắm lấy tay Thị Nở, bị Thị Nở xô ngã, Chí thấy hơi cháo hành, nhưng lại tuyệt vọng, Chí uống rượu và khóc “rưng rứt”, xách dao đên nhà Bá Kiến đâm chết Bá Kiến và tự sát.  - Ý nghĩa hành động đâm chết Bá Kiến và tự sát của Chí:  + Đâm chết Bá Kiến là hành động lấy máu rửa thù của người nông dân thức tỉnh về quyền sống.  + Cái chết của Chí Phèo là cái chết của con người trong bi kịch đau đớn trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống làm người. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Nêu những nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm?  GV yêu cầu HS so sánh bi kịch của Chỉ Phèo và bi kịch của Chị Dậu ở “Tẳt đèn”- Ngô Tất Tổ) để làm rõ tỉnh điển hình tha hóa ở nhân vật Chí Phèo.  -Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao?  -Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng kết cấu truyện?  -Trình tự thời gian được tác giả sắp xếp như thể nào? Hình ảnh “cái lò gạch cũ bỏ hoang” xuất hiện ở đầu và kết thúc câu chuyên đã nói lên điều gì?  - Qua bài học, em hãy rút ra ý nghĩa của tác phẩm?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **HS trả lời:**  -Nam Cao sở trường về miêu tả tâm lí nhân vật; có khả năng đi sâu vào nội tâm diễn tả những diễn biến tâm lí phức tạp của nhân vật.  -Việc xáo trộn trình tự thời gian đã tạo nên sự phóng khoáng trong cách dựng truyện, đặc biệt là tạo nên sức hấp dẫn, gây sự chú ý và hứng thú theo dõi liên tục cho người đọc. Hình ảnh “cải lò gạch cũ bỏ hoang” xuất hiện ở đầu và kết thúc tác phẩm gọi là kết cấu vòng, giúp người đọc đào sâu thêm tầng nghĩa mà nhà văn muốn gửi gắm: Chừng nào còn tồn tại một xã hội kiểu làng Vũ Đại, còn kiểu người như Bá Kiến thì chừng ấy sẽ còn kiểu người như Chí Phèo.  -Ngôn ngữ truyện:tác giả đan xen lời nhân vật và lời người kể chuyện. Điều này giúp cho nhà văn dễ dàng lách sâu vào thế giới nội tâm phức tạp và tinh tế của nhân vật.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.Qua truyện ngắn, Nam Cao muốn khái quát lên 1 hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng  - Một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hoá, lưu mạnh hoá.  - Kết án đanh thép tàn bạo xã hội, đồng thời phát hiện và ca ngợi bản chất lương thiện của họ  => Tác phẩm có giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc | **2. Nghệ thuật:**  - Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo.  - Ngôn ngữ giản dị, diễn đạt độc đáo.  - Kết cấu truyện mới mẻ, tưởng như tự do nhưng lại rất chặt chẽ, lôgic.  - Cốt truyện và các tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính.  **3. Ý nghĩa văn bản:**“ Chí Phèo” tố cáo mạnh mẽ xã hội thuộc địa phong kiến tàn bạo đã cướp đi nhân hình lẫn nhân tính của người nông dan lương thiện đồng thời nhà văn phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi học đã biến thành quỷ dữ.  **III. Tổng kết:** | |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi 1:** Trong truyện, [***Chí Phèo***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\31-%20Tr%20Chi%20Pheo.htm) nhiều lần được thừa nhận là người có bản tính hiền lành, lương thiện. riêng câu “*lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền*” là lời của ai nhận xét về Chí Phèo?  a. Lời Lí Kiến. b. Lời bà Ba. c. Lời người kể chuyện. d.Lời thị Nở.    **Câu hỏi 2:** Dòng nào dưới đây điền vào sau *bởi vì* để có một cắt nghĩa đúng nhất?  Trong truyện ngắn Chí Phèo, Năm Thọ, Binh Chúc , Chí Phèo,…đều là nạn nhân của Bá Kiến và xã hội làng Vũ Đại, nhưng chỉ có Chí Phèo mới thật sự là một tính cách bi kịch. Bởi vì:  a. Chí Phèo là nhân vật chịu nhiều thiệt thòi, khốn khổ nhất . b. Chí Phèo là người tự ý thức được tình cảnh, số phận bi đát của mình. c. Chí Phèo là kẻ bị từ chối quyền làm người phũ phàng nhất. d. Chí Phèo là người có số phận kết cuộc bi thảm nhất.    **Câu hỏi 3:**  Nhân vật Chí Phèo một mặt tự đắc xem mình là “*anh hùng*” làng Vũ Đại, mặt khác lại thấy mình “*chỉ mạnh vì liều*”. Đó là hai mặt của 1 quá trình phát triển tính cách, tâm lí nhân vật.  Dòng nào sau đây **không** đúng về bản chất của quá trình đó?  a. Từ tự tôn đến tự ti. b. Từ ảo tưởng, hão huyền đến tự ý thức. c. Từ mê muội đến tỉnh táo. d. Từ sự tha hóa về lại với chính mình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='c'  [2]='b'  [3]='a' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Đọc đoạn văn sau:**  Hắn vừa đi vừa chửi………..Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết…  1.Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính?  2.Tác giả đã sử dụng những kiểu câu nào?  3.Trong văn bản trên, Chí Phèo đã chửi những ai? Tiếng chửi của Chí có ý nghĩa gì?  4.Nêu 2 thành phần nghĩa trong câu sau:…hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | 1. Phương thức tự sự  2.   Tác giả đã sử dụng rất nhiều kiểu câu khác nhau: Câu trần thuật (câu kể, câu miêu tả), câu hỏi (câu nghi vấn), câu cảm thán.  3.Chí Phèo chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn, chửi đứa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hắn. Tiếng chửi của Chí Phèo đã tạo ra một màn ra mắt độc đáo cho nhân vật, gợi sự chú ý đặc biệt của người đọc về nhân vật. Tiếng chửi ấy vừa gợi ra một con người tha hóa đến độ lại vừa hé lộ bi kịch lớn nhất trong cuộc đời nhân vật này. Chí dường như đã bị đẩy ra khỏi xã hội loài người. Không ai thèm quan tâm, không ai thèm ra điều. Chí khao khát được giao hòa với đồng loại, dù là bằng cách tồi tệ nhất là mong được ai đó chửi vào mặt mình, nhưng cũng không được.  4. Nghĩa sự việc: nói về hành động của Chí :hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo  Nghĩa tình thái: thể hiện thái độ của Nam Cao khi miêu tả nhân vật: bề ngoài thì dửng dưng lạnh lùng nhưng trong sâu thẳm là sự cảm thông thương xót. |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Tìm đọc toàn bộ truyện Chí Phèo  - Tìm đọc một số bài thơ viết về nhân vật Chí Phèo;  - Dựng kịch đoạn Chí Phèo đến nhà Bá Kiến lần cuối  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **-Đọc và so sánh với văn bản trong SGK**  **- Truy cập mạng để ghi lại các bài thơ ( như bài Trăng nở nụ cười)**  **- Lên kế hoạch và thực hiện sân khấu hoá.** |

***Tiết 55****-Tiếng Việt*

**Thực hành lựa chọn các bộ phận trong câu**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Ôn lại kiến thức về trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu đơn, câu ghép

2/ Thông hiểu: Tác dụng của trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu đơn, câu ghép

3/Vận dụng thấp: Nhận diện được trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu đơn, câu ghép

4/Vận dụng cao : Viết văn bản nghị luận có sử dụng trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu đơn, câu ghép

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài thực hành tiếng Việt

2/ Thông thạo: viết văn bản ngắn có sử dụng trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu đơn, câu ghép

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: viết câu đúng ngữ pháp

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt

3/Hình thành nhân cách: giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề thông qua làm các bài tập,

-Năng lực hợp tác qua việc thảo luận nhóm,

-Năng lực giao tiếp qua việc làm bài tập học hỏi được cách dùng TV chuẩn mực

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: *Em hãy đọc và ghi lại hai câu luận trong bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương. Các từ Lặn lội, Eo sèo xuất hiện ở vị trí nào trong câu thơ? Có khác với cách diễn đạt thông thường không?Vị trí đó tạo hiệu quả nghệ thuật như thế nào?*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Các từ được đặt ở đầu câu thơ, khác với cách diễn đạt thông thường, nhắm mục đích nhấn mạnh sự vất vả của người vợ.  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Qua 2 câu thơ của Tú Xương, chúng ta thấy trong tiếng Việt có hiện tượng đảo trật tự các bộ phận câu. Hôm nay chúng ta cùng thực hiện thực hành dạng bài này.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1.**  HS đọc mục I .  Trao đổi thảo luận nhóm.  Đại diện nhóm trình bày.  GV chuẩn xác kiến thức.  **- Nhóm 1: Bài tập 1**  **- Nhóm 2: Bài tập 2**  **- Nhóm 3: Bài tập 3.**  HS thảo luận và cử đại diện trình bày:  **- Nhóm 1: Bài tập 1**  a/ Có thể sắp xếp theo trật tự " *rất sắc, nhưng nhỏ*": câu không sai về ngữ pháp và ý nghĩa.  ( Đều là thành phần phụ cho danh từ *"con dao*") Nhưng đặt trong đoạn văn này thì không phù hợp với mục đích đe dọa, uy hiếp đối phương.  b/ Việc sắp xếp theo trật tự "*nhỏ, nhưng rất sắc*" có tác dụng xác định trọng tâm thông báo là "*rất sắc",* phù hợp với hàm ý đe dọa, uy hiếp.  c/ Trật tự các từ ngữ trong trường hợp này lại phù hợp: Nhằm mục đích chế nhạo, phủ định tác dụng của con dao.  **- Nhóm 2: Bài tập 2**  - Cách viết thứ nhất là phù hợp vì trọng tâm thông báo là "*rất thông minh".*  **- Nhóm 3: Bài tập 3.**  - Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu, hoặc cuối câu. Do đó, ta thấy các trạng ngữ trong 3 đoạn trích đặt ở 3 vị trí khác nhau là phù hợp với nội dung thông báo.  + Đoạn văn kể về sự kiện Mọi bị bắt nên trước tiên là nêu hoàn cảnh thời gian.  Câu tiếp theo phần “sáng hôm sau” cần đặt ở đầu câu để tiếp nối thời gian.  + Chủ thể hành động được nêu trước, phần biểu thị thời gian đặt ở giữa bởi sự kiện liên kết với các ý của câu trước đó đều tập trung vào việc: ai là cha đẻ của Chí Phèo.  + Phù hợp với nội dung thông tin cũ, thông tin đã biết | **I. Trật tự trong câu đơn.**  **1. Bài tập 1.**    **2.Bài tập 2.**  **3.Bài tập 3.**  🡪 Trong mỗi tình huống giao tiếp, mỗi ngữ cảnh, câu có một mục đích, một nhiệm vụ khác nhau. Người nói ( viết ) thực hiện những hành động nói khác nhau. Vì thế cần xác định trọng tâm thông báo của câu ở mỗi tình huống và trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu để phục vụ tốt cho mục đích giao tiếp. |
| **\* Thao tác 1 :**  HS đọc mục I .  Trao đổi thảo luận nhóm.  Đại diện nhóm trình bày.  GV chuẩn xác kiến thức.  **- Nhóm 1: Bài tập 1**  - Nhóm 2: Bài tập 2  - Nhóm 3: Từ việc làm các bài tập trên hãy rút ra kết luận:  - Tác dụng của việc sắp xếp các bộ phận trong câu?  - Trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu đơn, câu ghép?  \* **Nhóm 1**  **1.Bài tập 1.**  a/ Vế chính: *Hắn lại nao nao buồn.*  Vế phụ chỉ nguyên nhân đặt sau: *là vì mẩu chuyện ấy.....rất xa xôi.*  🡪 Liên kết dễ dàng với nội dung các câu đi sau.  b/ Vế chỉ sự nhượng bộ đặt sau để bổ sung thông tin.  \* **Nhóm 2**  - Chọn phương án C.  => Việc sắp xếp đúng các bộ phận trong câu không chỉ có tác dụng tu từ mà còn có tác dụng về các phương diện khác: thông báo thông tin cũ- mới; nhấn mạnh trọng tâm thông báo; đảm bảo sự liên lạc và liên kết giữa các ý trong câu.  \* **Nhóm 3**  Trật tự sắp xếp các bộ phận trong câu có nhiều tác dụng: thể hiện nội dung ý nghĩa, nhấn mạnh trọng tâm thông tin, tạo sự liên kết và mạch lạc về nội dung VB. Khi câu đứng ngoài VB, cùng một nội dung ý nghĩa, các bộ phận có thể đặt theo nhiều trật tự khác nhau, nhưng nằm trong VB thì chỉ có một trật tự tối ưu để thể hiện nhiệm vụ và mục đích thông tin, hoặc liên kết VB. Bài này chú ý đến hai tác dụng : nhấn mạnh trọng tâm thông tin và tạo sự liên kết, mạch lạc.  -Trong câu đơn, trật tự giữa các bộ phận (t/p) câu như t/p phụ, vị ngữ, trạng ngữ so với nhau trong những ngữ cảnh nhất định đều co tác dụng về ý nghĩa và liên kết VB. Còn trong câu ghép thì trật tự sắp xếp giữa các vế câu có nhiều tác dụng quan trọng. Ở câu ghép, trật tự giữa các vế câu liên quan đến việc dùng các phương tiện thể hiện quan hệ giữa các vế câu (quan hệ từ, phó từ,…)  - Nếu các bộ phận trong câu không được đặt đúng vị trí thích hợp thì mơ hồ về nghĩa hoặc vô nghĩa. | **II. Trật tự trong câu ghép.**  **1.Bài tập 1.**  a/ Vế chính:  Vế phụ chỉ nguyên nhân đặt sau🡪 Liên kết dễ dàng với nội dung các câu đi sau.  b/ Vế chỉ sự nhượng bộ đặt sau để bổ sung thông tin.  **2.Bài tập 2.**  **III. Kết luận:** |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:** *Phân tích cấu trúc ngữ pháp và hiệu quả cấu trúc ngữ pháp trong của 2 câu luận bài thơ Tự tình ( II)- Hồ Xuân Hương*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Ngữ động từ: Xiên ngang/ Đâm toạc được đưa lên đầu câu thơ. Đây là hình thức đảo trật tự bộ phận câu đơn;** * **Hiệu quả: nhấn mạnh sức sống của thiên nhiên cũng là vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Hồ Xuân Hương.** |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Xác định thành phần phụ và thành phần chính trong những câu sau:**  **1/** *Ngày xưa, trên bến sông quê, vào các buổi chiều mùa hè, chúng tôi thường tổ chức những cuộc thi vượt sông cực kì sôi động và thú vị.*  *2/Cuộc đời của anh, cho đến hôm nay, vẫn là một bài học về lòng nhân ái và đức hi sinh*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **Câu 1/**   * **Thành phần phụ ( trạng ngữ):** *Ngày xưa, trên bến sông quê, vào các buổi chiều mùa hè,*   ***- Thành phần chính: chủ ngữ: chúng tôi; vị ngữ:*** *thường tổ chức những cuộc thi vượt sông cực kì sôi động và thú vị.*  **Câu 2/**  **- Thành phần phụ ( trạng ngữ):** *cho đến hôm nay*  ***- Thành phần chính: chủ ngữ:*** *Cuộc đời của anh****; vị ngữ:*** *vẫn là một bài học về lòng nhân ái và đức hi sinh* |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - Tìm trong những bài thơ, truyện ngắn đã học( Ngữ văn 11( những dẫn chứng thể hiện trật tự các bộ phận trong câu đơn, câu ghép. Nêu hiệu quả nghệ thuật  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Chọn đúng dẫn chứng được yêu cầu** * **Nêu hiệu quả nghệ thuật.** |

***Tiết 55***

**Bản tin**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Mục đích, yêu cầu của viết bản tin.

2/ Thông hiểu: Cách viết một bản thông thường về những sự kiện diễn trong đời sống

3/Vận dụng thấp: Phân tích đặc điểm của một số bản tin

4/Vận dụng cao: Viết bản tin đơn giản, đúng quy cách về một sự việc, hiện tượng trong nhà trường hoặc xã hội.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bản tin phù hợp với mục đích yêu cầu

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt để viết bản tin

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu bản tin

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày bản tin

3/Hình thành nhân cách: có ý thức rèn luyện kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS tiếp nhận một kiểu loại văn bản mới và biết viết bản tin.

-Năng lực hợp tác: thông qua hoạt động nhóm, cặp.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: hs biết khai thác nguồn thơng tin mạng đẻ học hỏi được cách viết bản tin và khai thác các tin tức thời sự để thực hành viết bản tin.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| * GV giao nhiệm vụ: Hãy đọc văn bản sau:   *Theo Liên minh Bưu chính thế giới (UPU), bức thư của em Nguyễn Thị Thu Trang học sinh lớp 9B, Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Nam Sách, Hải Dương đã xuất sắc vượt qua hàng trăm bức thư của các thí sinh đến từ nhiều quốc gia trên thế giới để giành giải Nhất quốc tế cuộc thi Viết thư quốc tế UPU lần thứ 45.*  *Sau khi nhận được thông báo từ UPU, Bộ TT&TT sẽ chuẩn bị các thủ tục cần thiết để đưa em Nguyễn Thị Thu Trang sang Thổ Nhĩ Kỳ nhận giải thưởng trong khuôn khổ Đại hội Liên minh Bưu chính thế giới lần thứ 26 tại Istanbul vào đầu tháng 10/2016…(*[*http://viettimes.vn/hoc-sinh-viet-nam-gianh-giai-nhat-cuoc-thi-viet-thu-quoc-te-78670.html*](http://viettimes.vn/hoc-sinh-viet-nam-gianh-giai-nhat-cuoc-thi-viet-thu-quoc-te-78670.html)*)*  Văn bản trên có nội dung gì? Có mang tính thời sự không? Ý nghĩa?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn bản trên được gọi là bản tin vì đã thông báo ngắn gọn 2 tin nổi bật: Học sinh Việt Nam đoạt *giải Nhất quốc tế cuộc thi Viết thư quốc tế UPU lần thứ 45* và sẽ được đi nhận giải ở Thổ Nhĩ Kì vào tháng 10/2016. Vậy bản tin là gì? | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  Tìm hiểu mục đích yêu cầu cơ bản của bản tin  -GV gọi HS đọc VD phần I/SGK  - Nhóm 1 : Trả lời câu hỏi 1+2 SGK.  - Nhóm 2 : Trả lời câu hỏi 3+4 SGK.  **Nhóm 1 :** - Bản tin trên thông báo thông tin gì? Tin đó có ý nghĩa như thế nào đối với ngành giáo dục nói chung và học sinh VN nói riêng ?  -Vì sao tin trên lại có tính chất thời sự  **Nhóm 2 :** -Có cần đưa vào tin trên những chi tiết: đoàn về bằng phương tiện gì…?  -Việc đưa tin cụ thể, chính xác thời gian, địa điểm cuộc thi và kết quả đạt được của đội tuyển Toán VN có tác dụng gì? Vì sao?  **- Nhóm 3 :** Bản tin là gì ? có bao nhiêu loại ? Đó là những loại nào ?  **- Nhóm 4 :** Mục đích và yêu cầu cơ bản của bản tin là gì ?  Thảo luận nhóm.  Đại diện nhóm trình bày  **Nhóm 1 :**  -Bản tin thông báo kết quả kì thi  Ô limpic Toán quốc tế của đoàn học sinh Việt Nam. Kết quả dự thi (xếp thứ tư) khẳng định trình độ của học sinh VN, thành tựu của nền giáo dục nước ta trong việc bồi dưỡng nhân tài.  -Bản tin trên có tính thời sự, vì việc mới xảy ra vào ngày 16/7 và ngay sau 3 ngày (ngày 19/7) đã ược đưa tin  **Nhóm 2 :** - Các thông tin bổ sung trong trường hợp này là không cần thiết, thậm chí là thừa vì chúng vi phạm nguyên tắc ngắn gọn, súc tích của bản tin.  -Các sự kiện trong bản tin như thời gian, địa điểm, kết quả của cuộc thi đều được nêu một cách cụ thể, chính xác có tác dụng đảm bảo tính chính xác của báo chí nói chung, bản tin nói riêng, làm cho người đọc tin vào những tin tức được thông báo.  **- Nhóm 3 :**  \* Bản tin là một thể loại của văn bản báo chí nhằm thông tin một cách chân thực, kịp thời những sự kiện thời sự có ý nghĩ trong cuộc sông.  \* Phân loại.  - Tin vắn: Không có nhan đề, dung lượng ngắn  - Tin thường: Thông báo ngắn gọn nhưng đầy đủ một sự kiện-> chiến tỉ lệ cao nhất.  - Tin tường thuật: Phản ánh từ đầu đến cuối sự kiện một cách chi tiết, cụ thể.  - Tin tổng hợp: Thông tin tổng hợp nhiều sự kiện xung quanh một hiện tượng nào đó  **Nhóm 4 :**  - Mục đích :  + Nhằm thông tin một cách chân thực, kịp thời những sự kiện thời sự có ý nghĩa trong đời sống.  - Yêu cầu:  + Đảm bảo tính thời sự.  + Tin phải có ý nghĩa xã hội.  + Nội dung tin phải chân thực, chính xác. | I.**MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA BẢN TIN:**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu :**  *\*VD 1/SGK:*  **2. Khái niệm, phân loại :**  \* Bản tin :  \* Phân loại.  - Tin vắn:  - Tin thường:  - Tin tường thuật:  - Tin tổng hợp:  **3. Mục đích, yêu cầu:**  - Mục đích :  - Yêu cầu: |
| **\* Thao tác 1 :**  HS đọc mục II. Trao đổi cặp.  GV chuẩn xác kiến thức.  - Cần khai thác và lựa chọn tin như thế nào ?  - Tiêu đề bản tin có quan hệ như thế nào với nội dung ?  - Em có nhận xét gì về phần mở đầu của 3 bản tin trong SGK ?  - Phần triển khai chi tiết có quan hệ với phần mở đầu như thế nào ?  \* Thao tác 2.  HS đọc ghi nhớ SGK.  \* Thao tác 3.  GV hướng dẫn HS luyện tập BT SGK theo nhóm. Các nhóm chọn đề tài và viết bản tin ngắn.  GV gọi HS chữa bài tập. Cho điểm.  \* 1 HS trả lời cá nhân  - Trước khi viết cần khai thác, lựa chọn sự kiện có ý nghĩa cụ thể, chính xác.  ***Đặt tiêu đề .***  - Đảm bảo tính khái quát nội dung của bản tin.  - Có thể chọn cách diễn đạt đặc biệt gây hứng thú, sự tò mò cho người đọc.( Dạng câu hỏi, cách chơi chữ, có thể là một câu, một từ...)  ***Cách mở đầu bản tin.***  - Thông báo khái quát về sự kiện và kết quả.  ***Cách triển khai chi tiết bản tin.***  - Cụ thể, chi tiết các sự kiện, giải thích nguyên nhân, kết quả tường thuật chi tiết các sự kiện.  **HS chữa bài tập**  **Bài tập 1:** Lựa chọn các sự kiện có thể viết bản tin  *Gợi ý:*  A,B, D, E  **Bài tập 2**  Giống: Cùng có chức năng cung cấp tin tức  Khác: Bản tin chỉ thông báo tin tức  Quảng cáo vừa thông tin vừa chào mời  Phóng sự điều tra có độ lớn dài hơn bản tin...  **Bài tập 3**  Cần phân biệt giữa bản tin và tin vắn  VD Bản tin Đội tuyển Ô-Lim-pích toán VN xếp thứ 4 toàn đoàn  Tin vắn: Đội tuyển VN xếp thứ 4 toàn đoàn trong cuộc thi Ô-Lim-pích toán quốc tế lần thứ 45 tại thủ đô A-ten, Hi Lạp từ ngày 14 đến 16 tháng 7. | **II. Cách viết bản tin :**  **1. Khai thác và lựa chọn tin.**  **2. Viết bản tin.**  ***a/ Đặt tiêu đề .***  ***b/ Cách mở đầu bản tin.***  ***c/ Cách triển khai chi tiết bản tin.***  **III. Ghi nhớ :** SGK |

***Tiết 56 +57 + 58****- Đọc thêm 3 bài*

***Cha con nghĩa nặng ( Trích)***

*- Hồ Biểu Chánh-*

***“Vi hành”***

*( Trích “Những bức thư­ gửi cô em họ” do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam)*

*- Nguyễn Ái Quốc-*

***Tinh thần thể dục***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được kiến thức về tác giả, khái quát tác phẩm, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của các truyện ngắn;

2/ Thông hiểu: Hiểu được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của các truyện ngắn;

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn về một vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm;

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra đời để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về tác phẩm văn xuôi

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về tác phẩm văn xuôi

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn xuôi

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác phẩm văn xuôi

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu gia đình

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS lý giải được các hiện tượng đời sống thông qua từng văn bản.

-Năng lực sáng tạo: học sinh xác định các tình huống và ý tưởng của nhà văn thông qua văn bản, qua hướng dẫn đọc thêm giáo viên giúp học sinh suy nghĩ sáng tạo, đọc sáng tạo các tác phẩm.

-Năng lực hợp tác: Học sinh có thể thảo luận với nhau ở những câu hỏi khó

-Năng lực thưởng thức văn học: HS cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi văn bản.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| * GV giao nhiệm vụ:   +Trình chiếu tranh ảnh của 3 tác giả, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán 3 tác giả  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Chúng ta đã tìm hiểu tác phẩm văn xuôi của những tác giả nổi tiếng trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945. Nay chúng ta sẽ tiếp tục đọc thêm những tác phẩm của các tác giả* Nguyễn Ái Quốc- Hồ Biểu Chánh-Nguyễn Công Hoan. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  HS đọc phần tiểu dẫn SGK  Tóm tắt ý chính  GV phát vấn HS trả lời  \***Thao tác 2**  HS đọc  Nêu bố cục  Gv phát vấn HS trả lời  **Thao tác 3**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản  HS chia 3 nhóm  +Nhóm1: Nêu tâm trạng người cha sau 11 năm trở về quê hương?  **+Nhóm 2:** Tâm trạng của người con khi nghe được cuộc đối thoại giưa cha và ông ngoại?  **+Nhóm 3**: Qua cuộc đối thoại giữa hai cha con Tí, tác phẩm ca ngợi điều gì?  HS trao đổi thảo luận trả lời câu hỏi sau đó cử người trình bày trước lớp  GV chốt lại  Nêu đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?  Qua bài học,em hãy nêu ý nghĩa câu truyện?  HS cử đại diện trình bày  **+Nhóm1:**  - Tình cha với con: Trần Văn Sửu là người cha bất hạnh nặng tình với các con.Suốt trong những năm lủi trốn xa Sửu không khi nào nguôi nỗi nhớ nhà, nhớ các con, lo cho  các con.Không quản hiểm nguy lẻn về thăm con nhưng sợ làm khó và ảnh hưởng đến các con nên lại bấm bụng ra đi, định nhảy xuống sông tự tử..  **+Nhóm 2:**  - Tình con đối với cha:Ngầm theo dõi câu chuyện của ông ngoại với cha, hiểu và càng thương cha.Khi thấy cha bỏ chạy ra sức đuổi theo mong gặp cha.Ôm chầm lấy cha trò chuyện ân cần, quyết bỏ nhà theo cha để làm lụng nuôi cha.Trần Văn Tí quả là đứa con hiếu nghĩa, đáng thương, đáng trọng.  **+Nhóm 3**  Ca ngợi tình nghĩa cha con sâu nặng  **HS trả lời cá nhân:**  Nghệ thuật:  - Tạo tình huống phức tạp căng thẳng, mâu thuẫn được đẩy lên qua lời thoại.  - Ngôn ngữ giàu sắc thái Nam Bộ, sử dụng nhiều từ ngữ và cách nói địa phương  **Ý nghĩa văn bản:**  Vẻ đẹp lòng hiếu thảo và tinh thương con là bài học của muôn đời. | **A. Truyện : Cha con nghĩa nặng(Hồ Biểu Chánh)**  **I. Tìm hiểu chung:.**  Tìm hiểu vài nét về tác giả.  **II. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Đọc.**    **2. Nội dung:**  a/ Tâm trạng người cha:  ngườicha rất vui khi được biết con mình đã được cưu mang, sắp thành gia thất. Trần Sửu nghĩ bây giờ chết cũng yên tâm, không còn băn khoăn gì nữa.  b/ Tâm trạng người con:  thằng Tí ngỡ cha nó chết rồi. Sự xuất hiện của cha là một bất ngờ với nó. Nghe được câu chuyện giưa cha và ông ngoại, thằng Tí càng thương và quý cha nó hơn.  c/ Cuộc đối thoại giữa hai cha con:  + Sửu vì thương con mà muốn tự tử, Tý vì chữ hiếu mà quyết định chạy theo cha, từ bỏ hạnh phúc riêng của mình: Chữ hiếu thắng.  🡪Ca ngợi tình nghĩa cha con sâu nặng  **3. Nghệ thuật**  **4. Ý nghĩa văn bản:**Vẻ đẹp lòng hiếu thảo và tinh thương con là bài học của muôn đời. |
| **\* Thao tác 1 :**  HS đọc phần tiểu dẫn SGK  Em hãy nêu cho biết hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn “Vi hành”  - Viết truyện ngắn này Nguyễn ái Quốc nhằm mục đích gì?  GV phát vấn HS trả lời  **\* Thao tác 2 :**  Nêu mâu thuẫn trào phúng cơ bản của truyện ngắn “Vi hành”?  HS trao đổi thảo luận trả lời câu hỏi, cử người trình bày trước lớp.  **HS trả lời cá nhân**:  **Mâu thuẫn trào phúng cơ bản của truyện**.  Mâu thuẫn (MT) giữa bản chất bên trong và hình thức bên ngoài; giữa vị thế bù nhìn và thói ăn chơi với sứ mệnh của một vị vua; giữa mục đích và việc làm của td Pháp đối với nhân dân Pháp khi dùng Khải Định sang thăm Pháp.  **Tình huống truyện độc đáo.**  - Nhầm lẫn những người da vàng với Khải Định của cập tình nhân trẻ; nhầm lẫn của giới chức an ninh và mật thám Pháp.  - Tình huống này làm tăng tính khách quan, hấp dẫn ; tăng tính trào phúng và đả kích, tăng sức tố cáo trong việc thể hiện chủ đề và khắc họa chân dung vua Khải Định.  **Hình tượng vua Khải Định.**  - Được xây dựng bằng bút pháp trào phúng, châm biếm, đả kích .  - Hiện ra một cách khách quan trong cái nhìn, cảm nhận, đánh giá của người Pháp.  - Lố lăng , cổ hủ, vua như hề, ham ăn chơi, làm bù nhìn mất thể diện quốc gia.  GV chốt lại  **\* Thao tác 3 :**  Nêu tình huống độc đáo của thiên truyện  HS làm việc cá nhân, trình bày trước lớp  **\* Thao tác 4 :**  Phân tích hình tượng nhân vật Khải Định  GV chốt lại  **\* Thao tác 5 :**  Nêu nét nghệ thuật đặc sắc  GV phát vấn HS trả lời  - Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của truyện ngắn “ Vi Hành”?  **Ý nghĩa văn bản:**  Vi hành là truyện ngắn tiêu biểu cho bút pháp văn xuôi hiện đại của Nguyễn Ái Quốc, thể hiện tài châm biếm sâu sắc của tác giả về hoàng đế An Nam và triều đình nhà Nguyễn. Qua đó, thể hiện thá độ cảu người dân và chính phủ “bảo hộ” đối với Việt Nam và vị hoàng đế này. | **B. Truyện : Vi hành(Nguyễn Ái Quốc)**  **I. Tìm hiểu chung:**  - Hoàn cảnh sáng tác  **II. Đọc – hiểu:**  **1. Đọc**: Châm biếm, bông đùa, mỉa mai  **2. Nội dung và nghệ thuật:**  **a. Nội dung:**  - Bản chất bù nhìn của Khải Định: với người Pháp, Khải Định chỉ là thứ đồ chơi hiếm hoi qua việc miêu tả chân dung Khải Định:  + Mặt mũi: Vô duyên  + Trang phục: lố lăng  + Điệu bộ cử chỉ: Lấm lét, lúng túng  + Hành động: Lén lút vi hành  🡪 Không trực tiếp xuất hiện, chân dung Khải Định hiện lên một cách đầy đủ trong mọi trường hợp: một thằng hề mua vui, một con rối, một công cụ rẻ tiền dưới sự điều khiển của thực dân Pháp.  🡪Sự đánh giá khách quan nhất của người dân Pháp. Hắn dần dần bị hạ thấp: Từ một ông vua – thằng hề – một con rối – và cuối cùng là một đứa con nít.  - Thái độ thù địch của chính phủ Pháp đối với người Việt Nam.  Chính phủ Pháp nhìn bất cứ người An Nam nào cũng đề cho là một vị hoàng đế. Thậm chí chính phủ còn cho người theo dõi “ bám sát đế giày tôi”.  **b. Đặc sắc nghệ thuật.**  - Tạo tình huống đặc sắc.  - Cách kể chuyện hóm hỉnh, kết hợp giữa kể, tả, viết thư  **3. Ý nghĩa văn bản:** |
| **\* Thao tác 1 :**  HS đọc phần tiểu dẫn SGK  Tóm tắt ý chính  GV phát vấn HS trả lời  **\* Thao tác 2 :**  HS đọc  Nêu bố cục  Gv phát vấn HS trả lời  **\* Thao tác 3 :**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản  HS chia 3 nhóm  +Nhóm 1: Chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản của truyện?  **+Nhóm 2 :** Nghệ thuật dựng truyện của tác giả có gì độc đáo?  **+Nhóm 3:** Hãy nêu ý nghĩa phê phán của truyện?  HS trao đổi thảo luận trả lời câu hỏi sau đó cử người trình bày trước lớp  GV chốt lại  **+Nhóm 1:**  **Mâu thuẫn trào phúng cơ bản ở đây** là ở nội dung mệnh lệnh bắt buộc gắt gao dân làng Ngũ Vọng phải đi xem đá bóng và sự sợ hãi, lẩn trốn của dân làng.  **+Nhóm 2 :**  **Nghệ thuật dựng truyện độc đáo.**  - Năm cảnh như rời rạc nhưng lại liên kết với nhau chặt chẽ để làm rõ chủ đề: trào phúng tinh thần thể dục thời trước cách mạng.  + Cảnh 1: tờ trát về việc đi xem đá bóng với giọng hách dịch, cưng nhắc làm nguyên nhân cho các cảnh sau.  + Ba cảnh sau: những cách đối phó khác nhau của dân làng trước cái lệnh sắt đá của quan.  +Cảnh tróc nã dữ dội, cảnh đưa ngưới đi xem đá bóng mà như dẫn giải tù binh.  **+Nhóm 3:**  Tác giả phê phán sự giả dối, bịm bợm của phong trào thể dục thể thao thời Pháp thuộc, trong khi đời sống nhân dân còn vô cùng nghèo khổ, đói cơm rách áo thì mọi sự cổ động chỉ là trò bịp bợm.  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **C. Truyện: Tinh thần thể dục Nguyễn Công Hoan)**  **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Giới thiệu tác giả.**  SGK  **2. Giới thiệu tác phẩm.**  - Đăng báo Tiểu thuyết thứ bảy số 251 ngày 25-3-1939.  - Vạch trần tính chất bịm bợm của phong trào *thể dục thể thao* mà thực dân Pháp cổ động nhằm đánh lạc hướng thanh niên.  **II. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Đọc**  **2. Nội dung và nghệ thuật:**  a/ Nội dung:  - Trát của quan tri huyện sức hương lí xã Ngũ Vọng:  Nội dung tờ trát của quan huyện Lê Thăng: tầm quan trọng của cuộc giao đấu, mệnh lệnh nghiêm như quân lệnh, chỉ dẫn rõ ràng về số người tham gia, về cách ăn mặc, thời gian, thái độ..  - Sự hưởng ứng của nhân dân:  Đối với tinh thần thể dục của các quan chức là tình cảnh thảm hại những người nông dân bị bắt đi xem bóng đá: anh Mịch, bác Phô gái, bà cụ Phó Bính, thằng Cò…  + Lời xin của anh Mịch >< sự từ chối của lí trưởng  + Yêu cầu của bà phó Bính >< sự giải quyết của ông Lí.  + Cảnh tróc nã của tuần phiên >< sự sợ hãi của thằng Cò  + Kết quả tróc nã >< thái độ của ông Lí.  b. Nghệ thuật:  cách dựng cảnh, chọn tình huống, ngôn ngữ và đối thoại, tạo ra mâu thuẫn.  **3 .Ý nghĩa của truyện.**  Sự giả dối, bịm bợm của phong trào thể dục thể thao thời Pháp thuộc, trong khi đời sống nhân dân còn vô cùng nghèo khổ, đói cơm rách áo thì mọi sự cổ động chỉ là trò bịp bợm. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:** Khuynh hướng tư tưởng tiêu biểu, tập trung trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh là khuynh hướng nào?  a. Ca ngợi, khẳng định đạo đức truyền thống. b. Ca ngợi, khẳng định đạo đức của Phật gia. c. Ca ngợi, khẳng định đạo đức của Nho giáo. d.Ca ngợi, khẳng định đạo đức mới.    **Câu hỏi 2:** Đóng góp nổi bật của Hồ Biểu Chánh về nghệ thuật viết truyện hiện đại buổi sơ khai **không** thuộc phương diện nào sau đây?  a. Mở rộng đề tài. b. Dựng truyện. c. Miêu tả tính cách, sử dụng ngôn ngữ đời sống. d. Miêu tả tâm lí nhân vật.    **Câu hỏi 3:** Đoạn trích [***Cha con nghĩa nặng***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\32-%20Tr%20Cha%20con%20nghia%20nang.htm) trong **SGK** xoay quanh tình tiết nào?  a. Trần Văn Sửu chạy chốn, thằng Tí con trai anh đuổi theo và hai cha con gặp nhau. b.  Hương thị Tào khuyên răn Trần Văn Sửu và Sửu chạy trốn. c. Từ nơi xa, Trần Văn Sửu lẻn về nhà thăm con và gặp ngay bố vợ. d. Trần Văn Sửu ra sức chạy trốn, thằng Tí con trai anh ra sức đuổi theo.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ĐÁP ÁN  [1]='a'  [2]='d'  [3]='a' |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3:  *“Có lính huyện mang trát quan về làng………Lê Thăng”*  *(* Trích *Tinh thần thể dục*,  1/ Nội dung chính của văn bản trên là gì? Lời lẽ trong văn bản có gì lạ đời?  2/ Xác định phép điệp trong văn bản? Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó.  3/ Xác định phong cách ngôn ngữ sử dụng trong phiến “trát”? Tác giả tỏ thái độ gì qua cách dùng phong cách ngôn ngữ đó?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1/ Nội dung chính của văn bản trên là quan huyện thảo trát “sức” hương lí của xã bắt dân đi xem đá bóng. Lời lẽ trong văn bản rất lạ đời. Với dân thì nào là *phải thông báo cho dân làng biết*, nào là *phải thân dẫn đủ một trăm người*, nào là *đúng 12h trưa tới xem* trong khi phải 3,4h chiều trận bóng mới bắt đầu, lại *nữa ai có mặt tại sân vận động cũng phải ăn mặc tử tế, đi đứng nghiêm chỉnh, phải vỗ tay luôn luôn*… Với các thầy thì *không được coi thường* tuy đây là việc thể dục, *nếu không tuân lệnh sẽ bị cữu*, các thầy lại phải lo *năm lá cờ, sẵn sàng từ 10h sáng*.  2/ Phép điệp: từ “phải” tới 5 lần. Hiệu quả nghệ thuật: Tác giả nhấn mạnh cái phi lí, nực cười khi bắt buộc người dân phải có *tinh thần thể thao* trong tâm trạng bất an, lo sợ, trồn tránh. Đồng thời, nhà văn tạo được tình huống trào phúng qua mâu thuẫn giữa mục đích bề ngoài là tốt đẹp- thể thao đem lại sức khoẻ, niềm vui…với tính chất bịp bợm trong chính sách thể dục thể thao của chính quyền thực dân những năm đầu thế kỉ XX.  3/ Phong cách ngôn ngữ sử dụng trong phiến “trát”: phong cách ngôn ngữ hành chính: có nhiều từ ngữ, câu đúng là cũng rất trang nghiêm, đã xen kẽ nhiều từ ngữ, cách diễn đạt theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt tức là những khẩu ngữ đời thường khiến cho văn bản mang tính gây cười;  Tác giả tỏ thái độ mỉa mai, châm biếm, giễu cợt, lên án tính chất mị dân, bịp bợm của chế độ thực dân. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy 3 tác phẩm**  **+ Tìm đọc thêm các truyện nắn của 3 tác giả**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

***Tiết 59*** *- Tiếng Việt*

***Luyện tập viết bản tin***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Mục đích, yêu cầu của viết bản tin.

2/ Thông hiểu: Cách viết một bản thông thường về những sự kiện diễn trong đời sống

3/Vận dụng thấp: Phân tích đặc điểm của một số bản tin

4/Vận dụng cao: Viết bản tin đơn giản, đúng quy cách về một sự việc, hiện tượng trong nhà trường hoặc xã hội.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bản tin phù hợp với mục đích yêu cầu

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt để viết bản tin

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu bản tin

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày bản tin

3/Hình thành nhân cách: có ý thức rèn luyện kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS tiếp nhận một kiểu loại văn bản mới và biết viết bản tin.

-Năng lực hợp tác: thông qua hoạt động nhóm, cặp.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: hs biết khai thác nguồn thơng tin mạng đẻ học hỏi được cách viết bản tin và khai thác các tin tức thời sự để thực hành viết bản tin.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| * GV giao nhiệm vụ:   Kiểm tra bài cũ|: Bài bản tin  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS ôn tập lí thuyết bài Bản tin**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày. | * .   **I. Ôn tập lí thuyết :**  - Bản tin là gì ? Có mấy loại bản tin ?  - Cách viết một bản tin ? |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Bài tập 1  **Nhóm 2:** Bài tập 2  **Nhóm 3:** Bài tập 3  **Đại diện nhóm trình bày:**  **Nhóm 1:** Bài tập 1  - Về cấu trúc: bản tin có nhan đề, triển khai từ thông tin khái quát đến cụ thể chi tiết.Phần sau cụ thể hoá và giải thích cho phần trước  - Về dung lượng: Độ dài trung bình, thông tin về kết quả (đứng đầu khu vực về bình đẳng giới) và các sự kiện ( bình đẳng giới trong giáo dục, y tế, kinh tế, các hạn chế về bình đẳng giới)  - loại bản tin bình thường  **Nhóm 2:** Bài tập 2  - Nội dung chủ yếu của bản tin: Dự án phát triển và đưa cây dược liệu Việt Nam ra thị trường thế giới được lựa chọn vào danh sách 10 ứng cử viên đoạt giải thưởng “Môi trường và phát triển 2007”  - Cách thức nắm bắt thông tin nhanh:  + Căn cứ vào nhan đề của bản tin  + Căn cứ vào câu mang nội dung thông tin quan trọng nhất có liên quan đến sự kiện được nhắc đến trong nhan đề  **Nhóm 3:** Bài tập3  - Việc đưa thông tin số lượng các trường đại học đăng kí dự thi vào vị trí đó là không hợp lí vì trước và sau nó đều nói về thể thức cuộc thi  - Cách chữa: có thể đưa câu đó xuống cuối bản tin | **II. Bài tập :**  **1.Bài tập 1.**  a/ Cấu trúc:  - Câu đầu là mở đầu bản tin.  - Các câu tiếp theo là diễn biến của các sự kiện  - Câu cuối cùng là nhận xét đánh giá  b/ Dung lượng: Trung bình  c/ Loại:bản tin bình thường  **Bài tập 2.**  a/ Nội dung: Thông báo về việc Việt Nam lọt vào danh sách ứng cử viên "Môi trường và phát triển 2007".  Căn cứ vào nhan đề của bản tin.  b/ Muốn nắm bắt nhanh nội dung thông tin đó có thể chuyển thành tin vắn.  **3. Bài tập 3:**  1-2-5-6-4-3.  **4. Luyện tập viết bản tin.**  Tư liệu bao gồm:  + Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện.  + Diến biến nội dung sự kiện  + Kết quả sự kiện.  Đặt tên cho bản tin, viết phần mỏ đầu, phần triển khai cảu bản tin theo hướng dẫn trong bài. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1/ Bản tin là thể loại cơ bản của loại văn bản nào?  a. Văn bản văn học  b. Văn bản khoa học  c.Văn bản báo chí  d.Văn bản hành chính  2/ Chức năng chính của bản tin là gì?  a. Thông tin về một sự kiện mới xảy ra  b. Bình luận về một sự kiện mới xảy ra  c. Phân tích về một sự kiện mới xảy ra  d.Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sự kiện mới xảy ra  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **1c; 2a** |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Viết một bản tin ngắn về hoạt động của chi đoàn nhân dịp chào mừng ngày 20-11**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **Vận dụng lý thuyết bản tin đã học để viết cho phù hợp.** |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - Chọn lọc những bản tin trong những trang báo chính thống để tìm hiểu cách thức, nội dung bản tin  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **- Đọc sách báo ở Thư viện, truy cập báo điện tử.** |

***Tiết 60+61- 62***

***Đọc văn***

***Vĩnh biệt cửu trùng đài***

***( Trích “Vũ Như Tô” )***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được kiến thức về tác giả, khái quát tác phẩm, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của vở kịch

2/ Thông hiểu: Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong hồi V của vở kịch

3/Vận dụng thấp: Chỉ ra được thái độ ngưỡng mộ, trân trọng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tâm huyết và tài năng nhưng phải chịu số phận bi thảm.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra đời để lí giải nội dung,nghệ thuật của vở bi kịch

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về tác phẩm kịch

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một hình tượng nhân vật trong bi kịch lịch sử;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản kịch lịch sử;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác phẩm kịch;

c/Hình thành nhân cách: có khát vọng chân chính, biết trân trọng, ngưỡng mộ tài năng sáng tạo nghệ thuật.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: học sinh biết thưởng thức vẻ đẹp ngơn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: giáo viên gợi mở về những tình huống, xung đột trong tác phẩm cũng như dẫn dắt từ đời sống để học sinh giải quyết.

-Năng lực hợp tác; năng lực giao tiếp: được thể hiện qua hoạt động nhóm.

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Cho HS xem một đoạn trong vở kịch Vũ Như Tô do nhà hát kịch Việt Nam trình diễn. GV hỏi HS: Em có cảm nhận gì về vở kịch?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Nguyễn Huy Tưởng cùng thế hệ với Nam Cao, Tô Hoài nhưng có thiên hướng khai thác các đề tài lịch sử và rRất thành công trong hai thể loại kịch lịch sử và tiểu thuyết lịch sử như: Đêm hội Long Trì; An Tư; Lá cờ thêu sáu chữ vàng; Sống mãi với thủ đô...Vũ Như Tô là vở kịch đầu tay- bi kịch lịch sử có giá trị nhất của ông.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  -GV gọi HS đọc tiểu dẫn/SGK  *-Trình bày một vài nét cơ bản về tác giả và tác phẩm?*  ***Thao tác 2 :*** Đọc văn bản:  - GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó.  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  -Nguyễn Huy Tưởng là nhà văn có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử và có đóng góp nổi bật ở thể loại: tiểu thuyết và kịch. Bình sinh, Nguyễn Huy Tưởng luôn khao khát viết được những tác phẩm có quy lớn, dựng lên được những bức tranh, những hình tượng hoành tráng và lịch sử bi hùng của dân tộc, khao khát nói lên được những vấn đề có tầm triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống và nghệ thuật.  **- HS: đọc văn bản, nhận xét bạn đọc văn bản như thế nào.**  **HS Tóm tắt tình tiết trong đoạn trích :** biết tin có binh biến, bạo loạn nguy hiểm đến tính mạng Vũ Như Tô, Đan Thiềm hết lời khuyên và giục chàng đi trốn. Nhưng Vũ khăng khăng không nghe vì tự tin mình “quang minh chính đại”, “không làm gì nên tội” và hi vọng ở chủ tướng An Hầu. Tình hình càng lúc càng nguy kịch. Lê Tương Dực bị giết, hoàng hậu cung nữ của y cũng vạ lây. Đan Thiềm bị bắt... Kinh thành điên đảo.Khi quân khởi loạn đốt Cửu Trùng đài thành tro, Yũ Như Tô mới tỉnh ngộ. Chàng đau đớn vĩnh biệt Cửu trùng đài rồi bình thản ra pháp trường. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả.**  - Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960) là nhà văn có thiên hướng khai thác về đề tài lịch sử và có nhiều đóng góp về thể loại tiểu thuyết và kịch.  - Văn phong Nguyễn Huy Tưởng giản dị, đôn hậu mà thâm trầm sâu sắc.  **2. Tác phẩm kịch: *Vũ Như Tô***  - Vở kịch đầu tay - bi kịch lịch sử 5 hồi, viết về sự kiện xảy ra ở Thăng Long khoảng năm 1516-1517 dưới triều Lê Tương Dực  - Tóm tắt nội dung tác phẩm: SGK.  **3. Đoạn trích: "*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*".**  - Đoạn trích thuộc hồi V, hồi cuối cùng của tác phẩm. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  Giáo viên hỏi : “Loạn ” và “biến ”là 2 sự việc khủng khiếp xảy ra trong hồi V. Theo em nó xuất từ đâu? Liệu có cách giải quyết nào tốt đẹp mà không xảy ra “Loạn ” và “biến ” ?  Cuộc “Loạn ” và “biến” này gợi cho em liên tưởng đến điều gì?  Định hướng trả lời : tức nước vỡ bờ; dân nổi can qua.  **\* Thao tác 2 : Yêu cầu HS điền vào chỗ trống bảng biểu sau:**   |  |  | | --- | --- | | ***Nhân dân lao động*** | ***Bạo chúa và phe cánh*** | |  |  |   \* HS trình bày cá nhân:  Mâu thuẫn giữa lợi ích của bạo chúa với quyền sống của thường dân  Nguyên nhân : vua Lê Trương Dực ăn chơi hưởng lạc, ra sức bắt thuế tróc thơ để xây Cửu trùng đài >< dân đói khát điêu đứng vì mất mùa, bệnh dịch, tai nạn  Kết quả : dân nổi can qua, vua quan thất thế, hôn quân Lê Trương Dực bị Trịnh Duy Sản giết, Nguyễn Vũ tự sát trong trò hề ngu trung, hoàng hậu nhảy vào lửa, Kim Phụng và đám cung nữ bị bắt, nhục mạ.Cuộc nổi dậy này sẽ không mang lại điều gì tốt đẹp cho người dân bởi giang sơn sẽ dẫn đến cuộc nổi loạn.  **HS điền vào chỗ trống:**   |  |  | | --- | --- | | ***Nhân dân lao động*** | ***Bạo chúa và phe cánh*** | | - Lầm than, làm việc cật lực, bị ăn chặn  ->nghèo đói.  - Chết vì tai nạn, chết vì bị chém.  - Mất mùa-> nổi loạn | - Bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, sống xa hoa.  - Tăng sưu thuế, tróc nã, hành hạ người chống đối.  - Lôi kéo thợ làm phản.  🡪 Trịnh Duy Sản cầm đầu phe nổi loạn chống triều đình: Giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm, cung nữ, thiêu hủy Cửu Trùng Đài. | | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Những mâu thuẫn xung đột cơ bản của vở kịch.**  a. **Mâu thuẫn thứ nhất:**  - Mâu thuẫn giữa nhân dân lao động khốn khổ lầm than với bọn hôn quân bạo chúa và phe cánh của chúng sống xa hoa truỵ lạc. Mâu thuẫn này vốn có từ trước, đến khi Lê Tương Dực bắt Vũ Như Tô xây Cửu trùng đài thì nó biến thành xung đột căng thẳng, gay gắt. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu mâu thuận thứ hai**  Chỉ ra những mâu thuẫn cơ bản giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu với lợi ích trực tiếp của nhân dân?  \* HS trả lời cá nhân  - Người nghệ sĩ thiên tài không thể thi thố tài năng, đem lại cái đẹp cho cho đời, cho đất nước trong một chế độ thối nát, dân phải sống trong đói khổ lầm than.  - Muốn thực hiện lí tưởng nghệ thuật thì rơi vào tình thế đi ngược lại với lợi ích thiết thực của nhân dân. Nếu xuất phát từ lợi ích trực tiếp của nhân dân thì không thực hiện được lí tưởng nghệ thuật.  . | ***b.*Mâu thuẫn thứ hai :*Mâu thuẫn giữa quan niện nghệ thuật cao siêu, thuần túy muôn đời và lợi ích thiết thực của nhân dân***.  + Vũ Như Tô - Kiến trúc sư - nghệ sĩ: Tâm huyết, hoài bão, muốn đem lại cái đẹp cho muôn đời.  + Mượn uy quyền, tiền bạc của vua để thực hiện hoài bão lớn lao: 🡪 mục đích chân chính >< con đường thực hiện mục đích sai lầm.  🡪 Đẩy Vũ Như Tô vào tình trạng đối nghịch với nhân dân - kẻ thù của nhân dân- người thợ.  🡪 Bi kịch không lối thoát của nghệ sĩ thiên tài Vũ Như Tô. |
| **Thao tác 1: Tổ chức HS thảo luận nhóm**  **- Nhóm 1.** Vũ Như Tô là con người có tính cách như thế nào?  **- Nhóm 2**: Điều sai lầm của Vũ Như Tô ở chỗ nào?  **- Nhóm 3.** Vì sao Vũ Như Tô cương quyết không nghe lời Đan Thiềm chạy trốn?  **- Nhóm 4**. Lý do nào khiến Vũ Như Tô trở thành kẻ thù của nhân dân?  **Nhóm 1 trình bày:**  - Là một kiến trúc sư tài ba «  nghìn năm có một ».  - Nhân cách cao cả, hoài bão lớn lao, nghệ sĩ chân chính, gắn bó với nhân dân, không khuất phục trước uy quyền, kiên quyết không chịu nhận xây lâu đài cho vua Lê Trương Dực.  - Không hám lợi, chia hết vàng bạc vua thưởng cho thợ.  - Khát khao suốt đời là xây được một tòa lâu đài nguy nga tráng lệ, bền vững muôn đời, để dân ta nghìn thu hãnh diện.  🡪 Lí tưởng chân chính, cao đẹp nhưng cao siêu xa rời đời sống nhân dân lao động.  **- Nhóm 2**: Vũ Như Tô không nhận ra một thực tế: Cửu Trùng Đài xây bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân.  **- Nhóm 3.** - Ông nhất mực cho rằng mình không có tội mà chỉ có công. Luôn tin vào việc làm chính đại quang minh của mình, và hi vọng sẽ thuyết phục được An Hòa hầu.  **- Nhóm 4**. - Khát vọng, đam mê sáng tạo nghệ thuật của ông xuất phát từ thiên chức của nghệ sĩ chân chính, nhưng chưa đúng vì đặt nhầm chỗ, vì xa rời thực tiễn, vì lợi dụng giai cấp cầm quyền tàn bạo để thực hiện mục đích chân chính của mình.  🡪 Vô hình chung tự đưa ông sang hàng ngũ kẻ thù của nhân dân - ông thất bại - trả giá bằng chính sinh mạng của mình.  => Vũ Như Tô - nhân vật bi kịch lịch sử, mang khát vọng lớn, cao cả nhưng lầm lạc trong suy nghĩ và hành động. Chỉ thực sự bừng tỉnh khi biết chính An Hòa ra lệnh đập phá, đốt Cửu Trùng Đài. | **b. Nhân vật Vũ Như Tô.**  - Vũ Như Tô là một kiến trúc sư thiên tài, là hiện thân cho niềm khát khao say mê sáng tạo cái đẹp: Một thiên tài “ ngàn năm chưa dễ có một” “ chỉ vẩy bút là chim hoa đã hiện lên” có thể “ sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân, có thể xây dựng lâu đài cao cả, nóc vờn mây mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ”  - Là một nghệ sĩ có nhân cách lớn, có hoài bão lớn, có lí tưởng nghệ thuật cao cả. Mặc dù bị Lê Tương Dực doạ giết Vũ như Tô vẫn kiên quyết từ chối xây Cửu trùng đài. Ông cũng không phải là người hám lợi (Khi được vua ban thưởng lụa là, vàng bạc ông đã đem chia hết cho thợ). Lí tưởng, ước mơ xây một toà đài cao cả, nguy nga, tráng lệ.. thật đẹp đẽ và chân chính nhưng lại cao siêu, thuần tuý hoàn toàn thoát li khỏi hoàn cảnh lịch sử xã hội của đất nước, xa rời đời sống nhân dân  - Tâm trạng bi kịch đầy căng thẳng của ông: xây Cửu trùng đài là đúng hay sai? là có công hay có tội?  => Vũ Như Tô là một nhân vật bi kịch bởi đã mang trong mình không chỉ những say mê khát vọng lớn lao mà còn cả những làm lạc trong suy nghĩ và hành động.Khi ông và Đan Thiềm bị bắt, Cửu trùng đài bị đập phá, thiêu huỷ thì ông mới bừng tỉnh xiết bao đau đớn, kinh hoàng. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm**  *GV: Tính cách và diễn biến tâm trạng của Đan Thiềm ?Bệnh Đan Thiềm là gì?*  ( Gợi ý: Đan Thiềm có phải là người cung nữ thường trong con mắt của Vũ Như Tô; trong con mắt của vua Lê không? Em hiểu bệnh Đan Thiềm là gì? Tại sao Đ T nhất quyết xin nài Vũ đi trốn, trong khi trước kia nàng lại khuyên Vũ đừng trốn? Mối quan hệ giữa hai người như thế nào? gặp Đ T, em có liên hệ với nhân vật có tấm lòng biệt nhỡn liên tài nào ta từng biết?  GV: Qua đoạn trích, em thấy mâu thuẫn đã được giải quyết chưa? tìm dẫn chứng  Hs trả lời  Gv nhấn mạnh  \* HS trả lời cá nhân  Nếu Vũ Như Tô là người nghệ sĩ đam mê sáng tạo cái đẹp thì Đan Thiềm là người đam mê cái tài (Sáng tạo ra cái đẹp). “Bệnh Đan Thiềm”theo quan niệm của Nguyễn Huy Tưởng, chính là bệnh mê đắm tài hoa siêu việt của người sáng tạo nghệ thuật, sángtạo ra cái đẹp.  -Nhưng khác Vũ Như Tô ở chỗ đam mê sáng tạo cái đẹp đến mức không hề biết đến hoàn toàn cảnh chung quanh, ảo tưởng đến cùng. Đan Thiềm luôn tỉnh táo trong mọi trường hợp. Biết chắc đài lớn không thành, tâm trí nàng giờ đây chỉ còn tập trung tìm cách bảo vệ tính mạng cho Vũ Như Tô. Đan Thiềm khẩn khoản khuyên Vũ bỏ trốn, năm lần bảy lượt giục: ông trốn đi, chạy đi…Nhưng Vũ không tỉnh ngộ, bướng bỉnh chống lại số phận . Đến khi quân lính nổi loạn kéo vào nàng sẵn sàng đổi mạng sống của mình để cứu Vũ .Cuối cùng, phải đau đớn vĩnh biệt.  **HS trả lời cá nhân:**  - Mâu thuẫn 1 được tác giả giải quyết dứt khoát bằng cảnh quân nổi loạn phá đài , giết vua ..  - Mâu thuẫn 2 giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu và lợi ích thiết thực của nhân dân chưa được giải quyết vì: đến cuối VNT đến chết vẫn không thấy được sai lầm của mình là người vô tội , Vũ căm ghét vua nhưng lại mượn tay vua để thực hiện hoài bão của mình gây ra nỗi khổ của nhân dân. | **c. Nhân vật Đan Thiềm.**  - Dưới con mắt của Vũ Như Tô thì Đan Thiềm là tri kỷ, tri âm duy nhất ở triều đình.( Vũ mê cái đẹp, Đan Thiềm mê cái tài) .  - Luôn động viên, khích lệ, giúp đỡ Vũ Như Tô xây đài, bảo vệ đài.  - Là con người luôn tỉnh táo: Biết chắc Đài không thành, tìm cách bảo vệ an toàn tính mạng cho Vũ Như Tô, khuyên Vũ bỏ trốn.  - Sẵn sàng đổi mạng sống của mình cứu Vũ. Đau đớn khi không thể cứu được người tài.  - *Bệnh Đam Thiềm*: Bệnh mê đắm cái đẹp, cái tài. Có tấm lòng *biệt nhỡn liên tài🡪* Thuyết phục Vũ Như Tô mượn tay Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài.  => Sống chết hết mình vì cái, cái đẹp.  **d. Giải quyết mâu thuẫn**  - Mâu thuẫn 1 được tác giả giải quyết dứt khoát bằng cảnh quân nổi loạn phá đài , giết vua ..  - Mâu thuẫn 2 giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu và lợi cích thiết thực của nhân dân chưa được giải quyết .  - Vũ Như Tô có tội hay công, vẫn chưa trả lời được, tác giả mới chỉ nêu vấn đề, nêu chưa hợp lí vì chân lí thuộc về Vũ một nửa và nhân dân 1 nửa. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tổng kết**  GV: - Nêu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích ?  - Rút ra ý nghĩa văn bản ?  - Qua bi kịch vỡ mộng của Vũ Như Tô, em thấy thái độ và cách đánh giá của tác giả như thế nào về nhân vật của mình?  - Cũng là bậc tài hoa, sáng tạo ra cái đẹp như Huấn Cao, tại sao cái tài của Vũ Như Tô bị phủ định, cái đẹp do ông sáng tạo bị triệt tiêu?  Học sinh so sánh hai nhân vật và trình bày ý kiến.  \* HS trả lời cá nhân  Đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài ” đặt ra vấn đề có ý nghĩa muôn thưở về cái đẹp, và mối quan hệ giữa nghệ sĩ và nhân dân, đồng thời tác giả bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng đối với nghệ sĩ tài năng, giàu khát vọng nhưng lại rơi vào bi kịch.  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **2. Nghệ thuật** :  - Ngôn ngữ tập trung phát triển cao, hành động dồn dập đầy kịch tính.  - Ngôn ngữ cao đẹp có sự tổng kết cao, nhịp điệu lời thoại nhanh.  - Tính cách tâm trạng nhân vật bộc lộ rõ nét qua ngôn ngữ hành động.  - Các lớp kịch được chuyển tự nhiên, linh hoạt liền mạch.  **3. Ý nghĩa văn bản :**  **III. Tổng kết :**  Ghi nhớ : SGK |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:**  Trong những lời cuối cùng của mình (*Ông Cả! Đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt*!) của trích đoạn [***Vĩnh biêt Cửu Trùng Đài***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\35-%20Vinh%20biet%20Cuu%20trung%20dai.htm) của Nguyễn Huy Tưởng, Đan Thiềm đã bái biệt Vũ Như Tô và cầu xin cùng ông vĩnh biệt gì?  a. Cùng vĩnh biệt cuộc đời. b. Cùng vĩnh biệt mộng lớn. c. Cùng vĩnh biệt Cửu trùng đài. d.Cùng vĩnh biệt nhau.    **Câu hỏi 2:** Dòng nào sau đây diễn đạt đúng nhất ý nghĩa đối nghịch hàm chứa ngay trong công trình nghệ thuật Cửu trùng đài, tất yếu làm nảy sinh bi kịch của người trí thức – nghệ sĩ Vũ Như Tô?  a. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc bền vững, vĩnh cửu vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa. b. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc tuyệt tác, kì vĩ vừa là hiện thân cho cái đẹp dở dang. c. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc tuyệt tác, kì vĩ, bền vững hoàn hảo cửu vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa, nhất thời, dở dang. d. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc hoàn hảo vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa.    **Câu hỏi 3:** Tình tiết nào trong các tình tiết sau cho thấy nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh bi kịch (vỡ mộng) của Vũ Như Tô?  a. Lợi dụng tình huống rối ren, Trịnh Duy Sản cầm đầu một phe cánh phản nghịch trong triều dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ thuyền làm phản. b. Có tin binh biến, bạo loạn trong cung vua đe doạ sinh mạng Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài, Đan Thiềm hết lòng khuyên Vũ Như Tô đi trốn, Vũ Như Tô một mực không nghe. c. Lê Tương Dực cùng hoàng hậu, đại thần bị giết hoặc tự tử; lũ cung nữ và bọn nội dám nháo nhào tìm cách thoát thân. d. Cửu Trùng Đài bị thiêu huỷ, Đan Thiềm hết lời xin tha và xin được chết thay cho Vũ Như Tô không được, nàng bị bắt đi hành hình, còn Vũ Như Tô đau đớn vĩnh biệt Cửu Trùng Đài và bình thản ra pháp trường.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ĐÁP ÁN  [1]='c'  [2]='c'  [3]='a' |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3:  Lớp IX  *Những người trên. Thêm một lũ quân* NGÔ HẠCH - Chúng bay đi đâu?  ..........................................................    VŨ NHƯ TÔ, *chua chát* - Thôi thế là hết. Dẫn ta đến pháp trường!  *(* Trích *Vĩnh biệt Cửu trùng đài*, Tr192, SGK Ngữ văn 11 ,Tập I, NXBGD 2007)  1/ Nội dung chính của văn bản trên là gì?  2/ Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên? Phong cách ngôn ngữ nào là chính?  3/ Xét phân loại kiểu câu theo mục đích nói, các câu *Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu trùng đài!* thuộc loại câu gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật trong việc dùng kiểu câu đó?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1/ Nội dung chính của văn bản trên là cuộc đối thoại giữa cuối cùng giữa Vũ Như Tô và Ngô Hoạch cùng đám quân sĩ. Sau đó, Cửu Trùng Đài bị đốt cháy. Vũ Như Tô *rú* lên đau đớn và bị dẫn ra pháp trường.  2/ Phong cách ngôn ngữ của văn bản trên là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật và phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Phong cách ngôn ngữ chính là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.  3/ Các câu *Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu trùng đài!* thuộc loại câu cảm thán.  Hiệu quả nghệ thuật: Đó là những tiếng kêu cuối cùng của Vũ Như Tô khi ngọn lửa oan nghiệt đang bùng bùng thiêu trụi Cửu Trùng Đài, trước khi tác giả của nó bị dẫn ra pháp trường.  Trong tiếng kêu ấy, “mộng lớn”, “Đan Thiềm”, “Cửu Trùng Đài” đã được đặt liên kế với nhau thể hiện nỗi đau mất mát như nhập hòa làm một, thành một nỗi đau bi tráng tột cùng. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài Vĩnh biệt Cửu trùng đài**  **+ Tìm đọc các bài thơ viết về Nguyễn Huy Tưởng**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.** |

*Người Đến Hội Long Trì*

Tác giả: [Nguyễn Vũ Tiềm](http://poem.tkaraoke.com/10098/Nguyen_Vu_Tiem/)

Đêm hội Long Trì chưa kịp vui   
Quỳnh Hoa chưa kịp gặp văn tài   
hồ rượu đã thành hồ huyết lệ   
âm - dương, họa - phúc bẫy giăng cài.   
  
Đêm ấy nhà văn đứng chỗ nào   
trừ tà hay dạo khúc tiêu dao?   
Bút văn đối diện cùng trang giấy   
lương tính dễ dàng trốn được sao.   
  
Khuya thức may cờ thêu sáu chữ   
đi tìm Quốc Toản khắp vùng quê   
hận chưa kịp phá xong cường địch   
cỏ đã mời xanh, đất đón về.

*Đan Thiềm*

*Tài sắc không nơi trú ngụ*

*Đêm tối ngày dài dải lụa lê thê*

*Nàng nhướng mắt chín bậc thềm vương phủ*

*Mảnh trăng xa thăm thẳm chưa về…*

*Ai khóc khi người ta cười*

*Rùng mình nghe phỡn phè cung điện*

*Ai thức khi người ta ngủ*

*Mắt thâm quầng nỗi nhân thế khôn nguôi*

*Vũ Như Tô chàng ở đâu ở đâu*

*Cửu Trùng Đài lồng lộng quá*

*ánh nắng chừng chình mái đậu*

*Ngơ ngác dung nhan người xa lạ*

*Làm sao nghệ sĩ bầu bạn với cường quyền*

*Làm sao cái đẹp an cư cùng hoa độc ?*

*Đắp xây hay phá đốt*

*Đều làm đau lòng nàng, tội quá Đan Thiềm ôi !*

*Thôi trời đất hãy chứng cho lòng dân*

*Người xây điện cũng chính người đốt điện*

*Ngọn lửa này xin là lời nguyện*

*Soi lương tri máu đỏ lối nhân quần…*

( - Nhà thơ Hồng Nhu)

***Tiết 63*** *- Tiếng Việt*

***Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nhận diện và phân tích các nội dung, yêu cầu của phỏng vấn và trả lời phỏng vấn qua các ví dụ

2/ Thông hiểu: ý nghĩa các bước phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

3/Vận dụng thấp: Có khả năng chuẩn bị nội dung một lần phỏng vấn;

4/Vận dụng cao:- Thiết kế một chương trình phỏng vấn và trả lời phỏng vấn về vấn đề thực tế trong đời sống;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: một bài phỏng vấn ngắn;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi phỏng vấn

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi phỏng vấn;

3/Hình thành nhân cách: quan tậm đến những vấn đề diễn ra trong cuộc sống hằng ngày;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS tiếp nhận một kiểu loại văn bản mới và biết viết phóng sự

-Năng lực hợp tác: thông qua hoạt động nhóm, cặp trong việc thực hành phỏng vấn.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: học sinh biết khai thác nguồn thông tin mạng để học hỏi được cách viết phóng sự và khai thác các thông tin để thực hành làm phóng sự.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: GV chiếu một đoạn video clip về nội dung cuộc phỏng vấn trên truyền hình về đề tài Giáo dục. HS chú ý theo dõi. Trả lời vài câu hỏi: Video gồm có mấy người? Ai là người đặt câu hỏi? Ai là người trả lời? Thái độ của người hỏi và trả lời như thế nào?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Nói đến phỏng vấn, nhiều người thường nghĩ ngay đến một công việc riêng của các phóng viên. Đúng là các phóng viên rất hay phải thực hiện những cuộc phỏng vấn. Thế nhưng, việc hiểu biết về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn lại không chỉ cần thiết riêng cho những người làm công tác báo chí vả truyền thông. Những năm gần đây, phỏng vấn và trả lời phỏng vấn ngày càng được áp dụng rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực chẳng hạn như trong tuyển dụng việc làm Với nhiều công ty danh tiếng trong và ngoài nước, việc tìm hiểu năng lực thực sự của ứng viên qua phỏng vấn là một công việc có ý nghĩa khoa học thực sự. Vì vậy, để giúp các em sớm có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn để có thể áp dụng vào cuộc sống thì hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài “ phỏng vấn và trả lời phỏng vấn”.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về mục đích, tầm quan trọng của phỏng vấn**  1/ Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn là gì?  2/ Có phải bất cứ cuộc trò chuyện, hỏi đáp nào cũng mặc nhiên được coi là phỏng vấn không? Vì sao?  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Các hoạt động PV và trả lời PV thường gặp:**  - Một chính khách, một quan chức, một doanh nhân trả lời báo chí.  - Một bài PV đăng trên báo.  - Khi người ta đi tìm việc làm  **2. Mục đích:**  - Để biết quan điểm của một người nào đó.  - Để thấy tầm quan trọng, ý nghỉa XH của vấn đề đang được PV.  - Để tạo lập quan hệ XH.  - Để chọn người phù hợp với công việc.  **3.Vai trò:**Biểu hiện một xã hộivăn minh, dân chủ, tôn trọng các ý kiến khác nhau về một vấn đề. | | I. MỤC ĐÍCH, TẦM QUAN TRỌNG CỦA PHỎNG VẤN VÀ TRẢ LỜI PHỎNG VẤN:  -Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn là một cuộc hỏi- đáp có mục đich , nhằm thu thập hoặc cung cấp thông tin về một chủ đề được quan tâm.  - Không phải bất cứ cuộc trò chuyện, hỏi đáp nào cũng mặc nhiên được coi là phỏng vấn. Chỉ là phỏng vấn khi cuộc trò chuyện ấy được thực hiện nhằm mục đích rõ ràng là để thu thập thông tin về một chủ đề quan trọng, có ý nghĩa.  - Tôn trọng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn là tôn trọng sự thật, tôn trọng quyền được bày tỏ ý kiến của công chúng và vì thế là một biểu hiện của tinh thần dân chủ trong xã hội văn minh. | |
| **\* Thao tác 1 :**  \*GV:  -Nếu được giao làm nhiệm vụ phỏng vấn, em thấy cần chuẩn bị những gì ?  \*Gv: Ai cũng biết, đã phỏng vấn thì phải nêu câu hỏi. Song phải hỏi như thế nào để đạt được mục đích phỏng vấn ?  -GV cho HS thảo luận các câu hỏi SGK mục II.2  Định hướng:  -Không phải lúc nào người phỏng vấn cũng chỉ được nêu ra những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn. Ngược lại, trong quá trình hỏi- đáp, người phỏng vấn còn cần lắng nghe lời đáp để đưa ra thêm những câu hỏi nhằm :  +Làm cho câu chuyện liên tục, không rời rạc, gián đoạn  +Khéo léo lái người trả lời phỏng vấn trở lại chủ đề phỏng vấn, nếu thấy họ có dấu hiệu lạc đề  +Gợi mở, khiến người trả lời phỏng vấn có thể nêu ý kiến được rõ hơn.  -Cuộc phỏng vấn nên được diễn ra trong không khí thân tình, tự nhiên. Người phỏng vấn không chỉ cần lịch thiệp, nhã nhặn, biết lắng nghe, đồng cảm với người cùng nói chuyện mà còn tỏ ra tôn trọng ý kiến của họ bằng cách chăm chú ghi chép và cố tránh chạm vào những chỗ có thể làm cho người trả lời phỏng vấn không vui.  -Trước khi kết thúc người phỏng vấn kgông nên quên cảm ơn người trả lời phỏng vấn đã dành công sức, thời gian cho buổi chuyện trò .  \* 1 HS thảo luận, trả lời cá nhân:  Trong hoạt động phỏng vấn có 5 yếu tố không thể thiếu :  +Người phỏng vấn  +Người trả lời phỏng vấn  +Mục đích phỏng vấn  +Chủ đề phỏng vấn  +Phương tiện phỏng vấn (Máy ghi âm, máy quay phim, sổ tay, giấy bút…)  +Hệ thống câu hỏi phỏng vấn cần phải:ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với mục đích và đối tượng phỏng vấn, làm rõ chủ đề, liên kết với nhau và sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  Tuy nhiên để có thu thập được nhiều nhất những thông tin mong muốn, cần tránh những câu hỏi mà người trả lời chỉ cần đấp: không / có, đúng / sai… | | **II. Những yêu cầu cơ bản đối với hoạt động phỏng vấn**  **1.Chuẩn bị phỏng vấn**  - Xác định:  + Chủ đề phỏng vấn  + Mục đích phỏng vấn  + Đối tượng phỏng vấn  + Người thực hiện phỏng vấn  + Phương tiện phỏng vấn  - Hệ thống câu hỏi phỏng vấn phải: Ngắn gọn, rõ ràng; phù hợp với mục đích và đối tượng phỏng vấn; làm rõ được chủ đề, liên kết với nhau và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí  **2. Tiến hành phỏng vấn**  - Ngoài những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn cần có thêm một số câu hỏi gợi mở, đưa đẩy để câu chuyện không rời rạc, không lạc đề  - Thái độ thân tình, đồng cảm, lắng nghe và chia xẻ thông tin với người trả lời  -Kết thúc cuộc phỏng vấn cần cảm ơn người trả lời phỏng vấn  3. Biên tập sau khi phỏng vấn  - Không được thay đổi nội dung phỏng vấn nhưng có thể thay đổi, sửa chừa một số từ ngữ, sắp xếp lại câu cho rõ ràng mạch lạc  - Có thể ghi lại nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.. | |
| ***Thao tác 1:***  - GV: Cho học sinh đọc kiến thức trong sgk và nêu những yêu cầu cơ bản đối với **người trả lời phỏng vấn**  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời. | | **III. Những yêu cầu đối với người trả lời phỏng vấn**  - Người trả lời phỏng vấn cần có phẩm chất:  + Thẳng thắn, trung thực, dám chịu trách nhiệm về lời nĩi của mình.  + Trả lời trúng chủ đề, ngắn gọn, sâu sắc, hấp dẫn. Có thể pha chút hóm hỉnh, gây ấn tượng cho công chúng. | |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS luyện tập**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Bài tập 1:**  **Nhóm 2: Bài tập 2:**  **Nhóm 3: Bài tập 3:**  Thao tác 3:  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  \* **Nhóm 1** : Trình chiếu một video clip trên truyền hình và cho nhận xét theo câu hỏi bài tập 1 trang 182  \* **Nhóm 2**  Cách hay nhất là thành thật chỉ ra điểm yếu của mình và đồng thời đưa ra cách thức khắc phục điểm yếu của mình thành điểm mạnh(Vd như chưa lập kế hoạch )  \* **Nhóm 3**  Hỏi Hiện nay có nhiều dòng nhạc em thích nhất dòng nhạc nào? vì sao?  Hiện nay có nhiều bạn trẻ theo dòng nhạc trẻ, quay lưng lại dòng nhạc truyền thống bạn nghĩ sao?...  \* **Nhóm 4**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **Bài tập 2:**  - Giả sử em muốn xin vào làm việc ở một công ty. Nhà tuyển dụng nêu ra một câu hỏi:  *Bạn có thể nói cho tôi nghe về nhược điểm lớn nhất của bạn được khơng?*  Em sẽ trả lời thế nào?  Có thể trả lời:  Công việc của tôi, tôi chưa tường tận lắm, có thể có nhiều khiếm khuyết ; nhưng tôi quyết tâm học hỏi để làm tốt. Tôi hy vọng lãnh đạo công ty và anh em đồng nghiệp sẽ giúp đỡ tôi.  **Bài tập 3:**  Cuộc phỏng vấn có hai vai:  - Người phỏng vấn:  1. Xin bạn vui lòng cho phép tôi được hỏi bạn có thích âm nhạc không?  2. Bạn thích bài hát nào nhất?  3. Vì sao bạn thích bài hát đó? Bạn thử hát cho cả lớp cùng nghe một đoạn?  - Người trả lời phỏng vấn trả lời.  - Người phỏng vấn:  Xin cảm ơn bạn. | |

**Tiết 64,65**(Đọc Văn) :

**Tình yêu và thù hận**

**(Trích *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được kiến thức về tác giả, khái quát tác phẩm, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của vở bi kịch;

2/ Thông hiểu: Thời đại Phục Hưng, đóng góp của Sechxpia về tư tưởng và nghệ thuật

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn trình bày vẻ đẹp tình yêu đôi lứa qua đoạn trích

4/Vận dụng cao: So sánh bi kịch của Sechxpia với bi kịch của Nguyễn Huy Tưởng ( đã học)

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thể loại bi kịch

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về bi kịch

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản kịch

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn bản kịch;

3/Hình thành nhân cách: có tình yêu trong sáng, biết đấu tranh bảo vệ tình yêu;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS biết thưởng thức vẻ đẹp ngôn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: GV gợi mở về những tình huống, xung đột trong tác phẩm cũng như dẫn dắt từ đời sống để học sinh giải quyết.

-Năng lực hợp tác; năng lực giao tiếp: được thể hiện qua hoạt động nhóm.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| * GV giao nhiệm vụ:   +Trình chiếu một đoạn phim Video ROMEO VÀ JULIET , tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Sechxpia;*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Thời đại Phục hưng ở Châu Âu là thời đại “khổng lồ đẻ ra những con người khổng lồ về tư tưởng, văn hoá nghệ thuật, khoa học..”. U. Sếch- xpia- nhà viết kịch vĩ đại là tên tuổi tiêu biểu nhất.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  GV hướng dẫn hs tìm hiểu tác giả.  *Nhận định chung về tác giả Sếch-xpia và sáng tác của ông?*  GV hướng dẫn học sinh tóm tắt nội dung.  Vị trí của đoạn trích?  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **Tác giả:** Sếch-xpia (1564-1616)  - Nhà thơ, nhà viết kịch thiên tài của nước Anh và của nhân loại thời Phục hưng.  - Có 37 tác phẩm gồm hài kịch, bi kịch, chính kịch bằng thơ xen văn xuôi, mà phần lớn là kiệt tác của nhân loại. Tp của ông là tiếng nói của lương tri tiến bộ, của khát vọng tự do, của lòng nhân ái bao la và của niềm tin bất diệt vào khả năng hướng thiện và khả năng vươn dậy để khẳng định cuộc sống của con người.  **Tác phẩm Rô-mê-ô và Giu-li-ét**  -Mâu thuẫn cơ bản của vở kịch: khát vọng yêu thương và hoàn cảnh thù địch vây hãm  - Chủ đề: tình yêu và lòng chung thuỷ chiến thắng oán thù.  **Đoạn trích:**  Vị trí của đoạn trích: thuộc cảnh 2 hồi 2. Trong đêm hội hoá trang, Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét và hai người đã yêu nhau say đắm… | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Sếch-xpia (1564-1616)  **2. Tác phẩm Rô-mê-ô và Giu-li-ét:**  - Tóm tắt (sgk)  - Mâu thuẫn cơ bản của vở kịch: khát vọng yêu thương và hoàn cảnh thù địch vây hãm  - Chủ đề: tình yêu và lòng chung thuỷ chiến thắng oán thù.  **3. Đoạn trích:** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  GV hướng dẫn hs đọc.  Gọi 2 hs đọc các lời thoại. Yêu cầu đọc phải đúng giọng, diễn cảm và biểu cảm.  **\* Thao tác 2 :** Hướng dẫn hs tìm hiểu chi tiết.  *-Đoạn trích có bao nhiêu lời thoại ? Phân biệt sự khác nhau giữa 6 lời thoại đầu và 10 lời thoại sau? Điều đó có dụng ý nghệ thuật gì?*  2 hs đọc các lời thoại.  **Hs trả lời cá nhân:**  Vị thế của hai nhân vật và hoàn cảnh thời gian: Trong vườn nhà Giuliét, trong đêm khuya: nghĩa là nguy hiểm có thể đến bất cứ lúc nào với hai người đặc biệt là Giuliét. Chàng đứng dưới ngóng lên, nói vọng lên, nàng đứng bên cửa sổ tầng 2 nói xuống. Không gian không quá xa cách nhưng cũng không quá gần gũi để họ có thể đứng sát cùng nhau, cầm tay nhau ôm hôn chẳng hạn.  -6 lời thoại đầu, về hình thức là những độc thoại của từng người. Họ nói về nhau chứ không nói với nhau  +Ấy khe khẽ chứ, Ôi đấy là người ta yêu (của Rômêô)  +Sao chàng lại là Rômêô nhỉ ? Mình cứ nghe thêm nữa hay mình lên tiếng nhỉ (Giuliét)  Đó là các độc thoại nội tâm bày tỏ nỗi lòng, suy nghĩ của nhân vật  (Trong kịch cho dù là lời thoại là độc thoại nội tâm thì nhân vật cũng phải nói to (để khán giả nghe được) và giả định là nhân vật kia không nghe thấy những lời nói đó.  -Vì là độc thoại nội tâm nên 6 lời thoại đầu tiên chứa đựng cảm xúc yêu thương, chân thành, đằm thắm. Ngôn từ mượt mà, cách nói so sánh, ví von phù hợp với tâm trạng phấn chấn rạo rực chen lẫn bồn chồn của những người đang yêu. Tuy là lời độc thoại nội tâm song không phải là kiểu phát ngôn đơn tuyến một chiều mà trong độc thoại đó cũng xuất hiện tính đối thoại  +Cách nói của Nhân vật Rômêô: lúc thì như nói với Giuliét khi nàng vừa xuất hiện bên cửa sổ (“Vừng thái dương đẹp tươi ơi…”, “Hỡi nàng tiên lộng lẫy, hãy nói nữa đi!”), lúc thì như đang đối thoại với chính mình (Kìa !Nàng tì má lên bàn tay !Oâi!ước gì là chiếc bao tay, để được mơn trớn gò má ấy!, “Mình cứ nghe thêm nữa, hay mình lên tiếng nhỉ ?” | **II. ĐỌC- HIỂU**  **1. Hình thức các lời thoại:**  - 6 lời thoại đầu, về hình thức là những lời thoại của từng người. Họ nói về nhau chứ không nói với nhau-> lời độc thoại nội tâm bày tỏ nỗi lòng suy nghĩ của nhân vật.  + Lời độc thoại nội tâm: bày tỏ thành thật, không cần giấu diếm, chứa đựng cảm xúc chân thành, đằm thắm.  + Độc thoại có hàm chứa đối thoại: làm cho lời độc thoại thêm sinh động, nhiều màu sắc.   * 10 lời thoại sau là lời đối thoại thông thường.   HẾT TIẾT I |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  GV phân nhóm cho học sinh thảo luận những câu hỏi sau:  **Nhóm 1**: .Tìm những cụm từ chứng minh tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét diễn ra trong bối cảnh hai dòng họ thù địch?  Nỗi ám ảnh hận thù xuất hiện ở ai nhiều hơn? Vì sao? Cả hai đều nhắc đến hận thù trong khi tỏ tình để làm gì?  **Nhóm 2:** Lời đối thoại, độc thoại nội tâm của Rô-mê-ô và Giu-li-ét diễn ra trong bối cảnh thời gian,không gian như thế nào? Phân tích diễn biến tâm trạng của Rô-mê-ô trong đoạn trích (đặc biệt qua lời thoại đầu tiên)  HS cử đại diện trình bày:  \* **Nhóm 1**  + Rô-mê-ô: *Tôi thù ghét cái tên tôi... Chẳng phải Rô-mê-ô cũng* c*hẳng phải Môn-ta-ghiu... Tù nay tôi sẽ không bao giờ còn là Rô- mê- ô nữa...*  + Giu-li-ét:  *Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi, Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi . Nơi tử địa..họ mà bắt gặp anh..*  \* **Nhóm 2:**  **Tâm trạng của Rô- mê- ô.**  - Thiên nhiên được cảm nhận qua cái nhìn của Rô-mê-ô , chàng trai đang yêu.  - Ánh trăng chỉ mờ ảo để trang trí cho cảnh gặp gỡ tình tứ song đoan trang trong sáng này.  - Giu –li ét xuất hiện bất ngờ, Rô-mê-ô so sánh nàng với vầng dương là hợp lí.  - Tiếp theo, chàng hướng vào đôi mắt của nàng rồi hình dung, so sánh, ước mong. Tất cả thể hiện sự rung động thật sự của một trái tim đang yêu nồng nàn, say đắm. | **2. Tình yêu trên nền thù hận.**  - Sự thù hận của hai dòng họ cứ ám ảnh cả hai người trong suốt cuộc gặp gỡ  - Thái độ Rô-mê-ô quyết liệt hơn, chàng sẵn sàng từ bỏ dòng họ mình để đến với tình yêu. Cái chàng sợ là không có được, không chiếm được tình yêu của Giu- li- ét, sợ nàng nhìn mình bằng ánh mắt của sự thù hận ...  => Cả hai đều nhắc đến thù hận song không phải để khơi dậy hay khoét sâu hận thù mà chỉ để vượt lên thù hận, bất chấp thù hận -> Quyết tâm xây đắp tình yêu.  **3. Tâm trạng của Rô-mê-ô.**  - Thiên nhiên được nhìn qua các điểm nhìn của chàng trai đang yêu do đó thiên nhiên là thiên nhiên hoà đồng, chở che, trân trọng.  - Trăng trở thành đối tượng để Rô-mê-ô so sánh với vẻ đẹp không sánh được của Giu- li-ét.:  - Mạch suy nghĩ của Rô-mê-ô hướng vào đôi mắt: “Đôi mắt nàng lên tiếng”. Đôi môi lấp lánh của Giu-li-ét cảm nhận như sự mấp máy của làn môi khi nói- liên tưởng.  - “Hai ngôi sao đẹp nhất trên bầu trời”-> so sánh được đẩy lên cấp độ cao hơn bằng sự tự vấn “Nếu mắt nàng...thế nào nhỉ?”  -> khẳng định vẻ đẹp của đôi mắt, của các nét đẹp trên khuôn mặt...-> khát vọng yêu đương hết sức mãnh liệt “Kìa! Nàng tì má...gò má ấy!”  - Cảm xúc của Rô-mê-ô là cảm xúc của một con người đang yêu và đang được tình yêu đáp lại, đây cũng là sự cộng hưởng kì lạ của những tâm hồn đang yêu... |
| **\* Thao tác 1 :**  \* **Nhóm 3** : Phân tích diễn biến tâm trạng của Giu-li-ét? ( Đặc biệt qua lời thoại “Chỉ có tên họ …)  \* **Nhóm 4:** Chứng minh rằng “ tình yêu và thù hận” đã được giải quyết xong trong mười sáu lời thoại này?  **HS cử đại diện trình bày:**  \* **Nhóm 3**  - Qua lời độc thoại nội tâm:  + Vừa gặp Rô-mê-ô, trở về phòng đứng bên cửa sổ thổ lộ nỗi lòng của mình “ *Chàng hãy khước từ…hãy thề yêu em đi” “chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi*”-> Tình yêu mãnh liệt không chút che dấu, không chút ngượng ngùng, suy nghĩ chín chắn, cảm nhận được mối tình có thể sẻ trở ngại bởi sự thù hận của hai dòng họ.  - Qua lời đối thoại với Rô-mê-ô.  *+ Anh tới đây bằng cách nào và tới đây làm gì?* Câu hỏi để giải toả băn khoăn vì chưa thật tin vào tình yêu mới bất ngờ của chàng.  + *Anh làm cách nào tới được chốn này..người nhà em bắt gặp nơi đây*. Câu hỏi hướng tới Rô-mê-ô cũng là để thể hiện nỗi lo lắng giằng xé tâm can Giu-li-ét. Liệu tình yêu của Rô-mê-ô có đủ sức mạnh để vượt qua bức tường rào hữu hình ở gia đình Ca-pu-lét hay không? Tình yêu của chàng có đủ sức mạnh vượt qua bức tường thù hận ở hai gia đình hay không?  + *Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây* tế nhị chấp nhận tình yêu của Rô-mê-ô, trái tim nàng đã hoàn toàn hướng về Rô-mê-ô.  \* **Nhóm 4**  - Thù hận không xuất hiện như một thế lực cản trở tình yêu mà thù hận chỉ hiện qua dòng suy nghĩ của các nhân vật, song không phải là động lực chi phối hành động của nhân vật.  - Tình yêu trong sáng diễn ra trên cái nền của thù hận. Thù hận bị đẩy lùi, chỉ còn lại tình đời tình người bao la, phù hợp với lí tưởng nhân văn.  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  Em có nhận xét gì về ngôn ngữ được tác giả sử dụng ở đây?  Nhưng diễn biến nội tâm của Giu-li-ét nói lên tài năng gì của nhà văn?  Qua đoạn trích em có thể rút ra được gì về giá trị nội dung và nghệ thuật?  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **4. Tâm trạng của Giu-li-ét**  - Qua lời độc thoại nội tâm:  - Qua lời đối thoại với Rô-mê-ô.  => Qua ngôn ngữ sống động và đầy chất thơ nhà văn đã thể hiện được diễn biến nội tâm đầy phức tạp nhưng phù hợp với tâm trạng của người đang yêu. Thể hiện một tình yêu mãnh liệt trong trắng vượt lên trên sự hận thù truyền kiếp của hai dòng họ.  ***5. Tình yêu bất chấp thù hận.***  Trong đoạn trích, ***tình yêu*** chưa xung đột với hận thù, chỉ diễn ra trên nền hận thù. Thù hận bị đẩy lùi, chỉ còn tình yêu, tình đời bao la.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Miêu tả diễn tâm lí và diễn biến tâm lí nhân vật.  - Ngôn ngữ độc thoại và đối thoại thể hiện sự phát triển của xung đột nhân vật.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Khẳng định vẻ đẹp của tình người, tình đời theo lí tưởng của chủ nghĩa nhân văn thông qua sự chiến thắng của tình yêu chân chính và mãnh liệt đối với những thù hận dòng tộc. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:**  Mâu thuẫn chính của vở kịch [***Rô-mê-ô và Giu-li-ét***](file:///D:\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2011-I\36-%20Romeo.htm) là gì?  a. Xung đột giữa các thế hệ khác nhau trong cùng một dòng họ. b. Xung đột giữa các thế hệ khác nhau ở hai dòng họ. c. Xung đột giữa tình yêu của đôi trai gái với mối thù hận của hai dòng họ. d.Xung đột giữa tình yêu của đôi trai gái với trật tự xã hội đương thời.    **Câu hỏi 2:** Ý nào nói **không** đúng về lời thoại đầu tiên của Rê-mê-ô trong đoạn trích *Tình yêu và thù hận*?  a. Là lời độc thoại nội tâm dài. b. Chứa đựng nhiều sự liên tưởng, tưởng tượng. c. Thể hiện được cá tính mạnh mẽ của chàng. d. Ngôn ngữ tràn đầy cảm xúc đắm say.    **Câu hỏi 3:** Qua những lời thoại của mình, Giu-li-ét cảm nhận như thế nào về mối tình của nàng với Rê-mê-ô?  a. Chỉ cần Rê-mê-ô đáp lại tình cảm của nàng, họ sẽ thành vợ chồng. b. Nàng đoán rằng Rê-mê-ô không yêu nàng thật lòng. c. Nàng và Rê-mê-ô sẽ vượt qua được sự hận thù của hai dòng họ. d. Mối tình này có thể sẽ vấp phải trở ngại là sự thù hận giữa hai dòng họ.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ĐÁP ÁN  [1]='c'  [2]='c'  [3]='d' |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Việc giải quyết vấn đề tình yêu và thù hận thể hiện như thế nào qua đoạn trích?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Việc giải quyết vấn đề tình yêu và thù hận:  -Vấn đề thù hận dòng họ : thái độ của Rô-mê-ô rất kiên quyết. Ba trên năm lời đối thoại của Rô-mê-ô thể hiện thái độ dứt khoát của chàng trong việc giải quyết dứt điểm vấn đề thù hận : Tôi sẽ thay đổi tên họ ; sẽ xé nát  cái tên đó vì nó là kẻ thù của em ; chẳng phải Rô-mê-ô cũng chẳng phải Môn-ta-ghiu, nếu em không ưa tên họ đó.  -Tình yêu có sức mạnh to lớn, có thể vượt qua được hận thù thể hiện trong lời thoại thứ 13 và 15 trong đoạn trích. Các câu như cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm ; em hãy nhìn tôi âu yếm là tôi chẳng ngại gì lòng thù hận của dòng họ nữa đâu thể hiện ý chí vượt qua tất cả để đến với tình yêu của Rô-mê-ô.  -Như vậy, có thể nói vấn đề tình yêu và thù hận đã được giải quyết dứt khoát qua 16 lời thoại, và trên tinh thần các lời thoại đó của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét, thì tình yêu đã chiến thắng hận thù. Đó là bản chất, sức mạn, vẻ đẹp của tình yêu con người mà Uy-li-am Sếch-xpia đã ca ngợi trong đoạn trích cũng như trong toàn bộ vở kịch. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy đoạn trích**  **+ Sâu khấu hoá một đoạn trong đoạn trích**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Dựa trên lời thoại, phân công HS nhập vai, trình diễn một đoạn** |

*Tiết 66 - Tiếng Việt*

***Thực hành về sử dụng một số kiểu câu trong văn bản***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Ôn lại kiến thức về một số kiểu câu trong văn bản;

2/ Thông hiểu: Tác dụng của một số kiểu câu trong văn bản;

3/Vận dụng thấp: Nhận diện được một số kiểu câu trong văn bản;

4/Vận dụng cao : Viết văn bản nghị luận có sử dụng một số kiểu câu trong văn bản;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài thực hành tiếng Việt

2/ Thông thạo: viết văn bản ngắn có sử dụng một số kiểu câu trong văn bản;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: viết câu đúng ngữ pháp

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt

3/Hình thành nhân cách: giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến một số kiểu câu trong văn bản

- Năng lực đọc – hiểu văn bản để phát hiện những kiểu câu có hiệu quả nghệ thuật trong văn bản;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một số kiểu câu trong văn bản;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về một số kiểu câu trong văn bản;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Các câu sau đây thuộc kiểu câu gì?  a. Nhà chị bị giặc đốt nhiều lần;  b. Kẹo thì con không ăn  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Câu a: Kiểu câu bị động;b. Kiểu câu có khởi ngữ.  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Ở các bài 21-22, chúng ta đã học bài Thêm trạng ngữ cho câu, bài 23-24 chúng ta đã học *Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động;* chương trình Ngữ văn lớp 7 ; Ngữ văn 9 có bài Khởi ngữ. Hôm nay, những nội dung này chúng ta sẽ tiếp tục thực hành. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 : GV:**  gợi cho  **HS** nhớ lại kiến thức về câu bị động đã học ở lớp 7  ***Kiến thức về câu bị động, câu chủ động***  - Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác.  - Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của vật, người khác hướng vào.  - Việc chuyển đổi qua lại giữa hai loại câu này là nhằm liên kết các câu trong đoạn.  - Cách chuyển câu chủ động thành câu bị động:  Chuyển từ (hay cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm các từ *bị, được* vào sau từ, cụm từ ấy.  ( không phải câu nào có từ *bị, được* cũng là câu bị động)  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: bài tập 1+2 mục I:**  HS cử đại diện trình bày.  **Nhóm 1: bài tập 1+2:**  - Câu bị động:  *Hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả*  - Chuyển sang câu chủ động:  *Chưa một người đàn bà nào yêu hắn cả*  -Thay câu chủ động vào đoạn văn và Nhận xét: Câu không sai nhưng không nối tiếp ý và hướng triển khai ý của câu đi trước. Câu đi trước trong đoạn đang nói về “hắn”, chọn “hắn” làm đề tài. Vì thế câu tiếp theo nên tiếp tục chọn “hắn” làm đề tài. Muốn thế cần viết câu theo kiểu câu bị động. Còn ở vị trí đó nếu viết câu theo kiểu câu chủ động thì không tiếp tục đề tài về ‘hắn” được mà đột ngột chuyển sang nói về “một người đàn bà nào”.  2. Bài tập 2:  - Câu bị động: *Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay “đàn bà’.*  -Tác dụng: Tạo sự liên kết ý với câu đi trước, nghĩa là tiếp tục đề tài nói về “hắn”. | **I.DÙNG KIỂU CÂU BỊ ĐỘNG:**  1.Bài tập1:  - Câu bị động:  Mô hình chung của kiểu câu bị động:  Đối tượng của hành động – động từ bị động (Bị, được, phải)- chủ thể của hành động – hành động.  - Chuyển sang câu chủ động:  Mô hình chung của kiểu câu chủ động: Chủ thể hành động – Hành động – đối tượng của hành động  -Thay câu chủ động vào đoạn văn và Nhận xét:  2. Bài tập 2:  - Câu bị động:  -Tác dụng: |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 2: bài tập 1+2+3 mục II:**  **\* Thao tác 2 :** Gv rút ra nhận xét qua mỗi bài tập  HS cử đại diện trình bày.  **Nhóm 2: bài tập 1+2+3 mục II:**  1.Bài tập 1:  *a. Câu có khởi ngữ: Hành thì nhà thị may lại còn.*  -Khởi ngữ: Hành  *b. So sánh câu trên (Câu có khởi ngữ: “Hành thì nhà thị may lại còn”) với câu tương đương về nghĩa nhưng không có khởi ngữ: “nhà thị may lại còn hành”, ta thấy:*  +Hai câu tương đương về nghĩa cơ bản: biểu hiện cùng một sự việc  +Câu có khởi ngữ liên kết chặt chẽ hơn về ý với câu đi trước nhờ sự đối lập giữa các từ gạo và hành (Hai thứ cần thiết để nấu cháo hành). Vì thế viết như nhà văn Nam Cao là tối ưu.  **2. Lựa chọn câu C vì:**  Câu A chuyển đề tài, không duy trì đối tượng “tôi”.  Câu B là câu bị động tạo cảm giác nặng nề.  Câu D không giữ được nguyên vă lời nhận xét của mây anh bộ đội.  3.Bài tập 3:  a.Câu thứ 2 có khởi ngữ: Tự tôi  -Vị trí: Ở đầu câu, trước chủ ngữ.  -Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ.  -Tác dụng của khởi ngữ: Nêu một đề tài có quan hệ liên tưởng (giữa đồng bào – người nghe, và tôi – người nói) với điều đã nói trong câu trước (đồng bào – tôi)  *b.Câu hai có khởi ngữ : Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc.*  -Vị trí: Ở đầu câu, trước chủ ngữ (ấy)  -Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ  -Tác dụng: Nêu một đề tài có quan hệ với điều đã nói trong câu đi trước (thể hiện thông tin đã biết từ câu đi trước): tình yêu ghét, niềm vui buồn, ý đẹp xấu (câu trước)Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc (khởi ngữ ở câu sau). | II.DÙNG KIỂU CÂU CÓ KHỞI NGỮ:  1.Bài tập 1:  *a. Câu có khởi ngữ:*  -K/N Khởi ngữ: là thành phần câu nêu lên đề tài của câu, là điểm xuất phát của điều thông báo trong câu  -Đặc điểm:  +Khởi ngữ luôn luôn đứng đầu  +Khởi ngữ tách biệt với phần còn lại của câu bằng từ thì, hoặc từ là, hoặc quãng ngắt (dấu phẩy)  +Trước khởi ngữ có thể có hư từ: còn, về, đối với…  *b. So sánh câu trên (Câu có khởi ngữ: “Hành thì nhà thị may lại còn”) với câu tương đương về nghĩa nhưng không có khởi ngữ: “nhà thị may lại còn hành”, ta thấy:*  +Hai câu tương đương về nghĩa cơ bản: biểu hiện cùng một sự việc  +Câu có khởi ngữ liên kết chặt chẽ hơn về ý với câu đi trước nhờ sự đối lập giữa các từ gạo và hành (Hai thứ cần thiết để nấu cháo hành). Vì thế viết như nhà văn Nam Cao là tối ưu.  **2. Lựa chọn câu C vì:**  3.Bài tập 3:  a.Câu thứ 2 có khởi ngữ: *Tự tôi*  -Vị trí:  -Tác dụng của khởi ngữ:  *b.Câu hai có khởi ngữ : Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc.*  -Vị trí:  -Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ  -Tác dụng: |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 3: bài tập 1+2+3 mục III:**  **\* Thao tác 2 :** Gv rút ra nhận xét qua mỗi bài tập  HS cử đại diện trình bày.  **Nhóm 2: bài tập 1+2+3 mục III:**  1.Bài tập 1:  a.Phần in đậm nằm ở vị trí đầu câu.  b. Phần in đậm có cấu tạo là cụm động từ.  c.Chuyển: *Bà già kia thấy thị hỏi, bật cười.*  2.Bài tập 2:  Ở vị trí trống trong đoạn văn, tác giả đã lựa chọn câu ở phương án C (Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời), nghĩa là lựa chọn kiểu câu có trạng ngữ chỉ tình huống mà không chọn các kiểu câu khác vì:  -Kiểu câu ở phương án A (Có trạng ngữ chỉ thời gian khi) Nếu viết theo phương án này thì sự việc ở câu này và câu trước đó như xa nhau, cách một quãng thời gian.  - Kiểu câu ở phương án B (Câu có ha vế đều có đủ chủ ngữ và vị ngữ). Kiểu câu này lặp lại chủ ngữ (Liên ) không cần thiết, gây cho câu văn ấn tượng nặng nề.  -Kiểu câu ở phương án D (Câu có 1 chủ ngữ và 2 vị ngữ ). Kiểu câu này không tạo được mạch liên kết ý chặt chẽ với câu trước.  3.Bài tập 3:  a.Trạng ngữ: *Nhận được phiến trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường (câu đầu)*  b.Tác dụng: | III.DÙNG KIỂU CÂU CÓ TRẠNG NGỮ CHỈ TÌNH HUỐNG:  1.Bài tập 1:  a.Phần in đậm nằm ở vị trí đầu câu.  b. Phần in đậm có cấu tạo là cụm động từ.  c.Chuyển: *Bà già kia thấy thị hỏi, bật cười.*  Nhận xét: Sau khi chuyển, câu có hai vị ngữ, hai vị ngữ đó cùng có cấu tạo là các cụm động từ, cùng biểu hiện hoạt động của một chủ thể là Bà già kia . Nhưng viết theo kiểu câu có cụm động từ ở trướcchủ ngữ thì câu nối tiếp về ý rõ ràng hơn với câu trước đó.  2.Bài tập 2:  3.Bài tập 3:  a.Trạng ngữ:  b.Đây là câu đầu văn bản nên tác dụng của trạng ngữ này không phải là liên kết văn bản, cũng không phai là thể hiện thông tin đã biết, mà là phân biệt tin thứ yếu (thể hiện ở phần phụ đầu câu) với tin quan trọng (thể hiện ở phần vị ngữ chính của câu: quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc) |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 4: Tổng kết mục IV:**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày. | IV.TỔNG KẾT VỀ VIỆC SỬ DỤNG BA KIỂU CÂU TRONG VĂN BẢN:  -Thành phần chủ ngữ trong kiểu câu bị động, thành phần khởi ngữ và thành phần trạng ngữ chỉ tình huống đều chiếm vị trí đầu câu.  -Các thành phần kể trên thường thể hiện một nội dung dễ dàng liên tưởng từ những điều đã biết ở nhữg câu đi trước, hoặc một thông tin không quan trọng.  -Vì vậy, việc sử dụng những kiểu câu bị động, câu có thành phần khởi ngữ, câu có trạng ngữ chỉ tình huống có tác dụng liên kết ý, tạo mạch lạc trong văn bản. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:**  Cho câu *Cậu tôi tặng chị cuốn*  Thơ Tố Hữu, biến đổi nào sau đây **không** phải là câu bị động:  a. *Chị được cậu tôi tặng cuốn*  Thơ Tố Hữu  b. C*uốn*  Thơ Tố Hữu  *được cậu tôi tặng chị*  c. *Chị được tặng cuốn*  Thơ Tố Hữu  d.C*uốn*  Thơ Tố Hữu, *cậu tôi tặng chị*  **Câu hỏi 2:**  Câu nào sau đây **không** có khởi ngữ?  a. *Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng ( Nam Cao)*  b. *Còn mạ thằng Chiến, mụ chạy qua bên xóm Thượng coi thử mấy đứa kia đã về chưa? ( Bùi Hiển )*  c. *Nhưng mà chính anh ta thì, thật tình, anh chẳng biết mình là người ngau( Vũ Trọng Phụng)*  d. *Đã trông thấy tôi, tất chúng phải bắt cho kì được ( Tô Hoài)*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **1d; 5d** |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn phân tích *bệnh Đam Thiềm* qua đoạn trích bi kịch Vũ Như Tô ( trong đó có sử dụng kiểu câu bị động và câu có khởi ngữ**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Nội dung: Phân tích bệnh Đan Thiềm**   **- Hình thức: có dùng câu bị động và câu có khởi ngữ.** |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - Sưu tầm những câu thơ, câu văn ( trong văn xuôi ) đã học Ngữ Văn 11 HKI có sử dụng kiểu câu bị động và câu có khởi ngữ. Nêu hiệu quả nghệ thuật của những câu đó.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Đọc lại tất cả văn bản đã học. Chọn những câu có** sử dụng kiểu câu bị động và câu có khởi ngữ. * **Nêu hiệu quả nghệ thuật ( căn cứ vào văn cảnh)** |

**Tiết 67**

**ÔN TẬP VĂN HỌC (Học kì I)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

2/ Thông hiểu:Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học từ đầu XX đến 8-1945. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

3/Vận dụng thấp: Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn học sử

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| * GV giao nhiệm vụ:   +Trình chiếu tranh ảnh các tác giả tiêu biểu Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng tám năm 1945, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán các tác giả, tác phẩm;  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Như vậy là chúng ta đã thực hiện nội dung đọc hiểu Văn bản Ngữ văn 11 HKI giai đoạn đầu thế kỉ XX đến năm 1945, nhất là phần văn xuôi hiện đại. Hôm nay, chúng ta ôn lại văn học giai đoạn này để khắc sâu kiến thức. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  Gv yêu cầu HS dựa vào câu hỏi SGK để ôn tập  **GV:** Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng tám năm 1945 có sự phân hoá thành nhiều bộ phận, nhiều xu hướng như thế nào? Nêu những nét chính của mỗi bộ phận, mỗi xu hướng văn học đó.  Gv yêu cầu hs lấy ví dụ làm rõ các xu hướng phát triển khác nhau của văn học.  Hs trình bày, gv yêu cầu hs khác nhận xét sau đó chốt lại những nội dung chính.  Hãy làm rõ nguồn gốc sâu xa của tốc độ phát triển hết sức nhanh chóng và mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8- 1945.  ***HS Tái hiện kiến thức và trình bày.***  \* Văn học nô dịch, phản động, chống lại nhân dân, cam tâm làm tay sai cho Pháp, chống lại các phong trào yêu nước, cách mạng..  \* Văn học lãng mạn:  - Tiếng nói cá nhân, khẳng định cái tôi cá nhân, bất hoà với thực tại, tìm đến  thế giới tình yêu quá khứ, nội tâm, tôn giáo.  - Thức tỉnh ý thức cá nhân, chống lễ giáo phong kiến, làm cho tâm hồn người đọc thêm phong phú, thêm yêu quê hương đất nước..  - Hạn chế: ít gắn với đời sông chính trị văn hoá, sa vào đề cao chủ nghĩa cá nhân cực đoan..  - Tác giả, tác phẩm tiêu biểu: Thơ Tản Đà, Thế Lữ, Xuân Diệu..Văn xuôi: Hoàng ngọc Phách, Nhất Linh, Khái Hưng, Nguyễn Tuân..  \* Văn học hiện thực:  - Phản ánh hiện thực khách quan: Đó là xã hội thuộc địa bất công, tố cáo lên án tầng lớp thống trị, phơi bày tình cảnh khốn khổ của nhân dânlao động, trí thức nghèo..Có giá trị nhân đạo sâu sắc.  - Hạn chế: Chưa thấy rõ tiền đồ của nhân dân lao động và tương lai của dân tộc.  - Tác giả tiêu biểu: Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao..  \*Ở bộ phận văn học bất hợp pháp.  - Văn học yêu nước cách mạng do các sĩ phu yêu nước, các cán bộ, chiến sĩ và quần chúng cách mạng..  - Văn chương là vũ khí đấu tranh cách mạng.  - Tác giả: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hồ Chí Minh, Tố Hữu..  \*Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá phức tạp.  - Do sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật.  - Do sự phức tạp của tình hình xã hội, chính trị, tư tưởng… | **I. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX\_-> 1945 có sự phân hoá phức tạp thành nhiều bộ phận, nhiều xu hướng trong quá trình phát triển.**  ***1. Ở bộ phận công khai, có các xu hướng chính.***  \* Văn học nô dịch, phản động, chống lại nhân dân, cam tâm làm tay sai cho Pháp, chống lại các phong trào yêu nước, cách mạng..  \* Văn học lãng mạn:  - Đóng góp:  - Hạn chế:  - Tác giả, tác phẩm tiêu biểu:  \* Văn học hiện thực:  - Đóng góp:  - Hạn chế:  - Tác giả tiêu biểu:  \*Ở bộ phận văn học bất hợp pháp.  - Đóng góp:  - Hạn chế:  - Tác giả tiêu biểu:  \*Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá phức tạp.  ***2. Văn học phát triển với tốc độ hết sức mau lẹ, phi thường.*** |
| **\* Thao tác 1 :**  Gv chia 3 nhóm , mỗi nhóm tìm hiểu một truyện, chuẩn bị thành dàn ý , trình bày.  Cả lớp nhận xét- gv chốt lại những nội dung chính.  **Nhóm 1:** Tiểu thuyết hiện đại khác với tiểu thuyết trung đại như thế nào? Những yếu tố nào trong tiểu thuyết trung đại tồn tại trong tiểu thuyết Cha con nghĩa nặng.  GV yêu cầu hs phân tích những yếu tố trung đại còn tồn tại trong Cha con nghĩa nặng.  Cha con nghĩa nặng: Còn chú ý nhiều đến sự kiện, chi tiết. Tâm lí nhân vật sơ sài, thể hiện còn đơn giản. Kể chuyện hoàn toàn theo thời gian, sự việc.Ngôi kể thứ 3, xen những lời bình luận còn vụng về, thiên nhiên còn chưa gắn bó, hài hoà với nhân vật.  **Nhóm 2:** Phân tích tình huống trong các truyện ngắn “ Vi hành”( Nguyễn Ái Quốc) Tinh thần thể dục ( Nguyễn Công Hoan) Chữ người tử tù (Nguyễn Tuân) Chí Phèo (Nam Cao).  GV đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi mở cho hs.  Tình huống truyện là gì? Vai trò của tình huống đối với tác phẩm tự sự?  Hs thảo luận trình bày- hs nhận xét gv chốt lại nội dung chính.  **Nhóm 3:** Nét đặc sắc về nghệ thuật của các truyện ngắn Hai đứa trẻ (Thạch Lam) Chữ người tử tù ( Nguyễn Tuân) Chí Phèo (Nam Cao)  **Nhóm 4:** Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Huy Tưởng được thể hiện như thế nào qua việc triển khai và giải quyết mâu thuẫn kịch trong đoạn “ Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”  HS đại diện nhóm trình bày:  \* **Nhóm 1**  - Tiểu thuyết trung đại:  + Chữ Hán, chữ Nôm  + Chú ý đến sự việc, chi tiết.  + Cốt truyện đơn tuyến.  + Cách kể theo trình tự thời gian.  + Tâm lí, tâm trạng nhân vật sơ lược.  + Ngôi kể thứ 3.  + Kết cấu chương hồi.  - Tiểu thuyết hiện đại;  + Chữ quốc ngữ.  + Chú ý đến thế giới bên trong của nhân vật.  + Cốt truyện phức tạp, đa tuyến.  + Cách kể theo trình tự thời gian, theo sự phát triển của tâm lí, tâm trạng nhân vật.  + Tâm trạng, tâm lí nhân vật phức tạp.  + Ngôi kể thứ 3, thứ nhất, kết hợp nhiều ngôi kể.  + Kết cấu chương đoạn.  \* **Nhóm 2**  \* Tình huống là các quan hệ, những hoàn cảnh, những nhà văn sáng tạo ra để tạo nên sự hấp dẫn, sức sống và thế đứng của truyện. Sáng tạo tình huống đặc sắc là vấn đề then chốt của nghệ thuật viết truyện.  - Vi hành: tình huống nhầm lẫn.  - Tinh thần thể dục: mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung, mục đích và thực chất tốt đẹp và tai hoạ. Bắt buộc dân xem đá bóng, dân trốn chạy, thoái thác.  - Chữ người tử tù: tình huống éo le, tử tù sắp bị tử hình- người cho chữ, quản ngục- người xin chữ. Cảnh cho chữ xưa nay chưa từng có.  - Chí Phèo: Tình huống bi kịch: mâu thuẫn giữa khát vọng sông lương thiện và không được làm người lương thiện.  \* **Nhóm 3**  - Hai đứa trẻ: Truyện không có truyện- truyện trữ tình. Cốt truyện đơn giản. Tác giả chủ yếu đi sâu vào tâm trạng và cảm giác của nhân vật. Ngôn ngữ giàu chất thơ, nhẹ nhàng, tinh tế..  - Chữ người tử tù: Cốt truyện đơn giản, Tạo tình huống éo le. Tình huống cho chữ, xin chữ. Ngôn ngữ kể, tả vừa cổ kính, vừa hiện đại, rất tạo hình.  - Chí Phèo: Cốt truyện hấp dẫn, li kì. Cách kể, tả linh hoạt, biến hoá. Xây dựng nhân vật điển hình, miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật..  \* **Nhóm 4**  - Tác giả đã giải quyết mâu thuẫn thứ nhất theo quan điểm của nhân dân nhưng không lên án, không cho rằng Vũ Như Tô và Đan Thiềm là người có tội.  - Mâu thuẫn thứ hai chưa được giải quyết dứt khoát bởi đó là mâu thuẫn đã mang tính quy luật thể hiện mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ sĩ và xã hội-> cách giải quyết thoả đáng, tối ưu.  **\* Thao tác 2 :**  GV: Nêu và bình luận quan điểm nghệ thuật của Nam Cao?  Gợi ý cụ thể:  -Đặc trưng bản chất của nghệ thuật sáng tạo văn chương là gì?  - Phân biệt nghệ thuật sáng tạo văn chương và công việc kĩ thuật ( những người thợ khéo tay)  - Làm thế nào để khơi nguồn chưa ai khơi, sáng tạo ra những gì chưa có?  Vấn đề thiên chức và khó khăn của người nghệ sĩ chân chính? Chứng minh bằng sáng tác của Nam Cao.  **Hs trình bày cá nhân:**  - Công việc của người thợ thường là sao chép theo mẫu tạo ra những sản phẩm giống nhau hàng loạt. Còn việc sáng tạo của ngưởi nghệ sĩ khác hẳn: sản phẩm của anh ta là sản phẩm tinh thần, tư duy, tâm hồn. Là tạo ra cái mới. Mỗi tác phẩm của nhà văn là tác phẩm duy nhất, không lặp lại.  - Muốn vậy, nhà văn phải có năng lực tư duy,có óc sáng tạo dồi dào, có ý chí và nỗ lực tìm kiếm cái mới.  - Đây là quan điểm không mới nhưng được phát biểu chân thành, diễn đạt hay và lại được kiểm chứng bằng chính tác phẩm của Nam Cao. | **II. Phân biệt sự khác nhau giữa tiểu thuyết trung đại và hiện đại.**  - Tiểu thuyết trung đại:    - Tiểu thuyết hiện đại;    **III. Tình huống truyện trong các tác phẩm: Vi hành, Tinh thần thể dục, Chữ người tử tù, Chí phèo.**  \* Tình huống truyện :  - Vi hành:  - Tinh thần thể dục:  - Chữ người tử tù:  - Chí Phèo:  **IV. Nét đặc sắc trong nghệ thuật của các truyện: Hai đứa trẻ, Chữ người tử tù, Chí Phèo.**  - Hai đứa trẻ:  - Chữ người tử tù:  - Chí Phèo:  **V. Quan điểm của Nguyễn Huy Tưởng trong việc triễn khai và giải quyết mâu thuẩn trong Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài.**  - Tác giả đã giải quyết mâu thuẫn thứ nhất :  - Mâu thuẫn thứ hai :  **VI. Bình luận quan điểm nghệ thuật của Nam Cao**. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:** Tác phẩm nào sau đây được xếp vào loại truyện ngắn trữ tình ? a. *Chữ người tử tù* b. *Cha con nghĩa nặng* c. *Tinh thần thể dục* d. *Hai đứa trẻ*  **Câu hỏi 2:** Tác phẩm nào ra đời giai đoạn 1900-1945 nhưng còn mang nhiều yếu tố của tiểu thuyết trung đại? a. *Vi hành* b. *Chí Phèo* c. *Cha con nghĩa nặng*  d. *Chữ người tử tù*    **Câu hỏi 3:** Tác phẩm /.../ là một vở kịch lịch sử có quy mô hoành tráng? a. *Số đỏ* b. *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* c. *Vũ Như Tô*  d. *Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Vũ Như Tô*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='c'  [3]='c' |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3:  *“Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay, còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng “vi hành” đấy.”*  **(“Vi hành”**- Trích “Những bức thư gửi cô em họ”- Nguyễn Ái Quốc)  1. Hãy nêu nội dung chính của văn bản ?  2. Văn bản trên có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó là gì?  3. Xác định giọng điệu thể hiện qua văn bản? Qua giọng điệu đó, tác giả bộc lộ tâm trạng gì?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1/Nội dung chính của văn bản: Nhân vật *tôi* bộc lộ cảm xúc khi nhớ về quê hương, xứ sở, liên tưởng đến những vị vua đã từng *vi hành* đích thực, gắn bó với đời sống của nhân dân.  2/Văn bản trên có sử dụng biện pháp nghệ thuật đối lập giữa *vua Thuấn,vua Pie nước Nga*  đi vi hành đích thực với *những ông hoàng, ông chúa* cũng *vi hành* nhưng vì *những lý do không cao thượng.* Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó: Nhắc lại những tấm gương vi hành cao cả, người viết ngầm so sánh, đối lập với hành động mờ ám, tăm tối, ăn chơi đàng điếm nhằm vạch trần bộ mặt kệch cỡm, giả dối, bán dân hại nước của vua Khải Định.  3. Giọng điệu thể hiện qua văn bản: gồm có giọng văn trữ tình ( giọng chủ đạo) và giọng trào phúng ( ở cuối văn bản).  Qua giọng điệu đó, tác giả bộc lộ có nỗi xúc động sâu sắc của người xa xứ nhớ về quê hương, kỷ niệm, gia đình, đất nước thoáng hiện trong lòng người tha hương, có lòng ưu ái khôn nguôi trong tâm hồn một người yêu nước. Ở đó có cả sự cay đắng của nỗi niềm mất nước, của danh dự quốc thể vì thân phận nô lệ và bị kỳ thị chủng tộc. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài Ôn tập**  **+ Lập bảng theo các đề mục: tác giả, tác phẩm ( đoạn trích), Nội dung, nghệ thuật**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Vẽ đúng sơ đồ tư duy bằng phần mềm Imindmap** * **Lên khung, lập bảng, ghi ngắn gọn những kiến thức cơ bản.** |

*Tiết 68,69*

**Kiểm tra tổng hợp cuối học kì I**

**Thi theo đề chung**

TIẾT 71 + 71 Làm văn

**Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn**

**🕮 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV - HS | Kiến thức cần đạt |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu phỏng vấn và trả lời phỏng vấn về việc giảng dạy môn Ngữ văn.**  a. Chuẩn bị  Cuộc phỏng vấn và trả lời phỏng vấn về việc giảng dạy và học tập môn Ngữ văn THPT  - Xác định chủ đề : Phỏng văn (Trả lời phỏng vấn ) vấn đề học và thi môn Ngữ văn THPT  - Xác định mục đích: phỏng vấn ( Trả lời phỏng vấn) để nắm được thực trạng về việc học và thi môn Ngữ văn ở THPT  - Xác định hệ thống câu hỏi phỏng vấn : Số lượng trung bình, mức độ vừa dễ, vừa khó. | **I. Nhấn mạnh thêm kiến thức**  **1. Giả định em cần phỏng vấn và trả lời phỏng vấn về việc giảng dạy môn Ngữ văn.**  a. Chuẩn bị  - Xác định chủ đề :  - Xác định mục đích:  - Xác định hệ thống câu hỏi phỏng vấn : |
| **\* Thao tác 1 :**  HS thực hiện trước lớp về cuộc phỏng vấn sau khi đã chuẩn bị:  b. THỰC HIỆN CUỘC PHỎNG VẤN  \* Đóng vai người phỏng vấn, sẽ thảo luận về nội dung, phương pháp, phương tiện, thái độ.  - Nội dung Người phỏng vấn nắm chắc chủ đề, mục đích , đối tượng phỏng vấn.  - Phương pháp: Hỏi các câu hỏi chuẩn bị sẵn kết hợp các câu hỏi đưa đẩy, đan xen.  + Giới thiệu về bản thân , học trường nào .  + Em thấy thực trạng việc học tập và thi môn ngữ văn như thế nào (giáo viên và học sinh)  Có liên hệ đến bản thân.  + Em hãy nêu những nguyên nhân, giảy pháp  + Cảm ơn  - Thái độ: Người phỏng vấn phải tỏ ra khiêm tốn nhã nhặn, tôn trọng.  \* Đóng vai trò người trả lời phỏng vấn  - Nội dung: Trả lời đầy đủ những thông tin về chủ đề phỏng vấn, phải trả lời trung thực , có nét riêng .  - Thái độ: Cần có thái độ thẳng thắn khiêm tốn nhã nhặn  c . Rút kinh nghiệm.  - Đối với người phỏng vấn: lập hệ thống câu hỏi, cách hỏi, cách ghi chép và biên tập kết quả phỏng vấn.  - Đối với người trả lời phỏng vấn: xác định nội dung trả lời câu hỏi, cách diễn đạt, trỡnh bày cỏc ý kiến của bản thõn.  -> Chú ý thái độ, tác phong khi hỏi đáp, chuyện trũ, giao tiếp.  \* Biên tập và chỉnh sửa lại bản phỏng vấn  - Cần đảm bảo nội dung chính  - Có thể sửa qua về cử chỉ, điệu bộ… | b. Thực hiện  -Đóng vai người PV và người ghi chép đi PV.  - Đóng vai người trả lời PV.  -Tổng hợp, biên tập lại những nội dung thu được từ cuộc PV. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS** Tiến hành phỏng vấn về các vấn đề khác  1. Em hãy thực hiện cuộc phỏng vấn về vấn đề thời trang học đường hiện nay.  2.Em hãy thực hiện cuộc phỏng vấn về vấn đề an toàn giao thông  HS trả lời cá nhân:  - HS đưa ra thực trạng của vấn đề thời trang học sinh hiện nay  - Đưa ra quan niệm của học sinh hiện nay về thời trang học sinh  - Đưa ra nguyên nhân  - Đưa ra biện pháp thực hiện để giáo dục học sinh thực hiện thời trang đúng với học sinh.  Gợi ý  - Em thấy thực trạng về an toàn giao thông ở ở địa phương em như thế nào?  - Em hãy đưa ra những nguyên nhân  - Đưa ra hậu quả của vấn đề mất an toàn giao thông  - Em hãy đưa ra những giải pháp để khắc phục hoặc giữ gìn an toàn giao thông ở địa phương em.  - Em hãy liên hệ với bản thân em | 3. Tiến hành phỏng vấn về các vấn đề khác như: Em hãy thực hiện cuộc phỏng vấn về vấn đề thời trang học đường hiện nay. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 3 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | **Năng lực cần hình thành** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **1/ Hình thức phỏng vấn thường gặp nhất là gì?**  a. Phỏng vấn bằng phiếu hỏi  b. Phỏng vấn qua điện thoại  c. Phỏng vấn quan internet  d. Phỏng vấn trực tiếp  **2/ Hình thức phỏng vấn thường gặp nhất là gì?**  a. Phỏng vấn bằng phiếu hỏi  b. Phỏng vấn qua điện thoại  c. Phỏng vấn quan internet  d. Phỏng vấn trực tiếp  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **1d; 2d** | Năng lực giải quyết vấn đề: |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | **Năng lực cần hình thành** |
| **GV giao nhiệm vụ: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn về văn hoá giao thông dành cho tuổi trẻ học đường**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1. Chuẩn bị:   1/Xác định chủ đề: phỏng vấn ( trả lời phỏng vấn ) chủ đề gì?  2/Xác định mục đích: phỏng vấn ( trả lời phỏng vấn ) để nắm được thực trạng ứng xử trong văn hoá giao thông dành cho tuổi trẻ học đường.  3/xác định đối tượng trả lời phỏng vấn: cá nhâ hay tập thể, HS hay GV?  4/ Xác định hệ thống câu hỏi phỏng vấn: số lượng, tính chất, mức độ khó dễ.   1. Thực hiện cuộc phỏng vấn 2. Rút kinh nghiệm. | Năng lực giải quyết vấn đề: |

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Phân công 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một video clip trong 10 phút với đề tài phỏng vấn như sau:  1/ Thuyên truyền phòng chống HIV/AIDS ở trường của em.  2/ Bảo vệ môi trường ở khu dân cư nơi em cư trú  3/ Về một tấm gương học giỏi- sống tốt ở trường em.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * **Thực hiện đủ 3 bước;** * **Phân công nhiệm vụ trong tổ để tiến hành thực hiện;** * **Thời gian báo cáo sản phẩm: 10 ngày sau khi nhận đề tài.** |

*Tiết 72*

**Trả bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I**

**Chữa bài thi học kì theo đáp án chung**

***Tiết 73***

***LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG***

*Phan Bội Châu*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

***1. Môn Ngữ văn:***

Giúp HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung các bài học như:

- Cảm nhận được vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX;

- Thấy được những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ, nhất là giọng thơ tâm huyết, sôi sục cua Phan Bội Châu.

-Tích hợp với các bài: *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác của Phan Bội Châu, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu của Nguyễn Ái Quốc* (đã học ở THCS).

-Tích hợp với thơ trung đại từ Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi… liên hệ đến những câu thơ ngang tàng của ông Hi Văn (Nguyễn Công Trứ) về Chí làm trai.

-Tích hợp với Hịch tướng sĩ ( Trần Quốc Tuấn), Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ( Nguyễn Đình Chiểu) để liên hệ đến vấn đề vinh-nhục...

- Tích hợp phần Tiếng Việt ( Biện pháp tu từ, Nghĩa của từ, Luật thơ) , Làm văn ( thao tác lập luận so sánh, phân tích...)

***2. Môn Lịch sử:*** HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung bài học như: **Bài 23**.Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914) [Chương trình Lịch sử 11]

***3. Môn Địa lí:*** HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung tìm hiểu về địa lí địa phương ( quê hương Nam Đàn, Nghệ An của Phan Bội Châu)

***4. Môn GDCD:*** HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung các bài học như Công dân với cộng đồng, Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...[Chương trình GDCD 10];

***5. Môn Tin học:*** biết sử dụng CNTT trong quá trình trình bày, liên kết các nội dung.

**6**. HS có kiến thức tổng hợp về mĩ thuật,văn hóa, xã hội … ngày nay.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Hệ thống kĩ năng như sử dụng công nghệ thông tin, sưu tầm tư liệu, phân tích, đánh giá, so sánh, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình, phản biện…

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

*-* Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để dạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;

+ Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Có năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Có năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Có năng lực tìm hiểu các chi tiết, hình ảnh thơ tiêu biểu, trình bày 1 phút về nhân vật.

- Có năng lực ngôn ngữ; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực sáng tạo

- Có năng lực đọc- hiểu tác phẩm trữ tình theo đặc trưng thể loại; phân tích và lý giải những vấn đề xã hội có liên quan đến văn bản; phản hồi và đánh giá những ý kiến khác nhau về văn bản và các văn bản có liên quan.

- Có năng lực trình bày suy nghĩ cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

- Có năng lực giải quyết vấn đề phát sinh trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

**Mục tiêu liên môn**

- HS có vốn kiến thức phong phú, tổng hợp về Phong trào Đông Du, giá trị tư tưởng mới mẻ của bài thơ. Có ý thức về trách nhiệm của người học sinh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc ngày nay.

- HS có năng lực tự học, tự nghiên cứu những vấn đề có tính liên môn chưa được biên soạn thành bài học trong sách giáo khoa.

- HS có năng lực vận dụng kiến thức liên môn của các môn học khác nhau như Tiếng Việt, làm văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, … để giải quyết các tình huống thực tiễn đời sống.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Phan Bội Châu*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Phan Bội Châu câu thơ dậy sóng/ Bạn cùng ai đất khách dãi dầu?*(Tố Hữu, Theo chân Bác)  *Đó là những lời đánh giá rất cao về con người và thơ văn của nhà cách mạng Viêt Nam kiêt xuất nhất 25 năm đầu thế kỉ XX. Trong buổi từ biêt anh em đồng chí, trước khi bí mật lên đường sang Nhật Bản tổ chức và chỉ đạo phong trào Đông du (1905 - 1908), Phan Bội Châu đã cảm hứng viết bài thơ này.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  ***\*GV Tích hợp kiến thức Địa lí(quê hương Nam Đàn), kiến thức lịch sử 11- Lịch sử Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX hướng dẫn học sinh tìm hiểu phong trào Đông Du và hoàn cảnh ra đời bài thơ.***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: dựa vàophần *Tiểu dẫn* (SGK/3) em hãy cho biết:  *a. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm.*  *b. Thể thơ*  *c. Đề tài*  *d. Bố cục*    ( Nơi PBC bị giam lỏng ở Huế)  **Tích hợp với các bài: Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác của Phan Bội Châu, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu của Nguyễn Ái Quốc (đã học ở THCS) để nói thêm về tác phẩm của Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc viết về Phan Bội Châu.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Tác giả:** Phan Bội Châu (1867-1940).  - Ông sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho, tại làng Đan Nhiệm, Nam Hoà, Nam Đàn, Nghệ An  - Là một người yêu nước và cách mạng, lãnh đạo phong trào Đông Du và xuất dương sang Nhật; năm 1925, ông bị thực dân Pháp bắt và đưa ông về quản thúc (giam lỏng) tại Huế. ông mất ở đây năm 1940.  - Sự nghiệp văn học phong phú đồ sộ, chủ yếu viết bằng chữ Hán theo các thể loại truyền thống của văn học trung đại  - Tư duy nhạy bén, không ngừng đổi mới, cây bút xuất sắc nhất của văn thơ cách mạng Việt Nam mấy chục năm đầu thế kỉ XX  - Quan niệm văn chương là vũ khí tuyên truyền yêu nước và cách mạng ; khơi dòng cho loại văn chương trữ tình, chính trị, một trong những mũi tiến công kẻ thù và vận động cách mạng  ***\*GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (Luật thơ) hướng dẫn học sinh tìm hiểu bố cục, thể thơ của bài thơ.***  GV bổ sung: nét mới mẻ ở chỗ đây không phải là lời người ở lại tiễn người ra đi mà lại là lời người ra đi gửi người ở lại với giọng thơ rắn rỏi, mực thước.  **2. Tác phẩm:** “Lưu biệt khi xuất dương”  - Hoàn cảnh sáng tác: được viết trong bữa cơm ngày tết cụ Phan tổ chức ở nhà mình, để chia tay với bạn đồng chí trước lúc lên đường sang Nhật Bản, tổ chức và chỉ đạo phong trào Đông Du (1905-1908)  - Thể thơ: Bài thơ được viết bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.  - Đề tài: Bài thơ mang đề tài “*lưu biệt*” – một đề tài quen thuộc trong thơ cổ trung đại nhưng lại mang  - Bố cục:  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Phan Bội Châu (1867 - 1940)  - Quê: Đan Nhiễm – Nam Đàn – Nghệ An.  - Là một người yêu nước và cách mạng “vị anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập”  - Là nhà thơ, nhà văn, là người khơi nguồn cho loại văn chương trữ tình.  **2. Tác phẩm:**  ***- Hoàn cảnh ra đời:*** Năm 1905, trước lúc lên đường sang Nhật Bản, ông làm bài thơ này để từ giã bạn bè, đồng chí.  ***- Hoàn cảnh lịch sử:*** Tình hình chính trị trong nước đen tối, đất nước đã mất chủ quyền, tiếng mõ Cần Vương đã tắt, các phong trào yêu nước thất bại, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ nước ngoài tràn vào.  - Thể thơ: Chữ Hán, Thất ngôn bát cú Đường luật  - Đề tài: Lưu biệt  - Bố cục: đề, thực, luận, kết |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  Đọc cả bản phiên âm chữ Hán, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ. Trọng tâm là bản dịch thơ. Chú ý thể hiện giọng thơ tâm huyết, lôi cuốn, hào hùng nhưng vẫn giữ đúng vần, nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  \*Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.   * GV và HS đọc 1 lần bản phiên âm, dịch nghĩa 2 - 3 lần bản dịch thơ. * GV và HS nhận xét cách đọc.   **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1:**  **-**Tư duy mới mẻ, khát vọng hành động của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước được biểu lộ trong 2 câu thơ đầu như thế nào?  - Quan niệm của cụ Phan về chí làm trai có gì mới mẻ, táo bạo so với tiền nhân?  **-Tích hợp với thơ trung đại: Phạm Ngũ Lão, ông Hi Văn (Nguyễn Công Trứ) về Chí làm trai, sử dụng thao tác so sánh ( làm văn ) để tìm hiểu nét mới trong Chí làm trai của PBC**  **- Hoàn thành phiếu học tập**   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Chí làm trai | | **Phạm Ngũ Lão** |  | | **Nguyễn Công Trứ** |  | | **Phan Bội Châu** |  |   GV bổ sung: PBC vượt lên giấc mộng công danh thường gắn liền với hai chữ *trung quân* để vươn tới những lý tưởng nhân quần, xã hội rộng lớn cao cả (bởi *đời* ở đây chính là cuộc đời, cũng chính là xã hội).  **Nhóm 2:** Em hiểu khoảng trăm năm (ư bách niên) là gì? Cái "tôi" xuất hiện như thế nào?Đây có phải là cái "tôi" hoàn toàn mang tính chất cá nhân hay không? Vì sao?Sự chuyển đổi giọng thơ đang từ khẳng định (câu 3) sang giọng nghi vấn (câu 4: há không ai? - cánh vô thuỳ?) có ý nghĩa gì?  **Nhóm 3: -**Tác giả đặt ra những vấn đề gì mới ở hai câu 5-6?Tại sao nói quan niệm và tư duy của Phan Bội Châu hết sức mới mẻ?Có phải tác giả hoàn toàn phủ nhận thánh hiền trong khi bản thân là bậc nhà Nho?  **- GV cho HS hoàn thành phiếu học tập. Từ đó, HS phát hiện sự mới mẻ trong tư tưởng của PBC**   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Quan niệm Sống-Chết | | **Trần Quốc Tuấn ( trong Hịch tướng sĩ)** |  | | **Nguyễn Đình Chiểu (trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)** |  | | **Phan Bội Châu** |  |   ***\*GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (Từ Hán-Việt) hướng dẫn học sinh tìm hiểu , so sánh giữa bản phiên âm và dịch thơ.***  **Nhóm 4:** - Hai câu kết thể hiện khát vọng hành động và tư thế của người ra đi như thế nào? (Chú ý không gian được nói đến, hình tượng thơ có gì đặc biệt, biện pháp tu từ và so sánh phần dịch thơ với nguyên tác ở câu 8).  ***\*GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (Từ Hán-Việt) hướng dẫn học sinh tìm hiểu , so sánh giữa bản phiên âm và dịch thơ.***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  *- Làm trai phải lạ ở trên đời.* Sinh ra làm thân nam nhi, phải làm được những việc lớn lao kì lạ, trọng đại cho đời.  - *Há để càn khôn tự chuyển dời*  Lời nhắc nhở: làm trai phải xoay trời chuyển đất, phải chủ động, không nên trông chờ.   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Chí làm trai | | **Phạm Ngũ Lão** | *Công danh nam tử còn vương nợ...chuyện Vũ Hầu* | | **Nguyễn Công Trứ** | *Chí làm trai nam, bắc, đông tây* | | **Phan Bội Châu** | *Làm trai phải lạ...* |   - Chí làm trai theo quan niệm mới mẻ của cụ Phan: Phải xoay trời chuyển đất, phải chủ động, phải làm những việc phi thường, phải gắn liền với sự nghiệp cứu nước. Ý tưởng lớn lao, mới mẻ này đã giúp Phan Bội Châu thể hiện cái tôi đầy trách nhiệm của mình, trong những câu thơ tiếp theo.  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  *- Trong khoảng trăm năm cần có tớ*  Khẳng định đầy tự hào, đầy trách nhiệm: dành trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước.Tự nhận gánh vác việc giang sơn một cách tự giác. Nói bằng cả tâm huyết, bằng tấm lòng sục sôi của mình. Phá vỡ tính quy phạm của văn học trung đại (Tính phi ngã).  *- Sau này muôn thuở há không ai?*  Cụ Phan không hề khẳng định mình và phủ nhận mai sau, mà muốn nói lịch sử là một dòng chảy liên tục, có sự góp mặt và tham gia gánh vác công việc của nhiều thế hệ! có niềm tin với mình như thế nào, với mai sau như thế nào mới viết được những câu thơ như thế.  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  *- Non sông đã chết....Hiền thánh còn đâu?...*  Việc học hành thi cử cũ, không còn phù hợp với tình hình đất nước hiện tại. (Cụ không hề phủ nhận Nho giáo, cụ chỉ muốn kêu gọi sự thức thời, tinh thần hành động vì sự nghiệp giải phóng dân tộc! Con người tràn đầy nhiệt huyết, cá tính mạnh mẽ ưa hành động đã dùng những từ phủ định đầy ấn tượng:  *“Tử hĩ” (chết rồi); “Đồ nhuế” (nhơ nhuốc);“Si” (ngu).*  - So với nguyên tác, các cụm từ *đồ nhuế* (nhơ nhuốc) được dịch là *nhục*, *tụng diệc si* (học cũng chỉ ngu thôi) được dịch là *học cũng hoài* chỉ thể hiện được ý phủ nhận mà chưa thể hiện rõ cái tư thế, khí phách ngang tàng,  dứt khoát của tác giả.   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Quan niệm Sống-Chết | | **Trần Quốc Tuấn ( trong Hịch tướng sĩ)** | *Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn* | | **Nguyễn Đình Chiểu (trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)** | *Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn - Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ...* | | **Phan Bội Châu** | *Non sông đã mất, sống thêm nhục* |   - Ông đã dám đối mặt với cả nền học vấn cũ để nhận thức chân lí: sách vở Nho gia thánh hiền từng là rường cột tư tưởng, đạo lí, văn hoá cho nhà nước phong kiến Việt Nam hàng nghìn năm lịch sử thì giờ đây chẳng giúp ích gì trong buổi nước mất nhà tan.  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  - Không gian : *biển Đông* rộng lớn - chí lớn của nhà cách mạng. Câu thơ là sự hăm hở của người ra đi qua khát vọng muốn vượt theo cánh gió dài trên biển rộng để thực hiện lí tưởng cách mạng.  - Hình tượng thơ vừa kỳ vĩ, lớn lao vừa lãng mạn, thơ mộng (*trường phong, Đông hải, thiên trùng, bạch lãng*) hòa nhập với con người trong tư thế cùng bay lên gợi chất sử thi cuộn trào trong từng câu chữ.  - Lối nói nhân hóa “ *thiên trùng bạch lãng nhất tề phi*” được dịch là “*muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi*” tuy chưa khắc họa được tư thế và khí thế hùng mạnh, bay bổng như nguyên tác nhưng cũng cho thấy nhân vật trữ tình trong niềm hứng khởi đã nhìn muôn trùng sóng bạc không phải như những trở ngại đáng sợ mà như một yếu tố kích thích.  - Câu 7: Âm điệu rắn rỏi, thể hiện lời nguyện thề dứt khoát, thiêng liêng với chính mình, trước bạn bè, đồng chí và đồng bào.  - Câu 8: Âm điệu nhịp nhàng, bay bổng, cao dần, xa dần làm cho lời nguyện biến thành hành động, dạt dào niềm lạc quan, phơi phới niềm tin.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**    **1. Hai câu đề: quan niệm mới về “Chí làm trai”**  - Tác giả nêu lên quan niệm mới: là đấng nam nhi phải sống cho ra sống, mong muốn làm nên điều kì lạ “ yếu hi kì” túc là phải sống cho phi thường hiển hách, dám mưu đồ xoay chuyển càn khôn.  🡪 Câu thơ thể hiện một tư thế, một tâm thế đẹp về chí nam nhi phải tin tưởng ở mức độ và tài năng của mình.  => Tuyên ngôn về chí làm trai.  **2. Hai câu thực: khẳng định ý thức trách nhiệm của *cái tôi* cá nhân trước thời cuộc**  - Câu 3: *“Tu hữu ngã”* (phải có trong cuộc đời) 🡪 ý thức trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc, không chỉ là trách nhiệm trước hiện tại mà còn trách nhiệm trước lịch sử của dân tộc “thiên taỉ hậu” (nghìn năm sau)  - Câu 4: tác giả lại chuyển giọng nghi vấn (cánh vô thuỳ - há không ai?). Đó chỉ là cách nói nhằm khẳng định cương quyết hơn khát vọng sống hiển hách, phi thường, phát huy hết tài năng trí tuệ dâng hiến cho đời.  🡪 Đó là ý thức sâu sắc thể hiện vai trò cá nhân trong lịch sử: sẵn sàng gánh vác mọi trách nhiệm mà lịch sử giao phó.  **3. Hai câu luận: thái độ quyết liệt trước tình cảnh đất nước và những tín điều xưa cũ.**  - Nêu lên tình cảnh của đất nước: *“non sông đã chết”* và đưa ra ý thức về lẽ vinh nhục gắn với sự tồn vong của đất nước, dân tộc.  - Đề xuất tư tưởng mới mẻ, táo bạo về nền học vấn cũ: *“hiền thánh còn đâu học cũng hoài”*  => Bộc lộ khí phách ngang tàng, táo bạo, quyết liệt của một nhà cách mạng tiên phong: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.  **4. Hai câu kết: Tư thế và khát vọng buổi lên đường.**  - *“Trường phong”*(ngọn gió dài)  - *“Thiên trùng bạch lãng”* (ngàn lớp sóng bạc)  🡪 Hình tượng kì vĩ.  - Tư thế: *“nhất tề phi”(*cùng bay lên)  => Hình ảnh đầy lãng mạn hào hùng, đưa nhân vật trữ tình vào tư thế vượt lên thực tại đen tối với đôi cánh thiên thần, vươn ngang tầm vũ trụ. Đồng thời thể hiện khát vọng lên đường của bậc đại trượng phu hào kiệt sẵn sàng ra khơi giữa muôn trùng sóng bạc tìm đường cứu sống giang sơn đất nước. |
| **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  Trình bày thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản?  ***GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10( bài CÔNG DÂN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC) để hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm đối với Đất nước.***  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **III. Tổng kết:**  **1.. Nghệ thuật:**  -Ngôn ngữ khoáng đạt: hình ảnh kì vĩ sánh ngang tầm vũ trụ -> chí khí, quyết tâm, khát vọng.  -Gịong thơ tâm huyết sâu lắng mà sục sôi, hào hùng 🡪động từ mạnh, ngắt nhịp dứt khoát, câu khẳng định, từ tình thái -->lời thơ rắn rỏi, cảm xúc mãnh liệt.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sôi sục, tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1.Câu nào dưới đây có ý nghĩa giống với câu “Há để càn khôn tự chuyển dời” ?  a. Chí làm trai nam, bắc, tây, đông - Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn biển  (Nguyễn Công Trứ)  b. Công danh nam tử còn vương nợ - Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu  (Phạm Ngũ Lão)  c. Làm trai cho đáng nên trai - Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng (Ca dao)  d. Giang sơn còn tô vẽ mặt nam nhi - Sinh thời thế phải xoay nên thời thế  (Phan Bội Châu)  2.Câu thơ nào nói đến khát vọng lưu danh thiên cổ ?  a. ư bách niên trung tu hữu ngã  b. Khởi thiên tải hậu cánh vô thùy  c. Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế  d. Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si  3. Câu thơ nào bộc lộ khát vọng tìm con đường mới để cứu nước của một nhà nho ngang tàng, táo bạo ?  a. Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế  b. Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si  c. Nguyện trục trường phong Đồng hải khứ  d. Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **Đáp án: 1d,2b,3b** |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1/ Nêu chủ đề và thể thơ của văn bản?  2/ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?Hãy chỉ ra những cung bậc tình cảm chính của nhân vật trữ tình ấy.  3/ Trình bày chất thơ hùng tráng trong hai câu thơ kết ?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1/ Văn bản trên có chủ đề: Bài thơ thể hiện chí làm trai tiến bộ, khát vọng mãnh liệt, ý thức cá nhân và trách nhiệm cao cả, tư thế hăm hở ra đi hoà với vũ trụ…của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước.  Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật.  2/ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là Phan Bội Châu. Những cung bậc tình cảm chính của nhân vật trữ tình : đau đớn trước việc đất nước chìm đắm trong cảnh nô lệ ; lạc quan, quyết tâm hành động để giải phóng dân tộc.  3/ Chất thơ hùng tráng trong hai câu thơ kết :  - Chất thơ thể hiện ở không gian hết sức hùng vĩ:*bể Đông;muôn trùng sóng bạc*  - Chất thơ còn thể hiện ở hình ảnh con người với những hành động hết sức hăm hở, mạnh mẽ, cùng bay lên với hàng ngàn con sóng bạc đầu. Con người không bị chìm khuất, biến mất trong không gian cao rộng. Trái lại, họ vượt lên rất chủ động, mạnh mẽ với một nội lực hùng hậu để thực hiện khát vọng làm nên điều kì lạ mà nhà thơ đã nói đến trong câu thơ mở đầu. |

**🕮 5 . TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *chí làm trai* đối với thanh niên ngày nay.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  -**GV nhận xét, chốt kiến thức** | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung : Từ quan niệm mới mẻ của Phan Bội Châu về *chí làm trai* trong văn bản là phải thấy rõ trách nhiệm của mình với cộng đồng, biết dứt khoát từ bỏ cái học từ chương, sách vở, học sinh bày tỏ suy nghĩ của bản thân về *chí làm trai* đối với tuổi trẻ hôm nay. Đó là sống có lí tưởng, ước mơ, gắn trách nhiệm giữa cá nhân với Tổ quốc, đất nước...Phê phán một bộ phận thanh niên sống không có lí tưởng, xa rời thực tế, thờ ơ với vận mệnh dân tộc. Rút ra bài học nhận thức và hành động. |

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **1. Củng cố:** Qua bài thơ cần nắm được quan niệm về chí làm trai của PBC**;**  Thấy được giọng thơ tâm huyết sục sôi của tác giả.  **2. Luyện tập:**  HS học thuộc phần phiên âm và dịch thơ của bài thơ. Nắm được những nét chính về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **3. Chuẩn bị bài mới:** **“Nghĩa của câu**”. Học sinh đọc trước bài học.  Nắm được hai thành phần nghĩa của câu, đặc biệt là nghĩa sự việc. |

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 76 : Đọc văn**

**HẦU TRỜI** - Tản Đà –

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

- Cảm nhận được tâm hồn lãng mạn độc đáo của thi sĩ Tản Đà và những dấu hiệu đổi mới theo hướng hiện đại của thơ ca Việt Nam vào đầu những năm 20 của thế kỉ XX.

- Thấy được giá trị nghệ thuật đặc sắc của thơ Tản Đà .

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Đọc –hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

trân trọng hồn thơ lãng mạn, khao khát khẳng định mình của Tản Đà

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Tản Đà

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ Tản Đà

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ Tản Đà

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Tản Đà*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  *Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Ớ THCS, chúng ta đã được làm quen với Tản Đà khi ông Muốn làm thằng Cuội để tựa vai trông xuống thế gian cười, khi ông chán trần gian và mơ giấc mơ thoát li lên thượng giới trong bài thơ thất ngôn bát cú; một lần nữa chúng ta lại nghe nhà thơ kể chuyên một đêm mơ lên Hầu Trời vừa lạ kì vừa dí dỏm.*  *Trong “Thi nhân Việt Nam” – một cuốn sách được coi là bảo tàng của Thơ mới, Tản Đà được cung kính đặt lên hàng đầu. Tản Đà chưa phải là một nhà thơ mới nhưng những gì thi nhân để lại cho thơ ca thì Hoài Thanh đã coi ông là “con người của hai thế kỉ”, “người đã tạo nên những bản đàn cho một cuộc đại nhạc hội đang sắp sửa”. Thơ Tản Đà mang những dấu hiệu đổi mới cả về nội dung tư tưởng lẫn nghệ thuật, đặc biệt ta nhận thấy rất rõ cái tôi với những điệu tính cảm xúc mới.“Hầu trơi” là bài thơ dài tiêu biểu cho những đặc điểm thơ Tản Đà.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **-** GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả Tảm Đà  - Gọi 1 HS đọc phần Tiểu dẫn.  ***\*GV Tích hợp kiến thức Địa lí, Lịch sử Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX, hướng dẫn học sinh tìm hiểu quê hương nhà thơ và hoàn cảnh ra đời bài thơ của Tản Đà***  Họ và tên thật của Tản Đà? Giải thích ý nghĩa bút danh Tản Đà. Vì sao nói Tản Đà là người của hai thế kỉ, người dạo khúc nhạc mở đầu cho cuộc hoà nhạc tân kì đang sắp sửa (Hoài Thanh)?  GV: Em hãy nêu vài nét về tác phẩm?Thể thơ và bố cục?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Tên thật: Nguyễn Khắc Hiếu  - Là nhà Nho tinh thông chữ Hán nhưng lại sáng tác văn thơ bằng chữ quốc ngữ.  -Sử dụng các thể loại truyền thống: thơ lục bát, hát nói ca trù, thơ Đường luật với cảm hứng mới mẻ.  -Cái "tôi" lãng mạn bay bổng vừa phóng khoáng vừa cảm thương vừa tìm về ngọn nguồn dân tộc vừa có sáng tạo tài hoa độc đáo. Thơ văn ông là cái gạch nối giữa hai thời đại văn học: trung đại và hiện đại.  - In trong tập “Còn chơi” xuất bản lần đầu năm 1921, cùng với các bài thơ nổi tiếng khác: *Thề non nước, hỏi gió, cảm thu, tiễn thu*  \* HS phát biểu về thể thơ, nhận xét bố cục.  − Thể thơ: Thất ngôn trường thiên: 4 câu/7 tiếng/khổ, kéo dài không hạn định; vần nhịp tương đối tự do, phóng khoáng. Có khổ vần bằng, có khổ vần trắc, ví dụ khổ 7 − 8; có khổ 6 câu, 10 câu…  -Bố cục (theo thời gian và diễn biến sự việc): (1) Khổ thơ đầu: Nhớ lại cảm xúc đêm qua − đêm được lên tiên ; (2) Sáu khổ tiếp (in chữ nhỏ): Kể chuyện theo hai cô tiên lên Thiên môn gặp Trời; (3) 12 khổ tiếp theo: Kể chuyện Tản Đà đọc thơ văn cho Trời và chư tiên nghe; cảm xúc của Trời và chư tiên khi nghe văn thơ của Tản Đà và những lời hỏi thăm của Trời, những lời bộc bạch của thi nhân; (4) Còn lại (chữ nhỏ): Cảnh và cảm xúc trên đ−ờng về hạ giới; tỉnh giấc và lại muốn đêm nào cũng được mơ lên Hầu Trời.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tản Đà (1889- 1939)**  - “Con người của 2 thế kỉ” cả về học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương.  - Thơ văn TĐ có thể xem như cái gạch nối giữa hai thời đại văn học của dân tộc: trung đại và hiện đại  2**. Bài thơ “Hầu trời**”  - In trong tập “Còn chơi”, xuất bản lần đầu năm 1921.  - Cảnh trời-> mô típ nghệ thuật có tính hệ thống trong thơ TĐ. Bài thơ Hầu trời là một khoảnh khắc trong chuỗi cảm hứng lãng mạn đó.  - Bài thơ cấu tứ như một câu chuyện.  - Thể thơ:  - Bố cục |
| ***Thao tác 1 :***  **Hướng dẫn HS đọc văn bản**  ***Thao tác 2:*** Tìm hiểu văn bản  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV: Đặt câu hỏi cách mở đầu câu chuyện của tác giả có điều gì đặc biệt và điều đó thể hiện thái độ của tác giả như thế nào?  - GV: Đặt câu hỏi: Tác giả kể câu chuyện đó như thế nào? Xác định điệp từ và nêu hiệu quả nghệ thuật điệp từ đó?  - GV: Đặt câu hỏi câu chuyện đó được kể theo dòng, mạch cảm xúc như thế nào?  - Nghe tác giả đọc thơ, Trời và các chư tiên có biểu hiện gì?  - Qua đoạn thơ, em cảm nhận được gì về cá tính của nhà thơ và niềm khao khát chân thành của thi sĩ?  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ và trả lời.  ***Cách vào đề của bài thơ***: Gợi ra một mối nghi vấn, gợi trí tò mò của người đọc. Cảm giác đó làm cho câu chuyện mà tác giả sắp kể trở nên có sức hấp dẫn đặc biệt -> Cách vào đề độc đao, có duyên  -Điệp từ *thật* được sử dụng 4 lần trong câu 3, 4.   - HS: Suy nghĩ và trả lời.  +Thi sĩ rất cao hứng và có phần tự đắc: “*đương cơn đắc ý”,* đọc “*ran cung mây”*, tự khen mình “*Văn đã giàu thay lại lắm lối”*  + Trời đánh giá cao và không tiếc lời tán dương:*Văn thật tuyệt, Nhời văn chuốt đẹp như sao băng, khí văn hùng mạnh như mây chuyển, êm như gió thoảng, tinh như sương....*  - Chư tiên nghe thơ cũng rất xúc động, tán thưởng và hâm mộ.  - Giọng thơ hào sảng, lai láng tràn trề  -> TĐ rất ý thức về tài năng của mình. TĐ còn rất táo bạo, dám đường hoàng bộc lộ bản ngã của mình, thâm chí còn rất “ngông” khi tìm đến tận trời để khẳng định mình. Đó là niềm khao khát chân thành của thi sĩ không bị kiềm chế, cương toả đã biểu hiện một cách thoải mái, phóng khoáng. Giữa chốn hạ giới mà văn chương “rẻ như bèo”...Tản Đà không tìm được tri âm tri kỉ đành lên tận cõi tiên mới thoả nguyện.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1:** Khi trời sai đọc thơ, thì tác giả đọc như thế nào?Qua đó thể hiện thái độ của tác giả như thế nào?  **Nhóm 2:** Thái độ và tình cảm của người nghe (Trời và chư tiên) khi nghe thơ văn của Tản Đà như thế nào?  **Nhóm 3:** Quan niệm của tác giả về nghề văn như thế nào?  **Nhóm 4:** Cái tôi cá nhân biểu hiện trong bài thơ như thế nào?  - GV: Đặt câu hỏi khi đọc xong thơ văn, thì trên đường về, tác giả thể hiện thái độ như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  -Thi sĩ đọc rất nhiệt tình, cao hứng.  -Thi sĩ đọc rất nhiệt tình, cao hứng, có phần tự hào tự đắc vì văn thơ của chính mình, đọc thơ say sưa.  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  -Nở dạ: mở mang nhận thức được nhiều cái hay.  -Lè lưỡi: văn hay làm người nghe đến bất ngờ! “Chau đôi mày” văn hay làm người nghe phải suy nghĩ tưởng tượng. “Lắng tai đứng” đứng ngây ra để nghe. Tác giả viết tiếp hai câu thơ:  *“Chư tiên ao ước tranh nhau dặn*  *Anh gánh lên đây bán chợ trời”*  -Những phản ứng về mặt tâm lí của trời và các vị chư tiên đan xen vào nhau làm cho cảnh đọc thơ diễn ra thật sôi nổi, hào hứng, linh hoạt...  -Người đọc thơ hay mà tâm lí người nghe thơ cũng thấy hay! khiến người đọc bài thơ này cũng như bị cuốn hút vào câu chuyện đọc thơ ấy, cũng cảm thấy “đắc ý” “sướng lạ lùng”!  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  -Văn chương là một nghề, nghề kiếm sống. *-* Khát vọng ý thức sáng tạo, trong nghề văn  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  *“Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn*  *Quê ở Á Châu về địa cầu*  *Sông Đà núi Tản nước Nam Việt”*  So với các danh sĩ khác: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương…Tản Đà giới thiệu về mình, với nét riêng:  + Tách tên, họ.  + Nói rõ quê quán, châu lục, hành tinh.  Nói rõ để trời hiểu Nguyễn Khắc Hiếu (ý cái tôi cá nhân) và thể hiện lòng tự tôn , tự hào về dân tộc mình “sông Đà núi Tản nước Nam Việt” ...  - HS: Suy nghĩ và trả lời.  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  \*Lối kể dân giã, giọng điệu khôi hài  \* Cách dùng từ có nhiều thú vị:  \* Nhân vật trữ tình bộc lộ ý thức cá nhân, tạo nên cái “ngông” riêng của Tản Đà:  **\*** Cảm hứng lãng mạn và hiện thực đan xen nhau, trong bài thơ. (hiện thực: đoạn nhà thơ kể về cuộc sống của chính mình), khẳng định vị trí thơ Tản Đà là*“gạch nối của hai thời đại thi ca”*  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **1. Khổ thơ đầu :** Nhớ lại cảm xúc đêm qua- đêm được lên tiên  - Cách mở đầu câu chuyện rất riêng và đầy sáng tạo. Chuyện kể về một giấc mơ nhưng nhà thơ lại cố ý nhấn mạnh rằng đây không phải là mơ mà là thật, sự thật tác giả đã trải qua  - Điệp từ *thật* được sử dụng 4 lần trong câu 3, 4 : *Thật hồn, thật phách, thật thân thể, thật được lên tiên...*  **2. Đoạn 2 : Đọc thơ hầu trời**  - Trăng sáng, canh ba (rất khuya)  - Nhà thơ không ngủ được, thức bên ngọn đèn xanh, vắt chân chữ ngũ...Tâm trạng buồn, ngồi dậy đun nước, ngâm ngợi thơ văn, ngắm trăng trên sân nhà  - Hai cô tiên xuất hiện, cùng cười, nói: trời đang mắng vì người đọc thơ mất giấc ngủ của trời, trời sai lên đọc thơ cho trời nghe!  -> Cách kể tự nhiên, nhân vật trữ tình như giãi bày, kể lại một câu chuyện có thật!  - Theo lời kể của nhân vật trữ tình, không gian, cảnh tiên như hiện ra:  +“Đường mây” rộng mở  +“Cửa son đỏ chói” -> tạo vẻ rực rỡ  +“Thiên môn đế khuyết” -> nơi ở của vua, vẻ sang trọng. “Ghế bành như tuyết vân như mây” -> tạo vẻ quý phái.  Không gian bao la, sang trọng, quý phái của trời, nhưng không phải ai cũng được lên đọc thơ cho trời nghe. Cách miêu tả làm nổi bật cái ngông của nhân vật trữ tình.  - Cảnh thi nhân lạy trời, được tiên nữ lôi dậy, dắt lên ngồi ghế bành như tuyết như mây...  ->Cách kể, tả cụ thể, cảnh nhà Trời, Thiên đường mà không quá xa xôi, cách biệt với trần thế. Câu chuyện diễn biến tự nhiên hợp lý.  HẾT TIẾT 1  **3. Đoạn 3: *Cuộc đời người nghệ sĩ tài hoa trong xã hội thực dân nửa phong kiến.***  Trời pha nước để nhấp giọng rồi mới truyền đọc. Thi sĩ đọc rất nhiệt tình, cao hứng. Thi sĩ đọc rất nhiệt tình, cao hứng, có phần tự hào tự đắc vì văn thơ của chính mình, đọc thơ say sưa “đắc ý đọc đã thích” (có cảm hứng, càng đọc càng hay) “Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi” (hài hước), “văn dài hơi tốt ran cung mây”.  *“ Trời lại phê cho văn thật tuyệt*  *Văn trần được thế chắc có ít”*  + Thái độ của tác giả qua việc đọc thơ hầu trời:  - Thể hiện quan niệm về tài năng (tài thơ)  Nhà thơ nói được nhiều tài năng của mình một cách tự nhiên, qua câu chuyện tưởng tượng Hầu trời đọc thơ:  *- “Văn dài hơi tốt ran cung mây*  *Trời nghe, trời cũng lấy làm hay”*  *- “Văn đã giàu thay, lại lắm lối”*  - “Trời lại phê cho văn thật tuyệt  **\*** Các nhà Nho tài tử thường khoe tài (thị tài), tài năng mà họ nói đến là tài Kinh bang tế thế!  +Tản Đà khoe tài thơ, nói thẳng ra “hay” “thật tuyệt” mà lại nói với trời.  +Tự khen mình (vì xưa nay ai thấy trời nói đâu?!), tự phô diễn tài năng của mình.  + Trời khen: là sự khẳng định có sức nặng, không thể phủ định tài năng của tác giả - lối khẳng định rất ngông của văn sĩ hạ giới, vị trích tiên - nhà thơ.  \*Bài thơ thể hiện ý thức cá nhân của Tản Đà về cái tôi tài năng của mình!  **\* Quan niệm của Tản Đà về nghề văn:**  -Văn chương là một nghề, nghề kiếm sống. Có kẻ bán, người mua, có chuyện thuê, mượn; đắt rẻ... vốn, lãi... Quả là bao nhiêu chuyện hành nghề văn chương! một quan niệm mới mẻ lúc bấy giờ.  *-* Khát vọng ý thức sáng tạo, trong nghề văn: Người viết văn phải có nhận thức phong phú, phải viết được nhiều thể loại: thơ, truyện, văn, triết lí, dịch thuật (đa dạng về thể loại).  \* **Cái tôi cá nhân biểu hiện trong bài thơ**  + Hư cấu chuyện hầu trời để giãi bày cảm xúc cá phóng khoáng của con người cá nhân.  + Nhà thơ nói được nhiều về tài năng của mình.  + Thể hiện quan niệm về nghề văn  + Cách tấu trình với trời về nguồn gốc của mình.  **4.Đoạn 4:** Cảnh và cảm xúc trên đường về hạ giới, tỉnh giấc lại và muốn đêm nào cũng được lên hầu trời |
| **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do; giọng điệu thoải mái, tự nhiên; ngôn ngữ giản dị, sống động,…  ***2. Ý nghĩa văn bản:***  Bài thơ thể hiện ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ và quan niệm mới về nghề văn của Tản Đà. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Cái ngông trong văn chương trung đại, qua các văn bản đã học được thể hiên như thế nào?*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  -**GV nhận xét, chốt kiến thức** | 1.Trong *Bài ca ngất ngưởng* - Nguyễn Công Trứ: đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng, gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì, Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng... khen chê phơi phới ngọn đông phong...  2. Trong *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân): Huấn Cao ngông trong tù, khoảnh, ít chịu cho chữ ai, coi thường quản ngục, coi thường cái chết, nhận ra người tốt sẵn sàng cho chữ... Quản ngục cũng ngông theo cách của ông ta khi dám liều xin chữ Huấn Cao.  3. Trong *Hầu Trời*: Đọc thơ cho Trời và tiên nghe, tự hào về tài thơ văn của mình, về nguồn gốc quê hương đất nước của mình, về sứ mạng vẻ vang đi khơi dậy cho cái thiên lương của mọi người bằng thơ văn.). |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  “Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó…………………………………………..  Biết làm có được mà dám theo”.  *(* Trích *Hầu trời*, Tản Đà, Tr 15, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu ý chính của văn bản?  2/ Xác định biện pháp tu từ (về từ) trong câu thơ Văn chương hạ giới rẻ như bèo ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó ?  3/ Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng lãng mạn hay cảm hứng hiện thực ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng đó của nhà thơ ?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1/ Văn bản có ý chính: Thi sĩ Tản Đà trả lời Trời để bộc lộ quan điểm về nghề văn và cuộc sống nhà văn nơi hạ giới.  2/ Biện pháp tu từ (về từ): so sánh  Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh: Tản Đà đã vẽ ra một bức tranh hiện thực trần trụi, nghiệt ngã về nghề văn bằng ngôn ngữ đời thường, thể hiện thân phận bọt bèo, rẻ mạt của nhà văn trong xã hội giao thời. Câu thơ đã gián tiếp lên án xã hội bất công đã đẩy người có tài, có tâm vào hoàn cảnh bi đát nhất.  3/ Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng hiện thực.  Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng hiện thực trong văn bản :Tản Đà không trực tiếp phát biểu quan niệm của mình về văn chương và nghề văn, tuy vậy người đọc vẫn có thể hình dung ra phần nào về nội dung của hoạt động tinh thần đặc biệt này. Trong mắt Tản Đà, văn chương lúc này là một nghề kiếm sống mới, có người bán, kẻ mua, có thị trường tiêu thụ và bản thân thị trường cũng hết sức phức tạp. Đồng thời, nhà thơ cũng ý thức được sự cần thiết phải chuyên tâm với nghề văn. Sau cùng, ông cũng nhận thấy rằng: sự đa dạng về loại, thể là một đòi hỏi thiết yếu của hoạt động sáng tác và với những sáng tác mới, tiêu chí đánh giá cũng phải khác xưa. |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *nghề văn trong cuộc sống hôm nay.*  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Từ lời kể khổ về nghề văn với Trời của Tản Đà qua văn bản, thí sinh suy nghĩ về *nghề văn* trong cuộc sống hôm nay. Gợi ý : Đặc trưng của nghề văn là gì ? Hoàn cảnh sống hôm nay thay đổi như thế nào so với thời Tản Đà sống, đã tạo điều kiện cho nhà văn sáng tác như thế nào? Trách nhiệm của nhà văn hôm nay với nghề văn như thế nào ? Phê phán hiện tượng đạo văn, đạo thơ... Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân. |

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **\* Chốt lại bài học:** HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật  Gv chốt lại: Cảm xúc của nhà thơ, đồng thời thể hiện tài năng của nhà thơ.  **\* Dặn dò:** 1. Bài tập về nhà: Học thuộc bài và làm bài tập ?  -.Đọc tham khảo một số bài thơ hay khác của Tản Đà: Thề non nước, Cảm thu, Tiễn thu, Tống biệt…  -. Tiết học tiếp theo: Vội vàng |

***Tiết 75 + 76***

**BÀI VIẾT SỐ 5**

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì 2, môn Ngữ văn lớp 11.

- Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kĩ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 11 học kì 2 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

*Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh theo các chuẩn sau:*

**- Đọc văn:**

+ Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

**- Làm văn:**

+ Nắm vững thao tác lập luận phân tích.

+ Nghị luận một ý kiến bàn về tác phẩm .

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

Hình thức : tự luận.

Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm trong 45 phút.

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN**

- Liệt kê các chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 11, học kì 2 .

- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).

- Xác định khungma trận.

**MA TRẬN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5- MÔN NGỮ VĂN 11**

**THỜI GIAN 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên**  **chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **Chủ đề**  **Nghị luận văn học( Lưu biệt khi xuất dương)** | - Nhận biết những nét chính về tác giả, tác phẩm.  - Xác định được vấn đề cần cảm nhận, bàn luận, phạm vi dẫn chứng, các thao tác lập luận cơ bản. | - Hiểu được đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ…trong tác phẩm.  - Lí giải được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm theo đặc trưng thể loại, mối quan hệ giữa văn học và đời sống, phong cách nghệ thuật tác giả. | - Vận dụng kiến thức văn học và kĩ năng tạo lập văn bản để viết một bài nghị luận văn học về một đoạn thơ, một ý kiến văn học, … | - Bày tỏ được cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về vấn đề cần bàn luận.  - Liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn cuộc sống. |  |
| *Số câu:* | 1 | | | | *Số câu :1* |
| *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* |  | | | | *Số điểm:10*  *Tỉ lệ:100%* |

**IV. BIÊN SOẠN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5**

**ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5 - LỚP 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

Nhận xét về *Xuất dương lưu biệt* của Phan Bội Châu, có ý kiến cho rằng: *Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sục sôi, tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước.*

Qua tác phẩm Xuất dương lưu biệt (“Lưu biệt khi xuất dương”), hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
|  | Qua tác phẩm Xuất dương lưu biệt (“Lưu biệt khi xuất dương”), hãy làm sáng tỏ nhận định | **10,0** |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận | *0,50* |
|  | Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | *0,25* |
| Làm sáng tỏ nhận định … |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, so sánh); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng. | 8.50 |
| 1/Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, ý kiến  2/Chứng minh ý kiến  a.Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sục sôi:  - Quan niệm mới về “chí làm trai” thể hiện tư thế mới, khoẻ khoắn, ngang tàng, dám ngạo nghễ, thách thức với càn khôn:  +Khẳng định lẽ sống đẹp, cao cả, táo bạo, quyết liệt: phải biết sống cho phi thường, hiển hách, phải dám mưu đồ xoay chuyển càn khôn, chứ không chịu sống tầm thường tẻ nhạt, buông xuôi theo số phận.  +Con người dám đối mặt với cả đất trời, vũ trụ để tự khẳng định mình, vượt lên trên cái mộng công danh thường gắn liền với hai chữ trung, hiếu với vua, cha, gia đình để vươn tới lí tưởng nhân quần, xã hội rộng lớn cao cả.  -Phan Bội Châu ôm ấp khát vọng có thể xoay chuyển trời đất, không để cho nó tự chuyển vần, không chịu khuất phục trước thực tại, số phận, hoàn cảnh.  + Khẳng định ý thức trách nhiệm của “cái tôi” công dân đầy tinh thần trách nhiệm trước thời cuộc, không chỉ là trách nhiệm trước hiện tại mà còn là trách nhiệm trước lịch sử dân tộc.  + Ý thức về lẽ vinh nhục gắn với sự tồn vong của đất nước, dân tộc; đề xuất tư tưởng mới mẻ, táo bạo về nền học vấn cũ, bộc lộ khí phách ngang tàng, quyết liệt của một nhà cách mạng tiên phong.  b. Bài thơ khắc họa tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước:  - Các hình ảnh khoa trương lớn lao, kì vĩ, lãng mạn, hào hùng (trường phong, Đỏng hải, thiên trùng bạch lãng) như hoà nhập với con người trong tư thế cùng bay lên.  - Đó là tư thế, khát vọng lên đường của bậc trượng phu, hào kiệt sẵn sàng ra khơi giữa muôn trùng sóng bạc, tìm đường làm sống lại giang sơn đã chết.  3. Đánh giá  -Nhận định hoàn toàn chính xác, thể hiện cảm nhận sâu sắc vể hình tượng nhân vật trữ tình - tác giả - nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước.  -Để khắc họa thành công vẻ đẹp của nhân vật trữ tình, Phan Bội Châu đã sử dụng lớp ngôn ngữ khoáng đạt cùng những hình ảnh ki vĩ sánh ngang tầm vũ trụ. | *0,50*  *6,00*  *2,00* |
| d. Sáng tạo | 0,50 |
| Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. |  |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu | 0,25 |
| Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | |
| ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm | |

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 77-78***

**VỘI VÀNG**

( Xuân Diệu)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

**-** Niềm khát khao giao cảm với đời và quan niệm nhân sinh, thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu.

- Đặc sắc của phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Đọc –hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại, thơ mới

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

ham sống, sống có ích không phí hoài tuổi trẻ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Xuân Diệu trước cách mạng;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm trong phong trào thơ Mới;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ lãng mạn 1930-1945;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm phong cách thơ Xuân Diệu với các nhà thơ Mới khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Xuân Diệu*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Các em thân mến! Phong trào Thơ mới 1930- 1945 đã có đóng góp to lớn và làm sâu sắc hơn quá trình hiện đại hóa văn học nước nhà. Xuân Diệu là nhà thơ được nhắc đến nhiều nhất và là nhà thơ tiêu nhất cho nền thơ ca thời kì này. Xuân Diệu – một tâm hồn thơ luôn yêu đời, thiết tha rạo rực, khao khát mãnh liệt, và sống hết mình với thời gian và tuổi trẻ. Để hiểu rõ hơn về con người và tài năng nghệ thuật của ông chúng ta cùng tìm hiểu tác phẩm “Vội vàng”.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **1.Tác giả:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  GV giảng thêm về **cuộc đời** và **sự nghiệp thơ văn** của Xuân Diệu sau đó chốt lại ý.  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Ngô Xuân Diệu (1916 – 1985).  - Quê cha: làng Trảo Nha – Can Lộc – Hà Tĩnh. Quê mẹ Tùng Giản – Tuy Phước – Bình Định.  - Ông là thành viên của Tự lực văn đoàn.  - Xuân Diệu là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt, là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới”.  - Xuất xứ : Trích trong tập “Thơ thơ”.  -“ Vội vàng ” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.  **2. Tác phẩm** :  + **GV**:Hãy nêu xuất xứ và vị trí bài thơ ?  **+ GV:** Giới thiệu thêm một số câu, bài thơ hay của Xuân Diệu  … *đã hôn rồi hôn lại, cho đến mãi muôn đời…”*  *… yêu là chết trong ở trong lòng một ít, vì mấy khi yêu mà chắc được yêu…*  Theo em, bài thơ có thể chia làm mấy đoạn? Hãy nêu nội dung chính của từng đoạn ?  ***\*GV Tích hợp kiến thức Địa lí, Lịch sử Việt Nam 1930-1945 hướng dẫn học sinh tìm hiểu về nhà thơ và hoàn cảnh ra đời bài thơ Vội vàng***  HS có thể chia làm 2, 3 hoặc 4 đoạn. Nội dung cần hướng vào hai nội dung lớn xuyên suốt toàn bài thơ. | | **I. TÌM HIỂU CHUNG.**  **1. Tác giả:**  - Xuân Diệu (1916 – 1985), có bút danh là Trảo Nha.  - Ông là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú.  **2. Tác phẩm:**  - Xuất xứ: Rút từ tập “Thơ thơ” (1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – thi sĩ “mới nhất trong các nhà thơ mới”.  **3. Bố cục:** gồm ba phần  - Đoạn một (13 câu đầu): bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.  - Đoạn hai (câu 14 đến câu 29): nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người, trước sự trôi qua nhanh chóng của thời gian.  - Đoạn ba (còn lại): lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng những giây phút tuổi xuân của mình giữa mùa xuân của cuộc đời, của vũ trụ. |
| -Gv gọi 1 Hs đọc bài thơ.  -Học sinh đọc, giáo viên hướng dẫn cách đọc, giọng đọc từng đoạn cho phù hợp.  ***Thao tác 1:*** ***Tìm hiểu 13 câu thơ đầu:***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Mở đầu bài thơ, tác giả thể hiện một khát vọng kì lạ đến ngông cuồng. Đó là khát vọng gì? Từ ngữ nào thể hiện điều này?  *( Phương pháp nêu vấn đề)*  *Sở dĩ Xuân Diệu có khát vọng kì lạ đó bởi dưới con mắt của thi sĩ, mùa xuân đầy sức hấp dẫn, đầy sự quyến rũ.*  HS đọc 9 câu tiếp theo.  *(Phương pháp trao đổi thảo luận nhóm*. )  GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung.  **(Nhóm 1) *Hình ảnh thiên nhiên, sự sống quen thuộc được tác giả cảm nhận và diễn tả ở những thời điểm nào trong đoạn thơ? Những hình ảnh, màu sắc, âm thanh trong đoạn thơ đều có đặc điểm gì?***  **(Nhóm 2) *Câu thơ nào theo em là mới mẻ và hiện đại nhất? Vì sao?***  **(Nhóm 3) *2 câu cuối đoạn thể hiện tâm trạng như thế nào?Vì sao tác giả bộc lộ tâm trạng đó?***  Hai câu thơ cuối đoạn có tác dụng gì?  HS trả lời:  Đó là kết quả của lâp luận bằng hình ảnh ở các đoạn trên. Tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng vẫn thống nhất của tác giả: sung sướng nhưng vội vàng, muốn sống nhanh, sống gấp, tranh thủ thời gian.  Câu thơ cắt đôi là chịu ảnh hưởng của thơ Pháp làm cho ý thơ ngắt mạch rõ hơn, ấn tượng hơn, thể hiên tâm trạng mâu thuân vừa nêu.  **(Nhóm 4) *Tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào trong khổ thơ ? Ý nghĩa của các biện pháp nghệ thuật đó?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **HẾT TIẾT 1**  GV cho HS đọc thơ.  **GV hỏi:** Tâm trạng của tác giả trước thời gian, tuổi trẻ và hạnh phúc được thể hiện quan những câu thơ nào?  HS trả lời cá nhân:  Sự đối lập nghiệt ngã giữa:  Khát vọng của cá nhân qui luật của tạo hóa  Sự vô hạn của thế giới sự hữu hạn của kiếp người  Mùa xuân gắn liền với tuổi trẻ, tình yêu, song quy luật cuộc đời, tuổi trẻ không tồn tại mãi, nhà thơ xót xa, tiếc nuối nên *“bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời”.*  Nhà thơ không quan niệm thời gian tuần hoàn (thời gian liên tục, tái diễn, lặp đi lặp lại, quan niệm lấy sinh mệnh vũ trụ làm thước đo thời gian).  Quan niệm của nhà thơ về quy luật thời gian: Thời gian như một dòng chảy xuôi chiều, một đi không bao giờ trở lại. Nhà thơ lấy sinh mệnh cá nhân con người làm thước đo thời gian, lấy thời gian hữu hạn của đời người để đo đếm thời gian của vũ trụ.  Với XD thì quá khứ nằm ngay trong hiện tại cách cảm nhận độc đáo về thời gian của tác giả.  Tâm trạng của thi nhân: sự nuối tiếc ngẩn ngơ, nỗi lo âu thảng thốt, sự ai hoài, u uất trước sự trôi chảy của thời gian.  Hình ảnh thiên nhiên được miêu tả như thế nào? có gì khác với cảm nhận trong khổ thơ trên?  Với tâm trạng, cảnh vật đó, XD phải làm gì?  HS đọc thơ.  Tác giả đã tận hưởng cuộc sống như thế nào?  HS đọc diễn cảm khổ thơ cuối cùng với giọng phù hợp; chú ý các điêp từ, động từ và câu thơ cuối cùng.  GV hỏi:  -Giọng thơ, nhịp thơ có sự thay đổi như thế nào?  -Phân tích tác dụng các điêp từ cho, và, điêp ngữ ta muốn, các động từ chỉ cảm xúc, tình cảm mạnh: ôm, riết, thâu, say, cắn, các từ chếnh choáng, đã đầy, no nê,.  -Nói đoạn thơ này thât tiêu biểu cho hồn thơ Xuân Diêu có đúng không? Vì sao?  -Bình giảng câu thơ cuối cùng.  HS phân tích, bình giảng, trình bày trong nhóm và trước lớp.  Em có nhận xét gì về dấu hiệu nghệ thuật ở đoạn thơ này? Tác dụng của nó?  GV liên hệ với bài *Biển( Xuân Diệu)*:  Anh xin làm sóng biếc  Hôn mãi cát vàng em  Hôn thật khẽ thật êm  Hôn êm đềm mãi mãi.  Đã hôn rồi hôn lại  Đến tan cả đất trời  Anh mới thôi dào dạt  Cũng có khi ào ạt  Như nghiến nát bờ em  Em có nhận xét gì về cách sống này của XD? | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Câu 1-13:*** *Tình yêu cuộc sống trần thế “tha thiết”.*  *a. Câu 1-4: Khát vọng của nhà thơ.*  - Niềm ước muốn kì lạ, táo bạo, liều lĩnh:  *+ tắt nắng*  *+ buộc gió*  - Mục đích : Giữ lại sắc màu, mùi hương.  - Thực chất: Sợ thời gian trôi chảy, muốn níu kéo thời gian, muốn tận hưởng mãi hương vị của cuộc sống. Bất tử hóa cái đẹp.  - Nghệ thuật:  + Thể thơ ngũ ngôn ngắn gọn, rõ ràng như lời khẳng định, cố nén cảm xúc và ý tưởng.  + Điệp ngữ: *Tôi muốn / tôi muốn* gợi một cái tôi cá nhân khao khát giao cảm và yêu đời đến tha thiết.  *b. Câu 5-13: Cảm nhận thiên đường trên mặt đất.*  - Được cảm nhận ở thời điểm ban đầu:  + Buổi sáng – khởi đầu một ngày mới.  + Tuần tháng mật – khởi đầu cuộc sống lứa đôi.  + Tháng giêng – khởi đầu cho một năm mới.  Thời khắc đẹp đẽ, tinh khôi, tươi mới.  - Hình ảnh, màu sắc, âm thanh đẹp đẽ, tươi non, trẻ trung:  *+ Ong bướm tuần tháng mật*  *+ Hoa của đồng nội xanh rì*  *+ Lá của cành tơ phơ phất*  *+ Khúc tình si của yến anh*  *+ Ánh sáng chớp hàng mi*  Cảnh vật quen thuộc, gần gũi, mang nét đặc trưng của mùa xuân.  Hấp dẫn, gợi cảm như một người thiếu nữ trẻ trung, đầy sức sống.  - So sánh cuộc sống thiên nhiên như người đang yêu, như tình yêu đôi lứa đắm say, tràn trề hạnh phúc.  *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*  +So sánh mới mẻ, độc đáo và táo bạo: lấy con người làm chuẩn mực cho mọi vẻ đẹp trên thế gian – điều mà trong thơ cổ điển chưa có được.  +Thể hiện sự chuyển đổi cảm giác tài tình từ thị giác sang vị giác để ca ngơi vẻ đẹp tình yêu đôi lứa, hạnh phúc tuổi trẻ.  - Tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng thống nhất: *Sung sướng >< vội vàng:* Câu thơ như tách ra làm 2:  + Trên: hình ảnh tươi nguyên của cuộc sống vui, háo hức.  + Dưới: nỗi buồn, bâng khuâng, quấn quít.  => Cảm nhận được sự trôi chảy của thời gian. Muốn sống gấp, sống nhanh, sống vội để chạy đua với thời gian.  - Các câu thơ kéo dài thành 8 chữ để dễ dàng vẽ bức tranh cuộc sống thiên đường chính ngay trên mặt đất, ngay trong tầm tay của mỗi chúng ta.  - Điệp từ: *Này đây*  Tất cả như được bày sẵn, mời gọi mọi người thưởng thức một bữa tiệc trần gian.  - Nhịp thơ nhanh, gấp biểu hiện hơi thở sống, nhịp điệu sống, nhịp thở phập phồng.  -TIỂU KẾT: Thông qua những điệp từ, điệp ngữ, những phép láy vần, điệp thanh, những biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoán dụ đặc biệt là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác đặc sắc, Xuân Diệu đã làm hiện lên một bức tranh, một hình ảnh cuộc đời tràn đầy âm thanh, màu sắc.  ***2. Mười bảy câu thơ tiếp theo:*** *Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người*  ***-*** Triết lí về thời gian:  *+ Xuân tới - xuân qua*  *+ Xuân non - xuân già*  *+ Xuân hết - tôi mất.*  *+ Lòng rộng - đời chật.*  *+ Xuân tuần hoàn – tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại*  *+ Còn trời đất – chẳng còn tôi*  - Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi, mong manh của kiếp người trong sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian.  +Quan niệm về thời gian tuyến tính, một đi không trở lại (so sánh với quan niệm thời gian tuần hoàn của người xưa).  +Cảm nhận đầy bi kịch về sự sống, mỗi khoảnh khắc trôi qua là một sự mất mát, phai tàn, phôi pha, mòn héo.  +Cuộc sống trần gian đẹp như một thiên đường; trong khoảnh khắc đó, thời gian một đi không trở lại, đời người ngắn ngủi – nên chỉ còn một cách là phải sống vội.  - Thiên nhiên:  + *Năm tháng …chia phôi*  + *Sông núi…tiễn bịêt.*  + *Gió…hờn*  *+ Chim…sợ*  -Thiên nhiên, cảnh vật đều nhuốm màu chia phôi, li biệt, đều mang tâm trạng lo âu, phấp phỏng trước thời gian. Không còn chất vui tươi, tự nhiên như những câu thơ trước nữa. Nói thiên nhiên nhưng là nói lòng người. Người buồn cảnh buồn.  -XD là người luôn tha thiết cháy bỏng với cuộc đời nhưng lại luôn hoài nghi, bi quan, chán nản.  - *Mau đi thôi!* *Mùa chưa ngả chiều hôm* : Muốn níu kéo thời gian nhưng không được. Vậy chỉ còn một cách là hãy sống cao độ giây phút của tuổi xuân. Nhà thơ như giục giã chính bản thân tận hưởng cuộc sống: hãy mau lên, vội vàng lên, gấp gáp lên, hãy vượt qua thời gian mà sống, mà cống hiến. Bởi giờ đây vẫn trẻ trung, vẫn đủ sức sống cống hiến tuổi xuân cho cuộc đời.  ***3. Chín câu thơ cuối:*** *Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình…*  - Ta muốn – ôm – sự sống mơn mởn  - Riết – mây đưa, gió lượn  -Say – cánh bướm, tình yêu  -Thâu – hôn nhiều  - Cắn – xuân hồng  Cho: Chếnh choáng  Đã đầy  No nê  -Nghệ thuật: Những động từ mạnh xuất hiện dày đặc với mức độ tăng dần.  +Từ chỉ mức độ: *Chếnh choáng…đã đầy…no nê…*  +Điệp từ: và...và...và; cho...cho...cho.  +Điệp ngữ: ta muốn...  - Sống vội vàng, hãy ra sức tận hưởng tuổi trẻ, mùa xuân, tình yêu đắm say, cuồng nhiệt, hết mình.  - Bộc lộ sự ham hố, say mê, vồ vập, yêu đời, khao khát hòa nhập của tác giả với thiên nhiên và tình yêu tuổi trẻ.  - Sống vội vàng, cuống quít không có nghĩa là ích kỷ, tầm thường, thụ động, mà đó là cách sống biết cống hiến, biết hưởng thụ. Quan niệm nhân sinh của thi sĩ. | |
| GV: Nêu đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm ?  GV: Nội dung lớn của bài thơ nói lên điều gì ?  HS nêu khái quát nội dung  + Tâm trạng sung sướng nhưng vội vàng.  + Quan niệm sống nhanh, sống gấp.  ….  HS trả lời và GV chốt ý | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.  - Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.  **2. Ý nghĩa văn bản**  Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *(1) Của ong bướm này đây tuần tháng mật; ………..Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*  *(* Trích *Vội vàng*, Xuân Diệu, Tr 22, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  *(2)Ai đâu trở lại mùa thu trước  Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?  Với của hoa tươi, muôn cánh rã,  Về đây đem chắn nẻo xuân sang!*  ( Trích *Xuân*, Chế Lan Viên)  1/ Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt của văn bản ( 1) và (2)?  2/ Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu thơ *Của ong bướm này đây tuần tháng mật* thuộc văn bản (1)       3/ Chỉ ra sự khác nhau quan niệm về thời gian qua từ *xuân* của 2 văn bản trên.  **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - **GV nhận xét, chốt kiến thức** | 1. Phương thức biểu đạt: biểu cảm; Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.  2/ Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu thơ *Của ong bướm này đây tuần tháng mật* thuộc văn bản (1) :  -Những từ ngữ biểu hiện nghĩa sự việc: Của ong bướm này đây tuần tháng mật. Câu biểu hiện quan hệ giữa *ong bướm* và *tuần tháng mật.*  -Nghĩa tình thái: bề ngoài thì khách quan, trung hòa về cảm xúc nhưng trong lòng tác giả đang rất hồ hởi, vui tươi đón nhận cuộc sống, sự cảm nhận cuộc sống lúc nào cùng ngọt ngào như tuần trăng mật…  3/ Sự khác nhau quan niệm về thời gian qua từ *xuân* của 2 văn bản trên:  -Từ *Xuân* trong câu thơ *Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân* của Xuân Diệu thể hiện quan niệm thời gian tuyến tính. Ngay trong mùa xuân mà thi sĩ đã nhớ mùa xuân. Mỗi khoảnh khắc hiện tại lập tức trở thành quá khứ. Thời gian được hình dung như một dòng chảy xuôi chiều, một đi không trở lại.Vì thế, một khoảnh khắc trôi qua là mất đi vĩnh viễn. Từ đó, ta cảm nhận được niềm khát khao giao cảm với đời của nhà thơ.  - Từ *Xuân* trong câu thơ *Về đây đem chắn nẻo xuân sang!*của Chế Lan Viên thể hiện quan niệm thời gian tuần hoàn. Từ điểm nhìn hiện tại *Xuân,* nhà thơ nhớ về quá khứ *trở lại mùa thu trước*với nỗi buồn về sự chia lìa, tàn tạ của cảnh vật : *lá vàng, cánh rã.*1. Phương thức biểu đạt: biểu cảm; Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.  2/ Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu thơ *Của ong bướm này đây tuần tháng mật* thuộc văn bản (1) :  -Những từ ngữ biểu hiện nghĩa sự việc: Của ong bướm này đây tuần tháng mật. Câu biểu hiện quan hệ giữa *ong bướm* và *tuần tháng mật.*  -Nghĩa tình thái: bề ngoài thì khách quan, trung hòa về cảm xúc nhưng trong lòng tác giả đang rất hồ hởi, vui tươi đón nhận cuộc sống, sự cảm nhận cuộc sống lúc nào cùng ngọt ngào như tuần trăng mật…  3/ Sự khác nhau quan niệm về thời gian qua từ *xuân* của 2 văn bản trên:  -Từ *Xuân* trong câu thơ *Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân* của Xuân Diệu thể hiện quan niệm thời gian tuyến tính. Ngay trong mùa xuân mà thi sĩ đã nhớ mùa xuân. Mỗi khoảnh khắc hiện tại lập tức trở thành quá khứ. Thời gian được hình dung như một dòng chảy xuôi chiều, một đi không trở lại.Vì thế, một khoảnh khắc trôi qua là mất đi vĩnh viễn. Từ đó, ta cảm nhận được niềm khát khao giao cảm với đời của nhà thơ.  - Từ *Xuân* trong câu thơ *Về đây đem chắn nẻo xuân sang!*của Chế Lan Viên thể hiện quan niệm thời gian tuần hoàn. Từ điểm nhìn hiện tại *Xuân,* nhà thơ nhớ về quá khứ *trở lại mùa thu trước*với nỗi buồn về sự chia lìa, tàn tạ của cảnh vật : *lá vàng, cánh rã.* |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng một bộ phận giới trẻ có lối sống gấp, sống ích kỉ trong cuộc sống hôm nay.  **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức** | ***Trả lời:***  Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Từ triết lí sống khao khát giao cảm với đời của nhà thơ Xuân Diệu, thí sinh bày tỏ suy nghĩ về một hiện tượng xấu của một bộ phận giới trẻ hiện nay, đó là *sống gấp, sống ích kỉ*. Cần trả lời các câu hỏi : *sống gấp, sống ích kỉ* là gì ? Hậu quả của lối sống đó ? Nguyên nhân và biện pháp khắc phục ? |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  +Chọn một hình ảnh, đoạn thơ nào đó trong bài thơ và tái hiện bằng nghệ thuật hội họa.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  **GV nhận xét, chốt kiến thức** | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tái hiện bằng tranh vẽ dựa trên ngôn ngữ bài thơ.** |

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

a. Củng cố:

- Bài thơ có tên là “Vội Vàng”. Vậy quan niệm sống nhanh, sống gấp ở đây phải được hiểu như thế nào ?

+ Trân trọng từng giây phút cuộc sống.

+ Sống và cống hiến hết mình cho đời.

- Theo em ?

b. Dặn dò:

- Học thuộc lòng bài thơ, nội dung chính của bài học.

- Soạn bài mới

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***TIẾT 79 Tiếng Việt*** *Ngày soạn:*

**NGHĨA CỦA CÂU**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết được “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu .

2/ Thông hiểu: HS hiểu ý nghĩa “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu

3/Vận dụng thấp: HS lí giải được ý nghĩa “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” để lĩnh hội và tạo lập văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài tập tiếng Việt liên quan nghĩa sự việc và nghĩa tình thái

2/ Thông thạo: xác định nghĩa của câu

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: tìm hiểu nghĩa của câu

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi trình bày nghĩa của câu

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của câu trong văn bản

-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến nghĩa của câu

- Năng lực đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa của câu

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận nghĩa của câu

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin để tóm tắt , vẽ sơ đồ tư duy bài học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Điền vào chỗ trống các câu sau:  (1)……………….*được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.*  *(2)……………….được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...).*  *(3)………………là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (1)Thành phần tình thái – (2)Thành phần cảm thán –(3) Các thành phần tình thái, cảm thán  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong phần Ghi nhớ sách Ngữ văn 9, tâp hai, NXB Giáo dục Hà Nội, 2005 đã tổng kết tác dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán trong câu. Để thấy rõ hơn 2 thành phần nghĩa này, chúng ta đi vào tìm hiểu bài NGHĨA CỦA CÂU.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục 1.1 SGK và trả lời các câu hỏi  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS Khảo sát bài tập  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  1. Các sự việc:  - Cặp A: cả 2 câu cùng nói đến sự việc Chí Phèo từng có thời ao ước có một gia đình nho nhỏ.  - Cặp B: cả hai câu cùng đề cập đến sự việc người ta cũng bằng lòng.  2. Nhận xét  - Câu a1 có từ hình như thể hiện thái độ chưa chắc chắn. - Câu a2 không có từ hình như: thể hiện thái độ tin cậy cao.  - Cặp câu bl/ b2 đều đề cập đến một sự việc. Câu bl bộc lộ sự tin cậy. Câu b2 chỉ đề cập đến sự việc.  Kết luận  -Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần nghĩa tình thái.  -Các thành phần nghĩa của câu thường có quan hệ gắn bó mật thiết. Trừ trường hợp câu chỉ có cấu tạo bằng từ ngừ cảm thán.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung**  1. Tìm hiểu ngữ liệu:  a­­­­­ - Nghĩa sự việc: thông báo là Chí Phèo đã ao ước một gia đình nho nhỏ  - Nghĩa tình thái: ở ví dụ a 2 thì là câu phỏng đoán, chưa chắc chắn. "hình như"  2. Kết luận: Mỗi câu thường có 2 thành phần nghĩa: đề cập đến một sự việc (hoặc một vài sự việc) gọi là nghĩa sự việc (còn gọi là nghĩa miêu tả hay nghĩa biểu hiện,...) nghĩa tình thái, để bày tỏ thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc đó. |
| **Thao tác 1 :** **nghĩa sự việc**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục II SGK và trả lời các câu hỏi  - Nghĩa sự việc của câu là gì?  - Cho biết một số biểu hiện của nghĩa sự việc. ?  - Nghĩa sự việc thường được thể hiện ở thành phần ngữ pháp nào của câu?  - GV đưa ví dụ:  (1) Xe sắp chạy rồi.  (2) Đứa bé ốm hôm nay đã đỡ nhiều.  (3) Chuột.  (4) Chao ôi!    **Thao tác 2:** Luyện tập. Thảo luận nhóm.  Đại diện nhóm trình bày. GV nhận xét và cho điểm.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - **Nhóm 1:** Bài tập 1 - 4 câu đầu  - **Nhóm 2:** Bài tập 1- 4 câu cuối;  - **Nhóm 3:** Bài tập 2.  **- Nhóm 4** : bài tập 3  GV tích hợp với bài ***Thành phần tình thái*** trong Ngữ văn 9  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc mục II SGK và phân tích những biểu hiện của nghĩa sự việc qua các ngữ liệu sgk..  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  HS trả lời: Nghĩa miêu tả ở câu (1) và câu (2) phản ánh việc, câu (3) phản ánh (sự tồn tại của) con vật, câu (4) không có nghĩa miêu tả.  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  - Câu 1 diễn tả hai sự việc (trạng thái): ao thu lạnh/nước thu trong  − Câu 2 nêu một sự việc (đặc điểm): thuyền… bé  − Câu 3 nêu một sự việc (quá trình): sóng… gợn  − Câu 4 nêu một sự việc (quá trình): lá… đưa vèo  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  − Câu 5 nêu hai sự việc, trong đó có một sự việc (trạng thái): Tầng mây lơ  lửng, một sự việc (đặc điểm): trời xanh ngắt  − Câu 6 nêu hai sự việc, trong đó một sự việc (đặc điểm): ngõ trúc quanh co,  một sự việc (trạng thái): khách vắng teo  − Câu 7 nêu hai sự việc (tư thế): tựa gối/buông cần  − Câu 8 nêu một sự việc (hành động): cá … đớp  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  Bài tập 2 a. Nghĩa tình thái thể hiện ở các từ: Kể, thực, đáng. các từ còn lại biểu hiện nghĩa sự việc  b. Từ tình thái “có lẽ” -> phỏng đoán (mới là khả năng, chưa hoàn toàn chắc chắn)  c. SV1 “Họ cũng phân vân như mình” (phỏng đoán chưa chắc chắn) Dễ (Từ tình thái) : có lẽ, hình như  SV2: “mình cũng không biết rõ con gái mình có hư hay là không”. Đến chính ngay mình (Từ tình thái)  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  Nghĩa tình thái ở câu này phải thể hiện sự đánh giá chủ quan mang tính khẳng định của nhân vật Huấn Cao, do đó chọn từ hẳn là phù hợp.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **II. Nghĩa sự việc.**  1. Khái niệm: Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa tương ứng với sự việc mà câu đề cập đến . Sự việc trong hiện thực khách quan rất đa dạng và thuộc nhiều loại khác nhau. Do đó , câu cũng có nghĩa sự việc khác nhau. ở mức độ khái quát, có thể phân biệt một số nghãi sự việc và phân biệt câu biểu hiện nghĩa sự việc.  2. Biểu hiện: - Câu biểu hiện hành động.  - Câu biểu hiện trạng thái, tính chất, đặc điểm:- Câu biểu hiện quá trình:- Câu biểu hiện tư thế:- Câu biểu hiện sự tồn tại:- Câu biểu hiện quan hệ:  => Nghĩa sự việc của câu được biểu hiện nhờ những thành phần ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ và một số thành phần phụ khác. Mỗi câu có thể biểu hiện một sự việc, cũng có thể biểu hiện một số sự việc.  - Ghi nhớ.  - Luyện tập:  **. Lí thuyết:**  - Nhận xét chung : sự việc trong thực tế khách quan rất đa dạng, thuộc nhiều loại khác nhau. Do đó câu có những nghĩa sự việc khác nhau.  - Một số loại sự việc phổ biến :  + Câu biểu hiện hành động  + Câu biểu hiện trạng thái, tính chất, đặc điểm  + Câu biểu hiện quá trình  + Câu biểu hiện tư thế  + Câu biểu hiện sự tồn tại  - Nghĩa sự việc của câu thường được biểu hiện nhờ những thành phần : chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ và một số thành phần phụ khác. Một câu có thể biểu hiện một hoặc nhiều sự việc.  **Ghi nhớ** ( SGK)  **2. Luyện tập**  **Bài 1 (SGK)**  - Câu 1 : diễn tả sự việc : ao thu lạnh lẽo, nước trong veo - đều là các trạng thái  - Câu 2 : một sự việc : đặc điểm : thuyền – bé  - Câu 3 : một sự việc : quá trình : sóng – gợn  - Câu 4 : một sự việc : quá trình : lá đưa – vèo  - Câu 5 : hai sự việc:  + Tầng mây – lơ lửng : trạng thái  + Trời – xanh ngắt : đặc điểm  - Câu 6 : hai sự việc :  + Ngõ trúc – quanh co - đặc điểm.  + Khách – vắng teo – trạng thái  - Câu 7: Tư thế.  - Câu 8: hành động.  **Bài 2 (SGK)**  a. ***Có một ông rể quý như Xuân kể cũng danh giá thực, nhưng cũng đáng sợ lắm.***  (***Số đỏ***– Vũ Trọng Phụng )  - Nghĩa tình thái biểu hiện ở các từ : “ kể, thực, đáng” công nhận sự “danh giá” là “thực” nhưng chỉ “thực” ở một phương diện nào đó (kể), còn ở phương diện khác thì là điều “đáng sợ”.  - Nghĩa sự việc : khẳng định có ông rể quý như Xuân vừa danh giá vừa đáng sợ  b. ***Có lẽ hắn cũng như mình chọn nhầm nghề mất rồi.***  ( ***Chữ người tử tù*** – Nguyễn Tuân)  - Từ tình thái “có lẽ” thể hiện một phỏng đoán chỉ mới là khả năng, chưa hoàn toàn chắc chắn về sự việc  - Nghĩa sự việc : cả hai chon nhầm nghề  c. ***Dễ họ cũng phân vân như mình, vì đến chính ngay mình cũng không biết rõ con gái mình có hư hay là không!***  ( Vũ Trọng Phụng )  - Sự việc thứ nhất : “ họ cũng phân vân như mình” -> phỏng đoán chưa chắc chắn ( dễ, có lẽ, hình như)  - Sự việc thứ hai : “Mình cũng không biết rõ con gái mình có hư hay không”  -> nhấn mạnh bằng ba từ tình thái “đến chính ngay”  **Bài 3** **SGK**  Chọn phương án 3 :”hẳn” -> khẳng định mạnh mẽ. |

**Tiết 80 + ½ 81**

**TRÀNG GIANG**

( Huy Cận )

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

2/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề xã hội đặt ra từ văn bản.

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ, về 1 ý kiến bàn về văn học;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản thơ Mới

2/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu thơ Huy Cận;

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của bài thơ trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị tư tưởng và nghệ thuật mới mẻ mà bài thơ đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong thơ Mới.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Huy Cận trước cách mạng;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm trong phong trào thơ Mới;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ lãng mạn 1930-1945;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm phong cách thơ Huy Cận với các nhà thơ Mới khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Huy Cận*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong tập thơ “Lửa thiêng” nhà thơ Huy Cận có làn tự họa chân dung tâm hồn minh:*  *“Một chiếc linh hồn nhỏ*  *Mang mang thiên cổ sầu”*  *Nỗi sầu ấy có bao trùn cả tập “Lửa thiêng” và hội tụ ở bài “Tràng giang”- một trong những bài thơ tiêu biểu của hồn thơ Huy Cận trước cách mạng Tháng Tám.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  - Gọi 1 HS đọc phần TD.- GV gọi HS đọc phần Tiểu dẫn trong SGK và rút ra những điểm cơ bản về tác giả Huy Cận ?  - GV nhận xét , bổ sung và chốt lại các ý chính  - GV nêu câu hỏi : Em hãy xác định xuất xứ bài thơ  ***\*GV Tích hợp kiến thức Địa lí, Lịch sử Việt Nam những năm 30 hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời bài thơ***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV: Giải thích nhan đề Tràng Giang?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  - HS trả lời  Nhan đề Tràng giang gợi ra ấn tượng khái quát và trang trọng, vừa cổ điển (từ Hán Việt: giang - sông) vừa thân mật (tràng - dài); nhưng không dùng trường (Hán Việt) sợ lầm với Trường Giang (Dương Tử - một dòng sông rất lớn của Trung Quốc). Mặt khác tạo vần lưng ang, gợi âm hưởng dài rộng, lan toả, ngân vang trong lòng người đọc, ánh lên vẻ đẹp vừa cổ điển vừa hiện đại.  GV bổ sung: Câu thơ đề từ của chính tác giả định hướng cảm xúc chủ đạo của bài thơ: bâng khuâng: nỗi buồn - sầu lan toả, nhẹ nhàng mà lắng sâu trước cảnh sông dài trời rộng (tràng giang), đồng thời tạo nên vẻ đẹp hài hoà vừa cổ điển tràng giang với hiện đại (nỗi buồn nhớ bâng khuâng) của chàng thanh niên thời Thơ mới. | **I, TÌM HIỂU CHUNG :**  **1. Tác giả :**  - Huy Cận (1919- 2005 ), tên khai sinh : Cù Huy Cận  -Quê: làng Ân Phú –Hương Sơn –HàTĩnh một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ áo não.  -Thơ HC hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.  - Tác phẩm : xem SGK  **2. Bài thơ** : ***Tràng giang.***  **a.Xuất xứ** (sgk) Viết vào mùa thu 1939 in trong tập thơ Lửa thiêng  - Cảm xúc từ cảnh sông Hồng  **b.Thể loại**: thất ngôn trường thiên, đề tài: tả cảnh thiên nhiên (cổ điển+hiện đại)  **c.Bố cục**: (4 khổ) 2 phần  +Phần 1: (3 khổ đầu):bức tranh TG.  +Phần 2 :(khổ cuối) Tâm trạng nhà thơ.  **d. Nhan đề :** Tràng giang 🡪Gợi hình ảnh con sông dài , rộng ; điệp vần “ang” gợi âm hưởng vang xa , trầm buồn 🡪 Âm hưởng chung cho giọng điệu bài thơ. |
| \* Thao tác 1 :  Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản : giọng đọc sâu lắng , buồn  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm  **+ Nhóm 1:**  - GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu :  + Cảnh tràng giang được tác giả miêu tả như thế nào?  + Nêu những nét chính về nghệ thuật  + Nét hiện đại trong khổ thơ  - GV chốt lại các ý chính  Liên hệ giáo dục bảo vệ môi trường: liên hệ câu thơ :”Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” => thiên nhiên rộng lớn, thấm đượm tình người => cảnh và tình khắng khít, cảnh tác động đến tâm trạng con người  **Đại diện nhóm 1 trả lời**  + *Sóng gợn:* Nhẹ, từng lớp một như lan toả.  + *Tràng giang*: sông rộng, dài, lớn…  + *Điệp điệp*: Liên tục, nhiều lần.  + *Thuyền về nước lạ*i: Buồn, chia ly, xa cách  + *Củi lạc dòng*: Trôi nổi trên sông, cảnh chia lìa trống vắng, gợi sự chết chóc.  🡪 Cảnh cô đơn, buồn vắng vô tận, nỗi buồn như ngấm vào tận da thịt.  **Nhóm 2:**  - GV cho Hs trao đổi 2 nội dung :  + Cảnh tràng giang  + Cảm xúc của tác giả  - HS trình bày .  - GV chốt lại các hình ảnh thơ có giá trị biểu cảm  \* Liên hệ giáo dục kĩ năng sống: giáo dục kĩ năng giao tiếp bằng hình thức : trình bày suy nghĩ , ý tưởng , tình cảm cá nhân trước hình ảnh của quê hương , đất nước , cảm xúc , tâm trạng của tác giả qua bài thơ .  **Đại diện nhóm 2 trả lời**  - Từ ngữ:*lơ thơ, cồn nhỏ, đìu hiu, làng xa,vãn chợ chiều, cô liêu*  🡪 Không gian buồn vắng. Nghệ thuật dùng từ láy gợi tả sự hắt hiu, thê thảm...  - Không một âm thanh, không một tiếng động, có vẳng hơi tiếng con người ở một phiên chợ chiều đã vãn nhưng mơ hồ - càng gợi sự tàn tạ, vắng vẻ, cô đơn.  - Không gian hai chiều:  *+ nắng xuống/ trời lên/ sâu chót vót*  *+ sông dài/ trời rộng/ bến cô liêu*  🡪 Nghệ thuật đối, sự đối lập giữa con người với vũ trụ: con người càng nhỏ bé trước không gian rộng lớn ấy. Hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển.  **Nhóm 3:**  - GV : Bức tranh tràng giang trong khổ thơ 3 có gì đặc biệt ?Tâm trạng của tác giả như thế nào ?  - HS thảo luận và trình bày  **Đại diện nhóm 3 trả lời**  - Cảnh cô đơn, buồn, trống vắng được nhấn mạnh hơn bởi hai lần phủ định:  *+ không cầu.*  *+ không đò*  🡪 Không bóng người, không sự giao lưu.  + *Bèo dạt:* hình ảnh chia lìa, tan tác.  🡪 gợi hình ảnh con người mất quyền lợi, mất tự do, mất chủ quyền, kiếp sống lưu lạc trên dòng đời, thân phận bèo bọt, vô nghĩa, cô đơn trước đất trời.  **Nhóm 4:**  - GV nêu câu hỏi : Em có nhận xét gì về cảnh tràng giang trong khổ thơ 4 ? Tại sao tác giả nói “ Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà” ?  **Đại diện nhóm 4 trả lời**  - Những đám mây trắng đùn lên trùng điệp ở phía chân trời.  - Hình ảnh ước lệ, cổ điển: Mây, chim => vẽ lên bức tranh chiều thu đẹp hùng vĩ, tráng lệ.  - “chim nghiêng cánh nhỏ…” >< “ Lớp lớp mây cao…” => phép đối tô đậm sự nhỏ bé, đơn độc của cánh chim trước vũ trụ bao la. Qua đó, gợi thân phận nhỏ bé của con người.  -Tâm trạng của tác giả: “Không khói.... nhớ nhà”  + Bộc lộ trực tiếp “lòng quê” “nhớ nhà” => nhớ thương quê nhà, quê hương đất nước.  + Nỗi nhớ thương da diết, mãnh liệt “dợn dợn”, không cần được ngoại cảnh tác động “không khói”.  - HS trả lời trình bày 1 phút.  HS trả lời và GV chốt ý:  **-** Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.  - Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, đảo ngữ, hệ thống từ láy.  HS trả lời:  - Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên  - Nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn  - GV chốt lại các ý .  \* Liên hệ giáo dục kĩ năng sống: giáo dục kĩ năng tư duy sáng tạo bằng cách: phân tích , bình luận , về màu sắc cổ điển và hiện đại của bài thơ , về vẻ đẹp của nỗi buồn thể hiện trong bài thơ . | **II. ĐỌC-HIỂU VB :**  **1.Ba khổ thơ đầu**: **Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ**  ***a.* Khổ 1:**  - Ba câu đầu mang đậm màu sắc cổ điển.  +Từ láy "điệp điệp", "song song" mang đậm sắc thái Đường thi, đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước cứ cuốn đi xa, miên man.  +Trên dòng sông gợi sóng "điệp điệp", nước "song song" ấy là một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi, gợi cảm giác buồn, cô đơn, xa vắng, chia lìa.  - *Củi một cành khô*>< *lạc trên mấy dòng:* mangnét hiện đại với hình ảnh rất đời thường, cành củi khô trôi nổi gợi sự chìm nổi, cảm nhận về thân phận con người nhỏ bé, lênh đênh, bơ vơ giữa dòng đời.  ***🢡 khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tg trước thiên nhiên.***  b**. Khổ 2:**  - Cảnh sông: cồn nhỏ lơ thơ, gió đìu hiu, cây cối lơ thơ gợi lên cái vắng lặng ,lạnh lẽo cô đơn đến rợn ngợp.  - Âm thanh:Tiếng chợ chiều gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ,vắng vẻ.  - Hình ảnh: Trời sâu chót vót ⭢ cách dùng từ tài tình, ta như thấy bầu trời được nâng cao hơn, khoáng đãng hơn. *Sông dài,trời rộng*><*bến cô liêu*⭢Sự tương phản giữa cái nhỏ bé và cái vô cùng… nhưng không làm cho cảnh vật sống động mà càng chìm sâu vào tĩnh lặng ,cô đơn hiu quạnh.  *🢡 Với cách gieo vần tài tình, âm hưởng trầm bổng, HC cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín.*  **c. Khổ 3:**  - Những lớp bèo nối nhau trôi dạt trên sông. Hình ảnh ước lệ diễn tả thân phận, kiếp người chìm nổi. Những bờ xanh tiếp bãi vàng lặng lẽ.  - Câu hỏi: “về đâu” gợi cái bơ vơ, lạc loài của kiếp người vô định.  - Không cầu, không đò: không có sự giao lưu kết nối đôi bờ⭢Cảnh có thêm màu sắc nhưng chỉ càng buồn hơn ,chia lìa hơn .  ***🢡 Niềm tha thiết với thiên nhiên tạo vật, một bức tranh thiên nhiên thấm đượm tình người, mang nặng nỗi buồn bâng khuâng, nỗi bơ vơ của kiếp người. Nhưng đằng sau nỗi buồn về sông núi là nỗi buồn của người dân thuộc địa trước cảnh giang sơn bị mất chủ quyền.***  **2) Khổ 4**: ***tâm sự yêu nước thầm kín***  - Hình ảnh ước lệ, cổ điển: Mây, chim ⭢ bức tranh chiều tà đẹp kì vĩ, êm ả,thơ mộng được gợi lên bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển với hình ảnh mây trắng ,cánh chim chiều; đồng thời mang dấu ấn tâm trạng tác giả.  -Tâm trạng: *Không khói*... *nhớ nhà*: âm hưởng Đường thi nhưng tình cảm thể hiện mới mẻ. Nỗi buồn nhớ trong thơ xưa là do thiên nhiên tạo ra, còn HC tấm lòng thương nhớ quê hương tha thiết tìm ẩn và bộc phát tự nhiên vì thế mà nó sâu sắc và da diết vô cùng.  ***🢡 Đằng sau nỗi buồn, nỗi sầu trước không gian và vũ trụ là tâm sự yêu nước thầm kín của một trí thức bơ vơ,bế tắc trước cuộc đời.*** |
| **Thao tác 3 :** Hướng dẫn HS Tổng kết  -GV hướng dẫn HS phát hiện chủ đề  - GV : Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật  GV gọi HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK  GV: Nội dung lớn của bài thơ nói lên điều gì ?  **GV nhận xét, chốt ý.** | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại  - Nghệ thuật đối: khổ 1  - Bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình: Nắng xuống …..chót vót  - Hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm  ***2. Ý nghĩa văn bản:*** Bài thơ bộc lộ nỗi sầu của một cái tôi cô đơn trước thiên nhiên rộng lớn qua đó bài thơ thể hiện niềm khát khao hòa nhập với cuộc đời và lòng yêu nước thiết tha . |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :  *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*  *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*  *Nắng xuống, trời lên sâu chót vót*  *Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*  *(* Trích *Tràng giang*, Huy Cận, Tr 29, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?  2/ Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy *Lơ thơ, đìu hiu* ?   3/ Tại sao nhà thơ không dùng từ *cao chót vót* mà lại dùng *sâu chót vót* ?   4/ Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng gì ?  - **HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức** | Trả lời :  1/ Nội dung chính của đoạn thơ : Đoạn thơ thể hiện không gian vắng lặng cô đơn và niềm khao khát giao hoà với con người.  2/ Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy *Lơ thơ, đìu hiu*: Hai từ láy này gợi sự buồn bã, quạnh vắng, cô đơn trong tâm hồn nhà thơ.   3/ Nhà thơ không dùng từ *cao chót vót* mà lại dùng *sâu chót vót*: vì từ *sâu*  tả chiều cao thăm thẳm, vô cùng. *Chót vót* khắc hoạ chiều cao dường như vô tận. Càng rộng, càng sâu, càng cao thì cảnh vật càng thêm vắng lặng.   4/ Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng buồn cô đơn, trống vắng, một niềm khao khát tìm đến cõi nhân thế để giao hoà với con người. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp câu thơ *Củi một cành khô lạc mấy dòng.*  - **HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Thí sinh cảm nhận được vẻ đẹp hình thức và nội dung của câu thơ. Về hình thức, câu thơ sử dụng phép đảo từ, đưa từ *củi* lên đầu câu thơ để nhấn mạnh hình ảnh. Sự phối hợp các từ *củi, khô, lạc* tạo nên hình ảnh gần gũi, đậm chất dân tộc và gợi tâm trạng. Về nội dung, câu thơ gợi hình ảnh cành củi khô nhỏ nhoi, vô nghĩa, cô đơn trôi bềnh bồng trên dòng sông mênh mông sông nước dễ gợi nỗi buồn về kiếp người nhỏ bé vô định. |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm thêm một số bài thơ của Huy Cận trước cách mạng. Viết cảm nhận về các bài thơ đó.**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Sưu tầm qua sách, mạng iernet. Viết cảm nhận ngắn gọn, cảm xúc chân thành.** |

## 

## *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*

**Tiết ½ 81 + 1/3 82 : THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

a/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, bác bỏ;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng các thao tác lập luận bác bỏ trong những ngữ liệu cho trước

c/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận: phân tích, so sánh, bác bỏ;

d/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp các thao tác lập luận: phân tích, so sánh;bác bỏ.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

a/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ;

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác bác bỏ;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

a/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác bác bỏ

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của của các thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi nhận diện thao tác lập luận bác bỏ trong ngữ liệu do Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt tạo lập văn bản theo yêu cầu hoàn toàn mới có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ;

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội, văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |
| --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** |
| - GV giao nhiệm vụ: GV đưa ra tình huống: Có người cho rằng *con người sống để ăn*. Nhưng có người nói ngược lại: *Ăn để sống*. Em đồng ý quan niệm nào? Hãy lập luận để bảo vệ quan điệm của mình.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Lập luận bác bỏ rất cần thiết trong đời sống hiện nay, khi mà trong xã hội không khỏi những nhận định sai lầm, lệch lạc thậm chí phản cả các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội…Vì vậy chúng ta phải kịp thời bác bỏ nhận định đó để bảo vệ các chân lí. Muốn bác bỏ ý kiến người khác cần phải có tri thức, biết cách bác bỏ.Để làm được điều này, ta tìm hiểu bài: thao tác lập luận bác bỏ.* |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 25 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -GV yêu cầu HS tìm hiểu mục I trong SGK  -GV yêu cầu hs tra từ điển Tiếng Việt nghĩa của từ bác bỏ,phản bác  Từ sự tra cứu đó, gv hình thành khái niệm cho hs bằng cách xét ví dụ trong sách  1.Thế nào là bác bỏ? Trong cuộc sống cũng như viết bài nghị luận, ta dùng thao tác bác bỏ nhằm mục đích gì?  2. Để bác bỏ thành công, cần nắm vững những yêu cầu nào?  3.Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ?  4. Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn?  HS trả lời  Bác bỏ là dùng lí lẽ và dẫn chứng để phủ nhận những ý kiến, những nhận định… sai trái, nhằm bảo vệ những ý kiến, những nhận định đúng đắn. | **I. Mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ:**  ***1/ Khái niệm thao tác lập luận bác bỏ***:  - Bác bỏ: bác đi,gạt đi,không chấp nhận ý kiến.  - Phản bác: Gạt bỏ bằng lí lẽ ý kiến,quan điểm của người khác  🢡 Bác bỏ là dùng lí lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác,...từ đó nêu lên ý kiến của mình để thuyết phục người nghe, người đọc.  ***2/ Mục đích***:  - Nhằm phê phán cái sai để bảo vệ chân lí của đời sống và chân lí của nghệ thuật.  ***3/ Yêu cầu***:  - Chỉ ra cái sai hiển nhiên đó  - Dùng lí lẽ và dẫn chứng khách quan, trung thực để bác bỏ ý kiến, nhận định sai trái.  - Cần có thái độ khách quan, đúng mực, có văn hóa tranh luận. |
| Gv cho hs đọc tất cả những ví dụ trong SGK và tìm hiểu nội dung cơ bản của chúng và trả lời những câu hỏi nêu bên dưới sau khi đã thảo luận thống nhất.  GV yêu cầu HS đọc các đoạn trích ở mục II.1 trong SGK.  GV yêu cầu HS rả lời các câu hỏi sau: Cho biết trong ba đoạn trích trên, luận điểm (ý kiến, nhận định, quan niệm…) nào bị bác bỏ? Bác bỏ bằng cách nào?  GV hướng dẫn hs đọc và làm theo yêu cầu của bài.  \* Nl 1:  Luận điểm bác bỏ:  Nguyễn Du là con bệnh thần kinh.  - Bác bỏ bằng cách phối hợp nhiều loại câu, nhất là câu hỏi tu từ và cách so sánh trí tưởng tượng của Nguyễn Du và trí tưởng các thi sĩ khác.  \* Nl2:  - Nguyễn An Ninh bác bỏ ý kiến sai trái: Tiếng nước mình nghèo nàn.  - Bác bỏ bằng cách khẳng định ý kiến không có cơ sở mà bằng so sánh hai nền văn học Việt Trung để nêu câu hỏi tu từ: *“Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người”.*  \* Nl3:  - Ông Nguyễn Khắc Viện bác bỏ quan niệm sai trái: *“Tôi hút, tôi bị bệnh mặc tôi”.*  - Bác bỏ: bằng cách phân tích tác hại đầu đọc môi trường của những người hút thuốc lá gây ra cho những người xung quanh.  - Hãy nêu cách thức làm một bài văn nghị luận bác bỏ? | **II. Cách bác bỏ**:  ***1/ Bố cục bài văn nghị luận bác bỏ:***  - Mở bài:Nêu rõ ý kiến sai lệch  - Thân bài:Dùng dẫn chứng kết hợp lí lẽ để bác bỏ  - Kết bài:Nêu ý kiến,quan điểm đúng hoặc rút ra bài học,việc làm cần thiết  ***2/ Cách thức bác bỏ:***  - Nêu và phân tích quan điểm và ý kiến sai lệch, dẫn chứng minh hoạ tác hại của sai lầm,dẫn chứng trái ngược để phủ nhận,hoặc dùng lí lẽ trực tiếp phê phán sai lầm  - Khẳng định ý kiến,quan điểm đúng đắn của mình  ***3/ Giọng điệu của văn NL bác bỏ:***  - Rắn rỏi,dứt khoát  - Mang tính chiến đấu,có tính thuyết phục cao |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  \* Yêu cầu phân tích:  − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn?  − Cách bác bỏ của mỗi tác giả?  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | \* **Nhóm 1,2** trình bày kết quả thảo luận:  ***Bài tập 1***:  (1) Đoạn văn a:  − Tác giả bác bỏ quan niệm "đổi cứng ra mềm" của những kẻ sĩ cơ hội, cầu an.  − Bác bỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng.  (2) Đoạn văn b:  − Tác giả bác bỏ quan niệm cho rằng "thơ là những lời đẹp".  − Bác bỏ bằng những dẫn chứng cụ thể.  \* **Nhóm 3,4** trình bày kết quả thảo luận:  − Khẳng định đây là một quan niệm sai về việc kết bạn trong lứa tuổi học trò.  − Phân tích "học yếu" không phải là một "thói xấu", mà chỉ là một "nhược điểm" chủ quan hoặc do những điều kiện khách quan chi phối (sức khoẻ, khả năng, hoàn cảnh gia đình…); từ đó phân tích nguyên nhân và tác hại của quan niệm sai trên.  − Khẳng định quan niệm đúng đắn là kết bạn với "những người học yếu" là trách nhiệm và tình cảm bạn bè nhằm giúp đỡ nhau cùng tiến bộ về mọi mặt, trong đó có mặt học tập. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Có người nói: “Đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là không cần thiết”.  Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Suy nghĩ đó hoàn toàn sai lầm. Đội mũ bảo hiểm giúp bảo vệ chính bản thân người đội mũ khi đi lại ừên đường nếu chẳng may gặp phải tai nạn rủi ro. Các số liệu thống kê cũng cho thấy đội mũ bảo hiểm giúp giảm 30% thương vong do chấn thương sọ não ừong các vụ tai nạn giao thông. Vi vậy việc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là hết sức cần thiết. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | **Năng lực cần hình thành** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm những đoạn văn nghị luận xã hội tiêu biểu có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm kiếm qua sách báo, mạng internet. Chú ý những ngữ liệu liên quan đến đời sống xã hội gần gũi với tuổi trẻ.** | Năng lực tự học. |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

-Hệ thống hóa kiến thức (khái niệm, cách bác bỏ).

-Tự xây dựng một số tình huống và vận dụng kiến thức, kĩ năng để bác bỏ.

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

*………………………………………………………………………………………..........................*

**Tiết 2/3 82 :LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, bác bỏ;

2/ Thông hiểu: Xác định đúng các thao tác lập luận bác bỏ trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận: phân tích, so sánh, bác bỏ;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp các thao tác lập luận: phân tích, so sánh;bác bỏ.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác bác bỏ;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác bác bỏ

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của của các thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi nhận diện thao tác lập luận bác bỏ trong ngữ liệu do Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt tạo lập văn bản theo yêu cầu hoàn toàn mới có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ;

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội, văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: *“ …Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?*  *Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?*  *Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?*  *Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này:*  *Điều gì người ta suy nghĩ kĩ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra. …”*  (Nguyễn An Ninh, Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức  Theo SGK Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)  Đoạn văn trên sử dụng thao tác lập luận gì?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thao tác lập luận bác bỏ  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu kiến thức về thao tác lập luận bác bỏ. Hôm nay, chúng ta sẽ thực hành thao tác này để củng cố và khắc sâu kiến thức. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.    - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 25 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -GV yêu cầu HS ôn lại lí thuyết đã học  1.Thế nào là bác bỏ? Trong cuộc sống cũng như viết bài nghị luận, ta dùng thao tác bác bỏ nhằm mục đích gì?  2. Để bác bỏ thành công, cần nắm vững những yêu cầu nào?  3.Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ?  4. Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn?  HS trả lời  Bác bỏ là dùng lí lẽ và dẫn chứng để phủ nhận những ý kiến, những nhận định… sai trái, nhằm bảo vệ những ý kiến, những nhận định đúng đắn. | **I. Lí thuyết:**  - Thế nào là bác bỏ?  - Mục đích, yêu câu của thao tác lập luận bác bỏ?  - Cách thực hiện thao tác lập luận bác bỏ? |
| Hoạt động 2: hướng dẫn Hs làm bài tập.  Gv hướng dẫn hs tìm hiểu nội dung của đoạn 1 và chỉ ra cách thức bác bỏ  Người viết bác bỏ vấn đề gì?  Chứng minh cho vấn đề đó người viết đã dùng những luận cứ nào?  Hs thảo luận và trả lời câu hỏi  Ở đoạn 2 ý kiến bác bỏ nhằm mục đích gì?  Luận cứ đưa ra để bác bỏ vấn đề dựa trên suy nghĩ gì?  Hs thảo luận và trả lời  GV hướng dẫn hs tìm hiểu và đưa ra cách bác bỏ cho từng ý kiến  Phần bên là ví dụ về ý kiến thứ 1,Gv có thể đề xuất thêm nhiều kinh ngiệm khác.  Gv hướng dẫn hs tìm ra nội dung bác bỏ | **II.Bài tập:**  Bài tập 1:  ***1/Đoạn 1***:Có quan niệm cho rằng cuộc sống riêng của mỗi người là đầy đủ tiện nghi, được bao bọc cẩn thận trong êm ấm và tuyệt đối không cần phải hiểu biết gì nhiều về xung quanh.  Ý kiến bác bỏ: Cho đó là sai lầm bởi vì nó làm nghèo nàn đi tâm hồn con người,con người sẽ không có khả năng tự bảo vệ mình khi đối diện với muôn vàn khó khăn của cuộc sống và như thế con người sẽ không thấy được giá trị của hạnh phúc  ***2/Đoạn 2:*** Ý bác bỏ thứ nhất thể hiện qua dạng câu hỏi tu từ biểu hiện cho thái độ khiêm tốn của QT  Ý bác bỏ thứ hai cho thấy rằng QT chỉ rõ được thái độ chưa hợp tác của các sĩ phu Bắc Hà chứ một đất nước không thể không có người tài,không có người trung thành tín nghĩa.  Bài tập 2:  ***1/Bác bỏ quan niệm thứ nhất***:Nếu học thuộc nhiều sách,học thuộc nhiều thơ thì chỉ làm cho kiến thức chúng ta thêm phong phú chứ không thể rèn luyện tư duy,khả năng sáng tạo của người viết vì thế khi viết văn dễ sa vào rập khuôn,máy móc,thói khoe chữ cầu kì  ***2/Đề xuất vài kinh nghiệm:***  -Đọc nhiều sách,nhớ những dẫn chứng hay  -Rèn khả năng hành văn  -Tìm tòi,phát hiện cái mới  Bài tập 3:Hãy chỉ ra cách bác bỏ trong đoạn văn sau  ***Hoà hợp không có nghĩa là giống nhau***  Nhiều bạn trẻ ngộ nhận rằng, hai người có nhiều điểm tương đồng trong suy nghĩ,cách sống thì cuộc sống vợ chồng sẽ rất hợp nhau.Vì vậy khi chọn người yêu hoặc bạn đời,các đừng chỉ nhìn vào biểu hiện bên ngoài mà đã vội cho rằng đấy chính là người hợp “gu” với mình.Quan điểm này hoàn toàn sai lầm.Bởi lẽ nếu hai bạn cùng có chung quan niệm sống,cá tính mạmh mẽ thì thường nảy sinh mâu thuẫn,sẽ không ai chịu nhường ai cả.Bạn có thể cùng sở thích về văn học, điện ảnh ca nhạc,vui chơi,giải trí-ấy là điều tốt nhưng nếu hai người cùng đều có ý muốn an nhàn,hưởng thụ,ích kỉ thì e rằng tổ ấm của bạn sẽ chẳng có ai “giữ lửa” cho hạnh phúc cả. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ: Chỉ ra các lập luận bác bỏ của nhà văn Vũ Trọng Phụng trước ý kiến phê bình của Nhất Chi Mai ( Nhất Linh)**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |  |

a. Nhất Chi Mai (Nhất Linh) phê bình Vũ Trọng Phụng, năm 1937.  
*Đọc xong một đoạn văn, tôi thấy trong lòng phẫn uất, khó chịu, tức tối.  
Không phải phẫn uất, khó chịu cái vết thương xã hội tả trong câu văn, mà chính là vì cảm thấy tư tưởng hắc ám, căm hờn nhỏ nhen ẩn trong đó.  
... Đọc văn Vũ Trọng Phụng, thực không bao giờ tôi thấy một tia hy vọng, một tư tưởng bi quan. Đọc xong ta tưởng nhân gian là một nơi địa ngục và xung quanh mình toàn là những kẻ giết người, làm đĩ, ăn tục, nói càn, một thế giới khốn nạn vô cùng.  
Phải chăng đó là tấm gương phản chiếu tính tình, lí tưởng của nhà văn, một nhà văn nhìn thế giới qua cặp mắt kính đen và một cội nguồn văn cũng đen nữa.*b. Vũ Trọng Phụng đã phản bác lại cùng năm đó, 1937.  
*Khi dùng một từ bẩn thỉu tôi chẳng thấy khoái trá như khi các ông tìm được một kiểu áo phụ nữ mới mẻ, những lúc ấy, tôi chỉ thương hại cái nhân loại ô uế bẩn thỉu, nó bắt tôi phải viết như thế, và nó bắt các ông phải chạy xa sự thực bằng những danh từ điêu trá của văn chương. Các ông quen nhìn một cô gái nhảy là một phụ nữ tân thời, vui vẻ trẻ trung, hi sinh cho ái tình hoặc cách mạng lại gia đình. Riêng tôi, tôi chỉ thấy đó là một người đàn bà vô học, chẳng có thị vị, lại hư hỏng, lại bất hiếu bất mục nữa, lại có nhiều vi trùng trong người nữa. Tôi không biết gọi gái đĩ là nàng - chữ ấy nó thi vị lắm - hoặc tô điểm cho gái đĩ ấy những cái thi vị mà gái đĩ ấy không có, đến nỗi đọc xong truyện người ta chỉ thấy một gái đĩ làm gương cho thế gian noi theo!  
... Đó, thưa các ông, cái chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta!... Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời...  
Hắc ám, có! Vì tôi vốn là người bị quan, căm hờn cũng có, vì tôi cho rằng cái xã hội nước nhà mà lại không đáng căm hờn, mà lại cứ "vui trẻ trung", trưởng giả, ăn mặc tân thời, khiêu vũ v.v...như các ông chủ trương thì một là không muốn cải cách gì xã hội, hai là ích kỉ một cách đáng sỉ nhục.  
Còn bảo nhỏ nhen thì thì thế nào?  
Tả thực cái xã hội khốn nạn, công kích cái xa hoa dâm đãng của bọn người có nhiều tiền, kêu ca những sự thống khổ của nhân dân nghèo bị bóc lột, bị áp chế, bị cưỡng bức, muốn cho xã hội công bình hơn nữa, đừng có chuyện ô uế, dâm đãng, mà bảo là nhỏ nhen, thì há dễ Zôla (Dôla), Hugo (Huygô), Mabraux (Mabrô), Dostoievski (Đôtstôiepski), Maxime Gorki (Maxim Gorki) lại không cũng là nhỏ nhen?  
Nếu các ông không muốn sờ lên gáy thì thôi, bao nhiêu chuyện thanh cao, tao nhã, cao thượng của loài người xin các ông cố mà hương hoa khấn khứa. Tôi xin để cái phần ấy cho các ông. Riêng tôi, xã hội này, tôi chỉ thấy khốn nạn, quan tham lại nhũng, đàn bà hư hỏng, đàn ông dâm bôn, một tụi văn sĩ đầu cơ xảo quyệt, mà cái xa hoa chơi bời của bọn giàu thì thật là những câu chửi rủa vào cái xã hội dân quê, thợ thuyền bị lầm than, bị bóc lột. Lạc quan được cho đời là vui, là không cần cải cách, cho cái xã hội này là hay ho tốt đẹp, rồi ngồi mà đánh phấn bôi môi hình quả tim để đi đua ngựa, chợ phiên, khiêu vũ, theo ý tôi, thế là giả dối, là tự lừa mình và di hoạ cho đời, nếu không là vô liêm sỉ một cách thành thực.*

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Có người nói: “Những người phạm tội do *ngáo đá* gây ra thì không xử lý hình sự ”. Hãy nêu quan điểm của anh/ chị bằng một đoạn văn ngắn.  Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Suy nghĩ đó hoàn toàn sai lầm. Người  “ngáo đá” có triệu chứng của tâm thần dưới góc độ khoa học. Nhưng dưới góc độ pháp luật, “ngáo đá” chính là hậu quả của hành vi sử dụng ma túy gây ảo giác. Một khi đã xác định đây chính là hậu quả của hành vi sử dụng ma túy gây ảo giác thì phải giám định rất kỹ để đánh giá được việc sử dụng ra sao, mức độ ảnh hưởng thần kinh đến đâu. Vì thế, khi họ gây ra hậu quả thì cũng phải xử lí bình thường. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm những đoạn văn nghị luận xã hội tiêu biểu có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm kiếm qua sách báo, mạng internet. Chú ý những ngữ liệu liên quan đến đời sống xã hội gần gũi với tuổi trẻ.** |

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

*Tuần :*

*Ngày soạn: Ngày kí :*

**Tiết 83 – Đọc văn**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

***(Hàn Mặc Tử)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

2/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề xã hội đặt ra từ văn bản.

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ, về 1 ý kiến bàn về văn học;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản thơ Mới

2/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu thơ Hàn Mặc Tử;

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của bài thơ trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị tư tưởng và nghệ thuật mới mẻ mà bài thơ đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong thơ Mới.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Hàn Mặc Tử trước cách mạng;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm trong phong trào thơ Mới;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ lãng mạn 1930-1945;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm phong cách thơ Hàn Mặc Tử với các nhà thơ Mới khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  Nhìn hình đoán tác giả *Hàn Mặc Tử*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong phong trào thơ Mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử là nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **1.Tác giả:** GV đặt câu hỏi  Em hãy trình bày những nét chính về tác giả ?  GV giới thiệu cho hs tiểu sử tác giả và sự ngiệp thơ ca: căn bệnh đã ảnh hưởng đến hồn thơ của ông…  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Hàn Mặc Tử (1912- 1940), tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, quê ở Quảng Bình.  - cuộc đời bất hạnh, bi thương nhưng là nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ.  Những tác phẩm chính của Hàn Mặc Tử ?  GV nhận xét, chốt lại ý chính.  **2. Tác phẩm** :  GV: Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ?bố cục?  **HS trả lời:** | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  1. Tác giả:  - Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới *“ Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam”*(Chế Lan Viên)  - Ông có cảnh ngộ bất hạnh, sớm mất cha, mắc bệnh hiểm nghèo.  - Tác phẩm chính (SGK)  **2) Tác phẩm**  **-** Trích từ tập “thơ điên”.  - Hoàn cảnh sáng tác: trong tập “Thơ điên ”sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Đọc VB**: GV mời một HS đọc bài thơ. GV nhận xét. Sau đó GV cho HS nghe bài ngâm thơ.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung khổ thơ thứ nhất.**  GV: Câu hỏi mở đầu bài thơ có gì đặc biệt?  Cảnh Thôn Vĩ hiện lên như thế nào ? Bóng dáng của người con gái Huế xuất hiện gây thêm ấn tượng gì cho lời mời gọi?  **HS trả lời :**  **-** câu đầu là câu hỏi, lời trách, lời mời “chơi” thân mật, tự nhiên.  - bức tranh thôn Vĩ tươi đẹp, sống động  + Nắng tinh khôi, rực rỡ  + Nắng mới: trong trẻo  - ánh nắng ban mai tinh khiết, trong lành  **- “ai”** đại từ phiếm chỉ  - “mướt” mượt mà, óng ả, tươi tốt.  - *xanh như ngọc*.  - *mặt chữ điền:* hiền lành, phúc hậu.  - *Lá trúcche ngang:* dịu dàng, kín đáo.  => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, trong trẻo, con người xứ Huế hiền lành, phúc hậu.  **GV nhận xét và bổ sung.**  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu khổ thơ thứ hai. GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập.**  **Nhóm 1:** Cảnh thôn Vĩ hiện lên như thế nào ở khổ 2, nó có sự khác biệt gì so với khổ 1?  **GV nhận xét, bổ sung.**  Nhóm 2: Nhận xét nghệ thuật miêu tả qua hình ảnh “gió”, “mây”, “sông”, chỉ ra nét độc đáo của nó ?  **GV nhận xét, bổ sung.**  Nhóm 3: Nhận xét về cách sử dụng biện pháp tu từ trong khổ này ?Tâm trạng của chủ thể trữ tình thay đổi thế nào ?  **GV nhận xét, bổ sung.**  Nhóm 4: Hình ảnh bến sông trăng gợi cho em cảm giác gì về vẻ đẹp của thiên nhiên ? Đằng sau phong cảnh ấy là tâm sự gì của nhà thơ ?  **Nhóm 1 trả lời:**  **-** cảnh thơ mộng, hữu tình...  **Đại diện nhóm 2 trả lời:**  *- Gió… mây:* Nghịch lý *gió, mây* gợi sự chia lìa, nỗi ám ảnh chia xa.  **Đại diện nhóm 3 trả lời:**  *-Dòng nước… bắp lay:* nhân hóa, nỗi buồn của dòng sông, là sự chuyển biến về cảm xúc của chủ thể trữ tình.  *+* “lay”: hiu hắt, tĩnh lặng. Cảnh đẹp nhưng buồn, gợi nỗi cô đơn  **Đại diện nhóm 4 trả lời**  - “ thuyền ai .. đó”: thiên nhiên tràn ngập ánh trăng, vẻ đẹp thơ mộng, lãng mạn, đầy chất Huế.  +“thuyền ai”: bất định, không gian huyền ảo  + ẩn dụ: thuyền, bến, trăng biểu tượng cho tình yêu và hạnh phúc.  + “kịp” mong ngóng, hoài nghi, bất an, thất vọng.  => Cảnh vật ảm đạm, trạng lo buồn, dự cảm sự chia xa và khao khát với cuộc đời ngắn ngủi.  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu khổ thứ 3**  GV: Câu thơ “Áo em....” em hiểu thế nào về câu này ?  Câu hỏi cuối cùng bộc lộ tâm trạng gì và nó có liên quan ntn với câu hỏi mở đầu?  Mối tình của tác giả có liên quan như thế nào đến những tâm sự trong bài thơ này?  Phần này gv đã giới thiệu ở đầu, nay nhấn lại để hs dễ nhận ra tâm trạng thay đổi qua cách nhìn và cách cảm thiên nhiên.  **GV nhận xét, chốt ý.**  **HS trả lời**:  - *khách đường xa:* sự xa xôi, cách trở.  - “ trắng quá nhìn không ra”: thấp thoáng, mờ ảo. Thể hiện tâm trạng hụt hẫng, bàng hoàng, xót xa.  - *sương khói mờ nhân ảnh:* không gian bất định, con người mờ ảo trong thiên nhiên., “sương khói” làm tăng vẻ hư ảo, mộng mơ.  *-* đại từ phiếm chỉ “ai” gợi nỗi cô đơn, trống vắng của tâm hồn thi nhân  + ai biết? tình ai? Hy vọng, tuyệt vọng.  => cảnh lạnh lẽo, hư ảo làm tăng nỗi cô đơn trong một tâm hồn tha thiết yêu thương.  HS trả lời:  - khắc họa nội tâm, hình ảnh độc đáo, câu hỏi tu từ, nhân hóa, ngôn ngữ giàu hình ảnh, biện pháp lấy động tả tĩnh...  **HS trả lời:**  - Bức tranh về thôn vĩ thơ mộng, hữu tình, đồng thời là niềm thiết tha cuộc sống, khao khát hạnh phúc của Hàn Mặc Tử. | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  1) **Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vỹ và tình người tha thiết** ( 15 phút)  **- “*Sao anh....”* : Câu hỏi tu từ nhiều sắc thái : lời trách nhẹ nhàng hay cũng là lời mời gọi tha thiết.**  - Cảnh thôn Vĩ: vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng:  + vẻ đẹp của nắng hàng cau - nắng mới lên gợi đúng đặc điểm của cái nắng miền Trung : nắng nhiều và chói chang , rực rỡ lúc hừng đông.  + Vẻ đẹp mượt mà, tươi tốt ,dầy sức sống *Vườn ai mướt qua ,xanh như ngọc*.  - *Lá trúc* .... *mặt chữ điền:* bóng dáng con người xuất hiện tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi  ***=> Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,*** *cảnh xinh xắn , con người phúc hậu ,thiên nhiên và con người hài hòa với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.* ***Đằng sau bức tranh phong cảnh là tình yêu thiên nhiên, con người tha thiếtvà niểm băn khoăn day dứt của tác giả***  **2. Khổ 2 : Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ , chia lìa**  - Cảnh thôn Vĩ thật êm đềm thơ mộng , nhịp điệu khoan thai ,êm đềm : Gió mây nhè nhẹ bay đi ,dòng chảy lững lờ ,cây cỏ khẽ đung đưa  - Hình ảnh: Gió lối gió, mây đường mây biểu hiện của sự chia cách.  - Nhân hóa: Dòng nước làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bã. Thể hiện sự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình cảnh đẹp như lạnh lẽo, dường như phảng phất tâm trạng thờ ơ xa cách cuộc đời đối với mình  - Bến sông trăng: hình ảnh lạ, gợi lên vẻ đẹp lãng mạn,nhẹ nhàng,tất cả đang đắm chìm trong bồng bềnh mơ mộng,như thực như ảo  - Câu hỏi: Có chở......⭢sáng lên hivọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung, xa vời  ***🢡 Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng***  ***3. Khổ 3: Nỗi niềm thôn Vĩ***  - Mơ khách .....: Khoảng cách về thời gian, không gian.  - Áo em .....:hư ảo,mơ hồ⭢hình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời,không thể tới được nên t/g rơi vào trạng thái hụt hẫng,bàng hoàng, xót xa.  - Ai biết ........: biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của t/g đang ở thời kì đau thương nhất.Lời thơ bâng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc  ***🢡 Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.*** |
| **GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc săc nghệ thuật bài thơ.**  Nêu đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm ?  **GV nhận xét, chốt ý.**  GV: Hãy rút ra ý nghĩa văn bản ?  **GV nhận xét, chốt ý.** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Trí tưởng tượng phong phú.  - Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..  - Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giũa thực và ảo.  **2*. Ý nghĩa văn bản:***  Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi :  *Mơ khách đường xa khách đường xa,* *Áo em trắng qúa nhìn không ra;* *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh* *Ai biết tình ai có đậm đà?*  ( Trích Đây thôn Vĩ Dạ , Hàn Mặc Tử, Tr 39, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?  2/Xác định phép điệp trong câu thơ:*Mơ khách đường xa khách đường xa,*  Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng phép điệp đó ?   3/ Câu thơ *Ai biết tình ai có đậm đà?* đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của nhà thơ ?  Trả lời :  1/ Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ thể hiện nỗ nhớ hình ảnh người thiếu nữ Huế và sự tuyệt vọng của thi nhân.  2/ Phép điệp trong câu thơ: điệp ngữ  *khách đường xa*  hai lần  Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh thêm nỗi xót xa, như lời thầm tâm sự của nhà thơ với chính mình. Trước lời mời của cô gái thôn Vĩ (Sao anh không về chơi thôn Vĩ), có lẽ nhà thơ chỉ là người khách quá xa xôi, hơn thế, chỉ là người khách trong mơ mà thôi. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự suy tư ấy, nhưng ở đây chủ yếu là mặc cảm về tình người.   3/ Câu thơ *Ai biết tình ai có đậm đà?* đạt hiệu quả nghệ thuật: nhà thơ đã sử dụng rất tài tình đại từ phiếm chỉ *ai* để mở ra hai ý nghĩa của câu thơ: nhà thơ làm sao mà biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ có chóng tan như sương khói kia; tuy vậy, người xứ Huế có biết chăng tình cảm của nhà thơ với cảnh Huế, người Huế hết sức thắm thiết, đậm đà? Dù hiểu theo nghĩa nào thì câu thơ cũng chỉ làm tăng nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *một bài học tâm đắc* được rút ra từ đoạn thơ cuối bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ..  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: Thí sinh căn cứ vào ý nghĩa đoạn thơ để bày tỏ một bài học được rút ra. Đó là con người dẫu chịu nhiều đau thương trong cuộc sống mà vẫn khát khao yêu thương, khát khao yêu cuộc đời. Từ đó, thí sinh bàn luận ý nghĩa của niềm khát khao đó, phê phán một bộ phận giới trẻ có tư tưởng bi quan, chán nản, mất phương hướng. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Tìm đọc thêm một số bài thơ cùa Hàn Mặc Tử**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Sưu tầm qua sách, xử lí thông tin qua mạng.** |

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

***TIẾT 84 Tiếng Việt*** *Ngày soạn:*

**NGHĨA CỦA CÂU(tiếp)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết được “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu .

2/ Thông hiểu: HS hiểu ý nghĩa “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu

3/Vận dụng thấp: HS lí giải được ý nghĩa “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” để lĩnh hội và tạo lập văn bản

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài tập tiếng Việt liên quan nghĩa sự việc và nghĩa tình thái

2/ Thông thạo: xác định nghĩa của câu

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: tìm hiểu nghĩa của câu

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi trình bày nghĩa của câu

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của câu trong văn bản

-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến nghĩa của câu

- Năng lực đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa của câu

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận nghĩa của câu

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin để tóm tắt , vẽ sơ đồ tư duy bài học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 3. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (tiếp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thao tác 2 :** **nghĩa tình thái**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục III SGK và trả lời các câu hỏi  - Nghĩa tình thái của câu là gì?  - Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc mục III SGK và phân tích những biểu hiện của nghĩa sự việc qua các ngữ liệu sgk..  **Bước 3: HS báo cáo kết quả**  Sự biểu hiện  - Khẳng định tính chân thực của sự việc  - Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao hoặc thấp.  - Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương diện nào đó của sự việc.  - Đánh giá sự việc có thực hay không có thực đã xảy ra hay chưa xảy ra.  - Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Thao tác 2:** Luyện tập. Thảo luận nhóm.  Đại diện nhóm trình bày. GV nhận xét và cho điểm.  - **Nhóm 1:** Bài tập 1  - **Nhóm 2:** Bài tập 2  - **Nhóm 3:** Bài tập 3.  **- Nhóm 4** : bài tập 4  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:   |  |  | | --- | --- | | ***Nghĩa sự việc*** | ***Nghĩa tình thái*** | | a. Hiện tượng nắng mưa ở hai miền khác nhau. | *Chắc:* Phỏng đoán độ tin cậy cao | | b. Ảnh của mợ Du và thằng Dũng | *Rõ ràng là*: Khẳng định sự việc | | c. Cái gông | *Thật là*: Thái độ mỉa mai | | d. Giật cướp, mạnh vì liều | *Chỉ:* nhấn mạnh; *đã đành*: Miễn cưỡng. |   \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  - *Nói của đáng tội:* Rào đón đưa đẩy.  *- Có thể:* Phóng đoán khả năng  *- Những:* Đánh giá mức độ cao( tỏ ý chê đắt).  *- Kia mà:* Trách móc( trách yêu, nũng nịu )  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  - Câu a: *Hình như*  - Câu b: *Dễ*  - Câu c: *Tận*  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  Đặt câu: - Bây giờ chỉ 8h là cùng.  🡪 Phỏng đoán mức độ tối đa.  - Chả lẽ nó làm việc đó.  🡪 Chưa tin vào sự việc. | **III. Nghĩa tình thái.**  **1. Khái niệm:**  - Nghĩa tình thái biểu hiện thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.  **2. Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái**.  ***a. Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu :***  ***b. Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe :***  - Tình cảm thân mật, gần gũi.  - Thái độ bực tức, hách dịch.  - Thái độ kính cẩn.  **3. Ghi nhớ :** SGK.  **IV. Luyện tập.**  **Bài tập 1.**  **Bài tập 2.**  **Bài tập 3.**  **Bài tập 4:**  **Bài tập bổ sung**  Đặt câu với mỗi từ ngữ tình thái sau: *chưa biết chừng, là cùng, ít ra, nghe nói, chả lẽ, hoá ra, sự thật là, cơ mà, đặc biệt là, đấy mà.*  Trả lời  − Nó không đến cũng chưa biết chừng!  − Cái áo này một trăm ngàn là cùng!  − Nghe nói lại sắp có bão.  − Chả lẽ giá cả cứ tăng mãi?  − Nói thế hoá ra tôi lừa anh à?  − Sự thật là cô Hoa đã chia tay anh Nam. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu sau:*“Tiếng trống thu không trên cái chòi canh của phố* *huyện. Từng tiếng một vang xa gọi buổi chiều”*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV nhận xét, chốt kiến thức | - Sự việc: báo an toàn không có gì xảy ra, chuẩn bị đóng cửa thành khi bóng chiều sắp hết.  - Nghĩa tình thái là thành phần phản ánh thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ cảm nhật chi tiết bát cháo hành trong truyện Chí Phèo ( Nam Cao). Chú ý có sử dụng nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong quá trình lập luận.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  **-**GV nhận xét, chốt kiến thức | **-**Đọc lại truyện Chí Phèo  - Viết đoạn văn theo yêu cầu;  - Chỉ ra nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu văn. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm thêm một số câu thơ, bài thơ, đoạn trích văn xuôi . Chỉ ra nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong ngữ liệu đã sưu tầm**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm hiểu qua sách tham khảo, mạng internet.** |

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| 1. Củng cố: Chốt lại các ý chính  2. Dặn dò: |

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 85 : Trả bài Làm văn số 5;**

**Viết bài Làm văn số 6 nghị luận xã hội (bài làm ở nhà).**

**I. Mục tiêu :**

**1.Kiến thức** :Giúp HS biết phát hiện những sai sót trong bài làm văn của mình để làm tốt hơn các bài tiếp theo

**2. Kĩ năng** : Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.

**3. Thái độ** :Có ý thức phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài , biết khắc phục nhược điểm trong quá trình làm văn.

- Giao tiếp, tư duy sáng tạo.

.**4.Định hướng năng lực:**

-Năng lực sáng tạo; Năng lực giải quyết vến đề.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình (thảo luận đáp án)

**II.Các bước lên lớp:**

1.Ổn định lớp:

2. Kiểm tra : việc chuẩn bị bài ở nhà.

3. Bài mới: Để giúp các em viết bài tốt hơn ở các tiết sau, trong tiết này, chúng ta sẽ tìm ra những ưu, khuyết của mình để khắc phục những điều chưa đúng và phát huy thế mạnh của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1**  - Yêu cầu HS nhắc lại đề bài và phân tích đề.  - HS nêu dàn ý bài viết của mình  - GV đối chiếu với đáp án và kết luận  **Hoạt động 2**  - GV nhận xét những ưu điểm, nhược điểm bài viết. Đánh giá kết quả.  **Hoạt động 3**  - Hướng dẫn bài viết số 6 ở nhà.  - Định hướng nội dung.  - Đọc lại cấu trúc bài nghị luận xã hội để làm bài . | **1. Phân tích đề ( Phần làm văn)**  - Yêu cầu nội dung:  + Hai ý kiến về bài thơ Lưu biệt khi xuất dương  - Yêu cầu dẫn chứng: từ bài thơ của Phan Bội Châu  - Yêu cầu thao tác nghị luận: Sử dụng thao tác lập luận phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh, bình luận.  **2. Nhận xét chung**  a) Ưu điểm  - Nhìn chung các em hiểu đề, biết cách triển khai ý. Nắm được nội dung và ý nghĩa của ý kiến.  - Phân tích một số dẫn chứng để minh họa cho luận đề.  b) Nhược điểm  - Bài viết chưa mở rộng, chưa bày tỏ được ý kiến của mình một cách cụ thể và rõ ràng.  - Diễn đạt đôi chỗ còn chung chung, mờ nhạt.  - Chưa biết triển khai ý, nên bài viết hầu như chỉ mới dừng lại ở cách cắt nghĩa câu nói.  - Phần liên hệ bản thân còn yếu.  **3. Ra đề bài viết số 6 ( Nghị luận xã hội )**  . |

**BÀI VIẾT SỐ 6**

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì 2, môn Ngữ văn lớp 11.

- Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kĩ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 11 học kì 2 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

*Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh theo các chuẩn sau:*

**- Đọc văn:**

+ Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

**- Làm văn:**

+ Nắm vững thao tác lập luận phân tích.

+ Nghị luận xã hội

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

Hình thức : tự luận.

Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm bài ở nhà

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN**

- Liệt kê các chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 11, học kì 2 các tuần từ 19 đến 22.

- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).

- Xác định khungma trận.

**MA TRẬN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 6- MÔN NGỮ VĂN 11**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
|  |  |  | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |  |
| **I. Đọc hiểu** | - Xác định ý chính của văn bản  - Xác định biện pháp tu từ trong văn bản | -Hiểu nội dung văn bản. | Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  1,0  10 % | 1  0,5  5 % | 1  1,5  15 % |  | 3  3,0  30% |
| **II. Làm văn**  *Nghị luận xã hội* | -Nắm được những yêu cầu của kiểu bài nghị luận xã hội | -Lựa chọn phương pháp lập luận phù hợp với kiểu bài nghị luận xã hội | -Tạo lập được văn bản có đủ bố cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung | -Vận dụng kiến thức đọc hiểu và kỹ năng tạo lập văn bản, kỹ năng kết hợp các thao tác nghị luận để tạo lập văn bản nghị luận về một tư tưởng đạo lí; một hiện tượng đời sống  -Nâng cao mở rộng vấn đề nghị luận. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 0,25  2,5 % | 0,25  2,5 % | 0,5  5 % | 1  6,0  60% | 1  7,0  70% |
| Tổng số câu Tổng số điểm  Tỉ lệ | 1  0,5  5 % | 1  1  10 % | 1  1,5  15 % | 1  7,0  70% | 5  10,0  100% |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU *(3,0 điểm)***

*(1)Tản Đà (1889 - 1939 ) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây ( nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây ). Quê hương ông nằm bên bờ sông Đà, gần núi Tản Viên. Ông sinh ra trong buổi giao thời, Hán học đã tàn mà Tây học cũng mới bắt đầu, nên con người ông, kể cả học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương đều mang dấu ấn“ người của hai thế kỉ”( Hoài Thanh). Tản Đà theo học chữ Hán từ nhỏ, nhưng sau hai khoa thi Hương, ông bỏ thi, chuyển sang sáng tác văn chương quốc ngữ.*

*(2)Điệu tâm hồn mới mẻ,“cái tôi”lãng mạn bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái trong thơ văn ông đã chinh phục độc giả mới đầu thế kỉ XX. Giữa lúc thơ phú nhà Nho tàn cuộc, Tản Đà có lối đi riêng, vừa tìm về với ngọn nguồn thơ ca dân gian và dân tộc, vừa có những sáng tạo độc đáo, tài hoa. Thơ văn ông có thể xem như một gạch nối giữa hai thời đại văn học của dân tộc: trung đại và hiện đại.*

*( Hầu trời*, Tr 12, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)

Đọc văn bản trên và trả lời câu hỏi:

1/ Nêu ý chính của văn bản? Câu văn nào trong văn bản giải thích bút danh *Tản Đà ?(1,0)*

2/ Nhà phê bình Hoài Thanh có nhận định Tản Đà là *“ người của hai thế kỉ”*. Đó là hai thế kỉ nào ? *(0,5)*

3/ Xác định phép tu từ liệt kê trong đoạn văn (2). Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê đó.*(1,5)*

**PHẦN II: LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

Hãy viết 01 bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng được đề cập trong văn bản sau: *Ngày 21.9.2016, cộng đồng*[*mạng xã hội*](http://thanhnien.vn/toi-viet/uy-luc-than-thanh-cua-nut-like-hay-loi-song-benh-hoan-754983.html)*vô cùng sửng sốt với clip một nam thanh niên tẩm xăng tự thiêu rồi nhảy xuống dòng kênh Tân Hóa - TP.HCM khi đã “gom” đủ 40.000 cú click vào nút “like” trên Facebook. Ít hôm sau dư luận lại nhận thêm cú sốc từ hành động châm lửa… đốt trường của một nữ sinh lớp 8 tại Khánh Hòa cũng chỉ vì đã đủ “like” ủng hộ trên Facebook.*

*(Trích nguồn* [*http://thanhnien.vn/toi-viet/uy-luc-than-thanh-cua-nut-like-hay-loi-song-benh-hoan-754983.html*](http://thanhnien.vn/toi-viet/uy-luc-than-thanh-cua-nut-like-hay-loi-song-benh-hoan-754983.html) *(***Trương Khắc Trà 14-10-2016)**

**...............................Hết..............................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | **3.0** |
| 1 | -Văn bản trên có hai ý chính : Khái quát về tiểu sử, con người Tản Đà và đánh giá nội dung, nghệ thuật thơ văn Tản Đà.( 0,5đ)  -Câu văn giải thích bút danh *Tản Đà*là : *Quê hương ông nằm bên bờ sông Đà, gần núi Tản Viên.* Nhà thơ đã lấy tên sông, tên núi của quê hương để ghép thành bút danh. ( 0,5đ) | 1,0 |
| 2 | Hai thế kỉ đó là thế kỉ XIX và thế kỉ XX | 0,5 |
| 3 | -Phép tu từ liệt kê trong đoạn văn (2) : ( 0,5đ)  *+vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái*  *+vừa tìm về với ngọn nguồn thơ ca dân gian và dân tộc, vừa có những sáng tạo độc đáo, tài hoa.*  Hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê: làm rõ đặc điểm *cái tôi lãng mạn* và *lối đi riêng* trong sáng tác thơ văn của Tản Đà. Qua đó, người đọc thấy được trong đóng góp lớn của nhà thơ với nền văn học nước nhà.( 1,0đ) | 1,50 |
| II |  | LÀM VĂN | **7.0** |
| Viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng … |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận  Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết đoạn. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.  b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hiện tượng sống ảo của một bộ phận giới trẻ hiện nay; | 0,5 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra biện pháp khắc phục hiện tượng. | 6,00 |
| - Mở bài: Dẫn ý liên quan để nêu hiện tượng. Khẳng định đây là hiện tượng xấu cần phê phán  - Thân bài:  + Tóm lược nội dung hiện tượng:  *tẩm xăng tự thiêu rồi nhảy xuống dòng kênh; ..châm lửa… đốt trường*. Đó là những hành vi sai trái, không thể chấp nhận được.  + Tác hại của hiện tượng: để lại hậu quả xấu, khó lường; thể hiện sự trống rỗng trong tâm hồn…  + Nguyên nhân: xuất phát từ hành động bột phát và thiếu lí trí của giới trẻ; do ảnh hưởng của các trang mạng như Facebook và trào lưu share, like; do thiếu sự quan tậm, giáo dục từ gia đình, nhà trường; do bạn bè xấu lôi kéo, xúi giục, dồn ép… | *1,00*  *4,0* |
| - Kết bài: đưa ra biện pháp khắc phục phù hợp ( bản thân phải nhận thức và hành động đúng đắn, sống thật, không nghiện facebook; nhà trường, xã hội cần giáo dục kỹ năng ứng xử trên thế giới ảo, kỹ năng sử dụng mạng xã hội …) | 1,00 |
| d. Sáng tạo  Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. | 0,25 |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu  Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
|  |  | ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm |  |

**Tiết 86 :CHIỀU TỐI**

***(Hồ Chí Minh)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1. Môn Ngữ văn:

Giúp HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung các bài học như:

-Lòng nhân ái đến mức quên mình và tinh thần lạc quan cách mạng luôn luôn hướng về sự sống ánh sáng tương lai .Sự kết hợp giữa chiến sĩ và thi sĩ

-Vẻ đẹp của thơ HCM: sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và hiện đại, giữa chất thép và chất tình.

-Tích hợp với các bài: *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Tức cảnh Pác Bó,Ngắm trăng, Đi đường* (đã học ở THCS).

-Tích hợp với thơ trung đại : Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Du về tả cảnh chiều

-Tích hợp với thơ Đường: Lý Bạch, Thôi Hiệu để liên hệ đến bút pháp thi trung hữu hoạ, tả cảnh ngụ tình...

- Tích hợp phần Tiếng Việt ( Biện pháp tu từ, Nghĩa của từ, Luật thơ) , Làm văn ( thao tác lập luận so sánh, phân tích...)

2. Môn Lịch sử: HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung bài học như: ***Chương II****.* **Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 (**Lịch sử lớp 12); ***kiến thức lịch sử Trung Quốc ( lớp 11 HKI) hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời tập thơ Nhật kí trong tù.***

3. Môn Địa lí: HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung tìm hiểu về địa lí địa phương ( quê hương Nam Đàn, Nghệ An của Hồ Chí Minh)

4. Môn GDCD: HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung các bài học như Công dân với cộng đồng, Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...[Chương trình GDCD 10]

5. HS có kiến thức tổng hợp về văn hóa, xã hội … ngày nay.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu văn bản thơ trữ tình.

- Giúp các em rèn thành thạo khả năng tư duy, nhận nhiệm vụ, thu thập thông tin, phân tích kênh hình, xử lí thông tin, liên hệ thực tế.

- Xử lí tình huống trong tác phẩm gắn với thực tế đời sống bản thân và địa phương. Từ đó rút ra được cách xử lí tình huống theo chiều hướng tích cực nhất.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

*-* Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để dạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;

- Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- HS có năng lực tự học, tự nghiên cứu những vấn đề có tính liên môn chưa được biên soạn thành bài học trong sách giáo khoa.

- Có năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Có năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Có năng lực ngôn ngữ; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực sáng tạo

- Có năng lực đọc- hiểu tác phẩm trữ tình theo đặc trưng thể loại; phân tích và lý giải những vấn đề xã hội có liên quan đến văn bản; phản hồi và đánh giá những ý kiến khác nhau về văn bản và các văn bản có liên quan.

- Có năng lực trình bày suy nghĩ cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

- Có năng lực giải quyết vấn đề phát sinh trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Hồ Chí Minh*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: “ Đây thôn Vĩ Dạ” là một trong những bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới và cũng là một trong những bài thơ tiêu biểu của dòng văn học lãng mạn. Hôm nay, ta tìm hiểu dòng văn học cách mạng và người đầu tiên đại diện cho dòng văn học này là Hồ Chí Minh.*  *Để hiểu hơn về bài thơ của Người cũng như mạch thơ luôn vận động hướng về sự sống và ánh sáng, ta tìm hiểu bài thơ “Chiều tối” trích “Nhật kí trong tù”.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  - GV giới thiệu sơ nét về tác giả Hồ Chí Minh, nhấn mạnh những kiến thức cần nắm về tác giả.  - Gọi 1 HS đọc phần tiểu dẫn.  ***\*GV Tích hợp kiến thức Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1930-1945, kiến thức lịch sử Trung Quốc ( lớp 11 HKI) hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời tập thơ Nhật kí trong tù.***  - GV: Những hiểu biết của em về tập thơ “ Nhật kí trong tù” ?  - GV: Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “Chiều tối” ?  ***HS Tái hiện kiến thức và trình bày***.  + Giá trị hiện thực: “NKTT” ghi lại một cách chân thực bộ mặt thật đen tối của chế độ nhà tù nói riêng và của xã hội Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch.  + Giá trị tinh thần: bức chân dung tự họa bằng thơ về con người tinh thần Hồ Chí Minh trong nhà lao. Một tinh thần thép, bất khuất. Phong thái ung dung tự tại luôn tin tưởng lạc quan. Tinh thần yêu nước cháy bỏng, luôn khát vọng tự do khắc khoải, luôn hướng về Tổ quốc. Tinh thần yêu thiên nhiên và tinh thần nhân đạo.  - Người sáng tác 134 bài thơ bằng chữ Hán, ghi trong sổ tay đặt tên là “NKTT”.  - Tập thơ được dịch ra tiếng Việt, in lần đầu vào năm 1960.  - Bác bị chuyển lao từ nhà lao Tĩnh Tây đến Thiên Bảo cuối mùa thu 1942. Đây là bài thơ thứ 31 trong *Nhật kí trong tù.*  GV nhận xét, chốt lại ý chính. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1/ Tác giả**  **- Hồ Chí Minh (1890-1969)*, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân Việt Nam, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.***  **2/ Tác phẩm**  a. Giới thiệu về tập thơ “Nhật kí trong tù”  - Hoàn cảnh sáng tác:  - Giá trị nội dung:  + Giá trị hiện thực:  + Giá trị tinh thần:  - Giá trị nghệ thuật:  + Đậm màu sắc cổ điển.  + Thể hiện tinh thần hiện đại.  **b. Bài thơ “chiều tối”**  - Hoàn cảnh sáng tác:Bài thơ thứ 31 gợi cảm hứng từ một buổi chiều tối tác giả bị giải từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Đọc VB**: GV mời một HS đọc bài thơ. GV nhận xét cách đọc, lưu ý đọc đối chiếu phần phiên âm với dịch nghĩa và dịch thơ.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **GV chia lớp thành 4 nhóm.**  + **Nhóm 1:** *Bức tranh thiên nhiên được miêu tả thông qua hình ảnh nào ở 2 câu thơ đầu ? Hình ảnh đó có ý nghĩa như thế nào?*  **Nhóm 1 trả lời:**  - cánh chim mệt mỏi sau một ngày kiếm ăn.  - chòm mây chôi nhẹ trên không.  - “ Cô vân” - cô lẻ **-** của đám mây, “mạn mạn” là trôi chậm chậm, bản dịch trôi nhẹ chưa sát nghĩa.  **- -** yêu thiên nhiên, bình thản trong mọi hoàn cảnh.  - Nghệ thuật thơ cổ điển ( lấy điểm tả diện): phác hoạ vài nét mà miêu tả thời gian chiều tà, không gian bao la, hiu hắt.  ***(GV:***  ***-Tích hợp với thơ trung đại : Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Du về tả cảnh chiều***  ***-Tích hợp với thơ Đường: Lý Bạch, Thôi Hiệu để liên hệ đến bút pháp thi trung hữu hoạ, tả cảnh ngụ tình...)***  **GV nhận xét và bổ sung.**  **+ Nhóm 2:** *Hình ảnh ở câu thơ thứ ba có gì khác so với hình ảnh trong hai câu thơ đầu ? So với thơ cổ điển, hình ảnh đó có điểm gì giống và khác nhau?Ý nghĩa của hình ảnh ấy?*  **Nhóm 2 trả lời:**  - hình ảnh cô em xóm núi đang làm việc “xay ngô”;  - So với hình ảnh thiếu nữ trong thơ cổ điển:  + Giống: đều nói đến cái đẹp trẻ trung của người con gái  + Khác: thơ cổ điển hướng đến cái đẹp hình thể, nhan sắc, ước lệ ( *Một hai nghiêng nước nghiêng thành- Thuý Kiều*); thơ HCM: hướng đến cái đẹp của con người cụ thể, đẹp từ trong lao động. Cái đẹp làm nên sự sống bất diệt.  => Sự ấm áp, niềm vui vì có sự xuất hiện của con người.  **GV nhận xét và bổ sung.**  **+ Nhóm 3:** *Cụm từ “ma bao túc – bao túc ma” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?*  **Nhóm 3 trả lời:**  **-** phép điệp “ma bao túc”, “bao túc ma”  **-** Nghệ thuật diễn tả vòng quay theo chu kì, nghệ thuật nhịp điệu phối âm…  - Sự rung động tinh tế của một tấm, lòng yêu thiên nhiên; phong thái ung dung, thư thả của một tâm hồn thi sĩ chứ không phải của một người tù đày.  **GV nhận xét và bổ sung.**  **+ Nhóm 4:** *Phân tích ý nghĩa từ “hồng” khép bài thơ?*  **Nhóm 4:**  **-** Tinh thần lạc quan của người chiến sĩ cách mạng giàu nghị lực phi thường;  - Thể hiện tình yêu thương con người.  - Niềm tin vào tương lai tươi sáng “lò thanh rực hồng”.  **GV nhận xét và bổ sung.** | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **1/ Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng**  - Bức tranh thiên nhiên chiều muộn:  + Hình ảnh: cánh chim mệt mỏi tìm chốn ngủ, chòm mây cô đơn trôi lững lờ giữa tầng không.  + “quyện điểu”, “cô vân” thể hiện chất liệu cổ điển của bài thơ.  - Sự vận động: “Tầm túc thụ, độ thiên không” là sự di chuyển có định hướng  ⭢ Câu thơ có sự kết hợp giữa cổ điển và hiện đại.  - **Vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.**  ***🢡*** Với cách miêu tả chấm phá, thiên nhiên buổi chiều tối được gợi lên đẹp nhưng đượm buồn. Thể hiện lòng yêu thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.  **2. Bức tranh cuộc sống ở vùng sơn cước.**  - *Cô em xóm núi xay ngô* *tối*: vẻ đẹp khỏe khoắn của người con gái xóm núi đang xay ngô bên lò than. Cuộc sống đời thường đem lại cho người tù hơi ấm, niềm vui.  - Biện pháp điệp vòng ⭢ vòng quay của công việc. Câu thơ không nói đến cái tối mà vẫn gợi được tối.  - **Sự vận động của tự nhiên cũng là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ HCM:** **Chiều chuyển dần sang tối nhưng bức tranh thơ lại mở ra bằng ánh sáng rực hồng.**  - Nghệ thuật sử dụng nhãn tự ***“hồng”*** làm ta có cảm giác cái nóng ấm bao trùm bài thơ, câu thơ rực lên sắc màu tha thiết tin yêu cuộc sống.  - **Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ: từ tối đến sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo cô đơn sang ấm nóng tình người.**  🢡 Lòng yêu thương cuộc sống, con người của Bác; sự vận động có chiều hướng lạc quan bởi luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. |
| **GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật bài thơ.**  GV: Nêu đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm ?  GV: Hãy rút ra ý nghĩa văn bản ?  **GV nhận xét, chốt ý.**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  GV: Qua bài thơ, em thấy tinh thần yêu nước của Hồ Chí Minh thể hiện như thế nào? Bài học nhận thức và hành động dành cho tuổi trẻ được rút ra từ bài thơ là gì?  ***GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10( bài CÔNG DÂN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC), tích hợp tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh để hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học về tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống, về ý chí nghị lực…*** | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Từ ngữ cô đọng, hàm súc.  - Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn,..  **2*. Ý nghĩa văn bản:***  Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ- chiến sĩ Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1/ Nêu thể thơ của bài thơ ?  2/ Xác định phép điệp ở hai câu thơ 3 và 4 phần phiên âm. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó.   3/ Trong hai câu thơ cuối, những hình ảnh nào đã làm cho tâm trạng tác giả thay đổi ? Nêu ý nghĩa của những hình ảnh đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | *Trả lời:*  1/ Thể của bài thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  2/ Phép điệp ở hai câu thơ 3 và 4 phần phiên âm : *ma bao túc-bao túc ma.* Đó là phép điệp ngữ bắt cầu vắt dòng.  Hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó :  -Diễn tả vòng quay cối xay ngô của *sơn thôn thiếu nữ*, một động tác lao động nặng nhọc, đều đều, thể hiện sự kiên nhẫn, cần cù của người lao động ;  - Sự thu nhỏ không gian từ bầu trời cao rộng thu vào cảnh bếp lửa hồng ;  - Sự chuyển vận của thời gian tự nhiên từ chiều sang tối qua sự chuyển vận của những vòng quay cối xay ngô ;  -Mang lại chút hơi ấm của cuộc sống con người cho người tù cả ngày vất vả.  3/ Trong hai câu thơ cuối, những hình ảnh đã làm cho tâm trạng tác giả thay đổi : hình ảnh con người và ánh sáng.  Ý nghĩa của những hình ảnh đó :  - Con người: đó là người con gái xay ngô chuẩn bị cho bữa ăn chiều. Cô là hình ảnh trung tâm trong bức tranh chiều tối. Dáng dấp của cô, động tác của cô mang đến một màu sắc khoẻ khoắn cho bức tranh thơ.  - Hình ảnh : đó là lò than *rực hồng*. Đây là hình ảnh kết thúc bài thơ đã làm toả sáng cả không gian, làm ấm nóng tâm trạng nhà thơ, không còn cảm giác mệt mỏi, buồn bã, thay vào đó là một niềm vui với sự sống. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Có ý kiến cho rằng cảnh thiên nhiên trong 2 câu thơ đầu vừa tương phản, vừa tương đồng với nhân vật trữ tình. Ý kiến của em như thế nào?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | + chim mỏi cũng giống với hình ảnh người tù, đầy mỏi mệt trong một chặng đường xa khi chiều buông xuống. Chòm mây cô đơn là hình ảnh người tù không có ai bên cạnh, không có người đồng điệu với nhịp điệu tâm hồn.  **+** Có được một chốn nghỉ ngơi, biết nơi mình sẽ đến, dù mệt mỏi nhưng chắc chắn sẽ đến nơi. Chòm mây cô độc nhưng chòm mây được tự do, được ung dung tự tại |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm, xem phim Chân dung một con người. Viết bài cảm nhận sau khi xem phim**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm phim qua Yutube. Viết bài cảm nhận về Hồ Chí Minh khoảng 1 trang giấy vở.** |

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..*

**Tiết 87– Đọc văn**

**TỪ ẤY**

***(Tố Hữu)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

a. Môn Ngữ văn:

Giúp HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung các bài học như:

- Thấy rõ niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản và tác dụng kì diệu của lí tưởng cộng sản với cuộc đời nhà thơ. Hiểu được sự vận động của các yếu tố trong thơ trữ tình: tứ thơ, hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu,…trong việc làm nổi bật tâm trạng của cái tôi nhà thơ.

- Nghệ thuật diễn tả tâm trạng.

-Tích hợp với bài: *Khi con tu hú* (đã học ở THCS).

- Tích hợp phần Tiếng Việt ( Biện pháp tu từ, Nghĩa của từ, Luật thơ) , Làm văn ( thao tác lập luận so sánh, phân tích...)

b. Môn Lịch sử: HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung bài học như: ***Chương II****.* **Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 (**Lịch sử lớp 12); ***hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời tập thơ Từ ấy.***

c. Môn Địa lí: HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung tìm hiểu về địa lí địa phương ( quê hương xứ Huế của Tố Hữu)

d. Môn GDCD: HS có sự khắc sâu, nâng cao nội dung các bài học như Công dân với cộng đồng, Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...[Chương trình GDCD 10]

e. HS có kiến thức tổng hợp về văn hóa, xã hội … ngày nay.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu văn bản thơ trữ tình.Phân tích thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

- Giúp các em rèn thành thạo khả năng tư duy, nhận nhiệm vụ, thu thập thông tin, phân tích kênh hình, xử lí thông tin, liên hệ thực tế.

- Xử lí tình huống trong tác phẩm gắn với thực tế đời sống bản thân và địa phương. Từ đó rút ra được cách xử lí tình huống theo chiều hướng tích cực nhất.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

- Nhận thức vai trò của Đảng;

*-* Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để dạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;

- Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- HS có năng lực tự học, tự nghiên cứu những vấn đề có tính liên môn chưa được biên soạn thành bài học trong sách giáo khoa.

- Có năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Có năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Có năng lực tìm hiểu các hình ảnh tiêu biểu, trình bày 1 phút về bài thơ.

- Có năng lực ngôn ngữ; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực sáng tạo

- Có năng lực đọc- hiểu tác phẩm tự sự theo đặc trưng thể loại; phân tích và lý giải những vấn đề xã hội có liên quan đến văn bản; phản hồi và đánh giá những ý kiến khác nhau về văn bản và các văn bản có liên quan.

- Có năng lực trình bày suy nghĩ cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

- Có năng lực giải quyết vấn đề phát sinh trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Tố Hữu*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:Trong văn học Việt Nam, Tố Hữu được xem là lá cờ đù của thơ ca cách mạng. Từ một thanh niên trí thức tiểu tư sản, được giác ngộ lí tưởng, Tố Hữu trở thành một chiến sĩ cộng sản. Tập thơ “Từ ấy” là tập thơ đầu tay đánh dấu thời điểm bừng sáng của tâm hồn và lí tưởng cách mạng. Bài thơ “Từ ấy” có ý nghĩa như một tuyên ngôn về lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng và tuyên ngôn của một nhà thơ.Để hiểu hơn bài thơ này, ta tìm hiểu bài thơ.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  - GV hỏi : Hãy cho biết hoàn cảnh sáng tác bài thơ **?**  - HS xem sách giáo khoa trả lời .  ***\*GV Tích hợp kiến thức Lịch sử Việt Nam 1930-1945, kiến thức Địa lý địa phương ( Huế) hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời bài thơ.***  - GV hỏi :Bài thơ có thể được chia mấy phần ? Ý chính từng phần ?  - HS trả lời  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  -“Từ ấy” là tập thơ đầu tay của Tố Hữu, được sáng tác từ năm 1937 đến năm 1946. Tập thơ có ba phần: Máu lửa, Xiềng xích, Gỉai phóng.  - Bài thơ “Từ ấy” nằm trong phần “Máu lửa” của tập thơ này.  - Khổ 1: Niềm vui lớn.  - Khổ 2: Lẽ sống lớn .  - Khổ 3: Tình cảm lớn. | **I. TÌM HIỂU CHUNG :**  **1) Tác giả:**  **- Vị trí:** Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn của văn học Việt Nam hiện đại, luôn được xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng.  - **Sáng tác:** Những chặng đường thơ Tố Hữu song hành với những chặng đường cách mạng.  2) Bài thơ **Từ ấy:**  **a/Hoàn cảnh sáng tác :**  - Được viết vào tháng 7 – 1938 khi Tố Hữu được kết nạp vào Đảng  - Bài thơ mở đầu cho phần thơ “ Máu lửa” trong tập thơ “ Từ ấy” .  b**) Bố cục** : 3 phần  - Khổ 1: Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .  - Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống .  - Khổ 3: Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm . | |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **-**Gv hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận giọng điệu, ngôn ngữ , hình ảnh trong bài thơ.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:**  **Tổ chức cho HS tìm hiểu khổ thơ 1:**  **- GV:** “Từ ấy” là thời điểm nào trong cuộc đời nhà thơ Tố Hữu? Tại sao không dùng từ *đó,*từ *khi* mà dùng từ *ấy*?  *(****GV tích hợp kiến thức tiếng Việt –bài Ngữ cảnh; nghĩa của từ trong sử dụng để cắt nghĩa cho HS thấy ý nghĩa nhan đề)***  - GV nhấn mạnh : “Từ ấy” là cái mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời CM và đời thơ của Tố Hữu  - GV yêu cầu Hs xác định những biện pháp tu từ trong khổ thơ 1 .  - HS trình bày cá nhân.  + Động từ : bừng  + Các hình ảnh ẩn dụ : nắng hạ , mặt trời chân lí  ++ Nắng hạ mạnh mẽ, chói rực, khác hẳn với nắng ba mùa còn lại trong năm; phù hợp với động từ bừng (phát ra đột ngột) từ vầng mặt trời chân lí.  ++Mặt trời chân lí: hình ảnh ẩn dụ mới lạ, hấp dẫn. Chân lí của Đảng, của cách mạng, của chủ nghĩa Mác − Lênin sáng rực, chói lọi, ấm áp, vĩnh viễn, cần thiết như mặt trời, đúng đắn như chân lí.  ++ Chói: chiếu sáng mạnh mẽ, hấp dẫn không thể cưỡng nổi.  **- Hs trình bày**  +Hai câu dưới tiếp tục tả tâm trạng, tâm hồn sau khi đã tiếp nhận lí tưởng ấy.  ++ Nghệ thuật tả: tiếp tục sử dụng ẩn dụ và so sánh trực tiếp: hồn tôi − vườn hoa lá, rất đậm hương và rộn tiếng chim.  ++ Tất cả các hình ảnh trong khổ thơ rất sống, mới, tươi trẻ, nhưng đều là hình ảnh ẩn dụ − so sánh, nghĩa là hình ảnh tưởng tượng, khái quát.  **Tổ chức cho HS thảo luận nhóm khổ thơ 2 và 3:**  + **Nhóm 1:** *Khi được ánh sáng của lí tưởng soi rọi, nhà thơ đã có những nhận thức mới về lẽ sống như thế nào? Quan niệm sống đó có gì khác với quan niệm của tầng lớp trí thức tiểu tư sản đương thời?*  **- Nhóm 1 trình bày**  + Tiếp tục tự ghi nhận những chuyển biến nhận thức và hành động của nhà thơ về lẽ sống thể hiện trong quan hệ với các tầng lớp khác nhau của quần chúng nhân dân lao động.  +Nếu tầng lớp tư sản, tiểu tư sản co mình trong ốc đảo cá nhân thì người cộng sản Tố Hữu lại đặt mình giữa dòng đời và trong môi trường rộng lớn của quần chúng lao khổ. Ở đấy, nhà thơ đã tìm thấy niềm vui và sức mạnh mới, bằng nhận thức, bằng tình cảm mến yêu, bằng sự giao cảm của những trái tim.  *(****GV tích hợp kiến thức Làm văn –bài Vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh để chốt vấn đề)***  +**Nhóm 2:** *Tìm và phân tích những từ ngữ trong khổ 2 để thấy sự gắn bó hài hoà giữa* ***cái tôi cá nhân*** *và* ***cái ta chung*** *của mọi người.*  **- Nhóm 2 trình bày**  +Lẽ sống mới ở đây là nhận thức mối quan hệ giữa cá nhân, bản thân cái "tôi" của nhà thơ với mọi người, với nhân dân, quần chúng, đặc biệt là với những người lao động nghèo khổ. Đó là quan hệ đoàn kết gắn bó thân thiết, chặt chẽ để làm nên sức mạnh trong đấu tranh cách mạng.  + Từ ***buộc*** không có nghĩa là bắt buộc, miễn cưỡng mà tự ràng buộc, gắn bó tự giác.  +Từ ấy, cái "tôi" cá nhân của nhà thơ hoà với cái ta chung của đời sống nhân dân, xã hội, với mọi người, với những tâm hồn nghèo khổ, khốn khổ trong cuộc đấu tranh vì tự do.  + Từ ***khối đời***: hình ảnh ẩn dụ trừu tượng hoá sức mạnh của tập thể nhân dân đoàn kết chặt chẽ .  **+Nhóm 3:** *Sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ được biểu hiện ra sao trong khổ thơ thứ 3?*  **- Nhóm 3 trình bày**  +Cách xưng hô ruột thịt + số từ ước lệ **vạn** nhấn mạnh, khẳng định tình cảm gia đình nồng ấm, thân thiết. Nhà thơ đã cảm nhận sâu sắc mối quan hệ giữa bản thân với quần chúng lao khổ. ->Khẳng định ý thức tự giác, chắc chắn, vững vàng của tác giả.  + Đó là vạn nhà (tập thể lớn lao, rộng rãi), vạn kiếp phôi pha (nghèo khổ, sa sút, vất vả, cơ cực, phai tàn), vạn em nhỏ cù bất cù bơ (vận dụng thành ngữ: gợi sự lang thang, bơ vơ, không chốn nương thân, bụi đời)  **+Nhóm 4:** *Mức độ chuyển biến tình cảm ở khổ thơ 3 so với khổ thơ 2. Sự chuyển biến ấy nói lên điều gì?*  **- Nhóm 4 trình bày**  +Nếu ở khổ 2 quần chúng cách mạng còn đang là mọi người, là bao hồn khổ thì sang khổ 3 là quan hệ ruột thịt: là con, là em, là anh của hàng vạn nhà, vạn kiếp phôi pha, vạn em nhỏ lang thang đói khát.  về chủ thể, ở trên là một cố gắng có tính chất chủ động (buộc ) thì đến đây đã trở thành máu thịt, tự nhiên (đã là )  + Sự chuyển biến ấy thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức, trong tình cảm và trong hành động của nhân vật trữ tình tác giả. | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **1.Khổ 1: *Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .***  - 2 câu đầu là mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc đời tác giả : Được kết nạp vào Đảng Cộng Sản.  + Động từ : bừng  + Các hình ảnh ẩn dụ : nắng hạ , mặt trời chân lí  🡪Ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức , tư tưởng , tình cảm .  - 2 câu sau : Cụ thể hóa ý nghĩa , tác động của ánh sáng , lí tưởng ( so sánh ).  🡪 Vẻ đẹp , sức sống mới của tâm hồn và của hồn thơ Tố Hữu.  2/ **Khổ 2 : Nhận thức mới về lẽ sống .**  - Nhà thơ đã thể hiện “ cái tôi” cá nhân gắn bó với “ cái ta” chung của mọi người, chan hòa với mọi người .  + “ Buộc” : quyết tâm cao độ vượt qua giới hạn của cái tôi  + “ Trang trải” : tâm hồn nhà thơ trải rộng với cuộc đời .  - “ Để hồn tôi .... mạnh khối đời”  🡪 Tình cảm giai cấp , sự quan tâm đặc biệt đến quần chúng lao khổ .  **c. Khổ 3 : Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm .**  **-** Điệp từ “ là” cùng với các từ: con , anh , em 🡪 tình cảm gia đình đằm ấm mà tác giả là 1 thành viên .  - Tác giả đặc biệt quan tâm tới những “ kiếp phôi pha” , những em nhỏ không áo cơm .  🡪 Lòng căm giận trước bao bất công , ngang trái của xã hội cũ, Tố Hữu sẽ hăng say hoạt động Cách mạng . | |
| **Thao tác 3:**  -GV gọi HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK  - GV hướng dẫn HS phát hiện nghệ thuật và ý nghĩa văn bản  **\*Liên hệ giáo dục kĩ năng sống: giáo dục kĩ năng : *Tư duy sáng tạo bằng cách: phân tích, bình luận về quan niệm sống đúng đắn , cao đẹp của người thanh niên cách mạng trong bài thơ ; liên hệ với cuộc sống thanh niên hiện nay*;**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Hình ảnh thơ tươi sáng, ngôn ngữ giàu tính dân tộc;  - Ngôn ngữ gợi cảm, giàu nhạc điệu  - Giọng thơ chân thành, sôi nổi, nồng nàn.  - Thơ gần gũi với hình thức thơ mới, dùng nhiều hình ảnh tượng trưng…  ***2. Ý nghĩa văn bản:*** Bài thơ là lời tuyên ngôn cho tập “ Từ ấy” , là lời tâm nguyện của người thanh niên yêu nước giác ngộ lí tưởng Cộng Sản . |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:  *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ,*  *Mặt trời chân lí chói qua tim.*  *Hồn tôi là một vườn hoa lá,*  *Rất đậm hương và rộn tiếng chim.*  *(* Trích *Từ ấy*, Tố Hữu, Tr 44, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?  2/ Đoạn thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào?  3/ Xác định biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | *Trả lời:*  1/ Nội dung chính của đoạn thơ: nhà thơ trẻ thể hiện niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng.  2/Đoạn thơ được viết theo phương thức biểu đạt miêu tả và biểu cảm.  3/ Biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ:  Hai câu đầu : Ẩn dụ : *nắng hạ ; mặt trời chân lí*  Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng và tình cảm ; nhà thơ có niềm xúc động thành kính, thiêng liêng.  Hai câu tiếp : so sánh: *hồn tôi- vườn hoa lá...đậm hương...tiếng chim*  Hiệu quả nghệ thuật: Tác giả đón nhận lí tưởng bằng cả tình cảm rạo rực, say mê, sôi nổi. Niềm vui hoá thành âm thanh rộn ràng như chim hót, thành sắc lá, sắc hoa tươi xanh, rực rỡ, hương thơm lan toả ngọt ngào. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Qua đoạn thơ 1 của bài thơ *Từ ấy,* viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng một bộ phận giới trẻ sống xa rời lí tưởng, thực dụng trong cuộc sống hôm nay.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: thí sinh bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng xấu : một bộ phận giới trẻ sống xa rời lí tưởng, thực dụng trong cuộc sống hôm nay. Cụ thể : Thế nào là sống xa rời lí tưởng, thực dụng ? Hậu quả, nguyên nhân của lối sống đó ? Nêu biện pháp khắc phục ? |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm thêm một số bài thơ của Tố Hữu trong tập Từ ấy. Viết bài cảm nhận về vẻ đẹp của bài thơ mà anh chị tâm đắc**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.** |

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..*

*Tuần :*

*Ngày soạn: Ngày kí :*

**Tiết 88 :ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

-Nắm được thuật ngữ loại hình ngôn ngữ và đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt.

-Luyện tập.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt dựa trên đặc điểm loại hình tiếng Việt.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

Có ý thức sử dụng tiếng Việt đúng, tốt để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến loại hình ngôn ngữ tiếng Việt;

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến ngôn ngữ;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ giữa các nước.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau cung cấp thông tin gì?  *Theo tạp chí Daily Mail, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học bang Pennsylvania (Mỹ) vừa cảnh báo, nếu con người không tăng cường bảo vệ môi trường thì đến cuối thế kỷ này, có khoảng 50% đến 90% các ngôn ngữ trên thế giới sẽ bị biến mất.*  *Nền văn hóa đặc thù có liên quan đến những ngôn ngữ này cũng không thể tồn tại, mà được thay thế bằng văn hóa và ngôn ngữ mang tính toàn cầu với màu sắc công nghiệp hóa.*  (Theohttp://khoahoc.tv/90-ngon-ngu-tren-the-gioi-bien-mat-trong-the-ky-21)  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Cảnh báo về khả năng biến mất ngôn ngữ trên thế giới;  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài:*Các em thân mến! Từ khi ra đời tiếng Việt luôn là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, là công cụ tư duy của người Việt. Hiểu rõ về tiếng Việt không chỉ giúp người sử dụng ngôn ngữ Việt hiệu quả, vận dụng linh hoạt trong từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và phát triển hơn khả năng ngôn ngữ trong đời sống. Để hiểu rõ hơn tiếng Việc thuộc loại hình ngôn ngữ nào, các đặc điểm của loại hình tiếng Việt chúng ta cùng tìm hiểu bài Đặc điểm loại hình tiếng Việt.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu loại hình ngôn ngữ**  *GV:* Gọi HS đọc mục I (SGK)  ? Dựa vào phần I trong SGK và hiểu biết của em, hãy cho biết loại hình ngôn ngữ là gì?  ? Theo em có mấy loại hình ngôn ngữ? Hãy lấy ví dụ của từng loại đó.    HS Tái hiện kiến thức và trình bày. | **I. LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ:**  **1. Khái niệm :**  **a. Loại hình**  -Một tập hợp những sự vật , hiện tượng cùng có chung những đặc trưng cơ bản nào đó  Ví dụ : Loại hình nghệ thuật , Loại hình báo chí,Loại hình ngôn ngữ …..  **b. Loại hình ngôn ngữ :**  Là cách phân loại ngôn ngữ trên thế giới dựa trên những đặc trưng cơ bản nhất của các ngôn ngữ đó **.**  **2. Loại hình ngôn ngữ tiếng Việt :**  - Tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á  - Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập |
| **\* Thao tác 1 :** : Hướng dẫn HS tìm hiểu ngữ liệu hình thành kiến thức  *GV:* Gọi HS đọc ngữ liệu 1 và tiến hành thảo luận nhóm (trong vòng 3 phút) với các yêu cầu sau:  ? Hãy cho biết câu thơ có mấy tiếng, mấy từ và các tiếng, các từ đó được đọc, viết như thế nào.  ? Nếu bỏ một tiếng bất kì trong câu thì cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp của câu như thế nào.  GV: Lấy 1 câu tiếng Anh “I am a student” để so sánh với câu tiếng Việt.   |  |  | | --- | --- | | t. Việt  - Cách viết tách rời: “Tôi là ..  - Cách đọc tách rời: “ sinh viên” | t. Anh  - Cách viết nối từ: “I’m ..  - Cách đọc có âm gió: “student”-> “Z” |   ? Câu thơ có mấy tiếng, mấy từ.  ? Qua phân tích ngữ liệu 1 ở trên, em nào có thể kết luận “tiếng” trong tiếng Việt có những đặc điểm, chức năng gì?Từ đó khái quát lên đặc điểm đầu tiên của tiếng Việt.  ⮋ Kết luận lại đặc điểm đầu tiên.  *GV:* Gọi HS đọc 2 câu ca dao ở mục II.2 (SGK).  ? Hãy nhận xét về mặt chức năng ngữ pháp và hình thái của 3 từ “người” trong 2 câu ca dao trên?  Gợi mở: Về ngữ pháp và hình thái có gì khác nhau không?  Kết luận nội dung  *GV* đưa bảng phụ VD2. Sau đó nêu ra yêu cầu:  ? Hãy nhận xét về mặt vai trò ngữ pháp và hình thái của các từ được gạch chân ở bảng phụ trên.  *Gợi mở*: So sánh xem ở 2 câu t. Việt và t.Anh có gì khác nhau (vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ và hình thái bên ngoài của từ đó). Từ đó rút ra kết luận ở sự khác nhau đó.  ? Qua việc phân tích VD1 và VD2, em hãy rút ra kết luận về hình thái từ của tiếng Việt?  ⮋ Đây là điểm khác biệt rõ nét của ngôn ngữ đơn lập (tiếng Việt) và ngôn ngữ hòa kết (tiếng Anh).  ?Gọi học sinh đọc ngữ liệu ở mục II.3 (SGK) và lưu ý các hư từ được in đậm trong ngữ liệu.  GV:Tổ chức thảo luận nhóm. Thời gian thảo luận là 3’.  ? Bên cạnh những hư từ đã được dùng, các em hãy thêm hoặc thay thế một số hư từ (*không, sẽ, mà, còn, có, nhé…)* vào vị trí thích hợp trong ngữ liệu trên, sau đó rút ra nhận xét về ý nghĩa ngữ của các câu vừa tạo?  ? Hãy thêm hoặc thay đổi trật tự một số từ trong ngữ liệu trên và nhận xét về ý nghĩa ngữ của các câu vừa tạo?  *GV*: Nhắc lại khái niệm về hư từ và trật tự từ cho HS hiểu rõ hơn vai trò của chúng trong câu.  Quan sát, hướng dẫn các nhóm thảo luận và cùng HS rút ra nhận xét với bảng phụ 2 & 3.  Từ đó cho ta thấy trật tự các từ và hư từ rất quan trọng nếu vị trí của chúng thay đổi thì ý nghĩa của câu  thay đổi theo.  ⮋ Kết luận lại nội dung đặc đểm.  ? Từ việc phân tích và nhận xét các ngữ liệu ở trên, các em hãy khái quát lại những đặc điểm cơ bản của loại hình tiếng Việt?  ⮋ Kết luận nội dung 3 đặc điểm bằng bảng phụ.  *GV*: Gọi HS đọc to phần ghi nhớ (SGK- Tr 57). | **II. ĐẶC ĐIỂM** **CƠ BẢN CỦA** **LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT:**  Mang đặc trưng của loại hình ngôn ngữ đơn lập với các đặc trưng sau:  **1/- Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp ( Tính phân tiết)**:  Ví dụ : Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?    - Mỗi tiếng trên cũng có thể là yếu tố cấu tạo từ : trở về, ăn chơi , thôn xóm  🡪- Về mặt ngữ âm :tiếng 🡪 âm tiết .  - Về mặt sử dụng :tiếng 🡪 từ hoặc yếu tố cấu tạo từ .  **2) Từ không biến đổi hình thái**  **Ví dụ 1 :** Xác định chức năng ngữ pháp của từ được gạch dưới trong câu ca dao sau:  “Cười **người1**chớ vội cười lâu.  Cười **người2**hôm trước, hôm sau **người3** cười”.  🠲 Thay đổi về mặt ngữ pháp, không thay đổi về hình thái từ (vỏ bọc bên ngoài).  **Ví dụ 2:**  Tôi (1)tặng anh ấy(1) một cuốn sách , anh ấy(2) cho tôi(2 ) một quyển vở .  - Tôi (1): chủ ngữ ; tôi (2): phụ ngữ bổ nghĩa cho động từ “cho’’  - Về ngữ âm và chữ viết : không có sự khác biệt nào giữa các từ  - Có thể thấy như vậy đối với các từ “ anh ấy’’.    **3) Biện pháp chủ yếu biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo trật tự trước sau và sử dụng hư từ** :  Ví dụ : Tôi ăn cơm .  Nếu thay đổi trật tự từ trong câu và sử dụng thêm một số hư từ (đã; đang, sẽ sắp,…)🡺ý nghĩa ngữ pháp trong câu sẽ thay đổi theo. |
| *GV* tổ chức, hướng dẫn HS thực hành khắc sâu kiến thức qua phần luyện tập.  *GV*: Đọc lướt qua 3 yêu cầu của 3 bài tập và chia nhóm thảo luận trong thời gian 5’, sau đó mỗi nhóm lên bảng trình bày kết quả.  *GV*: lưu ý mỗi nhóm cử ra 1 thư ký để ghi nhận kết qua làm được và nghiêm túc, trật tự thảo luận.  HS đọc ngữ liệu 1 và tiến hành thảo luận nhóm    - Câu thơ có 7 tiếng 🡪 7 âm tiết , 7 từ , đọc và viết tách rời nhau .  HS đọc 2 câu ca dao ở mục II.2 (SGK) và trả lời  **- Người1 và người2**: bổ ngữ cho động từ “cười”.  **- Người3:** chủ ngữ của động từ “cười”.  -ng**ười1**,**người2**,**người3:** không thay đổi về mặt ngữ âm và chữ viết.  **\*Dịch sang tiếng Anh :**  I give him a book, he gives me a book .  Tôi (1) dịch là I ( chủ từ ) ; tôi (2 ) dịch là me (phụ ngữ)  Anh ấy(1) dịch là him ( phụ ngữ ); anh ấy (2)dịch là he (chủ từ)  🡪Từ trong tiếng Việt không biến đổi hình thái khi cần biểu thị ý nghĩa ngữ pháp .  - Từ trong tiếng Anh biến đổi hình thái để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp khác nhau 🡪 Tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ hòa kết  Học sinh đọc ngữ liệu ở mục II.3 (SGK) và trả lời:  - Khi thêm các hư từ:  + Tôi **sẽ** ăn cơm. (dự định ở tương lai)  + Tôi **không** ăn cơm (phủ nhận việc tôi không ăn)  + Tôi **có** ăn cơm (khẳng định tôi có ăn)  + Tôi ăn cơm **nhé**!(biểu lộ sắc thái tình cảm với đối tượng tiếp nhận)…  - Đổi trật tự từ:  + *Ăn cơm với tôi*.  + *Tôi sẽ ăn cơm với bạn*.  + *Cùng ăn cơm vói tôi nhé!*  + *Tôi đã ăn cơm rồi*  - Khi thêm hoặc thay đổi hư từ thì ý nghĩa ngữ pháp của câu sẽ thay đổi.  - Thay đổi trật tự từ trong câu sẽ làm thay đổi ý nghĩa ngữ pháp. Biện pháp chủ yếu để thể hiện ý nghĩa ngữ pháp là cách sắp đặt từ theo thứ tự trước sau.  🡺 Quan hệ ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị chủ yếu bằng hư từ và trật tự từ  **Bài tập 1:**  **- “Nụ tầm xuân1”:**  bổ ngữ cho động từ **“hái”.**  **- “Nụ tầm xuân2”:** là chủ ngữ.  **- “Bến1”:** bổ nghĩa cho “nhớ”.  **- “Bến2”**: là chủ ngữ.  **- “Trẻ1”:** bổ nghĩa cho “yêu”.  **- “Trẻ2”:** là chủ ngữ.  **- Bống1, bống2, bống3, bống4­:** là bổ ngữ.  **- Bống5, bống6:** là chủ ngữ.  🡆Chức vụ ngữ pháp khác nhau nhưng xét về mặt ngữ âm, chữ viết thì không có sự thay đổi 🡪 từ không biến đổi về mặt hình thái. | **III. LUYỆN TẬP**:  **Bài tập 1:**  - Nụ tầm xuân 1 là phụ ngữ cho ĐT hái, đứng sau ĐT hái; nụ tầm xuân 2 là chủ ngữ , trước ĐT nở.  - Bến 1:phụ từ đứng sau ĐT nhớ; bến 2 là chủ ngữ , đứng trước cụm từ “khăng khăng đợi thuyền”  - Trẻ, già 🡪tương tự vd1 và 2.  - Bống 1,2,3 và 4 : phụ ngữ của các ĐT trước nó nên đều đứng sau ĐT; chỉ khác nhau về hư từ kèm theo (ko có hư từ hoặc có hư từ “ cho”)  Bống 5 và 6:🡪chủ ngữ 🡪đứng trước các ĐT (ngoi ,lớn)  🡪 Ở vị trí ngữ pháp nào các từ vẫn không biến đổi hình thái  **Bài tập 2**:  *VD1*: Cho 2 câu tiếng Việt và tiếng Anh như:  **1**/ Cây thước của tôi ngắn hơn **cây thước của anh** 🠪 My ruleris shorter than **yours**  **2/** Bài học này khó hơn **bài tập kia** 🠪 This lesson is more difficult than **one**.  **Bài tập 3: Các hư từ :**  \*Đã:chỉ hoạt động xảy ra trong quá khứ.  \*Các: sự vật ở số nhiều, mức độ toàn thể.  \*Để: chỉ mục đích.  \*Lại: chỉ sự tái diễn.  \*Mà: chỉ mục đích .***:*** |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **Bài tập 3**: **Các hư từ và ý nghĩa của nó:**  **- Đã:** chỉ hoạt động xảy ra trong quá khứ (việc đã làm).  - **Các:** chỉ số nhiều (các xiềng xích là các thế lực bị áp bức).  - **Để:** chỉ mục đích.  - **Lại:** chỉ hoạt động tái diễn, đáp lại (vừa đánh đổ đế quốc, vừa đánh đổ giai cấp phong kiến).  - **Mà:** chỉ mục đích (lập nân Dân chủ Cộng Hòa).  🡆 Hư từ không biểu thị ý nghĩa từ vựng nhưng nó biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp khi kết hợp với các từ lọai khác và có tác dụng làm cho câu mang nội dung biểu đạt hoàn chỉnh. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Chỉ ra sự khác nhau về chức năng ngữ pháp của các thành phần câu:  *Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ***Trả lời:***  - Vai trò ngữ pháp:  +“***Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta”*** (1) 🖝 Chủ ngữ.  +“***Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta”***(2) 🖝 Bổ ngữ chỉ đối tượng chịu sự tác động của đồng từ “**làm rạng rỡ”**  - Có sự khác nhau là do trật tự sắp đặt từ qui định. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  -HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm kiếm tư liệu qua sách tham khảo, truy cập mạng** |

**Tiết 89 +90 – Đọc văn**

**Đọc thêm**

**LAI TÂN *(Hồ Chí Minh)***

**NHỚ ĐỒNG *(Tố Hữu)***

**TƯƠNG TƯ *(Nguyễn Bính)***

**CHIỀU XUÂN *(Anh Thơ)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

#### -Tự học có phương pháp, có kết quả qua những gợi ý về kiến thức và kĩ năng để thấy rõ giá trị tư tưởng – nghệ thuật chủ yếu của 4 tác phẩm trữ tình.

-Hiểu sâu rộng hơn về tác giả, tác phẩm đã học trong chương trình chính khóa.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Đọc –hiểu tùy bút theo đặc trưng thể loại.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

Bồi dưỡng lòng yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức sống giao hòa với thiên nhiên...

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các bài thơ đọc thêm;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm trữ tình;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các bài thơ đọc thêm;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của các bài thơ đọc thêm;

- Năng lực phân tích, so sánh vẻ đẹp riêng cuả mỗi bài thơ

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 3 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** | |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Bính, Anh Thơ*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Chúng ta đã học xong phần thơ của các tác giả tiêu biểu thuộc bộ phận văn học công khai trong phong trào thơ Mới; thơ cách mạng của các tác giả thuộc bộ phận văn học bất hợp pháp. Để hiểu thêm về thơ của 2 bộ phận này, hôm nay chúng ta tiến hành đọc thêm 4 bài thơ của bốn tác giả, trong đó có 2 tác giả mới là nhà thơ Nguyễn Bính với bài Tương tư và nhà thơ Anh Thơ với bài thơ Chiều xuân.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  GV: Yêu cầu HS đọc tiểu dẫn từng bài thơ, mỗi bài rút ra những điểm chính về tác giả, tác phẩm    HS Tái hiện kiến thức và trình bày. | | **I/ Tìm hiểu chung:**  1/ Tác giả:   * Hồ Chí Minh * Tố Hữu * Nguyễn Bính * Anh Thơ.   2/ Tác phẩm |
| GV: Yêu cầu HS đọc từng bài thơ, mỗi bài vấn đáp khoảng 10 p về những điểm chính của từng tp qua hệ thống câu hỏi ở SGK.  Bài LAI TÂN  **1.** Trong ba câu đầu, bộ máy quan lại ở Lai Tân được mô tả như thế nào? Họ có làm đúng chức năng của mình không?  2. Phân tích sắc thái châm biếm, mỉa mai ở câu thơ cuối.?  3. Nhận xét về bút pháp và kết cấu bài thơ.?  GV: Nhận xét, giảng rõ.  Bài “NHỚ ĐỒNG”  1.Cảm hứng của tp được gợi lên bởi tiếng hò vọng vào nhà tù.? Vì sao tiếng hò lại có sức gợi như thế?  2. Chỉ ra những câu thơ được dùng làm điệp khúc cho bài thơ.Phân tích hiệu quả nt của chúng trong việc thể hiện nỗi nhớ của tg.?  3. Niềm yêu quý thiết tha và nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương, đồng bào được diễn tả bằng những hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu nào?  4. Nêu cảm nghĩ về niềm say mê lí tưởng, khát khao tự do và hành động của nhà thơ qua đoạn thơ thứ 3.?  5. Nhận xét chung về sự vận động của tâm trạng nhà thơ trong bài. ?  GV: Nhận xét, diễn giảng  Bài “TƯƠNG TƯ”  1. Anh chị cảm nhận như thế nào về nỗi nhớ mong và những lời kể lể, trách móc của chàng trai trong bài thơ? Tình cảm của chàng trai đã được đền đáp hay chưa?  2. Theo anh,chị, cách bày tỏ ty giọng điệu thơ, cách so cánh, ví von,…ở bài này có những điểm gì đáng chú ý?  3. Hoài Thanh cho rằng, trong thơ NB có “hồn xưa đất nước”. Qua bài này, anh. chị có đồng ý không ?Vì sao?  GV: Hướng dẫn, gợi ý  Bài “ CHIỀU XUÂN”  1. Bức tranh chiều xuân hiện ra như thế nào? Hãy chỉ ra những nét riêng của bức tranh đó.?  2. Anh,chị có cảm nhận gì về không khí và nhịp sống thôn quê trong bài thơ? Không khí ấy được gợi tả bằng những h. a, chi tiêt nào?  3. Hãy thống kê những từ láy trong bài thơ và phân tích nét đặc sắc của những từ ấy.?  GV: Hướng dẫn, gợi ý  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **I. LAI TÂN.**  **1.** Chỉ bằng ba câu thơ kể, tả bình thản,bộ máy lãnh đạo của huyện Lai Tân hiện ra rõ rệt: ban trưởng: chuyên đánh bạc; cảnh sát trưởng: ăn tiền của phạm nhân; huyện trưởng: vừa hút thuốc phiện vứa bàn công việc => sự thối nát của chính quyền huyện.  **2.**  Sắc thái châm biếm mỉa mai ở câu thơ cuối: Đó là thái bình giả tạo, bên ngoài, giấu bên trong sự tha hóa, mục nát thối ruỗng hợp pháp.  Đó là thái bình của tham nhũng,lười biếng, sa đọa với bộ máy công quyền của những con mọt dân tham lam.  Mỉa mai với ý: thái bình như thế thì dân bị oan khổ biết bao nhiêu!  Vẫn y cựu thái bình thiên: sự thật hiển nhiên, đã thành bản chất, quy luật bao năm nay.  **3.**  Kết cấu và bút pháp.  Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cô đọng hàm súc.  Ba câu đầu kể tả khách quan, thái độ giấu kín. Câu cuối nêu nhận xét thâm trầm kín đáo, mỉa mai châm biếm sâu sắc.  **II. NHỚ ĐỒNG.**  **1.**  Sự gợi cảm của tiếng hò quê hương: không gì lay động bằng âm nhạc, nhất là âm nhạc dân ca. Đó là linh hồn của quê hương, dân tộc. Nó càng có ý nghĩa khi nhà thơ bị giam cầm trong nhà tù.  **2.**  Ý nghĩa của những điệp khúc ( 4)  Khắc sâu, tô đậm âm vang của tiếng hò khêu gợi nỗi nhớ quê hương của tg về cảnh quê, người quê.  ĐK 1: nhớ cảnh quê tươi đẹp  bình yên.  ĐK 2: nhớ người nông dân lao động ở quê.  ĐK 3: nhớ về quá khứ, những người thân.Nhớ lúc bản thân tìm thấy chân lí\_ lí tưởng sống.  ĐK 4: trở về hiện tại : trưa hiu quạnh tiếng hò vọng vào gợi nỗi nhớ đồng quê triền miên không dứt.  **3.**  Tình yêu tha thiết và nỗi nhớ da diết của tg được thể hiện qua nhiều h. a quen thuộc: cánh đồng ,dòng sông, nhà tranh…  Các điệp từ, điệp ngữ: đâu, ôi, ơi, chao ôi ..gắn kết gọi hỏi nong mỏi, hi vọng.  **4.**  Cảm nghĩ về niềm say mê lí tưởng của nhà thơ.  Chân thành, hồn nhiên, băn khoăn quanh quẩn cố vùng thoát mà chưa được.  Khi tìm thấy lí tưởng: say mê, sung sướng, nhẹ nhàng như được nâng cánh.  **5.**   **HS:**tự làm  **III. TƯƠNG TƯ**  **1.** Nỗi nhớ mong và những lời kể lể trách móc của chàng trai là rất chân thành, tha thiết, thể hiện một cách giàu hình tượng.  Tình cảm của chàng trai là chưa được đền đáp.  **2.** Cách bày tỏ tình yêu , giọng điệu thơ , cách so sánh ví von trong bài này có đặc điểm: giàu chất liệu VHDG, tình cảm gắn với quê hương đất nước. Cách bày tỏ từ xa tới gần theo các cặp đôi: thôn Đoài- thôn Đông; một người- một người; nắng- mưa; tôi- nàng; bến- đò; hoa- bướm; cau- giầu.  **3.** Đúng là trong thơ NB có “hồn xưa đất nước” vì ông giỏi vận dụng các chất liệu VHDG vào trong thơ của mình.  **IV. CHIỀU XUÂN.**  **1.** Chiều xuân ở nông thôn miền Bắc hiện ra thật tĩnh lặng êm đềm với mưa xuân, con đò, hoa xoan, cách đồng lúa…..  **2.** Không khí êm đềm tĩnh lặng.  Nhịp sống bình yên, chậm rãi như có từ ngàn đời.  Những từ ngữ, h. a thể hiện:êm đềm, vắng, biếng lười, nằm mặc, vắng lặng….  Các danh từ chỉ cảnh vật: con đò, dòng sông, đàn sáo…  **3.** Các từ láy gợi tả âm thanh, hình dáng, cảm xúc, không khí: êm êm, tơi bời, vu vơ, rập rờn, thong thả.. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :  *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*  *Một người chín nhớ mười mong một người.*  *Gió mưa là bệnh của giời,*  *Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng*  *(* Trích *Tương tư* , Nguyễn Bính, Tr 49, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ. Đoạn thơ thể hiện tâm tư, tình cảm gì của nhân vật trữ tình ?  2. Phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ đầu của đoạn thơ.  3. Những yếu tố nào trong đoạn thơ thể hiện chất dân gian trong thơ Nguyễn Bính ?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Trả lời  1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ : biểu cảm  Đoạn thơ thể hiện tâm tư, tình cảm tương tư nhớ và mong của nhân vật trữ tình.  2. Biện pháp tu từ trong hai câu thơ đầu : hoán dụ : dùng địa danh để chỉ người sống trên địa danh đó :*Thôn Đoài- Thôn Đông*  Hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ đầu của đoạn thơ.  - Cách biểu đạt tình cảm kín đáo, ý nhị .  - Tạo ra 2 nỗi nhớ song hành, chuyển hóa: người nhớ người, thôn nhớ thôn ; biểu đạt được qui luật tâm lí: khi tương tư thì cả không gian sinh tồn xung quanh chủ thể cũng nhuốm nỗi tương tư.  3. Những yếu tố trong đoạn thơ thể hiện chất dân gian trong thơ Nguyễn Bính :  - Nội dung : Tâm trạng tương tư- đề tài quen thuộc xuất hiện nhiều trong ca  dao, dân ca.  - Hình thức : Thể thơ lục bát; địa danh , nghệ thuật hoán dụ, thành ngữ, cách nói vòng, giọng điệu tâm tình ngọt ngào thường thấy trong ca dao … |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Từ bài thơ *Tương tư* của Nguyễn Bính, viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *tình yêu chân chính*  của tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ***Trả lời:***  Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  -Nội dung: từ nỗi nhớ và mong của chàng trai trong đoạn thơ, thí sinh suy nghĩ về *tình yêu chân chính*  của tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay. Cụ thể : Tình yêu là gì ? Biểu hiện của tình yêu chân chính ?Ý nghĩa của tình yêu chân chính ? Phê phán hiện tượng *yêu cuồng sống vội* của một bộ phận giới trẻ ? Từ đó, rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm thêm một số bài thơ của Nguyễn Bính, Anh Thơ. Viết bài cảm nhận ngắn về những bài thơ đó**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  -HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm kiếm tư liệu qua sách tham khảo, truy cập mạng;** |

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Tiết 91:TIỂU SỬ TÓM TẮT-LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

Hiểu được mục đích yêu cầu của tiểu sử tóm tắt

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Viết được tiểu sử tóm tắt

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

-Bồi dưỡng ý thức thận trọng, chân thực khi viết tiểu sử tóm tắt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tiểu sử của tác giả văn học;

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến tiểu sử tóm tắt;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả văn học;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về tiểu sử tác giả, sự nghiệp sáng tác…

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn thuyết minh về tác giả văn học với dạng bài Tiểu sử tóm tắt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *văn học VN 1930-1945*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đưa ra một số ngữ liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm;  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trước khi đi vào phần văn bản đọc văn, bao giờ SGK cũng đưa ra ngữ liệu gọi là TIỂU DẪN, trong đó cung cấp những tri thức liên quan đến tác giả, tác phẩm. Ngữ liệu đó là một phần trong nội dung tóm tắt tiểu sử của một tác giả văn học. Vậy tiểu sử tóm tắt là gì? Thực hiện như thế nào?* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu mục đích, yêu cầu của viết tiểu sử tóm tắt**  Tìm hiểu khái niệm mục đích, yêu cầu của TSTT.  -GV: TSTT là gì ?Nêu những trường hợp cần viết TSTT ? yêu cầu và mục đích viết TSTT?  GV: Đọc cho HS nghe tiểu sử tóm tắt nhà thơ Nguyễn Du.  GV: Hãy cho biết những yêu cầu cơ bản của TSTT là gì?  ***\*GV Tích hợp kiến thức đọc văn phần tiểu dẫn 1 số tác giả đã học trong Ngữ văn 10, 11 để hướng dẫn học sinh có ngữ liệu viết TSTT.***  -HS dựa vào SGK trả lời. | **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA TSTT**:  **1.Khái niệm:** TSTT: Là văn bản thông tin một cách khách quan trung thực những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của một cá nhân.  **2.Mục đích:** G/thiệu cho người đọc, người nghe về cuộc đời, sự nghiệp, cống hiến của người được nói tới.  **3. Yêu cầu:**  - Thông tin một cách khách quan, chính xác về người được nói tới.  - Nội dung và độ dài của văn bản cần phù hợp với mục đích viết TSTT  - Văn phong cô đọng, trong sáng, không sử dụng các biện pháp tu từ. |
| **Thao tác 1**: Tìm hiểu cách viết TSTT.  - chọn tài liệu để viết TSTT.  GV: Gọi 1 HS đọc to phần văn bản. Những HS còn lại chú ý lắng nghe và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới.  GV: Chốt lại vấn đề 🡪**GD kĩ năng sống:**  +Tư duy sáng tạo: cần tìm kiếm và xử lí thông tin phù hợp để tạo lập VB TSTT của một nhân vật.  +Đảm nhận trách nhiệm, kiểm soát cảm xúc 🡪trình bày thông tin khách quan, trung  thực chính xác về TS của người được tóm tắt.  HS đọc to phần văn bản. Những HS còn lại chú ý lắng nghe và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới.  **Thao tác 2**: Tìm hiểu cách viết tiểu sử tóm tắt.  GV: hãy cho biết bản tiểu sử tóm tắt thường gồm những phần nào?  HS luyện cách viết nhan đề văn bản, lần lượt viết các nội dung chính của văn bản nhân thân, các hoạt động chính, những đóng góp chủ yếu, lời đánh giá chung.  **Thao tác 3**: GV hướng dẫn HS làm bài tập phần luyện tập.  GV: Yêu cầu HS đọc BT1 và dựa vào phần bài học trả lời🡪 GV giải thích thêm.  GV: Cho HS thảo luận nhóm để tìm ra sự giống nhau và khác nhau ở BT2.  GV: Hướng dẫn HS BT3 về nhà làm: HS đọc lại bài học về một nhà văn, nhà thơ đã học để nắm được nội dung và viết tiểu sử tóm tắt.  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  HS đọc BT1 và dựa vào phần bài học trả lời, | **II. CÁCH VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT:**  **1. Chọn tài liệu để viết TSTT:**  - Cần chọn các tài liệu: Chân thực, chính xác, đầy đủ, tiêu biểu.    **2. Viết TSTT**: Bản TSTT thường có các phần:  - Giới thiệu khái quát: Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, gia đình, học vấn…của người được giới thiệu.  - Hoạt động XH: làm gì, ở đâu, mối quan hệ với mọi người…  - Những đóng góp, những thành tựu tiêu biểu .  - Đánh giá chung.  **3. Luyện tập:**  **Bài 1:**Những trường hợp cần viết TSTT: c,d.  **Bài 2:**  \*Giống nhau: Đều có thể viềt về một nhân vật nào đấy.  \* Khác nhau:  - TSTT và điếu văn: Khác nhau về mđ và hoàn cảnh gt đoạn văn được viết để đọc trong lễ truy điệu bên ngoài TS còn có: lời chia buồn với gia quyến, tiếc thương người đã mất…  - Sơ yếu lí lịch: Là VB hành chính, thường có mẫu cố định, nội dung thường nhấn mạnh đến nhân thân và các mối quan hệ, Bản lí lịch cần có xác nhận của cơ quan thẩm quyền.  - TSTT và VB thuyết minh: VB TM có đối tượng rộng hơn (người, vật, danh lam…) văn TM diễn đạt phong phú, giàu hình ảnh và có tính biểu cảm. |

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

*Tuần :*

*Ngày soạn: Ngày kí :*

**Tiết 92 :TÔI YÊU EM**

***(Puskin)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

#### Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của bài thơ cả về nội dung tâm tình lẫn ngôn ngữ ghệ thuật:

- Tình yêu đẹp đẽ, trong sáng đầy vị tha và cao thượng

- Hình thức giản dị, không tô điểm rất phù hợp với tình yêu chân thành.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Rèn kỹ năng đọc hiểu thơ tình yêu;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

Giáo dục cho học sinh tình cảm chân thành, vị tha, cao thượng trong cuộc sống và trong tình yêu

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Puskin;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ tình yêu trên thế giới;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp tình yêu trong bài thơ của Puskin;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của thơ tình Puskin với các nhà thơ khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Puskin*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Nhà thơ Xuân Diệu – ông hoàng của thơ tình Việt Nam đã từng viết:*  *Làm sao sống được mà không yêu*  *Không nhớ không yêu một kẻ nào.*  *Có lẽ tình yêu ngự trị trong mỗi chúng ta, nó trở thàng một “ kiệt tác của con người”(Gác- xông), không biết con người biết yêu từ khi nào, và cũng không biết tình yêu đến với con người như thế nào? Chỉ biết khi bước vào vườn thơ tình của nhân loại, ta bắt gặp muôn vàn những bông hoa tình yêu với muôn vàn màu sắc. Có tình yêu tầm thường, tình yêu cao cả, tình yêu ích kỉ, vẩn đục, tình yêu trong sáng… và “Tôi yêu em” của Pus-kin là một trong nhưng tình yêu ấy.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **1. Tác giả**  GV đặt câu hỏi:  Nêu những nét chính về tác giả Pu –skin ?  Các thể loại sáng tác và nội dung tác phẩm của Puskin ? vị trí và tài năng của Puskin trong nền VH Nga ?  **HS trả lời:**  - Pu- skin, ...  - nội dung tác phẩm: thể hiện niềm khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga.  - Là một thi sĩ lừng danh với 800 bài thơ trữ tình, là tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết, kịch, trường ca, truyện ngắn…  **2. Tác phẩm**  Bài thơ viết về đề tài gì ? đó là đề tài như thế nào trong thơ ca?  Hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung từng phần?  **HS trả lời:**  - Đề tài : tình yêu- chủ đề lớn trong thơ Puskin.  - Bài thơ chia làm hai phần, bốn câu đầu và bốn câu sau.  **GV nhận xét, chốt lại ý chính.** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả.**  - A-lếch-xan-đrơ Pus-kin (1799-1837), “Mặt trời cùa thi ca Nga”.  - Là nhà thơ vĩ đại “có ý nghĩa to lớn không chỉ trong lịch sử văn chương mà cả trong lịch sử thức tỉnh của dân tộc Nga.  **2. Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác : một trong những bài thơ nổi tiếng được khơi gợi cảm xúc từ mối tình không thành của tác giả với Ô-lê-nhi-na- con gái vị Chủ tịch Viện hàn lâm Nghệ thuật Nga.; được coi là viên ngọc vô giá trong kho tàng thi ca Nga.  **- Bố cục:**  + 4 câu đầu : những mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.  + 2 câu giữa : nỗi khổ đau  + 2 câu sau : sự cao thượng chân thành. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Đọc VB**: GV mời một HS đọc bài thơ. GV nhận xét cách đọc. Chú ý giọng đọc cần thể hiện cảm xúc của tác giả.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  GV hướng dẫn HS tìm hiểu những mâu thuẫn tâm trạng. GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập.  **Nhóm 1:** Điệp khúc nào làm nổi bật cảm xúc chủ đạo của bài thơ ? Tâm trạng nhân vật trữ tình được biểu hiện trong hai câu đầu như thế nào?  **HS trả lời :**  **Đại diện nhóm 1 trả lời**  - *Tôi yêu em* cảm xúc chủ đạo, xuyên suốt bài thơ.  - Thể hiện tình yêu chân thành, tình cảm vẫn còn không hề mất *ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai.*  **GV nhận xét, chốt ý.**  **Nhóm 2:** Giọng điệu trữ tình được chuyển biến như thế nào từ câu 1, 2 sang câu 3, 4? Mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật ?  Gợi ý:  - cách diễn đạt, tâm trạng gì của tác giả?  - Giọng điệu trữ tình có gì thay đổi so với 2 câu trên ?  **Đại diện nhóm 2 trả lời**  - Giọng điệu day dứt, dứt khoát.  - quyết định chối bỏ dứt khoát, dập tắt ngọn lửa tình, để không làm bận lòng em , vì muốn người mình yêu hạnh phúc.  …  **GV nhận xét, chốt ý.**  **Nhóm 3:**  Tâm trạng nhân vật trữ tình trong hai câu thơ thứ ba ? (biện pháp tu từ, tâm trạng cảm xúc…)  **Đại diện nhóm 3 trả lời**  **-** *lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen*  *- tôi yêu em yêu chân thành và say đắm.*  **GV nhận xét, chốt ý.**  **Nhóm 4:** Lời cầu chúc thể hiện điều gì ở nhân vật trữ tình ? Cảm nhận, suy nghĩ về tình yêu đơn phương trong bài thơ ?  **Đại diện nhóm 4 trả lời:**  **-** khẳng định tình yêu dành cho em “tôi yêu em”  - Lời cầu chúc: sự thăng hoa của cảm xúc - vượt trên đau khổ ghen tuông ích kỉ mong cho người mình yêu được hạnh phúc.  **GV nhận xét, chốt ý.** | **II. Đọc - hiểu:**  **1. Những mâu thuẫn trong tâm trạng (4 câu đầu)**  - Tình cảm : *Tôi yêu…ngọn lửa*  *tình chưa hẳn đã tàn phai* , tình yêu trong tâm hồn chưa lụi tắt, vẫn còn dai dẳng cháy, vẫn được ấp ủ thú nhận tình yêu chân thành.  *-* Thể hiện tình yêu say đắm, mãnh liệt, biết là đơn phương nhưng vẫn yêu.  - Tuy rất yêu nhưng luôn biết tự kiềm chế “ không để em bận lòng thêm nữa”, chẳng muốn em buồn vì bất cứ lẽ gì.  + Lý trí: *nhưng không để em* bận lòng thêm nữa  + quyết định dứt khoát, vì hạnh phúc của em Vị tha, cao thượng, tình yêu đơn phương.  **2. Nỗi khổ đau của nhân vật trữ tình (2 câu giữa)**  - Một tình yêu cũng với nhiều cung bậc cảm xúc: lúc rụt rè, lòng ghen, yêu say đắm…  - Điệp khúc tôi yêu em kết hợp với những trạng thái cảm xúc dồn nén, dày vò chìm ẩn dưới đáy sâu của tâm hồn hành hạ con tim. Đó là những cung bậc, những trạng thái cảm xúc của người đang yêu.  **3. Sự cao thượng chân thành (2 câu cuối)**  - Khẳng định: Tôi yêu em chân thành đằm thắm  cảm xúc được giải tỏa dâng cao, tiết điệu nhanh, gấp diễn tả tính chất tươi sáng dạt dào cảm xúc.  - tác giả tỉnh táo, biết là tình yêu vô vọng nên đã ứng xử một cách cao thượng “ cầu em được người tình như tôi đã yêu em” tình cảm cao thượng đầy chất nhân văn. |
| GV hỏi:  Những đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ ?  **HS trả lời:**  -giọng điệu thơ chân thực, giản dị, thể hiện tâm trạng tác giả…  **HS trả lời**  - bài thơ thể hiện tình yêu chân thành, mãnh liệt…  **GV nhận xét, chốt ý.** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, hàm súc.  - Giọng điệu thơ chân thực, sinh động, lúc phân vân, ngập ngừng khi kiên quyết, day dứt…  **2*. Ý nghĩa văn bản:***  Dù trong hoàn cảnh và tình yêu nào, con người phải sống chân thành, mảnh liệt, cao thượng và vị tha. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1/ Bài thơ cần được đọc bằng một giọng điệu như thế nào?  2/ Có thể chia tách bài thơ thành các phần như thế nào ? Đặt tên cho mỗi phần.  3/ So sánh mạch cảm xúc ở 6 câu thơ đầu và 2 câu thơ cuối ?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ***Trả lời:***  1/ Bài thơ cần được đọc bằng một giọng điệu : Câu 1-2 đọc chậm, ngập ngừng, vừa như thú nhận vừa tự nhủ ; câu 3-4 đọc mạnh mẽ, dứt khoát như lời hứa, lời thề ; câu 5-6 đọc day dứt, buồn đau, chiêm nghiệm ; câu 7-8 : mong ước thiết tha mà điềm tĩnh.  2/ Có thể chia tách bài thơ thành 03 phần :  -Bốn câu đầu : Những tâm tư giằng xé ;  -Hai câu giữa : Nỗi khổ đau tuyệt vọng ;  -Hai câu cuối : Lời cầu chúc cao thượng, chân thành.  3/So sánh mạch cảm xúc ở 6 câu thơ đầu và 2 câu thơ cuối :  - Ở 6 câu thơ đầu, nhân vật trữ tình như bị giằng xé, xáo trộn bởi rất nhiều cung bậc cảm xúc của một trái tim yêu say đắm nhưng dường như không được đáp lại. Tình yêu âm thầm vô vọng cùng nỗi ghen tuông khiến nhân vật trữ tình rơi vào đáy sâu của nỗi khổ đau. Và ta tưởng cảm giác tuyệt vọng sẽ ngày càng giày vò nhân vật trữ tình.  - Nhưng đến 2 câu thơ cuối, mạch cảm xúc đã thay đổi đột ngột. Vượt lên nỗi buồn đau u ám, lòng ghen tuông ích kỉ, nhân vật trữ tình cầu chúc cho người yêu *được người tình như tôi đã yêu em*. Lời cầu chúc như một cảm xúc thăng hoa của một tình yêu chân thành, cao thượng. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Từ bài thơ *Tôi yêu em* của Pusin, viết bài văn ngắn ( khoảng 400 từ) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng sau được đăng trên báo http://giadinh.vnexpress.net:  *Thạc sĩ giáo dục Phạm Phúc Thịnh cho rằng giới trẻ ngày nay yêu thoáng, sống vội mà quên mất giá trị cốt lõi của tình yêu là sự hy sinh. Họ đề cao cái tôi quá mức nên khi bị phụ tình thường tìm cách trả thù, thậm chí giết chết người yêu.*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **I/ Mở bài :** Dẫn dắt ý liên quan. Nêu vấn đề cần nghị luận. Nhận định hiện tượng cuồng yêu là hiện tượng xấu, cần lên án.  **II/ Thân bài :**  **1/ Giải thích:** Cuồng yêu là gì là gì ? Biểu hiện của hiện tượng cuồng yêu ?  **2/ Phân tích** Hậu quả, nguyên nhân của cuồng yêu ?  **3/** Biện pháp khắc phục hiện tượng cuồng yêu ?  **III/ Kết bài :** Tóm lược hiện tượng xấu  - Liên hệ bản thân |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm và viết cảm nhận về một số bài thơ tình nổi tiếng của Puskin**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm đọc qua sách tham khảo, truy cập mạng. Bài viết chân thành, cảm xúc;** |

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

***Tiết 93***

**Đọc thêm**

**BÀI THƠ SỐ 28**

***(Tagor)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

#### Tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Ấn Độ.

* Hiểu được đặc trưng tư duy của người Ấn Độ: triết lý và trữ tình.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Rèn kỹ năng đọc hiểu thơ tình yêu

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

Giáo dục cho học sinh tình cảm chân thành, tha thiết trong tình yêu tuổi trẻ..

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Tagor;;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ tình yêu trên thế giới;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp tình yêu trong bài thơ của Tagor;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của thơ tình Tagor; với các nhà thơ khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Targo*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Ở chương trình Ngữ văn 10, chúng ta đã tìm hiểu sử thi Ấn Độ Ramayana. Nay chúng ta tìm hiểu một bài thơ tình của nhà thơ Ấn Độ, đó là bài thơ số 28.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  - Phần tiểu dẫn trình bày những nội dung gì? Em hãy nêu tóm tắt những điểm cơ bản.  - Giới thiệu vài nét về tập thơ “Người làm vườn”?  - Nêu xuất xứ của “bài thơ số 28”. Theo em bài thơ có gì đặc biệt?  HS Tái hiện kiến thức và trình bày:  Ra-bin-đra-nát Tago (1861-1941).  - Sinh tại Cancuta, bang Ben gan, Ấn Độ, xuất thân trong gia đình quý tộc Bàlamôn yêu nước.  - Tago là một thiên tài đa dạng về các hoạt động sáng tạo :thơ ca, tiểu thuyết, truyện ngắn, sân khấu, âm nhạc, hội hoạ. ở Bengan- quê hương ông người ta gọi ông là Gurudeva (bậc thánh sư)  - Là một trong những tập thơ nổi tiếng của Tago, gồm 85 bài thơ, được Tago viết bằng tiếng Bengan, sau tự dịch ra tiếng Anh và xuất bản năm 1914.  - Tên tác phẩm gợi ra hình tượng nhà thơ nguyện làm người chăm sóc vườn hoa cuộc đời. Với Tago vườn đời thật tươi đẹp, được sống ở trên đời thực sự là niềm vui khi ở đó chứa chan tình yêu thương giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. Và thi sĩ chính là người hát ca, người vun xới cho những bông hoa tình yêu ấy. | **I.Tìm hiểu chung:**  **1.Tác giả:**  **-** R**.**Ta-go (1861 – 1941) là nhà văn nhà văn hóa lớn của Ấn Độ - có những cống hiến quan trọng cho văn hóa Ấn Độ, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân loại vì độc lập, hòa bình và hữu nghị.  - Sự nghiệp: khổng lồ, nhiều lĩnh vực xuất sắc : thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, tiểu luận, triết học, nhạc, họa.  - Tập thơ *Dâng* được giải Nôben 1913.  **2. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ bài thơ: In trong tập *Người làm vườn* \_ là bài thơ tình nổi tiếng. |
| **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  - Gv hướng dẫn học sinh đọc tác phẩm (chú ý đến đoạn, mạch, nhịp điệu của bài thơ để đọc diễn cảm, giọng thiết tha, trìu mến, chân thành)  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  - GV đưa ra hệ thống câu hỏi thảo luận cho học sinh:  **Câu hỏi 1 (nhóm1):**  - Khát vọng tình yêu trong câu 1- 6 được thể hiện như thế nào?  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  + “Đôi mắt” là nơi tập trung để nhận biết tình cảm nhiều nhất. Tago dùng h/a “đôi mắt” để diễn tả tâm trạng băn khoăn, muốn tìm hiểu của người yêu. Đây không phải là cái nhìn từ bề ngoài mà là cái nhìn của “tâm tưởng”.  + H/a so sánh: ( mắt= trăng, tâm= biển) rất sống động, hình tượng đến tuyệt vời: “như trăng kia…” hình ảnh lung linh huyền ảo của ánh trăng hay chính tâm hồn em đang muốn đi sâu vào, hoà làm một với tâm hồn anh như trăng kia sẽ hoà tan vào lòng biển cả. Đó phải chăng là biểu hiện của sự khát khao hoà hợp tâm hồn. Tago ví sự tìm kiếm trong tình yêu là cao đẹp càng đi sâu tìm hiểu càng nhận thấy cái hay ở nó.  - Để bày tỏ khát khao của mình, chàng trai bày tỏ hết lòng mình không giấu điều gì trước mắt người yêu nhưng lại rơi vào nghịch lý: chính vì thế mà người yêu “không biết gì tất cả về anh”.  **Câu hỏi 2(nhóm 2)**  - Để bày tỏ tình cảm của chàng trai trong những câu tiếp theo, Tago đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?  “Vì em là chuỗi ngọc châu  Đời anh còn mất nghĩ đâu xa gần” (Lecmôntốp)  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  - Đoạn thơ như lời ước nguyện của chàng trai. Tago đã sử dụng lối cấu trúc đưa ra những giả định rồi phủ định, phép so sánh, đối lập thật điêu luyện nhuần nhuyền, lặp lại những từ như: “if”(nếu), “only”(chỉ), “but”(nhưng) để khẳng định ước nguyện đó.  - Tago sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh, ví von để khám phá “chiều sâu” và “bến bờ” của trái tim (Trái tim con người là một thế giới bí ẩn , không dễ dàng đo được độ nông sâu, rộng, hẹp của nó. Có thể nó sâu như biển cả, cũng có thể vô biên như vũ trụ, nhưng có lúc nhỏ bé như một vương quốc mà nữ hoàng trị vì nó không biết được biên giới của nó xa hay gần, rộng hẹp tới đâu).  -Nhưng chàng trai lại nhận ra “trái tim anh lại là tình yêu” nên nó không hề đơn giản: hình như nó có gì đó đặc biệt (trong đó tiềm ẩn sự đối lập, mâu thuẫn: vừa sung sướng, vừa khổ đau, vừa thiếu thốn, vừa giàu sang). Sự đối lập này mãi mãi tồn tại trong T/y, do đó tình yêu đòi hỏi phải có sự thống nhất sự đối lập đó lại.  GV dẫn : Chàng trai có thể hi sinh và hiến dâng đến vậy nhưng vẫn chưa đủ sức hấp dẫn đối với những đòi hỏi của người yêu. Điều mà người yêu cần có lẽ là thứ khác.  **Câu hỏi 3 (nhóm 3)**  - Trong 2 câu cuối Tago muốn khẳng định quy luật gì trong tình yêu?  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  - Khẳng định quy luật của tình yêu.  Tình yêu giữa anh và em khăng khít như chung cuộc đời, gắn bó với nhau như máu thịt, nhưng thật kì lạ là em vẫn không biết được anh một cách trọn vẹn. Đó là quy luật trong t/y chăng? Tago muốn k/đ rằng : Sự trọn vẹn trong t/y là vô hạn. Dù biết quy luật là như vậy nhưng tình yêu vẫn luôn khao khát biết trọn nó. | **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Niềm khao khát của người con gái khi yêu**  - Hình ảnh ánh mắt em được so sánh như trăng kia …  🡪 Tình yêu được khám phá bằng đôi mắt 🡪 biểu hiện của sự khát khao hiểu biết và hòa hợp  Chàng trai bày tỏ lòng mình  - Anh để cuộc đời anh… không dấu 🡪 có thể em không hiểu gì 🡪 những biểu hiện bên ngoài chỉ là thứ yếu – điều cốt yếu bên trong là tâm hồn.  **2.Những đặc trưng của cuộc đời, trái tim và tình yêu**  - Nghệ thuật:  • lối cấu trúc giả định rồi phủ định 🡪 kết luận  • Dùng hình ảnh so sánh : viên ngọc, đá hoa với trái tim; lạc thú, khổ đau với tình yêu.  • cách nói nghịch lí : anh không dấu >< em không biết gì  - Nội dung: sự phức tạp, bao la, vô tận và bí ẩn của cuộc đời, trái tim và sự vô biên của tình yâu.  🡺 trái tim là thế giới bí ẩn không có biên giới – tình yêu có nhiều cung bậc, mâu thuẫn. |
| **Câu hỏi 4 (nhóm 4)**  - Đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?  ***GV dẫn:***  - ý tưởng và cấu trúc bài thơ đã thể hiện dấu ấn tư duy của người ấn Độ mà Tago là người sáng tạo và kế thừa. Người Ấn Độ không bao giờ chịu thoả mãn hay bằng lòng với những điều mình biết cụ thể, họ thường hướng về những cái phổ quát, cái vô hạn để khám phá, lý giải.  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  - Bài thơ số 28 đòi hỏi người yêu phải hướng về một tình yêu trường cửu, vô biên. Tình yêu không bao giờ có giới hạn. Muốn có hạnh phúc trong tình yêu, muốn có tình yêu trọn vẹn chỉ có một cách là luôn khám phá cái bí ẩn, cái sâu xa của tình yêu.  - Tago đã vận dụng bút pháp hướng nội, thực hiện lối cấu trúc theo tầng bậc- nghĩa là từ thấp lên cao hoặc ngược lại từ ngoài vào trong.  - Nghệ thuật miêu tả thế giới nội tâm: dùng h/a “đôi mắt”  - Thủ pháp so sánh, tượng trưng, ẩn dụ  - Chất suy tư triết lý: Các từ được lặp đi lặp lại: “if” (nếu), “only”(chỉ), “but”(nhưng) giả định rồi k/đ, nhiều câu tưởng như nghịch lý mà lại rất có lý (câu 3,4,5 hoặc 2 câu cuối)  - Giọng điệu vừa bóng bẩy, trữ tình nhưng đồng thời cũng đầy chất triết lý. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  Kiểu cấu trúc sóng, thơ giàu tính trí tuệ, sử dụng nhiều hình ảnh.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Khẳng định mối quan hệ giữa tình yêu và đời sống con người, sự huyền diệu, bí ẩn đòi hỏi phải khám phá. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:  *Đôi mắt băn khoăn của em buồn,  Đôi mắt em muốn nhìn vào tâm tưởng anh  Như trăng kia muốn vào sâu biển cả.  Anh đã để cuộc đời anh trần trụi dưới mắt em.  Anh không dấu em một điều gì,  Chính vì thế mà em không biết gì tất cả về anh.*  ( Trích *Bài thơ số 28*, R. Ta-go, Tr 61, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu ý chính của đoạn thơ?  2/ Xác định biện pháp tu từ về từ ở đoạn thơ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  3/ Các từ ngữ *để cuộc đời anh trần trụi; không dấu em; em không biết gì tất cả về anh* đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của chàng trai trong tình yêu ?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | *Trả lời:*  1/ Ý chính: Đoạn thơ mở ra những cảm nhận thật kì diệu về tình yêu. Yêu là khao khát khám phá thế giới tâm hồn của người mình yêu, yêu là khát khao đồng cảm và đồng điệu. Nhưng đó cũng là điều không bao giờ đạt được.  2/ Biện pháp tu từ về từ :   * So sánh : *đôi mắt- như trăng kia muốn vào sâu biển cả* * Nhân hoá : *trăng-vào sâu*   Hiệu quả nghệ thuật: Thể hiện niềm khao khát của người con gái được tìm hiểu, khám phá về tình yêu, về người yêu. Người có tình, thiên nhiên cũng có tình ; cảnh và người hoà quyện, say trong tình yêu, đang khao khát, chinh phục đối tượng mình yêu.  3/Các từ ngữ *để cuộc đời anh trần trụi; không dấu em; em không biết gì tất cả về anh* đặt trong quan hệ đối lập, nghịch lí. Bởi vì tất cả những điều em biết về anh vẫn là chưa đủ. Tâm tưởng anh, sâu thẳm tâm hồn anh, cảm xúc trái tim anh...dễ đâu em nắm bắt được. Bản thân anh và em cũng không hiểu hết chính mình. Qua nghịch lí đó, nhà thơ gợi mở quy luật, vẻ đẹp của tình yêu. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ: Tại sao có thể nói** *Bài thơ trữ tình nhưng cũng giàu chất triết lí?*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | *Bài thơ trữ tình nhưng cũng giàu chất triết lí.* Chất triết lí thể hiện ữên nhiều bình diện : Đó là những lập luận theo mô thức “Nếu... chỉ là... nhưng...”, đó là những giả thiết và sự giả định phản bác đầy sức thuyết phục. Nhiều sự vật của đời sống được nhà thơ - triết gia nhìn nhận trong sự nghi vấn để tìm ra quy luật và bản chất của nó. Nhà thơ hướng về cái vô cùng của vũ trụ (biển cả, vương quốc) để tìm ra cái hữu hạn của đời người, đặc biệt của đời sống tình thần, đời sống tâm hồn của con người với bao cặp phạm trù đôí lập, mâu thuẫn như là những quy luật vĩnh cửu của tình yêu. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm thêm một số bài thơ tình của Ta-go. Viết bài cảm nhận về những bài thơ đó.**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm trên mạng, sách báo. Cảm nhận chân thành.** |

**Tiết 94**

**Trả bài Làm văn số 6**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

Giúp HS biết phát hiện những sai sót trong bài làm văn của mình để làm tốt hơn các bài tiếp theo

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

Có ý thức phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài, biết khắc phục nhược điểm trong quá trình làm văn.

- Giao tiếp, tư duy sáng tạo.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo; Năng lực giải quyết vến đề.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình (thảo luận đáp án)

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1**  - Yêu cầu HS nhắc lại đề bài và phân tích đề.  - HS nêu dàn ý bài viết của mình  - GV đối chiếu với đáp án và kết luận  **Hoạt động 2**  - GV nhận xét những ưu điểm, nhược điểm bài viết. Đánh giá kết quả.  **Hoạt động 3**  - Định hướng nội dung.  - Đọc lại cấu trúc bài nghị luận xã hội để làm bài | **1. Phân tích đề ( Phần làm văn)**  - Yêu cầu nội dung: Bàn về hiện tượng sống ảo, nghiện fakebook của giới trẻ hiện nay  - Yêu cầu dẫn chứng: từ thực tế cuộc sống  - Yêu cầu thao tác nghị luận: Sử dụng thao tác lập luận phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh, bình luận.  **2. Nhận xét chung**  a) Ưu điểm  - Nhìn chung các em hiểu đề, biết cách triển khai ý. Nắm được nội dung và ý nghĩa của ý kiến.  - Phân tích một số dẫn chứng để minh họa cho luận đề.  b) Nhược điểm  - Bài viết chưa mở rộng, chưa bày tỏ được ý kiến của mình một cách cụ thể và rõ ràng.  - Diễn đạt đôi chỗ còn chung chung, mờ nhạt.  - Chưa biết triển khai ý,  - Phần liên hệ bản thân còn yếu. |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU *(3,0 điểm)***

*(1)Tản Đà (1889 - 1939 ) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây ( nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây ). Quê hương ông nằm bên bờ sông Đà, gần núi Tản Viên. Ông sinh ra trong buổi giao thời, Hán học đã tàn mà Tây học cũng mới bắt đầu, nên con người ông, kể cả học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương đều mang dấu ấn“ người của hai thế kỉ”( Hoài Thanh). Tản Đà theo học chữ Hán từ nhỏ, nhưng sau hai khoa thi Hương, ông bỏ thi, chuyển sang sáng tác văn chương quốc ngữ.*

*(2)Điệu tâm hồn mới mẻ,“cái tôi”lãng mạn bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái trong thơ văn ông đã chinh phục độc giả mới đầu thế kỉ XX. Giữa lúc thơ phú nhà Nho tàn cuộc, Tản Đà có lối đi riêng, vừa tìm về với ngọn nguồn thơ ca dân gian và dân tộc, vừa có những sáng tạo độc đáo, tài hoa. Thơ văn ông có thể xem như một gạch nối giữa hai thời đại văn học của dân tộc: trung đại và hiện đại.*

*( Hầu trời*, Tr 12, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)

Đọc văn bản trên và trả lời câu hỏi:

1/ Nêu ý chính của văn bản? Câu văn nào trong văn bản giải thích bút danh *Tản Đà ?(1,0)*

2/ Nhà phê bình Hoài Thanh có nhận định Tản Đà là *“ người của hai thế kỉ”*. Đó là hai thế kỉ nào ? *(0,5)*

3/ Xác định phép tu từ liệt kê trong đoạn văn (2). Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê đó.*(1,5)*

**PHẦN II: LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

Hãy viết 01 bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng được đề cập trong văn bản sau: *Ngày 21.9.2016, cộng đồng*[*mạng xã hội*](http://thanhnien.vn/toi-viet/uy-luc-than-thanh-cua-nut-like-hay-loi-song-benh-hoan-754983.html)*vô cùng sửng sốt với clip một nam thanh niên tẩm xăng tự thiêu rồi nhảy xuống dòng kênh Tân Hóa - TP.HCM khi đã “gom” đủ 40.000 cú click vào nút “like” trên Facebook. Ít hôm sau dư luận lại nhận thêm cú sốc từ hành động châm lửa… đốt trường của một nữ sinh lớp 8 tại Khánh Hòa cũng chỉ vì đã đủ “like” ủng hộ trên Facebook.*

*(Trích nguồn* [*http://thanhnien.vn/toi-viet/uy-luc-than-thanh-cua-nut-like-hay-loi-song-benh-hoan-754983.html*](http://thanhnien.vn/toi-viet/uy-luc-than-thanh-cua-nut-like-hay-loi-song-benh-hoan-754983.html) *(***Trương Khắc Trà 14-10-2016)**

**...............................Hết..............................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | **3.0** |
| 1 | -Văn bản trên có hai ý chính : Khái quát về tiểu sử, con người Tản Đà và đánh giá nội dung, nghệ thuật thơ văn Tản Đà.( 0,5đ)  -Câu văn giải thích bút danh *Tản Đà*là : *Quê hương ông nằm bên bờ sông Đà, gần núi Tản Viên.* Nhà thơ đã lấy tên sông, tên núi của quê hương để ghép thành bút danh. ( 0,5đ) | 1,0 |
| 2 | Hai thế kỉ đó là thế kỉ XIX và thế kỉ XX | 0,5 |
| 3 | -Phép tu từ liệt kê trong đoạn văn (2) : ( 0,5đ)  *+vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái*  *+vừa tìm về với ngọn nguồn thơ ca dân gian và dân tộc, vừa có những sáng tạo độc đáo, tài hoa.*  Hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê: làm rõ đặc điểm *cái tôi lãng mạn* và *lối đi riêng* trong sáng tác thơ văn của Tản Đà. Qua đó, người đọc thấy được trong đóng góp lớn của nhà thơ với nền văn học nước nhà.( 1,0đ) | 1,50 |
| II |  | LÀM VĂN | **7.0** |
| Viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng … |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận  Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết đoạn. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.  b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hiện tượng sống ảo của một bộ phận giới trẻ hiện nay; | 0,5 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra biện pháp khắc phục hiện tượng. | 6,00 |
| - Mở bài: Dẫn ý liên quan để nêu hiện tượng. Khẳng định đây là hiện tượng xấu cần phê phán  - Thân bài:  + Tóm lược nội dung hiện tượng:  *tẩm xăng tự thiêu rồi nhảy xuống dòng kênh; ..châm lửa… đốt trường*. Đó là những hành vi sai trái, không thể chấp nhận được.  + Tác hại của hiện tượng: để lại hậu quả xấu, khó lường; thể hiện sự trống rỗng trong tâm hồn…  + Nguyên nhân: xuất phát từ hành động bột phát và thiếu lí trí của giới trẻ; do ảnh hưởng của các trang mạng như Facebook và trào lưu share, like; do thiếu sự quan tậm, giáo dục từ gia đình, nhà trường; do bạn bè xấu lôi kéo, xúi giục, dồn ép… | *1,00*  *4,0* |
| - Kết bài: đưa ra biện pháp khắc phục phù hợp ( bản thân phải nhận thức và hành động đúng đắn, sống thật, không nghiện facebook; nhà trường, xã hội cần giáo dục kỹ năng ứng xử trên thế giới ảo, kỹ năng sử dụng mạng xã hội …) | 1,00 |
| d. Sáng tạo  Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. | 0,25 |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu  Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
|  |  | ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm |  |

**Tiết thứ: 95- 96 Ngày soạn:**

**Ngày kí :**

**NGƯỜI TRONG BAO**

**(Sê- khốp)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

-Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đọc- tóm tắt văn bản.

- Hiểu được giá trị tư tưởng của truyện ngắn Người trong bao: phê phán lối sống sống ích kỉ, hèn nhát, hủ lậu của một bộ phận trí thức Nga ở TK XIX qua hình tượng người trong bao: Bê- li- cốp.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Rèn luyện kĩ năng tóm tắt tiểu sử và phân tích nhân vật.

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

Có thái độ trân trọng tài năng của tác giả và căm ghét đấu tranh với lối sống thu mình trong bao.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Sê-khốp;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm truyện ngắn nước ngoài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về đặc trưng truyện ngắn của Sê khôp;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật truyện ngắn của Sê khôp;

- Năng lực đọc diễn cảm.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Sê-khốp*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Thế kỉ XIX là thời kì hoàng kim của văn học Nga với các tên tuổi như Puskin, Gô-gôn, Tuốc-ghê-ni-ép, Lép-tôn-xtôi, sê-khốp,..Chúng ta đã biết một nhà thơ Pusikn trong sáng, giản dị với tình yêu chân thành, cao thượng qua bài thơ : “tôi yêu em”. Hôm nay, ta sẽ làm quen với “một Puskin trong văn xuôi”. Đó là Sê-khốp với tác phẩm “Người trong bao”.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  GV cho hs đọc tiểu dẫn và hệ thống lại những ý chính về tác giả,tác phẩm.  GV giới thiệu nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Sê-khốp  ?Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  ?Truyện thiên về chủ đề nào trong những sáng tác của ông?  ***\*GV Tích hợp kiến thức Lịch sử nước Nga cuối thế kỉ XIX hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời truyện Người trong bao***  \* GV chốt lại: Sê-khốp được xem là đại biểu lớn cuối cùng của văn học hiện thực Nga nửa cuối thế kỉ XIX, nhà cách tân vĩ đại về thể loại truyện ngắn và kịch nói.  -GV: em hãy tóm tắt ngắn gọn cốt truyện ?  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **-**Gv hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận mạch văn, giọng điệu, ngôn ngữ của truyện.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** **Chân dung của Bê-li-cốp:** | 1.Tác giả:  – An-tôn Páp-lô-vích Sê-khốp (1860-1904), nhà văn Nga kiệt xuất.- Sê-khốp để lại hơn 500 truyện ngắn và truyện vừa, trong đó có nhiều tác phẩm đặc sắc: Anh béo và anh gầy, Con kì nhông, Phòng số 6…  \* Đặc điểm truyện ngắn  của Sê – khốp  Từ những cốt truyện giản dị, tác phẩm Sê-khốp đã đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, ý nghĩa nhân văn sâu xa.   2. Tác phẩm:  a. Hoàn cảnh sáng tác: Người trong bao, truyện ngắn nổi tiếng của Sê-khốp được sáng tác trong thời gian nhà văn dưỡng bệnh ở thành phố I-an-ta, trên bán đảo Crưm, biển Đen 1898.  Tác phẩm ra đời trong bầu không khí ngạt thở của nền chuyên chế Nga hoàng cuối thế kỉ XIX. Môi trường ấy đẻ ra lắm kiểu người kì dị, chẳng hạn Bê-li-cốp \_người trong bao.  b. Bố cục truyện:  -Mở truyện: cuộc trò chuyện ở gần nhà kho giữa hai người bạn: bác sĩ thú y và thầy giáo.  -Thân truyện: về cuộc đời và tính cách của Bê-li-cốp.  - Kết truyện: nhận xét của bác sĩ thú y – người nghe chuyện.  ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **1/ Chân dung của Bê-li-cốp:**  **\*Ngoại hình:**  – Gương mặt nhợt nhạt, nhỏ bé, choắt lại như mặt chồn.  – Cách ăn mặc phục sức: Đi gày cao su, cầm ô, nhất thiết phải mặt áo bành cặp kính đen trên gương mặt nhợt nhạt.  \***Vật dụng hằng ngày:** Cái ô, đồng hồ quả quýt, chiếc dao nhỏ để gọt bút chì … đều được để trong bao.  \***Ngôn ngữ:** “nhỡ lại xãy ra chuyện gì thì sao” à Nhút nhát, im lặng.  **\* Hành động, sinh hoạt của cuộc sống hằng ngày:**  – Trời rất đẹp vẫn đi giày cao su, cầm ô, mặc áo bành tô ấm cốt bông, đeo kính râm…  **\* Tính cách, suy nghĩ:**  – ý nghĩ giấu trong bao, luôn thõa mãn, hài lòng, hạnh phúc, mãn nguyện với lối sống của mình.  – Lối sống của Bê-li-cốp ảnh hưởng sâu sắc.  Khi Bêlicốp còn sống: anh chị em giáo viên trong trường nơi y làm việc, dân cư trong thành phố nơi y sống, tất cả mọi người đều sợ y, ghét y, tránh xa y. |
| **Thao tác 3:** **Về cái chết của Bê-li-cốp:**  **HS:**làm việc theo nhóm và trả lời.Vì sao Bê-li-cốp chết?  Tìm chi tiết miêu tả về Bê-li-cốp khi hắn chết?  Thái độ của mọi người trước cái chết của Bê-li-cốp như thế nào?  Câu hỏi thảo luận:  1. Lấy ví dụ về tính cách, hành vi ứng xử, suy nghĩ giống với Bê-li-cốp trong cuộc sống xung quanh ta.  2.Theo em, chúng ta phải làm gì để loại bỏ kiểu người như Bê-li-cốp ra khỏi cộng đồng?  HS: Làm việc cá nhân phân tích, nêu ý nghĩa.  - Thủ phạm gây ra cái chết cho Bê- li- cốp là tiếng cười không đúng lúc vủa Va- ren- ca: người kể chuyện đã bình “Cái tiếng cười âm vang, lảnh lót ha ha ha ấy đã chấm dứt tất cả, chấm dứt chuyện cưới xin, chấm dứt cả cuộc đời của Bê- li- cốp thoáng qua có lẽ là vô lí nhưng bởi vì tiếng cười của Va- ren- ca đã tố cáo với Bê- li- cốp rằng những người ở dưới cầu thang đã biết tất cả. Điều mà Bê- li- cốp lo ngại đã thực sự xảy ra: có thể mọi người đã nghe được câu chuyện này, nỗi lo sợ đến với hắn, hắn sợ hắn bị biến thành trò cười cho thiên hạ, sẽ có tranh châm biếm... và rồi hắn trùm chăn để “gặm nhấm” nỗi sợ hãi, sự hoảng hốt. Tiếng cười kia là mọt yếu tố đẩy nỗi sợ hãi thường trực của hắn lên đỉnh điểm và cuối cùng Bê- li- cốp chết.  - Bê- li cốp chết đó là sự tất yếu của lối sống ấy, y đã tìm cho mình một cái bao tốt nhất, bền vững nhất, nhưng y chết rồi cuộc sống vẫn tái diễn như cũ: nặng nề, mệt nhọc, vô vị, tù túng…  HS: Thảo luận nhóm 2 em, phát biểu ý kiến  GV: Bổ sung, kết luận  Từ những kiến thức về chi tiết nghệ thuật ở tiết trước HS tiếp tục tìm hiểu chi tiết cái bao trong tác phẩm.   HS: làm việc cá nhân, phân tích  - Nghĩa đen: vật dùng để bao, gói, đựng đồ vât, hàng hoá…hình túi hoặc hình hộp  - Nghĩa bóng: lối sống và tính cách của người mang nó.  - Nghĩa biểu trưng: Kiểu người trong bao, lối sống trong bao, một kiểu người, một lối sống không chỉ đã và đang tồn tại ở nước Nga cuối TK XIX mà còn có ý nghĩa phổ quát, sâu rộng đó là XH Nga, cả nước Nga thời đó, phải chăng đó là cái bao khổng lồ trói buộc tù hãm, vây bủa, ngăn chặn tự do của mọi người.   Chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm Người trong bao  là gì? Chi tiết này được lặp lại bao nhiêu lần?   GV: Qua hình tượng cái bao em hãy phát biểu chủ đề tư tưởng của truyện?  GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm chủ đề và vai trò của chủ đề đối với một tác phẩm.   Từ phần phân tích trên, có thể phát biểu chủ đề tư tưởng của truyện như thế nào? | \* Như vậy Bê-li-cốp xuất hiện gây ấn tượng mạnh mẽ về kiểu người có lối sống lập dị, khát vọng mãnh liệt thu mình vào trong bao để tránh tiếp xúc, ảnh hưởng từ cuộc sống bên ngoài.  **2.  Về cái chết của Bê-li-cốp.**  **a. Nguyên nhân:**  + Vì bị ngã đau, lại mắc bệnh nặng lại không chịu chữa.  + Vì bị sốc nặng trước thái độ và hành động của chị em Va-ren-ca.  + Sâu xa hơn, đó là cái chết tất yếu.Tạng người và cách sống của y, trước sau gì cũng bị hoặc tự tiêu diệt.  – Thái độ của hắn khi đi vào cõi chết : vẻ mặt hiền lành, dễ chịu, tươi tỉnh à  mãn nguyện  –  Hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào trong cái bao mà từ đó không bao giờ phải thoát ra nữa…hắn đã đạt được mục đích của cuộc.  **b. Khi Bê- li -cốp chết**  + Khi y chết, mọi người thấy nhẹ nhàng, thoải mái.  + Một tuần sau người ta thấy xuất hiện nhiều người như hắn. Cuộc sống chẳng tốt đẹp gì hơn trước.  → Bê- li-cốp không phải là một con người cụ thể, một trường hợp duy nhất mà đã trở thành nhân vật điển hình trong xã hội. Lối sống, kiểu người Bê-li-cốp đã đầu độc không khí trong sạch, lành mạnh của đạo đức, văn hoá nước Nga đương thời.  **3. Hình ảnh biểu tượng cái bao.**  **a. Khái niệm và vai trò của chi tiết nghệ thuật.**  +  Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời…của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư,  trăn trở của nhà văn trước cuộc đời.  - Nhà văn chỉ thực sự là “người thư kí trung thành của thời đại” (H.Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ.  + Trong tác phẩm văn chương, chi tiết có thể nhỏ về quy mô, tầm vóc nhưng nó chứa đựng tư tưởng lớn, tình cảm lớn. Không nhà văn vĩ đại nào không tập trung xây dựng hình tượng nghệ thuật từ những chi tiết nhỏ, đặc sắc.  **b. Chi tiết cái bao trong tác phẩm.**  – Chi tiết cái bao được miêu tả 12 lần. Hình ảnh cái bao là một trong những sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả, gợi cho người đọc nhiều ý nghĩ:  + Nghĩa đen: Vật dụng để bao, gói đồ vật , hàng hóa..  + Nghĩa bóng: Cuộc đời và số phận của Bê-li-cốp  + Nghĩa biểu tượng: kiểu người, lối sống trong bao đã và đang tồn tại ở nước Nga. Nước Nga thời ấy phải chăng cũng là một cái bao khổng lồ vây hãm, ngăn chặn tự do..?  \* Ảnh hưởng từ lối sống của Bê-li-cốp:  ⇒ Bê- li- cốp là một nhân vật độc đáo, sản phẩm sáng tạo NT của thiên tài Sê khốp.  **4. Chủ đề tư tưởng của truyện.**  **–**Khái niệm chủ đề và vai trò của chủ đề.  **+**Chủ đề là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống.   + Chủ đề là nơi nhà văn kí thác tâm tư, tình cảm của mình giúp người đọc dễ dàng tiếp thu tác phẩm.   – Chủ đề của tác phẩm là lên án, phê phán mạnh mẽ kiểu người trong bao, lối sống trong bao và tác hại của nó đối với XH. Đây là chủ đề lớn xuyên suốt những sáng tác của Sê – Khốp giai đoạn sau những năm 80. Tác giả có hẳn một bộ ba tác phẩm viết về chủ đề phê phán lối sống phê phán thói tầm thường dung tục, cuộc sống tiểu tư sản ngột ngạt  và ngưng đọng với ảnh hưởng độc hại của nó: Người trong bao, Khóm phúc bồn tử, câu chuyện tình yêu.  – Cảnh báo, kêu gọi mọi người thay đổi cuộc sống, cách sống, không thể mãi sống hèn nhát, vô vị tự mãn như thế mãi.  **–**Bài học: trong cuộc sống cần phải tự tin, bản lĩnh, sống chan hoà với mọi người. |
| GV: Bổ sung, kết luận.  Hãy nêu đặc sắc nghệ thuật của văn bản ?  Rút ra ý nghĩa văn bản ? | **III. Tổng kết**  **1. Đặc sắc nghệ thuật.**  – Ngôi kể thứ 3: khách quan, truyện lồng trong truyện.  – Giọng kể : Mỉa mai, châm biếm mà bình thản.  – Xây dựng nhân vật điển hình  – Xây dựng biểu tượng: cái bao  – Kết thúc truyện có lời bình luận và làm nổi rõ chủ đề cuả truyện  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Thể hiện cuộc đấu tranh giữa con người với cái “bao”chuyên chế và khát vọng sống là mình, loại bỏ lối sống “trong bao", thức tỉnh “con người không thể sống mãi như thế này được”. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Một tháng sau, Bê-li-cốp chết. Bấy giờ, khi nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh nữa, cứ hệt như hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào trong cái bao mà từ đó không bao giờ phải thoát ra nữa. Phải rồi, thế là hắn đã đạt được mục đích của đời! […]*  *Từ nghĩa địa trở về, lòng chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước. Trên thực tế, Bê-li-cốp đã chầu âm phủ nhưng hiện còn bao nhiêu người trong bao, trong tương lai cũng sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa!*  ( Trích *Người trong bao*, Sê-khốp )  ***Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu sau:***  1) Nêu nội dung chính của văn bản? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?  2) Chi tiết Bê-li-cốp *nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh* nữa có ý nghĩa gì? Hãy xác định giọng văn của tác giả qua chi tiết đó.  3) Xác định biệp pháp tu từ cú pháp trong câu văn *Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước.*  Nêu ý nghĩa nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Trả lời:  1) Nội dung chính của văn bản:  - Diễn tả cái chết mãn nguyện của nhân vật *Người trong bao Bê-li-cốp*;  - Nhà văn cảnh báo sức ảnh hưởng của cái chết đó đối với nước Nga đương thời.  2) Chi tiết Bê-li-cốp *nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh* nữa có ý nghĩa cái chết chính là sự giải thoát và hạnh phúc của Bê –li-cốp. Bởi vì, y được nằm trong cái bao tốt nhất, bền vững nhất, mà từ lâu đó vẫn là mong muốn thành thực nhất của y.  Giọng văn của tác giả : mỉa mai, châm biếm mà trầm tĩnh, chậm buồn.  3) Biệp pháp tu từ liệt kê : *nặng nề, mệt nhọc, vô vị, chẳng bị chỉ thị nào cấm ,chẳng được tự do hoàn toàn,chẳng tốt đẹp gì hơn trước*  **- Hiệu quả:** Bằng phép liệt kê, nhà văn khái quát ảnh hưởng, tác động sâu rộng, dai dẳng, nặng nề của kiểu người Bê-li-cốp, lối sống trong bao đã ám ảnh, đầu độc bầu không khí trong sạch, lành mạnh của đạo đức, văn hoá và tiến bộ nước Nga đương thời. Qua đó, nhà văn Sê-khốp nhấn mạnh rằng Bê-li-cốp chính là điển hình cho một kiểu người, một hiện tượng xã hội đáng báo động trong tầng lớp trí thức Nga cuối thế kỉ XIX. Nó chỉ chấm dứt khi có một cuộc cách mạng xã hội thay đổi tận gốc rễ quan niệm sống, nếu không thì cũng giống như cái xác Bê-li-cốp nằm trong quan tài kia thôi. Mặc dù Bê-li-cốp chết nhưng lối sống “trong bao” của anh ta vẫn tồn tại. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ:  ***Cuối tác phẩm “Người trong bao” (A.P.Sê khốp), nhân vật bác sĩ Ivan nứt nói câu: “không thể sống mãi như thế được”. Câu nói ấy có ý nghĩa gì? Hãy viết một bài văn nghị luận bàn về hiện tượng sống đó?***  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Mở bài:  – Giới thiệu về truyện ngắn “Người trong bao”, giới thiệu câu nói của bác sĩ :“không thể sống mãi như thế được”.  – Dẫn dắt vào vấn đề nghị luận: lối sống trong bao của Bê Li Cốp  Thân bài:  1.Phân tích ngắn gọn nhân vật Bê li cốp và lối sống trong bao: hèn nhát, cô độc, máy móc, giáo điều, thu mình trong “bao”, tách biệt với thế giới bên ngoài.  2.Phân tích ý nghĩa câu nói của bác sĩ “không thể sống mãi như thế được”:  -Phê phán mạnh mẽ kiểu “người trong bao”, “lối sống trong bao” cùng tác hại của nó đối với hiện tại và tương lai nước Nga.  -Cảnh báo và kêu gọi mọi người cần phải thay đổi cách sống, không thể sống tầm thường, hèn nhát, ích kỉ, vô vị và hủ lậu mãi như thế.  3.Bàn về hiện tượng  +Bàn về nguyên nhân dẫn tới lối sống đó:  -Khách quan: do chế độ xã hội  -Chủ quan: Do tính cách, quan điểm sống của mỗi người  +Bàn về tác hại của lối sống  +Phê phán những biểu hiện của lối sống trong xã hội ngày nay.  +Bàn về phương pháp khắc phục, sửa đổi bản thân để tự hoàn thiện mình…  Kết bài : bài học về nhận thức và hành động |

**🕮 5 TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Vẽ lại chân dung nhân vật người trong bao**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Thể hiện trí tưởng tượng phong phú để vẽ tranh biếm hoạ.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 97:TIỂU SỬ TÓM TẮT-LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

Hiểu được mục đích yêu cầu của tiểu sử tóm tắt

**II. VỀ KĨ NĂNG**

Viết được tiểu sử tóm tắt

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

-Bồi dưỡng ý thức thận trọng, chân thực khi viết tiểu sử tóm tắt.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tiểu sử của tác giả văn học;

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến tiểu sử tóm tắt;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả văn học;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về tiểu sử tác giả, sự nghiệp sáng tác…

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn thuyết minh về tác giả văn học với dạng bài Tiểu sử tóm tắt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( tiếp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **: LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT:**  **Thao tác 1**: **Hướng dẫn phân nhóm học sinh và giao đề tài**  - Giáo viên yêu cầu lớp chia làm 6 nhóm.  - Mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng  - Mỗi nhóm được giao một đề tài nhất định.  **Thao tác 2:** **Hướng dẫn học sinh những yêu cầu cần thiết khi viết tiểu sử tóm tắt**  - Gv hướng dẫn học sinh thảo luận về yêu cầu khi viết tiểu sử tóm tắt của nhóm mình:  - Gv dẫn dắt: Khi tiến hành viết tiểu sử tóm tắt,các em chú ý đến mục đích, yêu cầu , kết cấu của bài tiểu sử tóm tắt mà chúng ta vừa học ở tiết trước.  **Thao tác 3:** **Hướng dẫn Hs tiến hành viết tiểu sử tóm tắt và trao đổi ý kiến**  - Gv: Các em vừa nghe cô phổ biến lại những yêu cầu khi viết tiểu sử tóm tắt. bây giờ lớp mình sẽ tiến hành trao đổi trong nhóm và viết tiểu sử tóm tắt.  **Thao tác 4:**  **Hướng dẫn học sinh tiến hành thảo luận và trình bày bài viết**  - Gv yêu cầu nhóm trưởng các nhóm lên trình bày bản tiểu sử tóm tắt nhóm mình vừa viết.  - Sau khi nhận xét, đánh giá, giáo viên đưa ra ngữ liệu về kết cấu bài tiểu sử của ba đề tài trên để học sinh tham khảo.  Ổn định tổ chức của nhóm mình.  - Nhận đề tài cho bản tiểu sử tóm tắt của nhóm mình.  Hsinh ghi nhớ những yêu cầu và gợi ý giáo viên hướng dẫn.  HS cho Vd:  Mục đích của tiểu sử tóm tắt giới thiệu đoàn viên ưu tú nhằm cho người đọc trong Hội Liên hiệp Thanh niên thành phố Hà Nội thấy rằng người được giới thiệu là một thanh niên ưu tú, rất xứng đáng được tham gia vào tổ chức này.  HS cho Vd: Đề tài của tổ 1 thì nên dành một phần để nói về hoạt động của bạn đoàn viên trong lĩnh vực đoàn thể, trong phong trào thanh niên.  Hs tiến hành trao đổi và viết tiểu sử tóm tắt, đảm bảo giữ gìn trật tự lớp.  Mỗi nhóm cử nhóm trưởng của mình lên trình bày phần chuẩn bị.  Các học sinh còn lại chú ý lắng nghe và bổ sung, sửa chữa. | **III. LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT:**  **1.Phân nhóm và giao đề tài**  - Phân 6 nhóm đồng đều.  - Bên cạnh đề tài trong sách giáo khoa thì cần lựa chọn các đề tài gần gũi thiết thực trong đời sống. Có thể đưa ra các đề tài chính như sau:  + Tổ 1, tổ 2: Chi đoàn anh chị sẽ giới thiệu một đoàn viên ứng cử vào Ban chấp hành Hội liên hiệp Thanh niên của tỉnh thành phố. Anh chị hãy viết về tiểu sử tóm tắt của đoàn viên đó.  + Tổ 3, tổ 4: Viết tiểu sử tóm tắt về một nhà thơ,nhà văn  + Tổ 5, tổ 6: Viết tiểu sử tóm tắt về bản thân mình trong hồ sơ trúng tuyển đại học.  2. **Xác định những yêu cầu của tiểu sử tóm tắt**  - Mục đích, yêu cầu của văn bản tiểu sử tóm tắt: để làm gì, nội dung cần đạt được.  - Chọn người sẽ giới thiệu và tìm hiểu để có những thông tin cần thiết, những tài liệu đã chuẩn bị.  - Xác định nội dung, kết cấu trình bày trong bản tiểu sử của người sẽ giới thiệu: gồm những phần nào,mức độ giới thiệu ra sao cho phù hợp với mục đích của bài tiểu sử tóm tắt.  - Văn phong: cô đọng, trong sáng, khách quan.  3. **Tiến hành viết tiểu sử**  - Đảm bảo không quá mất trật tự khi trao đổi ý kiến trong nhóm.  - Viết ngắn gọn đầy đủ trong thời gian cho phép.  **Trình bày bài tiểu sử tóm tắt**  - Các bài trình bày cần rõ ràng, người trình bày tự tin, đảm bảo những yêu cầu về nội dung, kết cấu như sau:  a, Đề tài giới thiệu đoàn viên ưu tú  - Họ và tên…  -Giới tính…  - Bí danh…  - Ngày tháng năm sinh….  - Quê quán…  - Gia đình…  - Dân tộc…  - Tôn giáo…  - Tư tưởng, lập trường, đạo đức, tác phong.  - Năng lực đặc biệt.  -Thành tích  b. Đề tài tiểu sử bản thân  - Họ và tên….giới tính… Bí danh…  - Ngày tháng năm sinh…  - Quê quán…  - Gia đình…  - Dân tộc…  - Tôn giáo…  - Sở trường…  - Tính tình…  - Ước mơ…  - Quá trình học tập  - Khen thưởng  - Kỉ luật  c, Đề tài tiểu sử nhà văn, nhà thơ  - Họ tên, tên hiệu, tên chữ…  - Năm sinh (mất)  -Gia đình  - Quê quán  - Cuộc đời  - Các tác phẩm chính  - Nội dung sáng tác  - Đánh giá |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( phút)**

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết tiểu sử tóm tắt về Nam Cao.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ***Trả lời:***  - Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri, sinh năm 1915 quê ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà huyện Nam Sang, tỉnh Hà Nam trong một gia đình nông dân có pha buồn bán nhỏ  - Học hết THPT, Nam Cao theo một người họ vào Nam kiếm sống. Do sức khoẻ, Nam Cao lại ra Bắc sống bằng nghề dạy học tư và viết văn. Năm 1940, Nhật vào Đông Dương, Nam Cao phải về quê dạy học. Ông tham gia cướp chính quyền ở quê hương năm 1945 và được bầu làm Chủ tịch xã lâm thời. Năm 1946, ông tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, hi sinh tháng 11/ 1951 trên đường vận động thuế nông nghiệp ở khu ba.  - Sự nghiệp văn chương ông để lại trên hai mươi truyện ngắn viết về đề tài nông dân, một cuốn tiểu thuyết *Sống mòn* viết về đội ngũ trí thức tiểu tư sản. Nhật ký *Ở rừng* và *Đôi mắt* là những tác phẩm viết trong kháng chiến chống Pháp.  - Trong tác phẩm của mình, Nam Cao quan tâm tới số phận bất hạnh của con người ở nhiều cảnh ngộ khác nhau. Nhà văn luôn luôn tâm niệm “Sống rồi hãy viết” và có những khi “làm những việt không nghệ thuật để có một nghệ thuật cao hơn”. Nam Cao xứng đáng là ngọn cờ đầu của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Ông được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Viết tiểu sử tóm tắt nhà văn Ngô Tất Tố**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Tham khảo  *Ngô Tất Tố (1893 - 1954) quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội); xuất thân là một nhà nho gốc nông dân. Ong là một học giả có nhiều công trình khảo cứu về triết học, văn học cổ có giá tri; một nhà báo nổi tiếng với rất nhiều bài báo mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước Cách mạng. Sau Cách mạng, nhà văn tận tuỵ trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ngô Tất Tố được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính của ông: các tiểu thuyết Tắt đèn (1939), Lều chõng (1940); các phóng sự Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940),.*  *(Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)* |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm một vài tiểu sử tóm tắt của nhà văn hoá, nhà văn, nhà thơ mà anh chị tâm đắc.**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm kiếm thông tin qua sách báo, truy cập mạng.** |

**Tiết thứ: 98-99**

**Đọc văn**

**NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN**

**(*Trích: Những người khốn khổ - V. Huy Gô)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

2/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn( khoảng 200 chữ ) bày tỏ suy nghĩ về vấn đề xã hội rút ra từ văn bản;

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích trong tiểu thuyết V.Uy Gô;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị tư tưởng mà tiểu thuyết của V.Uy Gô đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong đoạn trích;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô

- Năng lực đọc – hiểu các tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về đặc trưng tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô

;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật tiểu thuyết lãng mạn của V.Uy gô;

- Năng lực đọc diễn cảm.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *V. Huy- gô, Nước Pháp thế kỉ XIX*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem 1 đoạn video liên quan đến tiểu thuyết  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Nhắc tới nền văn học Pháp, độc giả trên thế giới luôn ngưỡng mộ về thiên tài V. Huy- gô, người đã làm nên tên tuổi và sự nghiệp của mình không chỉ do những kiệt tác, mà còn do những họat động không ngừng nghỉ vì sự tiến bộ của con người. Hơn một thế kỉ qua, người yêu văn học ở mọi nơi trên thế giới đã làm quen với bộ tiểu thuyết lãng mạn tuyệt vời “Những người khốn khổ”. Cuộc đời khốn khổ người tù khổ sai và tâm hồn cao cả, thánh thiện của nhân vật chính Găng van-Giăng khiến chúng ta vô cùng cảm phục và xúc động. Đoạn trích kể lại chiến công đầu tiên của Găng van- Găng trong cuộc quyết đấu với cường quyền và cái ác. Để hiểu rõ hơn về nội dung tác phẩm chúng ta cùng tìm hiểu đoạn trích sau.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  Trình bày vài nét về tác giả Victo Huy-gô?  Nêu vài nét về sự nghiệp sáng tác của Huy-gô?  - Học sinh đọc qua tiểu dẫn sgk. GV hướng dẫn khái quát vấn đề.  -Tóm tắt:  *Giăng Van-giăng - thợ xén cây- bị két án tù khổ sai chỉ vì lấp trộm bành mì cho 7 đứa cháu đói khát và những lần vượt ngục không thành. Sau 19 năm tù đầy Giăng Van-giăng được tha nhưng bị mọi người xua đuổi. Được giám mục Mi-ri-en cảm hoá, ông quyết tâm làm lại cuộc đời. Nhờ nghị lực, thông minh và may mắn, Giăng Văn-giăng trở thành thị trưởng Ma-đơ-len và chủ nhà máy sản xuất thuỷ tinh giàu có. Ông ra sức làm việc thiện. Để cứu một ngời nghèo bị bắt và kết án oan, Giăng van giăng quyết định tự tố cáo mình với nhà chức trách và chờ cảnh sát đến bắt mình.* | | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Victo Huy-gô (1802-1885) nhà văn thiên tài của nước Pháp, danh nhân văn hóa nhân loại, người bạn lớn của những người khốn khổ luôn hoạt động động vì sự tiến bộ của con người.  **2. Sự nghiệp:**  - Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp của thế kỷ XIX  - Những tác phẩm tiểu biểu: Nhà thờ đức bà Pari, Những người khốn khổ, Tia sáng và bống tối…  **3. Tác phẩm:**  a. Tóm tắt: (SGK)  b. Đoạn trích:  - Vị trí đoạn trích nằm ở cuối phần thứ nhất: Phăng-ti, thị trưởng Ma-đơ-len (Giăng Van-giăng) rơi vào tay Gia-ve. Phăng-tin tắt thở trước khi biết sự thật về ông thị trưởng và con gái mình. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  GV cho học sinh đọc – HS tóm tắt trích đoạn.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết:  - Cho HS xác định nhân vật nào là “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”. Lí giải?  - Những người khốn khổ là ai?, hoàn cảnh hiện tại như thế nào?  - Dựa vào tóm tắt truyện và đoạn trích, hãy cho biết hoàn cảnh và số phận của Giăng-Văn-Giăng  HS xác định nhân vật nào là “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”  HS trả lời cá nhân  THẢO LUẬN NHÓM  **- Nhóm 1 :** Nhân vật Giăng Van-giăng được miêu như thế nào đối với Phăng-tin? Qua đó cho em thấy vẻ đẹp gì ở Giăng-van-giăng?  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  Đối với Phăng-tin:  - Thái độ: nhẹ nhàng, điềm tĩnh  - Hành động: Nâng đầu, đặt ngay ngắn, thắt lại dây rút cổ áo,vén tóc, vuốt mắt… → Yêu thương, trân trọng che chở, cảm thông. **- Nhóm 2:** Nhân vật Giăng Van-giăng được miêu như thế nào đối với Gia-ve?.  + Trước khi Phăng-tin chết?  + Sau khi Phăng-tin chết?  Qua đó em thấy Giăng Van-giăng hiện lên là người như thế nào?  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  Đối với Gia-ve  - Trước khi Phăng-tin chết:  Cử chỉ điềm tĩnh, ngôn ngữ nhã nhặn, không tỏ ra khiếp sợ. → Đối lập với Gia-ve.  - Sau khi Phăng-tin chết:  Mạnh mẽ, quyết liệt: + “Giật gãy giường” + “Cầm lăm lăm cái thanh giường”. + “Nhìn trừng trừng”. → Cử chỉ, thái độ của tình thương, bảo vệ tình thương → Người cầm quyền đã khôi phục lại uy quyền. - Một loạt câu hỏi → Khẳng định sự đồng cảm, tình yêu thương giữa 2 con người khốn khổ, lời hứa với người đã khuất. - Lời bình: “Chết tức là đi vào bầu ánh sáng vĩ đại” → Giăng-van-giăng đã xoa dịu nỗi đau của Phăng-tin   Bằng nghệ thuật đối lập, lý tưởng hóa hình tượng Giăng Van-giăng mang vẻ đẹp tuyệt đối là hiện thân của con người giàu đức hi sinh và lòng nhân ái, đấng cứu thế luôn che chở, bảo vệ, đem lại niềm tin, hi vọng cho những người nghèo khổ. Đây cũng là lòng yêu thương của Huy-gô. Chính tình yêu con người đã chiến thắng và ngự trị thế gian này. Quyền lực lớn nhất là quyền lực của trái tim.  **- Nhóm 3, 4:** Tìm những chi tiết để thấy Giăng-van-giăng được miêu tả gián tiếp + Qua thái độ của Phăng-tin? + Bà xơ Xem-pli-xơ? + Trữ tình ngoại đề?  \* **Nhóm 3,4** trình bày kết quả thảo luận:  \* Giăng Van- giăng còn được miêu tả gián tiếp: - Qua thái độ của Phăng-tin: Phó thác, cầu cứu, tin tưởng tuyệt đối. - Qua câu chuyện mà bà xơ Xem-pli-xơ thường kể lại: Giăng-van-giăng thì thầm, Phăng-tin nở nụ cười, gương mặt sáng rạng rỡ… → Hình ảnh của một vị cứu tinh, một đấng cứu thế đối với con người khốn khổ  Qua đó em có nhận xét gì về Giăng Van-giăng?  Em có nhận xét gì về diện mạo, ngôn ngữ, hành động và diễn biếtn thái độ của Gia – Ve?  HS trả lời cá nhân | | **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Những người khốn khổ:**  - Họ là nạn nhân của cường quyền và áp bức (một người đang bị bắt, một người bị ốm sắp chết mong được gặp con)  - Họ là những người khốn khổ, cùng cưu mang giúp đỡ nhau trong tình thương yêu đồng loại.  **2. Nhân vật Giăng Van Giăng:**  a. Hoàn cảnh - số phận:  - Vì nghèo đối nên lấy cắp bánh mì nuôi cháu, bị phạt tù khổ sai 19 năm.  - Ra tù trở thành người tốt, được làm thị trưởng luôn giúp đỡ mọi người.  - Gia-Ve ganh ghét tố giác bị vào tù .  - Ra tù tiếp tục giúp` đỡ mọi người, cuối cùng chết trong cảnh cô đơn.  => Giăng-Van-Giăng là con người của tình thương, của sự nghèo khổ và kém may mắn.  b. Tính cách - phẩm chất:  \* Con người của tình thương:  - Quyết định ra đầu thú để cứu nạn nhân bị Gia-Ve bắt oan.  - Đối với Phăng-Tin:  + Đều quan tâm nhất lúc này là bệnh tình và tìm được đứa con gái cho Phăng-Tin  + Nói với Gia-Ve giọng nhún nhường nnhẹ nhàng xin hoản lai 3 ngày để tìm con cho Phăng Tin.  🡪 Con người đầy tình thương và trách nhiệm.  + Khi Phăng-tin chết 🡪 Giăng-Van-Giang như chết lặng đi, một nỗi đau xót khôn tả, sửa sang lại tóc, vuốt mắt cho chị, đặt lên tay chị một nụ hôn, thì thằm với chị những lời cứu cánh.  => Những hành động và việc làm cao cả đầy tình nghĩa lòng nhân ái sống hết mình cho tình thương đồng thời thể hiện giá trị thẩm mỹ giàu chất nhân văn trong một con người nghèo khổ.  \* Con người kiên cường dũng cảm chống lại cường quyền áp bức:  - Lúc đầu: Điềm tĩnh đoán nhận sự thật, từ tốn, nhún nhường, nhỏ nhẹ, cầu xin Gia-Ve hoãn lại 3 ngày.  - Về sau: Người cầm quyền khôi phục uy quyền.  + Giọng điệu: Lạnh lùng đầy thách thức.  + Hành động: Cầm thanh sắt như bất chấp, căm thù, dũng cảm.  **3. Nhân vật Gia-ve:**  - Là một thanh tra, cảnh sát  ***-*** *Diện mạo:*  + Cập mắt như cái móc sắt  + Bộ mặt góm giếc  + Cái cười ghê tỏm nhe tất cả hai hàm răng.  => Hiện lên một con người ác thú.  *- Ngôn ngữ:* Thô lỗ tục tằn, vô văn hoá.  *- Hành động:*  + Đối với Giăng-Van-Giăng: giậm chân phát khùng và hét lớn.  + Đối với P.Tin: độc ác vô cảm trước nỗi đau của đồng loại.  **4**. **Yếu tố nghệ thuật lãng mạn:**  - Cái chết bi thảm đầy thương tâm nhưng không gợi sự bi luỵ.  - Gương mặt sáng rỡ, nụ cười trên môi 🡪 Khẳng định sức mạnh của tình thương yêu con người có thể đẩy lùi cường quyền và áp bức, nhen nhóm niềm tin ở tương lai.  - Cái chết thật bi thảm nhưng chị đi vào cõi chết thật đẹp đẽ. |
| **Thao tác 3:** Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu **thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản?** | **III.Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Khắc họa tính cách nhân vật và đối lập nhân vật(Gia-ve > < Giăng Van-giăng).  - Xung đột giàu kịch tính.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  - Uy quyền mà người cầm quyền khôi phục chỉ là cái tạm thời, “*Trên đời chỉ có một điều ấy thôi, đó là thương yêu nhau*” mới là vĩnh viễn. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1. Vích-to Huy-gô là :  a.Thiên tài văn học của nước Pháp thế kỉ XIX.  b.Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch vĩ đại của nưđc Anh thế kỉ XIX.  c.Đại văn hào của nước Anh thế kỉ XIX.  d.Thiên tài văn học của nước Đức thế kỉ XIX.  2. Ai là nhân vật chính của bộ tiểu thuyết “Những người khốn khổ” ?  a. Giăng Van-giăng  b. Mi-ri-en  c. Phăng-tin  d.Ga-vơ-rốt  3. Trong đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”, dụng ý của nhà văn khi xây dựng nhân vật Gia-ve là gì ?  a. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một ông thanh tra mật thám mẫn cán, tận  tụy với công việc.  b. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một công cụ vô ý thức của nhà cầm quyền.  c. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một con thú dữ.  d. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một con người có ý chí sắt đá.  4. Chi tiết nào miêu tả Gia-ve như một con thú dữ đang thôi miên con mồi ?  a. Trong cái điệu hắn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rớ và điên cuồng. [...]  Không còn là tiếng người nói mà là tiếng thú gầm.  b. Hắn đứng lì một chỗ mà nói; hắn phóng vào Giăng Van-giăng cặp mắt  nhìn như cái móc sắt.  c. Gia-ve tiến vào giữa phòng và hét lên.  d. Gia-ve đã túm lấy cổ áo Giăng Van-giăng. Gia-ve phá lên cười, cái cười  ghê tởm phô ra tất cả hai hàm răng.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **1a,2a,3c,4b** |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Ông nói gì với chị? Người đàn ông bị ruồng bỏ ấy có thể nói gì với người đàn bà đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? Chẳng ai trên thế gian này nghe được. Kẻ đã chết có nghe thấy không? Có những ảo tưởng cảm động có thể là những sự thực cao cả. Điều mà chẳng ai nghi ngờ là bà xơ Xem-pli-xơ, người độc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Van-giăng thì thầm bên tai Phăng-tin bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đôi môi nhợt nhạt và trong đôi mắt xa xăm, đầy ngỡ ngàng của chị khi đi vào cõi chết*..  (*Trích* Người cầm quyền khôi phục uy quyền, Ngữ văn 11,tập 2, NXB Giáo dục, 2007, tr.79).  ***Đọc văn bản trên và thực hiện những yêu cầu sau từ câu 1 đến câu 4:***  1/ Đoạn văn từ câu *"Ông nói gì với chị...có thể là những sự thực cao cả" là lời của ai?*Thuật ngữ văn học dùng để chỉ tên loại ngôn ngữ này là gì?  2/ Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì là chủ yếu ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp nghệ thuật đó ?  3/ Xác định từ láy khi kể về nhân vật *Giăng Van-giăng* trong đoạn văn. Từ láy đó nói lên điều gì về con người của nhân vật *Giăng Van-giăng ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Trả lời:  1/ Đoạn văn từ câu *"Ông nói gì với chị...có thể là những sự thực cao cả"* là lời củatác giả Huy-gô. Thuật ngữ văn học dùng để chỉ tên loại ngôn ngữ này là trữ tình ngoại đề.  2/ Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật câu hỏi tu từ là chủ yếu.  Hiệu quả:  + Khẳng định niềm tin vào sức mạnh của cái thiện.  + Như một niềm trân trọng, an ủi của tác giả.  + Thể hiện tư tưởng, quan điểm của nhà văn : trong bất kỳ khó khăn và tuyệt vọng nào, con người chân chính bằng ánh sáng tình thương có thể đánh đuổi được cường quyền và nhen nhóm niềm tin vào tương lai.  3**/** Từ láy khi kể về nhân vật *Giăng Van-giăng* trong đoạn văn: *thì thầm.* Ý nghĩa của từ láy này: đây là từ láy tả âm thanh gợi không gian lặng lẽ khi nói với người đã chết của *Giăng Van-giăng* . Qua đó, ta thấy Giăng Van-giăng lại là một người đàn ông sống có trách nhiệm và luôn thường trực một tình thương cao cả đối với những người nghèo khổ. Với một tâm hồn cao thượng như vậy, Giăng Van-giăng luôn cận kề bên cạnh bao cảnh sống cơ hàn. Lẽ sống của ông dã che chở và nâng đỡ bao cảnh đời tủi nhục. Đối với Giăng Van-giăng, tình người, tình đời thật lớn lao. Ông chính là đại diện của lẽ sống vì tình thương. |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Tìm đọc toàn bộ tiểu thuyết Những người khốn khổ và một số bài thơ lãng mạn của Huy go**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm qua sách tham khảo** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 10-101:**

**MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC: KỊCH, NGHỊ LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nêu được khái niệm về kịch, nghị luận

2/ Thông hiểu: Hiểu được một số thể loại văn học kịch, nghị luận;

3/Vận dụng thấp: Cảm nhận được văn bản kịch, nghị luận căn cứ vào những hiểu biết về đặc điểm thể loại.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về kịch, nghị luận để viết bài văn nghị luận văn học theo đặc trưng thể loại;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về lí luận văn học;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một vấn đề mang tính chất lí luận văn học;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản lí luận văn học;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về lí luận văn học;

3/Hình thành nhân cách: có tình yêu văn học, hiểu biết về đặc trưng thể loại;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thể loại kịch, nghị luận;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại kịch, nghị luận;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thể loại kịch, nghị luận;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về về thể loại kịch, nghị luận;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm sự khác nhau giữa thể loại kịch, nghị luận;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Kể tên tác phẩm kịch, văn nghị luận đã học ở chương trình Ngữ Văn 11?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Mỗi tác phẩm văn học bao giờ cũng được xếp vào một thể loại nhất định. Tìm hiểu thể loại sẽ giúp ta hiểu rõ hơn đặc điểm hình thức tổ chức của tác phẩm. Ở HKI, chúng ta đã tìm hiểu Truyện và Thơ.Hôm nay, chúng ta hãy tìm hiểu hai thể loại nữa, đó là Kịch và nghị luận;* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :Khái niệm**:  GV hỏi:  -Nội dung kịch bắt nguồn từ đâu?  -Sự thât cuộc sống - con người trong kịch có gì đặc biệt?  -Hành động kịch có đặc điểm gì? Ví dụ.  -Nhân vât kịch có đặc điểm gì? Ví dụ.  -Ngôn ngữ kịch có mấy loại? Ví dụ.  -Nhìn chung, ngôn ngữ kịch phải đảm bảo những yêu cầu gì? Ví dụ.  -Những từ, câu, đoạn in chữ nghiêng, hoặc trong dấu (...) nhằm mục đích gì?  **GV bổ sung:** Xung đột bên ngoài, giữa nhân vật này với nhân vật khác, giữa nhân vật với gia đình, dòng họ, xã hội, thời đại...(dẫn chứng Rô-mê-ô và Giu-li-ét). Xung đột bên trong - xung đột nội tâm trong tâm trạng, tâm lí, tình cảm, cảm xúc của nhân vật (dẫn chứng: tâm trạng Vũ Như Tô…).  HS lần lượt theo SGK để trả lời và phân tích ví dụ trong các đoạn kịch đã học.  **- Kịch có các đặc trưng**  + Chọn những xung đột trong đời sống làm đối tượng miêu tả.  + Những vấn đề thuộc bản chất cuộc sống được dồn nén quy tụ.  + Xung đột kịch được cụ thể hoá bằng hành động kịch. Đó là tổ chức cốt truyện, nhân vật, tình tiết, biến cố. Nhân vật chính bộc lộ tính cách.  + Những nhân vật được xây dựng bằng ngôn ngữ.  Có 3 loại ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại, đàm thoại.  + Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và khẩu ngữ cao.  **GV bổ sung:** bi kịch: xung đột giữa cái mới - cũ, cao cả - thấp hèn; kết thúc cái mới, cái đẹp, cao cả tạm thời thất bại, kết thúc bi thảm (ví dụ: Hăm-lét); hài kịch: dùng tiếng cười hài hước châm biếm để xây dựng và kết thúc xung đột (ví dụ: Trưởng giả học làm sang; Nghêu, Sò, Ôc, Hến); chính kịch: phản ánh xung đột trong cuộc sống hằng ngày buồn vui lẫn lộn; ví dụ: Tôi và chúng ta; kịch lịch sử: lấy đề tài và xung đột trong lịch sử (ví dụ: Bắc Sơn).  GV hỏi:  Ngôn ngữ trong kịch có những loại nào và có gì khác biêt ngôn ngữ trong truyên, thơ?  **\* Thao tác 2 :Yêu cầu về đọc kịch bản văn học**  - Nêu những yêu cầu cơ bản khi đọc kịch bản văn học? | | **I/Kịch:**  **1. Khái niệm**:  **a/Khái niệm: (SGK)**  **b/Đặc trưng của nghệ thuật kịch**:  -Xung đột và cách giải quyết xung đột kịch:  +Đối tượng mô tả của kịch là những xung đột trong đời sống; ở đó, những vấn đề thuộc bản chất của hiện thực được dồn nén, quy tụ , nổi bật  +Xung đột kịch được giải quyết , cụ thể hoá bằng hành động kịch 🡪được thực hiện bởi các nhân vật kịch.  - Nhân vật kịch bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình qua ngôn ngữ kịch (lời thoại).Có 3 loại : đối thoại; độc thoại và bàng thoại .  -Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và tính khẩu ngữ cao.  **c/.Phân loại:**  - Xét theo nội dung và ý nghĩa của xung đột 🡪 : bi kịch, hài kịch, chính kịch.  -Xét theo hình thức ngôn ngữ:🡪kịch thơ, kịch nói, ca kịch.  **2.Yêu cầu về đọc kịch bản văn học: 4 bước**  - Đọc kĩ lời giới thiệu, tiểu dẫn🡪 hiểu tg, tp, thời đại và vị trí đoạn trích.  - Tập trung vào lời thoại 🡪xác định mối quan hệ, hiểu đặc điểm, tính cánh nhân vật  - Phân tích hành động kịch🡪 xác định xung đột, phân tích diễn biến, kết quả các xung đột  - Từ xung đột và nhân vật🡪 xác định Chủ đề tư tưởng  + Ý nghĩa xã hội.(xung đột là cơ sở của kịch) |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **GV hỏi:**  Nghị luận là thể văn có đặc điểm chủ yếu gì?  Thế nào là vấn đề? Mục đích của văn nghị luân? Làm thế nào để đạt mục đích ấy? Các thao tác chủ yếu của văn nghị luân là gì?  **Ví dụ:** vấn đề hút thuốc lá, tham nhũng, quyền sống con người trong *Truyện Kiều, Ý nghĩa vãn chương, Tinh thần yêu nước của nhân dân ta...*  **GV hỏi:** Xưa nay, người ta đã căn cứ vào đâu để phân loại văn nghị luân và phân loại như thế nào? Ví dụ.  **Thao tác 2:**  **GV hỏi:** Ngoài các yêu cầu chung như đối với một văn bản văn học, cần chú ý những yêu cầu đặc thù, riêng biêt gì khi đọc - hiểu văn bản nghị luân?  HS nêu và diễn giải các yêu cầu chung và riêng của văn bản và văn bản nghị luân.  **Thao tác 4:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** | **II. Văn Nghị luận:**  **1. Khái lược về văn nghị luận**:  **a./ Khái niệm**: Nghị luận là thể loại văn học đặc biệt, dùng lập luận; luận điểm; luận cứ, để bàn luận về một vấn đề xã hội , chính trị hay văn học nghệ thuật.  **b./ Đặc điểm:**  - Sâu sắc về tư tưởng và tình cảm  - Suy nghĩ và trình bày mạch lạc, chặt chẽ  - Lập luận thuyết phục.  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, biểu cảm, mang tính học thuật và xã hội cao.  **c./ Phân loại:**  - Xét nội dung: Văn chính luận; Văn phê bình văn học  - Theo Trung đại: Chiếu, cáo, hịch, bình sử, điều trần...  - Hiện đại: Tuyên ngôn, kêu gọi, phê bình, tranh luận...  **2.Yêu cầu đọc văn nghị luận:**  -Tìm hiểu tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm  -Chú ý đến luận đề, luận điểm, luận cứ và lập luận của bài nghị luận.  - Phân tích nghệ thuật lập luận, nêu chứng cứ, dùng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.  - Khái quát giá trị tác phẩm về nội dung và hình thức; rút ra bài học và tác dụng của tp với cuộc sống. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |  |

**Hoàn thành bảng sau**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thời/***  ***Thể*** | ***Trung đại*** | ***Hiện đại*** |
| Nghị luận |  |  |

***Trả lời:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thời/***  ***Thể*** | ***Trung đại*** | ***Hiện đại*** |
| Nghị luận | Chiếu, biểu, cáo, hịch, bình sử, điều trần, bài luận (*Chiếu dời đô, Chiếu cầu hiền, Hịch tướng sĩ, Đại Cáo bình Ngô*). | Tuyên ngôn, lời kêu gọi, bài bình luận, xã luận trên báo, phê bình, tranh luận, bút chiến,…  (*Tuyên ngôn Độc lập là lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Đạo đức và luân lí Đông Tây, Một thời đại trong thi ca…*) |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Viết đoạn văn phân tích x**ung đột kịch ở đoạn trích *Tình yêu và thù hận* ( Sechxpia)  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Thực ra trong đoạn trích không hề có xung đột giữa tình yêu và thù hận, chỉ có tình yêu vượt lên trên thù hận mà thôi. Xung đột ở đoạn trích Tình yêu và thù hận là xung đột tâm trạng.  + Với Giu-li-ét  \* Tại sao chàng lại tên là Rô-mê-ô nhỉ?  \* Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi hoặc nếu không chàng hãy thề là yêu em đi.  \* Em không là con cháu của nhà Ca-piu-lét nữa  \* Chỉ có tên họ của chàng là thù địch của em thôi. Chàng ơi hãy mang tên họ khác đi. Cái tên ấy có nghĩa gì đâu. Bông hồng kia nếu chúng ta gọi bằng tên khác thì hương thơm vẫn ngọt ngào. Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-me-ô nữa thì mười phân chàng vẫn vẹn mười. Rô-mê-ô chàng ơi chàng hãy vứt bỏ tên họ của chàng đi. Chàng hãy đem tên họ ấy, nó đâu phải xương thịt của chàng đổi lấy cả em đây.  \* Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây.  + Với Rô-mê-ô:  \* Ca ngợi sắc đẹp của Giu-li-ét  \* Sẵn sàng đổi tên họ  \* Thể hiện sức mạnh của tình yêu |

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  + Tìm đọc thêm một số vở kịch nổi tiếng của Sechxpia, Molie, Lưu Quang Vũ…; một số bài nghị luận trong VH hiện đại. Từ đó, nêu ngắn gọn biểu hiện đặc trưng thể loại qua tác phẩm.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Truy cập ngữ liệu qua mạng, sánh tham khảo. Căn cứ vào bài học để vận dụng làm bài.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 102 – Tập làm văn**

**THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, bình luận;

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận bình luận trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận bình luận;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp thao tác lập luận bình luận

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận bình luận

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác bình luận

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác bình luận

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các bài tập trong SGK, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: tóm tắt, bình luận những thông tin liên quan để hình thành nội dung kiến thức bài học.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

1. Kiến thức :

2. Kĩ năng :

3.Thái độ :

**D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Đoạn văn sau đây bình luận vấn đề gì?  *Trong cơn khủng hoảng và bế tắc, Chí càng thấm thía hơn tội ác của kẻ đã cướp đi của mình cả bộ mặt lẫn linh hồn con người. Chí xách dao ra đi và đâm chết bá Kiến, đồng thời kết liễu cuộc đời mình. Ban đầu ai cũng nghĩ Chí cầm dao đi đến nhà thị Nở, nhưng bước chân đã đưa Chí đến nhà bá Kiến. Việc giết bá Kiến và tự sát không phải là hành động mù quáng do hơi men mang đến. Thực sự Chí đã thức tỉnh. Khi thức tỉnh, Chí biết mình không thể đập phá, chém giết như trước. Chí muốn lương thiện nhưng ai cho Chí lương thiện? Kẻ thù của Chí đâu phải chỉ là một mình bá Kiến hay bà cô thị Nở, mà là cả xã hội thối nát, tàn bạo đương thời. Đồng thời, chỉ có cái chết mới giúp Chí thoát khỏi kiếp sống của một con người - quỷ dữ. Trước đây, để tồn tại, Chí phải bán bộ mặt người và linh hồn cho quỷ dữ; đến nay, khi linh hồn đã trở về, Chí lại phải đánh đổi cả sự sống của mình. Với Chí, niềm khát khao được sống lương thiện còn cao hơn cả mạng sống.*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Bình luận về cái chết của Chi Phèo.  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong bài nghị luận xã hội hoặc NLVH, việc bình luận về những vấn đề theo yêu cầu đề ra đòi hỏi phải nắm vững kĩ năng mới thuyết phục được người đọc, người nghe. Nắm vững thao tác lập luận bình luận là để củng cố thêm sự hiểu biết về kĩ năng bình luận của người viết.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  Tìm hiểu mục đích, yêu cầu của thao tác bình luận.  GV yêu cầu HS tìm hiểu mục I trong SGK và trả lời các câu hỏi:  -Trong đời sống, chúng ta có thường gặp từ bình luận không? Thử giải thích ý nghĩa của từ bình luận trong các trường hợp ấy.  -Bình luận khác giải thích và chứng minh ở điểm nào?  -Yêu cầu để bình luận có sức thuyết phục là gì?  -Vai trò và tầm quan trọng của việc thành thạo kĩ năng bình luân.  HS trao đổi, thảo luận và trả lời:  Trong cuộc sống, chúng ta có thể gặp từ bình luận trong các trường hợp như: bình luận thời sự, bình luận thể thao, bình luận quân sự... Trong các trường hợp này, từ bình luận có nghĩa là "bàn luân, đánh giá" về các vấn đề thời sự trong nước hoặc quốc tế, về các vấn đề có liên quan đến thể thao, quân sự. | | **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN:**  **1. Mục đích:**  Đánh giá, bàn luận🡪 xác định phải trái, dở hay, đúng sai, phải có sự trao đổi ý kiến với người đối thoại.  **3. Yêu cầu:**  - Bàn luận và đánh giá với những ai biết và quan tâm về điều cần bình luận.  - Chỉ bình luận khi có ý kiến riêng về điều được nêu ra và thật lòng muốn thuyết phục mọi người nghe theo sự đánh giá bàn luận của mình. |
| GV yêu cầu HS tìm hiểu mục II trong SGK và trả lời câu hỏi: Một bài bình luân thường có mấy bước? Nội dung của mỗi bước là gì?  HS trao đổi, thảo luân và trả lời: Một bài bình luận thường có ba bước như sau:  Bước thứ nhất: Nêu vấn đề cần bình luận.  Bình luân yêu cầu phải nêu rõ được thái độ và sự đánh giá của người bình luận trước vấn đề được đưa ra bàn luận.  Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận.  Bước thứ hai: Đánh giá vấn đề cần bình luận. Có thể chọn một trong ba cách đánh giá sau:  Đứng hẳn về một phía mà mình tin là đúng để kiên quyết bác bỏ cái sai.  Kết hợp phần đúng và loại bỏ phần sai của mỗi phía để tìm ra một "tiếng nói chung" trong sự đánh giá.  Đưa ra một cách đánh giá của riêng mình.  Bước thứ ba: Bàn về vấn đề cần bình luận. Có thể chọn một trong ba cách bàn luận sau:  Bàn về thái độ, hành động, cách giải quyết cần có trước vấn đề vừa được nhận xét, đánh giá.  Bàn về những điều có thể rút ra khi liên hệ với thời đại, hoàn cảnh sống, lứa tuổi của mình và của những người đang tham gia bình luận với mình.  Bàn về những ý nghĩa xa rộng hơn, sâu sắc hơn mà vấn đề được bình luận có thể gợi ra.  Tìm hiểu cách bình luận.  GV: Người đọc không tiếp nhận hứng thú lòi bình luận về một hiện tượng một khi họ còn mơ hồ về chính hiện tương được đưa ra bình luận.  GV: Không nên cố trình bày hiện tượng đời sống cho phù hợp nhất với quan điểm của mình, người đọc cảm thấy sự bình luận không thật công bằng, vô tư.  GV: Cho HS trao đổi và lựa chọn câu trả lời phù hơp. | | **II. CÁCH BÌNH LUẬN:**  **1. Bước thứ nhất:** Nêu hiện tượng cần bình luận.  - Đảm bảo yêu cầu trung thực, khách quan, nhưng chỉ nêu ngắn gọn, rõ ràng những điều cơ bản theo yêu cầu bình luận .  **2. Bước thứ hai:** Đánh giá hiện tượng cần bình luận.  - Đề xuất chứng tỏ được ý kiến nhận định đánh giá của mình là xác đáng.  **3. Bước thứ 3:** Bàn về hiện tượng cần bình luận.  - Có những lời bàn sâu rộng về chủ đề bình luận. |
| GV hướng dẫn HS làm bài tập 1,2.  - Mục đích giải thích: Giúp người đọc hiểu được nhận định được nêu.  - Mục đích chứng minh: Giúp người ta tin rằng nhận định ấy là có căn cứ trong sự thật.- Yêu cầu giải thích: Dễ hiểu.  - Yêu cầu chứng minh: nhiều dẫn chứng phong phú đáng tin cậy.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS luyện tập:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  **Nhóm 3+4: Bài tập 2** | **Bài tập 1** - Bình luận không phải là sự -kết hợp của hai kiểu lập luận giải thích và chứng minh. Vì mục đích của bình luận là giúp người đọc, người nghe đánh giá hiện tượng được chính xác, toàn diệncông bằng và bình luận cùng họ về những ý kiến sâu rộng bằng ý sắc sảo chặt chẽ của riêng mình.  - Bình luận chỉ dành cho những người đã biết đã có những ý kiến của họ khác với ý kiến của người bình luận.  - Yêu cầu bình luận: trôi chảy, hấp dẫn, giaù nhiệt tình thuyết phục.  **Bài tập 2:** Đây là đọan bình về vấn đề tai nạn giao thông hiện nay vì:  - Người viết nêu rõ chủ kiến của mình trước vấn đề tai nạn giao thông hiện nay.  - Nội dung bình luận được triển khai:  + Phân tích đúng sai, đánh giá, tìm nguyên nhân (đoạn 1,2,3)  + Mở rộng vấn đề ( tác hại sâu xa đối với đất nước và hội nhập quốc tế) đoạn 4,5.  - Đề xuất giải pháp (đoạn 6).  Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Bài tập 3 trang 74**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Đối với con người thì việc hiểu biết và tôn trọng pháp luật chính là đạo đức. Đạo đức không thể là những lời hô hào suông, không phải là những lời nói văn vẻ tầm chương trích cú, không phải là bằng cấp cao, địa vị cao... Bởi vì có những "nhà nho suốt đời đọc sách" mà đối nhân xử thế lại "còn tệ hơn những người quê mùa chất phác". Những kẻ mù luật thì càng ở địa vị cao càng dễ phạm tội và càng gây ra nhiều nỗi oan khiên, đau khổ cho muôn dân. Vì vậy, tiêu chí hàng đầu để cất nhắc ai đó phải là tiêu chí giỏi luật, chí công vô tư. Chí công vô tư là đức trời cao cả mà con người phải suốt đời phấn đấu, rèn luyện mới có được!  Giáo dục pháp luật cho học sinh nói riêng, mọi công dân nói chung là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong hệ thống giáo dục của một xã hội văn minh bởi "trong luật cái gì cũng công bằng, hợp với đức trời". Khi con người biết sống và làm việc "hợp với đức trời" tức là khi họ đã sống hài hoà với môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, tức là khi họ đã biết tự phán xử những lỗi lầm của mình để kịp thời dừng lại, trước khi có ý nghĩ hoặc hành vi phạm tội! |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn bình luận ý sau: ***Mỗi người phải biết sống khẩn trương, mãnh liệt, tận hưởng và cống hiến trong từng khoảnh khắc thời gian hiện tại.***  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * Mỗi người phải biết sống khẩn trương, mãnh liệt, tận hưởng và cống hiến trong từng khoảnh khắc thời gian hiện tại.   + Thời gian luôn là kẻ thù của con người. Thời gian theo quan niệm của Xuân Diệu: trôi chảy vĩnh viễn, không bao giờ trở lại. Tuổi trẻ của con người cũng chỉ có một lần rồi tàn phai.  + Vì vậy mỗi người phải biết quý trọng thời gian, biết tận dụng thời gian để sống và làm việc, biết sống có ý nghĩa cho mình, cho gia đình và xã hội. Tránh lãng phí thời gian vào những việc vô bổ, ăn chơi, đắm mình trong những trò chơi vô nghĩa, sa vào những tệ nạn nghiện hút, cờ bạc, rượu chè,...  + Muốn làm được điều đó, mỗi người phải xác định cho mình mục đích, lí tưởng sống và hành động đúng đắn.  + Có sống hết mình, sống có ích, biết quý trọng thời gian, con người mới tránh khỏi sự hối hận tiếc nuối về những quãng đời đã qua. |

**🕮 5. TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Sưu tầm những đoạn văn bình luận hay. Phân tích thao tác bình luận thể hiện qua đoạn văn đó  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm qua sách báo, truy cập mạng những thông tin chính thống.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết thứ: 103**

**Đọc văn**

**VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI NƯỚC TA**

***(Trích: Đạo đức và luân lí Đông Tây của Phan Chu Trinh)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

2/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề xã hội rút ra từ văn bản.

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài văn nghị luận;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận xã hội;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại;

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản nghị luận hiện đại;

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa thời sự của bài văn nghị luận;

-Biết trân quý những giá trị văn hóa tinh thần mà bài văn nghị luận đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong văn nghị luận hiện đại Việt Nam .

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu các văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn nghị luận của Phan Chu Trinh.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận của Phan Chu Trinh với các tác tác giả khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Phan Châu Trinh*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Các em đã được học hai tác phẩm chính luận là “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em” và tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi nên đã biết văn chính luận viết nhằm mục đích gì? Có tác dụng ra sao đối với tư tưởng người đọc? Ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, các nhà hoạt động chính trị như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, ... đều ít nhiều dùng văn chính luận để tuyên truyền, phổ biến, thể hiện chủ trương, đường lối cách mạng của mình. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu một đoạn trích tiêu biểu của một tác phẩm chính luận để cảm nhận tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ của Phan Châu Trinh và hiểu sâu hơn về nghệ thuật viết văn chính luận. Trước hết chúng ta tìm hiểu vài nét về tác giả Phan Châu Trinh.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 70 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| \* Thao tác 1 :  Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  1.Tác giả:  GV đặt câu hỏi  Trình bày những hiểu biết của em về tác giả ?  HS trả lời:  - Phan Châu Trinh, tự Tự Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã.  - Quê …  - Là người nổi tiếng thông minh từ bé, có ý thức trách nhiệm đối với đất nước ngay từ tuổi thanh niên  - Chủ trương cứu nước: bất bạo động tuy không thành nhưng nhiệt huyết của ông ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào ái quốc đầu thế kỉ XX.  GV nhận xét, chốt lại ý chính.  2. Tác phẩm .  GV đặt câu hỏi:  ? Tác phẩm thuộc thể loại gì ? Những hiểu biết của em về tác phẩm trên ?  ? Vị trí đoạn trích?  ? Bố cục đoạn trích ?  HS trả lời  - Thể loại: văn chính luận  - Nội dung: bài diễn thuyết đề cao tác dụng của đạo đức, luân lí, khẳng định phải tìm nguyên nhân mất nước trong việc để mất đạo đức, luân lí truyền thống  Đoạn trích:  - Vị trí: phần 3 của bài “Đạo đức và luân lí Đông Tây”.  - Bố cục: 3 đoạn  - Đoạn 1: Khẳng định nước ta chưa có luân lí xã hội (hiện trạng)  - Đoạn 2: Sự thua kém về luân lí xã hội của ta so với phương Tây (biểu hiện)  - Đoạn 3: Chủ trương truyền bá XHCN cho người Vệt nam (giải pháp)  GV nhận xét, chốt lại ý chính | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Phan Châu Trinh (1872-1926).  - Ông là nhà yêu nước và cách mạng lớn của Việt Nam đầu thế kỉ XX, ông luôn có ý thức dùng văn chương để làm cách mạng.  - Thơ văn của Phan châu Trinh là thơ văn tuyên truyền, vận động đồng bào làm cách mạng cứu nước, cứu dân.  **2. Tác phẩm**  a. Vị trí: phần 3 của bài diễn thuyết Đạo đức và luân lí Đông Tây (5 phần) được ông diễn thuyết vào đêm 19-11-1925 tại Sài Gòn.  b. Bố cục: 3 đoạn |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **1. Đoạn 1.**  **Nhóm 1:** Luân lí xã hội là gì? Mở đầu đoạn trích tác giả khẳng định vấn đề gì ? Nhận xét cách nêu và phân tích luận điểm của tác giả ?  **GV nhận xét, bổ sung.**  **Nhóm 2:** Em hiểu câu “*một tiếng bè bạn không thể thay cho luân lí xã* *hội được”* thế nào ? Qua đó cho thấy tác giả là người như thế nào ?  GV:  *“Bình thiên hạ”:không phải là cai trị xã hội, đè nén mọi người mà góp phần làm cho xã hội no đủ, giàu có.*  **GV nhận xét và bổ sung.**  **2. Đoạn 2**  **Nhóm 3:** Tác giả so sánh hai nền luân lí xã hội của ta và phương Tây như thế nào? Nêu mục đích, dẫn chứng và tác dụng của nó ?  **GV nhận xét, bổ sung.**  **Nhóm 4:** nguyên nhân nào dân ta không biết đoàn thể, không trọng công ích ? Nhận xét về nghệ thuật lập luận trong đoạn này ?  **GV nhận xét, bổ sung.**  **3. Nêu giải pháp**  GV: Giải pháp của Phan Châu Trinh là gì ? Nhận xét về giải pháp đó ?    **GV nhận xét, chốt ý.** | | **II/ Đọc - hiểu văn bản:**  1. Đoạn 1: Nêu hiện trạng ở nước ta, khẳng định nước ta tuyệt nhiên không có luân lí xã hội. (10phút)  - Tác giả khẳng định: “Xã hội luân lí ở nước ta tuyệt nhiên không có”.  - Cách đặt vấn đề trực tiếp, trực diện, nhấn mạnh và phủ định: tuyệt nhiên không ai biết đến xã hội luân lí.  - Tác giả còn phủ nhận sự ngộ nhận, sự xuyên tạc vấn đề của không ít người:  + Quan hệ bạn bè không thể thay cho luân lí xã hội.  + Quan niệm Nho gia bị hiểu sai, hiểu lệch và mấy ai hiểu đúng bản chất của vấn đề “bình thiên hạ”  cách vào đề bôc lộ quan niệm tư tưởng của một nhà Nho uyên bác, sắc sảo và thức thời  2. Chỉ ra những biểu hiện cụ thể để làm sáng tỏ ý đã khẳng định. (10 phút)  -Hiện trạng: Không hiểu, chưa hiểu, điềm nhiên như ngủ, chẳng biết gì ( Ta) >< Rất thịnh hành và phát triển (C. Âu)  - Dẫn chứng: phải ai tai nấy, ai chết mặc ai…(Ta) >< quyền lợi riêng của cá nhân hay đoàn thể bị xâm hại thì họ tìm mọi cách lấy lại công bằng.  - Nguyên nhân: do chưa có đoàn thể, ý thức dân chủ.  - Nguyên nhân của việc dân không biết đoàn thể, không trọng công ích:  + ông cha ta đã có ý thức đoàn thể, cũng biết đến công đức.  + Lũ vua quan phản động, thối nát đã tìm cách “phá tan tành đoàn thể của quốc dân”.  - Tác giả đả kích vào bản chất phản động, thối nát của vua quan: Không quan tâm đếndân, muốn dân tối tăm để dễ dàng thống trị, vơ vét.  - Tác giả dùng những từ ngữ, hình ảnh gợi tả, lối so sánh ví von sắc bén thể hiện thái độ căm ghét cao độ đối với chế độ vua quan chuyên chế.  Tấm lòng của người có lòng yêu nước thiết tha, xót xa trước tình cảnh khốn khổ của dân, quan tâm đến vận mệnh dân tộc, căm ghét bọn quan lại xấu xa thối nát. Dưới mắt tác giả, chế độ vua quan chuyên chế thật tồi tệ, cần phải xoá bỏ triệt để.  3. Nêu giải pháp  - Muốn nước Việt Nam độc lập tự do:  + Dân Việt Nam phải có đoàn thể  + Đẩy mạnh truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhân dân giải pháp rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục. |
| **GV nhận xét, bổ sung.**  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghệ thuật** đoạn trích ?  Nêu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích ? | **III.Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  Lập luận chặt chẽ, lời văn sinh động, độc đáo: lúc từ tốn, lúc mềm mỏng; lúc kiên quyết, lúc đanh thép; lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ và ý chí quật cường của Phan Châu Trinh: dũng cảm vạch trần thực trạng đen tối của xã hội đương thời, đề cao tư tưởng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  ***Phan Châu Trinh (1872 – 1926) tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã, người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kì (nay là thôn Tây Hồ, xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh), tỉnh Quảng Nam.Ông*** *đỗ Phó bảng năm Tân Sửu ( 1901), làm quan một thời gian rồi từ quan, đi làm cách mạng. Phan Châu Trinh chủ trương cứu nước bằng cách lợi dụng thực dân Pháp, cải cách đổi mới mọi mặt ( duy tân ), làm cho dân giàu, nước mạnh, trên cơ sở đó tạo nên nền độc lập quốc gia. Tuy con đường ấy có phần ảo tưởng nhưng nhiệt huyết cứu nước của Phan Châu Trinh rất đáng khâm phục. Năm 1908, ông bị bắt và đày đi Côn Đảo. Ba năm sau, khi được trả tự do, Phan Châu Trinh sang Pháp tìm cách thúc đẩy cải cách chính trị ở Đông Dương nhưng công việc không thành. Năm 1925, ông về Sài Gòn, diễn thuyết được vài lần, sau đó ốm nặng rồi mất(...)*  *Phan Châu Trinh luôn có ý thức dùng văn chương để làm cách mạng. Những áng văn chính luận của ông đậm chất hùng biện, lập luận chặt chẽ, đanh thép; những bài thơ của ông dạt dào cảm xúc về đất nước, đồng bào ; tất cả đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước và tinh thần dân chủ.*  *Các tác phẩm chính:*Đầu Pháp chính phủ thư (1906), Tỉnh quốc hồn ca I, II (1907, 1922), Tây Hồ thi tập (1904 – 1914), Xăng-tê thi tập (1914 – 1915), Giai nhân kì ngộ diễn ca (1915),Thất điều trần (1922), Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa (1925), Đạo đức và luân lí Đông Tây (1925)...  Về luân lí xã hội ở nước ta *là một đoạn trích trong phần ba của bài* Đạo đức và luân lí Đông Tây*( gồm năm phần chính, kể cả nhập đề và kết luận), được Phan Châu Trinh diễn thuyết vào đêm 19-11-1925 tại nhà Hội Thanh niên ở Gài Gòn( nay là Thành phố Hồ Chí Minh) (...)*  *( Trích* Về luân lí xã hội ở nước ta, Tr 85, SGK Ngữ văn 11, Tập II, NXBGD 2007)  ***Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***  1/ Văn bản trên có mấy ý chính ? Đó là những ý gì ?  2/ Phương thức biểu đạt của văn bản trênlà gì ?  3/ Văn bản *Về luân lí xã hội ở nước ta* được gọi là bài diễn thuyết. Anh( chị ) hiểu thế nào là *diễn thuyết ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | *Trả lời:*  1/ Văn bản trên có hai ý chính: Khái quát về tiểu sử tác giả, sự nghiệp sáng tác của *Phan Châu Trinh* và hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ bài diễn thuyết *Về luân lí xã hội ở nước ta* .  2/ Phương thức biểu đạt của văn bản trênlà thuyết minh.  3/ *Diễn thuyết* là hình thức giao tiếp với công chúng, thường được các nhà chính trị dùng để khẳng định, phổ biến một tư tưởng, một quan niệm, một đường lối chính trị, kinh tế, văn hoá nào đó. Người diễn thuyết có sức thuyết phục, diễn giả phải nắm chắc đối tượng người nghe, xác định chủ đề của bài nói rõ ràng, lập luận khúc chiết, ngôn ngữ có thể dung dị hay bóng bẩy nhưng không quá trừu tượng, khó hiểu. Đặc biệt, tâm huyết của người diễn thuyết phải được thể hiện rõ trong giọng điệu, nhịp điệu, ngữ điệu của bài nói. Như vậy, tài hùng biện phải đi đôi với sự sâu sắc của tư tưởng và sự nồng nhiệt của cảm xúc. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*  trong cuộc sống hôm nay.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;  -Nội dung: Từ chủ trương cứu nước có phần ảo tưởng nhưng nhiệt huyết cứu nước của Phan Châu Trinh đã được nêu trong văn bản, học sinh bày tỏ suy nghĩ về về mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh của Đảng ta hôm nay. Cụ thể : Giải thích mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là gì ? Ý nghĩa của mục tiêu đó ? Tuổi trẻ phải nhận thức và hành động cụ thể như thế nào để góp phần thực hiện mục tiêu đó ? |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Tìm đọc toàn bộ văn bản**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Sưu tầm qua sách tham khảo.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 104 Đọc thêm**

**TIẾNG MẸ ĐẺ- NGUỒN GIẢI PHÓNG CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC**

***(Nguyễn An Ninh)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

2/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề xã hội rút ra từ văn bản.

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài văn nghị luận;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận xã hội;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại;

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản nghị luận hiện đại;

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa thời sự của bài văn nghị luận;

-Biết trân quý những giá trị văn hóa tinh thần mà bài văn nghị luận đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong văn nghị luận hiện đại Việt Nam .

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu các văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn nghị luận của Nguyễn An Ninh.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận của Nguyễn An Ninh với các tác tác giả khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn An Ninh*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Các em thân mến, tiếng Việt luôn luôn là niềm tự hào của người Việt. Trải qua bao bể dâu, tiếng Việt ngày càng phong phú và giầu có. Đề cao vai trò của tiếng Việt, nhà văn, nhà báo, nhà yêu nước tiến bộ Nguyễn An Ninh đẫ viết một áng văn chính luận đặc sắc: “Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức”. Đây là một tư tưởng mới mẻ và tiến bộ của tác giả trong hoàn cảnh hiện thời.  Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn tác giả Nguyễn An Ninh và áng văn chính luận đặc sắc đó. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  Hướng dẫn HS tìm hiểu tiểu dẫn.  GV: Gọi HS đọc phần tiểu dẫn SGK.  Yêu cầu HS giới thiệu những nét chính về tác giả, tác phẩm. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  ***1. Tác giả: Nguyễn An Ninh (1899- 1943)***  - Nguyễn An Ninh là một người trí thức yêu nước tiến bộ, một [nhà văn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n), [nhà báo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_b%C3%A1o) [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hoạt động cách mạng đầu thế kỷ XX.  - Ông là người sáng lập tờ báo “Tiếng Chuông rè” và “Tranh đấu”  - Sáng tác:  + Có nhiều bài diễn thuyết sôi động  + Nhiều bài báo nổi tiếng  + Soạn vở tuồng: Hai Bà Trưng  + Dịch: “Khế ước xã hội của Ru – xô  - Văn phong khúc chiết, trong sáng có độ sâu về tư tưởng văn hóa và tràn đầy nhiệt huyết của nhà yêu nước.  ***2. Tác phẩm***:  \* Xuất xứ: Xuất hiện trên báo “Tiếng chuông rè” tháng 12/1925 với bút danh Nguyễn Tịnh.  \* Giá trị của vb:  + Tác phẩm là một trong những bài văn chính luận xuất sắc.  + Tác phẩm giàu tính luận chiến |
| **\* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  GV: Gọi một HS đọc văn bản.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Câu 1**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận: **Tác giả đã phê phán thói học đòi Tây hóa ở ngôn ngữ như thế nào?**  - Thích nói tiếng Pháp hơn là nói tiếng Việt cho mạch lạc.  - Cóp nhặt cái tầm thường của phong cách hoá châu Âu để loè đồng bào rằng mình được đào tạo theo kiểu Tây phương  - Thực chất là mù văn hoá châu Âu  - Kiến trúc và trang trí nhà cửa lai căng  - Từ bỏ tiếng mẹ đẻ, cho là tiếng Việt nghèo nàn....  **Nhóm 2: Câu 2**  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận: ***Theo tác giả, tiếng nói có tầm quan trọng đặc biệt đối với vận mệnh của dân tộc:***  - Là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc  - Là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị  ***=> Lí lẽ sắc sảo, tính luận chiến cao***  **Nhóm 3: Câu 3**  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận: ***Tác giả nhận định tiếng Việt không nghèo nàn:***  - Tiếng Việt rất phong phú, ngôn từ thông dụng.  - Ngôn ngữ giàu có của Nguyễn Du  - Người Việt có thể dịch được các tác phẩm của Trung Quốc sang tiếng Việt, cũng có thể sáng tác những tác phẩm văn học hay bằng tiếng Việt  => ***Dẫn chứng chân thực, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo***  **Nhóm 4: Câu 4**  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận: ***Quan niệm của tác giả về mối quan hệ giữa ngôn ngữ nước ngoài và ngôn ngữ nước mình:***  - Đối với người trí thức chân chính phải biết ít nhất một tiếng châu Âu từ đó hiểu biết văn hoá châu Âu và phải biết tuyên truyền, phổ biến cho đồng bào mình cùng hiểu.  - Học tiếng nước ngoài để làm giàu cho tiếng Việt  => ***Một tư tưởng mới mẻ và tiến bộ của tác giả trong hoàn cảnh hiện thời***  => Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  **HS trả lời cá nhân**  Quan điểm chỉ đúng một phần. Vì nếu chỉ giỏi tiếng Viêt, để nâng cao trình độ văn hoá, khoa học mà vẫn không lật đổ được chính quyền thực dân - phong kiến cai trị, thì độc lập tự do của dân tộc vẫn chỉ là mơ ước mà thôi!  Đồng ý rằng, đó cũng là một nhiêm vụ quan trong của cách mạng Viêt Nam. Quan điểm trên phản ánh tư tưởng cải lương dân chủ tư sản của Nguyễn An Ninh.  . | **II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN:**  1/ **Câu 1:**  - Ông chống lại thói “Tây hoá” lố lăng của không ít người An Nam lúc bấy giờ làm tổn thương đến tiếng mẹ đẻ.  - Ông phê phán quan niệm sai lầm cho rằng tiếng nước mình nghèo nàn nhưng vẫn khuyến khích giới trí thức học tiếng nước ngoài.    **2/Câu 2:**  Ông đề cao sức mạnh của tiếng nói dân tộc. “Như là người bảo vệ nền độc lập của dân tộc”.    3/ **Câu 3:**  - Tác giả trực tiếp phê phán lời trách cứ này không có cơ sở nào cả d/c.  - Tác giả chỉ ra nguyên nhân: sự bất tài của con người. ( dẫn chứng)  4/ **Câu 4:** Việc biết thêm ngôn ngữ nước ngoài là sự cần thiết nhưng không kéo theo việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Việc học ngôn ngữ nước ngoài phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình  **5/Câu 5:** Trong hoàn cảnh nước nhà đang bị thực dân thống trị thì câu nói này không hoàn toàn đúng. Bởi vì nói như vậy là đặt tiếng nói lên một vị trí quá cao, tách rời khỏi nhiều yếu tố quan trọng khác trong sự kiện CM GPDT như đường lối CM, sức mạnh tự cường, vai trò lãnh đạo của Đảng CM… |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:** Luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, sử dụng ngôn ngữ chính luận sắc sảo.  ***2. Ý nghĩa văn bản:***Từ mối tương quan giữa tiếng mẹ đẻ và nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức, bài viết đã thể hiện lập trường dân tộc và yêu nước của Nguyễn An Ninh. Ngày nay, tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |  |

***Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi :***

(1)*Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?*

*(2)Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?*

*Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?*

*Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này:*

*“Điều gì người ta suy nghĩ kĩ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra”. […]*

*(3)Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu. Nhưng những kiến thức thu thập được, họ không được giữ cho riêng mình. Đồng bào của họ cũng phải được thông phần nữa. Tuy nhiên, sự cần thiết phải biết một ngôn ngữ châu Âu hoàn toàn không kéo theo chuyện từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Ngược lại, thứ tiếng nước ngoài mà mình học được phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình. […]*

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*

Theo SGK *Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)

***Câu 1.*** Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn (1).

***Câu 2.*** Thao tác lập luận chính nào được tác giả sử dụng trong đoạn ***Nhiều đồng bào chúng ta… những từ để nói ra”* *[…]***ở đoạn trích trên?

***Câu 3.*** Dựa vào đoạn trích, hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: *“Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu”*?

Trả lời:

***Câu 1.*** Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn.*

***Câu 2.*** Thao tác lập luận bác bỏ/phản bác *hoặc* thao tác bác bỏ/phản bác

***Câu 3.*** Tác giả cho rằng:*“Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu”* vì nếu như thế “chúng ta” sẽ “hiểu được châu Âu”, “*có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu*” để “*giải phóng dân tộc An Nam*”.

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Từ quan điểm, thái độ củangười viết đối với “tiếng mẹ đẻ” trong đoạn trích trên, hãy rút ra một bài học mà anh/chị cho là có ý nghĩa đối với bản thân về việc sử dụng tiếng Việt hoặc học tiếng nước ngoài. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Nêu được quan điểm, thái độ củangười viết đối với “*tiếng mẹ đẻ*” (đề cao, coi trọng tiếng mẹ đẻ; thể hiện lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phê phán những người từ bỏ tiếng mẹ đẻ với những lí do không thuyết phục; coi trọng việc học tiếng nước ngoài nhưng chỉ coi đó là cách để làm giàu cho tiếng mẹ đẻ).  Từ đó, rút ra một bài học có ý nghĩa đối với bản thân về việc sử dụng tiếng Việt hoặc học tiếng nước ngoài.Câu trả lời phải chặt chẽ, có liên quan đến nội dung của văn bản, có tính thuyết phục cao. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ:  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Sưu tầm một số bài viết, bài thơ viết về vai trò của tiếng Việt. So sáng với quan điểm của Nguyễn An Ninh về tiếng Việt  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | + Vẽ đúng bản đồ tư duy  + Bài viết của Phạm Văn Đồng ( Giữ gìn sự trong sáng của TV); bài thơ Tiếng Việt của Lưu Quang Vũ. |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 105 – Tập làm văn**

**LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, bình luận;

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận bình luận trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận bình luận;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp thao tác lập luận bình luận

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận bình luận

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác bình luận

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác bình luận

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các bài tập trong SGK, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: tóm tắt, bình luận những thông tin liên quan để hình thành nội dung kiến thức bài học.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Xác định câu văn bình luận trong đoạn văn sau:  *Khi Phăng-tin đã trút hơi thở cuối cùng mà Gia-ve vẫn điên khùng chà đạp lên tình người thiêng liêng, mất hết cả tính người, tác giả đã để cho Giăng Van-giăng chuyển biến đột ngột trong hành động : "ông cầm lăm lăm cái thanh giường trong tay và nhìn Gia-ve trừng trừng". Hành động đó làm Gia-ve phải lùi ra phía cửa, hắn thật sự “run sợ”. Đó chính là cái thiện giành lại uy quyền, sức mạnh để đẩy lùi cái ác.*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: *Đó chính là cái thiện giành lại uy quyền, sức mạnh để đẩy lùi cái ác.*  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Người viết đã bình luận ý nghĩa hành động của *Giăng Van-giăngi.* Tiết trước, chúng ta đã nắm vững lí thuyết về thao tác lập luận bình luận. Tiết này, chúng ta sẽ thực hành | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Ôn lại phần lí thuyết.  GV: Nhắc lại cách bình luận.  HS Tái hiện kiến thức và trình bày | GV nhắc lại mục đích yêu cầu của thao tác LLBL. |
| **\* Thao tác 1 :**  Giải các bài tập phần luyện tập.  GV: Đã là diễn đàn thì phải tranh luận cho vấn đề được sáng tỏ. Muốn vậy, không có kiểu bào nào tốt bằng kiểu bài nghị luận.  - Trung thực, khách quan nhưng cần gọn, rõ .  - Phân tích các quan điểm, ý kiến khác nhau🡪 đánh giá đúng sai và bảo vệ được sự đánh giá.  - Mở rộng ý nghĩa, đề xuất giải pháp…  GV: HS chọn cách làm văn, kiểu câu viết phù hợp.  HS: Tham khảo hai bài viết SGK.  GV: Mời đại diện của một vài nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình trước lớp.  HS có thể tự xung phong.  GV: Đề nghị HS nhận xét góp ý cho các bản trình bày về các mặt: nội dung, ý kiến, cách thức lập luận, ngôn ngữ, cử chỉ, tác phong.  GV: Cho HS tự chọn chủ đề và viết một đoạn văn bình luận.  HS: Trình bày trước lớp. GV nhận xét sửa chữa.  GV: Yêu cầu HS về nhà viết thêm 1 đoạn bình luận một trong các chủ đề còn lại SGK.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS Viết một luận điểm trong phần thân bài  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** | Bài tập 1:  a. Xác định những vấn đề cần thiết:  - Bài viết nên là một bài bình luận vì tham gia diễn đàn tức là phát biểu ý kiến riêng của mình. Mà ý kiến riêng thì phải có nhận xét, đánh giá đúng sai, đề xuất cách giải quyết…🡪 bàn luận về vấn đặt ra.  - Chọn vấn đề cho bài viết: chọn vấn đề mà mình tâm đắc, am hiểu nhất. Nên chọn chủ đề đang được tranh luận.  - Dàn ý của bài viết nên theo ba phần:  + Nêu vấn đề cần bình luận.  Vấn đề cần quan tâm của tuổi trẻ học đường là xây dựng phong cách văn hoá. Một trong những nội dung cần rèn luyện, cần phải tập trung “là lời ăn tiếng nói của một học sinh văn minh, thanh lịch”.  + Giải quyết vấn đề  \* Chỉ ra vấn đề cần bình luận là gì?  Rèn luyện lời ăn tiếng nói để đảm bảo lối sống văn minh, thanh lịch là yêu cầu bức xúc hiện nay.  \* Khẳng định vấn đề: đúng  \* Mở rộng vấn đề:  + Tại sao rèn luyện lời ăn tiếng nói hằng ngày để đảm bảo lối sống văn minh thanh lịch là yêu cầu bức xúc hiện nay? (thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày, yêu cầu về giao tiếp, những đòi hỏi vè văn hoá ứng xử trong thời kỳ hội nhập, phát huy bản sắc, truyền thống văn hoá của cha ông từ ngàn xưa để lại- chứng minh bằng một số dẫn chứng tiêu biểu như giúp đỡ người già yếu, tàn tật, nói lời cảm ơn, giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn…)  + Làm thế nào để rèn luyện lối sống văn hoá (Mỗi người phải có ý thức rèn luyện, cả tập thể rèn luyện. Gia đình từ người trên đến người dưới đều rèn luyện, sao cho tất cả đều trở thành nếp sống trong xã hội. Trước khi nói phải xác định: Nói cho ai nghe, nói với ai? Nói ở đâu? Nói trong trường hợp nào? Không ngừng đấu tranh phên bình những người thực hiện chưa tốt).  \* Nêu ý nghĩa vấn đề  + Kết thúc vấn đề  \* Liên hệ tới cuộc sống hiện tại  \* Ý thức trách nhiện của bản thân.  b. Diễn đạt một luận điểm trong phần thân bài cho dàn ý vừa lập.  Viết một luận điểm trong phần thân bài  - Tại sao chúng ta phải rèn luyện phong cách học sinh văn minh, thanh lịch. Thực tiễn hằng ngày diễn ra xung quanh ta biết bao vấn đề mà những ai có lối sống văn hoá không thể nào không quan tâm. Bên cạnh những cử chỉ, lời nói có văn hoá, lịch sự còn có cách nói thô tục, mở miệng là nói tục. Nói thế, họ có biết đã xúc phạm tới người sinh ra mình như thế nào? Lại có cách gọi thật buồn về bố, mẹ hoặc thầy, u- là những từ đã đi sâu vào tiềm thức của người Việt Nam bao đời. Ông cho truyền cho con cháu cũng bằng những tiếng ấy. Đứa trẻ học nói cũng bắt đầu bằng những tiếng ấy. Vậy mà khi lớn lên ta lại gọi các bậc sinh thành bằng “ông bô”, “bà bô”, “cụ khốt” nghe lạ lẫm mà chẳng lọt vào lỗ tai chút nào.  Lẽ nào, một dân tộc đã chiến đấu và chiến thắng những kẻ thù lớn, đã từng chinh phục những nền văn minh lớn của châu Âu, châu Mĩ lại không thể chứng minh vẻ đẹp của của văn hoá? Một dân tộc đã có 4.000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước tất phải có nền văn hoá lâu đời. Chẳng lẽ ngày nay lớp con cháu chúng ta lại làm mất đi vẻ đẹp ấy.  Hội nhập kinh tế toàn cầu là điều kiện để ta tiếp thu nền văn minh nhân loại. Chỉ có thể học được cái tốt khi mình có ý thức tốt. Làm sao để bè bạn khắp nơi hiểu ta hơn vì sự văn minh và thanh lịch.c. Tham gia bài viết có chủ đề tương tự.  c. Tham gia bài viết có chủ đề tương tự.  d. Trình bày trước lớp.  Bài tập 2:  a. Trình bày một luận điểm trong dàn bài mà các em vừa xây dựng trên lóp.  b. Bàn về một hiện tượng đang được dư luận xã hội quan tâm.  - Vệ sinh an toàn thực phẩm.  - Bảo vệ môi trường.  - Phòng chống thiên tai. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Vấn đề bảo vệ môi trường  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | B1- Xác định vấn đề cần bình luận, thể khí, thể lỏng và sự sống của muôn loài. Một trong những vấn đề xã hội ngày nay đặt ra là bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề bức xúc với mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi cộng đồng. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống, duy trì sự sống.  B2- khẳng định vấn đề  Bảo vệ môi trường là bảo vệ và duy trì sự sống. Điều ấy đặt ra hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của sự phát triển loài người, là đáp ứng đòi hỏi chính đáng của chúng ta.  B3- Mở rộng  - Tại sao phải đặt ra vấn đề bảo vệ môi trường  + Không khí chúng ta hít thở đòi hỏi phải trong sạch. Bầu khí quyển hiện nay ra sao? Khói những nhà máy lớm, khí thải của các động cơ, hệ thống lò gạch nhan nhản ở khắp nơi thực sự là mối nguy cơ cho bầu không khí.Tất cả đòi hỏi chúng ta phải có ý thức bảo vệ môi trường.  + Nguồn nước cung cấp để duy trì sự sống ngày càng bị thu hẹp lại. Nước ngọt ở ai, hồ, sông, suối bị ô nhiễm vẩn đục, lẽ nào chúng ta không thấy.  + Rừng và cây xanh là lá phổi tự nhiên bảo vệ con người. Lượng oxy thả ra và thu về cacbonnic chỉ có cây xanh mới làm được. Thế mà rừng đầu nguồn bị khai thác bừa bãi. Nạn lâm tặc hoành hành. Những hàng tre hun hút, những hàng tre xanh làng tôi làng anh đâu còn nữa. Làm sao, ta không thấy.  + Tất cả mọi cơ sở, nguồn cung cấp của môi trường ngày một mất dần đi, thu hẹp lại, nhưng con người thì cứ sinh sôi phát triển. Nhu cầu cung cấp cho đời sống con người đã vượt qua con số tính toán và tất nhiên nó phải vi phạm vào môi trường sống là điều không tránh khỏi. Chất thải của con người mỗi ngày không biết xử lý bằng cách nào. Nhiều địa phương đang lúng túng. Những có sở chế biến chất thải còn nhỏ hẹop không đáp ứng và chưa có tính phổ biến trên diện rộng.  + Chất vô cơ sử dụng trong sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ làm mất đi một số loài có lợi. Nguồn đất, nguồn nước bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu. Một số cơ sở công nghiệp chế biến thức ăn gia súc đang gây ô nhiễm trong vùng lân cận.  + Vấn đề xử lí nước thải của các nhà máy đang đặt ra nhiều khó khăn. Vùng hạ lưu các sông ở tỉnh Hà Nam, Ninh Bình đang kêu cứu./  Tất cả những vấn đề trên đây đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ khẩn cấp phải bảo vệ môi trường sống.  - Bảo vệ môi trường bằng cách nào?  + Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho mỗi người, mỗi đơn vị, tập thể cộng đồng.  + Đầu tư cho kế hoạch, có diện tích, có chiều sâu, những phương tiện bảo vệ môi trường. Đó là nhà máy phải được quy hoạch, xử lý nước thải và khí đọc làm ảnh hưởng môi trường xung quanh.  + Trồng cây gây rừng, khai thác phải đi đôi với trồng trọt.  + Nghiêm cấm những việc làm có hại tới môi trường.  + Khu dân cư đông đúc phải có hệ thống cống rãnh thông thoáng.  + Khuyến khích, phổ biến trồng vườn cây ăn trái vừa có thu hoạch vừ tạo cảnh quan, vừa góp phần làm trong sạch môi trường.  B4- Nêu ý nghĩa tác dụng của vấn đề bảo vệ môi trường.  - Duy trì sự sống của muôn loài  + Con người  + Loài vật  + Cây cối  Vật nuôi, cây trồng lại có tác dụng trở lại môi trường.  - Bảo vệ môi trường làm đẹp thêm cảnh  + Núi phủ cây xanh không còn phơi đầu trọc  + Bãi biển sạch, nơi nghỉ mát của du khách  + Hồ, ao, sông ngòi không còn bị ô nhiễm  + Làng xóm đẹp thêm  - Cuộc sống con người cũng tăng thêm tuổi thọ, hạnh phúc nào bằng. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Từ bài thơ Sa hành đoản ca (Bài ca ngắn đi trên bãi cát) của Cao *Bá Quát, viết đoạn văn ngắn bình luận về con đường* lập nghiệp của thanh niên hiện nay?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | * Con đường lập nghiệp của thanh niên hiện nay rộng mở hơn, không chỉ giới hạn ở việc thi đỗ đại học ra làm “thầy”, mà có thể học làm “thợ”, thành những thợ lành nghề trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ mà nước ta đang rất thiếu. * Nếu không được đến trường, bạn vẫn có thể tự học hoặc vừa học vừa làm, học cách lao động tự kiếm sống và vươn lên làm giàu. “Trường đời là trường học lớn nhất” (Lấy một vài dẫn chứng thực tế để minh hoạ về việc nhiều cá nhân đã đi lên làm giàu bằng con đường tự học, tự lao động kiếm sống)... * Từ bài Sa hành đoản ca, từ thực tế đời sống, thanh niên có thể thay đổi cách học “từ chương, giáo điều”; “nhai văn nhá chữ”, coi trọng học đi đôi với hành, phát huy sáng tạo của người học (Liên hệ đến thực tế nhiều người không có bằng cấp mà đã sáng chế, sáng tạo ra nhiều công trình, công cụ lao động khoa học)... * Học không chỉ để mưu cầu danh lợi cho bản thân mà còn phải gắn với yêu cầu của gia đình, xã hội và quê hương, đất nước. |

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Tìm đọc thêm một số ngữ liệu nghị luận xã hội và nghị luận văn học có sử dụng thao tác lập luận**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Sưu tầm qua sách tham khảo, thông tin chính thống trên mạng.** |

**Tiết 106**

**BA CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI CỦA CÁC MÁC**

***(Ăng- Ghen)***

Ngày soạn:

Ngày kí :

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

2/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 200 chữ) bàn về vấn đề xã hội rút ra từ văn bản.

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài văn nghị luận;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận xã hội;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại;

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản nghị luận nước ngoài;

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa thời sự của bài văn nghị luận;

-Biết trân quý những giá trị văn hóa tinh thần mà bài văn nghị luận đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong văn nghị luận nước ngoài;

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn nghị luận hiện đại nước ngoài;

- Năng lực đọc – hiểu các văn nghị luận hiện đại nước ngoài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn nghị luận hiện đại nước ngoài;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật văn nghị luận của Ăng ghen;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận của Ăng ghen với các tác giả khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Các Mác, Ăng ghen, ;*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Lịch sử nhân loại đã ghi nhận nhiều tình bạn thắm thiết, thuỷ chung, trong đó có 2 người là Các Mác và Ăng ghen . Hai ông đồng thời là những người sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin - chủ nghĩa xã hội khoa học. Khi Các Mác qua đời, Ăng ghen đã đọc bài Điếu văn để tưởng nhớ để đánh giá công lao sự nghiêp của người vừa qua đời.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **GV:** Tóm tắt những nét chính về tác giả Ăng-ghen và Các- Mác.  HS dựa vào phần tiểu dẫn giới thiệu về tác giả.  GV: Chốt lại những ý chính và mở rộng vấn đề,  GV: Hoàn cảnh ra đời bài điếu văn.  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  ***Các-mác*** (1818-1883) (SGK).  - Là nhà triết học và lí luận chính trị vĩ đại, người Đức  - Là lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.  - Ông sáng tạo chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, xây dựng học thuyết kinh tế mácxít, chủ nghĩa xã hội khoa học.  - Học thuyết của ông là vũ khí lí luận và hành động của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống ách thống trị tư sản..  - Em hãy cho biết bài điếu văn này được chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?  GV hướng dẫn HS trả lời.  **HS trả lời:**  - Phần 1 (đoạn 1-2): Không gian, thời gian và tư thế ra đi của C.Mác  - Phần 2 (đoạn 3-6): Những công lao và cống hiến của C.Mác đối với lịch sử phát triển nhân loại.  - Phần 3 (đoạn 7 và câu kết): Giá trị tổng quát của những cống hiến của Mác: hướng vào mục tiêu chung là phục vụ cho nhân loại. | | **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Tác giả: Giới thiệu về :**  ***a. Ăng-ghen*** (1820-1895) (SGK)  ***b. Các-mác*** (1818-1883) (SGK).  **2/ Hoàn cảnh sáng tác:** Văn bản “Ba cống hiến vĩ đại của Các-mác” là bài điếu văn của Ăng-ghen đọc trước mộ Mác. Được sáng tác vào tháng 3/1883, sau khi Các-mác qua đời 14/03/1883 lúc 3 giờ 15 phút  **3. Bố cuc:**  3 phần |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  - GV tạo không khí trang nghiêm cho lớp học  - GV đọc mẫu sau đó gọi 1 HS đọc lại bằng giọng rõ ràng, dứt khoát, mạnh mẽ, trầm hùng, mang tính chất hùng biện, thể hiện sự tự hào.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Những công lao và cống hiến của Các-mác là gì?  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  - Cống hiến đầu tiên của Mác là:  + Tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người  + Bản chất quy luật đó là: cơ sở hạ tầng quyết định thượng tầng kiến trúc. Nghĩa là: Tư liệu sản xuất, cách sản xuất, trình độ phát triển kinh tế quyết định hình thức, thể chế nhà nước, tôn giáo, văn học nghệ thuật.  - Cống hiến thứ hai của Mác là: Tìm ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay và của xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra. Đó là quy luật giá trị thặng dư.  - Cống hiến thứ ba của Mác là cống hiến quan trọng hơn cả. Đó là sự kết hợp giữa lí luận và thực tiễn, biến lí thuyết cách mạng khoa học thành hành động cách mạng: “Bởi lẽ.. kiên cường và có kết quả”.  **Nhóm 2:** Để làm nổi bật tầm vóc vĩ đại của Mác, Ăng –ghen đã sử dụng biện pháp so sánh tầng bậc. Biện pháp đó được thể hiện như thế nào trong bài điếu văn này?  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  - Ăng-ghen đã lập luận theo một trật tự tăng tiến. Cống hiến sau lớn hơn cống hiến trước. Mặc dù chỉ một cống hiến cũng đã trở thành vĩ đại rồi.  - Ăng-ghen đã so sánh cống hiến của Mác với Đác-uyn nhà khoa học cùng thời đại để làm rõ thế kỉ XIX là thế kỉ của nhiều phát minh lớn ở Phương Tây: “Giống như Đác-uyn… lịch sử loài người”.  Mác đã nổi lên hàng đầu “nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng hiện đại”, như ánh sáng đã xuất hiện, trong khi mọi công trình nghiên cứu trước đây của các nhà kinh tế, học tư sản, các nhà phê bình xã hội chủ nghĩa đều mò mẫn trong bóng tối”.  - Ăng- ghen đã làm cho người đọc, người nghe hiểu Mác từ hai phương diện. Một là con người của phát minh khám phá. Hai là con người của hoạt động thực tiễn. Cao hơn Ăng-ghen khẳng định: “Khoa học đối với Mác là động lực lịch sử, một lực lượng cách mạng”. Cốt lõi là Mác là một nhà cách mạng.  - Ăng- ghen còn sử dụng những luận điểm, luận cứ rõ ràng. Hãy theo dõi sơ đồ sau đây:  + Giống như Đác-uyn đã tìm ra… lịch sử loài người.  + Sự thật đơn giản nhưng đã bị tầng tầng lớp lớp các tư tưởng phủ kín.  + Con người trước hết cần phải có cái ăn.. tôn giáo.v.v…  Phương pháp này làm cho người đọc, người nghe dễ tiếp thu.  **Nhóm 3:** Phân tích thái độ và tình cảm của Ăng-ghen đối với Mác qua cách lập luận so sánh trong bài điếu văn.  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  - Thái độ: đề cao, ca ngợi.  - Tình cảm: tiếc thương xuất phát tự đáy lòng.  **Nhóm 4: Về ý kiến của Ăng-ghen ở cuối bài thể hiện như thế nào?**  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  - Ăng-ghen hạ câu cuối trong lời kết:  “Và tôi có thê mạnh dạn nói rằng ông có thể có nhiều kẻ đối địch, nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả. Tên tuổi và sự nghiệp của ông đời đời sống mãi”.  Cách lập luận của Ăng- ghen trong đoạn văn cuối này muốn người đọc, người nghe hiểu  + Mác chống lại ai: “tham gia… dựng lên”. Mác lên tiếng chống lại bất công, chống lại cường quyền bạo lực.  + Mác bênh vực ai: “tham gia vào … tự giải phóng”. Mác bênh vực những người lao động, những người cùng khổ và mang đến cho họ niềm tin vào hạnh phúc ở một thế giới mới, trong đó họ chính là người làm chủ.  + Những cống hiến của Mác có lợi cho cả nhân loại này. Hoạt động của Mác không phải bênh vực cho quyền lợi cá nhân mà mang lại quyền lợi cho toàn dân. Vì thế “ông có thể… riêng nào cả”. Câu cuối cùng của Ăng- ghen như một lời cầu nguyện. | | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **1. Những công lao và cống hiến của Các-mác:**  - C.Mác là người tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người qua các thời kì lịch sử……..  - C.Mác đã tìm ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất TBCN hiện nay và của XHTS do phương thức đó để ra. Đó là quy luật về giá trị thặng dư  - C.Mác đã kết hợp giữa lí luận và thực tiễn, biến các lí thuyết cách mạng khoa học thành hành động cách mạng.  **2. Nghệ thuật so sánh tầng bậc của bài điếu văn:**  **a. Đoạn văn mở đầu:** Tình cảm tiếc thương vô hạn đối với sự ra đi của Mác 🡪 sự kính trọng của những người bạn những người đồng chí của Mác.  - Đoạn tiếp theo: Tiếc thương, kính trọng 🡪 Mác là nhà cách mạng của giai cấp vô sản và nhà khoa học lịch sử. Kết cấu trùng điệp🡪 vĩ nhân của Các-Mác🡪 Cái chết của Mác là nỗi trống trải, mất mát lớn đối với nhân loại.  **b. Mô hình chung toàn bài:** thông báo về cái chết🡪 đánh giá sự nghiệp của người quá cố🡪 bày tỏ sự tiếc thương đối với người đã khuất  - Mác được so sánh với các vĩ nhân khác cùng thời đại với những thành tựu khoa học nổi tiếng 🡪 so sánh tương đồng.  - So sánh vượt trội:” Nhưng không…thôi” --. Ý nghĩa to lớn mà Mác đã phát hiện.  - Các cụm từ: “ Con người khoa học”, “Một nhà cách mạng” được dùng theo cách tăng tiến🡪 sự tiếp tục đi lên của Mác trong việc cống hiến cho loài người, vừa chỉ sự kết hợp chặt chẽ giữa con người khoa học và nhà cách mạng.  **3. Thái độ và tình cảm của Ăng-ghen đối với Mác.**  - Thái độ: đề cao, ca ngợi.  - Tình cảm: tiếc thương xuất phát tự đáy lòng.  \* Trong việc trình bày công lao: trình bày các phát hiện của Mác đã có sự kết hợp ca ngợi công lao. Đồng thời ca ngợi🡪 khẳng định thể hiện sự thương tiếc của Ăng-ghen đối với Mác.  **4. Về ý kiến của Ăng-ghen ở cuối bài :**  - Mác chống lại ai:  - Mác bênh vực ai:  - Những cống hiến của Mác có lợi cho ai:  => Vì hành động của Mác không phải để phục vụ cho quyền lợi cá nhân mà cho quyền lợi toàn dân do đó “ Ông có thể…nào cả”. |
| **Thao tác 4:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** | III. ***Tổng kết***  **1. Nghệ thuật:**  - Sự chặt chẽ của lập luận và những biện pháp so sánh tăng tiến.  - Văn chính luận giàu chất biểu cảm.  ***2. Ý nghĩa văn bản:*** Với những đóng góp to lớn, Mác trở thành nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng hiện đại. “Tên tuổi và sự nghiệp của ông đời đời sống mãi!”. | |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |  |

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

(1)*Bởi lẽ trước hết Mác là một nhà cách mạng. Bằng cách này hay cách khác, tham gia vào việc lật đổ xã hội tư sản và các thiết chế nhà nước do nó dựng lên, tham gia vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản hiện đại mà ông là người đầu tiên đem đến cho giai cấp ấy ý thức về địa vị và yêu cầu của mình, ý thức về điều kiện để tự giải phóng, đó thật sự là sứ mệnh thiết thân của cuộc đời ông. Đấu tranh là hành động tự nhiên của Mác. Và Mác đã đấu tranh một cách say sưa, kiên cường và có kết quả, […] dẫn đến sự xuất hiện Hội liên hiệp công nhân quốc tế vĩ đại […], đấy chính là sự nghiệp mà ai xây dựng nên đều lấy làm tự hào, thậm chí dù cho người đó không làm gì thêm nữa.*

*(2)Đó là lí do vì sao Mác là người bị căm ghét nhiều nhất và bị vu khống nhiều nhất trong thời đại ông. Các chính phủ- cả chuyên chế lẫn cộng hòa- đều trục xuất ông, bọn tư sản- cả bảo thủ lẫn dân chủ cực đoan- đều thi nhau vu khống và nguyền rủa ông. Mác đã gạt sang một bên tất cả các thứ đó, coi như cái mạng nhện vướng chân, chẳng thèm đếm xỉa, và chỉ đáp lại khi thấy hết sức cần thiết mà thôi.Và ông đã mất đi, hàng triệu người cộng sự cách mạng với ông ở khắp châu Âu và châu Mĩ, khắp những hầm mỏ Xi-bia đến tận Ca-li-phoóc-ni-a đã tôn kính, yêu mến và khóc thương ông, và tôi có thể mạnh dạn nói rằng ông có thể có nhiều kẻ đối địch, nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả.*

*(Trích* ***Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác***” - Ăng- ghen, Tr 94, Ngữ văn 11 tập II, NXBGD 2007)

1) Nêu nội dung chính của văn bản trên? Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản?

2) Xác định phép điệp trong đoạn văn (1)? Cho biết tác dụng của phép điệp đó?

3) Xác định biện pháp tu từ về từ và biện pháp tu từ cú pháp trong đoạn văn (2)? Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì?

4) Tác giả đã tỏ thái độ và tình cảm gì khi viết về Các-Mác?

5) Tại sao tác giả có thể khẳng định *: tôi có thể mạnh dạn nói rằng ông có thể có nhiều kẻ đối địch, nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả.?*

Trả lời:

1) Nội dung chính của văn bản: Khẳng định Mác là nhà cách mạng.Các Mác đã đứng ra tổ chức, vận động giai cấp công nhân vùng lên để tự giải phóng, lật đổ xã hội tư bản. Ông cũng là người đầu tiên đem đến cho giai cấp vô sản ý thức về địa vị và yêu cầu của mình.

2) Phép điệp trong đoạn văn (1): điệp từ *tham gia; ý thức;đấu tranh.*

Hiệu quả: Thông qua phép điệp từ, tác giả nhấn mạnh đóng góp của Các Mác không dừng lại ở lí thuyết mà chuyển thành hành động cách mạng.

3)Biện pháp tu từ về từ: so sánh: *Mác đã gạt sang một bên tất cả các thứ đó, coi như cái mạng nhện vướng chân.* Hiệu quả: Qua so sánh, tác giả khẳng định Mác không quan tâm đến các thế lực thù địch, mà chủ yếu tập trung tham gia vào các cuộc đấu tranh để lật đổ xã hội tư sản. Đó là một con người có nhân cách và bản lĩnh.

Biện pháp tu từ cú pháp: phép chêm xen *Các chính phủ- cả chuyên chế lẫn cộng hòa- đều trục xuất ông, bọn tư sản- cả bảo thủ lẫn dân chủ cực đoan- đều thi nhau vu khống và nguyền rủa ông. ;* phép liệt kê: *khắp châu Âu và châu Mĩ, khắp những hầm mỏ Xi-bia đến tận Ca-li-phoóc-ni-a*

Hiệu quả: Phép chêm xen giải thích rõ hơn các thế lực thù địch của Mác; phép liệt kê làm rõ tấm lòng ngưỡng mộ của mọi người dành cho Mác khi ông từ giã cuộc đời.

4) Tác giả khẳng định tên tuổi và sự nghiệp của Các Mác là bất diệt, khẳng định sự tôn kính, cảm phục sâu sắc và lòng tiếc thương vô hạn đối với Mác.

5) Các Mác *có nhiều kẻ đối địch, nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả.* Bởi vì, mục đích cả đời Các Mác, mọi tâm huyết và tài năng của ông là chống lại toàn bộ chế độ tư sản và bảo vệ giai cấp vô sản và nhân dân lao động chứ không chống lại một người nào cụ thể.

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Lập dàn ý bài điếu văn:  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | a. Đặt vấn đề  - Giới thiệu thời gian, không gian Mác vĩnh biệt nhân loại và tình cảm tiếc thương.  - Sự ra đi của Mác là một tổn thất  b. Giải quyết vấn đề: Ca ngợi công lao của Mác và tiếc thương  + Cống hiến thứ nhất của Mác là chỉ ra quy luật phát triển của loài người  + Cống hiến thứ hai của Mác là tìm ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra.  + Khoa học đối với Mác là động lực lịch sử, một lực lượng cách mạng. Lí luận của Mác đã được ứng dụng vào thực tế cách mạng, vào sự phát triển lịch sử. Mác đã tham gia vào việc lật đổ xã hội tư sản và các thiết chế mà nó dựng lên, tham gia vào sự nghiệp giải phòng giai cấp vô sản và đem đến cho họ ý thức về địa vị và yêu cầu của mình.  c. Kết thúc vấn đề  + Vì những cống hiến trên mà Mác bị căm ghét nhiều nhất.  + Mác đã gạt đi tất cả và chỉ đáp lại khi thấy hết sức cần thiết  + Người ta đi để lại tiếc thương cho hàng triệu người cộng sự và giai cấp công nhân trên toàn thế giới.  + Mác có thể có nhiều kẻ đồi địch nhưng không có một kẻ thù riêng nào.  + Lời cầu nguyện |

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Tìm tài liệu viết bài Tiểu sử tóm tắt Cacmac và Ang ghen**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Vận dụng bài làm văn đã học để tạo lập văn bản theo yêu cầu;** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 107 – Tiếng Việt**

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ chính luận; các đặc trưng cơ bản của PCNN chính luận, phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác;

2/ Thông hiểu: Bước đầu làm quen với một số văn bản chính luận mức đơn giản;

3/Vận dụng thấp: Có kĩ năng lĩnh hội và phân tích văn bản thông dụng thuộc PCNN chính luận;;

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết phong cách ngôn ngữ chính luận để tạo lập văn bản chính luận trong cuộc sống.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: một đoạn văn ngắn theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày văn bản theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức phong cách ngôn ngữ chính luận;

3/Hình thành nhân cách: trung thực, có lập trường vững vàng khi viết văn chính luận

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS biết viết văn bản theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

-Năng lực sáng tạo:qua thực hành, HS biết đặt các câu hỏi khác nhau về một vấn đề, xác định và làm rõ thông tin…

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp:vận dụng những kiến thức tiếng Việt cũng như tri thức về bài học vào thực hành.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau đây viết về sự kiện chính trị gì?  *Thắng lợi của quân và dân trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến mà tiêu biểu là Thủ đô Hà Nội là sự cổ vũ rất lớn để quân và dân ta liên tiếp đánh thắng thực dân Pháp làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng và ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.*  (Nguồn <http://dantri.com.vn/chinh-tri/thu-do-70-nam-truoc-moi-ngoi-nha-la-mot-phao-dai-20161210144308322.htm>, ngày 10-12-2016)  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đó là sự kiện lịch sử kiên quan đến kỉ niệm 70 năm ngày toàn quốc kháng chiến ( 19-12-1946\_19-12-2016)  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong những ngày cuối năm 2016, cả nước chúng ta hướng về kỉ niệm 70 năm ngày toàn quốc kháng chiến ( 19-12-1946\_19-12-2016). Đây là một sự kiện chính trị quan trọng, giáo dục truyền thống tự hào dân tộc, uống ngước nhớ nguồn. Đoạn văn trên được thể hiện bằng phong cách ngôn ngữ chính luận. Vậy phong cách này có những đặc trưng gì? | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | |
| **\* Thao tác 1 :**  **1. Văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận**  - SGK trình bày nội dung gì?  HS trình bày.  - Trong phần này SGK trình bày  + Văn bản chính luận thời xưa viết theo thể hịch, cáo, thư sách, chiếu, biểu chủ yếu bằng chữ Hán.  a. Tuyên ngôn độc lập  - Thể loại của văn bản?  - Mục đích viết văn bản?  - Văn chính luận  Vì đó là tuyên ngôn dựng nước của nguyên thủ quốc gia.  Bác đã dẫn lời bất hủ của bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ năm 1776 và lời tuyên bố hùng hồn của bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1791 của Cách mạng Pháp. Từ đó muốn nhấn mạnh chân lí, lẽ phải làm cơ sở để vạch tội ác của giăcc Pháp đối với dân Việt Nam.  b. Cao trào chống Nhật  - Thể loại?  -Mục đích?  -Thái độ? Quan điểm của người viết?  - Văn chính luận  Trích trong tác phẩm chính luận *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân* của đồng chí Trường Chinh- Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam.  - Tổng kết một giai đoạn cách mạng thắng lợi và sách lược của cách mạng tháng Tám, tính chất và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám.  -Đứng trên lập trường dân tộc, lập trường của người cộng sản trong sự nghiệp chống đề quốc và phát xít giành tự do độc lập, tác giả chỉ rõ kẻ thù là phát xít Nhật và khẳng định Pháp không còn là đồng mình chống Nhật của chúng ta nữa.  *c. Việt Nam đi tới*  - Thể loại?  - Mục đích?  - Thái độ người viết?  - Văn chính luận  Vì thuộc bài bình luận trên báo.  - Phân tích thành tựu mới về các lĩnh vực của đất nước, vị thế của đất nước. Từ đó nêu triển vọng của cách mạng.  - Thể hiện niềm vui, tin tưởng qua giọng văn hào hứng sôi nổi.  - Em có nhận xét chung gì về 3 văn bản vừa khảo sát?  - Cả ba văn bản đều tiêu biểu cho phong cách ngôn ngữ chính luận  Hoàn thành bảng phân biệt giữa nghị luận và chính luận   |  |  | | --- | --- | | Nghị luận | Chính luận | |  |  |      |  |  | | --- | --- | | Nghị luận  Là một thao tác tư duy trong hệ thống các thao tác: miêu tả, tự sự, nghị luận. Cụ thể là:  - Miêu tả  - Tự sự  - Thuyết minh  - Nghị luận  + Văn học  + Đời sống | Chính luận  Bao gồm các loại văn bản như:  Thời xưa: Hịch, cáo, thư, sách, chiếu, biểu…  Ngày nay: Các cương lĩnh, tuyên ngôn, tuyên bố, lời kêu gọi, hiệu triệu, công hàm, bình luận, xã luận, báo cáo, tham luận, phát biểu… | | **I.VĂN BẢN CHÍNH LUẬN VÀ NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**  **1/ Tìm hiểu văn bản chính luận:**  **a.Văn bản chính luận:**  *-Thời xưa:*Hịch, cáo, chiếu, biểu...  *- Hiện đại:* Cương lĩnh, tuyên bố, tuyên ngôn, báo cáo, tham luận...  **b. Tìm hiểu ngữ liệu (SGK)**  ***\* Đoạn trích:*** *Tuyên ngôn độc lập*  -Tuyên ngôn, tuyên bố … nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia nhân dịp một sự kiện trọng đại  ***\* Đoạn trích:*** Cao trào chống Nhật cứu nước  - Trích đoạn mở đầu trong tác phẩm chính luận CMDTDCND Việt Nam, tập I của đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.  ***\* Đoạn trích:*** Việt Nam đi tới 🡪Xã luận 🡪trên báo  **2/Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận:**  **a. Văn bản chính luận:**  - Ngôn ngữ chính luận còn được dùng trong các tài liệu chính trị khác, trong những tác phẩm lí luận có quy mô khá lớn: SGK.  - Ngôn ngữ chính luận tồn tại ở dạng viết mà cả ở dạng nói.  - Mục đích: Trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá một sự kiện, một vấn đề chính trị, một chính sách, chủ trương về văn hoá xã hội theo một quan điểm chính trị nhất định.  **b. Phân biệt giữa nghị luận và chính luận:**  - Nghị luận: Dùng để chỉ một loại thao tác tư duy; Một loại văn bản một kiểu làm văn trong nhà trường.  **- Chính luận**: Chỉ một phong cách ngôn ngữ văn bản nhằm trình bày những quan điểm chính trị của quốc gia, đoàn thể, quan điểm chính trị…  **c. Ngôn ngữ chính luận:**  -*Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các hội nghị hội thảo…nhằm trình bày bình luận đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã* *hội, văn hoá… theo một quan điểm chính trị nhất định.* | |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS luyện tập**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Bài tập 2**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  - Dùng nhiều từ ngữ chính trí.  - Câu văn mạch lạc, chặt chẽ, tuy có thể dùng câu dài (câu thứ 3 ở ví dụ trong SGK)  - Thể hiện rõ quan điểm chính trị về lòng yêu nước, đánh giá cao lòng yêu nước của nhân dân ta.  - Đoạn văn có sức hấp dẫn và truyền cảm: nhờ lập luận chặt chế, nhờ những hình ảnh so sánh cụ thể, sát hợp.  **Nhóm 2: Bài tập 3**  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  - *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ:  + Tình thế nào buộc chúng ta phải chiến đấu?  “Chúng ta.. đứng lên”.  Bác sử dụng lớp từ chính trị: *hoà bình, cướp nước, hi sinh, mất nước, nô lệ.* Sử dụng lớp từ này thể hiện rõ lập trường quan điểm của người viết chỉ rõ âm mưu, dã tâm của thực dân Pháp. Đặc biệt từ ngữ được lặp lại: chúng ta, nhân nhượng thể hiện thiện chí hoà bình. Hai từ “càng” đặt trong mối quan hệ làm rõ thiện chí của nước ta. Vậy một bên kẻ thù lấn tới, một bên là quyết tâm của dân tộc ta. Tình thế ấy buộc chúng ta phải chiến đấu.  + Chúng ta chiến đầu bằng vũ khí gì?  “Bất kì đàn ông… giữ gìn đất nước”  Các từ ngữ: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc khẳng định chúng ta đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay. Đó là sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân.  + Niềm tin chiến thắng như thế nào?  “Dù phải gian lao kháng chiến… muôn năm”  Những từ nhất định thắng lợi, độc lập, thống nhất đã khẳng định niềm tin của dân tộc chúng ta. | | **LUYỆN TẬP:**  **Bài tập 1:** SGK  **Bài tập 2:** Chú ý các mặt hiểu hiện của phong cách chính luận trong đoạn văn:  **Bài tập 3*:***  - Tình thế buộc chúng ta phải chiến đấu  - Chiến đấu bằng mọi thứ có trong tay.  - Niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 108,109**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

***(Hoài Thanh)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả trong Phong trào thơ Mới ( 1930-1945)

2/ Thông hiểu: HS hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về tinh thần thơ mới trong ý nghĩa văn chương và xã hội.

3/Vận dụng thấp: Bàn về 1 nội dung mang tính lí luận trong bài phê bình của Hoài Thanh;.

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về bài phê bình để phân tích những bài thơ đã học trong phong trào thơ Mới;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học thông qua bài phê bình;;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản phê bình văn học;

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản phê bình văn học;

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của bài phê bình trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa mà bài phê bình đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong bài phê bình của Hoài Thanh.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài phê bình thơ Mới của Hoài Thanh;

- Năng lực đọc – hiểu các bài phê bình văn học;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về phê bình văn học;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những bài phê bình văn học;

- Năng lực phân tích, so sánh nghệ thuật phê bình văn học giữa các cây bút phê bình trong VH hiện đại VN.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tác giả, tác phẩm trong Thơ Mới đã học;  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *tiêu biểu trong phong trào thơ Mới*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả, tác phẩm thơ Mới 1930-1945  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:*  *“Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn và yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại” (Từ Sơn). Và cũng đúng như lời thơ bất hủ của Nguyễn Du: “Sống là thể phách, thác là tinh anh”, với Hoài Thanh, cái tinh anh mà ông để lại cho đời chính là những tác phẩm phê bình văn học tài hoa và tinh tế, mà đỉnh cao là cuốn “Thi nhân Việt Nam”. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **GV**: Gọi một HS đọc phần tiểu dẫn.  **GV**: Cho HS phát biểu những gì mà các em biết những gì mà các em biết về Tác giả..  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **-** Hoài Thanh có biệt tài trong thẩm thơ. Ông gọi lối phê bình của mình là “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”. Cách phê bình của ông nhẹ nhàng, tinh tế, hài hòa và luôn thấp thoáng một nụ cười hóm hỉnh. Hoài Thanh được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000.  - Đây là phần cuối của tiểu luận: “Một thời đại trong thi ca”. Tiểu luận mở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*, là công trình tổng kết có giá trị về phong trào Thơ mới lãng mạn 1930-1945.  - Văn bản thuộc loại Nghị luận về một vấn đề văn học.  **GV**: Dựa vào phần tiểu dẫn hãy giới thiệu vị trí đoạn trích? | **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1.Tác giả:**  - Xuất thân trong gia đình nhà nho nghèo, sớm tham gia phong trào yêu nước. Viết văn từ những năm mới ngoài 20 tuổi. Hoạt động chủ yếu trong ngành văn hoá nghệ thuật: là nhà văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.  - Tác phẩm nổi tiếng nhất là “Thi nhân Việt Nam”. Ông được tặng giải thưởng HCM.  **2. Một thời đại trong thi ca:**  - Văn bản nghị luận về 1 vấn đề văn học  - Là bài tiểu luận đặt ở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*  - Nội dung: tổng kết 1 cách sâu sắc về phong trào Thơ mới  **3. Đoạn trích:**  **a.Xuất xứ và vị trí**  - Tiểu luận mở đầu Thi nhân Việt Nam  => Sự khám phá và đánh giá đầu tiên; là công trình tổng kết có giá trị về phong trào thơ mới.  **b. Bố cục** : 3 phần  - Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới  - Tinh thần thơ mới: chữ tôi  - Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó. |
| \* Thao tác 1 :  Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản  -Gv hướng dẫn HS cần xác định đúng giọng đọc và luyện đọc nhiều lần: giọng đọc kết hợp sự chậm rãi, bình tĩnh, sâu lắng và thiết tha, sôi nổi, có đoạn trầm ngâm nghĩ ngợi, có đoạn rõ ràng mạch lạc, có đoạn duyên dáng bay bổng, có đoạn nhịp nhàng như thơ. Chú ý đọc kĩ đoạn: Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cho đến hết.  \* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.  Thao tác 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  Nhóm 1: Em hiểu tinh thần thơ mới là gì? Có cách nói nào khác không? Để giải quyết nó, người viết gặp khó khăn gì và cách khắc phục của ông ra sao? Nhận xét cách vào đề của tác giả.  \* Nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận:  Nêu chủ đề trực tiếp, ngắn gọn: tinh thần Thơ mới. Nói cách khác: đó là nội dung bản chất, cốt lõi, chi phối toàn bộ Thơ mới, làm nên đặc trưng của Thơ mới, mang tính khái quát cao cho cả phong trào Thơ mới, cái phân biêt thơ mới và thơ cũ một cách cơ bản và rõ ràng, nổi bât.  Nhóm 2: Làm thế nào để nhân diện chuẩn xác? Làm thế nào để nhận diên tinh thần thơ mới?  \* Nhóm 2 trình bày kết quả thảo luận:  Tác giả đề nghị phương pháp của mình:  + Chỉ căn cứ vào những bài thơ hay, so sánh bài hay với bài hay. Hoàn toàn không căn cứ vào các bài thơ dở. Vì cái dở chẳng tiêu biểu cho cái gì hết.  + Phương pháp so sánh đối chiếu là phương pháp hữu hiệu. Không so sánh tỉ mỉ, vụn vặt, cá thể, mà so sánh thời đại cùng thời đại và so sánh trên đại thể (khái quát bản chất phổ biến nổi bật). Lý do: cái cũ và cái mới vẫn nối tiếp thay đổi, thay thế nhau: Hôm nay phôi thai từ hôm qua, và trong cái mới vẫn còn rơi rớt ít nhiều cái cũ.  GV chốt lại: Tóm lại, đó là những phương pháp và biên pháp rất lôgic, khoa học để tìm hiểu, khám phá một vấn đề văn học phức tạp và mới mẻ mà nhà phê bình nghiên cứu đã đặt ra ngay từ đầu để hướng dẫn ngòi bút của mình.  Nhóm 3: ở đoạn tiếp theo, theo tác giả, tinh thần của Thơ mới là gì? Nhận xét cách diễn đạt của tác giả.Em hiểu thời đại chữ tôi và thời đại chữ ta như thế nào?  \* Nhóm 3 trình bày kết quả thảo luận:  Tinh thần Thơ mới là ở chữ tôi. Cách nêu ngắn gọn, dứt khoát, chứng tỏ sự tự tin trong khám phá và kết luận khoa học. Cách diễn đạt: so sánh với thơ cũ, thời đại xưa: là ở chữ ta. Sự giống nhau đã rõ. Chủ yếu đi tìm sự khác nhau giữa hai tinh thần thơ mới và cũ, thời đại ngày nay (đương thời) và thời đại xưa.  Chữ tôi gắn với cái riêng, cá nhân, cá thể (individu); chữ ta gắn với cái chung, tâp thể cộng đồng, xã hội.  Nhóm 4: đoạn văn Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận, khái quát vấn đề gì và khái quát như thế nào? Ấn tượng và cảm xúc của em khi đọc đoạn văn đó? Vì sao lại như vậy?  \* Nhóm 4 trình bày kết quả thảo luận:  Đặc sắc của đoạn văn là ngắn gọn, cô đúc mà chính xác lại cụ thể, không chỉ chỉ ra nguyên nhân mà còn thấy cả tiến trình và báo trước kết quả của tinh thần thơ mới, nét riêng đặc sắc, độc đáo và tính bi kịch bế tắc của nó. Lời văn vừa sôi nổi với các từ ta (chúng ta - người đọc - nhà nghiên cứu phê bình) vừa đồng hành, đồng sáng tạo cùng từng nhà thơ mới tài hoa nhất. | **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**:  **1. Cách nhận diện “tinh thần thơ mới” của tác giả:**  - Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới là ranh giới giữa thơ cũ và thơ mới không phải rạch ròi dễ nhận ra.  - Các nhận diện:  + Không thể căn cứ vào những bài thơ dở, thời nào chả có mà phải so sánh bài hay với bài hay.  + Vả chăng cái mới và cái cũ vẫn tiếp nối qua lại cho nên phải so sánh trên đại thể.  **2. Điều cối lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn VN lúc bấy giờ**.  - Tinh thần thơ mới là chữ “Tôi”.  + Cái khác ở chữ “Tôi” và chữ “Ta” . Ngày trước là thời chữ “Ta”, bây giờ là thời chữ “Tôi”.  + Chữ “Tôi” trước đây nếu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ “Ta”. Chữ “Tôi” bây giờ là chữ “tôi” theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.  **3. Bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch.**  - “Cái tôi” bây giờ đáng thương và tội nghiệp ở chỗ nó không còn cái cốt cách hiện ngang ngày trước: ( dẫn chứng). Thơ mới đang diễn ngấm ngầm dưới những phù hiệu dễ dãi trong hồn người thanh niên.  - Họ giải quyết bi kịch bằng cách giữ cả vào Tiếng Việt là vong hồn các thế hệ đã qua. d/c trang. 103. |
| Thao tác 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu nghệ thuật viết văn nghị luận của Hoài Thanh:  -Tính khoa học  Hệ thống luận điểm, chuẩn xác, mới mẻ, sâu sắc, được sắp xếp mạch lạc.  Dẫn chứng chọn lọc, lâp luân chặt chẽ mà uyển chuyển, đầy sức thuyết phục.  Sử dụng biên pháp đối chiếu, so sánh các cấp độ phù hợp, hiêu quả.  Nhìn nhận, đánh giá vấn đề ở tầm sâu rộng, tinh tế, nhiều mặt cá nhân và xã hội, thời đại, văn học và hiên thực, chủ quan và khách quan, một cái nhìn vân động lôgic và biên chứng, khách quan.  -Tính nghệ thuật  Lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điêu thay đổi linh hoạt, giọng của người trong cuộc, giãi bày, chia sẻ, đồng cảm (ta, chúng ta).  Nhiều hình ảnh cụ thể, gợi hình, gợi cảm, gợi liên tưởng: gửi cả, yêu vô cùng, chia sẻ buồn vui, dồn tình yêu quê hương, chưa bao giờ như bây giờ, nao nao trong hồn...  Tình cảm, cảm xúc thành thực, nồng nhiêt gây truyền cảm, đồng cảm cao.  Văn nghị luân phê bình nhưng không hề khô khan, cứng nhắc mà êm ả, ngọt ngào, dịu dàng, hấp dẫn như một bài thơ bằng văn xuôi về thơ mới.  Thao tác 4:  Hướng dẫn HS tổng kết bài học | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật nghị luận**:  - Tính khoa học:  + Cách lập luận chặt chẽ, từ khái quát đến cụ thể, từ xa đến nay, từ xa đến gần. Điều này đã được phản ánh tư duy khoa học, sự am hiểu thấu đáo đối tượng phân tích của tác giả.  + Luôn gắn những nhận định khái quát với luận cứ cụ thể, đa dạng, có sức thuyết phục; có sự so sánh giữa thơ mới với thơ cũ;  - Tính nghệ thuật: cách dẫn dắt ý theo mạch cảm xúc tinh tế, uyển chuyển và bằng ngôn ngữ hình ảnh, nhịp điệu.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Nhận thức tinh tế, sâu sắc về tinh thần thơ mới, động lực thúc đẩy sự phát triển của thi ca Việt Nam hiện đại. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:  *Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu.Nhưng động tiên đa khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.*  1.   Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả của văn bản đó là ai? Viết trong thời gian nào?  2.   Đoạn văn nói về vấn đề gì? Cách diễn đạt của tác giả có gì đặc sắc?  3.   Anh (chị) hiểu như thế nào về *bề rộng* và *bề sâu* mà tác giả nói đến ở đây?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Trả lời:  1.  Đoạn văn đựợc trích từ bài *Một thời đại trong thi ca*, là bài tổng luận cuốn Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân, được viết năm 1942.  2.  Đoạn văn đề cập đến cái tôi cá nhân - một nhân tố quan trọng trong tư tưởng và nội dung của thơ mới (1932 - 1945), đồng thời, nêu ngắn gọn những biểu hiện của cái tôi cá nhân ở một số nhà thơ tiêu biểu.  Tác giả đã có cách diễn đạt khá đặc sắc, thể hiện ở:  -   Cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh (mất bề rộng, tìm bề sâu, càng đi sâu càng lạnh, phiêu lưu trong trường tình, động tiên đã khép, ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta...).  -   Câu văn ngắn dài linh hoạt, nhịp nhàng, thể hiện cảm xúc của người viết. Hình thức điệp cú pháp thể hiện ở một loạt vế câu (ta thoát lên tiên... ta phiêu lưu trong trường tình... ta điên cuồng... ta đắm say...) tạo nên ấn tượng mạnh ở người đọc.  -   Nghệ thuật hô ứng: ta thoát lên tiên - động tiên đã khép; ta phiêu lưu trong trường tình - tình yêu không bền; ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử- điên cuồng rồi tỉnh; ta đắm say cùng Xuân Diệu - say đắm vẫn bơ vơ. Nghệ thuật hô ứng làm cho các ý quấn bện vào nhau rất chặt chẽ.  3.  Bề rộng mà tác giả nói đến ở đây là cái ta. Nói đến cái ta là nói đến đoàn thể, cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Thế giới của cái ta hết sức rộng lớn.  Bề sâu là cái tôi cá nhân. Thế giới của cái tôi là thế giới riêng tư, nhỏ hẹp, sâu kín. Thơ mới từ bỏ cái ta, đi vào cái tôi cá nhân bằng nhiều cách khác nhau. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Nội dung của đoạn văn giúp gì cho anh (chị) trong việc đọc - hiểu các bài thơ mới trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Nội dung của đoạn văn trên giúp ta có cơ sở để đọc - hiểu một số bài thơ thuộc phong trào Thơ mới (1932 - 1945) trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông. Trước hết, đoạn văn nhắc ta một điều quan trọng: Thơ mới là tiếng nói trữ tình của cái tôi cá nhân. Cũng qua đoạn văn trên, ta sẽ hiểu biết hơn về nét nổi bật của một số nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+ Tìm đọc toàn bộ bài tác phẩm phê bình thơ Mới.**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Sưu tầm qua sách tham khảo, truy cập mạng.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 110 – Tiếng Việt**

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN(tiếp)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ chính luận; các đặc trưng cơ bản của PCNN chính luận, phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác;

2/ Thông hiểu: Bước đầu làm quen với một số văn bản chính luận mức đơn giản;

3/Vận dụng thấp: Có kĩ năng lĩnh hội và phân tích văn bản thông dụng thuộc PCNN chính luận;;

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết phong cách ngôn ngữ chính luận để tạo lập văn bản chính luận trong cuộc sống.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: một đoạn văn ngắn theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày văn bản theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức phong cách ngôn ngữ chính luận;

3/Hình thành nhân cách: trung thực, có lập trường vững vàng khi viết văn chính luận

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS biết viết văn bản theo phong cách ngôn ngữ chính luận;

-Năng lực sáng tạo:qua thực hành, HS biết đặt các câu hỏi khác nhau về một vấn đề, xác định và làm rõ thông tin…

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp:vận dụng những kiến thức tiếng Việt cũng như tri thức về bài học vào thực hành.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **Tìm hiểu các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận**  a./ Về mặt từ ngữ văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ như thế nào?  b/Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu như thế nào ?  c/Việc sử dụng cá biện pháp tu từ trong phong cách ngôn ngữ chính luận ra sao ?  HS đọc văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và phân tích việc dùng từ ngữ, cách kết cấu giản dị, dễ hiểu của tác giả. Lần lượt phân tích theo 3 phần của bài để trả lời các câu hỏi gợi ý của GV.  -Sau khi HS phát biểu, GV sửa chữa , nhận xét bổ sung hoàn chỉnh kiến thức.  -GV: Nêu những đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.  - Tính công khai thể hiện như thế nào ?  - Khi lựa chọn từ ngữ cần lưu ý điều gì ?  -GV giảngbổ sung:“ Cao trào chống Nhật” sau khi phân tích và thái độ hành động của thực dân Pháp. Tác giả kết luận rõ ràng, dứt khoát “ Có thể nói…nhân dân ta”.  -GV: Yêu cầu HS xem lại “tuyên ngôn độc lập”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”  GV: Em cho biết ngôn ngữ chính luận có những đặc trưng gì ?  -HS đọc lại VB (T1) và trả lời theo câu hỏi của GV  HS phát biểu cá nhân theo sgk, GV diễn giảng bs. | **II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DIỄN ĐẠT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**  **1. Các phương tiện diễn đạt:**  **a. Về từ ngữ:**  - Văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị: độc lập, đồng bào, dân chủ…  **b. Về ngữ pháp:**  - Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu chuẩn mực gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lí luận chặt chẽ.  VD: SGK.  - Câu phức thường dùng những từ ngữ liên kết như: Do vậy, bởi thế, cho nên… Cho lí luận được chặt chẽ.  **c. Về biện pháp tu từ:**  - Sử dụng rộng rãi các biện pháp tu từ.  - Ngôn ngữ chính luận sử dụng các biện pháp tu từ đúng chỗ. Làm cho bài viết sinh động dễ hiểu, khắc sâu ấn tượng.  **2. Đặc trưng của ngôn ngữ chính luận:**  **a. Tính công khai về quan điểm**  - Ngôn ngữ chính luận không chỉ thông tin một cách khách quan mà phải thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ chính trị của người viết (người nói) một cách công khai dứt khoát, không che dấu, úp mở.  - Từ ngữ phải được cân nhắc kỉ càng, đặt biệt những từ thể hiện lập trường, quan điểm chính trị.  **b. Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:**  Hệ thống luận điểm chặt chẽ, từng ý, từng câu, từng đoạn được phối hợp với nhau một cách hài hoà, mạch lạc.  **c. Tính truyền cảm, thuyết phục:**  - Giọng văn hùng hồn tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.  - Đối với ngưới nói (diễn thuyết, tranh luận) thì nghệ thuật hùng biện là điều quan trọng để truyền cảm, thuyết phục trong đó ngữ điệu, giọng nói được coi là phương tiện cần thiết để hổ trợ cho lí lẽ, ngôn từ. | |
| Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 3: Bài tập 3**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  **Bài tập 1:**  Các phép tu từ.  - Điệp ngữ kết hợp điệp cú: Ai có ... dùng ...  - Liệt kê: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc.  - Ngắt đoan câu (phối hợp với các phép tu từ trên) để tạo giọng văn dứt khoát, mạnh mẽ.  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  **Bài tập 2**: Có thể nêu một số ý:  - Luận cứ: Ở thời điểm nào thì thanh niên cũng gánh vác nhiệm vụ quan trọng của đất nước, là trụ cột, là người chủ tương lai của đất nước.  - Các luận chứng:  + Thế hệ thanh niên trong CMT8  + Thế hệ thanh niên trong kháng chiến chống Pháp và Mĩ.  + Thế hệ thanh niên trong công cuộc xây dựng CNXH, hội nhập với thế giới.  - Kết luận: Thanh niên phải học tập để xây dựng đất nước.  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  **a**. Lòng yêu nước có thể giáo dục từ truyền thống nhưng một phần khác bắt nguồn từ những tình cảm thiết thực”Nhỏ bé” của mỗi người.: Yêu người thân: cha, mẹ, ông, bà; Yêu làng quê và những kỉ niệm thời thơ ấu.  **b**.Tình cảm cụ thể và nhỏ bé nhưng sâu sắc, thiết tha, lòng yêu nước trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng và có ý thức thường trực trong mỗi con người.  **c**. Yêu nước là phải bảo vệ xây dựng đất nước  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** | | **\* LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1:**  Các phép tu từ.  **Bài tập 2**: Có thể nêu một số ý:  - Luận cứ:  - Các luận chứng:  - Kết luận:  **Bài tập 3**: Có thể nêu một số ý: |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau:  *"Thời gian đã lùi xa, nhưng Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.*  *Đó là bài học về tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa chống giặc ngoại xâm, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù cho chúng có mạnh tới đâu.*  *Bài học về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.*  *Bài học về phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và sáng tạo, tìm tòi, xác định đúng đường lối cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.*  *Bài học về xây dựng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.*  *Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. "*  *(Trích Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Lễ Mít tinh, diễu binh, diễu hành kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2014).*           1/Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?           2/ Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?          3/ Cụm từ "...một mốc son chói lọi trong lịch sử" nói lên điều gì?          4/ Đặt tiêu đề cho văn bản trên.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ***Trả lời:***   1/Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.           2/ Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên là điệp ( lặp) cấu trúc câu ( Bài học về...). Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó: nhấn mạnh những bài học quý giá được rút ra từ chiến thắng Điện Biên Phủ.          3/ Cụm từ "...một mốc son chói lọi trong lịch sử" có ý nghĩa ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc và thế giới, mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam.          4/ Đặt tiêu đề cho văn bản trên ( ví dụ: Bài học lịch sử từ chiến thắng Điện Biên) |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết một đoạn văn ( khoảng 200 từ) kêu gọi các bạn học sinh trong trường ủng hộ giúp đỡ đồng bào miền Trung bị lũ lụt năm 2016.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **HS vận dụng đặc trưng phong chách ngôn ngữ chính luận để viết đoạn văn cho phù hợp.** |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 111**

**LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, so sánh, phân tích, bình luận…

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận thao tác, so sánh, phân tích, bình luận… trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với kết hợp các thao tác lập luận ;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp thao tác lập luận ;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng kết hợp thao tác lập luận ;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng kết hợp thao tác lập luận ;

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng kết hợp thao tác lập luận ;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kiểu bài văn nghị luận

3/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS biết vận dụng các thao tác lập luận khi tạo lập văn bản;

- Năng lực sáng tạo: Biết cách vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ;

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Đoạn văn sau bàn về nội dung gì? Sử dụng các thao tác lập luận nào? Sử dụng thao tác đó một cách rời rạc hay kết hợp?  *Mục đích lớn nhất của Nam Cao khi xây dựng nhân vật thị Nở là tạo ra một chất "xúc tác" để thể hiện trọn vẹn vấn đề trung tâm của tác phẩm: tính chất bi thảm trong bi kịch cuộc đời của Chí Phèo.*  *Khi xuất hiện với tư cách một con người có tình thương ở bên cạnh Chí, thị Nở khiến Chí hồi sinh: thoạt đầu là tỉnh rượu, tiếp đó là tỉnh ngộ rồi cuối cùng khát khao làm người lương thiện, khát khao hoàn lương. Nghĩa là, trong mối quan hệ với thị Nở, Chí Phèo đã trở lại với tính người toàn vẹn.*  *Sự từ chối của thị Nở đẩy Chí từ đỉnh cao của khát khao hạnh phúc xuống đến tận cùng của nỗi bất hạnh, tủi nhục, khốn khổ vì bị một người đàn bà xấu ma chê quỷ hờn từ chối. Chí đau đớn, tuyệt vọng vì cánh cửa mở vào thế giới lương thiện đã bị đóng lại, con đường trở lại làm người lương thiện đã bị chặn đứng. Chí uất ức, hận thù vì bị khinh bỉ, coi thường, bị tước đi cơ hội sống như một con người,... Tất cả những yếu tố tâm lí ấy đẩy Chí đến chỗ tự sát một cách nhanh chóng, quyết liệt và bi thảm.*  *( Theo Đỗ Ngọc Thống )*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Nội dung: Mục đích xây dựng nhân vật Thị Nở của Nam Cao. Người viết sử dụng kết hợp các thao tác phân tích, giải thích, so sánh, bình luận.  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong các tiết học trước, các em đã được tìm hiểu các thao tác lập luận rất phổ biến trong làm văn nghị luận đó là thao tác lập luận phân tích, so sánh, bình luận, bác bỏ…. Tuy nhiên trong thực tế nói và viết không phải bao giờ chúng ta cũng chỉ sử dụng một thao tác lập luận riêng lẻ, mà phải biết vân dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận thì nói, viết mới đạt hiệu quả giao tiếp cao. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trên.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | |
| **\* Thao tác 1 :**  a. Đoạn trích viết về vấn đề gì? Quan điểm tác giả đối với vấn đề đó ra sao?  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Đoạn trích viết về ảnh hưởng của một số nhà thơ mới lãng mạn như : Thế Lữ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên với cá nhà thơ Pháp Bô-đơ-le, Đơ Nô-ai, Gi- đơ, Véc-len. Nhà văn Mĩ như: Ét-ga Pô.  - Quan điểm của tác giả là ảnh hưởng trong giao lưu là ngẫu nhiên.  b. Tác giả sử dụng thao tác lập luận nào là chủ yếu? ngoài ra còn có thao tác nào?  - Thao tác so sánh và phân tích. Cuối đoạn tác giả sử dụng thao tác bác bỏ và bình luận  - Xuất phát từ vấn đề đặt ra mà chọn các thao tác. Dựa vào cách lập luận, giải quyết vấn đề đó có trọn vẹn không. Cách dùng từ, diễn đạt có hấp dẫn không. | **I. Đọc-tìm hiểu**  **1. Đọc đoạn trích trả lời câu hỏi**  - Đoạn trích viết về ảnh hưởng của một số nhà thơ mới lãng mạn như: Thế Lữ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên với cá nhà thơ Pháp Bô-đơ-le, Đơ Nô-ai, Gi- đơ, Véc-len. Nhà văn Mĩ như: Ét-ga Pô.  - Quan điểm của tác giả là ảnh hưởng trong giao lưu là ngẫu nhiên. Song thơ Pháp không làm ảnh hưởng tới thơ Việt, không làm mất bản sắc thơ Việt. Các nhà thơ Việt vẫn có phong cách riêng.  - Thao tác so sánh và phân tích  Cuối đoạn tác giả sử dụng thao tác bác bỏ và bình luận  Việc áp dụng nhiều thao tác chưa hẳn đã tốt. Áp dụng kết hợp nhiều thao tác phải phù hợp mới có hiệu quả.  - Xuất phát từ vấn đề đặt ra mà chọn các thao tác. Dựa vào cách lập luận, giải quyết vấn đề đó có trọn vẹn không. Cách dùng từ, diễn đạt có hấp dẫn không. | |
| **\* Thao tác 1 :**  Hướng dẫn HS xây dựng đề cương, vận dụng các thao tác lập luận.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Lập dàn ý  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  Đặt vấn đề:  + Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận  Giải quyết vấn đề  - Khẳng định rèn luyện ý chí vươn lên trong học tập và công tác là yêu cầu đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển của con người ở thời đại mới.  - Tại sao phải rèn luyện  - Phê phán và bác bỏ những việc làm sai trái của một số thanh niên hiện nay.  - Làm thế nào để rèn luyện tốt ý chí vươn lên trong học tập và công tác.  Kết thúc vấn đề:  - ý nghĩa của vấn đề đặt ra  - Bản thân phải có nhận thức và hành động gì  **Nhóm 2:** Xác định áp dụng thao tác lập luận nào?  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  Nên áp dụng thao tác:  + Bình luận  + Giải thích  + Chứng minh  + Phản bác  **Nhóm 3:** Trình bày 1 luận điểm  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  Tại sao phải rèn luyện ý chí vươn lên trong học tập và công tác cho thanh niên ngày nay.  + Thanh niên ngày nay là lớp người sinh ra trong thời bình chưa biết đến chiến tranh gian khổ.  + Một vài năm gần đây vấn đề giáo dục lí tưởng cho thanh niên bị coi nhẹ  + Bị một số tiêu cực của xã hội tác động vì vậy cần phải đặt ra vấn đề giáo dục cho thanh niên.  **Nhóm 4:** Viết 1 đoạn trình bày trứơc lớp  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  Viết đoạn văn trình bày trước lớp  Nhận xét trên các mặt: nội dung trình bày, hình thức trình bày, tư thế thái độ trình bày. | | 2. Xây dựng đề cương, vận dụng các thao tác lập luận.  Bước 1: Chọn vấn đề cần nghị luận:  Thanh niên ta ngày nay cần có ý chí vươn lên trong học tập và công tác.  Bước 2: Lập dàn ý  Bước 3: Viết 1 đoạn văn trình bày trước lớp |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Hãy xác định các thao tác lập luận trong đoạn văn sau của Hồ Chí Minh:**  *“Liêm là trong sạch, không tham lam.*  *Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là liêm, chữ liêm ấy có nghĩa hẹp. Cũng như ngày xưa trung là trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi.*  *Ngày nay, chữ liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải liêm. Cũng như trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân.*  *Chữ liêm phải đi đôi với chữ kiệm. Có kiệm mới liêm được, vì xa xỉ sẽ sinh tham lam.*  *Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm.*  *Người cán bộ, cậy quyền thế mà khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công thành của tư; người buôn bán, mua một bán mười hoặc mua gian bán lậu chợ đen chợ đỏ, tích trữ đầu cơ; người có tiền, cho vay cắt cổ, bóp hầu bóp họng đồng bào; người cờ bạc, chỉ mong xoay của người làm của mình,.. đều là tham lam, đều là bất liêm.*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **Thao tác giải thích, phân tích, so sánh, bình luận.** |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:** *Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | + Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:   * Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay. * Tác hại của bệnh quay cóp. * Lời khuyên .   + Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.  **\*** Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 th/tác lập luận |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  + Tìm đọc thêm một số Ngữ liệu thuộc kiểu bài NLXH và NLVH có sử dụng kết hợp tác thao tác lập luận. Phân tích biểu hiện sự vận dụng kết hợp đó.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm ngữ liệu qua sách tham khảo, truy cập mạng. Vận dụng kiến thức đã học để xác định đúng các thao tác lập luận đó trong ngữ liệu đã tìm.** |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 112, 113 – Đọc văn**

**ÔN TẬP VĂN HỌC**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH thuộc chương trình Ngữ Văn 11-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

2/ Thông hiểu:Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học từ nửa cuối thế kỷ XIX và đầu XX đến 8-1945. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

3/Vận dụng thấp: Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn học sử

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử

3/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945; Văn học nước ngoài.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học giai đoạn văn học nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| * GV giao nhiệm vụ:   +Trình chiếu tranh ảnh các tác giả tiêu biểu Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX đến cách mạng tháng tám năm 1945, tác giả VHNN, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán các tác giả, tác phẩm;  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Như vậy là chúng ta đã thực hiện nội dung đọc hiểu Văn bản Ngữ văn 11 Hôm nay, chúng ta ôn lại văn học giai đoạn này để khắc sâu kiến thức. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 70 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  -GV: yêu cầu HS ôn tập và hệ thống kiến thức theo câu hỏi trong sgk  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Điểm khác nhau giữa thơ mới và thơ trung đại trên các bình diện: nội dung cảm hứng; cách cảm nhận thiên nhiên, con người; cảm hứng chủ đạo; hình thức nghệ thuật…  🖎 Hs trả lời câu 1 theo cá nhân , cho ví dụ; GV nhận xét , giảng bổ sung và chốt ý chính cần ghi nhớ.  GV hỏi nâng cao: Các bài Tràng giang, Đây thôn Vĩ Dạ đều theo thể thất ngôn trường thiên (3 hoặc 4 khổ); nhưng tại sao không phải là thơ cũ?  - Đó chỉ là sự giống nhau về phần xác (hình thức); còn phần hồn (tinh thần của cái "tôi" cá nhân, nỗi buồn cô đơn trước mênh mông trời rộng sông dài, nỗi sầu vũ trụ (Tràng giang); nỗi buồn, cô đơn vì xa cách, vì mong mỏi, hi vọng và thất vọng vói một mối tình đơn phương trong bênh tật (Đây thôn Vĩ Dạ), thì chỉ có trong thơ mới. | | **\* CÂU 1:**  +Thơ mới nảy sinh trong hoàn cảnh XH thực dân nửa PK.  +Tác giả thơ mới: tri thức Tây học (thơ trung đại: Nho sĩ và quan lại)  +Thơ mới thể hiện cái tôi cá nhân một cách tuyệt đối (thơ trung đại cái ta -tính phi ngã)  +Thơ mới ảnh hưởng thi pháp VH Phương Tây (thơ trung đại ảnh hưởng thi pháp VH trung đại Trung Hoa) |
| Định hướng: học sinh bám vào nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm, để lập bảng so sánh.  Hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh hai tác phẩm  \* GV cho HS thảo luận Câu 2 đến câu 8 và gọi HS phát biểu.  🖎 Hs phát biểu  Vì sao phải đến Xuân Diệu qúa trình hiện đại hoá văn học mới vươn tới đỉnh cao của sự hoàn tất?  \*GV hướng dẫn HS kẻ bảng hệ thống  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Câu 2+3 SGK**  **Nhóm 2: Câu 4+5 SGK**  **Nhóm 3: Câu 6 SGK**  **Nhóm 4: Câu 7+8 SGK** | - *Lưu biệt khi xuất dương* và *Hầu Trời* là hai bài thơ ra đời vào đầu thế kỉ XX. Cụ thể là Phan Bội Châu viết *Lưu biệt khi xuất dương*  năm 1905 và Tản Đà viết *Hầu Trời* năm 1921. Đây là thời kì mở đầu cho quá trình hiện đại hoá. Thành tựu chưa có gì nổi bật. Cả hai bài thơ mới chỉ đề cập được phần nào cái tôi- ý thức cá nhân 🡪 khẳng định mạnh mẽ để tạo nên vẻ đẹp lãng mạn hào hùng ở Phan Bội Châu, tài hoa, phóng túng, ngông nghênh hơn người ở Tản Đà. Hai bài thơ này chỉ là điểm giao thời, một gạch nối của hai thời đại thi ca.  - Phải đến *Vội vàng* của Xuân Diệu thì ý thức cá nhân của con người mới thực sự trỗi dậy mạnh mẽ. Đó là sự cuồng nhiệt đến hết mình khi giao cảm với thiên nhiên và con người. Nhà thơ bộc lộ khát vọng: “tôi muốn tắt nắng đi… bay đi”. Giao cảm hết mình với đời, Xuân Diệu đã xây dựng một thiên đường mặt đất và có quan niệm mới mẻ về nhân sinh, về thời gian và đời người. Một chút buồn thi sĩ gửi cùng thiên nhiên, chia sẻ với con người. Để từ đó bộc lộ cách sống vội vàng.  - Phải đến Xuân Diệu quá trình hiện đại hoá văn học mới vươn tới đỉnh cao của sự hoàn tất. | |

\* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận: **Câu 2+3 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập bảng thống kê về 2 tác phẩm** | | |
|  | **Lưu biệt khi xuất dương** | **Hầu Trời** |
| Nội dung | - Lí tưởng của trang nam nhi là chủ động xoay trời chuyển đất, làm việc kì lạ, không để cuộc sống chỉ đạo mình.  - Khẳng định sự đóng góp của cá nhân với cuộc đời và tin tưởng vào thế hệ mai sau theo dòng lịch sử.  - Xót xa trứơc tình cảm đất nước, phê phán học vấn nền thi cử đạo Nho.  - Khát vọng mạnh mẽ lên đường | -Một cái tôi tài hoa, phóng túng, khẳng định tài năng văn chương hơn người và khao khát được thể hiện giữa cuộc đời.  - Phần nào nêu được cuộc sống của người cầm bút. |
| Nghệ thuật | - Xây dựng được hình tượng mang vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng  - Thể hiện thơ tuyên truyền của Phan Bội Châu 🡪 hướng ngoại xây dựng hình ảnh kì vĩ, mạnh mẽ. | - Có nhiều sáng tạo. giọng điệu tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, hóm hỉnh. |

\* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận: **Câu 4+5 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nội dung | Nghệ thuật |
| *Vội vàng* của Xuân Diệu | - Sự giao cảm hết mình với thiên nhiên, với con người, với cái đẹp của thiên nhiên, cái vẻ đẹp của con người. Từ đó có quan niệm mới mẻ về nhân sinh. Nỗi buồn về thời gian một đi không bao giờ trở lại, đời người hữu hạn. Để từ đó có cách sống vội vàng. | - Giọng điệu say mê sôi nổi, có nhiều sáng tạo về ngôn ngữ và hình ảnh.  - Kết hợp giữa cảm xúc và mạch luận lí. |
| *Tràng giang* của Huy Cận | - Huy Cận gửi nỗi buồn của mình, cái tôi cô đơn trước thiên hiên sông dài trời rộng và cả những vật hữu hình nhỏ bé, trôi nổi. Đồng thời đọng lại trong tình yêu quê hương đất nước. | - Bài thơ mang màu sắc cổ điển mà vẫn có giọng điệu gần gũi thân thuộc ở hình ảnh trong thơ. |
| *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử | - Bức tranh đẹp trong sự giao cảm với thiên nhiên và con người, để từ đó nhà thơ bộc lộ nỗi buồn gợi nhớ đến bâng khuâng. Một nỗi buồn với bao uẩn khúc trong lòng. Một tình cảm tha thiết với đời, với người. | - Giàu hình ảnh biểu hiện nội tâm. Ngôn ngữ tinh tế, giàu sức liên tưởng. |
| *Tương tư* của Nguyễn Bính | - Diễn tả tâm trạng của chàng trai lúc tương tư. Để từ đó thấy được hồn quê hoà lẫn với cảnh quê. Từ thương nhớ đến hờn giận, trách móc, chàng trai bộc lộ khát vọng hạnh phúc lứa đôi. | - Miêu tả diễn biến tâm trạng. Kết hợp giữa hồn quê và cảnh quê. Thể thơ lục bát, ngôn ngữ giản dị, giọng thơ ngọt ngào, tha thiết làm sống dậy hồn xưa đất nước. |
| *Chiều xuân* của Anh Thơ | - Bức tranh chiều xuân tiêu biểu ở đồng bằng Bắc bộ hiện lên với không khí và nhịp sống ở nông thôn.  - Với cảnh vật của mùa xuân êm ả. | - Thủ pháp gợi tả làm nổi bật không khí, nhịp sống ở nông thôn.  - Dùng cái động để tả cái tĩnh. |

**Câu 5:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| *Chiều tối* Hồ Chí Minh | Tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, ý chí vươn lên hoàn cảnh khắc nghiệt của người tù cộng sản. Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan của Bác. | Bài thơ là sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển mà hiện đại. Mạch thơ có sự vận động mạnh mẽ. |
| *Lai Tân* Hồ Chí Minh | - Bài thơ như một tứ cười hóm hỉnh đày tính chất trào lộng thâm thuý vào xã hội Trung Hoa dân quốc thời Tưởng | Tạo nên kết cấu đặc biệt ở câu cuối để giọng điệu châm biếm nhẹ mà đau. |
| *Từ ấy* Hồ Chí Minh | Lời tâm nguyện của người thanh niên trong bước đường giác ngộ lý tưởng Đảng. Đồng thời bộc lộ niềm vui, say, tràn trề sức sống khi đón nhận lý tưởng Đảng. | Vận động về tâm trạng thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh, nhạc điệu. |
| *Nhớ đồng* Tố Hữu | Nỗi nhớ da diết của nhà thơ với quê hương, con người, Qua đó bộc lộ niềm say mê lý tưởng, khát khao tự do. | Sử dụng thơ có kết câu điệp  thể hiện diễn biến tâm trạng |
| *Tôi yêu em* Pu- skin | Lời giãi bày tình yêu, thẫm nỗi buồn của tâm hồn yêu chân thành, mãnh liệt, nhân hậu, vị tha. | Ngôn ngữ giản dị kết hợp giữa cảm xúc và lý trí |
| *Nhân vật Bê-li-cốp* Sê- khốp | Qua nhân vật này, Sê- khốp phê phán lối sống hèn nhát, bạc nhược, bảo thủ, ích kỉ của một bộ phận trí thức Nga cuối thế kỉ XIX. Từ đó nhà văn thức tỉnh mọi người: không thể sống như thế mãi được. | Xây dựng nhân vật điển hình. Giọng kể chậm dãi, giễu cợt châm biếm, mỉa mai mà pha chút buồn đời. Chi tiết ấy ấn tượng: cái vỏ bao |
| *Giăng Van- giăng*  Huy- gô | Người ban phát tình thương cho những kẻ khốn khổ  Chịu nhiều hy sinh, thiệt thòi vì người khác.  Trong hoàn cảnh bất công, tuyệt vọng, con người chân chính vẫn có thể bằng ánh sáng yêu thương đẩy lùi bóng tối của cường quyền. Nhóm ngọn lửa niềm tin vào tương lai. | Xây dựng cử chỉ, lối nói nhân vât.  Tạo nên sự đối lập giữa nhân vật Giăng Van- giăng và Gia- ve.  Nụ cười trên môi của Phăng- tin là hình ảnh lãng mạn tăng thêm vẻ đẹp của Giăng Van- giăng. |

\* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận: Bài thơ ***Tôi yêu em*** của Puskin hay và sâu sắc như thế nào?

-Thấm đượm nỗi buồn của mối tình đơn phương, vô vọng nhưng trong sáng của một tâm hồn chân thành, mãnh liêt, nhân hậu, vị tha.

-Ngôn từ giản dị, tinh tế.

-Điệp ngữ tôi yêu em.

\* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| *Nhân vật Bê-li-cốp* Sê- khốp | Qua nhân vật này, Sê- khốp phê phán lối sống hèn nhát, bạc nhược, bảo thủ, ích kỉ của một bộ phận trí thức Nga cuối thế kỉ XIX. Từ đó nhà văn thức tỉnh mọi người: không thể sống như thế mãi được. | Xây dựng nhân vật điển hình. Giọng kể chậm dãi, giễu cợt châm biếm, mỉa mai mà pha chút buồn đời. Chi tiết ấy ấn tượng: cái vỏ bao |
| *Giăng Van- giăng*  Huy- gô | Người ban phát tình thương cho những kẻ khốn khổ  Chịu nhiều hy sinh, thiệt thòi vì người khác.  Trong hoàn cảnh bất công, tuyệt vọng, con người chân chính vẫn có thể bằng ánh sáng yêu thương đẩy lùi bóng tối của cường quyền. Nhóm ngọn lửa niềm tin vào tương lai. | Xây dựng cử chỉ, lối nói nhân vât.  Tạo nên sự đối lập giữa nhân vật Giăng Van- giăng và Gia- ve.  Nụ cười trên môi của Phăng- tin là hình ảnh lãng mạn tăng thêm vẻ đẹp của Giăng Van- giăng. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn cảm nhận về hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ Tràng giang ( Huy Cận)  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Hình tượng nhân vật trữ tình : con người trước bao la trời rộng, sông dài, con người khao khát tình đời, tình người, cảm nhận thấm thía mối sầu cô đơn "Mênh mông không một chuyến đò ngang - Không cầu gợi chút niềm thân mật - Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng". Nỗi buồn nhân thế vốn có cơ sở thực tại, khi nó tìm thấy những đồng điệu ấy là khi nó thể hiện được tiếng nói cúa một thế hệ, thế hệ "Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời" trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền. Nỗi "nhớ nhà" như thế không cần một hình ảnh tương đồng, nó sẵn chất chứa trong lòng người, phản chiếu tình cảm lớn : tình cảm với Tổ quốc, đất nước. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Theo nhà văn Hoài Thanh, Xuân Diệu là nhà thơ "mới nhất trong các nhà thơ mới".  Đặc điểm đó của thơ Xuân Diệu được thể hiện như thế nào ở bài thơ Vội vàng?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1.Giảỉ thích : "mới" : là mới mẻ, hiện đại. Ở đây bao hàm sự so sánh giữa thơ Việt Nam hiện đại đầu thế kỉ XX với thơ Việt Nam thời kì trung đại ; "mới nhất" : là từ chỉ tính chất hiện đại được thể hiện ở mức độ cao nhất, nhiều nhất ; "Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" là ý kiến khẳng định Xuân Diệu là nhà thơ hàng đầu trong phong trào Thơ mới với các đặc điểm nội dung (quan niệm, đề tài, chủ đề tư tưởng,...) và nghệ thuật (thể loại, ngôn ngữ thơ, cách thể hiện ý, tình trong thơ,...).  2.Phân tích :  - Quan niệm về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc và khát vọng sống mãnh liệt của nhà thơ Xuân Diệu trong bài thơ (ngợi ca mùa xuân, ngợi ca cuộc đời, ngợi ca tuổi trẻ, sự tiếc nuối thời gian, tiếc nuối tuổi xuân đi qua không trở lại, lởi kêu gọi sống hết mình, sống cuồng nhiệt, sống đến kiệt cùng của cảm giác, cám xúc,...) so với xúc cảm và quan niệm của một số tác giả tiêu biểu của phong trào Thơ mới mà các em đã biết (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Huy Cận,...).  - Những cách tân về thể loại, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm xúc và quan niệm mang tính triết lí; giọng điệu trữ tình sôi nổi, mê say (vui vẻ, ngập tràn hạnh phúc trước vẻ đẹp của mùa xuân, cuộc đời, nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian, giục giã, hối hả tận hưởng cuộc sống tuổi trẻ,...), ngôn ngữ nghẹ thuật giàu tính hình tượng, giàu cảm xúc,... so với những cách tân nghệ thuật ở một số tác phẩm của tác giả tiêu biểu trong phong trào Thơ mới mà các em đã biết (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Huy Cận,...).  3. Khẳng định giá trị của tác phẩm và những đóng góp to lớn của Xuân Diệu cho công cuộc cách mạng thơ ca Việt Nam hiện đại. Vội vàng là tuyên ngôn về lẽ sống và thể hiện đặc điểm phong cách nghệ thuật của Xuân Diệu, là một minh chứng cho vị trí của nhà thơ trong thơ hiện đại "mới nhất trong các nhà thơ mới |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Chọn một bài thơ cách mạng của Bác Hồ, Tố Hữu (ngoài SGK) hoặc của tác giả khác; học thuộc và viết lời bình khoảng l - 2 trang.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+** Sưu tầm và viết lời bình khoảng l - 2 trang về những bài thơ đã được chọn. |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 114 – Làm văn**

**TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận;

2/ Thông hiểu: Cách tóm tắt văn bản nghị luận dựa theo nhân vật chính.

3/Vận dụng thấp: Tóm tắt được tất cả văn bản nghị luận trong và ngoài chương trình

4/Vận dụng cao: Sử dụng văn bản tóm tắt để làm bài văn nghị luận văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài tóm tắt văn bản nghị luận;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày văn bản tóm tắt

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: tóm tắt văn bản nghị luận dùng trong các yêu cầu khác nhau;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn bản tóm tắt;

3/Hình thành nhân cách: có ý thức vận dụng văn bản tóm tắt trong giao tiếp ngôn ngữ.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các bước tóm tắt văn bản nghị luận;

- Năng lực đọc – hiểu và tóm tắt văn bản nghị luận;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản nghị luận;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về những kiến thức đã tóm tắt được từ văn bản nghị luận

- Năng lực tạo lập văn bản tóm tắt.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Ở lớp 10, các em đã học cách tóm tắt những loại văn bản nào?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Tóm tắt văn bản tự sự-Tóm tắt văn bản thuyết minh.  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Văn bản nghị luận thường chứa đựng dung lượng nội dung rất lớn. Muốn nắm được các nội dung đó, ngoài phương pháp đọc – hiểu văn bản, chúng ta cần phải biết tóm tắt văn bản để đúc rút những nội dung cơ bản được phản ánh trong văn bản đó. Vậy để đáp ứng được những yêu cầu vừa nêu, nội dung của tiết học này sẽ cung cấp cho chúng ta cách tóm tắt văn bản nghị luận. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | | |
| **\* Thao tác 1 :**  -GV: Tóm tắt là gì ? -Thế nào là tóm tắt VBNL?*-* Nêu mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL ?  - GV nhận xét khái quát và bổ sung kiến thức.  -GV: vì sao khi tóm tắt VBNL yêu cầu ta phải trung thành với các tư tưởng, luận điểm của VB gốc ?  **HS xem sgk trả lời.**  - Trình bày lại một cách ngắn gọn nội dung của văn bản nghị luận gốc theo mục đích đã định trước.  - Mục đích quyết định lựa chọn những thông tin đưa vào văn bản nhằm:  + Hiểu đựơc bản chất của văn bản  + Nguồn dữ liệu dùng vào nhiều trường hợp  + Người đọc nắm chắc các thao tác, có dịp rèn luyện tư duy và cách diễn đạt cho mình.  **Mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL**  - Đảm bảo hình thành các tư tưởng, luận điểm của văn bản gốc.  - Không được xuyên tạc và tự ý thêm những điểm không có trong văn bản gốc.  - Diễn đạt ngắn gọn súc tích, loại bỏ những thông tin không phù hợp với mục đích tóm tắt.  -GV giảng giải thích thêm. | **I.ÔN TẬP CHUNG :**  1-Tóm tắt 🡪viết; kể lại một cách ngắn gọn, khách quan những nội dung chính của văn bản. Khi tóm tắt- rút ngắn, cần giữ được những nội dung cơ bản, quan trọng của văn bản gốc.  -Tóm tắt văn bản nghị luận : một hình thức làm văn kết hợp kĩ năng đọc - hiểu với kĩ năng diễn đạt, đáp ứng nhu cầu học tập suy nghĩ trong thực tế.  2**. Mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL:**  **- Mục đích:**  + Giúp ta có những hiểu biết khái quát, chính xác và sâu sắc về VB gốc.  + Tích lũy tư liệu và kiến thức cần thiết làm tài liệu.  + Học tập cách tư duy và diễn đạt trong văn NL.  + Rèn luyện kĩ năng đọc – hiểu, tiếp nhận văn bản và tóm tắt VBNL.  **- Yêu cầu:**  + Phản ánh trung thành các tư tưởng, luận điểm của VB gốc; không tự ý thêm bớt.  +Diễn đạt ngắn gọn, súc tích, loại bỏ những thông tin không phù họp với mục đích tóm tắt. | | |
| \* Thao tác 1 :  GV yêu cầu HS đọc văn bản Về luân lí xã hội ở nước ta (Phan Châu Trinh), sau đó tìm hiểu và trả lời các câu hỏi ở mục II trong SGK tr.117 - 118.  Gợi ý:  Tóm tắt: Nước ta có luân lí xã hội hay không? Câu trả lời là: Không!  Ở một đất nước mà vua thì dùng chính sách ngu dân để duy trì sự thống trị của mình, quan thì tìm mọi cách nịnh trên nạt dưới để vơ vét cho cái túi tham không đáy của mình thì làm gì có luân lí! Hơn nữa, dân thì cơ hàn, chỉ loay hoay với miếng cơm manh áo đã đủ mệt nhoài, còn đâu thời gian học hành để mở mang hiểu biết. Vì không hiểu biết nên không tổ chức được các đoàn thể để giúp đỡ lẫn nhau, mà ngược lại còn dửng dưng vô cảm trước nỗi thống khổ của nhau. Trong hoàn cảnh dân trí tối tăm như vậy thì làm sao có thể tiếp thu được những tư tưởng tiến bộ của thời đại?  Muốn Việt Nam có luân lí thì trước hết phải biết đoàn kết trong một tổ chức đoàn thể nhất định. | | **II/CÁCH TÓM TẮT VBNL: - Ghi nhớ (sgk)**  **- Bước 1**:Đọc kĩ văn bản gốc. Dựa vào nhan đề,phần mở đầu và kết thúc 🡪lựa chọn những ý, những chi tiết phù hợp với mục đích tóm tắt.  -Bước 2: Đọc từng đoạn trong phần triển khai (thân bài)🡪nắm được các luận điểm, luận cứ làm sáng tỏ vấn đề.  **- Bước 3:** Lập dàn ý trình bày lại một cách hệ thống những luận điểm của văn bản được tóm tắt.  **- Bước 4:** Dùng lời văn của mình để thuật lại nội dung cơ bản của văn bản được tóm tắt nhưng cần giữ lại bố cục và những câu văn quan trọng của văn bản gốc. | |
| **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài 1**  \* Nhóm 1+2 trình bày kết quả thảo luận:  Chủ đề của văn bản a: Sự đa dạng mà thống nhất của In-đô-nê-xi-a.  Chủ đề của văn bản b: Xuân Diêu - nhà nghiên cứu, phê bình văn học.  **Nhóm 3+4: Bài 2**  \* Nhóm 3+4 trình bày kết quả thảo luận:  a. Xác định vấn đề và mục đích nghị luận  - Nguồn nước ngọt ngày càng bị khan hiếm  - Liên hiệp quốc đã ra lời kêu gọi bảo vệ nguồn nước ngọt.  - Sử dụng lãng phí nước.  Trên đây cũng là vấn đề nghị luận. Mục đích của văn bản là:  + Để mọi người thấy nước ngọt ngày càng khan hiếm mà lượng người sử dụng ngày một nhiều. Công nghiệp phát triển thì nước ngọt ngày càng bị ô nhiễm làm giảm lượng nước ăn, chăn nuôi và trồng trọt.  + Mọi người phải có trách nhiệm tiết kiệm nước.  + Tham gia vào việc bảo vệ nguồn nước ngọt chống ô nhiễm.  b.Tìm các luận điểm trong văn bản  1. Trong đời sống chúng ta, thứ tài sản bị huỷ hoại và lãng phí nhiều nhất là nước.  2. Các nhà khoa học đã cho biết nước ngọt trên trái đất này có hạn.  3. Trên trái đất không phải nước nào cũng may mắn được trời cho đủ nước ngọt để dùng.  4. Liên hiệp quốc đã ra lời kêu gọi bảo vệ nguồn nước ngọt.  c.Tóm tắt văn bản bằng 3 câu  Tài sản bị huỷ hoại và lãng phí nhiều nhất là nước ngọt. Nước ngọt trên trái đất có hạn, người tăng lên, công nghiệp phát triển, nước sử dụng nhiều và nước thải làm ô nhiễm hồ, ao, sông, ngòi. Chúng ta phải biết tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch.  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết bài học** | | | **III/LUYỆN TẬP: (sgk-118-119)**  **-BT1:**  a)Chủ đề NL :Bàn về đặc trưng tổng thể của đất nước Indonesia.  b)CĐ NL :nói về tài năng của Xuân Diệu trong việc nghiên cứu , phê bình VH.  **BT2:**  **a.V/đề NL:** Tình trạng sử dụng nguồn nước ngọt không hợp lý và tình trạng nguồn nước ngày càng bị cạn kiệt và ô nhiễm.  **b.Mục đích NL:** nhằm nhắc nhở mọi người nhân thức giá trị và tầm quan trọng của tài nguyên nước 🡺kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và tránh làm ô nhiễm nguồn nước.  **c.Các LĐ chính:**  **LĐ 1:**Đặt v/đ: nước là tài sản quý báu nhưng đang bị hủy hoại và lãng phí nhiều nhất.  **LĐ 2:CM và PT 🡪** Tài nguyên nước trong tương lai sẽ không đáp ứng đủ cho yêu cầu của đ/s con người.  **LĐ 3:CM🡪**Tình trạng khan hiếm và ô nhiễm môi trường nước trên thế giới.  **LĐ 4:** Lời kêu gọi của LHQ về việc bảo vệ nguồn nước ngọt, chống ô nhiễm môi trường**.**  **d.Tóm tắt VBNL trong ba câu:** |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau thuộc loại văn bản gì? Hãy tóm tắt văn bản đó.  *"Làm sao trong đêm tối ngày xưa đó, Ngô Tất Tố đã mò ra được những thực tế đó và trong đêm tối, ông lụi hụi thắp được bó hương mà tự mình soi đường cho nhân vạt mình đi? Lúc đó, không phải là không ai nói về làng xóm dân cày, nhưng người ta nói năng khác ông, người ta bàn cải lương hương ẩm, người ta xoa xoa mà ngư ngư tiều tiều canh canh mục mục. Còn Ngô Tất Tố thì xui người nông dân nổi loạn. Cái cách viết lách như thế, cái cách dựng truyên như thế, không là phát động quần chúng nông dân chống quan Tây, chống vua ta thì còn là cái gì nữa!" (Nguyễn Tuân)*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | -Văn nghị luận;  - Tóm tắt ngắn gọn khoảng 4 dòng. Chú ý chọn những câu có quan hệ so sánh để tóm tắt. |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Tóm tắt đoạn trích “*Một thời đại trong thi ca*” của Hoài Thanh trong khoảng 15 dòng.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Đoạn trích có 21 đoạn xuống dòng, GV chia từng bước, hướng dẫn HS tóm tắt.  Các câu chủ đề ấy phải làm rõ được nội dung của đoạn trích: (1)Đặt ra nhiệm vụ đi tìm “*Tinh thần thơ mới*”.(2) Bởi vì các thời đại liên tiếp cùng nhau cho nên phải tìm cái chung của mỗi thời đại.(3) Xã hội Việt Nam xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể.(4)Cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như một giọt nước trong biển cả.(5) Cũng có những bậc kì tài để cho cái tôi xuất đầu lộ diện. (6) Họ dùng chữ tôi để nói chuyện với người khác chứ tuyệt không nói đến mình. (7) Bởi họ cầu cứu đến đoàn thể để trốn cô đơn. (8) Khi chữ tôi xuất hiện với cái nghĩa tuyệt đối của nó trên thi đàn Việt Nam gây khó chịu cho bao nhiêu người.(9) Khi nhìn đã quen thì cái tôi đó thật tội nghiệp, thi nhân mất hết cái cốt cách từ trước.(10)Tâm hồn họ chỉ vừa thu trong khuôn chữ tôi. (11) Bi kịch của cái tôi là đi đâu cũng không thoát khỏi sự bơ vơ, cô đơn. (12) Phương Tây đã trao trả hồn ta lại chon ta, nhưng ta thiếu một niềm tin đầy đủ.(13) Họ gửi tất cả bi kịch vào tiếng Việt. (14) Họ tìm thấy linh hồn nòi giống trong tiếng Việt. (15) Họ tìm về dĩ vãng để vin vào những bất diệt đủ đảm bảo cho ngày mai. |

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Sưu tầm một vài ngữ liệu tiêu biểu liên quan đến NLXH và NLVH . Sau đó, viết văn bản tóm tắt những ngữ liệu đó.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm ngữ liệu qua sách tham khảo, truy cập mạng IE. Tiến hành tóm tắt theo yêu cầu.** |

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 115-116 – Tiếng Việt**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

-Ôn tập và củng cố những kiến thức đã học về tiếng Việt ở lớp 11.

-Rèn luyện kỹ năng sử dụng Tiếng Việt chuẩn mực và đúng phong cách.

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được các khái niệm liên quan đến phần Tiếng Việt Ngữ văn 11;

2/ Thông hiểu: HS hiểu những nội dung kiến thức cơ bản phần Tiếng Việt Ngữ văn 11;

3/Vận dụng thấp: Đọc hiểu văn bản

4/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tiếng Việt để cảm thụ tác phẩm văn học;

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu văn bản; bài nghị luận văn học;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt trong quá trình lĩnh hội và tạo lập văn bản

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng TV trong giao tiếp

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi sử dụng TV trong giao tiếp

3/Hình thành nhân cách:

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Tiếng Việt

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến Tiếng Việt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp của tiếng Việt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về hoạt động giao tiếp, phong cách ngôn ngữ văn bản

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của Tiếng Việt với loại hình ngôn ngữ khác;

- Năng lực tạo lập văn bản .

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt để tạo không khi sôi động cho HS.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: trả lời tìm ra đáp số ô chữ thích hợp do GV gợi ý.  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy, Tiếng Việt là một trong 3 phân môn quan trọng trong quá trình đọc hiểu văn bản. Hôm nay, chúng ta sẽ tổng kết lại toàn bộ nội dung phần TV đã học ở Ngữ văn 11.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  -GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  -Câu 1:Vì sao nói ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội ?Thế nào là lời nói cá nhân ?  -HS nhớ lại kiến thức đã học, phát biểu và cho ví dụ minh họa.  ***a/Ngôn ngữ là tài sản chung của XH***:  -Bao gồm những yếu tố chung cho mọi thành viên trong XH như: âm vị, tiếng, từ, cụm từ cố định.  -Những quy tắc NP chung cho mọi người cần tuân theo như: tổ chức câu, trật tự từ, dấu câu,...  -Ngôn ngữ là sản phẩm chung của hoạt động giao tiếp xã hội.  ***b/Lời nói cá nhân***:  -Sự vận dụng các yếu tố chung để tạo thành lời nói cụ thể.  -Vận dụng linh hoạt các quy tắc ngữ pháp.  -Mang dấu ấn cá nhân về nhiều phương diện như: trình độ, hoàn cảnh sống, sở thích cá nhân,... | **CÂU 1: Phân biệt ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân ?**  ***a/Ngôn ngữ là tài sản chung của XH***:  ***b/Lời nói cá nhân***: |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Câu 2+3 SGK**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  -Bài thơ gồm 56 tiếng, đều là ngôn ngữ chung  -Sự vận dụng sáng tạo của Tú Xương:  + “Lặn lội thân cò” lấy từ ngôn ngữ chung, nhưng đã đảo trật tự từ  + “Eo sèo mặt nước” (tương tự)  + “Năm nắng mười mưa” (vận dụng thành ngữ)  Tất cả: thể hiện sự chịu thương, chịu khó, tần tảo đảm đang của bà Tú.  - Câu 3: (Đáp án :B)  **Nhóm 2: Câu 4 SGK**  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  - Bối cảnh rộng: hoàn cảnh đất nước bị xâm lược  - Bối cảnh hẹp: Nghĩa sĩ nông dân tự vũ trang tập kích giặc ở đồn Cần Giuộc. Trong cuộc chiến đấu không cân sức ấy: 21 nghĩa sĩ đã hi sinh🡪 bài văn tế ra đời trong bối cảnh chung và cụ thể đó.  **Nhóm 3: Câu 5+6 SGK**  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  a/**Nghĩa sự việc**: nghĩa tương ứng với sự việc được đề cập đến trong câu  - Sự việc có thể là hành động, trạng thái, quá trình, tư thế, sự tồn tại, quan hệ  - Do CN, VN, trạng ngữ, khởi ngữ, thành phần phụ khác của câu biểu hiện  **b/Nghĩa tình thái**: thái độ, sự đánh giá của người nói 🡪 sự việc ; người nghe.  - Biểu hiện qua các từ ngữ tình thái.  **Câu 6 :**“Dễ họ không phải đi gọi đâu”  Nghĩa sự việc là: câu biểu hiện hành động  Nghĩa tình thái là: phỏng đoán sự việc  **Nhóm 4: Câu 7+8 SGK**  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp  2. Từ không biến đổi hình thái  3. Ý nghĩa ngữ pháp : ở chỗ sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và cách dùng hư từ  **Ví dụ minh hoạ**  1. “Thôn/ Đoài/ ngồi/ nhớ/ thôn /Đông”  2. “Con ngựa đá con ngựa đá”  3. ở đây cấm không được câu cá; ở đây được câu cá không cấm;  **PCNN Báo chí :**  \****Các phương tiện diễn đạt:***  +Từ vựng (phong phú) cho từng loại  +Ngữ pháp: câu đa dạng, ngắn gọn  +Biện pháp tu từ: không hạn chế  ***\* Đặc trưng cơ bản:***  +Tính thông tin, thời sự  +Tính ngắn gọn  +Tính sinh động hấp dẫn  **PCNN Chính luận**  ***\*Các phương tiện diễn đạt:***  +Từ ngữ chung, lớp từ chính trị  +NP: câu chuẩn mực  +Biện pháp tu từ: sử dụng nhiều  \* ***Đặc trưng cơ bản:***  +Tính công khai về quan điểm chính trị  +Tính chặt chẽ trong diễn đạt suy luận  +Tính truyền cảm, thuyết phục. | **Câu 2: Phân tích mối quan hệ hai chiều giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân thể hiện qua việc sử dụng ngôn ngữ để sáng tạo nên hình tượng bà Tú trong bài thơ “Thương vợ” của Tú Xương?**  **Câu 3: Ngữ cảnh là:**  A. những câu văn đi trư­ớc và những câu văn đi sau một câu văn nào đó.  B. là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội đ­ược nội dung ý nghĩa của lời nói.  C. là hoàn cảnh khách quan đư­ợc nói đến trong câu.  D. là hoàn cảnh ngôn ngữ vào một thời kì nhất định.  **Câu 4: Bối cảnh sáng tác bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” ?**  **Câu 5:**  a/**Nghĩa sự việc**:  **b/Nghĩa tình thái**:  **Câu 6 :**  **Câu 7: Đặc điểm loại hình của tiếng Việt**  **Câu 8:**  **a/PCNN Báo chí :**  **b/PCNN Chính luận** |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ: Phân tích ngữ cảnh câu văn sau trong truyện Chữ người tử tù ( Nguyễn Tuân)**  ***Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả.***  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Ngữ cảnh của câu nói ***Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả.:***  + Nhân vật giao tiếp: Câu nói trên là của nhân vật thầy thơ lại, nói với nhân vật đang giao tiếp cùng là viên quản ngục. Trong đó, thẩy thơ lại là người giúp việc cho viên quản ngục - người đứng đẩu trại giam tỉnh Sơn. Do đó câu nói mang sắc thái tôn trọng, nể vì (Dạ bẩm).  + Bối cảnh ngoài ngôn ngữ:  Bối cảnh giao tiếp rộng: xã hội Việt Nam thời phong kiến, triều đình phong kiến đang trên đà suy thoái, những cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình nổ ra ở khắp nơi.  Bối cảnh giao tiếp hẹp: Câu nói trên có bối cảnh hẹp là thư phòng của viên quan coi ngục, vào lúc trời tối, sau khi quản ngục nhận được công văn từ dinh quan Tổng đốc.  Hiện thực được nói tới: Câu nói của thầy thơ lại đề cập đến Huấn Cao , một tử tù với tội danh phản nghịch triều đình sắp được áp giải đến trại giam của viên quan coi ngục. Thầy thơ lại nhận định Huấn Cao là người “văn võ song toàn”.  + Văn cảnh: Sở dĩ người đọc có thể hiểu ý là Huấn Cao vì trước đó, lời đối thoại của hai nhân vật quan quản ngục và thầy thơ lại có nhắc đến tên tuổi, đặc điểm của nhân vật: người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao; Huấn Cao hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?; Thầỵ có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?... |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Thống kê các từ láy trong đoạn văn sau và cho biết giá trị biểu cảm của các từ láy ấy.  *Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ: hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sâu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyên, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng tượng được. Ngày hội mùa xuân đấy. (Vũ Tú Nam)*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | ***Trả lời:***  *ríu rít* gợi ra cảm giác đông vui, nhộn nhip; *sừng sững* gợi ra vóc dáng về chiều cao bề thế của sự vật; *lóng lánh, lung linh* gợi ra vẻ đẹp huyền ảo của sự vật. |

**🕮TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | **Năng lực cần hình thành** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+** Lập bảng thống kê toàn bộ nội dung phần tiếng Việt đã học ở lớp 11  **+** Tìm thêm các ngữ liệu liên quan đến các bài tiếng Việt đã học  + Vận dụng tích hợp phần tiếng Việt làm bài tập Đọc hiểu văn bản  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | + Hệ thống kiến thức cơ bản theo bảng biểu  + Tìm ngữ liệu qua sách tham khảo, những thông tin chính thống trên mạng. | Năng lực tự học. |

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 117 – Làm văn**

**LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: Mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận;

2/ Thông hiểu: Cách tóm tắt văn bản nghị luận dựa theo nhân vật chính.

3/Vận dụng thấp: Tóm tắt được tất cả văn bản nghị luận trong và ngoài chương trình

4/Vận dụng cao: Sử dụng văn bản tóm tắt để làm bài văn nghị luận văn học.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài tóm tắt văn bản nghị luận;

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày văn bản tóm tắt

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: tóm tắt văn bản nghị luận dùng trong các yêu cầu khác nhau;

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn bản tóm tắt;

3/Hình thành nhân cách: có ý thức vận dụng văn bản tóm tắt trong giao tiếp ngôn ngữ.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các bước tóm tắt văn bản nghị luận;

- Năng lực đọc – hiểu và tóm tắt văn bản nghị luận;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản nghị luận;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về những kiến thức đã tóm tắt được từ văn bản nghị luận

- Năng lực tạo lập văn bản tóm tắt.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Tóm tắt văn bản nghị luận sau:  *Tinh thần thời đại trong bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh thể hiện ở sự vận động của cảm hứng thơ: Hai câu thơ đầu mang đến cho người đọc cảm giác u buồn, cô đơn khi cảm nhận cảnh chiều đồng thời có cảm giác rằng nỗi buồn, nỗi cô đơn sẽ càng trĩu nặng khi màn đêm buông xuống mà người tù thì vẫn mỏi mệt trên bước đường gian lao. Nhưng thật bất ngờ khi ở hai câu cuối, người tù lại hướng tâm tư, cảm xúc của mình đến ánh lửa hồng và gương mặt của người thiếu nữ sơn cước đang xay ngô bên bếp lửa. Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh lò than rực hồng - điểm sáng nổi bật giữa màn đêm, điểm sáng ấm áp của sự sống, cũng là nguồn sáng của tình đời, tình người và vẻ đẹp khoẻ khoắn của người lao động,...*  *Tinh thần thời đại còn thể hiện ở sự vận động của tâm hồn thi sĩ - chiến sĩ: Bài thơ mở ra với những hình ảnh và cảm hứng mang đậm chất cổ điển về một bức tranh chiều tĩnh lặng và u buồn, nhưng mạch thơ lại có sự chuyển đổi thật khoẻ khoắn, hướng về sự sống, ánh sáng, niềm vui. Đó chính là sự thể hiện tinh thần lạc quan và tấm lòng nhân ái của người tù - chiến sĩ - thi sĩ Hồ Chí Minh.( Theo Đỗ Ngọc Thống)*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: *Tinh thần thời đại trong bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh thể hiện ở sự vận động của cảm hứng thơ:từ cô đơn, u buồn ( 2 câu đầu) đến ấm áp sự sống ( 2 câu sau),ở sự vận động của tâm hồn thi sĩ-chiến sĩ…*  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:Ở tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu các bước tóm tắt văn bản nghị luận. Ở tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục bài học với phần thực hành nhằm củng cố kiến thức đã học.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  GV yêu cầu HS tìm hiểu và thực hiên yêu cầu ở mục 1.  HS có thể bổ sung 2 ý:  -Nhược điểm của thơ mới là không nói đến đấu tranh cách mạng.  -Thơ mới đã đổi mới sự biểu hiên của cảm xúc, góp phần vào sự phát triển của tiếng Việt.  .  GV yêu cầu HS tìm hiểu và thực hiện yêu cầu ở mục 2.  HS tìm hiểu và thực hiện yêu cầu ở mục 2.  -Vấn đề nghi luận: Tinh thần thơ mới.  -Mục đích nghi luận: Giúp người đọc nhận thức đúng về cuộc "cách mạng" của thơ mới với hai thành tựu nổi bật là công bố "cái "tôi" - cá nhân, cá thể" và đưa tiếng Viêt lên một tầm cao mới.  -Bố cục của văn bản trích  +Phần mở bài: câu đầu  +Thân bài gồm các ý chính sau:  ++Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới và xác định cách tiếp cận đúng đắn cần phải có.  ++Những biểu hiện của "cái "tôi" - cá nhân, cá thể" trong thơ mới, "cái "tôi"" buồn nhưng đầy khát vọng.  ++Tình yêu, sự tôn vinh đối với tiếng Việt.  +Phần kết bài: nhấn mạnh tinh thần thơ mới. | **BT1:**(trang 122-123):  -Những nội dung mà bạn HS dự định tóm tắt văn bản cần sửa chữa như sau:  +**L/Đ 1**: “Thơ mới là phong trào văn học phong phú, một phong trào sáng tạo dồi dào , có nhiều yếu tố tích cực”  +**L/Đ 2:** Phong trào Thơ mới có nhiều đóng góp về nghệ thuật thơ; đã góp phần trau dồi tiếng Việt.  +**LĐ 3**: Thơ mới xứng đáng mệnh danh là “một thời đại trong thi ca”  **BT2:**  **-Chủ đề NL**: Tinh thần Thơ Mới.  **-Mục đích NL**: khắc họa tinh thần thơ Mới là sự cách tân về thơ, từ “cái ta “chuyển sang “cái tôi” đầy màu sắc cá nhân,là tình yêu tha thiết T.V  **-Bố cục VB:**  +Phần mở bài :Nêu v/đ NL.  +Phần thân bài: gồm các ý :  **\*Cái khó** trong việc tìm ra tinh thần thơ Mới và **xác định cách tiếp cận đúng đắn** cần phải có.  \***Những biểu hiện của “cái Tôi” cá nhân trong thơ Mới,** “cái tôi” buồn, bế tắc nhưng khao khát vối c/s , với đất nước, con người.  \*Tình yêu, lòng say mê, nâng niu đối với TV.  +Phần Kết bài : Nhấn mạnh tinh thần Thơ Mới. |
| **Hướng dẫn HS rút ra kết luận về phương pháp tóm tắt bản nghị luận**  HS trả lời | **II/KẾT LUẬN**:  1/Khi tóm tắt văn bản nghị luận cần nắm vững những yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận .  2/Lưu ý : tránh sa vào phân tích dài dòng, lan man, xa nội dung của văn gốc . |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |  |

Tóm tắt văn bản sau:

XIN-GA- PO - "NGÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU"

*Thời điểm này, khi kết quả tuyển sinh ĐH, CĐ đã được công bố cũng là lúc nhiều người tìm đến con đường du học để chuẩn bị cho tương lai. Xin-ga-po là một sự lựa chọn của nhiều học sinh, sinh viên và cha mẹ các em bởi đảo quốc này thực sự là một ngôi trường toàn cầu, nơi mỗi người học có cơ hội hoà nhâp vào một nền giáo dục luôn hướng đến sự hoàn thiện và được trở thành một thành viên của cộng đồng dân cư tiến bộ.*

*Ngay từ khi quốc gia này trở thành một nước cộng hoà độc lâp, Chính phủ Xin-ga-po đã coi sự nghiệp giáo dục là yếu tố then chốt cho sự tăng trưởng và phát triển của đất nước. Trải qua bao năm, thừa hưởng và phát triển từ hệ thống giáo dục lâu đời của Anh, trong đó nền giáo dục được thiết lập nhằm đáp ứng nhu cầu của mọi cá nhân và tìm kiếm tài năng, đồng thời với sự đầu tư của Chính phủ, giáo dục Xin-ga-po đã xây dựng hệ thống trường công lập danh tiếng về chất lượng với những cái tên như ĐH Quốc gia Singapore (NUS), ĐH Công nghệ Nanyang (NUT), ĐH Quản trị Singapore (SMU). Dù đã được xếp hạng trong số các trường đứng đầu thế giới (NUS xếp thứ 18 trong số 200 trường ĐH tốt nhất, NUT nằm trong số 100 trường đào tạo thạc sĩ quản trị hàng đầu thế giới, xếp thứ 5 và thứ 9 ở khu vực châu Á), nhưng để sinh viên của mình có thể lựa chọn chương trình học phù hợp và có được những tấm bằng có giá tri quốc tế, các trường này còn liên kết với các trường đại học tên tuổi. Họ đặt mục tiêu trong một hai năm tới sẽ có 50% sinh viên của mình có cơ hội được tham gia vào các chương trình trao đổi với nước ngoài. Đây là một con đường để giáo dục Xin-ga-po thực hiện mục tiêu đưa đảo quốc này trở thành "Ngôi trường toàn cầu".*

*Cũng vì mục tiêu trên, Xin-ga-po đã có những chính sách nhằm thu hút các trường đại học có uy tín trên thế giới đặt phân hiệu ở đây như ĐH New South Wales (Ôt-xtrây-li-a), Trường nghệ thuật Tisch (Mĩ), ĐH Las Vegas (Nevada), ESSEC (trường hàng đầu về thương mại của Pháp), Top European MBA Scholl INSEAD, SP Jain Centre of Management (Ân Độ)... Xin-ga-po còn thu hút sự chú ý của 10 trường ĐH hàng đầu thế giới có mối liên kết chặt chẽ với các ngành công nghiệp đến thành lập các trung tâm giáo dục và nghiên cứu như INSEAD của Pháp, Massachussetts, ĐH Chicago (Mĩ). Với sự góp mặt của các trường đại học quốc tế nổi tiếng và một hệ thống giáo dục đào tạo chất lượng cao, nghiêm túc của một quốc gia luôn chú trọng đầu tư vào giáo dục, sinh viên đến Xin-ga-po sẽ được hưởng một chương trình giáo dục hoàn hảo và phong phú.*

*Những năm vừa qua, quản trị kinh doanh, ma-két-tinh, truyền thông, công nghệ thông tin là những ngành được nhiều người học lựa chọn. Tuy nhiên, dự báo trong những năm tới, những ngành học được ưa chuộng và nghề nghiệp triển vọng nhất sẽ là quản trị du lịch, khách sạn, nhà hàng, nghệ thuật, thiết kế và truyền thông mới. Nắm bắt được xu hướng này, các cơ sở đào tạo của Xin-ga-po đã chuẩn bị những khoá học toàn diện và cơ hội thực tập tốt cho sinh viên. Không chỉ có các trường giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc bằng các khoá học gắn liền với thực tiễn, quốc gia này còn đặt ra mục tiêu thu hút 17 triệu lượt khách du lịch vào năm 2015, tăng 6 triệu so với hiện nay, nên sẽ có 100.000 cơ hội việc làm trong 10 năm tới cho sinh viên tốt nghiệp các ngành này. Ngoài ra, CĐ nghệ thuật LASSLLE, Học viện nghệ thuật Nanyang, Học viện thiết kế Raffles... hay những trường đại học có chi nhánh tại Xin-ga-po như ĐH nghệ thuật Tisch với những chương trình giảng dạy phong phú và có chất lượng về thiết kế, nghệ thuật truyền thông mới có thể đáp ứng nhu cầu nhân lực rất lớn, song hiện số người được đào tạo bài bản không nhiều, trong những ngành này.*

*Ngoài chương trình đào tạo, đến với các cơ sở giáo dục của Xin-ga-po, người học còn được học tập trong một môi trường tự nhiên và xã hội trong sạch. Đất nước này có nền kinh tế, chính trị ổn đinh nên tuy rất nhỏ bé như đã trở thành trung tâm tài chính, thương mại nổi tiếng và quan trọng, có hải cảng sầm uất, là nước đứng thứ 3 trong số 45 nước trên thế giới có môi trường kinh doanh thuận lợi theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới và có tiêu chuẩn sống cao cấp, ổn định về ăn ở, đi lại, chăm sóc y tế, ô nhiễm môi trường. Trong các trường công, khu kí túc xá hiện đại dành cho sinh viên luôn được mở rộng với đầy đủ tiện nghi, ngoài ra còn có rất nhiều kí túc xá tư cho sinh viên lựa chọn. Với những ưu việt ấy nên Xin-ga-po là điểm đến của nhiều du học sinh từ các nước. Chỉ tính riêng trong năm 2006, đảo quốc này đã thu hút hơn 80.000 học sinh của 120 nước, tăng 46% so với năm 2003. Con số này sẽ lên 150.000 vào năm 2015. Để đạt mục tiêu ấy, Chính phủ Xin-ga-po sẽ tiếp tục đầu tư cho giáo dục để quốc gia này trở thành "Ngôi trường toàn cầu". Và vì thế, du học Xin-ga-po được coi là một lựa chọn đúng đắn.*

*(Vân Vũ, báo Hà Nội mới số 13832 ngày 21 - 8 - 2007)*

Trả lời:

-Sự lựa chọn Xin-ga-po làm điểm đến du học của học sinh, sinh viên Việt Nam nói riêng, sinh viên các nước khác nói chung.

-Cách thức xây dựng và quảng bá "thương hiệu" ở các trường đại học thuộc đảo quốc Xin-ga-po.

-Mục tiêu phấn đấu của nền đại học Xin-ga-po.

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

Tóm tắt văn bản nghị luận sau:

*“Con gái là con người ta”; “Đàn bà xây tổ ấm” ;” Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”– đó là những câu đúc kết xưa và đến nay vẫn còn nguyên giá trị với không ít gia đình Việt Nam. Hay nói cách khác, rất nhiều gia đình Việt xem đó nhưng là chuẩn mực văn hóa, chuẩn mực xã hội để điều chỉnh gia đình mình. Và cũng từ đây, không ít những câu chuyện đau lòng đã xảy ra.*

*Từ chối tiền mừng vì “con gái là con người ta” - đó là phong tục tại nhiều xóm chài ở Nghệ An. Theo thông tin từ báo chí, xóm Kim Liên, xã Diễn Kim, Nghệ An có gần 100% hộ gia đình duy trì phong tục này vì nhiều người cho rằng trước cha ông từng dạy, vì con gái khi đi lấy chồng là mất con, mất họ nên nhà gái không lấy quà mừng. Trong khi đó, con trai lấy vợ là được thêm người, thêm của nên nhà trai được phép lấy tiền mừng của mọi người.*

*Luật tục này tồn tại từ nhiều đời nay đã vô tình làm nhiều gia đình có con gái rơi vào tình trạng khó khăn hơn về kinh tế, cũng như khoét sâu thêm sự bất bình đẳng nam nữ tại các vùng quê. Ở một câu chuyện khác, một cô gái đi lấy chồng cô luôn bị chồng bạo hành, đánh đập, nhưng mẹ cô không cho phép trở về quê hương vì “con gái là con người ta”, dù cô đã nhiều lần cầu xin do không chịu nổi sự ngược đãi. Bản thân người mẹ của cô gái, lúc còn trẻ chồng mất sớm vì bệnh tật, cũng đã cầu xin cha mẹ mình cho về quê ngoại để kiếm sống nuôi con, nhưng tất cả những gì nhận được là cái lắc đầu bởi “con gái là con người ta, con gái gả đi lấy chồng là đi hẳn, quay về xóm làng dị nghị”.*( Theo Hồng Minh-http://baophapluat.vn/rubic-cuoc-song/chuan-muc-van-hoa-lac-hau-tiep-tay-cho-bao-luc-gia-dinh-310516.html)

**🕮5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Tóm tắt những văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 11**  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Hệ thống lại các bài nghị luận. Vận dụng kiến thức đã học để tóm tắt thành những đoạn văn ngắn.** |

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 118 – Làm văn**

**ÔN TẬP LÀM VĂN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được các khái niệm thao tác lập luận đã học;

2/ Thông hiểu: HS hiểu và nhận dạng được các thao tác lập luận trong văn bản;

3/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 200 chữ ) bày tỏ suy nghĩ về vấn đề xã hội hoặc văn học đặt ra từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về lí thuyết làm văn đã học để tạo lập văn bản nghị luận.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài nghị luận xã hội, nghị luận văn học;

2/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: sử dụng thao tác lập luận theo yêu cầu;

2/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản;

c/Hình thành nhân cách:

-Có ý thức tìm tòi về cách diễn đạt trong quá trình làm văn nghị luận.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các dạng bài làm văn trong chương trình ngữ văn 11;

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản nghị luận;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về cách làm bài văn nghị luận

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thao tác lập luận khi tạo lập văn bản;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Đoạn văn sau đây sử dụng thao tác lập luận gì?  *“Ai cũng biết Hàn Quốc phát triển kinh tế khá nhanh, vào loại “con rồng nhỏ” có quan hệ khá chặt chẽ với các nước phương Tây, một nền kinh tế thị trường nhộn nhịp, có quan hệ quốc tế rộng rãi. Khắp nơi đều có quảng cáo, nhưng không bao giờ quảng cáo thương mại được đặt ở những nơi công sở, hội trường lớn, danh lam thắng cảnh. Chữ nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh, nếu có thì viết nhỏ đặt dười chữ Triều Tiên to hơn ở phía trên. Đi đâu. nhìn đâu cũng thấy nổi bật những bảng hiệu chữ Triều Tiên. Trong khi đó thì ở một vài thành phố của ta nhìn vào đâu cũng thấy tiếng Anh, có bảng hiệu của các cơ sở của ta hẳn hoi mà chữ nước ngoài lại lớn hơn cả chữ Việt, có lúc ngỡ ngàng tưởng như mình lạc sang một nước khác”.*  (Chữ ta, bài Bản lĩnh Việt Nam của Hữu Thọ)  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thao tác lập luận so sánh: chữ nước ngoài với chữ ta  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Từ đầu chương trình Ngữ văn 11 đến nay, các em đã được học rất nhiều bài liên quan đế Làm văn. Đoạn văn sử dụng thao tác lập luận so sánh trên là một trong những nội dung của phần LV. Để có cái nhìn tổng thể về làm văn, chúng ta đi vào ôn tập, hệ thống hoá kiến thức cơ bản các bài đã học, đồng thời có cơ sở tích hợp với các phân môn khác để lĩnh hội và tạo lập văn bản trong làm văn. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Ôn tập về các thao tác lập luận**:  -GV(lần lượt gọi 4 em) Trong văn nghị luận có các thao tác nào ? Trình bày mục đích, yêu cầu và cách thức tiến hành của các thao tác đó ?cho vd ?  -HS dựa trên sự chuẩn bị soạn bài ở nhà để trả lời cá nhân về 4 thao tác đã học  -GV nhận xét-bổ sung và cho điểm.  HS thống kê, phân loại và hệ thống hoá các bài học phần Làm văn trong SGK Ngữ văn 11:  1. Phân tích lập dàn ý bài văn nghị luận.  2. Thao tác lập luận phân tích  3. Luyện tập thao tác lập luận phân tích  4. Thao tác lập luận so sánh  5. Luyện tập thao tác lập luận so sánh  6. Luyện tập kết hợp thao tác phân tích và so sánh  7. Bản tin  8. Luyện tập viết bản tin  9. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  10. Thao tác lập luận bác bỏ  11. Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ  12. Tiểu sử tóm tắt  13. Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt  14. Thao tác lập luận bình luận  15. Luyện tập vận dụng các thao tác lập luận.  Thống kê các thao tác làm văn   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung  Thao tác | Quan niệm | Yêu cầu và cách làm | | So sánh | So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng | Phải đặt đối tượng so sánh trong cùng một bình diện  Đánh giá trên cùng một tiêu chí  Nêu rõ quan điểm của người nói, viết | | Phân tích | Chia tách tháo gỡ một vấn đề ra thành những vấn đề nhỏ để chỉ ra bản chất của chúng | Phân tích để thấy được bản chất sự vật sự việc.  Phân tích phải đi liền với tổng hợp | | Bác bỏ | Dùng lí lẽ dẫn chứng để phê phán gạt bỏ những quan điểm và ý kiến sai lệch từ đó nêu ý kiến đúng thuyết phục người đọc người nghe. | Bác bỏ luận điểm hay luận cứ  Phân tích chỉ ra cái sai  Cần phải diễn đạt rành mạch, sáng sủa. | | Bình luận | Đề xuất ý kiến thuyết phục người đọc người nghe đồng tình với nhận xét đánh giá của mình về đời sống hoặc văn học. | Trình bày rõ ràng trung thực hiện tượng bàn luận  Có những lời bàn sâu rộng  Đề xuất được ý kiến đúng  Nêu được ý nghĩa tác dụng vấn đề | | Tóm tắt văn bản nghị luận | Tóm tắt văn bản nghị luận là trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản gốc theo một mục đích | Đọc kĩ văn bản gốc.  Lựa chọn ý chi tiết cho phù hợp với mục đích tóm tắt.  Tìm cách diễn đạt lại luận điểm. | | Viết tiểu sử tóm tắt | Là văn bản chính xác cụ thể về cuộc đời, sự nghiệp và quá trình sống của người được giới thiệu. | Nguồn gốc  Quá trình sống  Sự nghiệp  Những đóng góp | | **I/ Ôn tập về các thao tác lập luận**:  1.Thao tác lập luận phân tích  2.Thao tác lập luận so sánh  3.Thao tác lập luận bác bỏ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung  Thao tác | Quan niệm | Yêu cầu và cách làm | | So sánh | So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng | Phải đặt đối tượng so sánh trong cùng một bình diện  Đánh giá trên cùng một tiêu chí  Nêu rõ quan điểm của người nói, viết | | Phân tích | Chia tách tháo gỡ một vấn đề ra thành những vấn đề nhỏ để chỉ ra bản chất của chúng | Phân tích để thấy được bản chất sự vật sự việc.  Phân tích phải đi liền với tổng hợp | | Bác bỏ | Dùng lí lẽ dẫn chứng để phê phán gạt bỏ những quan điểm và ý kiến sai lệch từ đó nêu ý kiến đúng thuyết phục người đọc người nghe. | Bác bỏ luận điểm hay luận cứ  Phân tích chỉ ra cái sai  Cần phải diễn đạt rành mạch, sáng sủa. | | Bình luận | Đề xuất ý kiến thuyết phục người đọc người nghe đồng tình với nhận xét đánh giá của mình về đời sống hoặc văn học. | Trình bày rõ ràng trung thực hiện tượng bàn luận  Có những lời bàn sâu rộng  Đề xuất được ý kiến đúng  Nêu được ý nghĩa tác dụng vấn đề | |
| **\* Thao tác 1 :**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Mục II.1/ tr 124**  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  Phan Châu Trinh sử dụng:  + Thao tác lập luận bác bỏ  + Thao tác lập luận phân tích  + Thao tác lập luận bình luận  **Nhóm 2: Mục II.2/ tr 124**  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  Phân tích:  - Cơ sở nào đề xuất hiện câu “Thất bị là mẹ thành công”  + Trải qua thất bại.  + Biết rút ra bài học kinh nghiệm thực tế.  Bác bỏ:  + Sợ thất bại nên không dám làm gì  + Bi quan chán nản khi gặp thất bại  + Không biết rút ra bài học  Chứng minh …  **Nhóm 3: Mục II.3/ tr 124**  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  - Tác giả bác bỏ hạng người không biết sợ cái gì trên đời này. Đấy là quỷ chứ đâu phải là người. Loại người này rất hiếm thực ra không có.  - Tác giả làm xuất hiện loại người thứ hai “Loại người sau đây thì chắc không ít: sợ rất nhiều thứ … đồi bại nhất”. Tác giả đã bác bỏ. | ***II/ Luyện tập***  **1/ Các thao tác lập luận trong bài *Về luận lí xã hội ở nước ta:***  2/ Trình bày câu cách ngôn *Thất bại là mẹ thành công*  3. Tác dụng thao tác lập luận bác bỏ trong văn bản của Nguyễn Đăng Mạnh. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  ***Đọc kĩ đoạn văn sau, và trả lời các câu hỏi.***  *"Nhưng trong xã hội này, bẩn thỉu và bần tiện thì có lẽ không ai bằng Sở Khanh. Trong các nghề bất chính ngày xưa, có một cái nghề rất tồi tàn là nghề sống bám các thanh lâu, nghề làm chồng hờ của gái điếm. Nhưng trong cái bọn tồi tàn ấy cũng ít ai tồi tàn như Sở Khanh. Sở Khanh vờ làm nhà nho, làm hiệp khách và Sở Khanh vờ yêu để kiếm chác, để đánh lừa một người con gái. Người ấy lại là người vì hiếu thảo mà rơi vào chốn lầu xanh, lại là người đã tỏ ra rất tin, rất đội ơn Sở Khanh. Và Sở Khanh lừa người ta là để người ta bi đánh đập tơi bời, bị ném vào kiếp lầu xanh không cách gì cưỡng lại. Cho nên lúc Tú Bà đuổi tới nơi và Sở Khanh rẽ dây cương biến mất, tâm lí của bất kì ai, dầu hiền lành đến mấy, khi đọc tới đó là: giá có cách gì tóm được Sở Khanh thì cái việc đầu tiên là phải đánh cho một trân. Nhưng cái tàn nhẫn và vô liêm sỉ của Sở Khanh không phải chỉ có thế. Hắn còn đi xa hơn nữa. Sau đó, hắn còn dẫn mặt mo đến, mắng át Kiều và toan đánh Kiều nữa. Cái trò lừa bip và lừa bip xong là trở mặt này lại không phải là chuyện ngẫu nhiên, chuyện một lần. Theo Mã Kiều thì cái chuyện này hắn đã diễn ra không biết lần thứ mấy, hắn đã thành tay nổi tiếng bạc tình. Nhân vật Sở Khanh hoàn thành bức tranh về các nhà chứa. Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này". (Hoài Thanh)*  Câu hỏi:  1/Tìm luận điểm được thể hiện trong đoạn văn.  2/Để làm sáng tỏ luận điểm, tác giả đã phân tích thành những luận cứ nào?  3/Chỉ ra sự kết hợp một cách chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn văn.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Trả lời:  1/Luận điểm được thể hiện trong đoạn văn là: Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện cao nhất của sự đồi bại trong xã hội Truyện Kiều.  2/Các luận cứ:  -Sở Khanh sống bằng một cái nghề tồi tàn.  -Sở Khanh là kẻ tồi tàn nhất trong số những kẻ tồi tàn.  3/Sự kết hợp giữa phân tích và tổng hợp: Sau khi phân tích các biểu hiên cụ thể, sinh động về sự "tồi tàn" của Sở Khanh, tác giả khái quát thành một vấn đề mang tính bản chất của xã hội: "Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này". |

**🕮 4.VẬN DỤNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Lập dàn ý: Suy nghĩ của anh (chị) về phong cách thời trang của tuổi trẻ học đường hiện nay.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1.Dẫn dắt và nêu vấn đề (tâm lí tuổi trẻ, nhất là học sinh có hứng thú đặc biệt với cái đẹp, cái mới. Trong đó, thời trang học đường có nhĩrng xu hướng và biểu hiện đáng quan tâm và quan điểm, thái độ của bản thân đối với thời trang học đường).  2.Phác hoạ bức tranh chung về thời trang củaa tuốỉ trẻ học đường:  + Phần lớn học sinh đến trường ăn mặc theo khả năng kinh tế và hướng dẫn ủaa gia đình, nhà trưừng. Những bộ đồng phục học đường với áo sơ mi trắng hoặc áo dài trắng đã được lựa chọn và mức độ cảm mến của học sinh, phụ huynh và các thầy cò giáo đối với những trang phục này.  + Một bộ phận học sinh chú trương ăn mặc ấn tượng, gây chú ý với mọi ngirời bởi sự "sành điệu", hợp thời, làm nổi bật cá tính,... bắt chước cách ăn mặc của các siêu sao, của những người nổi tiếng.  + Một số bạn sửa lại bộ đồng phục theo kiểu dáng mà mình thích, mang những chiếc cặp sách, ba lô với đủ các màu sắc, kiểu dáng và những phụ kiện, kín đáo "theo thời",...  3.Suy nghĩ (nhận xét, đánh giá, lựa chọn,...) của bản thân về :  + Trang phục học sinh (đẹp. theo thời hay đơn giản, phù hợp với điều kiện kinh tế cúa phần đông các gia đình có con đang đi học) và nét đẹp văn hoá học đường (thể hiện nét đẹp trong sáng, hồn nhiên, phù hợp với lứa tuổi, vởi yêu cầu của việc học tập,...);  + Lứa tuổi học sinh và vấn đề thời trang (tâm lí ham thích cái mới, cái đẹp,...; khả năng tạo dựng hình ảnh cho bản thân bằng những trang phục làm toát lên vẻ đẹp trẻ trung, hợp với xu thế thời đại, năng động, cá tính,... của bản thân ; yêu cầu của việc học tập và những tác động không mong muốn mà thời trang có thể gây ra cho học sinh,...);  + Những quy định cần thiết về việc ăn mặc khi đến trirờng và sự lựa chọn của bạn chấp hành những quy định về trang phục khi đến trường.  4.Khẳng định lại quan điểm, thái độ của bản thân về vấn đề thời trang học đường. |

**🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.( 5 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | **Năng lực cần hình thành** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Cập nhật những ngữ liệu mang tính thời sự để lập dàn ý bày tỏ suy nghĩ về những vấn đề xã hội đặt ra từ văn bản đó.  -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **+ Vẽ đúng bản đồ tư duy**  **+ Tìm ngữ liệu qua sách, báo, chọn lựa ngữ liệu thông qua thông tin chính thống trên mạng. Lập dàn ý theo yêu cầu.** | Năng lực tự học. |

**Tiết 119-120 – Làm văn**

BÀI VIẾT SỐ 7

Thi theo đề chung của Sở

**Tiết 121 – Làm văn** TRẢ BÀI VIẾT SỐ 7

**Chữa bài viết số 7 theo đáp án của sở**